

PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
THERAVĀDA

NỀN TẢNG PHẬT GIÁO
(MŪLABUDDHASĀSANA)

QUYỂN I

TAM BẢO
(RATANATTAYA)

Tỳ khưu Hộ Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)

Nguồn <http://www.buddhanet.net>

Chuyển sang ebook 17-5-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tai Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Lời nói đầu

CHƯƠNG I (a)

ĐỨC PHẬT (BUDDHA)

ĐỨC PHẬT GOTAMA

Đức Bồ Tát Sumedha - Bậc đại trí

Nguyện ước của Đức Bồ Tát Sumedha

Thỉnh Đức Bồ Tát giảng thế

Đức Bồ Tát tái sinh làm người

Đức Bồ Tát đản sinh

32 Tướng tốt của Đức Bồ Tát kiếp chót

CHƯƠNG I (b)

32 TƯỚNG TỐT CỦA BẬC ĐẠI NHÂN

Nhận xét về nghiệp và quả của nghiệp

80 tướng tốt phụ của Đức Bồ Tát kiếp chót (ANUBYAÑJANA)

Đức Phật an hưởng pháp vị giải thoát Niết Bàn

CHUYỂN PHÁP LUÂN

CHƯƠNG I (c)

45 Hạ (vassa) của Đức Phật Gotama

NGHIỆP TIỀN KIẾP CỦA ĐỨC PHẬT GOTAMA

Đức Phật với đại cội bồ đề

Tượng Đức Phật (Buddharūpa)

BIỂU TƯỢNG CỦA PHẬT GIÁO
CHƯƠNG I (d)
ĐỨC PHÁP (DHAMMA)
CHUYÊN PHÁP LUÂN ĐẦU TIÊN
TAM BẢO TRỌN VẸN XUẤT HIỆN
Tam Tuệ Luân của mỗi Thánh Đế
KINH VÔ NGÃ TƯỚNG (ANATTALAKKHAṆA SUTTA)
CHÚNG SINH TRONG TAM GIỚI
PHÁP VÔ NGÃ (ANATTĀ)
CHƯƠNG I (e)
PHẬT GIÁO (BUDDHASĀSANA)
DUY TRÌ PHÁP HỌC PHẬT GIÁO
PHẬT GIÁO SUY ĐÒI (SĀSANA ANTARADHĀNA)
ĐỨC TĂNG SUY ĐÒI
CHƯƠNG II
TAM BẢO (RATANATTAYA)
TAM BẢO (RATANATTAYA)
ĐOẠN KẾT

-ooOoo-

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa
**Con đem hết lòng thành kính dẫn lễ Đức Thế Tôn, Đức A-ra-hán, Đức
Chánh Đẳng Giác**

Paṇṇāmagāthā

*Tilokekagaruṃ Buddhaṃ
Pāyādibhayahiṃsakaṃ
Āyuno pariyosānaṃ
Gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.*

*Ādimajjhantakalyāṇam
Buddhassa dhammamosadhaṃ
Nibbānapariyosānaṃ
Gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.*

Tassa sāvakaṃghaṇca

*Puññakkhettaṃ anuttaraṃ
Arahattapriyosānaṃ
Gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.*

*Buddhaṃ Dhammañca Saṃghaṃca
Abhivandiya sādaraṃ
Mūlabuddhasāsanā ti
Ayaṃ gantho mayā kato.*

*

Kệ lễ bái Tam Bảo

*Đức Thế Tôn cao thượng nhất tam giới
Dắt dẫn chúng sinh thoát khỏi họa tai,
Nguyện suốt đời con xin quy y Phật
Mong chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế.*

*Pháp của Ngài như linh dược nhiệm mầu
Hoàn hảo ở phần đầu giữa và cuối,
Nguyện suốt đời con, xin quy y Pháp
Mong được chứng ngộ Niết Bàn thoát khổ.*

*Tăng bậc Thánh Thanh Văn đệ tử Phật
Là phước điền cao thượng của chúng sinh,
Nguyện suốt đời con xin quy y Tăng.
Mong được chứng đắc Thánh A-ra-hán.*

*Đức Phật Đức Pháp Đức Tăng cao thượng
Con hết lòng thành kính lạy Tam Bảo
Rồi góp nhặt biên soạn tập sách nhỏ
Soạn phẩm này gọi “**Nền Tảng Phật giáo**”.*

-ooOoo-

Lời nói đầu

Nền Tảng Phật Giáo là một bộ sách có 7 quyển gồm 9 chương. Mỗi chương được khái quát như sau:

Chương thứ nhất: **Ba Ngôi Cao Cả** (*Tiyagga*)

- Đức Phật (*Buddha*)
- Đức Pháp (*Dhamma*)
- Đức Tăng (*Saṃgha*)

Chương thứ nhì: **Tam Bảo** (*Ratanattaya*)

- Đức Phật Bảo (*Buddharatana*)
- Đức Pháp Bảo (*Dhammaratana*)
- Đức Tăng Bảo (*Saṃgharatana*)

Chương thứ ba: **Ân đức Tam Bảo** (*Ratanattayaguṇa*)

- Ân đức Phật (*Buddhaguṇa*)
- Ân đức Pháp (*Dhammaguṇa*)
- Ân đức Tăng (*Saṃghaguṇa*)

Chương thứ tư: **Quy y Tam Bảo** (*Tisaraṇa*)

- Quy y Phật Bảo (*Buddhasaraṇa*)
- Quy y Pháp Bảo (*Dhammasaraṇa*)
- Quy y Tăng Bảo (*Saṃghasaraṇa*)

Chương thứ năm: **Giới hạnh** (*Sīlācāra*)

- Giới hạnh của người tại gia cư sĩ (*Gahaṭṭhasīla*)
- Giới hạnh của bậc xuất gia tu sĩ (*Pabbajitasīla*)

Chương thứ sáu: **Nghiệp - Quả của nghiệp** (*Kamma-kammaphala*)

- Bốn loại nghiệp (*Kammacattukka*)
- Bất thiện nghiệp (*Akusalakamma*)
- Quả bất thiện nghiệp (*Akusalavipāka*)
- Thiện nghiệp (*Kusalakamma*)
- Quả thiện nghiệp (*Kusalavipāka*)

Chương thứ bảy: **Phước thiện** (*Puñṇakusala*)

- 10 nhân sinh phước thiện (*Puñṇakiriyāvattu*)

Chương thứ tám: **Pháp hạnh ba-la-mật** (*Pāramī*)

10 pháp hạnh ba-la-mật (*Dasapāramī*)

Chương thứ chín: **Pháp hành** (*Bhāvanā*)

Pháp hành thiền định (*Samathabhāvanā*)

Pháp hành thiền tuệ (*Vipassanābhāvanā*)

Bộ **Nền Tảng Phật Giáo** gồm 9 chương, chia thành 7 quyển, mà mỗi quyển được đặt tên theo nội dung của từng chương:

*

"**Nền Tảng Phật Giáo, quyển I: Tam Bảo**" gồm có chương thứ nhất và chương thứ nhì.

Chương thứ nhất: Ba Ngôi Cao Cả (*Tiyagga*)

Đức Phật (*Buddha*)

Đức Pháp (*Dhamma*)

Đức Tăng (*Saṃgha*)

Đức Phật (*Buddha*) đó là Đức Phật *Gotama*.

Để trở thành **Đức Phật** *Gotama*, Đức Bồ Tát tiền kiếp của **Đức Phật** *Gotama* đã trải qua vô lượng kiếp để tạo cho đầy đủ 30 pháp hạnh ba-la-mật, thời gian lâu dài trải qua 3 thời kỳ:

- Thời kỳ phát nguyện trong tâm suốt 7 a-tăng-kỳ.
- Thời kỳ phát nguyện ra bằng lời nói suốt 9 a-tăng-kỳ.
- Thời kỳ được 24 Đức Phật thọ ký xác định thời gian còn lại Đức Bồ Tát chắc chắn sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là **Đức Phật** *Gotama* suốt 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất. Đến kiếp chót là Đức Bồ Tát *Siddhattha* trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, Ngài thuyết pháp tế độ chúng sinh suốt 45 năm, cho đến khi Ngài tịch diệt Niết Bàn.

Thực ra, chư Đức Bồ Tát đó là Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác, Đức Bồ Tát Độc Giác, Đức Bồ Tát Thanh Văn Giác, những tiền kiếp của quý Ngài là

một cuộc hành trình tử sinh luân hồi trên **con đường thẳng** theo thời gian để tạo những pháp hạnh ba-la-mật, thuộc pháp thiện có cứu cánh cuối cùng là Niết Bàn. Cho nên, từ kiếp này sang kiếp khác, tử rồi sinh, sinh rồi tử nối tiếp nhau, dù thay đổi về phần **sắc thân**, còn phần **tâm** vẫn có phận sự tích lũy ba-la-mật diễn tiến trên con đường thẳng đến mục đích cuối cùng, tùy theo sở nguyện của mỗi vị, như để trở thành **Đức Phật Chánh Đẳng Giác** hoặc **Đức Phật Độc Giác** hoặc **bậc Thánh Arahán Thanh Văn Giác**, sẽ tịch diệt Niết Bàn, giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài. Như vậy, chư Đức Bồ Tát dù trải qua vô số kiếp từ **vô thủy mà hữu chung** (không biết kiếp bắt đầu, mà có kiếp cuối cùng).

Các hạng chúng sinh khác không phải là Đức Bồ Tát, vô số kiếp của họ cũng là một cuộc hành trình trên **con đường vòng tròn** tử sinh luân hồi, cũng tạo nghiệp (thiện nghiệp hoặc ác nghiệp) mà không có mục đích cuối cùng; nghĩa là không có sở nguyện muốn trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác hoặc Đức Phật Độc Giác hoặc bậc Thánh Thanh Văn Giác. Bởi vì, không có mục đích cuối cùng, cho nên các chúng sinh ấy cứ luẩn quẩn trong vòng tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Như vậy, các hạng chúng sinh không phải là Đức Bồ Tát thì phải trải qua vô số kiếp từ **vô thủy đến vô chung** (không biết kiếp bắt đầu, cũng không có kiếp cuối cùng).

Đức Pháp (Dhamma) đó là những lời giáo huấn của Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Gồm có 10 chánh pháp:

- Pháp học
- 9 pháp Siêu tam giới (4 Thánh Đạo + 4 Thánh quả + 1 Niết Bàn)

Hoặc nói cách khác, Phật giáo có 3 pháp:

- Pháp học Phật giáo (*Pariyattisāsana*).
- Pháp hành Phật giáo (*Paṭipattisāsana*)
- Pháp thành Phật giáo (*Paṭivedhasāsana*)

Trong Phật giáo, người Phật tử là bậc xuất gia tu sĩ hoặc hàng tại gia cư sĩ cần phải cố gắng tinh tấn theo học **pháp học Phật giáo**, rồi theo hành **pháp hành Phật giáo** sẽ dẫn đến kết quả chứng đắc **pháp thành Phật giáo** đó là chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt mọi

phiền não, mọi tham ái trở thành bậc Thánh Arahán cao thượng nhất. Trí tuệ biết rõ kiếp này là kiếp chót, sau khi chết chính là lúc tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt mọi cảnh khổ tử sinh luân hồi trong tam giới.

Trong đời, một người dù cố gắng tinh tấn theo học và hành một bộ môn nào, cũng khó có thể nói đã học và hành rốt ráo xong bộ môn ấy. Ví như một sinh viên đã tốt nghiệp Đại học, có bằng cấp, học vị rất cao; nhưng điều đó không có nghĩa là sinh viên ấy học và hành xong rồi, không còn phải học và hành nữa. Thật ra, sau khi tốt nghiệp ra trường sinh viên ấy cần phải học và hành nhiều hơn nữa. Bởi vì, các môn học trong đời hoàn toàn không đạt đến “**chân lý**” và “**mục đích**” cuối cùng. Do đó, thành ngữ xưa có câu: “**Càng học, càng thấy đót**”.

Hơn nữa, trong đời không có môn học nào dẫn đến sự diệt đoạn tuyệt được tham ái, phiền não, nhưng ngược lại, các môn ấy có thể là nhân duyên làm phát sinh thêm phiền não, tham ái; mà tham ái là nhân sinh khổ. Nếu tham ái càng nhiều, thì khổ càng nhiều. Vì vậy, các môn học và hành trong đời sẽ không dẫn đến giải thoát khổ tử sinh, mà chỉ có kéo dài sự tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài mà thôi.

Đức Tăng (Saṃgha) đó là chư Thánh Tăng Thanh Văn đệ tử của Đức Phật. Gồm có 4 đôi: Thánh Đạo - Thánh Quả tương xứng, thành 8 bậc Thánh.

4 đôi: Thánh Đạo - Thánh Quả tương xứng.

Nhập Lưu Thánh Đạo → Nhập Lưu Thánh Quả
Nhất Lai Thánh Đạo → Nhất Lai Thánh Quả
Bất Lai Thánh Đạo → Bất Lai Thánh Quả
Arahán Thánh Đạo → Arahán Thánh Quả.

8 Bậc Thánh: 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả.

Nhập Lưu Thánh Đạo
Nhất Lai Thánh Đạo
Bất Lai Thánh Đạo
Arahán Thánh Đạo
Nhập Lưu Thánh Quả
Nhất Lai Thánh Quả
Bất Lai Thánh Quả
Arahán Thánh Quả

Tám bậc Thánh chia làm hai hạng:

Bậc Thánh hữu học (*Sekkhā*) gồm có 7 bậc Thánh từ bậc Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả cho đến Arahán Thánh Đạo là các bậc Thánh cần phải học và hành **giới-định-tuệ**.

Bậc Thánh vô học (*Asekkhā*) đó là bậc Arahán Thánh Quả, bậc Thánh Arahán cao thượng nhất không còn học và hành **giới-định-tuệ** nữa; đã hoàn thành xong mọi phận sự Tứ Thánh Đế lần cuối cùng, đã thành tựu xong phạm hạnh cao thượng. Bậc Thánh Arahán ngay trong kiếp hiện tại, đến khi hết tuổi thọ đồng thời tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt mọi cảnh khổ tử sinh luân hồi trong tam giới.

Trong đời, các hàng đệ tử hoặc các học trò của các vị thầy khác trong các trường học trong đời, ví như những sinh viên đã tốt nghiệp Đại học, với học vị rất cao, khi ra trường, làm việc đúng theo sở học của họ, để giúp đời và nuôi mạng trong kiếp hiện tại này.

Chương thứ nhì: Tam Bảo (*Ratanattaya*)

Đức Phật Bảo (*Buddharatana*)

Đức Pháp Bảo (*Dhammaratana*)

Đức Tăng Bảo (*Saṃgharatana*)

Đức Phật gọi là Đức Phật Bảo, Đức Pháp gọi là Đức Pháp Bảo, Đức Tăng gọi là Đức Tăng Bảo; bởi vì mỗi ngôi có 5 đặc tính quý báu và cao thượng, mà các thứ báu vật trong cõi người, cõi Long vương, các cõi chư thiên, phạm thiên không thể sánh với Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, Tam Bảo được. Cho nên những người nào đã từng tạo phước duyên nơi Đức Phật hoặc Bậc Thanh Văn đệ tử của Đức Phật trong thời quá khứ, thì nay kiếp hiện tại này, những người ấy mới có duyên lành được gần gũi thân cận với Đức Phật hoặc Bậc Thanh Văn đệ tử của Đức Phật. Họ phát sinh đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, được thọ phép quy y Tam Bảo, nương nhờ nơi Đức Phật Bảo, nơi Đức Pháp Bảo, nơi Đức Tăng Bảo. Như vậy, họ có Tam Bảo ở trong tâm của họ, có thiện tâm an lạc, đức tin càng tăng trưởng, mọi thiện pháp cũng càng tăng trưởng từ đức giới thiện pháp, sắc giới thiện pháp, vô sắc giới thiện pháp đem lại sự an lạc cả trong kiếp hiện tại lẫn nhiều kiếp trong vị lai.

Nếu những người ấy có đầy đủ pháp hạnh ba-la-mật, thì ngay trong kiếp hiện tại, những người ấy có khả năng tiến hành thiên tuệ, dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn,

diệt đoạn tuyệt mọi phiền não, mọi tham ái, mọi ác pháp trở thành bậc Thánh Arahán cao thượng. Có vị là bậc Thánh Thanh Văn đệ tử hạng thường, có vị là bậc Thánh Đại Thanh Văn đệ tử, có vị là bậc Thánh Tối Thượng Thanh Văn đệ tử. Mỗi vị Thánh Thanh Văn được thành tựu do sở nguyện của mình từ trong kiếp quá khứ. Ngay kiếp hiện tại, bậc Thánh Arahán sẽ tịch diệt Niết Bàn, đồng thời chấm dứt mọi cảnh khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Những người giàu sang phú quý trong đời, dù họ thường trang điểm kim cương, hạt xoàn, ngọc *mani*... các thứ báu vật ấy làm nhân phát sinh tâm hoan hỷ. Tất cả báu vật quý giá ấy chỉ có thể đem lại sự lợi ích, sự an lạc trong kiếp hiện tại này mà thôi, chứ không thể đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc cho những kiếp vị lai.

*** Nội dung diễn tiến của mỗi ngôi cao cả từ khi bắt đầu cho đến cuối cùng**

Đức Phật *Gotama*: Tiên kiếp của Đức Phật *Gotama* là Đức Bồ Tát, từ khi bắt đầu có ý nguyện muốn trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, Ngài đã tạo 30 pháp hạnh ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn trải qua 3 thời kỳ:

1) Thời kỳ đầu: Đức Bồ Tát đã phát nguyện ở trong tâm, có ý nguyện muốn trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác. Ngài đã tạo các pháp hạnh ba-la-mật suốt thời gian 7 a-tăng-kỳ kiếp trái đất.

2) Thời kỳ giữa: Đức Bồ Tát đã có đủ năng lực ba-la-mật, nên đã phát nguyện ra bằng lời nói, để cho mọi chúng sinh biết ý nguyện của Ngài muốn trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác. Ngài đã tạo các pháp hạnh ba-la-mật suốt thời gian 9 a-tăng-kỳ kiếp trái đất.

3) Thời kỳ cuối: Đức Bồ Tát là Đạo sĩ *Sumedha* được Đức Phật *Dīpañkara* lần đầu tiên thọ ký xác định thời gian còn lại là 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất nữa, Ngài chắc chắn sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác có danh hiệu là Đức Phật *Gotama*. Từ đó, Ngài trở thành Đức Bồ Tát cố định (*niyata bodhisatta*) bất thoái, cố gắng tinh tấn không ngừng bồi bổ cho đầy đủ 30 pháp hạnh ba-la-mật, để trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác. Trong suốt thời gian 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất, hễ một khi có Đức Phật nào xuất hiện trên thế gian, thì Đức Bồ Tát tiên kiếp của Đức Phật *Gotama* đều đến hầu Đức Phật Chánh Đẳng Giác ấy, và được Đức Phật ấy

thọ ký xác định thời gian còn lại sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác có danh hiệu Đức Phật *Gotama*.

Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* đã được 24 Đức Phật Chánh Đẳng Giác thọ ký. Đức Phật *Kassapa* là Đức Phật cuối cùng thọ ký xác định thời gian, trong thời vị lai, ngay trong kiếp trái đất gọi là *Bhaddakappa* này, Đức Bồ Tát chắc chắn sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác có danh hiệu là Đức Phật *Gotama*.

Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* tiếp tục bồi bổ cho đầy đủ trọn vẹn 30 pháp hạnh ba-la-mật, cho đến kiếp chót là Đức Bồ Tát Thái tử *Siddhattha*.

Thái tử lên ngôi Vua năm 16 tuổi ngự tại kinh thành *Kapilavatthu* suốt 13 năm. Đức vua từ bỏ kinh thành ngự đi xuất gia năm 29 tuổi, Ngài đã hành pháp hành khổ hạnh suốt 6 năm ròng rã. Bỏ pháp hành khổ hạnh, Ngài tiến hành thiền định, và tiến hành thiền tuệ dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt mọi phiền não trầm luân, mọi tham ái, mọi ác pháp; đặc biệt diệt được mọi tiền khiên tật đã tích lũy từ nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ. Ngài đã tự mình trở thành bậc Thánh Arahán đầu tiên trong toàn thế giới chúng sinh, gọi là Đức Phật Chánh Đẳng Giác có danh hiệu Đức Phật *Gotama*, đúng như Chư Phật quá khứ đã thọ ký. Lúc ấy, Ngài tròn 35 tuổi. Đức Phật *Gotama* thuyết pháp tế độ chúng sinh suốt 45 hạ (năm) cho đến lúc Ngài tịch diệt Niết Bàn, năm tròn 80 tuổi.

Đó là diễn tiến cuộc hành trình trải qua vô số kiếp của Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama*, từ khi bắt đầu cho đến lúc Ngài tịch diệt Niết Bàn.

Đức Pháp: Phật ngôn đầu tiên của Đức Phật *Gotama* bắt đầu từ hai câu kệ mà Ngài tự thuyết ở trong tâm tại Đại cội Bồ đề, nơi Ngài chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác có danh hiệu là Đức Phật *Gotama*, vào đêm rằm tháng tư (âm lịch).

“*Anekajātiṣaṃsāraṃ...*

Taṇhānaṃ khayamajjhagā” [1]

Vào chiều rằm tháng sáu (âm lịch) Đức Phật thuyết bài kinh Chuyển Pháp Luân (*Dhammacakkappavattanasutta*) lần đầu tiên, để tế độ nhóm 5 Tỷ khuru là Ngài *Koṇḍañña*, Ngài *Vappa*, Ngài *Bhaddiya*, Ngài *Mahānāma* và

Ngài *Assaji* tại khu rừng phóng sinh nai gọi là *Isipatana*. Trong nhóm 5 Tỳ khuru sau khi lắng nghe bài kinh ấy, chỉ có một mình Ngài *Koṇḍañña* chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt được phiền não tà kiến và hoài nghi, trở thành bậc Thánh Nhập Lưu đầu tiên trong giáo pháp của Đức Phật *Gotama*. Tiếp theo mỗi ngày một vị chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu, đến ngày 19 tháng 6 cả nhóm 5 Tỳ khuru đều chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu. Ngày 20 tháng 6 (âm lịch) Đức Phật thuyết bài kinh Vô Ngã Tướng (*Anattalakkhaṇasutta*) tế độ nhóm 5 Tỳ khuru này. Sau khi lắng nghe bài kinh xong, cả nhóm 5 Tỳ khuru đều chứng đắc thành bậc Thánh Arahán, trở thành Chư Thánh Thanh Văn đệ tử đầu tiên của Đức Phật *Gotama*.

Từ đó về sau, suốt 45 hạ (năm) Đức Phật cùng Chư Thanh Văn đệ tử của Ngài thuyết pháp tế độ chúng sinh gần xa trong cõi người, các cõi trời dục giới, các cõi trời sắc giới. Những chúng sinh ấy gồm có nhân loại, chư thiên, phạm thiên... đã chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn tùy theo năng lực ba-la-mật của mỗi chúng sinh.

Giáo pháp của Đức Phật gồm có 3 phần chính:

- Pháp học Phật giáo (*Pariyattisāsana*)
- Pháp hành Phật giáo (*Paṭṭipattisāsana*)
- Pháp thành Phật giáo (*Paṭivedhasāsana*)

Trong ba pháp chính này, pháp học Phật giáo là nền tảng căn bản được gom thành Tam Tạng, hoặc Ngũ Bộ, hoặc Cửu Chi, hoặc 84.000 pháp môn.

Tuy Đức Phật đã tịch diệt Niết Bàn cách đây 2.548 năm rồi, song vẫn còn lại 84.000 pháp môn, như là vị Tôn sư tồn tại trên thế gian, theo giáo huấn, dạy dỗ các hàng Thanh Văn đệ tử.

Phật giáo được giữ gìn duy trì bằng trí tuệ ba-la-mật của các hàng Thanh Văn đệ tử. Về sau, theo thời gian, trí tuệ ba-la-mật của các hàng Thanh Văn đệ tử càng ngày càng kém dần; do đó, Phật giáo càng ngày càng bị mai một, bị suy đồi theo thời gian.

Bắt đầu pháp thành Phật giáo bị mai một, bị suy đồi dần dần; bởi do pháp hành Phật giáo bị mai một, bị suy đồi. Pháp hành Phật giáo bị mai một, bị suy đồi dần dần; bởi do pháp học Phật giáo bị mai một, bị suy đồi.

Pháp học Phật giáo bị mai một, bị suy đồi dần dần theo thời gian tuổi thọ của Phật giáo là 5.000 năm. Đến khi các hàng Thanh Văn đệ tử không còn ai ghi nhớ được một câu kệ của Đức Phật. Pháp học Phật giáo, pháp hành Phật giáo, pháp thành Phật giáo bị mai một, bị suy đồi. Khi ấy, Phật giáo hoàn toàn bị mai một, bị suy đồi.

Đức Pháp diễn tiến theo thời gian được phát triển, rồi cũng diễn tiến theo thời gian bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn trong cõi người này.

Đức Tăng: Đức Tăng xuất hiện trên thế gian này sau Đức Phật và Đức Pháp. Sau khi Đức Phật thuyết bài kinh Chuyển Pháp Luân (*Dhammacakkappavattanasutta*) để tế độ nhóm 5 Tỷ khuru là Ngài *Koṇḍañña*, Ngài *Vappa*, Ngài *Bhaddiya*, Ngài *Mahānāma* và Ngài *Assaji*. Trong nhóm 5 Tỷ khuru chỉ có một mình Ngài *Koṇḍañña* chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt được phiền não tà kiến và hoài nghi, trở thành bậc Thánh Nhập Lưu đầu tiên trong giáo pháp của Đức Phật *Gotama*. Ngài Đại đức *Koṇḍañña* kính xin Đức Phật cho phép xuất gia trở thành Sadi - Tỷ khuru. Quán xét về phước thiện và ý nguyện của Ngài Đại đức *Koṇḍañña* xong, rồi Đức Phật cho phép Ngài Đại đức *Koṇḍañña* thọ Tỷ khuru theo cách gọi “*Ehi Bhikkhu!*” rằng:

“*Ehi Bhikkhu! Svākkhāto dhammo cara brahmacariyaṃ sammā dukkhassa antakiriyaṃ*”.

Sau khi Đức Phật vừa dứt lời, Ngài Đại đức *Koṇḍañña* trở thành Tỷ khuru có đầy đủ 8 thứ vật dụng của Tỷ khuru phát sinh do phước thiện (thần thông), có tăng tướng trang nghiêm như một vị Tỷ khuru có 60 hạ.

Ngài Đại đức *Koṇḍañña* là vị Tỷ khuru đầu tiên trong giáo pháp của Đức Phật *Gotama*; đồng thời, ngay khi ấy, lần đầu tiên **Tam Bảo:** Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo đầy đủ trọn vẹn cũng xuất hiện trên thế gian, vào ngày rằm tháng sáu (âm lịch).

Đức Phật cùng nhóm 5 Tỷ khuru an cư nhập hạ đầu tiên tại khu rừng phóng sinh nai gọi là *Isipatana* trong xứ *Bārāṇasī*. Mỗi ngày tiếp theo, tuần tự Ngài *Vappa*, Ngài *Bhaddiya*, Ngài *Mahānāma*, Ngài *Assaji* chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu và cũng được Đức Phật cho phép thọ Tỷ khuru bằng cách gọi “*Ehi Bhikkhu!*”.

Đến ngày 20 tháng 6, Đức Phật thuyết bài kinh Vô Ngã Tướng (*Anattalakkhaṇasutta*) tế độ nhóm 5 Tỳ khuru, quý Ngài đều chứng đắc thành bậc Thánh Arahán. Như vậy, Đức Phật đã có 5 vị Thánh Arahán Thanh Văn đệ tử của Ngài trong thế gian.

Đức Phật còn thuyết pháp tế độ công tử *Yasa*, công tử chứng đắc thành bậc Thánh Arahán và được Đức Phật cho phép thọ Tỳ khuru bằng cách gọi “*Ehi Bhikkhu!*”...

Nhóm 54 người bạn thân xưa của Ngài Đại đức *Yasa*, nghe tin Ngài Đại đức *Yasa* đã trở thành Tỳ khuru trong giáo pháp của Đức Phật *Gotama*; tất cả đều đến hầu đánh lễ Đức Phật, lắng nghe Đức Phật thuyết pháp, tất cả đều chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu, và được Đức Phật cho phép thọ Tỳ khuru bằng cách gọi “*Ehi Bhikkhu!*”. Sau khi trở thành Tỳ khuru không lâu, tất cả 54 vị đều chứng đắc thành bậc Thánh Arahán.

Trong mùa hạ đầu tiên này, Đức Phật đã có 60 vị Thánh Arahán Thanh Văn đệ tử của Ngài. Sau khi mãn 3 tháng hạ, Đức Phật truyền dạy 60 vị Thánh Arahán, mỗi vị một con đường (2 vị không nên đi chung cùng một con đường) du hành khắp mọi nơi thuyết pháp tế độ chúng sinh.

Từ đó về sau, càng ngày càng có đông người xuất gia trở thành Tỳ khuru trong giáo pháp của Đức Phật, thậm chí có số đông tu sĩ phái Bàlamôn, phái ngoại đạo cũng theo xuất gia trở thành Tỳ khuru Phật giáo.

Đức Phật cùng chư Tỳ khuru Tăng du hành khắp mọi nơi thuyết pháp tế độ chúng sinh có duyên lành nên tế độ. Ngày đêm suốt 45 hạ, Đức Phật có sự tinh tấn không ngừng làm 5 phận sự để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc cho tất cả chúng sinh, cho đến lúc Ngài tịch diệt Niết Bàn tại khu rừng *Kusinārā*, vào ngày rằm tháng tư (âm lịch), năm Ngài tròn đúng 80 tuổi.

Sau khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn rồi, chư Tỳ khuru Tăng vẫn tiếp tục đi du hành khắp mọi nơi để thuyết pháp tế độ chúng sinh.

Vào thời kỳ Đức vua *Asoka* lên ngôi khoảng 218 năm sau khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn; Đức vua là một Đấng Minh Quân trị vì cõi Nam Thiên Bộ Châu, Người là một cận sự nam có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, có nhiệt tâm hết lòng phụng sự Tam Bảo. Đức vua đã truyền lệnh xây cất 84.000 ngôi chùa tháp trên khắp cõi Nam Thiên Bộ Châu, để cúng dường Đức Phật Bảo, Đức Pháp Bảo và Đức Tăng Bảo. Thời kỳ ấy, Phật giáo được phát triển mạnh, số chư Tỳ khuru Tăng, chư Tỳ khuru ni rất đông.

Đức vua *Asoka* không chỉ là một **đại thí chủ** (*mahādāyaka*) chưa từng có từ trước đến nay, mà còn là một **thân quyến kế thừa** của Phật giáo (*dāyāko sāsanassa*) nữa, bởi vì, Đức vua đã cho phép **Thái tử Mahinda** và **Công chúa Saṃghamittā** xuất gia trở thành Tỳ khuru, Tỳ khuru ni trong Phật giáo.

Đức vua *Asoka* không những hộ độ chư Tỳ khuru Tăng để quý Ngài phát triển Phật giáo trong nước, mà còn hộ độ quý Ngài truyền bá Phật giáo sang các nước lân cận.

Phật lịch năm 236 (sau Đức Phật tịch diệt Niết Bàn) Đức vua *Asoka* hộ độ phái đoàn do Ngài Đại đức *Mahindatthera* [2] làm trưởng đoàn cùng với 4 vị Đại đức khác đi sang đảo quốc Srilankà để truyền bá Phật giáo. Và một phái đoàn khác do Ngài Đại đức *Sonatthera* và Ngài Đại đức *Uttaratthera* đi sang vùng *Suvaṇṇabhūmi*: Vùng đất vàng, nay là nước Indonesia, nước Myanmar, nước Thái Lan, nước Lào, nước Campuchia... để truyền bá Phật giáo.

Đức vua *Asoka* cũng gửi một phái đoàn Tỳ khuru ni do Ngài Đại đức Tỳ khuru ni *Saṃghamittā* [3] làm trưởng đoàn đi sang đảo quốc *Srilankā*, để làm lễ xuất gia thọ Tỳ khuru ni cho các cận sự nữ trên đảo quốc này. Từ đó, chư Tỳ khuru ni Tăng cũng được phát triển cho đến sau thời kỳ kết tập Tam Tạng và Chú giải *Pāḷi* lần thứ tư tại đảo quốc Srilankà. Theo sử liệu, thời gian sau 500 năm sau khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn, thì không còn Tỳ khuru ni nữa.

Như vậy, chư Tỳ khuru ni Tăng đã bị mai một trước, chỉ còn lại chư Tỳ khuru Tăng tồn tại trên các nước Phật giáo Nguyên thủy (*Theravāda*) cho đến thời hiện tại này.

Ngày nay, Phật giáo được truyền bá rộng đến nhiều nước trên thế giới. Chư Tỳ khuru Tăng vẫn còn giữ gìn duy trì theo truyền thống từ thời kỳ Đức Phật. Nhưng trong thời vị lai, trải qua thời gian lâu dài về sau, chư Tỳ khuru sẽ mất dần tăng tướng, thậm chí đến nỗi chỉ còn một mảnh y nhỏ quấn trên cổ, hoặc cột ở cổ tay, vẫn còn tên gọi “Tỳ khuru: *Bhikkhu*” mà không hiểu rõ lời giáo huấn của Đức Phật, không hành giới mà hành ác pháp, làm ăn nuôi mạng. Cuối cùng những vị Tỳ khuru này nghĩ rằng: “Lợi ích gì mảnh y nhỏ này!”, những vị Tỳ khuru ấy vứt bỏ mảnh y nhỏ, cũng đồng thời chư Tỳ khuru bị mai một hoàn toàn trên cõi thế gian này.

Đức Tăng diễn tiến theo thời gian được phát triển, rồi cũng diễn tiến theo thời gian bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn. Phật giáo cũng bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn trong cõi người này.

*

Trong quyển sách “**Tam Bảo**” này, bản sư đã cố gắng hết sức mình để sưu tầm, góp nhặt những tài liệu có liên quan đến Tam Bảo, từ Tam Tạng *Pāṭi* và các Chú giải *Pāṭi* chỉ được bấy nhiêu thôi! Tuy bản sư cố gắng hết mình giảng giải để giúp cho độc giả tìm hiểu rõ về **Tam Bảo**, song vì khả năng có hạn, nên chắc chắn không tránh khỏi những điều sơ sót, thậm chí còn có chỗ sai ngoài khả năng hiểu biết của bản sư.

Đề lần sau tái bản được hoàn thiện hơn, kính mong chư bậc thiện trí từ bi chỉ giáo, góp ý chân tình. Kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là của chung, mà mỗi người trong chúng ta, ai cũng có bổn phận đóng góp xây dựng, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hóa, sự an lạc cho phần đông chúng ta. Bản sư kính cần đón nhận những lời đóng góp phê bình xây dựng ấy của chư bậc thiện trí, và kính xin quý Ngài ghi nhận nơi đây lòng chân thành biết ơn sâu sắc của bản sư.

Quyển sách “**Tam Bảo**” này được hoàn thành do nhờ có nhiều người giúp sức như: Đệ tử *Sīlācāra* (Giới Hạnh), cô *Dhammanandā* đã tận tình đánh máy vi tính, dàn trang, làm thành quyển; các thí chủ trong nước và ngoài nước có đức tin trong sạch lo ấn hành là: Pháp đệ Bửu Đức cùng nhóm Phật tử chùa Hương Đạo (Hoa Kỳ), gia đình anh Đinh Vạn Xuân cùng nhóm Phật tử ở Úc, các nhóm Phật tử ở Mỹ, Pháp, Thụy Sĩ, Canada, Úc... gia đình anh Hoàng Quang Chung... và đã được Nhà Xuất Bản Tôn Giáo cho phép ấn hành. Bản sư vô cùng hoan hỷ và biết ơn tất cả quý vị.

*

Nhân dịp này, con là *Dhammarakkhita Bhikkhu* (Tỳ khuru Hộ Pháp) thành kính dâng phần pháp thí thanh cao này đến Ngài Cố *Vaṇsarakkhitamahāthera* (Cố Đại Trưởng Lão Hộ Tông) là sư phụ của con, đồng thời đến Ngài Cố Đại Trưởng Lão Thiện Luật, Ngài Cố Đại Trưởng Lão Bửu Chơn, Ngài Cố Đại Trưởng Lão Giới Nghiêm, Ngài Cố Trưởng Lão Hộ Giác (chùa Từ Quang) cùng chư Đại Trưởng Lão, Đại đức khác đã dày công đem Phật giáo Nguyên thủy (*Theravāda*) về truyền bá trên quê hương Việt Nam thân yêu, và xin kính dâng đến chư Đại Trưởng Lão ở nước

Thái Lan, nước Myanmar (Miến Điện), đã có công dạy dỗ con về pháp học và pháp hành.

Con kính mong quý Ngài hoan hỷ.

Ida□ no ñātina□ hotu, sukhitā hontu ñātayo.

Phước thiện pháp thí thanh cao này, xin hồi hướng đến tất cả thân quyến của chúng con, từ kiếp hiện tại cho đến vô lượng kiếp trong quá khứ, cầu mong quý vị hoan hỷ thọ nhận phần phước thiện này để thoát khỏi cảnh khổ, được an lạc lâu dài.

*Ima□ puññābhāga□ mātāpitu-ācariya-ñāti-mittānañceva
sesasabbasattānañca dema, sabbepi te puññapatti□ laddhāna sukhitā hontu.*

Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phước đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, thân quyến, bạn hữu cùng tất cả chúng sinh từ cõi địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sinh, nhân loại, chư thiên trong các cõi trời dục giới, chư phạm thiên trong các cõi trời sắc giới,... tất cả quý vị hoan hỷ thọ nhận phần phước thiện pháp thí thanh cao này, cầu mong quý vị thoát mọi sự khổ, được an lạc lâu dài.

Ida□ me dhammadāna□ āsavakkhayāvaha□ hotu.

Phước thiện pháp thí thanh cao này của mỗi người chúng con, xin làm duyên lành dẫn dắt mỗi người chúng con đến chứng đắc Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt mọi phiền não trầm luân, giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Nếu mỗi người trong chúng con chưa diệt đoạn tuyệt được mọi phiền não trầm luân, chưa giải thoát khổ sinh, vẫn còn tiếp tục tử sinh luân hồi, thì do năng lực phước thiện pháp thí thanh cao này ngăn cản mọi ác nghiệp không có cơ hội cho quả tái sinh trong 4 cõi ác giới: Địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sinh; và cũng do năng lực phước thiện này chỉ hỗ trợ thiện nghiệp cho quả tái sinh trong cõi thiện giới: cõi người, các cõi trời dục giới... mà thôi. Được sinh kiếp nào, mỗi người trong chúng con cũng là người có chánh kiến, có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có duyên lành được gần gũi thân cận với bậc thiện trí, lắng nghe chánh pháp của bậc thiện trí, có đức tin trong sạch nơi bậc thiện trí, cố gắng tinh tấn hành theo lời giáo huấn của bậc thiện trí, không ngừng tạo mọi pháp hạnh ba-la-mật cho sớm được đầy đủ trọn vẹn, để mong sớm chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng

đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, mong diệt đoạn tuyệt mọi phiền não trầm luân, trở thành bậc Thánh Arahán.

Trong vòng tử sinh luân hồi, mỗi khi chúng con được nghe tin lành Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng ngự nơi nào, dù gần dù xa, chúng con liền phát sinh tâm hỷ lạc, có đức tin trong sạch nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng; quyết tâm tìm đến nơi ấy, để hầu đánh lễ Đức Thế Tôn, hoặc chư Thánh Thanh Văn đệ tử của Ngài, lắng nghe chánh pháp, cố gắng tinh tấn hành theo chánh pháp của Ngài, để mong chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt mọi phiền não, mọi tham ái, mọi ác pháp, trở thành bậc Thánh Arahán sẽ tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Nay chúng con hết lòng thành kính thọ **phép quy y Tam Bảo**: Quy y Đức Phật Bảo, quy y Đức Pháp Bảo, quy y Đức Tăng Bảo, và thành tâm hộ trì Tam Bảo cho đến trọn đời, trọn kiếp. Do nhờ năng lực phước thiện thanh cao này, cầu mong cho mỗi người chúng con luôn luôn có được duyên lành sâu sắc trong Phật giáo.

Do nhờ năng lực phước thiện pháp thí thanh cao này hỗ trợ, nhắc nhở cho mỗi người chúng con, khi thành tựu quả báu ở cõi người (*manussasampatti*) như thế nào, cũng không đắm say trong cõi người; hoặc khi thành tựu quả báu ở cõi trời (*devasampatti*) hưởng được an lạc như thế nào, cũng không đắm say trong cõi trời. Bởi vì mục đích cứu cánh cao cả của mỗi chúng con là cầu mong sớm thành tựu quả báu chứng ngộ Niết Bàn (*Nibbānasampatti*), giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

*Icchita□ patthita□ amha□
Khippameva samijjhatu.*

*Điều mong ước, ý nguyện của chúng con
Cầu mong sớm được thành tựu như ý.*

**Tỳ khuru Hộ Pháp
Thiền viện Viên Không
Xã Tóc Tiên, Huyện Tân Thành
Bà Rịa-Vũng Tàu
Mùa an cư nhập hạ Pl: 2548/2004**

* **Chú ý:** Cách đọc chữ Pā□i trong phần Phụ lục

[1] *Dhammapadagāthā* câu kệ số 153-154.

[2] Ngài vốn là Thái tử của Đức vua *Asoka*, nay Ngài là Bậc Thánh Arahán.

[3] Ngài vốn là Công chúa của Đức vua *Asoka*, nay là bậc Thánh nữ Arahán.

-ooOoo-

CHƯƠNG I (a)

BA NGÔI CAO CẢ (TIYAGGA)

Đạo Phật có ba ngôi cao cả đó là:

Đức Phật (*Buddha*)

Đức Pháp (*Dhamma*)

Đức Tăng (*Saṅgha*)

Đức Phật (*Buddha*) là Bậc tự chính mình chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn trở thành bậc Thánh Arahán đầu tiên trên toàn cõi thế giới chúng sinh, nên có danh hiệu *Đức Phật Chánh Đẳng Giác* (*Sammā-sambuddha*) độc nhất vô nhị; rồi Ngài thuyết pháp giáo huấn chúng sinh có duyên lành nên tế độ, cũng chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế y theo Ngài, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn tùy theo năng lực ba-la-mật của mỗi chúng sinh.

Đức Pháp (*Dhamma*) là chánh pháp mà Đức Phật đã giác ngộ, Ngài có khả năng đặc biệt chế định ra ngôn ngữ để giáo huấn chúng sinh cho hiểu biết rõ và thực hành đúng theo lời dạy của Ngài; để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc trong kiếp hiện tại, những kiếp vị lai và đặc biệt đạt đến cứu cánh Niết Bàn, giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong tam giới.

Chánh pháp có 10 pháp là:

- Pháp học (*Pariyattidhamma*).

- 9 pháp Siêu tam giới (*Navalokuttaradhamma*) (4 Thánh Đạo + 4 Thánh Quả + 1 Niết Bàn).

Đức Tăng (*Saṅgha*) là những bậc Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Phật, đã thực hành đúng theo lời giáo huấn của Ngài, trở thành bậc Thánh Nhân.

Trong Phật Giáo bậc Thánh Thanh Văn có 4 đôi thành 8 bậc Thánh (*tính theo tâm Siêu tam giới*):

Bốn đôi: Thánh Đạo - Thánh Quả tương xứng

Nhập Lưu Thánh Đạo --> Nhập Lưu Thánh Quả
Nhất Lai Thánh Đạo --> Nhất Lai Thánh Quả
Bất Lai Thánh Đạo --> Bất Lai Thánh Quả
Arahán Thánh Đạo --> Arahán Thánh Quả

Tám bậc Thánh: 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả

Bậc Nhập Lưu Thánh Đạo (Sotāpattimagga)
Bậc Nhất Lai Thánh Đạo (Sakadāgāmmimagga)
Bậc Bất Lai Thánh Đạo (Anāgāmmimagga)
Bậc Arahán Thánh Đạo (Arahattamagga)
Bậc Nhập Lưu Thánh Quả (Sotāpattiphala)
Bậc Nhất Lai Thánh Quả (Sakadāgāmmiphala)
Bậc Bất Lai Thánh Quả (Anāgāmmiphala)
Bậc Arahán Thánh Quả (Arahattaphala)

Nếu tính theo Thánh nhân (Ariyapuggala)

Có 4 bậc:

Bậc Thánh Nhập Lưu (Sotāpanna)
Bậc Thánh Nhất Lai (Sakadāgāmi)
Bậc Thánh Bất Lai (Anāgāmi)
Bậc Thánh Arahán (Arahanta)

Trong Phật giáo, mỗi bậc Thánh Nhân là kết quả của những pháp hạnh ba-la-mật đã được tích lũy từ nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ, cho đến kiếp hiện tại. Trong những kiếp quá khứ, mỗi vị đã từng gieo duyên lành với Đức Phật quá khứ, hoặc với chư Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Phật quá khứ.

Trong kiếp hiện tại, mỗi vị đến hầu Đức Phật, hoặc bậc Thánh Thanh Văn đệ tử của Ngài, lắng nghe chánh pháp, rồi tiến hành pháp hành thiên tuệ, dẫn đến kết quả chứng đắc thành bậc Thánh từ thấp đến cao tuần tự như sau:

Nếu bậc thiện trí phạm nhân tiến hành thiền tuệ, dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Nhập Lưu, mới là bậc Thánh Nhân thứ nhất trong Phật giáo.

Nếu bậc Thánh Nhập Lưu tiếp tục tiến hành thiền tuệ, dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Nhất Lai Thánh Đạo - Nhất Lai Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Nhất Lai, mới là bậc Thánh Nhân thứ nhì trong Phật giáo.

Nếu bậc Thánh Nhất Lai tiếp tục tiến hành thiền tuệ, dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Bất Lai Thánh Đạo - Bất Lai Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Bất Lai, mới là bậc Thánh Nhân thứ ba trong Phật giáo.

Nếu bậc Thánh Bất Lai tiếp tục tiến hành thiền tuệ, dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán, là bậc Thánh thứ tư cao thượng nhất trong Phật giáo.

Mỗi bậc Thánh Nhân đều chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế y theo Đức Phật chỉ dạy, còn chứng đắc thành mỗi bậc Thánh nào, thì hoàn toàn do ba-la-mật của mỗi bậc Thánh Nhân, do thời gian tạo pháp hạnh ba-la-mật khác nhau, năng lực của 5 pháp chủ (*tín, tấn, niệm, định, tuệ*) khác nhau; do đó, mỗi bậc Thánh Nhân có khả năng đặc biệt khác nhau. Song chư bậc Thánh Arahán đến khi tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt khổ tử sinh luân hồi đều giống hệt nhau.

Mỗi bậc Thánh Nhân đều chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế y theo Đức Phật chỉ dạy, còn chứng đắc thành mỗi bậc Thánh Nhân như thế nào, nghĩa là trở thành bậc *Thánh Thanh Văn Giác hạng thường*, hoặc bậc *Thánh Đại Thanh Văn Giác*, hoặc bậc *Thánh Tối Thượng Thanh Văn Giác*, hoàn toàn do sở nguyện của mỗi bậc Thánh Nhân đã phát nguyện, trong những kiếp quá khứ. Nếu Vị nào phát nguyện trở thành bậc Thánh Đại Thanh Văn Giác hoặc bậc Thánh Tối Thượng Thanh Văn Giác, thì cần phải có Đức Phật quá khứ thọ ký xác định mới thành tựu.

Mỗi Đức Bồ Tát Thanh Văn Giác đều có sự khác nhau về thời gian mau hoặc lâu để tạo **10 pháp hạnh ba-la-mật**:

1- *Bồ thí ba-la-mật*

6- *Nhẫn nại ba-la-mật*

2- Giữ giới ba-la-mật
3- Xuất gia ba-la-mật
4- Trí tuệ ba-la-mật
5- Tinh tấn ba-la-mật

7-Chân thật ba-la-mật
8- Chí nguyện ba-la-mật
9- Tâm từ ba-la-mật
10- Tâm xả ba-la-mật

Do năng lực già dặn hoặc non yếu khác nhau của 5 pháp chủ (*tín pháp chủ, tấn pháp chủ, niệm pháp chủ, định pháp chủ, tuệ pháp chủ*), khi chứng đắc thành mỗi bậc Thánh Nhân, quý Ngài có khả năng đặc biệt khác nhau. Tuy nhiên, chư bậc Thánh Arahán khi hết tuổi thọ tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt mọi cảnh khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài đều hoàn toàn giống nhau cả thảy.

-ooOoo-

ĐỨC PHẬT (BUDDHA)

I - *Buddha* nghĩa là gì?

Buddhā ti catusaccasambodhena Buddhā.

Buddha nghĩa là chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Nhân.

Trong bộ chú giải *Udāna* phân loại ra 3 hạng *Buddha*

Sāvakabuddha: Bậc Thánh Thanh Văn Giác.

*Pacceka*buddha: Đức Phật Độc Giác.

Sammāsambuddha: Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

1- Bậc Thánh Thanh Văn Giác (*Sāvakabuddha*) là những Bậc Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Phật Chánh Đẳng Giác, đã được lắng nghe chánh pháp trực tiếp từ Đức Phật, hoặc các hàng Thanh Văn đệ tử của Đức Phật, rồi tiến hành pháp hành thiên tuệ, dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Thanh Văn Giác.

Thánh Thanh Văn Giác có 3 hạng

a) *Bậc Thánh Thanh Văn Giác hạng thường (Pakatisāvaka)* là Bậc đã lắng nghe chánh pháp trực tiếp từ Đức Phật, hoặc từ các hàng Thanh Văn đệ tử của Đức Phật, rồi đã thực hành đúng theo chánh pháp, nên đã chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu, hoặc bậc Thánh Nhất Lai, hoặc bậc Thánh Bất Lai, hoặc bậc Thánh Arahán. Những bậc Thánh Thanh Văn Giác ấy gọi là hạng thường, bởi vì quý Ngài chỉ có diệt đoạn tuyệt được phiền não mà thôi, không có hạnh nguyện xuất sắc nào trong các hàng Thánh Thanh Văn Giác.

Để trở thành *bậc Thánh Thanh Văn Giác hạng thường* này, vị **Bồ Tát Thanh Văn Giác** ấy cần phải tạo đầy đủ 10 pháp hạnh ba-la-mật, trong suốt thời gian **dưới 100 ngàn đại kiếp trái đất** [1] (con số thời gian không nhất định). Gặp thời kỳ Đức Phật xuất hiện trên thế gian, hoặc thời kỳ giáo pháp của Đức Phật đang còn lưu truyền trên thế gian; Vị Thanh Văn Giác Bồ Tát hạng thường ấy được lắng nghe chánh pháp, rồi tiến hành pháp hành thiên tuệ, dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả đến bậc nào tùy theo năng lực pháp hạnh ba-la-mật của mình, đã tích lũy từ nhiều kiếp trong quá khứ.

b) *Bậc Thánh Đại Thanh Văn Giác (Mahāsāvaka)* là Bậc đã lắng nghe chánh pháp trực tiếp từ kim ngôn của Đức Phật, rồi đã thực hành đúng theo chánh pháp, nên đã chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả trở thành bậc Thánh Arahán có hạnh nguyện đặc biệt xuất sắc trong hàng Thánh Thanh Văn Giác.

Để trở thành *bậc Thánh Đại Thanh Văn Giác*, vị **Bồ Tát Đại Thanh Văn Giác** ấy cần phải tạo đầy đủ 10 pháp hạnh ba-la-mật trong suốt thời gian **100 ngàn đại kiếp trái đất**. Vị Bồ Tát Đại Thanh Văn Giác ấy chắc chắn đến hầu Đức Phật, trực tiếp lắng nghe chánh pháp từ kim ngôn của Ngài, rồi tiến hành pháp hành thiên tuệ, dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán, khi Đức Phật đang còn trên thế gian. Mỗi bậc Thánh Arahán là Đại Thanh Văn Giác, thường có hạnh nguyện đặc biệt xuất sắc nhất trong hàng Thánh Thanh Văn Giác, do tiền kiếp đã phát nguyện và được Đức Phật quá khứ thọ ký.

Đức Phật *Gotama* có 80 vị Thánh Đại Thanh Văn Giác.

c) *Bậc Thánh Tối Thượng Thanh Văn Giác (Aggasāvaka)* là Bậc đã lắng nghe chánh pháp trực tiếp từ kim ngôn của Đức Phật, đã thực hành đúng

theo chánh pháp, nên đã chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán cao thượng nhất trong các hàng Thanh Văn Giác.

Để trở thành *bậc Thánh Tối Thượng Thanh Văn Giác*, vị **Bồ Tát Tối Thượng Thanh Văn** ấy cần phải tạo đầy đủ 10 pháp hạnh ba-la-mật, trong suốt thời gian *1 a-tăng-kỳ* [2] và *100 ngàn đại kiếp trái đất*. Vị Bồ Tát Tối Thượng Thanh Văn ấy chắc chắn đến hầu Đức Phật, trực tiếp lắng nghe chánh pháp từ kim ngôn của Ngài, rồi tiến hành pháp hành thiền tuệ, dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán có *trí tuệ* hoặc *thần thông* đặc biệt xuất sắc nhất trong các hàng Thánh Thanh Văn Giác, khi Đức Phật đang còn trên thế gian.

Bậc Thánh Tối Thượng Thanh Văn Giác đã thành tựu do tiền kiếp đã phát nguyện và đã được Đức Phật quá khứ thọ ký.

Đức Phật *Gotama* có 2 vị Thánh Tối Thượng Thanh Văn Giác đệ tử là:

- Ngài Đại đức *Sāriputta* có trí tuệ đặc biệt xuất sắc nhất.
- Ngài Đại đức *Mahāmoggallāna* có thần thông đặc biệt xuất sắc nhất, trong các hàng Thanh Văn đệ tử của Đức Phật.

2- Đức Phật Độc Giác (*Pacceka Buddha*) là Bậc đã tự mình chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả trở thành Đức Phật Độc Giác, trong thời kỳ không có Đức Phật Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian, và cũng không có giáo pháp của Ngài.

Để trở thành *Đức Phật Độc Giác*, vị **Bồ Tát Độc Giác** ấy cần phải tạo đầy đủ 20 pháp hạnh ba-la-mật: “10 pháp hạnh ba-la-mật bậc thường và 10 pháp hạnh ba-la-mật bậc trung”, ít nhất trong suốt *2 a-tăng-kỳ* và *100 ngàn đại kiếp trái đất*. Vị Bồ Tát Độc Giác này sinh làm người trong thời kỳ không có Đức Phật Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian và cũng không có giáo pháp của Ngài. Vị Bồ Tát Độc Giác ấy xuất gia, rồi tự mình tiến hành thiền tuệ, dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán cũng là **Đức Phật Độc Giác**, mà không cần phải lắng nghe chánh pháp từ một vị Thầy nào. Đức Phật Độc Giác có thể có hàng trăm, hàng ngàn vị cùng trong một thời kỳ, nhưng mỗi vị đều do tự mình chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế. Tuy Chư Phật Độc Giác đã chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, nhưng không có

khả năng chế định ra ngôn ngữ, để thuyết pháp tế độ chúng sinh để cùng chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế y theo các Ngài đã chứng ngộ.

3- Đức Phật Chánh Đẳng Giác (*Sammāsambuddha*) là bậc tự mình chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán, có danh hiệu là **Đức Phật Chánh Đẳng Giác**, độc nhất vô nhị, trên toàn cõi muôn ngàn thế giới chúng sinh.

Đức Phật Chánh Đẳng Giác có 3 hạng

- *Đức Phật Chánh Đẳng Giác có trí tuệ ưu việt* nghĩa là trí tuệ của Đức Phật có nhiều năng lực hơn đức tin và tinh tấn.

- *Đức Phật Chánh Đẳng Giác có đức tin ưu việt* nghĩa là đức tin của Đức Phật có nhiều năng lực hơn trí tuệ và tinh tấn.

- *Đức Phật Chánh Đẳng Giác có tinh tấn ưu việt* nghĩa là tinh tấn của Đức Phật có nhiều năng lực hơn trí tuệ và đức tin.

a) Để trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác có trí tuệ ưu việt như thế nào?

Để trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác có trí tuệ ưu việt, thì **Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác** ấy cần phải tạo đầy đủ 30 pháp hạnh ba-la-mật:

- *10 pháp hạnh ba-la-mật bậc thường (pāramī)*: Khi tạo pháp hạnh ba-la-mật thuộc về sự hy sinh của cải, vợ con... bên ngoài thân mình, không liên quan đến thân thể và sinh mạng.

- *10 pháp hạnh ba-la-mật bậc trung (upapāramī)*: Khi tạo pháp hạnh ba-la-mật nào thuộc về sự hy sinh những bộ phận trong thân thể, không liên quan đến sinh mạng của mình.

- *10 pháp hạnh ba-la-mật bậc thượng (paramatthapāramī)*: Khi tạo pháp hạnh ba-la-mật liên quan trực tiếp đến sự hy sinh sinh mạng của mình.

Đức Bồ Tát ấy cần phải tạo pháp hạnh ba-la-mật trải qua 3 thời kỳ:

- *Thời kỳ đầu*: Đức Bồ Tát phát nguyện ở trong tâm, có ý nguyện muốn trở thành một Đức Phật Chánh Đẳng Giác để mong tế độ chúng sinh, trong khoảng thời gian suốt 7 a-tăng-kỳ kiếp trái đất, tiếp đến thời kỳ giữa.

- *Thời kỳ giữa*: Đức Bồ Tát phát nguyện bằng lời nói, để cho chúng sinh biết ý nguyện muốn trở thành một Đức Phật Chánh Đẳng Giác của mình, trong khoảng thời gian suốt 9 a-tăng-kỳ kiếp trái đất.

Qua hai thời kỳ trên, Đức Bồ Tát vẫn còn là **Đức Bồ Tát bất định** (*Aniyata-bodhisatta*) nghĩa là Đức Bồ Tát ấy có thể thay đổi ý nguyện không muốn trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, chỉ muốn trở thành Đức Phật Độc Giác, hoặc bậc Thánh Thanh Văn Giác mà thôi. Nếu như Đức Bồ Tát vẫn giữ ý nguyện tiếp tục tạo pháp hạnh ba-la-mật, thì sẽ dẫn đến thời kỳ cuối.

- *Thời kỳ cuối*: Đức Bồ Tát được Đức Phật Chánh Đẳng Giác đầu tiên thọ ký xác định thời gian còn lại là 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất nữa thì sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác. Khi ấy, Đức Bồ Tát ấy sẽ trở thành **Đức Bồ Tát cố định** (*Niyatabodhisatta*). Đức Bồ Tát tiếp tục tạo cho đầy đủ 30 pháp hạnh ba-la-mật.

Trong suốt thời kỳ bồi đắp cho đầy đủ 30 pháp hạnh ba-la-mật, mỗi khi có Đức Phật Chánh Đẳng Giác nào xuất hiện trên thế gian, Đức Bồ Tát ấy đều đến hầu Đức Phật Chánh Đẳng Giác ấy, và được Ngài thọ ký xác định thời gian còn lại. Đến kiếp chót, Đức Bồ Tát ấy chắc chắn tái sinh làm người, trong thời kỳ không có Đức Phật nào xuất hiện trên thế gian. Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác ấy xuất gia, rồi tự chính mình tiến hành thiền tuệ, dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán đầu tiên, có danh hiệu là **Đức Phật Chánh Đẳng Giác**, độc nhất vô nhị, trên toàn cõi muôn ngàn thế giới chúng sinh. Đức Phật Chánh Đẳng Giác có khả năng đặc biệt chế định ra ngôn ngữ, để thuyết pháp tế độ chúng sinh có đầy đủ duyên lành cũng chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế y theo Ngài, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn, tùy theo năng lực ba-la-mật của mỗi chúng sinh đã tạo trong những kiếp quá khứ và trong kiếp hiện tại này.

b) Để trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác có đức tin ưu việt như thế nào?

Để trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác có đức tin ưu việt, thì **Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác** ấy cần phải tạo đầy đủ 30 pháp hạnh ba-la-mật giống như Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác có trí tuệ ưu việt, nhưng về thời gian khác với Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác có trí tuệ ưu việt. *Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác có đức tin ưu việt* tạo pháp hạnh ba-la-mật trong mỗi thời kỳ có thời gian gấp đôi thời gian của Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác có trí tuệ ưu việt, nghĩa là:

- *Thời kỳ đầu*: Đức Bồ Tát ấy phát nguyện trong tâm, có ý nguyện muốn trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, trong suốt thời gian **14 a-tăng-kỳ kiếp** *trái đất*.

- *Thời kỳ giữa*: Đức Bồ Tát ấy phát nguyện bằng lời nói, để cho chúng sinh biết ý nguyện muốn trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác của mình, trong suốt thời gian **18 a-tăng-kỳ kiếp** *trái đất*.

- *Thời kỳ cuối*: Đức Bồ Tát ấy được Đức Phật Chánh Đẳng Giác đầu tiên thọ ký xác định thời gian còn lại là **8 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp** *trái đất* nữa, thì sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Đức Bồ Tát ấy tiếp tục tạo cho đầy đủ 30 pháp hạnh ba-la-mật cho đến kiếp chót.

Khi Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác đã tạo đầy đủ 30 pháp hạnh ba-la-mật, đến kiếp chót tái sinh làm người trong thời kỳ không có Đức Phật Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian, Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác ấy xuất gia, rồi tự mình tiến hành thiền tuệ, dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả trở thành bậc Thánh Arahán đầu tiên, có danh hiệu là **Đức Phật Chánh Đẳng Giác**, độc nhất vô nhị, trên toàn cõi muôn ngàn thế giới chúng sinh. Đức Phật Chánh Đẳng Giác thuyết pháp tế độ chúng sinh có đầy đủ duyên lành cũng chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế y theo Ngài, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn, tùy theo năng lực ba-la-mật của mỗi chúng sinh đã tích lũy trong những kiếp quá khứ và kiếp hiện tại.

c) *Để trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác có tinh tấn ưu việt như thế nào?*

Để trở thành *Đức Phật Chánh Đẳng Giác có tinh tấn ưu việt*, thì **Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác** ấy cần phải tạo đầy đủ 30 pháp hạnh ba-la-mật giống như Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác có trí tuệ ưu việt, nhưng về thời gian thì khác với Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác có trí tuệ ưu việt và Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác có đức tin ưu việt. *Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác có tinh tấn ưu việt*, cần phải tạo pháp hạnh ba-la-mật trong mỗi thời kỳ có thời gian gấp đôi thời gian của Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác có đức tin ưu việt, và gấp 4 lần thời gian của Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác có trí tuệ ưu việt, nghĩa là:

- *Thời kỳ đầu*: Đức Bồ Tát ấy phát nguyện ở trong tâm có ý nguyện muốn trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, trong suốt thời gian **28 a-tăng-kỳ kiếp trái đất**.

- *Thời kỳ giữa*: Đức Bồ Tát phát nguyện bằng lời nói, để cho chúng sinh biết ý nguyện muốn trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác của mình, trong suốt thời gian **36 a-tăng-kỳ kiếp trái đất**.

- *Thời kỳ cuối*: Đức Bồ Tát ấy được Đức Phật Chánh Đẳng Giác đầu tiên thọ ký xác định thời gian còn lại là **16 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất** nữa, thì sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Đức Bồ Tát này tiếp tục tạo cho đầy đủ 30 pháp hạnh ba-la-mật cho đến kiếp chót.

Khi Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác đã tạo đầy đủ 30 pháp hạnh ba-la-mật, đến kiếp chót tái sinh làm người trong thời kỳ không có Đức Phật Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian, Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác ấy xuất gia, rồi tự mình tiến hành thiền tuệ, dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán đầu tiên, có danh hiệu là **Đức Phật Chánh Đẳng Giác**, độc nhất vô nhị, trên toàn cõi muôn ngàn thế giới chúng sinh. Đức Phật Chánh Đẳng Giác thuyết pháp tế độ chúng sinh có đầy đủ duyên lành cũng chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế y theo Ngài, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn, tùy theo năng lực ba-la-mật của mỗi chúng sinh đã tích lũy trong những kiếp quá khứ và kiếp hiện tại.

Đức Phật Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian là một điều vô cùng hy hữu. Thật vậy, theo lịch sử Đức Phật *Gotama* trong bộ *Jinakālamālī* và bộ Chú giải *Buddha-vaśisa* dạy:

Trong quá khứ, có khi trải qua thời gian 1 a-tăng-kỳ kiếp trái đất thành-trụ-hoại-không mà không có một Đức Phật Chánh Đẳng Giác nào xuất hiện trên thế gian gọi là Suññakappa nghĩa là trái đất không có Đức Phật Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian.

Thật vô cùng diễm phúc, trong kiếp trái đất mà chúng ta đang sống, có năm Đức Phật đã tuần tự xuất hiện trên thế gian: *Trong quá khứ Đức Phật Kakusandha, Đức Phật Koṅgamaṇa, Đức Phật Kassapa đã xuất hiện; trong hiện tại Đức Phật Gotama đã xuất hiện và đã tịch diệt Niết Bàn cách đây 2.548 năm, song giáo pháp của Ngài vẫn còn được lưu truyền trên thế*

gian này cho đến 5.000 năm, rồi sẽ bị mai một hoàn toàn trên cõi người. Khi ấy, không còn một ai nghe biết đến Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng nữa. Sau đó, trong thời vị lai, Đức Phật Metteyya sẽ xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất Bhaddakappa này.

-ooOoo-

ĐỨC PHẬT GOTAMA

Hiện tại chúng ta đang sống trong thời kỳ giáo pháp của Đức Phật *Gotama*, tuy Ngài đã tịch diệt Niết Bàn cách đây 2.548 năm, song giáo pháp của Ngài vẫn còn lưu truyền trên thế gian cho đến 5.000 năm, mới bị mai một hoàn toàn, bởi do các hàng Thanh Văn đệ tử không còn ai có trí tuệ giữ gìn duy trì giáo pháp của Ngài được nữa.

Tiền kiếp của Đức Phật *Gotama*

Đức Phật *Gotama* là Đức Phật Chánh Đẳng Giác có trí tuệ ưu việt, những tiền kiếp của Ngài là Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác, trí tuệ của Ngài nhiều năng lực hơn đức tin và tinh tấn, cho nên thời gian tạo 30 pháp hạnh ba-la-mật của Ngài bằng một nửa thời gian của Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác có đức tin ưu việt, và bằng một phần tư thời gian của Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác có tinh tấn ưu việt.

Trong bộ *Jinakālamālī* và bộ *Chú giải Buddhavaṃsa* có giải thích tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* là Đức Bồ Tát tạo 30 pháp hạnh ba-la-mật trải qua 3 thời kỳ:

Thời kỳ đầu: Thời kỳ Đức Bồ Tát phát nguyện trong tâm, có ý nguyện muốn trở thành một Đức Phật Chánh Đẳng Giác, để tế độ chúng sinh giải thoát mọi cảnh khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài, trong thời gian suốt 7 a-tăng-kỳ [3] kiếp trái đất.

Trong khoảng thời gian lâu dài vô số kể ấy, đã trải qua 125.000 Đức Phật tuần tự mỗi Vị đã xuất hiện trên thế gian.

Thời kỳ giữa: Thời kỳ Đức Bồ Tát phát nguyện bằng lời nói, để cho chúng sinh có thể nghe và hiểu biết rằng: “Đức Bồ Tát có ý nguyện muốn trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác”, trong thời gian suốt 9 a-tăng-kỳ kiếp trái đất.

Trong khoảng thời gian lâu dài vô số kể ấy, đã trải qua 342.000 [4] Đức Phật tuần tự mỗi Vị đã xuất hiện trên thế gian.

Trong suốt hai thời kỳ đầu và giữa, Đức Bồ Tát vẫn còn là **Đức Bồ Tát bất định** (*Aniyatabodhisatta*) có thể thay đổi ý nguyện, không còn muốn trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, mà muốn trở thành Đức Phật Độc Giác, hoặc bậc Thánh Thanh Văn Giác. Nếu Đức Bồ Tát vẫn không thoái chí, có tâm đại bi thương xót chúng sinh, có ý nguyện muốn trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, để tế độ cứu vớt chúng sinh thoát khỏi biển khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài, thì Đức Bồ Tát tiếp tục tinh tấn tạo 30 pháp hạnh ba-la-mật bước sang đến thời kỳ cuối.

Thời kỳ cuối: Thời kỳ Đức Bồ Tát được Đức Phật Chánh Đẳng Giác đầu tiên thọ ký xác định thời gian còn lại **4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất** nữa, chắc chắn sẽ là Đức Phật Chánh Đẳng Giác trong thời vị lai. Khi ấy, Đức Bồ Tát trở thành **Đức Bồ Tát cố định** (*Niyatabodhisatta*) tiếp tục tạo cho đầy đủ 30 pháp hạnh ba-la-mật cho đến kiếp chót.

24 ĐỨC PHẬT THỌ KÝ THEO TUẦN TỰ

1- Đức Phật Dīpa□kara xuất hiện trên thế gian vào thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm. Khi ấy, Đức Bồ Tát tiền thân của Đức Phật Gotama là vị **Đạo sĩ Sumedha** đã chứng đắc các bậc thiên hữu sắc và chứng đắc ngũ thông [5] trong tam giới; Đức Bồ Tát Đạo sĩ Sumedha đến hầu Đức Phật Dīpa□kara và được Ngài thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

“Trong thời vị lai, còn 4 a-tăng-kỳ [6] và 100 ngàn đại kiếp trái đất [7] nữa, Đạo sĩ Sumedha này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức Phật Gotama”.

Đức Bồ Tát Đạo sĩ Sumedha lần đầu tiên được Đức Phật Dīpa□kara thọ ký chắc chắn sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, Ngài vô cùng hoan hỷ. Bắt đầu từ kiếp ấy về sau, Ngài là Đức Bồ Tát cố định, kiên trì bồi bổ 30 pháp hạnh ba-la-mật cho đầy đủ và trọn vẹn, để mong chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Đức Phật Dīpa□kara thọ 100 ngàn tuổi, rồi tịch diệt Niết Bàn, và giáo pháp của Ngài dần dần bị mai một hoàn toàn. Về sau, trái đất bị tiêu hoại và sau đó thời gian 1 a-tăng-kỳ trải qua vô số đại kiếp trái đất thành-trụ-hoại-không mà không có một Đức Phật Chánh Đẳng Giác nào xuất hiện trên thế gian; những kiếp trái đất ấy gọi là *Suññakappa* (*Kiếp trái đất không có Đức Phật*

xuất hiện), mãi cho đến kiếp trái đất gọi là *Sārakappa* mới có một Đức Phật Chánh Đẳng Giác đã xuất hiện trên thế gian.

2- Đức Phật Koṭṭanna xuất hiện trên thế gian, trong kiếp trái đất gọi là *Sārakappa*, vào thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm. Khi ấy, Đức Bồ Tát tiền thân của Đức Phật *Gotama* là **Đức Chuyển Luân Thánh Vương *Vijitāvī***, đến hầu Đức Phật *Koṭṭanna* và được Ngài thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

*“Trong thời vị lai, còn 3 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất nữa, Đức Chuyển Luân Thánh Vương *Vijitāvī* này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức Phật *Gotama*”.*

Đức vua Bồ Tát vô cùng hoan hỷ tiếp tục bồi bổ 30 pháp hạnh ba-la-mật. Về sau, Đức Bồ Tát từ bỏ ngôi vua, đến hầu Đức Phật *Koṭṭanna* xin Ngài cho phép xuất gia trở thành *Tỳ khuru* trong giáo pháp của Ngài.

Đức Phật *Koṭṭanna* thọ 100 ngàn tuổi, rồi tịch diệt Niết Bàn, và giáo pháp của Ngài dần dần bị mai một hoàn toàn. Về sau, trái đất bị tiêu hoại và sau đó thời gian 1 a-tăng-kỳ trải qua vô số đại kiếp trái đất thành-trụ-hoại-không, mà không có một Đức Phật Chánh Đẳng Giác nào xuất hiện trên thế gian. Mãi cho đến kiếp trái đất gọi là *Sāramaṅkappa* mới có 4 Đức Phật: *Đức Phật *Maṅgala**, *Đức Phật *Sumana**, *Đức Phật *Revata** và *Đức Phật *Sobhita** tuần tự xuất hiện cùng trong kiếp trái đất ấy.

3- Đức Phật *Maṅgala* xuất hiện trên thế gian, trong thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm. Khi ấy, Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* là ***Bàlamôn Suruci*** đến hầu Đức Phật *Maṅgala* và được Ngài thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

*“Trong thời vị lai, còn 2 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất nữa, *Bàlamôn Suruci* này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức Phật *Gotama*”.*

Đức Bồ Tát vô cùng hoan hỷ tiếp tục bồi bổ 30 pháp hạnh ba-la-mật. Về sau, Đức Bồ Tát *Suruci* đến hầu Đức Phật *Maṅgala*, xin Ngài cho phép xuất gia trở thành *Tỳ khuru* trong giáo pháp của Ngài.

Đức Phật *Maṅgala* thọ 90 ngàn tuổi, rồi tịch diệt Niết Bàn, và giáo pháp của Ngài dần dần bị mai một hoàn toàn. Từ đó, ác pháp càng ngày càng tăng trưởng, còn thiện pháp càng ngày càng suy thoái; do đó tuổi thọ con người

càng ngày càng giảm dần, giảm dần cho đến tột cùng chỉ còn 10 năm. Sau đó một thảm họa khủng khiếp đã xảy ra, con người chém giết lẫn nhau vô cùng tàn khốc, không phân biệt cha mẹ, con cái, anh em, bà con... một số người hoảng sợ chạy trốn trong rừng núi thoát thân. Khi biết nạn chém giết không còn nữa, số người ấy gặp lại nhau, cam kết không sát hại nhau nữa. Khi ấy, con người biết ghê sợ tội ác, cố gắng tinh tấn tạo phước thiện; thiện pháp càng ngày càng tăng trưởng, cho nên, tuổi thọ con người càng ngày càng tăng lên dần, tăng lên dần cho đến tột đỉnh a-tăng-kỳ năm [8]. Thời kỳ ấy, con người sống dễ dãi, ác pháp phát sinh; do đó, tuổi thọ con người lại giảm xuống dần, giảm xuống dần cho đến thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm. Khi ấy, một Đức Phật xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất *Sārama* □ □ *akappa* ấy là.

4- Đức Phật Sumana xuất hiện trên thế gian, vào thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm. Khi ấy, Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* là **Long Vương Atula** đến hầu Đức Phật *Suma* □ *a* và được Ngài thọ ký xác định thời gian còn lại y như Đức Phật *Ma* □ *gala* rằng:

“Trong thời vị lai, còn 2 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất nữa, Long Vương Atula này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức Phật Gotama”.

Đức Phật *Sumana* thọ 90 ngàn tuổi, rồi tịch diệt Niết Bàn, và giáo pháp của Ngài dần dần bị mai một hoàn toàn. Từ đó, mọi hiện tượng xảy ra cũng giống như sau thời kỳ Đức Phật *Ma* □ *gala* tịch diệt Niết Bàn. Tuổi thọ con người giảm xuống dần đến tột cùng chỉ còn 10 năm, rồi tăng lên dần đến tột đỉnh a-tăng-kỳ năm, rồi lại giảm dần, giảm dần cho đến thời kỳ con người có tuổi thọ 60 ngàn năm. Khi ấy, một Đức Phật xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất *Sārama* □ □ *akappa* ấy là.

5- Đức Phật Revata xuất hiện trên thế gian, vào thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 60 ngàn năm. Khi ấy, Đức Bồ Tát tiền thân của Đức Phật *Gotama* là **Bàlamôn Atideva** đến hầu Đức Phật *Revata* và được Ngài thọ ký xác định thời gian còn lại y như 2 Đức Phật: *Đức Phật Ma* □ *gala* và *Đức Phật Suma* □ *a* rằng:

“Trong thời vị lai, còn 2 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất nữa, Bàlamôn Atideva này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức Phật Gotama”.

Đức Phật *Revata* thọ 60 ngàn tuổi, rồi tịch diệt Niết Bàn, và giáo pháp của Ngài dần dần bị mai một hoàn toàn. Từ đó, mọi hiện tượng xảy ra cũng giống như sau thời kỳ Đức Phật *Ma□gala* và Đức Phật *Sumana* tịch diệt Niết Bàn. Tuổi thọ con người giảm xuống dần đến tột cùng chỉ còn 10 năm, rồi tăng lên dần đến tột đỉnh a-tăng-kỳ năm, rồi lại giảm dần, giảm xuống dần cho đến thời kỳ con người có tuổi thọ 90 ngàn năm. Khi ấy, một Đức Phật xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất *Sārama□□akappa* ấy là.

6- Đức Phật *Sobhita* xuất hiện trên thế gian, vào thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm. Khi ấy, Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* là ***Bālamôn Sujāta*** đến hầu Đức Phật *Sobhita* và được Ngài thọ ký xác định thời gian còn lại y như 3 Đức Phật: *Đức Phật Ma□gala*, *Đức Phật Sumana* và *Đức Phật Revata* rằng:

“Trong thời vị lai, còn 2 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất nữa, Bālamôn Sujāta này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức Phật Gotama”.

Đức Phật *Sobhita* thọ 90 ngàn tuổi, rồi tịch diệt Niết Bàn, và giáo pháp của Ngài dần dần bị mai một hoàn toàn. Về sau, trái đất bị tiêu hoại và sau đó thời gian 1 a-tăng-kỳ trải qua vô số đại kiếp trái đất thành-trụ-hoại-không, mà không có một Đức Phật Chánh Đẳng Giác nào xuất hiện trên thế gian. Mãi cho đến kiếp trái đất gọi là *Varakappa* mới có 3 Đức Phật: *Đức Phật Anomadassī*, *Đức Phật Paduma* và *Đức Phật Nārada* tuần tự xuất hiện cùng trong kiếp trái đất ấy.

7- Đức Phật *Anomadassī* xuất hiện trên thế gian, vào thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm. Khi ấy, Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* là ***Thống tướng Yakkha*** đến hầu Đức Phật *Anomadassī* và được Ngài thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

“Trong thời vị lai, còn 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất nữa, Thống tướng Yakkha này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức Phật Gotama”.

Đức Phật *Anomadassī* thọ 100 ngàn tuổi, rồi tịch diệt Niết Bàn, và giáo pháp của Ngài dần dần bị mai một hoàn toàn. Từ đó, mọi hiện tượng xảy ra diễn tiến theo một chu kỳ tuổi thọ giảm-tăng-giảm cũng giống như Chư Phật quá khứ sau khi tịch diệt Niết Bàn. Tuổi thọ con người giảm xuống dần đến tột cùng chỉ còn 10 năm, rồi tăng lên dần đến tột đỉnh a-tăng-kỳ năm, rồi lại giảm dần, giảm xuống dần cho đến thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng

100 ngàn năm. Khi ấy, một Đức Phật xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất gọi là *Varakappa* ấy là.

8- Đức Phật Paduma xuất hiện trên thế gian, vào thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm. Khi ấy, Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* là **Sư tử Chúa** đến hầu Đức Phật *Paduma* và được Ngài thọ ký xác định thời gian còn lại y như *Đức Phật Anomadassī* rằng:

“Trong thời vị lai, còn 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất nữa, **Sư tử Chúa** này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức Phật *Gotama*”.

Đức Phật *Paduma* thọ 100 ngàn tuổi, rồi tịch diệt Niết Bàn, và giáo pháp của Ngài dần dần bị mai một hoàn toàn. Từ đó, mọi hiện tượng cũng xảy ra tương tự giống như sau thời kỳ Đức Phật *Anomadassī* tịch diệt Niết Bàn. Tuổi thọ con người giảm xuống dần, giảm dần xuống đến tột cùng chỉ còn 10 năm; rồi tăng lên dần đến tột đỉnh a-tăng-kỳ năm, rồi lại giảm dần, giảm xuống dần cho đến thời kỳ con người có tuổi thọ 90 ngàn năm. Khi ấy, một Đức Phật xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất *Varakappa* ấy là.

9- Đức Phật Nārada xuất hiện trên thế gian, vào thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm. Khi ấy, Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* là vị **Đạo sĩ** chứng đắc các bậc thiên hữu sắc và các bậc thiên vô sắc, có ngũ thông, đến hầu Đức Phật *Nārada* và được Ngài thọ ký xác định thời gian còn lại y như *Đức Phật Anomadassī* và *Đức Phật Paduma* rằng:

“Trong thời vị lai, còn 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất nữa, vị Đạo sĩ này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức Phật *Gotama*”.

Đức Phật *Nārada* thọ 90 ngàn tuổi, rồi tịch diệt Niết Bàn, và giáo pháp của Ngài dần dần bị mai một hoàn toàn. Về sau, trái đất bị tiêu hoại và sau đó thời gian 1 a-tăng-kỳ trải qua vô số đại kiếp trái đất thành-trụ-hoại-không, mà không có một Đức Phật Chánh Đẳng Giác nào xuất hiện trên thế gian. Mãi cho đến kiếp trái đất gọi là *Sārakappa* mới có một Đức Phật xuất hiện.

10- Đức Phật Padumuttara xuất hiện trên thế gian, vào thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm. Khi ấy, Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* là **Phú hộ Jañila** đến hầu Đức Phật *Padumuttara* và được Ngài thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

“Trong thời vị lai, còn 100 ngàn đại kiếp trái đất nữa, Phú hộ Jaṅgila này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức Phật Gotama”.

Đức Phật Padumuttara thọ 100 ngàn tuổi, rồi tịch diệt Niết Bàn, và giáo pháp của Ngài dần dần bị mai một hoàn toàn. Về sau, trái đất bị tiêu hoại và sau đó trải qua 70.000 đại kiếp trái đất thành-trụ-hoại-không, mà không có một Đức Phật Chánh Đẳng Giác nào xuất hiện trên thế gian. Mãi cho đến kiếp trái đất gọi là Maṅgalkappa mới có 2 Đức Phật: Đức Phật Sumedha và Đức Phật Sujāta tuần tự xuất hiện cùng trong kiếp trái đất ấy.

11- Đức Phật Sumedha xuất hiện trên thế gian, vào thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm. Khi ấy, Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật Gotama là **Bàlamôn Uttara** đến hầu Đức Phật Sumedha, xin Ngài cho phép xuất gia trở thành Tỳ khuru trong giáo pháp của Ngài. Về sau, vị Tỳ khuru Uttara được Đức Phật Sumedha thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

“Trong thời vị lai, còn 30 ngàn đại kiếp trái đất nữa, vị Tỳ khuru Uttara này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức Phật Gotama”.

Đức Phật Sumedha thọ 90 ngàn tuổi, rồi tịch diệt Niết Bàn, và giáo pháp của Ngài dần dần bị mai một hoàn toàn. Từ đó, mọi hiện tượng xảy ra diễn tiến theo một chu kỳ tuổi thọ giảm-tăng-giảm cũng giống như Chư Phật quá khứ sau khi tịch diệt Niết Bàn. Tuổi thọ con người giảm xuống dần đến tột cùng chỉ còn 10 năm, rồi tăng lên dần đến tột đỉnh a-tăng-kỳ năm, rồi lại giảm dần, giảm xuống dần cho đến thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm. Khi ấy, một Đức Phật xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất Maṅgalkappa ấy là.

12- Đức Phật Sujāta xuất hiện trên thế gian, vào thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm. Khi ấy, Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật Gotama là **Đức Chuyển Luân Thánh Vương** đến hầu Đức Phật Sujāta, xin Ngài cho phép xuất gia trở thành Tỳ khuru trong giáo pháp của Ngài. Về sau, Đức Bồ Tát Tỳ khuru được Đức Phật Sujāta thọ ký xác định thời gian còn lại y như Đức Phật Sumedha rằng:

“Trong thời vị lai, còn 30 ngàn đại kiếp trái đất nữa, vị Tỳ khuru này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức Phật Gotama”.

Đức Phật Sujāta thọ 90 ngàn năm tuổi, rồi tịch diệt Niết Bàn, và giáo pháp của Ngài dần dần bị mai một hoàn toàn. Về sau, trái đất bị tiêu hoại và sau

đó thời gian trải qua 28.200 đại kiếp trái đất thành-trụ-hoại-không, mà không có một Đức Phật Chánh Đẳng Giác nào xuất hiện trên thế gian. Mãi cho đến kiếp trái đất gọi là *Varakappa* mới có 3 Đức Phật: *Đức Phật Piyadassī*, *Đức Phật Atthadassī* và *Đức Phật Dhammadassī* tuần tự xuất hiện cùng trong kiếp trái đất *Varakappa* ấy.

13- Đức Phật Piyadassī xuất hiện trên thế gian, vào thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm. Khi ấy, Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* là **Bàlamôn Kassapa** đến hầu Đức Phật *Piyadassī* và được Ngài thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

“Trong thời vị lai, còn 1.800 đại kiếp trái đất nữa, Bàlamôn Kassapa này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức Phật Gotama”.

Đức Phật *Piyadassī* thọ 90 ngàn tuổi, rồi tịch diệt Niết Bàn, và giáo pháp của Ngài dần dần bị mai một hoàn toàn. Từ đó, mọi hiện tượng xảy ra diễn tiến theo một chu kỳ tuổi thọ giảm-tăng-giảm cũng giống như Chư Phật quá khứ sau khi tịch diệt Niết Bàn. Tuổi thọ con người giảm xuống dần đến tột cùng chỉ còn 10 năm, rồi tăng lên dần đến tột đỉnh a-tăng-kỳ năm, rồi lại giảm dần, giảm xuống dần cho đến thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm. Khi ấy, một Đức Phật xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất *Varakappa* ấy là.

14- Đức Phật Atthadassī xuất hiện trên thế gian, vào thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm. Khi ấy, Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* là vị **Đạo sĩ Susīma** đến hầu Đức Phật *Atthadassī* và được Ngài thọ ký xác định thời gian còn lại y như Đức Phật *Piyadassī* rằng:

“Trong thời vị lai, còn 1.800 đại kiếp trái đất nữa, Đạo sĩ Susīma này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức Phật Gotama”.

Đức Phật *Atthadassī* thọ 100 ngàn tuổi, rồi tịch diệt Niết Bàn, và giáo pháp của Ngài dần dần bị mai một hoàn toàn. Từ đó, mọi hiện tượng tương tự xảy ra cũng giống như sau khi Đức Phật *Piyadassī* tịch diệt Niết Bàn. Tuổi thọ con người giảm xuống dần cho đến tột cùng chỉ còn 10 năm; rồi tuổi thọ con người tăng lên dần, tăng lên dần cho đến tột cùng a-tăng-kỳ năm; rồi lại giảm dần, giảm xuống dần cho đến thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm. Khi ấy, một Đức Phật xuất hiện cùng trong kiếp trái đất *Varakappa* ấy là.

15- Đức Phật Dhammadassī xuất hiện trên thế gian, vào thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm. Khi ấy, Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* là **Đức vua trời Sakka** cõi Tam Thập Tam Thiên đến hầu Đức Phật *Dhammadassī* và được Ngài thọ ký xác định thời gian còn lại y như Đức Phật *Piyadassī* và Đức Phật *Atthadassī* rằng:

“Trong thời vị lai, còn 1.800 đại kiếp trái đất nữa, Đức vua trời Sakka này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức Phật Gotama”.

Đức Phật *Dhammadassī* thọ 100 ngàn tuổi, rồi tịch diệt Niết Bàn, và giáo pháp của Ngài dần dần bị mai một hoàn toàn. Về sau, trái đất bị tiêu hoại và sau đó thời gian trải qua 1.706 đại kiếp trái đất thành-trụ-hoại-không, mà không có một Đức Phật Chánh Đẳng Giác nào xuất hiện trên thế gian. Mãi cho đến kiếp trái đất gọi là *Sārakappa* mới có một Đức Phật Chánh Đẳng Giác xuất hiện.

16- Đức Phật Siddhattha xuất hiện trên thế gian, vào thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm. Khi ấy, Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* là **Bàlamôn Phú hộ** xuất gia trở thành Đạo sĩ tên *Maṅgala* đến hầu Đức Phật *Siddhattha* và được Ngài thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

“Trong thời vị lai, còn 94 đại kiếp trái đất nữa, Đạo sĩ Maṅgala này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức Phật Gotama”.

Đức Phật *Siddhattha* thọ 100 ngàn tuổi, rồi tịch diệt Niết Bàn và giáo pháp của Ngài dần dần bị mai một hoàn toàn. Về sau, trái đất bị tiêu hoại và sau đó thời gian trải qua 2 đại kiếp trái đất không có Đức Phật Chánh Đẳng Giác nào xuất hiện trên thế gian. Mãi cho đến kiếp trái đất gọi là *Maṅṅakappa* mới có 2 Đức Phật: Đức Phật *Tissa* và Đức Phật *Phussa* tuần tự xuất hiện cùng trong kiếp trái đất ấy.

17- Đức Phật Tissa xuất hiện trên thế gian, vào thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm. Khi ấy, Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* là **Đạo sĩ Sujāta** đến hầu Đức Phật *Tissa* và được Ngài thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

“Trong thời vị lai, còn 92 đại kiếp trái đất nữa, vị Đạo sĩ Sujāta này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức Phật Gotama”.

Đức Phật *Tissa* thọ 100 ngàn tuổi, rồi tịch diệt Niết Bàn và giáo pháp của Ngài dần dần bị mai một hoàn toàn. Từ đó, mọi hiện tượng xảy ra diễn tiến theo một chu kỳ tuổi thọ giảm-tăng-giảm cũng giống như Chư Phật quá khứ sau khi tịch diệt Niết Bàn. Tuổi thọ con người giảm xuống dần đến tột cùng chỉ còn 10 năm, rồi tăng lên dần đến tột đỉnh a-tăng-kỳ năm, rồi lại giảm dần, giảm xuống dần cho đến thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm. Khi ấy, một Đức Phật xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất gọi là *Ma□□akappa* ấy là.

18- Đức Phật *Phussa* xuất hiện trên thế gian, vào thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 90 ngàn năm. Khi ấy, Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* là **Đức Chuyển Luân Thánh Vương *Vijitāvī*** đến hầu Đức Phật *Phussa* và xin Ngài cho phép xuất gia trở thành Tỳ khuru trong giáo pháp của Ngài. Về sau, vị Tỳ khuru *Vijitāvī* được Đức Phật *Phussa* thọ ký xác định thời gian còn lại y như *Đức Phật Tissa* rằng:

*“Trong thời vị lai, còn 92 đại kiếp trái đất nữa, vị Tỳ khuru *Vijitāvī* này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức Phật *Gotama*”.*

Đức Phật *Phussa* thọ 90 ngàn năm tuổi, rồi tịch diệt Niết Bàn, và giáo pháp của Ngài dần dần bị mai một hoàn toàn. Về sau, trái đất bị tiêu hoại và sau đó thời gian 1 đại kiếp trái đất không có một Đức Phật Chánh Đẳng Giác nào xuất hiện trên thế gian, đến kiếp trái đất gọi là *Sārakappa* có một Đức Phật Chánh Đẳng Giác xuất hiện.

19- Đức Phật *Vipassī* xuất hiện trên thế gian, vào thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 80 ngàn năm. Khi ấy Đức Bồ Tát tiền thân của Đức Phật *Gotama* là **Long vương *Atula*** đến hầu Đức Phật *Vipassī* và được Ngài thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

*“Trong thời vị lai, còn 91 đại kiếp trái đất nữa, Long vương *Atula* này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức Phật *Gotama*”.*

Đức Phật *Vipassī* thọ 80 ngàn tuổi, rồi tịch diệt Niết Bàn, và giáo pháp của Ngài dần dần bị mai một hoàn toàn. Về sau, trái đất bị tiêu hoại và sau đó thời gian trải qua 60 đại kiếp trái đất thành-trụ-hoại-không, mà không có một Đức Phật Chánh Đẳng Giác nào xuất hiện trên thế gian. Mãi cho đến kiếp trái đất gọi là *Ma□□akappa* mới có 2 Đức Phật: *Đức Phật *Sikhī** và *Đức Phật *Vessabhū** tuần tự xuất hiện cùng trong kiếp trái đất ấy.

20- Đức Phật Sikhī xuất hiện trên thế gian, vào thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 70 ngàn năm. Khi ấy, Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* là **Đức vua Arindama** đến hầu Đức Phật *Sikhī* và được Ngài thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

“Trong thời vị lai, còn 31 đại kiếp trái đất nữa, Đức vua Arindama này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức Phật Gotama”.

Đức Phật *Sikhī* thọ 80 ngàn tuổi, rồi tịch diệt Niết Bàn, và giáo pháp của Ngài dần dần bị mai một hoàn toàn. Từ đó, mọi hiện tượng xảy ra diễn tiến theo một chu kỳ tuổi thọ giảm-tăng-giảm cũng giống như Chư Phật quá khứ sau khi tịch diệt Niết Bàn. Tuổi thọ con người giảm xuống dần đến tột cùng chỉ còn 10 năm, rồi tăng lên dần đến tột đỉnh a-tăng-kỳ năm, rồi lại giảm dần, giảm xuống dần cho đến thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 60 ngàn năm. Khi ấy, một Đức Phật xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất *Ma□□akappa* ấy là.

21- Đức Phật Vessabhū xuất hiện trên thế gian, vào thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 60 ngàn năm. Khi ấy, Đức Bồ Tát tiền thân của Đức Phật *Gotama* là **Đức vua Sudassana** đến hầu Đức Phật *Vessabhū* xin Ngài cho phép xuất gia trở thành *Tỳ khuru* trong giáo pháp của Ngài. Về sau, *Tỳ khuru Sudassana* được Đức Phật *Vessabhū* thọ ký xác định thời gian còn lại y như Đức Phật *Sikhī* rằng:

“Trong thời vị lai, còn 31 đại kiếp trái đất nữa, vị Tỳ khuru Sudassana này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức Phật Gotama”.

Đức Phật *Vessabhū* thọ 60 ngàn tuổi, rồi tịch diệt Niết Bàn, và giáo pháp của Ngài dần dần bị mai một hoàn toàn. Về sau, trái đất bị tiêu hoại và sau đó thời gian trải qua 31 đại kiếp trái đất thành-trụ-hoại-không, mà không có một Đức Phật Chánh Đẳng Giác nào xuất hiện trên thế gian. Mãi cho đến kiếp trái đất gọi là *Bhaddakappa* mới có 5 Đức Phật: **Đức Phật Kakusandha**, **Đức Phật Ko□āgamana**, **Đức Phật Kassapa**, **Đức Phật Gotama** và **Đức Phật Metteyya** tuần tự xuất hiện cùng trong kiếp trái đất này.

22- Đức Phật Kakusandha xuất hiện trên thế gian, vào thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 40 ngàn năm. Khi ấy, Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* là **Đức vua Khema** đến hầu Đức Phật *Kakusandha*, xin Ngài cho phép xuất gia trở thành *Tỳ khuru* trong giáo pháp của Ngài. Về sau, *Tỳ khuru Khema* được Đức Phật *Kakusandha* thọ ký xác định thời gian rằng:

“Trong thời vị lai, ngay cùng trong kiếp trái đất *Bhaddakappa* này, vị Tỳ khuru *Khema* này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức Phật *Gotama*”.

Đức Phật *Kakusandha* thọ 40 ngàn tuổi, rồi tịch diệt Niết Bàn, và giáo pháp của Ngài dần dần bị mai một hoàn toàn. Từ đó, ác pháp càng ngày càng tăng trưởng còn thiện pháp càng ngày càng suy thoái; do đó, tuổi thọ con người càng ngày càng giảm dần, giảm dần cho đến tột cùng chỉ còn 10 năm. Sau đó, một thảm họa khủng khiếp đã xảy ra, con người chém giết lẫn nhau vô cùng tàn khốc, không phân biệt cha mẹ, con cái, anh em, bà con... một số người hoảng sợ chạy trốn trong rừng núi thoát thân. Khi biết nạn chém giết không còn nữa, số người ấy gặp lại nhau, cam kết không sát hại nhau nữa. Khi ấy, con người biết ghê sợ tội ác, cố gắng tinh tấn tạo phước thiện, thiện pháp càng ngày càng tăng trưởng, cho nên, tuổi thọ con người càng ngày càng tăng lên dần, tăng lên dần cho đến tột đỉnh a-tăng-kỳ năm. Thời kỳ ấy, con người sống dễ dãi, ác pháp phát sinh; do đó, tuổi thọ con người lại giảm dần, giảm dần cho đến thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 30 ngàn năm. Khi ấy, một Đức Phật xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất *Bhaddakappa* này là.

23- Đức Phật *Koṅkāmānā* xuất hiện trên thế gian, vào thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 30 ngàn năm. Khi ấy, Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* là **Đức vua *Pabbata*** đến hầu Đức Phật *Koṅkāmānā* và được Ngài thọ ký xác định thời gian còn lại y như Đức Phật *Kakusandha* rằng:

“Trong thời vị lai, ngay cùng trong kiếp trái đất *Bhaddakappa* này, Đức vua *Pabbata* này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức Phật *Gotama*”.

Đức Phật *Koṅkāmānā* thọ 30 ngàn tuổi, rồi tịch diệt Niết Bàn, và giáo pháp của Ngài cũng dần dần bị mai một hoàn toàn. Về sau, mọi hiện tượng xảy ra tương tự cũng giống như sau khi Đức Phật *Kakusandha* tịch diệt Niết Bàn. Tuổi thọ con người giảm xuống dần đến tột cùng chỉ còn 10 năm; rồi tuổi thọ lại tăng dần lên đến tột đỉnh a-tăng-kỳ năm; rồi lại giảm xuống dần đến thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 20 ngàn năm. Khi ấy, một Đức Phật xuất hiện cùng trong kiếp trái đất *Bhaddakappa* này là.

24- Đức Phật *Kassapa* xuất hiện trên thế gian, vào thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 20 ngàn năm. Khi ấy, Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* là **Bàlamôn *Jotipāla*** đến hầu Đức Phật *Kassapa*, xin Ngài cho phép

xuất gia trở thành *Tỳ khưu* trong giáo pháp của Ngài. Về sau, *Tỳ khưu Jotipāla* được Đức Phật *Kassapa* thọ ký xác định thời gian còn lại y như Đức Phật *Kakusandha* và Đức Phật *Koṅkāmāna* rằng:

“Trong thời vị lai, ngay cùng trong kiếp trái đất *Bhaddakappa* này, vị *Tỳ khưu Jotipāla* này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức Phật *Gotama*”.

Đức Phật *Kassapa* thọ 20 ngàn năm tuổi, rồi tịch diệt Niết Bàn, và giáo pháp của Ngài cũng dần dần bị mai một hoàn toàn. Về sau, mọi hiện tượng xảy ra tương tự giống như sau khi Đức Phật *Kakusandha* và Đức Phật *Koṅkāmāna* tịch diệt Niết Bàn.

Xác định thời gian trở thành Đức Phật

Ý nguyện muốn trở thành **Đức Phật Chánh Đẳng Giác** (*Sammāsambuddha*), mà **Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác** (*Sammāsambodhisatta*) cần phải trải qua 3 thời kỳ:

- Thời kỳ phát nguyện trong tâm có ý nguyện muốn trở thành một Đức Phật Chánh Đẳng Giác, để tế độ cứu vớt chúng sinh giải thoát khỏi biển khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.
- Thời kỳ phát nguyện bằng lời nói, để cho chúng sinh biết rõ ý nguyện của mình muốn trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Cả hai thời kỳ này, dù Đức Bồ Tát kiên trì tinh tấn tạo 30 pháp hạnh ba-la-mật trải qua thời kỳ bao lâu, vẫn không thể biết được đến thời gian nào sẽ đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

- Thời kỳ Chư Phật Chánh Đẳng Giác thọ ký xác định thời gian Đức Bồ Tát sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác. Như trường hợp Đức Bồ Tát *Sumedha* tiền thân của Đức Phật *Gotama*, lần đầu tiên được Đức Phật *Dīpaṅkara* thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

“Trong thời vị lai, còn 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất nữa, vị Đạo sĩ *Sumedha* này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức Phật *Gotama*”.

Và cuối cùng Đức Bồ Tát được Đức Phật *Kassapa* thọ ký xác định thời gian rằng:

“Trong thời vị lai, ngay cùng trong kiếp trái đất *Bhaddakappa* này, vị Tỳ khuru *Jotipāla* này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức Phật *Gotama*”.

Thời gian suốt 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất gồm có 24 Đức Phật Chánh Đẳng Giác tuần tự xuất hiện trên thế gian, mỗi khi Đức Phật Chánh Đẳng Giác nào xuất hiện, thì Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* đều đến hầu Chư Đức Phật ấy và được Ngài thọ ký xác định thời gian còn lại sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* trải qua vô số kiếp không sao kể xiết, dù có lấy nước của 4 biển đại dương đếm từng giọt từng giọt, thì lượng nước của 4 biển đại dương cũng không đủ đếm số kiếp tử sinh luân hồi trong tam giới của Đức Bồ Tát đã trải qua, trong cuộc hành trình tạo 30 pháp hạnh ba-la-mật cho đầy đủ hoàn toàn, để trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Đức Bồ Tát tiền kiếp được 24 Đức Phật thọ ký

Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama*, trải qua vô số tiền kiếp không sao kể xiết, song chỉ có 24 kiếp được Chư Đức Phật Chánh Đẳng Giác thọ ký mà thôi. Trong 24 tiền kiếp ấy phân loại kiếp như sau:

- 9 kiếp Tỳ khuru
- 5 kiếp Đạo sĩ
- 5 kiếp người tại gia
- 2 kiếp Long vương
- 1 kiếp Đức vua trời *Sakka*
- 1 kiếp Thống tướng *Yakkha*
- 1 kiếp sư tử chúa.

9 kiếp Tỳ khuru được thọ ký

- Thời kỳ Đức Phật *Koṅkanna*, Đức Bồ Tát là Đức Chuyển Luân Thánh Vương *Vijitāvī* đến hầu Đức Phật, xin Ngài cho phép xuất gia trở thành Tỳ khuru trong giáo pháp của Ngài.

- Thời kỳ Đức Phật *Maṅgala*, Đức Bồ Tát là Bàlamôn *Suruci* đến hầu Đức Phật *Maṅgala*, xin Ngài cho phép xuất gia trở thành Tỳ khuru.

- Thời kỳ Đức Phật *Sumedha*, Đức Bồ Tát là Bàlamôn *Uttara* đến hầu Đức Phật *Sumedha*, xin Ngài cho phép xuất gia trở thành Tỳ khuru.

- Thời kỳ Đức Phật *Sujāta*, Đức Bồ Tát là Đức Chuyển Luân Thánh Vương đến hầu Đức Phật *Sujāta*, xin Ngài cho phép xuất gia trở thành Tỳ khưu.
- Thời kỳ Đức Phật *Phussa*, Đức Bồ Tát là Đức vua *Vijitāvī* đến hầu Đức Phật *Phussa*, xin Ngài cho phép xuất gia trở thành Tỳ khưu.
- Thời kỳ Đức Phật *Vessabhū*, Đức Bồ Tát là Đức vua *Sudassana* đến hầu Đức Phật *Vessabhū*, xin Ngài cho phép xuất gia trở thành Tỳ khưu.
- Thời kỳ Đức Phật *Kakusandha*, Đức Bồ Tát là Đức vua *Khema* đến hầu Đức Phật *Kakusandha*, xin Ngài cho phép xuất gia trở thành Tỳ khưu.
- Thời kỳ Đức Phật *Koṅkāmāna*, Đức Bồ Tát là Đức vua *Pabbata* đến hầu Đức Phật *Koṅkāmāna*, xin Ngài cho phép xuất gia trở thành Tỳ khưu.
- Thời kỳ Đức Phật *Kassapa*, Đức Bồ Tát là Bàlamôn *Jotipāla* đến hầu Đức Phật *Kassapa*, xin Ngài cho phép xuất gia trở thành Tỳ khưu.

5 kiếp Đạo sĩ được thọ ký

- Thời kỳ Đức Phật *Dīpaṅkara*, Đức Bồ Tát là Đạo sĩ *Sumedha* đến hầu Đức Phật *Dīpaṅkara*, và được Ngài thọ ký lần đầu tiên.
- Thời kỳ Đức Phật *Nārada*, Đức Bồ Tát là Đạo sĩ đến hầu Đức Phật *Nārada*, và được Ngài thọ ký.
- Thời kỳ Đức Phật *Atthadassī*, Đức Bồ Tát là Đạo sĩ *Susīma* đến hầu Đức Phật *Atthadassī*, và được Ngài thọ ký.
- Thời kỳ Đức Phật *Siddhattha*, Đức Bồ Tát là Đạo sĩ *Maṅgala* đến hầu Đức Phật *Siddhattha*, và được Ngài thọ ký.
- Thời kỳ Đức Phật *Tissa*, Đức Bồ Tát là Đạo sĩ *Sujāta* đến hầu Đức Phật *Tissa*, và được Ngài thọ ký.

5 kiếp người tại gia được thọ ký

- Thời kỳ Đức Phật *Revata*, Đức Bồ Tát là Bàlamôn *Atideva* đến hầu Đức Phật *Revata* và được Ngài thọ ký

- Thời kỳ Đức Phật *Sobhita*, Đức Bồ Tát là Bàlamôn *Sujāta* đến hầu Đức Phật *Sobhita*, và được Ngài thọ ký.

- Thời kỳ Đức Phật *Padumuttara*, Đức Bồ Tát là phú hộ *Jaṅgila* đến hầu Đức Phật *Padumuttara*, và được Ngài thọ ký.

- Thời kỳ Đức Phật *Piyadassī*, Đức Bồ Tát là Bàlamôn *Kassapa* đến hầu Đức Phật *Piyadassī*, và được Ngài thọ ký.

- Thời kỳ Đức Phật *Sikhī*, Đức Bồ Tát là Đức vua *Arindama* đến hầu Đức Phật *Sikhī*, và được Ngài thọ ký.

2 kiếp Long vương được thọ ký

- Thời kỳ Đức Phật *Sumana*, Đức Bồ Tát là Long vương *Atula* đến hầu Đức Phật *Sumana*, và được Ngài thọ ký.

- Thời kỳ Đức Phật *Vipassī*, Đức Bồ Tát là Long vương *Atula* đến hầu Đức Phật *Vipassī* và được Ngài thọ ký.

1 kiếp Đức vua trời Sakka được thọ ký

Thời kỳ Đức Phật *Dhammadassī*, Đức Bồ Tát là Đức vua trời *Sakka* đến hầu Đức Phật *Dhammadassī*, và được Ngài thọ ký.

1 kiếp Thống tướng Yakka được thọ ký

Thời kỳ Đức Phật *Anomadassī*, Đức Bồ Tát là Thống tướng *Yakkha* đến hầu Đức Phật *Anomadassī*, và được Ngài thọ ký.

1 kiếp Sư tử chúa được thọ ký

Thời kỳ Đức Phật *Paduma*, Đức Bồ Tát là Sư tử chúa đến hầu Đức Phật *Paduma*, và được Ngài thọ ký.

Mỗi Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama*, khi Ngài đã được Đức Phật Chánh Đẳng Giác thọ ký xác định thời gian còn lại sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu Đức Phật *Gotama* xong rồi, dù kiếp Đức Bồ Tát ấy thuộc hạng chúng sinh nào, là người hoặc Long vương, hoặc phạm thiên, hoặc sư tử chúa, voi chúa..., nhưng vẫn là Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác cố định có *mầm mống trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác*

(*Buddha*□*kura*) hoặc có hạt giống Đức Phật Chánh Đẳng Giác (*Buddhabhīja*□*kura*) chỉ còn có con đường tiến triển tạo 30 pháp hạnh ba-la-mật cho đầy đủ hoàn toàn theo thời gian còn lại mà thôi. Trong thời vị lai ấy, Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác ấy, chắc chắn sẽ trở thành một Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu Đức Phật *Gotama*. Cho nên, toàn thể chư thiên, chư phạm thiên, nhân loại đều vô cùng hoan hỷ; bởi vì họ biết rõ rằng: “Trong thời vị lai, vào thời kỳ ấy một Đức Phật Chánh Đẳng Giác có danh hiệu Đức Phật *Gotama* sẽ xuất hiện trên thế gian. Ngài sẽ thuyết pháp tế độ cứu vớt chúng sinh, thoát khỏi biển khổ luân hồi trong ba giới bốn loài”.

Tên gọi kiếp trái đất (*Kappa*)

- *Suññakappa*: Kiếp trái đất không có Đức Phật Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian.
- *Sārakappa*: Kiếp trái đất có 1 Đức Phật Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian.
- *Ma*□□*akappa*: Kiếp trái đất có 2 Đức Phật Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian.
- *Varakappa*: Kiếp trái đất có 3 Đức Phật Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian.
- *SāraMa*□□*akappa*: Kiếp trái đất có 4 Đức Phật Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian.
- *Bhaddakappa*: Kiếp trái đất có 5 Đức Phật Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian.

Đức Bồ Tát Sumedha - Bạc đại trí

Đức Bồ Tát *Sumedha* tiền thân Đức Phật *Gotama* sinh vào dòng dõi Bàlamôn qua bảy đời tinh khiết. Ngài theo học các bộ môn của dòng dõi Bàlamôn rất uyên thâm. Khi cha mẹ của Ngài qua đời, người quản gia gìn giữ các kho của cải đến trình cho Ngài biết rõ của cải tài sản của dòng họ tổ tiên ông bà cha mẹ để lại cho Ngài, một gia tài rất lớn lao...

Đức Bồ Tát suy xét rằng: “*Tổ tiên ông bà cha mẹ suốt 7 đời của ta đã tích lũy của cải tài sản lớn lao như thế này; khi qua đời chẳng có một ai đem theo được một món nhỏ nào. Khi đến phiên ta qua đời, chắc chắn cũng không đem theo được gì. Tốt hơn! Ta nên đem bớt của cải này làm phước bố thí đến cho mọi người nghèo khổ thiếu thốn, ta sống tại gia tạo mọi pháp hạnh ba-la-mật*”.

Một hôm, Đức Bồ Tát ngồi một mình trên lầu đài suy tư rằng:

“*Sự nóng của lửa tham, lửa sân, lửa si... hiện hữu; còn Niết Bàn tịch tịnh dập tắt được lửa tham, lửa sân, lửa si... cũng hiện hữu.*

Sự khổ để của danh pháp, sắc pháp trong tam giới hiện hữu; còn sự an lạc tuyệt đối của Niết Bàn Siêu tam giới cũng hiện hữu.

Sự tái sinh là khổ, sự già là khổ, sự bệnh là khổ, sự chết là khổ... vẫn hiện hữu; vậy ta nên mong muốn chứng ngộ Niết Bàn là pháp không sanh, không già, không bệnh, không chết... pháp giải thoát mọi cảnh khổ”.

Đức Bồ Tát suy xét rằng: “*Đời sống tại gia có nhiều nhiều khê phiền toái, bị ràng buộc... Tốt hơn, ta nên từ bỏ nhà xuất gia trở thành đạo sĩ*”.

Để thực hiện ý định, Đức Bồ Tát cho người đi truyền rao khắp nơi gần xa dân chúng trong nước, ai cần của cải gì, thì hãy đến tự tiện lấy. Đức Bồ Tát *Sumedha* từ bỏ nhà, đi vào rừng núi *Himavanta* xuất gia trở thành Đạo sĩ. Đức vua trời *Sakka*, cõi Tam Thập Tam Thiên biết ý nguyện của Đức Bồ Tát, nên truyền lệnh cho vị thiên nam hiện xuống cõi người, hóa ra một cộc lá dưới chân núi *Himavanta* để cúng dường Đức Bồ Tát Đạo sĩ *Sumedha*. Ban đầu, Đức Bồ Tát Đạo sĩ nương nhờ sống nơi cộc lá rất hài lòng. Về sau, Đức Bồ Tát Đạo sĩ suy xét kỹ thấy cộc lá có 8 điều bất lợi, còn nương nhờ sống dưới cội cây có 10 điều thuận lợi. Thế là, Đức Bồ Tát Đạo sĩ từ bỏ cộc lá để đến nương nhờ sống dưới cội cây hành đạo.

Mỗi buổi sáng, Đạo sĩ *Sumedha* mang bát vào xóm nhà để khát thực, sau khi thọ thực xong, Ngài trở về ngồi dưới cội cây suy xét rằng:

“*Người ta phải làm lụng vất vả cực nhọc lắm mới có được vật thực này. Vậy, từ nay ta nên lượm nhặt những trái cây rụng để ăn sống qua ngày; ta chớ nên sống để duôi, tinh tấn hành pháp hành thiền định, ngăn oai nghi nàm, ta chỉ thọ trì 3 oai nghi: **đi, đứng** và **ngồi** mà thôi*”.

Đạo sĩ *Sumedha* tinh tấn tiến hành thiền định, trong vòng 7 ngày đã chứng đắc 4 bậc thiền hữu sắc, 4 bậc thiền vô sắc và chứng đắc ngũ thông tam giới (*thần túc thông, nhãn thông, nhĩ thông, tha tâm thông và túc mạng thông*) an hưởng sự an lạc trong khi *nhập thiền (Jhānasamāpatti)* không hề hay biết rằng Đức Phật *Dīpa-kara* đã xuất hiện trên thế gian.

Một hôm, Đạo sĩ *Sumedha* du hành bay trên hư không, nhìn thấy dân chúng xứ *Rammavati* đang vui mừng hoan hỷ sửa sang con đường. Muốn biết do nguyên nhân nào khiến người ta làm việc một cách hoan hỷ như vậy, Đạo sĩ liền đáp xuống bèn hỏi những người ấy rằng:

- *Thưa quý bà con, quý bà con sửa sang con đường này để cho ai đi, mà thấy quý bà con vui mừng hoan hỷ đến như thế?*

- *Kính thưa Ngài Đạo sĩ Sumedha, Đức Phật Dīpa-kara cao thượng nhất trong toàn cõi thế giới chúng sinh đã xuất hiện trên thế gian rồi, chúng tôi đang sửa sang con đường này để đón rước Đức Phật Dīpa-kara cùng 400 ngàn chư Thánh Arahán sẽ ngự qua con đường này.*

Đạo sĩ *Sumedha* vừa lắng nghe danh từ “*Buddha*” (Đức Phật) tâm vô cùng hoan hỷ, suy nghĩ: “*Đức Phật xuất hiện trên thế gian là một điều hiếm có, thật vô cùng hi hữu. Ta nên cố gắng gieo phước thiện, tạo duyên lành nơi Đức Phật*”. Vị Đạo sĩ liền thưa với bà con rằng:

- *Thưa quý bà con, quý bà con sửa sang con đường này để đón rước Đức Phật Dīpa-kara cùng 400 ngàn vị Thánh Arahán ngự đến; xin quý bà con nhường cho bản đạo một đoạn đường, để bản đạo cùng sửa sang, đón rước Đức Phật cùng chư Thánh Arahán.*

Dân chúng biết Đạo sĩ có nhiều oai lực thần thông, nên họ chỉ đoạn đường bùn lầy khó khăn. Đạo sĩ nghĩ rằng: “*Nếu ta dùng phép thần thông để sửa đoạn đường này thì quá dễ, phước thiện ta được sẽ không nhiều. Vậy, ta nên tự dùng sức mình để sửa sang, thì chắc chắn ta được phước thiện nhiều hơn*”. Đức Bồ Tát dùng sức của chính mình lấy đất từ nơi khác đến để san bằng, công việc sửa đoạn đường còn độ một sải tay nữa là hoàn thành.

Khi ấy, nghe mọi người reo hò vui mừng đón Đức Phật *Dīpa-kara* cùng 400 ngàn chư Thánh Arahán sắp đến. Đức Bồ Tát *Sumedha* quyết định rằng: “*Hôm nay ta xin cúng dường sinh mạng của ta đến Đức Phật Dīpa-kara, bằng cách nằm sấp trên đoạn đường còn lại. Nguyên lý tám thân này làm như một chiếc cầu, để cúng dường Đức Phật Dīpa-kara cùng 400 ngàn chư*

Thánh Arahán ngự đi qua. Chắc chắn ta sẽ được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc lâu dài”.

Nguyện ước của Đức Bồ Tát Sumedha

Đức Bồ Tát *Sumedha* suy tư rằng: “*Hôm nay, nếu ta từ bỏ ý nguyện muốn trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, thì chắc chắn ta sẽ trở thành một bậc Thánh Arahán trong giáo pháp của Đức Phật Dīpa□kara, rồi sẽ tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt tử sinh luân hồi trong tam giới chỉ một mình ta; nhưng còn bao nhiêu chúng sinh khác vẫn đang chìm đắm trong biển khổ tử sinh luân hồi. Ta không đành giải thoát khổ riêng một mình ta*”. Nghĩ vậy, với tâm đại bi vô lượng thương xót chúng sinh, nên Đức Bồ Tát *Sumedha* phát nguyện rằng:

“Buddho bodheyya□...” Khi ta tự mình chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác rồi, khi ấy ta sẽ thuyết pháp giáo hóa chúng sinh cũng chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn trở thành bậc Thánh Arahán y theo ta vậy (tự giác - giác tha).

“Mutto moceyya□...” Khi ta tự mình giải thoát khỏi mọi sự ràng buộc của tham ái, phiền não, chứng ngộ Niết Bàn rồi, khi ấy, ta sẽ dẫn dắt chúng sinh cùng giải thoát khỏi mọi sự ràng buộc của tham ái, phiền não, chứng ngộ Niết Bàn y theo ta vậy (tự độ - tự tha).

“Tinno tareyya□...” Khi ta tự mình vượt qua được biển khổ tử sinh luân hồi, đạt đến Niết Bàn an lạc rồi, khi ấy, ta sẽ cứu vớt, dẫn dắt chúng sinh cùng vượt qua biển khổ tử sinh luân hồi, đạt đến Niết Bàn an lạc y theo ta vậy (tự đáo - đáo tha).

Trong khi đó có một nữ Bàlamôn tên là *Sumittā* [9] trên tay cầm 8 đóa hoa sen để cúng dường Đức Phật *Dīpa□kara*, khi nhìn thấy Đạo sĩ *Sumedha* nằm sấp lấy thân mình làm chiếc cầu trên đoạn đường ấy, cô liền phát sinh đức tin trong sạch, kính dâng đến vị Đạo sĩ 5 đóa hoa sen, còn 3 đóa hoa sen để lại cho mình. Đạo sĩ *Sumedha* nằm sấp, hai tay cầm 5 đóa hoa sen để trên trán. Khi ấy, Đức Phật *Dīpa□kara* cùng 400 ngàn chư vị Thánh Arahán ngự đi ngang qua bằng phép thần thông một cách nhẹ nhàng trên tám thân của Đạo sĩ *Sumedha*; cho nên, sinh mạng của Đức Bồ Tát vẫn an toàn, chẳng hề gì cả.

Thường Đức Phật Chánh Đẳng Giác đầu tiên chỉ thọ ký cho Đức Bồ Tát nào có đầy đủ 8 điều kiện như sau:

Đức Bồ Tát cần có đầy đủ 8 điều kiện để được thọ ký lần đầu tiên

- Loài người thật (không phải Long vương hoặc chư thiên hóa thành người).
- Người nam thật (không phải là ái nam, ái nữ).
- Kiếp hiện tại có đầy đủ pháp hạnh ba-la-mật có thể chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn trở thành bậc Thánh Arahán.
- Trực tiếp đến hầu Đức Phật Chánh Đẳng Giác.
- Bậc xuất gia Đạo sĩ có chánh kiến về nghiệp.
- Chứng đắc đầy đủ 4 bậc thiền hữu sắc và 4 bậc thiền vô sắc, chứng đắc ngũ thông tam giới.
- Quyết định cúng dường sinh mạng đến Đức Phật.
- Ý nguyện vững chắc, không thoái chí nản lòng, quyết tâm trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Đức Phật *Dīpa-kara* ngự đứng phía trên đầu của Đức Bồ Tát Đạo sĩ *Sumedha*, bằng trí tuệ thấy rõ, biết rõ trong thời vị lai (*anāgata-sañña*) quán xét ý nguyện muốn trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác của Đạo sĩ *Sumedha* có thành tựu hay không. Sau khi thấy rõ, biết rõ chắc chắn sẽ thành tựu, nên Đức Phật *Dīpa-kara* thọ ký xác định thời gian còn lại rằng:

“Trong thời vị lai, còn 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất nữa, Đạo sĩ *Sumedha* này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức Phật *Gotama*”.

Đức Phật *Dīpa-kara* là Đức Phật Chánh Đẳng Giác đầu tiên thọ ký cho Đức Bồ Tát *Sumedha* tiền kiếp của Đức Phật *Gotama*.

Đức Bồ Tát *Sumedha* đương nhiên trở thành *Đức Bồ Tát cố định* (*Niyatabodhisatta*) chắc chắn sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, trong thời vị lai. Khi Đức Bồ Tát lắng nghe lời thọ ký xác định thời gian của Đức

Phật *Dīpa*□*kara*, tâm vô cùng hoan hỷ. Tất cả nhân loại, chư thiên, chư phạm thiên đồng hoan hỷ chấp tay lễ bái Đức Bồ Tát Đạo sĩ, tán dương ca tụng rằng:

“*Đạo sĩ Sumedha chắc chắn sẽ là mầm móng trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác trong thời vị lai*”.

Thời gian hoàn thành 30 pháp hạnh ba-la-mật

Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* thuộc *Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác (Sammāsamboddisatta)* có trí tuệ ưu việt (*paññādhika*) hơn đức tin và tinh tấn; cho nên, thời gian còn lại 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất là khoảng thời gian bằng nửa thời gian của *Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác có đức tin ưu việt* và bằng một phần tư thời gian của *Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác có tinh tấn ưu việt*.

Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác có trí tuệ ưu việt cần phải hoàn thành đầy đủ trọn vẹn 30 pháp hạnh ba-la-mật: 10 pháp hạnh ba-la-mật bậc thường, 10 pháp hạnh ba-la-mật bậc trung và 10 pháp hạnh ba-la-mật bậc thượng. Trong khoảng thời gian còn lại 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất, kể từ khi Đức Phật *Dīpa*□*kara* thọ ký đầu tiên cho đến Đức Phật *Kassapa* thứ 24 thọ ký cuối cùng, đến kiếp chót là kiếp Đức Bồ Tát Thái tử *Siddhattha*.

Những lộ trình tâm có mục đích cuối cùng

Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* đã trải qua cuộc hành trình bằng lộ trình tâm (*vithicitta*) từ sát-na tâm này qua sát-na tâm khác, sinh rồi diệt diễn tiến không ngừng từ lộ trình tâm này qua lộ trình tâm khác, từ kiếp sống này qua kiếp sống khác kế tiếp nhau trên ***con đường thẳng dài theo thời gian***, nhưng có mục đích cuối cùng. Để tạo cho đầy đủ trọn vẹn 30 pháp hạnh ba-la-mật, kể từ thời kỳ Đức Bồ Tát phát nguyện ở trong tâm có ý nguyện muốn trở thành một Đức Phật Chánh Đẳng Giác, để tế độ cứu vớt chúng sinh trong biển khổ tử sinh luân hồi. Đức Bồ Tát đã tạo những pháp hạnh ba-la-mật trong khoảng thời gian suốt 7 a-tăng-kỳ. Tiếp đến thời kỳ Đức Bồ Tát phát nguyện bằng lời nói để cho mọi chúng sinh hiểu biết được ý nguyện muốn trở thành một Đức Phật Chánh Đẳng Giác của mình. Đức Bồ Tát đã tạo những pháp hạnh ba-la-mật trong khoảng thời gian suốt 9 a-tăng-kỳ. Và tiếp đến thời kỳ được Đức Phật *Dīpa*□*kara* thọ ký Đức Bồ Tát Đạo sĩ *Sumedha* xác định thời gian còn lại là 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất nữa, sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác có danh hiệu là Đức Phật *Gotama*.

Trong suốt 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất ấy, Đức Bồ Tát cố gắng tinh tấn không ngừng, bồi bổ cho đầy đủ trọn vẹn 30 pháp hạnh ba-la-mật. Trong khoảng thời gian ấy có 24 Đức Phật Chánh Đẳng Giác tuần tự xuất hiện trên thế gian, mỗi Đức Phật Chánh Đẳng Giác đều thọ ký Đức Bồ Tát xác định thời gian còn lại sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác có danh hiệu Đức Phật *Gotama*.

Như vậy, Đức Phật *Gotama* là quả của 30 pháp hạnh ba-la-mật, do đã tạo và tích lũy từ vô số-vô số tiền kiếp trong quá khứ, sự liên hệ từ kiếp này đến kiếp khác ***qua các lộ trình tâm sinh rồi diệt, có mục đích cuối cùng***, mà mỗi tâm trong lộ trình tâm đều có phận sự tích lũy nghiệp. Cho nên, sự liên hệ từ kiếp này qua kiếp khác, hoặc từ kiếp quá khứ qua kiếp hiện tại, hoàn toàn không phải liên hệ ***phần thân*** của mỗi kiếp, mà là sự liên hệ ***phần tâm*** của mỗi kiếp, vì ***tâm*** có phận sự tích lũy nghiệp (*thiện nghiệp và bất thiện nghiệp*). Khi *thiện nghiệp* 30 pháp hạnh ba-la-mật cho quả, kiếp chót Đức Bồ Tát *Siddhattha* có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc Đại nhân, và 80 tướng tốt phụ. Ngài xuất gia chứng đắc thành ***Đức Phật Chánh Đẳng Giác***. Và khi *ác nghiệp* cho quả, thì Đức Phật phải chịu quả xấu như khi bị nàng *Ciñcāmānavikā* vu oan, quả xấu như khi bị Tỳ khuru *Devadatta* lăn đá rơi xuống làm bầm đầu ngón chân cái, v.v... Những lộ trình tâm diễn tiến trong suốt cuộc đời của Đức Phật, cho đến *Niết Bàn lộ trình tâm* (*Parinibbānavāthiccitta*) cuối cùng, chấm dứt không còn tái sinh kiếp sau nữa. Đó là khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài. Còn các chúng sinh khác không có phát nguyện trở thành bậc Thánh Arahán, thì *những lộ trình tâm không có mục đích cuối cùng*, kế tiếp nhau trên *con đường vòng tròn*. Cho nên, sự tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài là vô cùng, vô tận, vô chung.

Tâm đại bi vô lượng của Đức Bồ Tát *Sumedha*

Đức Bồ Tát Đạo sĩ *Sumedha*, tiền kiếp của Đức Phật *Gotama*, biết rõ rằng: ***Hễ còn tái sinh là còn Khổ đế. Tái sinh trong ba giới bốn loài đều là Khổ đế, không có sự an lạc thật sự, mà chỉ có Khổ đế là sự thật chân lý.***

Ngay trong kiếp Đức Bồ Tát Đạo sĩ *Sumedha* đón rước Đức Phật *Dīpa□kara*, Ngài đã có đủ khả năng ba-la-mật để trở thành bậc Thánh Arahán cùng với Tứ Tuệ Phân Tích, Lục thông trong giáo pháp của Đức Phật *Dīpa□kara*. Cuối cùng trong kiếp ấy sẽ tịch diệt Niết Bàn, hoàn toàn giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài. Nhưng với ***tâm đại bi vô lượng*** của Đức Bồ Tát Đạo sĩ *Sumedha*, đối với chúng sinh đang đắm

chìm trong biển khổ tử sinh luân hồi, nên Đức Bồ Tát Đạo sĩ không đành giải thoát khỏi biển khổ tử sinh luân hồi cho riêng mình; mà Ngài có ý nguyện muốn trở thành một Đức Phật Chánh Đẳng Giác, để thuyết pháp tế độ, cứu vớt chúng sinh giải thoát khỏi biển khổ tử sinh luân hồi. Cho nên, **Đức Bồ Tát Đạo sĩ chấp nhận chịu đựng kéo dài tử sinh luân hồi thêm khoảng thời gian dài 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất nữa**, để tiếp tục bổ sung cho đầy đủ trọn vẹn 30 pháp hạnh ba-la-mật, hầu mong chúng đắc thành một Đức Phật Chánh Đẳng Giác để thuyết pháp tế độ chúng sinh giải thoát khỏi biển khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

- *Chúng sinh ấy là ai?*

- *Chúng sinh ấy chính là chúng ta đây!*

Đức Phật có tâm đại bi thương xót chúng ta, Ngài thuyết pháp chỉ dẫn cho chúng ta con đường giải thoát khỏi tử sinh luân hồi, con đường duy nhất giải thoát khỏi khổ ấy là: **Pháp hành Trung Đạo**, hoặc **Pháp hành Tứ Niệm Xứ**, hoặc **Pháp hành Thiên Tuệ**, hoặc **Pháp hành Bát Chánh Đạo** dẫn dắt đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Hành 30 pháp hạnh ba-la-mật

Ba-la-mật nghĩa là gì?

Ba-la-mật là dịch âm từ *Pāṇi: Pāramī*.

Pāramī có rất nhiều nghĩa, nghĩa chính yếu là: *Pháp duyên chính dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn cao thượng*.

Điều kiện thành tựu pháp hạnh ba-la-mật: Mỗi khi tạo pháp hạnh ba-la-mật nào, phải là thiện tâm hoàn toàn trong sạch, không bị ô nhiễm bởi phiền não nhất là *tham ái (taṇhā)*, *ngã mạn (māna)*, *tà kiến (diṭṭhi)* và đồng thời hợp với *tâm đại bi (mahākaruṇā)* và trí tuệ hướng đến *chứng ngộ Niết Bàn (upāyakosallaṅkā)*. Khi hội đầy đủ các điều kiện trên, thì mới thành tựu được pháp hạnh ba-la-mật ấy.

* Pháp hạnh ba-la-mật có 10 loại

Bố thí ba-la-mật (dānapāramī)

Giữ giới ba-la-mật (sīlapāramī)

Xuất gia ba-la-mật (nekkhammapāramī)
Trí tuệ ba-la-mật (paññāpāramī)
Tinh tấn ba-la-mật (vīriyapāramī)
Nhẫn nại ba-la-mật (khantipāramī)
Chân thật ba-la-mật (saccapāramī)
Chí nguyện ba-la-mật (adhi□□hānapāramī)
Tâm từ ba-la-mật (mettāpāramī)
Tâm xả ba-la-mật (upekkhāpāramī)

* Pháp hạnh ba-la-mật có 3 bậc

- **10 pháp hạnh ba-la-mật bậc thường:** Hành 10 pháp ba-la-mật bậc thường này không liên quan đến những bộ phận trong thân thể và sinh mạng của mình; hy sinh những gì thuộc bên ngoài.

Ví dụ: *Cửa cái, tài sản, ngôi báu, vợ, con v.v...*

- **10 pháp hạnh ba-la-mật bậc trung:** Hành 10 pháp hạnh ba-la-mật bậc trung này không liên quan đến sinh mạng của mình; hy sinh những bộ phận trong thân thể của mình.

Ví dụ: *Mắt, tay, chân, thận v.v...*

- **10 pháp hạnh ba-la-mật bậc thượng:** Hành 10 pháp hạnh ba-la-mật bậc thượng này liên quan đến hy sinh sinh mạng của mình, khi đang còn sống.

Ví dụ: *Khi hy sinh sinh mạng của mình vì một mục đích cao thượng.*

Sau khi, Đức Bồ Tát *Sumedha* tiền thân của Đức Phật *Gotama*, được Đức Phật *Dīpa□kara* thọ ký xác định thời gian còn 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất nữa, trong khoảng thời gian này Đức Bồ Tát cần phải bồi bổ cho đầy đủ trọn vẹn 30 pháp hạnh ba-la-mật, để chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Trong lịch sử Đức Bồ Tát tiền thân của Đức Phật *Gotama*, có những kiếp Đức Bồ Tát tạo ba-la-mật ở cõi người, khi hết tuổi thọ, do thiện nghiệp cho quả tái sinh làm thiên nam trong cõi trời dục giới. Đức Bồ Tát không chịu hưởng sự an lạc ở cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ, mà Ngài nguyện từ bỏ kiếp thiên nam ở cõi trời ấy; do thiện nghiệp cho quả tái sinh làm người trong cõi người, để thuận lợi cho việc tạo nhiều pháp hạnh ba-la-mật. Cho nên, cõi người là cõi rất đặc biệt hơn các cõi khác như:

- Thuận lợi cho việc thực hành phạm hạnh cao thượng.
- Thuận lợi cho việc tạo mọi thiện pháp: Dục giới thiện pháp, sắc giới thiện pháp, vô sắc giới thiện pháp và đặc biệt Siêu tam giới thiện pháp.
- Thuận lợi cho việc tạo 30 pháp hạnh ba-la-mật.
- Chư Phật Chánh Đẳng Giác, Chư Phật Độc Giác, chư Thánh Tối Thượng Thanh Văn Giác, chư Thánh Đại Thanh Văn Giác đều xuất hiện tại cõi người này.

Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* bổ sung 30 pháp hạnh ba-la-mật suốt 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp, được 24 Đức Phật Chánh Đẳng Giác thọ ký, và trải qua vô số-vô số kiếp không sao kể xiết được, cho đến khi đầy đủ trọn vẹn 30 pháp hạnh ba-la-mật. Đến kiếp áp chót Đức Bồ Tát tái sinh làm thiên nam có tên *Setaketu* ở cõi trời *Tusita* (Đầu Suất Đà Thiên) cõi trời thứ 4 trong 6 cõi trời dục giới, nghỉ ngơi hưởng sự an lạc trong cõi trời ấy.

-ooOoo-

Thỉnh Đức Bồ Tát giáng thế

Bốn Đức vua trời cõi Tứ Đại Thiên Vương, Đức vua trời *Sakka* cõi Tam Thập Tam Thiên, Đức vua trời *Suyāma* cõi Dạ Ma Thiên, Đức vua trời *Santussita* cõi Đầu Suất Đà Thiên, Đức vua trời *Sunimmita* cõi Hóa Lạc Thiên, Đức vua trời *Vasavatti* cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên, cùng chư thiên 6 cõi trời dục giới, chư phạm thiên các cõi trời sắc giới đồng tụ hội đến hầu Đức Bồ Tát thiên nam *Setaketu*, tất cả đồng chấp tay bạch rằng:

- Kính bạch Đức Bồ Tát thiên nam Setaketu, Ngài đã tạo đầy đủ trọn vẹn pháp hạnh ba-la-mật xong rồi. Các pháp hạnh ba-la-mật ấy không phải Ngài để mong ngôi vị các vua trời, cũng không phải để mong sinh làm phạm thiên, cũng không phải để mong ngôi vị Đức Chuyển Luân Thánh Vương; mà sự thật, các pháp hạnh ba-la-mật ấy, giúp hỗ trợ Ngài chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, để thuyết pháp tế độ chúng sinh, giải thoát khỏi khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Kính bạch Đức Bồ Tát thiên nam, bây giờ đúng lúc, đúng thời kỳ, để cho Ngài trở thành một Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Kính bạch Đức Bồ Tát thiên nam, tất cả chúng con thành kính thỉnh Ngài tái sinh làm người, để trở thành một Đức Phật Chánh Đẳng Giác, để thuyết pháp tế độ chúng sinh, giải thoát khỏi khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Lắng nghe lời thỉnh cầu của chư thiên, phạm thiên, Đức Bồ Tát thiên nam Setaketu chưa nhận lời thỉnh cầu ấy, mà Ngài quán xét trong thời quá khứ: “*Chư Bồ Tát kiếp chót tái sinh xuống làm người, để trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, đã quán xét như thế nào?*”

Quán xét 5 điều trước khi tái sinh

Theo lệ thường, Chư Bồ Tát kiếp chót tái sinh xuống làm người, thì phải quán xét đầy đủ 5 điều như sau:

*Quán xét thời kỳ tuổi thọ con người.
Quán xét châu đến tái sinh.
Quán xét xứ sở đến tái sinh.
Quán xét dòng họ nơi tái sinh.
Quán xét tuổi thọ của mẫu thân, để đầu thai.*

Đức Bồ Tát thiên nam Setaketu quán xét từng điều:

1) Đức Bồ Tát quán xét thời kỳ tuổi thọ con người

Chư Phật Chánh Đẳng Giác không xuất hiện trên thế gian trong thời kỳ con người có tuổi thọ trên 100 ngàn năm và trong thời kỳ con người có tuổi thọ dưới 100 năm. Bởi vì, nếu con người có tuổi thọ sống lâu trên 100 ngàn năm, thì mỗi khi Đức Phật thuyết pháp rằng: “*Sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ; hoặc ngũ uẩn có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã...*”, họ không hiểu rõ chánh pháp, phát sinh tâm hoài nghi. Do đó, Đức Phật Chánh Đẳng Giác không xuất hiện trên thế gian vào trong thời kỳ ấy.

Và nếu con người có tuổi thọ ngắn ngủi dưới 100 năm, thời kỳ ấy con người có phiền não nặng nề, làm cho tâm tư ô nhiễm tối tăm, thì mỗi khi Đức Phật thuyết giảng chánh pháp vi tế cao siêu, họ khó hiểu rõ được chánh pháp ấy. Do đó, Đức Phật Chánh Đẳng Giác cũng không xuất hiện trên thế gian vào trong thời kỳ ấy.

Trong quá khứ, Chư Phật thường xuất hiện trên thế gian, trong thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 100 ngàn năm đến 100 năm. Khi ấy, con người có trí tuệ sáng suốt, nếu lắng nghe Đức Phật thuyết pháp, thì có thể hiểu rõ được chánh pháp, rồi thực hành theo chánh pháp dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Đức Bồ Tát thiên nam *Setaketu* quán xét thấy rằng: *Khi ấy, thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 100 năm, đó là thời kỳ thích hợp cho Đức Phật Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian.*

2) Đức Bồ Tát quán xét các châu đến tái sinh

Loài người có trong 4 châu: Đông Thắng Thần châu, Tây Nguu Hóa châu, Nam Thiện Bộ châu và Bắc Câu Lưu châu.

Trong quá khứ, Chư Phật chỉ xuất hiện trong cõi ***Nam Thiện Bộ châu*** mà thôi, không xuất hiện ở ba châu khác. Do đó Đức Bồ Tát thiên nam *Setaketu* quyết định tái sinh trong cõi ***Nam Thiện Bộ châu***.

3) Đức Bồ Tát quán xét xứ sở đến tái sinh

Trong cõi Nam Thiện Bộ châu rộng lớn mênh mông, trong quá khứ, Đức Phật chỉ xuất hiện trong ***Trung xứ (Majjhimapadesa)*** mà thôi, không xuất hiện ở nơi xứ Biên địa. Do đó Đức Bồ Tát thiên nam *Setaketu* quyết định tái sinh nơi ***Trung xứ vùng Sakka kinh thành Kapilavatthu.***

4) Đức Bồ Tát quán xét dòng họ nơi tái sinh

Trong quá khứ, chư Bồ Tát kiếp chót trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác không sinh trong dòng họ hạ tiện, nghèo khổ, mà chỉ sinh một trong hai dòng dõi là ***dòng dõi Vua chúa*** hoặc ***dòng dõi Bàlamôn***. Nếu thời kỳ ấy, tất cả mọi người kính trọng dòng dõi Bàlamôn, thì Đức Bồ Tát kiếp chót sẽ tái sinh vào trong dòng dõi Bàlamôn; hoặc nếu thời kỳ ấy, tất cả mọi người kính trọng dòng dõi Vua chúa, thì Đức Bồ Tát sẽ tái sinh vào trong dòng dõi Vua chúa.

Đức Bồ Tát thiên nam *Setaketu* quán xét thấy thời kỳ ấy, tất cả mọi người đều kính trọng dòng dõi Vua chúa hơn dòng dõi Bàlamôn, nên Ngài quyết định sinh vào ***dòng dõi Vua Sakya.*** ***Đức vua Suddhodana*** trải qua nhiều đời vua tinh khiết (*không lẫn lộn với dòng khác*).

5) Đức Bồ Tát quán xét mẫu thân và tuổi thọ của bà

Mẫu thân của Đức Bồ Tát Chánh Đăng Giác trong kiếp chót phải là người đã từng tạo 10 pháp hạnh ba-la-mật suốt 100 ngàn đại kiếp trái đất và được Đức Phật Chánh Đăng Giác trong quá khứ thọ ký rằng: *Bà sẽ là mẫu thân của Đức Phật trong thời vị lai.*

Mẫu thân của Đức Bồ Tát ấy phải là người có ngũ giới hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn, không hề bị phạm giới nào; ngoài ngũ giới ra, bà còn phải thọ trì 8 giới (*uposathasīla*) trong những ngày giới hằng tháng. Đức Bồ Tát quán xét thấy bà *Mahāmayādevī*, chánh cung Hoàng hậu của Đức vua *Suddhodana*, có đầy đủ những tiêu chuẩn trên và tuổi thọ của bà *Mahāmayādevī* còn đúng 10 tháng lẻ 7 ngày, nên Đức Bồ Tát chọn **bà *Mahāmayādevī*** làm mẫu thân của Ngài.

Sau khi quán xét đầy đủ 5 điều rồi, Đức Bồ Tát thiên nam *Setaketu* quyết định tái sinh xuống làm người, để trở thành một Đức Phật Chánh Đăng Giác.

Đức Bồ Tát thiên nam *Setaketu* truyền dạy rằng:

“Này chư thiên, chư phạm thiên, ta đồng ý nhận lời thỉnh cầu của các người. Ta sẽ tái sinh xuống làm người trong cõi Nam Thiện Bộ châu, Trung xứ, kinh thành Kapilavatthu, trong dòng vua Sakya, Đức vua Suddhodana là phụ thân và bà Mahāmayādevī, chánh cung Hoàng hậu của Đức vua Suddhodana, làm mẫu thân của ta”.

Sau khi lắng nghe lời truyền dạy của Đức Bồ Tát thiên nam *Setaketu*, tất cả chư thiên, và chư phạm thiên vô cùng hoan hỷ cùng nhau tán dương ca tụng Đức Bồ Tát thiên nam *Setaketu*. Sau đó, đều cùng nhau xin phép trở về cảnh giới của mình. Chư thiên, chư phạm thiên loan báo cho khắp toàn thể giới chúng sinh biết rằng:

“Đức Phật sẽ xuất hiện trên thế gian!”

Theo truyền thống của Chư Phật, có những điều cơ bản hoàn toàn giống nhau, Chư Phật Chánh Đăng Giác trong quá khứ như thế nào, thì Đức Phật Chánh Đăng Giác trong hiện tại cũng như thế ấy, và Chư Phật Chánh Đăng Giác trong vị lai cũng như thế ấy. Nếu có điều khác nhau, thì khác nhau những điều chi tiết như thời gian tạo 30 pháp hạnh ba-la-mật, tuổi thọ, v.v...

Đức Bồ Tát tái sinh làm người

Đức Bồ Tát thiên nam *Setaketu* quyết định từ bỏ kiếp thiên nam ở cõi trời *Tusita* (*Đầu Suất Đà Thiên*) tái sinh đầu thai vào lòng mẫu thân *Mahāmayādevī* chánh cung Hoàng hậu của Đức vua *Suddhodana*, kinh thành *Kapilavatthu* vào ngày thứ năm, nhằm ngày rằm tháng sáu lúc canh chót.

Chánh cung Hoàng hậu *Mahāmayādevī* thấy mộng lành

Vào ngày rằm tháng sáu (âm lịch), Chánh cung Hoàng hậu *Mahāmayādevī* của Đức vua *Suddhodana* đến hầu vị Đạo sư *Kāladevila* xin thọ trì *uposathasīla* (*bát giới*). Canh chót đêm ấy, trước khi Đức Bồ Tát tái sinh đầu thai vào lòng, bà *Mahāmayādevī* nằm mộng thấy Tứ Đại Thiên Vương cung nghinh bà lên núi *Himavanta*, đặt bà nằm trên một tảng đá lớn gần hồ *Anotatta*. Sau đó, có 4 chánh cung Hoàng hậu của Tứ Đại Thiên Vương cùng chư thiên nữ đến tắm sạch sẽ cho bà, xoa các thứ vật thơm của cõi trời, dâng những đóa hoa trời xinh đẹp, rồi cung nghinh bà đến một ngọn núi bằng bạc, có một lầu đài bằng vàng nguy nga tráng lệ, và đặt bà nằm nghiêng bên phải nghỉ ngơi nơi đó. Khi ấy, ***một con bạch tượng cao thượng*** hiện đến lầu đài bằng vàng nơi bà đang nằm nghỉ ngơi. Con bạch tượng ấy đi vòng quanh nơi bà nằm 3 vòng, rồi chui vào hông phía bên phải của bà.

Khi bà *Mahāmayādevī* đang nằm mộng, đó cũng là lúc Đức Bồ Tát thiên nam *Setaketu* từ bỏ kiếp thiên nam ở cõi trời *Tusita*, đồng thời với ***đệ nhất đại quả tâm*** (*đại quả tâm thứ nhất, hợp với trí đồng sinh với hỷ không cần động viên*) làm phận sự tái sinh đầu thai vào lòng mẫu thân *Mahāmayādevī*, nhằm vào ***ngày thứ năm canh chót đêm rằm tháng sáu*** (âm lịch). Khi ấy, bà chánh cung Hoàng hậu *Mahāmayādevī* có tuổi thọ được 55 năm 6 tháng 20 ngày [10]. Ngay lúc ấy, trái đất rung mình rung chuyển và có 32 hiện tượng xảy ra chưa từng thấy bao giờ; chư thiên, phạm thiên trong 10 ngàn thế giới chúng sinh vô cùng hoan hỷ loan báo tin lành rằng:

“Đức Bồ Tát đã tái sinh rồi!”

Quân sư Balamôn đoán mộng

Chánh cung Hoàng hậu *Mahāmayādevī* đã trải qua giấc mộng lành và sau khi tỉnh dậy, bà đến chào Đức vua *Suddhodana* và tâu trình lên Đức vua về giấc mộng vừa qua. Sáng sớm hôm sau, Đức vua *Suddhodana* bèn truyền lệnh cho mời nhóm Balamôn quân sư vào triều yết kiến. Sau khi thiết đãi và

ban thường xong, Đức vua bèn tường thuật lại giấc mộng canh chót đêm qua của chánh cung Hoàng hậu *Mahāmayādevī* cho nhóm quân sư Bàlamôn nghe để họ cùng nhau suy đoán.

Đức vua truyền hỏi rằng:

- Thưa quân sư, giấc mộng như vậy có ý nghĩa như thế nào? Xin quý quân sư tâu cho trẫm được rõ.

Một vị Bàlamôn trưởng bèn tâu rằng:

- Muôn tâu Đại vương, xin Đại vương an tâm, chánh cung Hoàng hậu đã thụ thai, thai nhi không phải là Công chúa mà chắc chắn là Thái tử, Bậc cao thượng nhất.

Nếu Thái tử sống trong triều, thì sẽ là Đức Chuyển Luân Thánh Vương trị vì thiên hạ có 4 biển làm ranh giới.

Nếu Thái tử bỏ nhà đi xuất gia, thì sẽ là Đức Phật Chánh Đẳng Giác cao thượng nhất trong toàn cõi thế giới chúng sinh.

Oai lực kiếp chót của Đức Bồ Tát

Từ khi Đức Bồ Tát kiếp chót tái sinh đầu thai vào lòng mẫu thân, do oai lực của Đức Bồ Tát, nên ngày đêm Tứ Đại Thiên Vương theo hầu, để tỏ lòng cung kính; không phải theo hộ trì bà chánh cung Hoàng hậu *Mahāmayādevī*; bởi vì, Đức Bồ Tát kiếp chót có oai lực phi thường, nên không có một ai có thể làm hại bà được.

Mẫu thân của Đức Bồ Tát có giới đức tự nhiên, bà không phải đến làm học trò vị Đạo sư *Kāśyapa*, để xin thọ giới như trước đây nữa; thân và tâm của bà thường an lạc. Tâm tham muốn trong dục lạc không hề phát sinh và khi Đức vua *Suddhodana* nhìn thấy bà liền phát sinh thiện tâm trong sáng, do đó Đức vua rất tôn trọng bà.

Đức Bồ Tát phát triển và tăng trưởng ở trong bào thai mẫu thân, như ở trong một căn phòng sạch sẽ và sang trọng. Đức Bồ Tát ngồi kiết già như vị Pháp sư đang ngồi trên pháp tòa, cho đến khi tròn đủ 10 tháng.

Đức Bồ Tát đản sinh

Bà chánh cung Hoàng hậu *Mahāmayādevī* biết gần đến ngày đản sinh Đức Bồ Tát, bà đến châu Đức vua *Suddhodana* bèn tâu rằng:

- *Muôn tâu Bệ hạ, thần thiếp xin phép trở về cố quốc Vedeha để hạ sinh Thái tử.*

Đức vua chuẩn tâu lời xin của bà và truyền lệnh cho các quan sửa sang đường sá bằng phẳng, trang hoàng đẹp đẽ từ xứ *Kapilavatthu* cho đến xứ *Vedeha*, để tiễn đưa chánh cung Hoàng hậu *Mahāmayādevī* trở về cố quốc; Đức vua còn truyền lệnh làm một chiếc kiệu mới thật sang trọng để cho bà ngự đi.

Mọi việc đều chuẩn bị sẵn sàng, bà chánh cung Hoàng hậu *Mahāmayādevī* được thỉnh ngự lên chiếc kiệu, các quan khiêng chiếc kiệu đi từ kinh thành *Kapilavatthu* đến kinh thành *Vedeha*. Trên đường, khi đoàn người vừa đến khu vườn *Lumbīnī*, hôm ấy, thật tuyệt vời! Cả muôn hoa đều đua nở và muôn chim cùng ca hát như hân hoan đón mừng một sự kiện trọng đại. Bà chánh cung Hoàng hậu *Mahāmayādevī* muốn dừng kiệu lại, ghé vào vườn *Lumbīnī*, để du lãm.

Các quan tâu xin Đức vua, và Đức vua *Suddhodana* chấp thuận.

Chư thiên, chư phạm thiên tụ hội

Khi bà chánh cung Hoàng hậu *Mahāmayādevī* ngự vào vườn *Lumbīnī*, hôm ấy chư thiên, chư phạm thiên tụ hội tại khu vườn, và cả vạn thế giới chúng sinh vui mừng reo hò rằng:

- *“Hôm nay, tại khu vườn Lumbīnī này, Đức Bồ Tát sẽ đản sinh ra đời khỏi lòng bà chánh cung Hoàng hậu Mahāmayādevī”.*

Chư thiên, chư phạm thiên, tay cầm những món quà từ cõi trời như vật thơm trời, những đóa hoa trời, nhạc trời trỗi lên để cúng dường Đức Bồ Tát cùng với những chiếc lọng trắng che phủ khắp không gian.

Bà chánh cung Hoàng hậu *Mahāmayādevī* ngự đến một cây *Sālā* có thân to, cành cây đầy hoa đang nở rộ; khi bà đứng đưa cánh tay phải lên, thì cành

cây tự nhiên sà xuống, bà đưa tay nắm lấy cành cây với tư thế dáng đứng rất đẹp. Đức Bồ Tát cao thượng sẽ dẫn sinh ra đời trong tư thế dáng đứng này; cho nên các quan, các cung nữ che màn xung quanh nơi bà đang đứng. Bà chánh cung Hoàng hậu *Mahāmayādevī* đứng trong tư thế dáng đứng vững vàng. Khi ấy, *Đức Bồ Tát cao thượng dẫn sinh ra đời khỏi lòng bà chánh cung Hoàng hậu Mahāmayādevī bằng đôi chân ra trước, rồi xuôi hai tay, toàn thân mình sạch sẽ ra sau, một cách suôn sẻ an lành cả Đức Bồ Tát lẫn mẫu thân của Ngài. Lúc đó, vào ban ngày của ngày thứ 6, nhằm ngày rằm tháng tư (âm lịch).* Khi ấy, hai dòng nước ấm và lạnh từ trên hư không chảy xuống làm cho sạch sẽ thân hình của Đức Bồ Tát và mẫu thân của Ngài.

Khi Đức Bồ Tát cao thượng vừa ra khỏi lòng bà chánh cung Hoàng hậu *Mahāmayādevī*, trước tiên 4 vị Đại Phạm Thiên có thiện tâm trong sạch, không bị ô nhiễm bởi phiền não, mỗi vị cầm mỗi chéo tấm lưới bằng vàng đón nhận Đức Bồ Tát xong, rồi đặt trước mặt bà chánh cung Hoàng hậu *Mahāmayādevī* và tâu rằng:

- Muôn tâu chánh cung Hoàng hậu, xin bà phát sinh tâm hoan hỷ ! Đây là Thái tử của bà, cũng là Đức Bồ Tát kiếp chót cao thượng. Ngài là Bạc đại phước có nhiều oai lực nhất trong tất cả chúng sinh trong tam giới.

Sau đó, Đức Bồ Tát từ trên tay 4 vị Đại Phạm Thiên được trao sang cho 4 vị Tứ Đại Thiên Vương đón tiếp bằng tấm da mềm mại; một lần nữa, Đức Bồ Tát từ tay 4 vị Tứ Đại Thiên Vương được trao sang cho các quan đón tiếp bằng tấm vải trắng tinh.

Khi ấy, Đức Bồ Tát từ trên tay các quan, bước xuống đạp trên mặt đất bằng đôi bàn chân bằng phẳng của Ngài, Đức Bồ Tát đứng quay mặt nhìn về hướng Đông, chư thiên và nhân loại dâng hoa cúng dường Đức Bồ Tát, rồi tán dương ca tụng rằng:

- Kính bạch Đức Đại nhân, tất cả chúng sinh trong hướng này, Ngài là Bạc cao thượng nhất, không có một ai cao thượng hơn Ngài.

Tiếp đến, Đức Bồ Tát quay mặt nhìn về hướng Nam... hướng Tây... hướng Bắc... hướng Đông Nam... hướng Tây Nam... hướng Tây Bắc... hướng Đông Bắc trong tám hướng, mỗi hướng chư thiên và nhân loại đều dâng hoa cúng dường Đức Bồ Tát, rồi tán dương ca tụng rằng:

- Kính bạch Đức Đại nhân, tất cả chúng sinh trong hướng này, Ngài là Bạc cao thượng nhất, không có một ai cao thượng hơn Ngài.

Đức Bồ Tát cúi mặt nhìn xuống hướng dưới, rồi ngẩng mặt nhìn lên hướng trên, chư thiên, chư phạm thiên đều dâng hoa tán dương và ca tụng rằng:

- Kính bạch Đức Đại nhân, chư thiên, chư phạm thiên hướng trên này, Ngài là Bậc cao thượng nhất, không có chư thiên, chư phạm thiên nào cao thượng hơn Ngài.

Đức Bồ Tát đứng nhìn về hướng Bắc rồi bước đi 7 bước, bước đầu tiên Ngài bước bằng chân phải [11]. Khi Đức Bồ Tát bước đi, Vua trời phạm thiên cầm chiếc lọng màu trắng che cho Ngài, Đức vua *Suyāma* cầm quạt lông, còn 3 thứ khác là đôi hia, gươm báu, vương miện, mỗi vị Vua trời cầm mỗi thứ đi theo sau Đức Bồ Tát. Đó là 5 bảo vật của lễ phong Vương.

Đức Bồ Tát dừng lại ở bước chân thứ 7. Khi ấy tất cả chư thiên, chư phạm thiên đều bảo với nhau rằng:

“Bây giờ, Đức Bồ Tát cao thượng sẽ truyền dạy những lời tối quan trọng”.

Đức Bồ Tát truyền dạy lời tối quan trọng đầu tiên

Tất cả đều im lặng, chờ lắng nghe, Đức Bồ Tát đồng dạy truyền dạy rằng:

*"Aggo ham asmi lokassa!
Je□□ho ham asmi lokassa!
Se□□ho ham asmi lokassa!
Ayamantimā jāti
Natthi dāni punabbhavo”.*

*Ta là Bậc cao cả nhất, trong toàn cõi thế giới chúng sinh!
Ta là Bậc vĩ đại nhất, trong toàn cõi thế giới chúng sinh!
Ta là Bậc Tối Thượng nhất, trong toàn cõi thế giới chúng sinh!
Kiếp này là kiếp chót của ta
Ta không còn tái sinh kiếp nào khác nữa!*

Chư thiên, chư phạm thiên và nhân loại vô cùng hoan hỷ, đồng thanh tán dương ca tụng Đức Bồ Tát.

Bảy người và vật đồng sinh với Đức Bồ Tát

Đức Bồ Tát đản sinh ra đời, đồng thời có 7 người và vật cùng sinh với Đức Bồ Tát:

- Công chúa *Bhaddakaccānā* gọi *Yassodharā* (là công chúa của Đức vua *Suppabuddha* và chánh cung Hoàng hậu *Amittādevī xứ Vedeha*).
- Hoàng tử *Ānanda* (Hoàng tử của ông hoàng *Amittodana* dòng *Sakya* là hoàng đệ của Đức vua *Suddhodana*).
- *Channa* (quan giữ ngựa).
- *Kāśudāyī* (vị quan cận thân).
- Ngựa báu *Kaśyapa*.
- Cây *Mahābodhi* (cây *assattha* mọc trong rừng *Uruvela* sau này trở thành cây *Mahābodhi* của Đức Phật *Gotama*).
- Bón hàm vàng, kho báu trong kinh thành *Kapilavatthu*.

Chánh cung Hoàng hậu *Mahāmayādevī* cùng Thái tử ngự trở về lại kinh thành *Kapilavatthu*.

Đầu thai sinh làm người có 4 hạng người

Sự tái sinh đầu thai sinh làm người có 4 hạng người, và có sự hiểu biết qua ba thời kỳ khác nhau như sau:

1) Hạng người thường và Chư Bồ Tát Thanh Văn hạng thường, khi tái sinh đầu thai sinh làm người, hoàn toàn không biết cả ba thời kỳ:

*Không biết thời kỳ tái sinh đầu thai vào lòng mẹ.
Không biết thời kỳ đang ở trong lòng mẹ.
Không biết thời kỳ sinh ra đời khỏi lòng mẹ.*

2) Chư Bồ Tát Đại Thanh Văn, khi tái sinh đầu thai sinh làm người kiếp chót, chỉ biết một thời kỳ và không biết hai thời kỳ:

*Trí tuệ biết thời kỳ tái sinh đầu thai vào lòng mẹ.
Không biết thời kỳ đang ở trong lòng mẹ.
Không biết thời kỳ sinh ra đời khỏi lòng mẹ.*

3) Chư Bồ Tát Tối Thượng Thanh Văn và chư Bồ Tát Độc Giác, khi tái sinh đầu thai làm người kiếp chót, biết được hai thời kỳ và không biết một thời kỳ:

*Trí tuệ biết thời kỳ tái sinh đầu thai vào lòng mẹ.
Trí tuệ biết thời kỳ đang ở trong lòng mẹ.
Không biết thời kỳ sinh ra đời khỏi lòng mẹ.*

4) Chư Bồ Tát Chánh Đẳng Giác, khi tái sinh đầu thai làm người kiếp chót, biết rõ cả ba thời kỳ:

*Trí tuệ biết rõ thời kỳ tái sinh đầu thai vào lòng mẹ.
Trí tuệ biết rõ thời kỳ đang ở trong lòng mẹ.
Trí tuệ biết rõ thời kỳ đản sinh ra đời khỏi lòng mẹ.*

Như trường hợp Thái tử Siddhatta là Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác tái sinh đầu thai sinh làm người kiếp chót sẽ trở thành Đức Phật *Gotama*, Ngài có trí tuệ biết rõ cả ba thời kỳ:

** Ngài có trí tuệ biết rõ thời kỳ tái sinh đầu thai vào lòng mẫu thân: “Bà chánh cung Hoàng hậu Mahāmayādevī”.*

** Ngài có trí tuệ biết rõ thời kỳ đang ở trong lòng mẫu thân, như ở trong căn phòng sạch sẽ sang trọng, Đức Bồ Tát ngồi kiết già, như một vị Pháp sư ngồi trên pháp tòa và mẫu thân của Ngài cũng biết được Ngài nữa.*

** Ngài có trí tuệ biết rõ thời kỳ đản sinh, mẫu thân đứng trong tư thế vững vàng, Đức Bồ Tát sinh ra bằng đôi chân ra trước, xuôi hai tay toàn thân mình ra sau một cách suôn sẻ an toàn, như vị Pháp sư bước xuống pháp tòa.*

Đó là trường hợp đặc biệt của Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác kiếp chót sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Còn các hạng người khác như: Hạng người thường, chư Bồ Tát Thanh Văn, chư Bồ Tát Đại Thanh Văn, chư Bồ Tát Tối Thượng Thanh Văn, chư Bồ Tát Độc Giác không biết thời kỳ sinh ra đời khỏi lòng mẹ; bởi vì, khi sắp sinh ra, thai nhi bị nhào lộn quay đầu xuống dưới, để cái đầu ra trước, thân mình ra sau, cửa ra chật hẹp còn chịu đau đớn sợ hãi, tâm không còn bình tĩnh. Do đó, những hạng người ấy không biết thời kỳ sinh ra đời khỏi lòng mẹ.

Tích vị Đạo sĩ Kā[□]adevila

Đạo sĩ Kā[□]adevila chứng đắc 8 bậc thiên [\[12\]](#), chứng đắc ngũ thông [\[13\]](#) tam giới, là vị Tôn sư của Đức vua *Suddhodana*.

Hôm ấy, vị Đạo sĩ *Kāṅadevila* độ ngọc trong cung điện của Đức vua *Suddhodana* xong, liền lên cõi trời Tam Thập Tam Thiên nghỉ trưa trong một lầu đài, ngồi nhập thiền để hưởng sự an lạc trong thiền định; khi xá thiên vị Đạo sĩ ra đứng trước cửa, nhìn thấy Đức vua *Sakka* cùng chư thiên nam, chư thiên nữ hoan hỷ vui mừng reo hò một cách khác thường, không giống như mọi ngày, vị Đạo sĩ bèn hỏi rằng:

- Nay chư thiên, tại sao hôm nay quý vị hoan hỷ vui mừng, reo hò ca hát vui vẻ khác thường như vậy, quý vị có thể nói lý do ấy cho bản đạo nghe được hay không?

Chư thiên bạch rằng:

*- Kính bạch Ngài Đạo sĩ, hôm nay Thái tử của Đức vua *Suddhodana* đã sinh ra đời rồi. Khi Thái tử trưởng thành sẽ từ bỏ nhà xuất gia và trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, thuyết pháp Chuyển Pháp Luân tế độ cho chúng sinh: Nhân loại và chư thiên, phạm thiên có cơ hội được lắng nghe chánh pháp, rồi thực hành theo chánh pháp dẫn đến sự chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo- 4 Thánh Quả và Niết Bàn, giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong tam giới.*

Đó là nguyên nhân làm cho chúng tôi vô cùng hoan hỷ, vui mừng reo hò ca hát khác thường như vậy!

Sau khi lắng nghe chư thiên trả lời như vậy, vị Đạo sĩ *Kāṅadevila* liền từ cõi trời Tam Thập Tam Thiên hiện xuống cõi người, đi vào cung điện của Đức vua *Suddhodana*; Đức vua cung kính đón tiếp, thỉnh mời ngồi chỗ cao quý, Đức vua đánh lễ xong, ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, vị Đạo sĩ *Kāṅadevila* bèn hỏi rằng:

- Nay Đại vương, bản đạo nghe nói rằng Thái tử của Đức vua đã sinh ra đời rồi, bản đạo xin được chiêm ngưỡng Thái tử.

Đức vua *Suddhodana* truyền lệnh thay trang phục cho Thái tử xong, rồi thỉnh Thái tử ra mắt đánh lễ vị Đạo sĩ *Kāṅadevila*. Khi ra trước mặt vị Đạo sĩ *Kāṅadevila*, Đức Bồ Tát Thái tử liền hiện lên đứng trên đầu vị Đạo sĩ *Kāṅadevila* với tư thế vững vàng.

Vị Đạo sĩ *Kāṅadevila* nhận thấy Đức Bồ Tát Thái tử có oai lực phi thường, nên vị Đạo sĩ đứng dậy dời xuống chỗ ngồi thấp, nhường chỗ ngồi cao quý lại cho Đức Bồ Tát, Đạo sĩ chấp hai tay lễ bái Đức Bồ Tát Thái tử.

Đức vua *Suddhodana* nhìn thấy oai lực phi thường của Đức Bồ Tát Thái tử, khiến Đức vua lần thứ nhất đánh lễ Đức Bồ Tát Thái tử.

Đạo sĩ *Kāladhevila* mỉm cười và khóc

Vị Đạo sĩ *Kāladhevila* chứng đắc 8 bậc thiên và ngũ thông tam giới, có khả năng đặc biệt thấy rõ, biết rõ trong thời quá khứ 40 đại kiếp, và trong thời vị lai 40 đại kiếp, như vậy gồm 80 đại kiếp. Vị Đạo sĩ *Kāladhevila* dùng trí tuệ nhân thông thấy rõ biết rõ thời vị lai của Đức Bồ Tát Thái tử sẽ có đầy đủ 32 tướng tốt chính và 80 tướng tốt phụ, trí tuệ thấy rõ biết rõ rằng:

“Không còn hoài nghi gì nữa, Đức Bồ Tát Thái tử này chắc chắn sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác”.

Vị Đạo sĩ *Kāladhevila* phát sinh thiện tâm vô cùng hoan hỷ, nên ***mỉm miệng cười***.

Sau đó, vị Đạo sĩ *Kāladhevila* quán xét thân phận của mình và thấy rõ rằng:

*“Ta không có duyên lành gặp được Đức Phật và không được lắng nghe chánh pháp của Ngài; bởi vì, ta sẽ chết trước khi Đức Bồ Tát Thái tử trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác. Và lại, sau khi ta chết, do năng lực của đệ tứ thiên vô sắc: Phi tướng, phi phi tướng xứ thiên sẽ cho quả tái sinh trong cõi trời vô sắc phi tướng phi phi tướng xứ thiên, có tuổi thọ lâu 84.000 ngàn đại kiếp. Vì cõi vô sắc chỉ có 4 danh uẩn, nên phạm thiên cõi vô sắc không có **mắt** để nhìn thấy Đức Phật, không có **tai** để nghe chánh pháp của Đức Phật khi Ngài xuất hiện trên thế gian”.*

Khi vị Đạo sĩ *Kāladhevila* biết mình không có duyên lành gặp được Đức Phật và không nghe được chánh pháp của Ngài, cảm thấy tủi phận, nên ***tủi thân khóc***.

Đức vua *Suddhodana* nhìn thấy vị Đạo sĩ *Kāladhevila* khi thì ***mỉm miệng cười***, khi thì lại ***cảm động khóc*** bèn bạch hỏi rằng:

- Kính bạch Đạo sư, có tai họa nào xảy đến cho Thái tử của con không? Bạch Ngài.

Vị Đạo sĩ *Kāladhevila* tâu rằng:

- *Tâu đại vương, không có tai họa nào xảy đến cho Thái tử cả, Thái tử chắc chắn sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.*

Bàn đạo biết rõ như vậy nên mỉm miệng cười và bàn đạo cũng biết rõ mình không có duyên lành được gặp Đức Phật và lắng nghe chánh pháp của Ngài, bàn đạo cảm thấy tội phạm, nên tủi thân khóc.

Lễ đặt tên Đức Bồ Tát Thái tử

Đức Bồ Tát thái tử sinh ra đời được 5 ngày, thì Đức vua *Suddhodana* tổ chức trọng thể buổi lễ gọi đầu và đặt tên cho Đức Bồ Tát Thái tử. Đức vua *Suddhodana* truyền lệnh mời 108 vị Bàlamôn thông hiểu ba bộ sách xem tướng (theo truyền thống của Bàlamôn) vào cung điện để thiết đãi món ăn đặc biệt “*com nấu bằng sữa tươi nguyên chất*”.

Trong số 108 vị Bàlamôn ấy, có 8 vị Bàlamôn đại trí là vị Bàlamôn *Rāma*, vị Bàlamôn *Dhaja*, vị Bàlamôn *Lakkha*□*a*, vị Bàlamôn *Jotimanta*, vị Bàlamôn *Yañña*, vị Bàlamôn *Subhoja*, vị Bàlamôn *Suyāma* và vị Bàlamôn *Sudatta*; sau khi xem tướng, thấy Đức Bồ Tát có đầy đủ 32 tướng tốt chính và 80 tướng tốt phụ. Trong 8 vị Bàlamôn đại trí, có 7 vị đồng đưa lên 2 ngón tay và đoán quả quyết rằng: *Thái tử là Bạc có đầy đủ trọn vẹn các tướng tốt chính và phụ này:*

- *Nếu sống tại cung điện, thì sẽ trở thành Đức Chuyển Luân Thánh Vương trị vì thiên hạ có 4 biển làm ranh giới.*

- *Nếu từ bỏ nhà đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.*

Duy chỉ có một vị Bàlamôn trẻ tuổi nhất, thuộc dòng dõi *Ko*□□*anna* tên là ***Bàlamôn Sudatta***, sau khi xem kỹ tướng của Đức Bồ Tát Thái tử xong, vị Bàlamôn này chỉ đưa một ngón tay lên và đoán quả quyết rằng:

- *Thái tử có đầy đủ trọn vẹn các tướng tốt chính và các tướng tốt phụ này, Thái tử không thể nào sống tại cung điện, Thái tử sẽ từ bỏ nhà đi xuất gia, rồi chắc chắn Ngài sẽ trở thành một Đức Phật Chánh Đẳng Giác.*

Tất cả các vị Bàlamôn đại trí cũng đều nhất trí với nhau rằng:

“*Thái tử chắc chắn sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác*”.

Trong lễ gọi đầu và đặt tên cho Đức Bồ Tát Thái tử, tất cả các vị Bàlamôn đại trí đều nhất trí với nhau rằng: *Đức Bồ Tát Thái tử chắc chắn sẽ trở thành một Đức Phật Chánh Đẳng Giác, sẽ đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc cho chúng sinh trong tam giới (tam giới theo danh từ Pāṭi gọi là attha) và chắc chắn sẽ được thành tựu như ý (như ý theo danh từ Pāṭi gọi là siddha).* Hai danh từ này được ghép với nhau thành tên của **Đức Bồ Tát Thái tử** là **SIDDHATTHA** (**SIDDHA + ATTHA**) nghĩa là **sự lợi ích được thành tựu**, hoặc Bậc đem lại sự **thành tựu mọi lợi ích cho chúng sinh**.

Khi các bậc đại trí làm lễ đặt tên cho đứa trẻ nào, quý Ngài quán xét về tương lai cuộc đời của đứa trẻ ấy, để đặt tên gọi cho phù hợp với cả cuộc đời đứa trẻ. Thật ra, tên gọi nào cũng chỉ là danh từ riêng chế định mà thôi. Nếu danh từ riêng ấy có ý nghĩa phù hợp với con người, thì tự nó có một tiềm năng động viên khuyến khích con người ấy vượt qua mọi trở ngại, để xứng đáng với tên gọi của mình.

Do đó, khi có đứa con sinh ra đời, gia đình thường mời các bậc đại trí đến nhà xem tướng, rồi làm lễ đặt tên cho đứa con của mình.

-ooOoo-

32 Tướng tốt của Đức Bồ Tát kiếp chót

Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác (Sammāsambodhisatta) chắc chắn sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác (Sammāsambuddha), khi Đức Bồ Tát ấy đản sinh ra đời có đầy đủ 32 tướng tốt chính của bậc Đại nhân và 80 tướng tốt phụ. Đó là quả tốt của thiện nghiệp mà Đức Bồ Tát ấy đã tạo và tích lũy từ vô số-vô số kiếp trong quá khứ, hoàn toàn không liên quan đến huyết thống cha mẹ hay dòng dõi.

Tướng tốt của bậc Đại nhân như thế nào?

Bậc Đại nhân là người đàn ông cao thượng (*mahāpurisa*) mà các tướng tốt đặc biệt ấy được biểu hiện ra bên ngoài thân hình, cho nên, gọi là **tướng tốt của bậc Đại nhân** (*mahāpurisalakkhaṇā*).

Khoa xem tướng tốt của bậc Đại nhân là một trong các bộ môn mà dòng dõi Bàlamôn trí thức thường dạy và học đầy đủ 32 tướng tốt của bậc Đại nhân, theo truyền thống từ đời này sang đời khác của dòng dõi Bàlamôn, nhưng họ

hoàn toàn không biết rằng mỗi tướng tốt của bậc Đại nhân là quả của thiện nghiệp nào.

Trong kinh *Lakkhaṇasutta* [14] Đức Phật giảng dạy về 32 tướng tốt của bậc Đại nhân và thiện nghiệp cho quả tướng tốt của bậc Đại nhân được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana của ông Phú hộ Anathapindika, gần kinh thành Sāvatti; tại nơi ấy Đức Thế Tôn gọi chư Tỷ khuru mà dạy rằng:

- Nay chư Tỷ khuru, bậc Đại nhân (mahāpurisa) có đầy đủ 32 tướng tốt này, chỉ có hai con đường mà thôi, không có đường nào khác.

1- Nếu bậc Đại nhân sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển Luân Thánh Vương hành thiện pháp, Đức Pháp Vương trị vì toàn cõi đất nước, có 4 biển làm ranh giới, đều được bình yên vững chắc, và có đầy đủ 7 báu là: Long xa báu, voi báu, ngựa báu, ngọc ma-ni báu, chánh cung Hoàng hậu báu, phú hộ báu, thừa tướng báu; Đức Chuyển Luân Thánh Vương có hơn 1.000 Hoàng tử anh hùng dũng cảm, có khả năng làm khuất phục mọi đội quân của kẻ thù. Đức Chuyển Luân Thánh Vương luôn luôn chiến thắng kẻ thù bằng thiện pháp, không sử dụng cực hình, khí giới; và trị vì trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới, không có kẻ thù chống đối, không có mọi cảnh tượng xấu xảy ra trên toàn cõi đất nước, mọi thần dân thiên hạ đều được sống trong cảnh thanh bình thịnh vượng.

2- Nếu bậc Đại nhân từ bỏ nhà đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức Arahán, Đức Phật Chánh Đẳng Giác, đoạn tuyệt mọi cảnh khổ tử sinh luân hồi trong tam giới.

- Nay chư Tỷ khuru, 32 tướng tốt của bậc Đại nhân là như thế nào, mà bậc Đại nhân có đầy đủ 32 tướng tốt ấy, chỉ có hai con đường mà thôi, không có con đường nào khác.

Nếu bậc Đại nhân sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển Luân Thánh Vương... hoặc nếu bậc Đại nhân từ bỏ nhà đi xuất gia, thì bậc Đại nhân ấy sẽ trở thành Đức Arahán, Đức Phật Chánh Đẳng Giác...

-ooOoo-

[1] 1 đại kiếp trái đất: Trải qua thời gian 4 a-tăng-kỳ thành-trụ-hoại-không.

[2] 1 a-tăng-kỳ thời gian: Là thời gian không thể tính hay đếm bằng số lượng, cứ vô số kiếp trái đất trải qua 4 thời kỳ thành-trụ-hoại-không.

[3] A-tăng-kỳ (*asa□khyeyya*) là khoảng thời gian không thể đếm bằng số lượng, cứ vô số kiếp trái đất trải qua thời gian 4 a-tăng-kỳ thành-trụ-hoại-không không thể đếm bằng số lượng được gọi là 1 a-tăng-kỳ.

[4] Theo *Jinakālamālī* có 387.000 Đức Phật.

[5] **Ngũ thông trong tam giới:** Thần túc thông, nhãn thông, nhĩ thông, tha tâm thông và túc mạng thông.

[6] **A-tăng-kỳ** (*asa□khyeyya*): Là khoảng thời gian không thể tính bằng số. Cứ trải qua vô số đại kiếp trái đất (*mahākappa*), kể là một a-tăng-kỳ.

[7] **Đại kiếp:** Thời gian trái đất trải qua 4 a-tăng-kỳ thành-trụ-hoại-không, là thời gian quá lâu, Đức Phật có ví dụ: Một hòn núi đặc hình khối, mỗi chiều một do tuần (khoảng 20 km), cứ 100 năm một chư thiên lấy tấm vải mịn và mỏng quét nhẹ qua một lần cho đến khi mòn hết hòn núi ấy, thế mà thời gian ấy, chưa kể được một đại kiếp.

- **Chú ý:** a-tăng-kỳ (*asa□khyeyya*) theo thời gian mà Đức Bồ Tát tạo ba-la-mật có nghĩa **không thể tính bằng số** (vô số) ví dụ 4 a-tăng-kỳ với 100 ngàn đại kiếp.

Tuy nhiên, trong bộ *Padarūpusaddhi*, phần *Sa□khyātaddhika* giải thích: **a-tăng-kỳ** (*asa□khyeyya*), là **đơn vị số lượng** số 1 đứng trước 140 số không (0), viết tắt là 10^{140} .

[8] A-tăng-kỳ ở đây là đơn vị số lượng: số 1 đứng trước 140 số không (0). Viết tắt là 10^{140}

[9] Nữ Balamôn *Sumittā* chính là tiền kiếp của Công chúa *Yasodharā*

[10] Theo bộ *Samantacakkhudīpanī*.

[11] Theo thói quen, Đức Phật bước chân phải trước tiên.

[12] 8 bậc thiên: 4 bậc thiên hữu sắc và 4 bậc thiên vô sắc.

[13] Ngũ thông: Thần túc thông, nhãn thông, nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông

[14] Bộ *Dīghanikāya, Pāthikavagga, Kinh Lakkhaṇasutta*

-ooOoo-

CHƯƠNG I (b)

32 TƯỚNG TỐT CỦA BẠC ĐẠI NHÂN

Đức Phật thuyết giảng Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác kiếp chót và chắc chắn sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, Đức Bồ Tát ấy, khi đản sinh ra đời đều có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc Đại nhân như sau:

- 1) Hai bàn chân bằng phẳng, vững vàng đạp trên mặt đất...
- 2) Hai lòng bàn chân có dấu bánh xe, trục xe có một ngàn cãm và đầy đủ các bộ phận.
- 3) Hai gót chân dài (bằng một phần tư bàn chân).
- 4) Ngón tay dài và tròn trịa, đều đặn, thon như hình búp măng.
- 5) Hai bàn tay, hai bàn chân mềm mại.
- 6) Năm ngón tay, trừ ngón tay cái ra, 4 ngón còn lại đều dài bằng nhau, khít vào nhau, và năm ngón chân dài bằng nhau, khít vào nhau, không có kẽ hở.
- 7) Hai mắt cá nằm cao cách bàn chân độ 2-3 lóng tay.
- 8) Đôi chân thon, phần trên lớn rồi nhỏ dần xuống dưới, tròn đẹp như đôi chân con sơn dương.
- 9) Khi đứng thẳng, không cúi người xuống, hai bàn tay có thể sờ đụng hai đầu gối.
- 10) Ngọc hành được giấu kín trong bao da.
- 11) Toàn thân có da màu vàng, óng ánh xinh đẹp như màu vàng ròng.

- 12) *Làn da mịn màng, do làn da mịn màng, trơn nhẵn, nên bụi không thể bám vào thân hình.*
- 13) *Mỗi sợi lông mọc ở mỗi lỗ chân lông.*
- 14) *Lông có màu xanh và xoắn về bên phải, đầu lông hướng lên mặt.*
- 15) *Thân hình ngay ngắn như thân hình phạm thiên.*
- 16) *Bảy nơi trong thân hình có thịt đầy đặn là hai mu bàn tay, hai mu bàn chân, hai bả vai và cổ (không nhìn thấy gân và xương).*
- 17) *Thân hình trên dưới đầy đặn như thân hình phía trên của sư tử chúa.*
- 18) *Hai hốc bả vai có thịt đầy đặn (không thấy xương vai).*
- 19) *Chiều cao của thân bằng sải tay, và sải tay bằng chiều cao của thân (cũng như chiều cao của cây Nigrodha có chiều ngang bằng nhánh của cây ấy).*
- 20) *Cổ tròn trịa đầy đặn (khi nói không nổi gân cổ).*
- 21) *Bảy ngàn dây thần kinh rất tinh tế, tụ hội từ lưỡi đến cổ, tiếp nhận hương vị vật thực để nuôi dưỡng cơ thể.*
- 22) *Cái cằm giống cằm của sư tử chúa.*
- 23) *Đầy đủ 40 cái răng: Hàm trên 20 cái răng và hàm dưới 20 cái răng.*
- 24) *Hàm răng trên và dưới đều đặn, có màu trắng xinh đẹp.*
- 25) *Hai hàm răng sắp đều đặn và khít vào nhau, không có kẽ hở.*
- 26) *Bốn cái răng nhọn sạch sẽ, trắng đẹp.*
- 27) *Lưỡi lớn và dài, mềm mỏng, có màu đỏ hồng xinh đẹp; lưỡi lớn có thể trùm được cả mặt lên đến chân tóc, và lưỡi dài có thể le ra đến tận hai lỗ mũi, hai lỗ tai.*
- 28) *Giọng nói như giọng của phạm thiên, rõ ràng, trong trẻo, ngọt ngào như tiếng chim karavīka.*

29) Đôi mắt xanh sẫm và trong sáng rất đẹp.

30) Đôi mắt tựa như đôi mắt con bê mới sinh.

31) Sợi lông u□□a mọc trên trán, ở khoảng giữa hai đầu lông mày, có màu trắng dài mềm mại, xoắn bên phải, đầu lông hướng lên trên đầu rất đẹp.

32) Cái đầu tròn và có vầng trán cao rộng đẹp, đi vòng từ vành tai bên phải sang vành tai bên trái.

Đó là 32 tướng tốt chính của bậc Đại nhân được biểu hiện đầy đủ trong thân hình của Thái tử *Siddhattha*, Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác kiếp chót chắc chắn sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác có danh hiệu Đức Phật *Gotama*.

Đức Phật dạy rằng:

- *Này chư Tỳ khuru, nhóm Đạo sĩ ngoại đạo có thể học hỏi ghi nhớ đầy đủ 32 tướng tốt của bậc Đại nhân này, nhưng nhóm Đạo sĩ ấy không thể biết rằng: “Mỗi tướng tốt của bậc Đại nhân là quả của thiện nghiệp nào”.*

Thiện nghiệp cho quả 32 tướng tốt

32 tướng tốt chính của Đức Bồ Tát là quả của thiện nghiệp. Thiện nghiệp không những cho quả tướng tốt của bậc Đại nhân, mà còn cho quả rộng lớn, vô cùng phong phú đối với Đức Bồ Tát ấy và đối với mọi chúng sinh khác có liên quan đến Đức Bồ Tát ấy.

Trong bài kinh *Lakkha□asutta*, Đức Phật giảng giải thiện nghiệp nào cho quả các tướng tốt nào, và các quả liên quan đến thiện nghiệp ấy. 32 tướng tốt của bậc Đại nhân ra quả của những thiện nghiệp như sau:

1- Tướng tốt: Bàn chân bằng phẳng, vững vàng đạp trên mặt đất.

Tướng tốt này là quả của thiện nghiệp nào?

Thiện nghiệp trong kiếp quá khứ

Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ:

Là người có quyết tâm cao độ trong mọi thiện pháp, không hề lay chuyển, khi thân hành thiện, khẩu nói điều thiện, ý nghĩ điều thiện. Khi làm phước bố thí, thọ trì ngũ giới, bát giới (uposathasīla) trong những ngày giới hằng tháng...; trong việc phụng dưỡng cha mẹ, hộ độ Samôn, Bàlamôn, trong sự cung kính những bậc Trưởng lão trong dòng họ và trong đời...

Sau khi mãn kiếp người, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm thiên nam trong cõi trời dục giới, là một thiên nam có nhiều oai lực hơn tất cả các hàng chư thiên khác về 10 quả báu trong cõi trời ấy là: *Tuổi thọ sống lâu, sắc đẹp, sự an lạc, danh thơm tiếng tốt, quyền lực cao nhất, sắc, hương, vị, xúc trong cõi trời ấy.*

Khi mãn kiếp thiên nam, cũng do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm người.

Quả tốt trong kiếp hiện tại

Là Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác kiếp chót có được tướng tốt của bậc Đại nhân:

** Bàn chân bằng phẳng, vững vàng đạp trên mặt đất, chạm toàn bàn chân (gót chân, giữa bàn chân, đầu ngón chân) bằng phẳng đầy đặn tiếp xúc cùng một lúc với mặt đất [\[1\]](#).*

Đức Bồ Tát có tướng tốt này.

Nếu Đức Bồ Tát ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển Luân Thánh Vương, là Đức Pháp Vương trị vì thần dân thiên hạ trên toàn cõi đất nước, có 4 biển làm ranh giới...

Khi đã là Đức Chuyển Luân Thánh Vương, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Mọi kẻ thù đều chịu hàng phục theo Đức Chuyển Luân Thánh Vương.

Nếu Đức Bồ Tát ấy từ bỏ nhà đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Khi đã là Đức Phật Chánh Đẳng Giác, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Không còn kẻ thù bên trong là phiền não: tham, sân, si..., và không có kẻ thù bên ngoài như: Samôn, Bàlamôn, chư thiên, Ma vương, phạm thiên, hay bất cứ một ai... trong đời này có thể gây tai hại cho Đức Phật được.

2- Tướng tốt: Hai lòng bàn chân có dấu bánh xe, trục xe có một ngàn cãm và đầy đủ các bộ phận.

Tướng tốt này là quả của thiện nghiệp nào?

Thiện nghiệp trong kiếp quá khứ

Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ:

Là người có thiện tâm trong sạch giúp đỡ nhiều người, đem lại sự an lạc cho nhiều người; làm giảm được sự sợ hãi kinh hồn cho nhiều người, trông nom bảo vệ mọi người một cách hợp pháp. Đặc biệt, khi làm phước bố thí là chính, thì thường có kèm theo những thứ phụ khác v.v...

Sau khi mãn kiếp người, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm thiên nam trong cõi trời dục giới... Khi mãn kiếp thiên nam, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm người.

Quả tốt trong kiếp hiện tại

Là Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác kiếp chót có được tướng tốt của bậc Đại nhân:

** Hai lòng bàn chân có dấu bánh xe, trục xe có một ngàn cãm và đầy đủ các bộ phận.*

Đức Bồ Tát có tướng tốt này.

Nếu Đức Bồ Tát ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển Luân Thánh Vương, là Đức Pháp Vương trị vì thần dân thiên hạ trên toàn cõi đất nước, có 4 biển làm ranh giới...

Khi đã là Đức Chuyển Luân Thánh Vương thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Có bộ hạ tùy tùng đông đảo đó là các quan cận thần, các tướng lĩnh, các quân lính, các Hoàng tử anh hùng dũng cảm, các hàng Bàlamôn, cư sĩ, toàn thể thần dân thiên hạ tất cả đều một lòng trung thành với Đức Chuyển Luân Thánh Vương.

Nếu Đức Bồ Tát ấy từ bỏ nhà đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Khi đã là Đức Phật Chánh Đẳng Giác, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Các hàng đệ tử đông đảo, đó là chư Tỳ khuru, chư Tỳ khuru ni, cận sự nam, cận sự nữ, nhân loại, chư thiên, Long vương, chư phạm thiên v.v... có đức tin trong sạch nơi Đức Phật.

3- Tướng tốt: Hai gót chân dài (bằng một phần tư bàn chân).

4- Tướng tốt: Ngón tay dài và tròn trịa, đầy đặn, thon như hình búp măng.

5- Tướng tốt: Thân hình ngay ngắn như thân hình phạm thiên.

Ba tướng tốt này là quả của thiện nghiệp nào?

Thiện nghiệp trong kiếp quá khứ

Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ:

Là người không sát sanh, tránh xa sự sát sanh, bỏ gậy gộc, bỏ khí giới, có tâm hổ thẹn tội lỗi, tâm bi thương xót chúng sinh, mong tìm sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc đến tất cả chúng sinh.

Sau khi mãn kiếp người, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm thiên nam trong cõi trời dục giới... Khi mãn kiếp thiên nam, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm người.

Quả tốt trong kiếp hiện tại

Là Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác kiếp chót có được 3 tướng tốt của bậc Đại nhân:

- Hai gót chân dài (bằng một phần tư bàn chân).
 - Ngón tay dài và tròn, đầy đặn, thon như hình búp măng.
- Thân hình ngay ngắn như thân hình phạm thiên.*

- Đức Bồ Tát có 3 tướng tốt này.

Nếu Đức Bồ Tát ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển Luân Thánh Vương, là Đức Pháp Vương trị vì thần dân thiên hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới...

Khi đã là Đức Chuyển Luân Thánh Vương thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Có tuổi thọ sống lâu, giữ gìn tuổi thọ sống lâu, mà kẻ thù nào cũng không thể sát hại Đức Chuyển Luân Thánh Vương được.

Nếu Đức Bồ Tát ấy từ bỏ nhà đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Khi đã là Đức Phật Chánh Đẳng Giác, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Có tuổi thọ sống lâu, giữ gìn tuổi thọ sống lâu, mà kẻ thù nào dù là Samôn, Bàlamôn, chư thiên, Ma vương hoặc bất cứ một ai trong đời... đều không thể sát hại Đức Phật Chánh Đẳng Giác được.

6- Tướng tốt: Bảy nơi trong thân hình có thịt đầy đặn là hai mu bàn tay, hai mu bàn chân, hai bắp vai và cổ (không nhìn thấy gân và xương).

Tướng tốt này là quả của thiện nghiệp nào?

Thiện nghiệp trong kiếp quá khứ

Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ:

Là người làm phước bố thí vật thực gồm các món ăn toàn là những món ăn cao lương mỹ vị, các thức uống ngon lành bổ dưỡng...

Sau khi mãn kiếp người, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm thiên nam trong cõi trời dục giới... Khi mãn kiếp thiên nam, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm người.

Quả tốt trong kiếp hiện tại

Là Đức Bồ Tát Chánh Đăng Giác kiếp chót có được 1 tướng tốt của bậc Đại nhân:

Bảy nơi trong thân hình có thịt đầy đặn là hai mu bàn tay, hai mu bàn chân, cổ và hai bắp vai (không nhìn thấy gân và xương).

Đức Bồ Tát có tướng tốt này.

Nếu Đức Bồ Tát ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển Luân Thánh Vương, là Đức Pháp Vương trị vì thần dân thiên hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới...

Khi đã là Đức Chuyển Luân Thánh Vương, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Thường được thọ thực toàn những món cao lương mỹ vị, các thức uống ngon lành bổ dưỡng.

Nếu Đức Bồ Tát ấy từ bỏ nhà đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đăng Giác.

Khi đã là Đức Phật Chánh Đăng Giác, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Thường được thọ thực toàn những món cao lương mỹ vị, các thức uống ngon lành bổ dưỡng.

7- Tướng tốt: Hai bàn tay, hai bàn chân mềm mại.

8- Tướng tốt: Năm ngón tay, trừ ngón tay cái ra, bốn ngón còn lại đều dài bằng nhau, khít vào nhau, và năm ngón chân dài bằng nhau, khít vào nhau, không có kẽ hở.

Hai tướng tốt này là quả của thiện nghiệp nào?

Thiện nghiệp trong kiếp quá khứ

Đức Bồ Tát Chánh Đăng Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ, thường hành 4 pháp tế độ:

- *Bố thí đến chúng sinh nào cần sự bố thí.*
- *Nói lời dịu ngọt dễ nghe, khuyên răn họ tránh xa ác pháp, cố gắng hành thiện pháp.*
- *Hành động đem lại sự lợi ích đến cho họ.*
- *Hòa mình cùng sống chung với họ, vui cùng vui, khổ cùng khổ.*

Sau khi mãn kiếp người, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm thiên nam trong cõi trời dục giới... Khi mãn kiếp thiên nam, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm người.

Quả tốt trong kiếp hiện tại

Là Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác kiếp chót có được 2 tướng tốt của bậc Đại nhân:

- *Hai bàn tay, hai bàn chân mềm mại.*
- *Năm ngón tay trừ ngón tay cái ra, 4 ngón còn lại đều dài bằng nhau, khít vào nhau, và năm ngón chân dài bằng nhau, khít vào nhau, không có kẽ hở.*

Đức Bồ Tát có 2 tướng tốt này.

Nếu Đức Bồ Tát ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển Luân Thánh Vương, là Đức Pháp Vương trị vì thần dân thiên hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới...

Khi đã là Đức Chuyển Luân Thánh Vương, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Các bộ hạ tùy tùng một lòng trung thành với Đức Chuyển Luân Thánh Vương; các bộ hạ tùy tùng đó là các quan cận thần, các tướng lĩnh, các quân lính, các Hoàng tử, các hàng Bàlamôn, gia chủ, toàn thể thần dân thiên hạ..., luôn tuân theo lệnh của Đức vua, làm cho Đức vua rất hài lòng.

Nếu Đức Bồ Tát ấy từ bỏ nhà đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Khi đã là Đức Phật Chánh Đẳng Giác, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Các hàng đệ tử đều có đức tin trong sạch nơi Đức Phật. Các hàng đệ tử đó là Tỳ khuru, Tỳ khuru ni, cận sự nam, cận sự nữ, nhân loại, Long vương, chư

thiên, chư phạm thiên đều trở thành bậc thiện trí, có đức tin trong sạch nơi Đức Phật, lắng nghe chánh pháp và hành theo chánh pháp của Đức Phật.

9- Tướng tốt: *Hai mắt cá nằm cao cách bàn chân độ 2-3 ngón tay.*

10- Tướng tốt: *Lông có màu xanh và xoắn về bên phải, đầu lông hướng lên mặt...*

Hai tướng tốt này là quả của thiện nghiệp nào?

Thiện nghiệp trong kiếp quá khứ

Đức Bồ Tát Chánh Đăng Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ:

Là người thường hay nói lời có ý nghĩa sâu sắc, hợp với thiện pháp, hướng dẫn dạy bảo cho mọi người làm mọi phước thiện, là người có thiện tâm trong sáng, có tâm từ mong đem lại sự lợi ích, sự an lạc đến cho tất cả chúng sinh, và đặc biệt là người thường kính trọng chánh pháp, cúng dường chánh pháp.

Sau khi mãn kiếp người, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm thiên nam trong cõi trời dục giới... Khi mãn kiếp thiên nam, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm người.

Quả tốt trong kiếp hiện tại

Là Đức Bồ Tát Chánh Đăng Giác kiếp chót có được 2 tướng tốt của bậc Đại nhân:

- *Hai mắt cá nằm cao cách bàn chân độ 2-3 ngón tay.*
- *Lông có màu xanh và xoắn bên phải, đầu lông hướng lên mặt...*

Đức Bồ Tát có 2 tướng tốt này.

Nếu Đức Bồ Tát ấy sống tại gia thì sẽ trở thành Đức Chuyển Luân Thánh Vương là Đức Pháp Vương trị vì thần dân thiên hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới...

Khi đã là Đức Chuyển Luân Thánh Vương, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Đức vua là người vĩ đại nhất, người cao thượng nhất, người đứng đầu cao cả nhất trong thân dân thiên hạ...

Nếu Đức Bồ Tát ấy từ bỏ nhà đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Khi đã là Đức Phật Chánh Đẳng Giác, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Đức Phật là Bậc vĩ đại nhất, Bậc cao thượng nhất, Bậc cao cả nhất trong toàn cõi thế giới chúng sinh.

11- Tướng tốt: Đôi chân thon, phần trên lớn rồi nhỏ dần xuống dưới, tròn đẹp như đôi chân con sơn dương.

Tướng tốt này là quả của thiện nghiệp nào?

Thiện nghiệp trong quá khứ

Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ:

Là người có thiện tâm, thiện chí giảng dạy các môn học, hoặc hướng dẫn nghề nghiệp... bằng cách suy nghĩ rằng: “Làm cách nào, với phương pháp nào giúp cho mọi người, dễ hiểu, dễ biết, nhanh chóng thành đạt... mà không phải chịu vất vả khô cực lâu ngày”.

Sau khi mãn kiếp người, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm thiên nam trong cõi trời dục giới... Khi mãn kiếp thiên nam, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm người.

Quả tốt trong kiếp hiện tại

Là Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác kiếp chót có được tướng tốt của bậc Đại nhân.

Đôi chân thon, phần trên lớn rồi nhỏ dần xuống dưới, tròn đẹp như đôi chân con sơn dương.

Đức Bồ Tát có tướng tốt này.

Nếu Đức Bồ Tát ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển Luân Thánh Vương, là Đức Pháp Vương trị vì thần dân thiên hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới...

Khi đã là Đức Chuyển Luân Thánh Vương, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Có long xa sang trọng xứng đáng với địa vị Đức Chuyển Luân Thánh Vương, có đội quân hùng mạnh là bộ hạ tùy tùng của Đức vua, và những thứ đồ dùng xứng đáng với địa vị của Đức vua được phát sinh như ý.

Nếu Đức Bồ Tát ấy từ bỏ nhà đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Khi đã là Đức Phật Chánh Đẳng Giác, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Có những thứ vật dụng thích hợp với Samôn, có các hàng đệ tử là những bậc Thánh Tối thượng Thanh Văn, bậc Thánh Đại Thanh Văn, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Phật Chánh Đẳng Giác, và những đồ dùng của Samôn được phát sinh như ý.

12- Tướng tốt: Làn da mịn màng, do làn da mịn màng, trơn nhẵn, nên bụi không thể bám vào thân hình.

Tướng tốt này là quả của thiện nghiệp nào?

Thiện nghiệp trong kiếp quá khứ

Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ:

Là người thường đến gần gũi, thân cận các bậc Samôn, Bàlamôn, và bạch hỏi rằng:

Kính bạch Ngài.

Thế nào là thiện nghiệp?

Thế nào là bất thiện nghiệp?

Thế nào là có tội?

Thế nào là vô tội?

Nghiệp nào nên làm?

Nghiệp nào không nên làm?

Nghiệp nào đã tạo rồi cho quả xấu, chịu đau khổ lâu dài?

Nghiệp nào đã tạo rồi sẽ cho quả tốt, hưởng an lạc lâu dài?...

Sau khi mãn kiếp người, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm thiên nam trong cõi trời dục giới... Khi mãn kiếp thiên nam, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm người.

Quả tốt trong kiếp hiện tại

Là Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác kiếp chót có được tướng tốt của bậc Đại nhân:

Làn da mịn màng, do làn da mịn màng, trơn nhẵn, nên bụi không thể bám vào thân hình.

Đức Bồ Tát có tướng tốt này.

Nếu Đức Bồ Tát ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển Luân Thánh Vương, là Đức Pháp Vương trị vì thân dân thiên hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới...

Khi đã là Đức Chuyển Luân Thánh Vương, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Đức Chuyển Luân Thánh Vương là người có trí tuệ bậc nhất trong đời, mà những người tại gia không một ai có trí tuệ sánh được với Đức vua.

Nếu Đức Bồ Tát ấy từ bỏ nhà đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Khi đã là Đức Phật Chánh Đẳng Giác, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Đức Phật có trí tuệ ưu việt, trí tuệ rộng rãi, trí tuệ nhanh nhẹn, trí tuệ sắc bén, trí tuệ diệt đoạn tuyệt mọi phiền não... trong tất cả mọi chúng sinh, không một ai có trí tuệ sánh được với Đức Phật.

13- Tướng tốt: Toàn thân có da màu vàng, óng ánh xinh đẹp như màu vàng ròng.

Tướng tốt này là quả của thiện nghiệp nào?

Thiện nghiệp trong kiếp quá khứ

Đức Bồ Tát Chánh Đăng Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ:

Là người không có tính sân hận, nóng nảy, không có tức giận, dù khi người khác đến chọc tức, có tâm nhẫn nại không nổi giận, không bực tức, không buồn bực, không tỏ nổi bất bình hiện rõ ra bên ngoài; còn là người thường làm phước bố thí đồ mặc bằng những thứ vải rất tốt đẹp, mịn màng như lụa, thứ vải dệt bằng lông thú..., những tấm vải để lót nằm cũng rất tốt đẹp và mịn màng.

Sau khi mãn kiếp người, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm thiên nam trong cõi trời dục giới... Khi mãn kiếp thiên nam, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm người.

Quả tốt trong kiếp hiện tại

Là Đức Bồ Tát Chánh Đăng Giác kiếp chót có được tướng tốt của bậc Đại nhân:

Toàn thân da có màu vàng, óng ánh xinh đẹp như màu vàng ròng.

Đức Bồ Tát có tướng tốt này.

Nếu Đức Bồ Tát ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển Luân Thánh Vương, là Đức Pháp Vương trị vì thần dân thiên hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới...

Khi đã là Đức Chuyển Luân Thánh Vương, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Có những đồ trang phục bằng những thứ vải rất tốt, quý giá mịn màng như lụa, lông thú... và những đồ lót nằm cũng bằng những thứ vải quý giá, rất tốt đẹp mịn màng.

Nếu Đức Bồ Tát ấy từ bỏ nhà đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Khi đã là Đức Phật Chánh Đẳng Giác, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

*Có những tâm y bằng những thứ vải rất tốt, quý giá mịn màng như lụa, v.v...
Và những đồ lót nằm cũng bằng những thứ vải quý giá, rất tốt đẹp mịn màng.*

14- Tướng tốt: Ngọc hành được giấu kín trong bao da.

Tướng tốt này là quả của thiện nghiệp nào?

Thiện nghiệp trong kiếp quá khứ

Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ:

Là người thường hay đi tìm kiếm những người thất lạc lâu ngày đem trở về gặp lại người thân yêu như: tìm đứa con thất lạc đem trở về gặp lại cha mẹ, hoặc đi tìm người cha, hoặc mẹ thất lạc đem trở về gặp lại đứa con, đem em gặp lại anh, hoặc đem anh gặp lại em, đem em gặp lại chị, hoặc đem chị gặp lại em, v.v... Khi những người thân yêu gặp lại với nhau, họ vô cùng vui mừng sung sướng, Đức Bồ Tát cũng vui mừng sung sướng cùng với niềm vui của họ.

Sau khi mãn kiếp người, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm thiên nam trong cõi trời dục giới... Khi mãn kiếp thiên nam, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm người.

Quả tốt trong kiếp hiện tại:

Là Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác kiếp chót có được tướng tốt của bậc Đại nhân:

Ngọc hành được giấu kín trong bao da.

Đức Bồ Tát có tướng tốt này.

Nếu Đức Bồ Tát ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển Luân Thánh Vương, là Đức Pháp Vương trị vì thần dân thiên hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới...

Khi đã là Đức Chuyển Luân Thánh Vương, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Có hơn một ngàn Hoàng tử đều là những người anh hùng dũng cảm, có nhiều oai lực chiến thắng mọi kẻ thù.

Nếu Đức Bồ Tát ấy từ bỏ nhà đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Khi đã là Đức Phật Chánh Đẳng Giác, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Có rất nhiều đệ tử là bậc Thánh Thanh Văn dũng cảm, có nhiều oai lực chiến thắng tuyệt đối mọi kẻ thù phiền não Ma vương, diệt đoạn tuyệt mọi phiền não tham ái.

15- Tướng tốt: Chiều cao của thân bằng sải tay, sải tay bằng chiều cao của thân; cũng như chiều cao của cây Nigrodha có chiều ngang bằng cành của cây ấy.

16- Tướng tốt: Khi đứng thẳng, không cúi người xuống, hai bàn tay có thể sờ đụng hai đầu gối.

Hai tướng tốt này là quả của thiện nghiệp nào?

Thiện nghiệp trong kiếp quá khứ

Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ:

Là người biết rõ những nhu cầu thiết yếu của người nên tế độ, biết rõ người này xứng đáng được tế độ vật này, người kia xứng đáng được tế độ vật kia. Khi biết rõ như vậy, rồi tế độ người ấy đúng theo nhu cầu thiết yếu của từng người.

Sau khi mãn kiếp người, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm thiên nam trong cõi trời dục giới... Khi mãn kiếp thiên nam, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm người.

Quả tốt trong kiếp hiện tại:

Là Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác kiếp chót có được 2 tướng tốt của bậc Đại nhân:

Chiều cao của thân bằng sải tay, sải tay bằng chiều cao của thân; cũng như chiều cao của cây Nigrodha có chiều ngang bằng cành của cây ấy.

Khi đứng thẳng, không cúi người xuống, hai bàn tay có thể sờ đụng hai đầu gối.

Đức Bồ Tát có tướng tốt này.

Nếu Đức Bồ Tát ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển Luân Thánh Vương, là Đức Pháp Vương trị vì thần dân thiên hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới...

Khi đã là Đức Chuyển Luân Thánh Vương thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Có nhiều của cải tài sản, có nhiều châu báu, vàng bạc, mọi thứ của cải đồ dùng đều rất đáng hài lòng, các kho đầy của cải, lúa gạo.

Nếu Đức Bồ Tát ấy từ bỏ nhà đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Khi đã là Đức Phật Chánh Đẳng Giác, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Có nhiều tài sản quý báu, đó là đức tin, giới, hổ thẹn với tội lỗi, ghê sợ tội lỗi, nghe nhiều hiểu rộng, bố thí, trí tuệ; đặc biệt hơn nữa là của báu Siêu tam giới 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, đó cũng gọi là của báu.

17- Tướng tốt: Cổ tròn trịa đầy đặn (khi nói không nổi gân cổ).

18- Tướng tốt: Hai hốc bả vai có thịt đầy đặn (không nhìn thấy xương vai).

19- Tướng tốt: Thân hình trên dưới đầy đặn như thân hình phía trên của sư tử chúa.

Ba tướng tốt này là quả của thiện nghiệp nào?

Thiện nghiệp trong kiếp quá khứ

Đức Bồ Tát Chánh Đăng Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ:

Là người có thiện tâm trong sạch mong tìm sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc, sự giải thoát khỏi mọi ràng buộc cho phần đông chúng sinh. Với thiện tâm suy nghĩ rằng: “Làm thế nào giúp cho những người ấy phát triển đức tin trong sạch, phát triển giới trong sạch, phát triển sự hiểu biết nghe nhiều hiểu rộng, phát triển mọi thiện pháp, phát triển sự bố thí, phát triển trí tuệ. Đời sống của họ được phát triển của cải, lúa gạo ruộng vườn, gia súc; phát triển con cháu, bà con dòng họ, bạn bè v.v...”

Sau khi mãn kiếp người, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm thiên nam trong cõi trời dục giới... Khi mãn kiếp thiên nam, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm người.

Quả tốt trong kiếp hiện tại

Là Đức Bồ Tát Chánh Đăng Giác kiếp chót có được 3 tướng tốt của bậc Đại nhân:

- Cổ tròn trịa đầy đặn (khi nói không nổi gân cổ).
- Hai hóc bả vai có thịt đầy đặn (không nhìn thấy xương vai).
- Thân hình trên dưới đầy đặn như thân hình phía trên của sư tử chúa.

Đức Bồ Tát có 3 tướng tốt này.

Nếu Đức Bồ Tát ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển Luân Thánh Vương, là Đức Pháp Vương trị vì thần dân thiên hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới...

Khi đã là Đức Chuyển Luân Thánh Vương, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Không bị suy thoái mọi thiện pháp và cũng không bị suy thoái của cải tài sản, đàn gia súc; không bị suy thoái con cháu bà con, bạn bè...

Nếu Đức Bồ Tát ấy từ bỏ nhà đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đăng Giác.

Khi đã là Đức Phật Chánh Đẳng Giác, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Không bị suy thoái đức tin, giới, sự hiểu biết, nghe nhiều hiểu rộng, sự bố thí, trí tuệ v.v...

20- Tướng tốt: Bảy ngàn dây thần kinh rất tinh tế, tụ hội từ lưỡi đến cổ, tiếp nhận hương vị vật thực để nuôi dưỡng cơ thể.

Tướng tốt này là quả của thiện nghiệp nào?

Thiện nghiệp trong kiếp quá khứ

Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ:

Là người không làm khổ tất cả chúng sinh bằng chân tay hoặc bằng gậy gộc, bằng khí giới...

Sau khi mãn kiếp người, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm thiên nam trong cõi trời dục giới... Khi mãn kiếp thiên nam, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm người

Quả tốt trong kiếp hiện tại

Là Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác kiếp chót có được tướng tốt của bậc Đại nhân:

Bảy ngàn dây thần kinh rất tinh tế, tụ hội từ lưỡi đến cổ, tiếp nhận hương vị vật thực để nuôi dưỡng cơ thể.

Đức Bồ Tát có tướng tốt này.

Nếu Đức Bồ Tát ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển Luân Thánh Vương, là Đức Pháp Vương trị vì thần dân thiên hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới...

Khi đã là Đức Chuyển Luân Thánh Vương, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Ít bệnh hoạn đau ốm, ít vất vả; có đầy đủ chất ấm trong cơ thể giúp cho sự tiêu hóa vật thực dễ dàng; cơ thể không nóng quá, cũng không lạnh quá.

- Nếu Đức Bồ Tát ấy từ bỏ nhà đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Khi đã là Đức Phật Chánh Đẳng Giác, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Ít bệnh hoạn ốm đau, ít vất vả; có đầy đủ chất ấm trong cơ thể giúp cho sự tiêu hóa vật thực dễ dàng; cơ thể không nóng quá, cũng không lạnh quá.

21- Tướng tốt: Đôi mắt xanh sẫm và trong sáng rất đẹp.

22- Tướng tốt: Đôi mắt tựa như đôi mắt con bê mới sinh.

Hai tướng tốt này là quả của thiện nghiệp nào?

Thiện nghiệp trong kiếp quá khứ

Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ:

Là người không trợn mắt nhìn, là người có tâm chánh trực, có thói quen tự nhiên nhìn thẳng mọi người với tâm từ, bằng đôi mắt dịu hiền đáng yêu mến...

Sau khi mãn kiếp người, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm thiên nam trong cõi trời dục giới... Khi mãn kiếp thiên nam, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm người.

Quả tốt trong kiếp hiện tại

Là Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác kiếp chót có được 2 tướng tốt của bậc Đại nhân:

- *Đôi mắt xanh sẫm và trong sáng rất đẹp.*
- *Đôi mắt tựa như đôi mắt con bê mới sinh.*

Đức Bồ Tát có 2 tướng tốt này.

Nếu Đức Bồ Tát ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển Luân Thánh Vương, là Đức Pháp Vương trị vì thần dân thiên hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới...

Khi đã là Đức Chuyển Luân Thánh Vương, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Tất cả mọi người đều kính yêu Đức Chuyển Luân Thánh Vương, Ngài là nơi hài lòng kính yêu của các hoàng tử, các quan, các tướng lĩnh, các quân lính, các nhóm Bàlamôn, phú hộ,... Tất cả thần dân thiên hạ đều kính yêu Đức Chuyển Luân Thánh Vương và chỉ có một lòng trung thành tuyệt đối với Người.

Nếu Đức Bồ Tát ấy từ bỏ nhà đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Khi đã là Đức Phật Chánh Đẳng Giác, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Phần đông chúng sinh đều kính trọng Đức Phật, Đức Phật là nơi nương nhờ duy nhất của chư Tỳ khuru, chư Tỳ khuru ni, các cận sự nam, cận sự nữ, nhân loại, chư thiên, Long vương, chư phạm thiên. Tất cả các hàng đệ tử có đức tin trong sạch nơi Đức Phật, luôn luôn kính yêu Đức Phật.

23- Tướng tốt: Cái đầu tròn, và có vàng trán cao, rộng, đẹp, đi vòng từ vành tai bên phải sang vành tai bên trái.

Tướng tốt này là quả của thiện nghiệp nào?

Thiện nghiệp trong kiếp quá khứ

Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ:

Là người đứng đầu mọi người trong mọi thiện pháp, là người dẫn đầu mọi người trong các thiện pháp như thân hành việc thiện, khẩu nói điều thiện, ý nghĩ điều thiện; việc làm phước bố thí, thọ trì ngũ giới, bát giới (uposathasila), phụng dưỡng cha mẹ, hộ độ Samôn, Bàlamôn, kính trọng các bậc Trưởng lão trong dòng họ, trong đời.

Sau khi mãn kiếp người, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm thiên nam trong cõi trời dục giới... Khi mãn kiếp thiên nam, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm người.

Quả tốt trong kiếp hiện tại

Là Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác kiếp chót có được tướng tốt của bậc Đại nhân:

Cái đầu tròn, và có vầng trán cao rộng đẹp, đi vòng từ vành tai bên phải sang vành tai bên trái.

Đức Bồ Tát có tướng tốt này.

Nếu Đức Bồ Tát ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển Luân Thánh Vương, là Đức Pháp Vương trị vì thần dân thiên hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới...

Khi đã là Đức Chuyển Luân Thánh Vương, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Mọi người tin theo Đức Chuyển Luân Thánh Vương. Ngài là người đứng đầu cao cả nhất trong các Hoàng tử, các quan, các tướng lĩnh, các quân lính, các nhóm Samôn, Bàlamôn, phú hộ, v.v... Tất cả thần dân thiên hạ đều tin theo Đức Chuyển Luân Thánh Vương và chỉ có một lòng trung thành tuyệt đối theo Người.

Nếu Đức Bồ Tát ấy từ bỏ nhà đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Khi đã là Đức Phật Chánh Đẳng Giác, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Phần đông chúng sinh có đức tin theo Đức Phật, Đức Phật là nơi nương nhờ duy nhất của chư Tỳ khưu, chư Tỳ khưu ni, các cận sự nam, cận sự nữ, nhân loại, chư thiên, Long vương, chư phạm thiên... Tất cả các hàng đệ tử có đức tin trong sạch nơi Đức Phật, chỉ có nhất tâm tin theo Đức Phật mà thôi.

24- Tướng tốt: Mỗi sợi lông mọc ở mỗi lỗ chân lông.

25- Tướng tốt: Sợi lông u□□a mọc trên trán, ở khoảng giữa hai đầu lông mày, có màu trắng, dài mềm mại xoắn bên phải, đầu lông hướng lên phía trên đầu rất đẹp.

Hai tướng tốt này là quả của thiện nghiệp nào?

Thiện nghiệp trong kiếp quá khứ

Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ:

Là người không nói dối, tránh xa sự nói dối, không nói lời lừa dối mọi người; chỉ nói lời chân thật, mỗi lời nói có chứng cứ, đem lại sự lợi ích.

Sau khi mãn kiếp người, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm thiên nam trong cõi trời dục giới... Khi mãn kiếp thiên nam, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm người.

Quả tốt trong kiếp hiện tại

Là Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác kiếp chót có được 2 tướng tốt của bậc Đại nhân:

- *Mỗi sợi lông mọc ở mỗi lỗ chân lông.*
- *Sợi lông u□□a mọc trên trán, ở khoảng giữa hai đầu lông mày, có màu trắng, dài mềm mại xoắn bên phải, đầu lông hướng lên phía trên đầu rất đẹp.*

Đức Bồ Tát có 2 tướng tốt này.

Nếu Đức Bồ Tát ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển Luân Thánh Vương, là Đức Pháp Vương trị vì thần dân thiên hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới...

Khi đã là Đức Chuyển Luân Thánh Vương, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Mọi người có đức tin theo lời truyền dạy của Đức Chuyển Luân Thánh Vương, và tuyệt đối tuân theo lệnh của Người. Chánh cung Hoàng hậu, các Hoàng tử, các Công chúa, các quan, các tướng lĩnh, quân lính, nhóm Bàlamôn, phú hộ cho đến toàn thể thần dân thiên hạ một lòng tin nơi Đức Chuyển Luân Thánh Vương và tuyệt đối tuân theo lệnh của Người.

Nếu Đức Bồ Tát ấy từ bỏ nhà đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Khi đã là Đức Phật Chánh Đẳng Giác, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Các hàng Thanh Văn đệ tử lắng nghe theo lời giáo huấn của Đức Phật, phát sinh đức tin trong sạch và thực hành theo lời dạy của Ngài. Các hàng Thanh Văn đệ tử đó là chư Tỳ khưu, chư Tỳ khưu ni, cận sự nam, cận sự nữ, nhân loại, chư thiên, Long vương, chư phạm thiên đều có đức tin trong sạch nơi Đức Phật và thực hành theo lời dạy của Ngài.

26- Tướng tốt: Đầy đủ 40 cái răng: Hàm trên 20 cái răng và hàm dưới 20 cái răng.

27- Tướng tốt: Hai hàm răng sắp đều đặn và khít vào nhau, không có kẽ hở.

Hai tướng tốt này là quả của thiện nghiệp nào?

Thiện nghiệp trong kiếp quá khứ:

Đức Bồ Tát Chánh Đăng Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ:

Là người không nói lời đâm thọc chia rẽ, tránh xa lời nói đâm thọc chia rẽ; chỉ nói lời làm cho mọi người đoàn kết, tin tưởng nhau, thương yêu nhau; ca tụng tình đoàn kết thương yêu nhau, hoan hỷ khi mọi người đoàn kết gắn bó với nhau.

Sau khi mãn kiếp người, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm thiên nam trong cõi trời dục giới... Khi mãn kiếp thiên nam, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm người.

Quả tốt trong kiếp hiện tại

Là Đức Bồ Tát Chánh Đăng Giác kiếp chót có được 2 tướng tốt của bậc Đại nhân:

- Đầy đủ 40 cái răng: Hàm trên 20 cái răng và hàm dưới 20 cái răng.
- Hai hàm răng sắp đều đặn và khít vào nhau, không có kẽ hở.

Đức Bồ Tát có 2 tướng tốt này.

Nếu Đức Bồ Tát ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển Luân Thánh Vương, là Đức Pháp Vương trị vì thần dân thiên hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới...

Khi đã là Đức Chuyển Luân Thánh Vương, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Các bộ hạ tùy tùng của Đức Chuyển Luân Thánh Vương không bị chia rẽ, đoàn kết gắn bó với nhau: Các bộ hạ tùy tùng đó là các Hoàng tử, các quan, các tướng lĩnh, các quân lính, các nhóm Bàlamôn, phú hộ, toàn thể thần dân thiên hạ trong nước đều đoàn kết gắn bó với nhau, chỉ một lòng trung thành tuyệt đối với Đức Chuyển Luân Thánh Vương mà thôi.

Nếu Đức Bồ Tát ấy từ bỏ nhà đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Khi đã là Đức Phật Chánh Đẳng Giác, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Các hàng Thanh Văn đệ tử của Đức Phật không bị chia rẽ, đoàn kết gắn bó với nhau. Các hàng Thanh Văn đệ tử đó là: Chư Tỳ khuru, chư Tỳ khuru ni, cận sự nam, cận sự nữ, nhân loại, chư thiên, Long vương, chư phạm thiên đều đoàn kết gắn bó với nhau, chỉ có đức tin trong sạch nơi Đức Phật mà thôi, một lòng lo phụng sự Tam Bảo, duy trì chánh pháp của Đức Phật.

28- Tướng tốt: Lưỡi lớn và dài, mềm mỏng, có màu đỏ hồng xinh đẹp. Lưỡi lớn có thể trùm được cả mặt, lên đến chân tóc, và lưỡi dài có thể le ra đến tận hai lỗ mũi, hai lỗ tai.

29- Tướng tốt: Giọng nói như giọng phạm thiên, rõ ràng, trong trẻo, ngọt ngào như tiếng chim karavīka.

Hai tướng tốt này là quả của thiện nghiệp nào?

Thiện nghiệp trong kiếp quá khứ

Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ:

Là người không nói lời thô tục, chửi rủa mắng nhiếc, tránh xa lời thô tục, chửi rủa mắng nhiếc; chỉ nói lời không có lỗi, nghe êm tai, làm hài lòng người nghe.

Sau khi mãn kiếp người, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm thiên nam trong cõi trời dục giới... Khi mãn kiếp thiên nam, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm người.

Quả tốt trong kiếp hiện tại:

Là Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác kiếp chót có được 2 tướng tốt của bậc Đại nhân:

- *Lưỡi lớn và dài, mềm mỏng, có màu đỏ hồng xinh đẹp. Lưỡi lớn có thể trùm được cả mặt, lên đến chân tóc, và lưỡi dài có thể le ra đến tận hai lỗ mũi, hai lỗ tai.*
- *Giọng nói như giọng phạm thiên, rõ ràng, trong trẻo, ngọt ngào như tiếng chim karavīka.*

Đức Bồ Tát có 2 tướng tốt này.

Nếu Đức Bồ Tát ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển Luân Thánh Vương, là Đức Pháp Vương trị vì thần dân thiên hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới...

Khi đã là Đức Chuyển Luân Thánh Vương, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Lời nói của Đức Chuyển Luân Thánh Vương được phân đông mọi người tin theo. Phần đông mọi người đó là các Hoàng tử, các quan, các tướng lĩnh, các quân lính, các nhóm Bàlamôn, phú hộ, toàn thể thần dân thiên hạ đều tuyệt đối tin theo lời của Đức Chuyển Luân Thánh Vương.

Nếu Đức Bồ Tát ấy từ bỏ nhà đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Khi đã là Đức Phật Chánh Đẳng Giác, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Lời giáo huấn của Đức Phật được tất cả các hàng Thanh Văn đệ tử tin theo. Các hàng Thanh Văn đệ tử đó là: Chư Tỳ khuru, chư Tỳ khuru ni, cận sự nam, cận sự nữ, nhân loại, chư thiên, Long vương, chư phạm thiên tin theo lời giáo huấn của Đức Phật.

30- Tướng tốt: Cái cảm giống như cảm sư tử chúa.

Tướng tốt này là quả của thiện nghiệp nào?

Thiện nghiệp trong kiếp quá khứ

Đức Bồ Tát Chánh Đăng Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ:

Là người không nói lời vô ích, tránh xa sự nói lời vô ích; chỉ nói lời có ích hợp thời, lời chân thật, có ý nghĩa sâu sắc, hợp với pháp, hợp với luật, có chứng cứ rõ ràng, đem lại sự lợi ích thật sự.

Sau khi mãn kiếp người, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm thiên nam trong cõi trời dục giới... Khi mãn kiếp thiên nam, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm người

Quả tốt trong kiếp hiện tại

Là Đức Bồ Tát Chánh Đăng Giác kiếp chót có được tướng tốt của bậc Đại nhân:

Cái cảm giống như cảm sư tử chúa.

Đức Bồ Tát có tướng tốt này.

Nếu Đức Bồ Tát ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển Luân Thánh Vương, là Đức Pháp Vương trị vì thần dân thiên hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới...

Khi đã là Đức Chuyển Luân Thánh Vương, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Không có một kẻ thù nào có thể gây tai hại đến Đức Chuyển Luân Thánh Vương được.

Nếu Đức Bồ Tát ấy từ bỏ nhà đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đăng Giác.

Khi đã là Đức Phật Chánh Đăng Giác, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Không có kẻ thù bên trong là phiền não, tham, sân, si... Không có kẻ thù bên ngoài là Samôn, Bàlamôn, chư thiên, Ma vương, phạm thiên hoặc không một ai trong đời có thể gây tai hại đến Đức Phật Chánh Đăng Giác được.

31- Tướng tốt: Hàm răng trên và dưới đều đặn, có màu trắng xinh đẹp.

32- Tướng tốt: Bốn cái răng nhọn sạch sẽ, trắng đẹp.

Hai tướng tốt này là quả của thiện nghiệp nào?

Thiện nghiệp trong kiếp quá khứ

Đức Bồ Tát Chánh Đăng Giác đã từng sinh làm người trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ:

*Là người không sống theo tà mạng, chỉ sống theo chánh mạng mà thôi.
Tránh xa mọi cách lừa đảo như cân gian, đồ giả, đong thiếu, lừa dối, tráo trở; tránh xa sự trộm cắp, cướp của giết người...*

Sau khi mãn kiếp người, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm thiên nam trong cõi trời dục giới... Khi mãn kiếp thiên nam, do thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm người

Quả tốt trong kiếp hiện tại

Là Đức Bồ Tát Chánh Đăng Giác kiếp chót có được 2 tướng tốt của bậc Đại nhân:

- Hàm răng trên và dưới đều đặn, có màu trắng xinh đẹp.
- Bốn cái răng nhọn sạch sẽ, trắng đẹp.

Đức Bồ Tát có 2 tướng tốt này.

- Nếu Đức Bồ Tát ấy sống tại gia, thì sẽ trở thành Đức Chuyển Luân Thánh Vương, là Đức Pháp Vương trị vì thần dân thiên hạ trên toàn cõi đất nước có 4 biển làm ranh giới...

Có đầy đủ thất báu là Long xa báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, người nữ báu (*chánh cung Hoàng hậu báu*), phú hộ báu và thừa tướng báu, có hơn một ngàn Hoàng tử đều là những người anh hùng dũng cảm có khả năng dẹp tan mọi đội quân của kẻ thù.

Đức Chuyển Luân Thánh Vương có khả năng thắng mọi kẻ thù bằng thiện pháp, không dùng đến quyền lực hình phạt, không dùng đến khí giới, trị vì trên toàn cõi đất nước. Toàn thể thần dân thiên hạ sống trong cảnh thanh bình thịnh vượng, không có chiến tranh, không có trộm cắp, cướp của giết người...

Khi đã là Đức Chuyển Luân Thánh Vương, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Bộ hạ tùy tùng của Đức Chuyển Luân Thánh Vương đều có thiện tâm trong sạch, không bị ô nhiễm bởi phiền não, thân tâm được an lạc. Bộ hạ tùy tùng đó là chánh cung Hoàng hậu, các Hoàng tử, các Công chúa, các quan cận thân, các tướng lĩnh, các nhóm Bàlamôn, dân chúng trong thành, ngoại thành, toàn dân trên toàn cõi đất nước đều có thiện tâm trong sạch, không bị ô nhiễm bởi phiền não, thân tâm thường được an lạc.

- Nếu Đức Bồ Tát ấy từ bỏ nhà đi xuất gia, thì sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Khi đã là Đức Phật Chánh Đẳng Giác, thiện nghiệp ấy cho quả đặc biệt là:

Các hàng Thanh Văn đệ tử của Đức Phật Chánh Đẳng Giác đều có thiện tâm trong sạch, không bị ô nhiễm bởi phiền não, bởi vì, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử đã diệt đoạn tuyệt được phiền não, tham ái. Các hàng Thanh Văn đệ tử đó là chư Tỳ khuru, chư Tỳ khuru ni, các hàng cận sự nam, cận sự nữ, chư thiên, chư phạm thiên là những bậc Thánh. Dù những hàng Thanh Văn đệ tử còn phàm chưa phải bậc Thánh Nhân, nhưng họ cũng có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, có giới trong sạch, có thiện pháp phát triển và tăng trưởng, có thiện tâm trong sáng. Như vậy, các hàng Thanh Văn đệ tử này của Đức Phật Chánh Đẳng Giác xem như trong sạch, không bị phiền não làm ô nhiễm.

-ooOoo-

Nhận xét về nghiệp và quả của nghiệp

Nghiệp và quả của nghiệp của mỗi chúng sinh là một trong bốn điều “**bất khả tư nghĩ**” đối với tất cả chúng sinh; chỉ có Đức Phật Chánh Đẳng Giác mới có trí tuệ đặc biệt thấy rõ biết rõ được nghiệp và quả của nghiệp không chỉ đối với Ngài, mà còn đối với tất cả chúng sinh muôn loài nữa.

Thiện nghiệp, ác nghiệp của chúng sinh nào, thiện nghiệp hoặc ác nghiệp có cơ hội cho qua trong **thời kỳ tái sinh** (*paṭisandhikāla*) chỉ riêng cho chúng sinh ấy mà thôi, hoàn toàn *không liên quan* đến các chúng sinh khác. Song **quả của thiện nghiệp, ác nghiệp**: nghĩa là **thiện nghiệp** cho quả tốt, an lạc; còn **ác nghiệp** cho quả xấu, khổ não, trong **thời kỳ sau khi đã tái sinh** (*pavattikāla*) không chỉ riêng cho chúng sinh ấy mà quả của thiện

ngiệp, hoặc quả của ác nghiệp ấy còn có thể gây *ảnh hưởng gián tiếp liên quan* đến các chúng sinh khác có quan hệ với chúng sinh ấy.

Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* trải qua vô số kiếp đã tạo các pháp hạnh ba-la-mật từ thời kỳ phát nguyện ở trong tâm, khoảng thời gian suốt 7 a-tăng-kỳ; đến thời kỳ phát nguyện ra bằng lời nói, khoảng thời gian suốt 9 a-tăng-kỳ, cho đến thời kỳ được Đức Phật *Dīpa-kara* thọ ký xác định thời gian còn lại 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất nữa, chắc chắn sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác có danh hiệu là Đức Phật *Gotama*; trải qua các khoảng thời gian ấy, Đức Bồ Tát tiền thân của Đức Phật *Gotama* tạo 30 pháp hạnh ba-la-mật là thiện nghiệp có mục đích cứu cánh để trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, những thiện nghiệp ấy được tích lũy từ kiếp này sang kiếp khác, liên tiếp nhau không gián đoạn, cho đến kiếp chót cho quả tái sinh làm người là kiếp Đức Bồ Tát Thái tử *Siddhattha*, khi Ngài hạ sinh ra đời có đầy đủ 32 tướng tốt chính của bậc Đại nhân (*mahāpurisalakkha*), và 80 tướng tốt phụ (*anubyañjana*); đó là quả của thiện nghiệp ba-la-mật của Đức Bồ Tát đã tích lũy từ vô số kiếp trong quá khứ.

Đức Phật dạy trong kinh *Lakkhaṇasutta*, mỗi tướng tốt đều do quả trực tiếp của mỗi thiện nghiệp ba-la-mật, được biểu hiện nơi kim thân của Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác kiếp chót, có đầy đủ 32 tướng tốt chính của bậc Đại nhân và 80 tướng tốt phụ; do đó, các vị Bàlamôn trí thức học rộng, hiểu biết bộ sách xem tướng của dòng dõi Bàlamôn, mới có thể suy đoán biết Đức Bồ Tát Thái tử *Siddhattha*, khi trưởng thành sẽ đi xuất gia và chắc chắn sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Thật vậy, đúng theo lời suy đoán của các vị Bàlamôn trí thức, Đức Bồ Tát Thái tử *Siddhattha* đi xuất gia năm 29 tuổi, và trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác năm 35 tuổi, đó là quả của các thiện nghiệp ba-la-mật có mục đích cứu cánh của Ngài; đặc biệt quả của các thiện nghiệp ba-la-mật ấy, không chỉ riêng cho Đức Phật, mà còn có ảnh hưởng tốt đến các hàng Thanh Văn đệ tử của Ngài, từ thế hệ xưa cho đến thế hệ ngày nay, và còn tiếp tục đến thế hệ mai sau, cho đến khi giáo pháp của Đức Phật bị mai một hoàn toàn.

80 tướng tốt phụ của Đức Bồ Tát kiếp chót (ANUBYAÑJANA)

Đức Bồ Tát Chánh Đăng Giác kiếp chót chắc chắn sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đăng Giác, khi Ngài đản sinh ra đời có đầy đủ 32 tướng tốt chính của bậc Đại nhân (*mahāpurisalakkha*) và 80 tướng tốt phụ (*anubyañjana*).

Như trong bài kinh *Ānātiyasutta* [2] có câu:

“*Upetā Buddhadhammehi, Aharasāhi nāyakā
Bāttisalakkhāūpetāsītānubyañjanādhara*”.

*Chư Phật có đầy đủ mười tám đức,
Ba mươi hai tướng tốt bậc Đại nhân,
Cùng trọn vẹn tám mươi tướng tốt phụ,
Chư Phật cao thượng cả thân lẫn tâm.*

Trong bộ *Jinālarāikā* trình bày 80 tướng tốt phụ của Ngài như sau:

1. Bốn ngón tay dài bằng nhau (trừ ngón cái) khít vào nhau, và năm ngón chân dài bằng nhau, khít vào nhau, không có kẽ hở.
2. Ngón tay, ngón chân từ gốc đến đầu thon mềm mại.
3. Ngón tay, ngón chân tròn trịa xinh đẹp. (3 tướng tốt phụ của ngón tay, ngón chân)
4. Móng tay, móng chân đỏ hồng như ngọc.
5. Móng tay, móng chân cao nhọn hơi cong.
6. Móng tay, móng chân đẹp hoàn toàn. (3 tướng tốt phụ của móng tay, móng chân)
7. Hai mắt cá bàn chân không lộ rõ.
8. Hai bàn chân, mỗi bàn chân có năm ngón dài bằng nhau.
9. Dáng chân bước đi đẹp, như bước chân của voi chúa.
10. Dáng chân bước đi thu thúc, như sư tử chúa.
11. Dáng chân bước đi đẹp, như con hạc chúa.
12. Dáng chân bước đi đẹp, như con bò chúa.
13. Chân phải bắt đầu bước đi trước. (5 tướng tốt phụ về dáng đi)
14. Hai đầu gối tròn trịa đẹp.
15. Đầy đủ tướng tốt của đàn ông.
16. Lỗ rốn tròn trịa không có nếp nhăn.
17. Lỗ rốn sâu.
18. Lỗ rốn xoay tròn khu ọc bên phải. (3 tướng tốt phụ của lỗ rốn)
19. Hai cánh tay, hai ống chân thon giống như vòi của con voi.

20. Kim thân trên dưới cân đối xinh đẹp.
21. Toàn kim thân từ trên xuống dưới các bộ phận rất xinh đẹp.
22. Toàn kim thân không có tỳ vết.
23. Kim thân không mập, không gầy, cân đối.
24. Toàn kim thân không có nếp nhăn.
25. Toàn kim thân không có nốt ruồi, tàn nhang v.v...
26. Các bộ phận trong cơ thể trước sau xinh đẹp.
27. Toàn thân có da sạch sẽ trong sáng như vàng ròng. (9 tướng tốt phụ của thân)
28. Đức Phật có sức mạnh bằng 10 tỷ con voi khỏe mạnh.
29. Lỗ mũi cao và dài, đầu mũi hơi nhọn.
30. Lợi răng đỏ đậm.
31. Hàm răng sạch sẽ.
32. Hàm răng đều đặn đẹp đẽ. (2 tướng tốt phụ của hàm răng)
33. Mắt, tai, mũi, lưỡi hoàn toàn trong sáng thanh tịnh.
34. Bốn cái răng nhọn tròn trịa.
35. Đôi môi hồng đỏ (như màu đỏ lúc rạng đông).
36. Miệng rộng.
37. Hai lòng bàn tay có chỉ tay sâu đậm rõ ràng.
38. Chỉ tay dài.
39. Chỉ tay ngay thẳng.
40. Đường chỉ tay đẹp. (4 tướng tốt phụ của bàn tay)
41. Toàn thân phát ra ánh sáng độ một sải.
42. Đôi má đầy đặn.
43. Đôi mắt dài và rộng.
44. Đôi mắt bên trong có năm màu (xanh, vàng, đỏ, trắng và xám). (2 tướng tốt phụ của đôi mắt)
45. Lưỡi hồng mềm mỏng.
46. Đôi lỗ tai có trái tai dài.
47. Những dây thần kinh không gút mắc.
48. Những dây thần kinh chìm sâu.
49. Cái đầu đẹp tròn trịa.
50. Vàng trán rộng cao đẹp.
51. Đôi lông mày cong tự nhiên.
52. Đôi lông mày hình dáng đẹp.
53. Lông mày mềm mại.
54. Lông mày từ đầu đến đuôi cong tự nhiên.
55. Lông mày lớn đẹp.
56. Lông mày dài. (6 tướng tốt phụ của lông mày)
57. Kim thân trẻ trung tuyệt vời (lúc nào cũng không thấy già).

58. Kim thân mát mẽ tuyệt vời.
59. Kim thân luôn luôn tỏa ra ánh sáng tuyệt vời.
60. Kim thân hoàn toàn sạch sẽ, không có dơ bẩn.
61. Kim thân mềm mại.
62. Kim thân trơn tru xinh đẹp.
63. Kim thân có mùi thơm.(7 tướng tốt phụ của kim thân)
64. Lông đều đặn.
65. Lông mềm mại.
66. Sợi lông uốn cong xoay bên phải.
67. Lông có màu xanh như bích ngọc.
68. Sợi lông tròn.
69. Sợi lông bóng láng. (6 tướng tốt phụ của sợi lông)
70. Hơi thở ra, hơi thở vào vô cùng vi tế.
71. Miệng có mùi thơm tho [\[3\]](#).
72. Tóc có màu xanh đen.
73. Tóc xoắn khu ố bên phải.
74. Tóc hình dáng đẹp tự nhiên.
75. Tóc mềm mại.
76. Tóc không rối.
77. Tóc đều đặn (không cao, không thấp).
78. Tóc bóng láng. (7 tướng tốt phụ của sợi tóc)
79. Trên đỉnh đầu tóc có mùi thơm tho.
80. Trên đỉnh đầu phát ra tia hào quang.

Đó là 80 tướng tốt phụ của Đức Bồ Tát Chánh Đăng Giác kiếp chót chắc chắn sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đăng Giác.

Phật mẫu Mahāmayādevī quy thiên

Đức Bồ Tát Thái tử Siddhattha đản sinh ra đời đến ngày thứ bảy, chánh cung Hoàng hậu Mahāmayādevī quy thiên, bởi vì, bà đã hết tuổi thọ. Bà chánh cung Hoàng hậu Mahāmayādevī hưởng thọ được 56 năm 4 tháng 27 ngày ở cõi người. Sau khi chết, do thiện nghiệp cho quả tái sinh làm vị thiên nam tên Santussita trong cõi trời Tusita (Đầu Suất Đà Thiên) tầng trời thứ tư trong 6 cõi trời dục giới. Tầng trời thứ tư này, chư thiên có tuổi thọ 4.000 năm tuổi trời, so với thời gian cõi người bằng 576 triệu năm; bởi vì 1 ngày 1 đêm ở cõi trời này bằng 400 năm ở cõi người.

Tuyển chọn nhũ mẫu

Đức vua *Suddhodana* truyền lệnh tuyển chọn nữ mẫu để nuôi dưỡng Thái tử *Siddhattha*.

Những người đàn bà đủ tiêu chuẩn được tuyển chọn có 240 người, trong đó chọn 60 bà trực tiếp lo phục vụ Thái tử; ngoài ra, còn có 60 lính hầu và 60 vị quan trông coi việc nuôi dưỡng Thái tử.

Khi Hoàng hậu *Mahāmayādevī* quy thiên, Đức vua *Suddhodana* tấn phong bà *Mahāpajāpatigotamī* (em của bà *Mahāmayādevī*) lên ngôi vị chánh cung Hoàng hậu. Bà chánh cung Hoàng hậu *Mahāpajāpatigotamī* hạ sinh Hoàng tử *Nanda*, sau Thái tử *Siddhattha* 2-3 ngày. Bà *Mahāpajāpatigotamī* vốn là bà dì ruột của Thái tử *Siddhattha*, bà tự đảm đương địa vị nữ mẫu nuôi dưỡng Thái tử *Siddhattha*, còn Hoàng tử *Nanda*, con đẻ của bà, giao cho nữ mẫu khác nuôi dưỡng.

Đức Bồ Tát Thái tử *Siddhattha* trưởng thành bằng bầu sữa ngọt lành của nữ mẫu chánh cung Hoàng hậu *Mahāpajāpatigotamī*.

Cuộc đời Thái tử *Siddhattha*

Năm Thái tử *Siddhattha* được mười sáu (16) tuổi thì Đức vua *Suddhodana* truyền ngôi báu cho Thái tử.

Trong buổi lễ đăng quang lên ngôi vua của Thái tử *Siddhattha* cùng với lễ thành hôn với Công chúa *Yasodharā*, Đức vua *Siddhattha* tấn phong Công chúa *Yasodharā* lên ngôi vị chánh cung Hoàng hậu. Đức vua trị vì đất nước được thanh bình thịnh vượng, thần dân thiên hạ được an cư lạc nghiệp.

Đức Thái Thượng Hoàng *Suddhodana* muốn Đức vua *Siddhattha* trở thành Đức Chuyển Luân Thánh Vương, không muốn Đức Bồ Tát đi xuất gia để trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác; cho nên, Đức Thái Thượng Hoàng truyền lệnh cho các quân lính ngăn cấm **người già, người bệnh, người chết** và **bậc xuất gia**, phải xa cách không để cho Đức vua *Siddhattha* nhìn thấy họ.

Đức Bồ Tát lên ngôi vua an hưởng sự an lạc trên ngai vàng thời gian trải qua 12 năm, chưa từng thấy cảnh nào để phát sinh *động tâm* (*sañvega*).

Nguyên nhân Đức Bồ Tát đi xuất gia

Những sự kiện xảy ra theo tuần tự thời gian, khiến Đức Bồ Tát quyết định đi xuất gia.

* *Lần đầu tiên*, vào ngày rằm tháng 6, Đức vua Bồ Tát đi du lãm vườn thượng uyển. Trên đường đi, bỗng nhiên Ngài nhìn thấy **một người già**, do chư thiên biến hóa, để làm cho Ngài phát sinh *động tâm* (*samvega*). Thật vậy, Ngài chưa từng nhìn thấy người già như thế bao giờ, cho nên Ngài suy tư: “*Chắc chắn ta cũng có sự già như thế, không thể tránh khỏi sự già được*”. Nỗi ưu tư tràn ngập trong lòng, không còn muốn đi du lãm nữa, Ngài truyền bảo người đánh xe đưa Ngài hồi cung.

* *Lần thứ nhì*, cách 4 tháng sau, vào ngày rằm tháng 10, Đức vua lại đi du lãm vườn thượng uyển. Trên đường đi, lần này Ngài nhìn thấy **một người bệnh**, cũng do chư thiên biến hóa. Như lần trước, Ngài suy tư: “*Chắc chắn ta cũng có sự bệnh như thế, không thể tránh khỏi sự bệnh được*”. Tâm trạng u buồn, Ngài truyền lệnh bảo người đánh xe đưa Ngài hồi cung.

* *Lần thứ ba*, cũng cách 4 tháng sau, vào ngày rằm tháng 2, để vơi bớt nỗi buồn, Đức vua lại muốn đi du lãm vườn thượng uyển. Trên đường đi, bất chợt Ngài nhìn thấy **một người chết**, cũng do chư thiên biến hóa. Như hai lần trước, Ngài suy tư: “*Chắc chắn ta cũng có sự chết như thế, không thể tránh khỏi sự chết được*”. Nỗi lo sợ phát sinh trong lòng, Ngài truyền lệnh bảo người đánh xe đưa Ngài hồi cung.

Từ đó, Đức Bồ Tát lúc nào cũng suy tư về sự già, sự bệnh, sự chết. Ngài tự hỏi, có con đường nào giải thoát *sự già, sự bệnh, sự chết* hay không? Sở dĩ có sự già, sự bệnh, sự chết là vì có **sự tái sinh**. Ôi! *Sự tái sinh đáng kinh sợ thật!*

* *Lần thứ tư*, 4 tháng sau, vào ngày rằm tháng 6, để khuây khỏa nỗi u buồn, lo sợ trong lòng, một lần nữa, Đức vua đi du lãm vườn thượng uyển. Trên đường đi, Ngài nhìn thấy một **bậc xuất gia** đang tĩnh tọa dưới cội cây, tỏ vẻ an nhiên tự tại, cũng do chư thiên biến hóa, để làm cho Ngài nghĩ đến việc xuất gia. Thật vậy, khi Đức Bồ Tát nhìn thấy bậc xuất gia Ngài liền trút bỏ được mọi nỗi ưu tư nặng trĩu trong lòng về sự già, sự bệnh, sự chết. Ngài quyết định xuất gia ngay đêm ấy, để tìm con đường giải thoát khỏi sự tái sinh, là giải thoát khỏi già, khỏi bệnh, khỏi chết... Hôm ấy, Đức Bồ Tát cảm thấy vô cùng hoan hỷ, nên Ngài vẫn tiếp tục đi du lãm vườn thượng uyển.

Khi Đức Bồ Tát hồi cung, ngay trong đêm ấy Ngài nghe tin Hoàng hậu *Yasodharā* đã hạ sinh Hoàng tử, tình thương con trời dậy trong lòng, Ngài than rằng: “**Sự ràng buộc lớn!**”. Do đó, Hoàng tử được đặt tên là “*Rāhula*”.

Mặc dù vậy, chí nguyện xuất gia của Đức Bồ Tát vẫn không thay đổi; đêm ấy, Ngài đến tìm Channa, quan giữ ngựa thân tín rồi bảo:

- *Này Channa, đêm nay ta sẽ rời hoàng cung đi xuất gia, người hãy sửa soạn cho ta con ngựa Kandaka ngay bây giờ, và nhớ không để cho một ai hay biết.*

Bỗng nhiên Ngài thoáng nghĩ: “*Trước khi xuất gia, ta nên đến nhìn mặt Hoàng nhi*”. Ngài lên vào phòng Hoàng hậu Yasodhara, dưới ánh đèn mờ nhạt, Hoàng hậu đang nằm nghiêng, choàng cánh tay trái qua Hoàng nhi, vì đứng đằng sau nên không thể nhìn rõ mặt, Ngài thầm nghĩ: “*Nếu ta đến gần e rằng Hoàng hậu sẽ thức giấc, làm trở ngại việc xuất gia của ta trong đêm nay. Bây giờ, ta chưa nhìn thấy mặt Hoàng nhi, thì chờ sau khi ta chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, ta sẽ trở về gặp sau cũng không muộn*”.

Đức Bồ Tát nhẹ nhàng bước ra, lên ngựa Kandaka, còn Channa đi theo sau, vào lúc ***nửa đêm ngày rằm tháng sáu âm lịch***, Ngài đã trốn khỏi hoàng cung đi xuất gia. Mỗi vó ngựa đều có bàn tay chư thiên nâng đỡ, không phát ra tiếng động, nên không một ai hay biết; khi đến cửa thành thì liền có chư thiên mở cửa cho ngựa Kandaka phi nhanh qua.

Đức Bồ Tát đi qua khỏi ba xứ: *xứ Sakya, xứ Koliya* và *xứ Malla* khoảng 30 do tuần chỉ trong một đêm. Đến bờ sông Anoma, Ngài ra hiệu cho ngựa Kandaka bay sang bờ bên kia, rồi Ngài nhẹ nhàng xuống ngựa bảo Channa rằng:

- *Này Channa, ta sẽ xuất gia tại nơi đây, con hãy mang hết đồ trang phục này trở về hoàng cung tâu cho Phụ vương ta biết.*

Đức Bồ Tát lấy thanh gươm bén cắt tóc, chừa lại khoảng 2 lóng tay. Tất cả những sợi tóc còn lại tự xoắn vòng xoáy theo khu ốc sang bên phải nằm sát trên da đầu và Ngài cạo sạch râu. Chỉ một lần ấy thôi, từ đó về sau suốt cả cuộc đời, Ngài không phải cắt tóc, cạo râu nữa.

Sau khi cắt tóc xong, Đức Bồ Tát cầm nắm tóc trên tay phát nguyện rằng:

- *Nếu ta trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, thì xin cho nắm tóc này ở trên hư không, còn nếu ta không chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, thì nắm tóc này sẽ rơi xuống đất.*

Đức Bồ Tát ném nắm tóc lên hư không. Thật phi thường thay! Nắm tóc bay bổng lên trên hư không khoảng một do tuần rồi đứng yên một chỗ. Lúc ấy, Đức vua trời *Sakka* nhìn thấy bèn đem cái hộp bằng ngọc, cung kính đặt nắm tóc của Đức Bồ Tát vào hộp, đem về tôn thờ ở ngôi tháp *Culamanī* tại cung Tam Thập Tam Thiên.

Khi ấy, vị đại phạm thiên *Ghaṅṅikāra*, là bạn thân cũ từ tiền kiếp của Đức Bồ Tát trong thời kỳ Đức Phật *Kassapa*, biết Đức Bồ Tát hôm nay xuất gia, nên mang 8 thứ vật dụng của bậc Samôn là *tam y*, *bình bát*, *dao cạo*, *kim chỉ*, *dây thắt lưng* và *đồ lọc nước* đến dâng cúng Ngài.

Đức Bồ Tát mặc y vàng màu lõi mít, tượng trưng như lá cờ chiến thắng của bậc Thánh Arahán, trở thành bậc xuất gia, lúc Đức Bồ Tát được 29 tuổi.

Đức Bồ Tát thọ giáo pháp hành thiền định

Đức Bồ Tát tìm đến vị *Đạo sư Ālāra Kālāmagotta* xin thọ giáo. Vị Đạo sư hân hoan tiếp nhận Ngài, rồi truyền dạy pháp hành thiền định. Trải qua một thời gian tiến hành thiền định không lâu, Đức Bồ Tát đã chứng đắc được tứ thiền hữu sắc, và chứng đắc đến đệ tam thiên vô sắc gọi là: *Vô sở hữu xứ thiền (Akincannāyatanajjhāna)* ngang bằng với bậc thiên mà vị Đạo sư *Ālāra Kālāmagotta* đã chứng đắc. Vị Đạo sư *Ālāra Kālāmagotta* tán dương ca tụng tài đức của Đức Bồ Tát rằng:

- Tôi đã chứng đắc bậc thiên vô sắc nào, thì hiền giả cũng chứng đắc được bậc thiên vô sắc ấy. Hiền giả đã chứng đắc bậc thiên vô sắc nào, thì tôi cũng chứng đắc được bậc thiên vô sắc ấy.

Này hiền giả, từ nay, hai chúng ta cùng làm Đạo sư dạy dỗ nhóm đệ tử này.

Ngài nghĩ rằng: “*Bậc đệ tam thiên vô sắc Vô sở hữu xứ thiền này sẽ cho quả tái sinh lên cõi phạm thiên vô sắc giới, Vô sở hữu xứ thiền, có tuổi thọ sống lâu đến 60.000 đại kiếp, không phải là pháp dẫn đến sự nhàm chán ngũ uẩn, không diệt tận được tham ái, không đoạn tuyệt được phiền não, không chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, không tịch diệt Niết Bàn, không giải thoát được mọi cảnh khổ sinh, lão, bệnh, tử, luân hồi trong tam giới*”.

Đức Bồ Tát không bằng lòng với sở đắc của mình, nên Ngài xin từ giả vị Đạo sư *Ālāra Kālāmagotta* khả kính, để đi tìm pháp môn khác, hầu mong giải thoát khổ sinh, lão, bệnh, tử.

Sau khi từ giã vị Đạo sư *Ālāra Kālāmagotta*, Đức Bồ Tát tìm đến vị Đạo sư *Udaka Rāmaputta* xin thọ giáo. Vị Đạo sư hân hoan tiếp nhận Ngài, rồi truyền dạy pháp môn thiền định. Trải qua thời gian không lâu, Ngài đã chứng đắc 4 bậc thiền hữu sắc và chứng đắc đệ tứ thiền vô sắc gọi là: “*Phi tướng phi phi tướng xứ thiên*” (*Nevasannānāsannā-yatanajjhāna*), là bậc thiền tột đỉnh của thiền vô sắc giới, ngang bằng với bậc thiền mà vị Đạo sư *Udaka Rāmaputta* đã chứng đắc. Vị Đạo sư tán dương ca tụng Ngài rằng:

- *Tôi đã chứng đắc bậc thiền vô sắc tột đỉnh nào, hiền giả cũng chứng đắc bậc thiền vô sắc tột đỉnh ấy. Hiền giả chứng đắc bậc thiền vô sắc tột đỉnh nào, tôi cũng đã chứng đắc bậc thiền vô sắc tột đỉnh ấy.*

Này hiền giả, tôi xin thỉnh hiền giả làm Đạo sư dạy dỗ nhóm đệ tử này.

Ngài suy xét rằng: “*Bậc đệ tứ thiền vô sắc **Phi tướng phi phi tướng xứ thiên** này sẽ cho quả tái sinh lên cõi trời phạm thiên vô sắc giới, Phi tướng phi phi tướng xứ thiên, có tuổi thọ sống lâu đến 84.000 đại kiếp, không phải là pháp dẫn đến sự nhàm chán ngũ uẩn, không diệt tận được tham ái, không đoạn tuyệt được phiền não, không chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, không tịch diệt Niết Bàn, không giải thoát được mọi cảnh khổ sinh, lão, bệnh, tử, luân hồi trong tam giới*”.

Ngài xin từ giã Đạo sư *Udaka Rāmaputta* khả kính, để đi tìm pháp môn khác, hầu mong giải thoát khổ sinh, lão, bệnh, tử.

Đức Bồ Tát hành pháp khổ hạnh (*Dukkaracariyā*)

Sau khi từ giã vị Đạo sư *Udaka Rāmaputta*, Đức Bồ Tát đi đến khu rừng *Uruvela* gần con sông *Nerañjarā*, nơi đây có nhóm 5 Tỳ khru: Ngài *Kondanna* là trưởng nhóm cùng các Ngài *Vappa*, Ngài *Bhaddiya*, Ngài *Mahānāma* và Ngài *Assaji*, xin theo hộ độ Đức Bồ Tát.

Đức Bồ Tát tinh tấn hành pháp *khổ hạnh* (*Dukkaracariyā*), phương pháp nín thở ra-vô bằng miệng và mũi, hơi thở thoát ra ở hai lỗ tai; rồi tiếp tục nín thở ra-vô bằng miệng, bằng mũi và ngăn không để hơi thoát ra hai lỗ tai, hơi đậm lên trên đầu đau dữ dội, hơi đậm xuống bụng đau tức tối, hơi nóng phát ra toàn thân kinh khủng đến nỗi làm cho Ngài chết ngất.

Có số chư thiên tưởng rằng:

“*Samôn Gotama đã chết rồi!*”

Số khác tưởng rằng:

“Samôn Gotama đang gần chết!”.

Số khác cho rằng:

“Samôn Gotama không phải chết, cũng không phải đang gần chết, mà Samôn Gotama đang hành pháp bậc Thánh Arahán!”.

Ngài tiếp tục giảm vật thực dần dần, ban đầu độ vật thực chỉ vừa lòng bàn tay, từ từ giảm xuống chỉ còn bằng hạt sen... Do đó, kim thân của Ngài gầy ốm chỉ còn da bọc xương, đến nỗi sờ da bụng, thì đụng phải đường xương sống. Trước kia kim thân của Đức Bồ Tát có đầy đủ 32 tướng tốt chính của bậc Đại nhân và 80 tướng tốt phụ, có làn da màu vàng sáng ngời; đến nay, các tướng tốt chính và các tướng tốt phụ đã biến mất, còn làn da đã trở thành màu đen sẫm.

Một hôm Đức Bồ Tát suy xét: *“Ta đã hành pháp khổ hạnh đến chỗ cùng tột rồi. Trong quá khứ, chưa từng có Samôn, Bàlamôn nào đã hành pháp khổ hạnh đến mức như ta đang hành. Hiện tại và vị lai cũng sẽ không có Samôn, Bàlamôn nào có thể hành pháp khổ hạnh như ta; thế mà, ta không thể chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác. Như vậy, chắc chắn phải còn có một pháp hành nào khác”.*

Đức Bồ Tát hỏi tưởng lại rằng: *“Khi còn nhỏ cùng Phụ vương ra đồng làm lễ hạ điền, Phụ vương để ta ngồi trong một chiếc lều vải dưới gốc cây mận (đào). Ta đã ngồi niệm đề mục hơi thở vô - hơi thở ra, và ta đã chứng đắc đệ nhất thiên hữu sắc. Vậy, chắc chắn pháp hành thiên định này làm nền tảng, ta có thể chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác cũng nên”.*

Đức Bồ Tát xét thấy rằng: *“Bây giờ, thân thể của ta gầy ốm, sức khỏe yếu đuối, ta không thể tiến hành thiên định đề mục niệm hơi thở vô - hơi thở ra được. Vậy điều tốt hơn hết, ta nên thọ thực trở lại, cho có sức khỏe rồi ta mới có thể tiến hành thiên định”.*

Đức Bồ Tát từ bỏ khổ hạnh, đi khát thực

Đức Bồ Tát đã hành pháp khổ hạnh suốt 6 năm trường ròng rã, mà không đạt đến mục đích chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, nên Ngài đã từ bỏ hành pháp khổ hạnh.

Đức Bồ Tát mang bát vào xóm *Senā* đi khát thực; thọ thực được thời gian không lâu, sức khoẻ của Ngài được hồi phục trở lại. Trong thời kỳ hành pháp khổ hạnh, 32 tướng tốt chính của bậc Đại nhân và 80 tướng tốt phụ biến mất. Nay kim thân Ngài lại hiện rõ 32 tướng tốt chính của bậc Đại nhân và 80 tướng tốt phụ, có nước da màu vàng sáng ngời như trước.

Vào ngày 14 tháng tư âm lịch, canh chót đêm ấy, Đức Bồ Tát *nằm thấy 5 đại mộng (Mahāsupina)*. Qua 5 đại mộng này, Ngài đoán biết rằng Ngài chắc chắn sẽ chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Sáng hôm rằm tháng tư âm lịch, Ngài đi đến ngồi dưới gốc cây da để chờ đến giờ đi vào xóm khát thực. Tại nơi đây, hằng năm, vào ngày rằm tháng tư này, nàng *Sujātā* thường đem lễ vật đến cúng dường, tạ ơn chư thiên, theo lời nguyện của nàng.

Nàng *Sujātā* là con gái của ông phú hộ *Mahāsena* ở làng *Senā* gần khu rừng *Uruvela*, khi nàng trưởng thành có đến gốc cây da này cầu nguyện rằng:

“*Khi tôi trưởng thành được kết duyên với người cùng dòng dõi, giai cấp và sinh được một đứa con trai đầu lòng. Nếu tôi được toại nguyện, thì hằng năm vào ngày rằm tháng tư (âm lịch), tôi sẽ làm lễ cúng dường tạ ơn chư thiên*”.

Lời cầu nguyện của nàng được thành tựu như ý; cho nên, hằng năm vào ngày rằm tháng tư âm lịch, nàng thường đem cơm sữa đến cúng dường tạ ơn chư thiên.

Từ sáng sớm, nàng *Sujātā* đã thức dậy vắt sữa tinh khiết của 8 con bò, khi nàng đem nồi đựng sữa để gần vú con bò thứ nhất, thì dòng sữa tự nhiên chảy ra một mạch. Thật là một việc lạ thường chưa từng có bao giờ! Lần lượt 7 con bò còn lại, dòng sữa cũng chảy ra một mạch như vậy. Khi nàng đổ sữa vào nồi nấu cơm, sữa sôi xoay tròn bên phải, không một giọt nào chảy tràn ra bên ngoài, còn lửa củi cháy đều không có một làn khói nào bốc lên. Sở dĩ, có những việc lạ thường như vậy, là vì buổi sáng hôm ấy có Tứ Đại Thiên Vương trông coi lò lửa, vua trời *Sakka* lấy củi bỏ vào lò, vua trời phạm thiên che dù, tất cả chư thiên đem những chất bổ dưỡng do năng lực của mình bỏ vào nồi cơm sữa.

Nàng *Sujātā* gọi tớ gái tên *Punnā* bảo rằng:

- *Này Punnā, hôm nay chư thiên của ta thật đáng kính, trước đây ta chưa từng chứng kiến những hiện tượng lạ thường như thế này!*

Con hãy mau đến cội cây da quét dọn cho sạch sẽ, để chúng ta mang cơm sữa đến dâng cúng, tạ ơn chư thiên.

Người tớ gái Punnā vâng lời đến gốc cây da để quét dọn, cô nhìn thấy Đức Bồ Tát đang ngồi quay mặt về hướng Đông, từ kim thân của Ngài phát ra hào quang sáng ngời toả khắp quanh vùng, cô nghĩ rằng: “*Sáng hôm nay, vị Thiên thần của chúng ta hiện xuống ngồi đợi thọ nhận cơm sữa cúng dường*”, nghĩ vậy nên cô vô cùng hoan hỷ vội vàng trở về báo tin mừng cho bà chủ biết.

Nàng Sujātā nghe lời tường trình rõ ràng của người tớ gái, trong lòng cảm thấy vui mừng khôn xiết và bảo rằng:

- *Này Punnā, kể từ hôm nay, con trở thành con gái của ta. Nói xong, nàng ban cho những đồ trang sức quý giá, xứng đáng với địa vị đứa con gái của mình.*

Nàng Sujātā đem chiếc mâm bằng vàng để đựng cơm, khi nàng đặt mâm gần nồi cơm, thì cơm sữa trong nồi tự nhiên viên lại thành vắt bằng trái thốt nốt lặn ra tuần tự từ nồi sang mâm đúng 49 vắt, thì vừa đầy mâm.

Nàng lại chứng kiến thêm một việc lạ thường chưa từng có bao giờ. Nàng lấy một chiếc mâm khác đặt lại rồi phủ lên một lớp vải trắng tinh.

Hôm ấy, nàng Sujātā trang điểm bằng những đồ trang sức quý giá, rồi đội mâm cơm sữa cùng người con gái Punnā đi theo sau đến gốc cây da. Nhìn thấy Đức Bồ Tát có đầy đủ tướng tốt chính của bậc Đại nhân và tướng tốt phụ, hào quang tỏa ra từ kim thân của Ngài sáng khắp vùng. Thấy vậy làm cho nàng lại càng phát sinh đức tin trong sạch và vô cùng hoan hỷ chưa từng có bao giờ; vì nàng tưởng rằng Ngài là một vị Thiên thần hiện xuống thọ nhận phẩm vật cúng dường tạ ơn của nàng.

Nàng Sujātā cung kính đến gần Đức Bồ Tát, đặt chiếc mâm vàng đầy cơm sữa cùng bình nước, hoa quả, vật thơm..., cung kính dâng lên Ngài, cái bát của Ngài bỗng nhiên biến mất, Ngài nhìn nàng Sujātā. Nàng liền bạch rằng:

- *Kính bạch Đức Thiên thần, con thành kính dâng Ngài chiếc mâm vàng đầy phẩm vật này, kính xin Ngài từ bi hoan hỷ thọ nhận, để cho con được sự lợi*

ích, sự tiến hoá, sự an lạc lâu dài; con được toại nguyện như thế nào, kính xin Ngài cũng được toại nguyện như thế ấy”.

Đức Bồ Tát đưa hai tay ra nhận lấy chiếc mâm vàng đầy phẩm vật quý giá ấy.

Đức Bồ Tát thọ nhận cơm sữa bò của nàng *Sujātā*

Sau khi thọ nhận mâm vàng đầy cơm sữa của nàng *Sujātā* xong, Đức Bồ Tát đứng dậy rời gốc cây da, tay cầm chiếc mâm vàng đầy cơm sữa đi đến bên sông *Neranjara*, nơi mà chư Bồ Tát Chánh Đẳng Giác quá khứ, trước khi chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, cũng đều ngự đến đây để tắm, nên bên sông này gọi là bến *Supatitthita*. Ngài đặt mâm ở bến *Supatitthita*, rồi xuống dòng sông *Neranjara* tắm. Khi tắm xong, Ngài mặc y cà sa tượng trưng lá cờ chiến thắng của chư Thánh Arahán; đoạn Ngài ngồi quay mặt về hướng Đông, độ hết 49 vắt cơm sữa, rồi uống hết bình nước (*từ đó về sau suốt 7 tuần lễ (49 ngày), Đức Phật không độ vật thực và nước, chỉ an hưởng hương vị giải thoát Niết Bàn*).

Sau khi độ cơm xong, Ngài cầm chiếc mâm vàng phát nguyện rằng:

- Nếu hôm nay ta được chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, thì xin cho chiếc mâm vàng này sẽ trôi ngược dòng nước; nếu không, thì chiếc mâm vàng này sẽ trôi xuôi theo dòng nước.

Nguyện xong, Ngài ném **chiếc mâm vàng** xuống dòng sông. Thật phi thường thay! Chiếc mâm vàng cắt ngang dòng nước đang chảy, trôi ra giữa sông, rồi từ đó trôi ngược dòng nước một cách vô cùng mau lẹ, khoảng một đoạn khá xa, chiếc mâm vàng chìm sâu xuống đáy nước, đụng phải *ba chiếc mâm vàng* của ba Đức Phật quá khứ là *Đức Phật Kakusandha*, *Đức Phật Konāgamana* và *Đức Phật Kassapa*, phát ra một âm thanh vang dội, làm cho Long vương *Kālanāga* tỉnh giấc nghĩ rằng:

“Hôm qua một Đức Phật đã xuất hiện, hôm nay sẽ có một Đức Phật nữa xuất hiện”, rồi thức dậy tán dương ca tụng hàng trăm bài kệ.

Trưa hôm ấy, Đức Bồ Tát nghỉ trong một khu rừng *Sāla*, bên bờ sông *Neranjara*, những cây *Sāla* tự nhiên đua nhau nở hoa khắp cả khu rừng. Chiều hôm ấy, Ngài ngự đến cội cây *Assattha*, dọc theo hai bên đường, chư thiên trang hoàng những đoá hoa trời rất xinh đẹp, các hàng chư thiên ở các cõi trời đua nhau cúng dường hương thơm cùng với thiên nhạc vang rền

khắp 10 ngàn thế giới chúng sinh. Cùng lúc ấy, một người cắt cỏ tên *Sotthiya*, trên đường đi ngược chiều lại phía Đức Bồ Tát, nhìn thấy Ngài, liền phát sinh đức tin trong sạch, nên dâng cúng Ngài tám nắm cỏ. Đức Bồ Tát cầm tám nắm cỏ ngự thẳng đến cội cây *Assattha*.

Khi đứng hướng Nam của cội cây, Ngài nhìn thẳng về hướng Bắc, Ngài có cảm giác mất thăng bằng, như toàn cõi thế giới hướng Nam bị chìm sâu xuống cõi địa ngục *Avīci*, còn toàn cõi thế giới hướng Bắc được nổi lên đến cõi trời sắc giới phạm thiên tột đỉnh. Ngài nghĩ rằng:

“Đây không phải là chỗ ngồi để ta có thể chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác”. Ngài ngự đi sang hướng khác.

Khi đứng hướng Tây của cội cây, Ngài nhìn thẳng về hướng Đông, cũng như vậy, Ngài có cảm giác mất thăng bằng, như toàn cõi thế giới hướng Tây bị chìm sâu xuống cõi địa ngục *Avīci*, còn toàn cõi thế giới ở hướng Đông được nổi lên đến cõi trời sắc giới phạm thiên tột đỉnh. Ngài nghĩ rằng:

“Đây cũng không phải là chỗ ngồi, để ta có thể chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác”. Ngài ngự sang hướng khác.

Khi đứng hướng Bắc của cội cây, Ngài nhìn thẳng hướng Nam, cũng như vậy, Ngài có cảm giác mất thăng bằng, như toàn cõi thế giới hướng Bắc bị chìm sâu xuống cõi địa ngục *Avīci*, còn toàn cõi thế giới ở hướng Nam được nổi lên đến cõi trời sắc giới phạm thiên tột đỉnh, Ngài nghĩ rằng:

“Đây cũng không phải là chỗ ngồi, để ta có thể chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác”. Ngài ngự sang hướng khác.

Ngôi Bồ đoàn toàn thắng Ác Ma Thiên

Sau cùng, đứng hướng Đông của cội cây, Ngài nhìn thẳng về hướng Tây, thật phi thường thay! Ngài có cảm giác toàn cõi thế giới thăng bằng, Ngài nghĩ rằng:

“Chính đây là chỗ ngồi, để ta có thể chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác”.

Ngài trải tám nắm cỏ tại hướng Đông của cội *Assattha*. Thật phi thường thay! Tại ngay chỗ ngồi ấy bỗng nhiên trở thành ngôi Bồ đoàn quý báu, có chiều cao 14 hắc tay thật nguy nga lộng lẫy, mà không có một nhà kiến trúc

mỹ thuật nào có thể tạo nên một Bồ đoàn tuyệt đẹp như vậy! Bởi vì, ngôi Bồ đoàn quý báu này phát sinh do phước báu ba-la-mật tròn đủ của Đức Bồ Tát sắp trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Ngài ngồi kiết già vững vàng trên ngôi Bồ đoàn quý báu, quay mặt về hướng Đông rồi phát nguyện rằng:

- Dầu cho thịt và máu trong thân ta khô cạn hết, dầu sắc thân này chỉ còn da bọc xương đi nữa, nếu ta chưa chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, ta quyết không bao giờ rời khỏi Bồ đoàn này.

Lúc ấy, từ cung Tha Hoá Tự Tại Thiên, Ác Ma Thiên hoá ra hàng ngàn cánh tay đều cầm khí giới, cỡi voi *Girimekhala* cầm đầu đoàn thiên ma binh, thiên ma tướng rầm rộ hiện xuống vây quanh cội *Assattha*, kéo dài 12 do tuần. Bên trên hư không, chúng thiên ma dày đặc 9 do tuần, chúng la hét âm thanh vang dội kinh khủng làm chấn động khắp mọi nơi, quyết tranh giành ngôi Bồ đoàn của Đức Bồ Tát. Mới đây, chư thiên, phạm thiên từ 10 ngàn thế giới đến cung kính cúng dường, tán dương ca tụng Đức Bồ Tát, khi thoáng nhìn thấy Ác Ma Thiên cùng với thiên ma binh, thiên ma tướng trùng trùng điệp điệp từng đoàn, từng lớp hiện xuống; tất cả chư thiên, phạm thiên đều bay xa lánh mặt, trở về chỗ ở của mình, chỉ còn một mình Đức Bồ Tát đang điềm nhiên, ngự trên ngôi Bồ đoàn.

Ác Ma Thiên đã sử dụng đủ mọi loại vũ khí và phép thuật cực kỳ nguy hiểm, quyết sát hại Đức Bồ Tát, để chiếm đoạt ngôi Bồ đoàn, với mục đích ngăn cản không cho Đức Bồ Tát chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác. Do oai lực 30 pháp hạnh ba-la-mật đầy đủ trọn vẹn của Đức Bồ Tát sắp chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác nên không có một loại phép thuật hay vũ khí nguy hiểm nào có thể sát hại được Ngài.

Quả thật như thế, do oai lực pháp hạnh ba-la-mật của Đức Bồ Tát, các loại vũ khí và phép thuật của Ác Ma Thiên đều hóa thành những vật cúng dường Ngài.

Ngồi trên lưng voi *Girimekhala*, Ác Ma Thiên vô cùng căm uất chỉ tay về Đức Bồ Tát nói như ra lệnh:

- Nay Samôn Gotama, nhà ngươi hãy mau mau rời khỏi ngôi Bồ đoàn ấy, vì ngôi Bồ đoàn ấy là của ta, không phải của ngươi!

Đức Bồ Tát từ tôn đáp lại:

- *Này Ác Ma Thiên, ngôi Bồ đoàn quý báu này phát sinh do phước thiện của 30 pháp hạnh ba-la-mật, 5 hạnh đại thí, 3 pháp hành mà Như Lai đã tạo từ vô số kiếp. Do đó, ngôi Bồ đoàn này thuộc về của Như Lai, không phải của ngươi.*

Khi ấy, chỉ một mình Đức Bồ Tát ngự trên Bồ đoàn, ngoài ra, không còn có một ai bên cạnh Đức Bồ Tát cả, nên Ác Ma Thiên đặt câu hỏi bắt bí Đức Bồ Tát rằng:

- *Thưa Samôn Gotama, Ngài nói rằng: “Ngôi Bồ đoàn quý báu ấy thuộc về của Ngài. Vậy ai làm chứng cho Ngài!”*

Nhìn xung quanh đều không có một chư thiên, phạm thiên nào cả, Đức Bồ Tát bèn đưa bàn tay phải ra, rồi dùng ngón trỏ chỉ xuống mặt đất như truyền dạy bằng lời chân thật rằng:

“Trong những tiền kiếp, Như Lai đã từng tạo 30 pháp hạnh ba-la-mật, 5 hạnh đại thí, 3 pháp hành. Bây giờ, tại nơi đây không có chúng sinh nào đứng ra làm chứng cho Như Lai, chỉ có mặt đất, mặt đất không có tâm thức này có thể làm chứng cho Như Lai được không?”.

Thật phi thường thay! Lời chân thật của Đức Bồ Tát vừa chấm dứt. Lập tức, mặt đất chuyển mình, rung động, phát ra những tiếng sấm sét long trời lở đất, làm cho Ác Ma Thiên kinh hoàng khiếp đảm, giục voi *Girimekhala* bỏ chạy trở về cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên; còn đám ma binh thì hỗn quân, hỗn quan vô cùng khiếp sợ, cũng hốt hoảng chạy tán loạn theo chủ soái để thoát thân.

Đức Bồ Tát ngự trên Bồ đoàn quý báu dưới cội cây *Assattha* đã toàn thắng Ác Ma Thiên, vừa đúng lúc mặt trời sắp lặn hướng Tây, mặt trăng lộ dạng hướng Đông. Khi ấy, mười ngàn thế giới, chư thiên cõi trời dục giới, phạm thiên cõi trời sắc giới, Long vương dưới thủy cung... toàn thể chư thiên, phạm thiên vui mừng reo hò vang dội khắp các tầng trời, tán dương ca tụng oai lực ba-la-mật của Đức Bồ Tát rằng:

***Đức Bồ Tát Siddhattha đã toàn thắng rồi!
Ác Ma Thiên đã hoàn toàn thất bại rồi!***

Do đó, ngôi Bồ đoàn quý báu này gọi là “*Aparājitapallaṅka*” nghĩa là ngôi Bồ đoàn quý báu nơi toàn thắng Ác Ma Thiên.

Chư thiên, phạm thiên đem những đoá hoa trời xinh đẹp, những hương thơm đến cúng dường, tán dương ca tụng ba-la-mật của Đức Bồ Tát.

Đức Bồ Tát chứng đắc Tam Minh, trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác

Sau khi Đức Bồ Tát đã toàn thắng Ác Ma Thiên, vào canh đầu đêm rằm tháng tư âm lịch, Ngài tiến hành **thiền định** (*samathabhāvanā*) với đề mục niệm hơi thở vô - hơi thở ra (*anāpānassati*) tuần tự chứng đắc 4 bậc thiền hữu sắc như sau:

- **Đệ nhất thiền hữu sắc:** Có 5 chi thiền (*hướng tâm, quan sát, hỷ, lạc, định*), do chế ngự được 5 pháp chướng ngại (*tham dục, sân hận, buồn chán-buồn ngủ, phóng tâm-hối hận, hoài nghi*).

- **Đệ nhị thiền hữu sắc:** Có 3 chi thiền (*hỷ, lạc, định*), do chế ngự được 2 chi thiền (*hướng tâm, quan sát*).

- **Đệ tam thiền hữu sắc:** Có 2 chi thiền (*lạc, định*), do chế ngự được 1 chi thiền (*hỷ*).

- **Đệ tứ thiền hữu sắc:** Có 2 chi thiền (*xả, định*), do chế ngự được 1 chi thiền (*lạc, thay bằng chi thiền xả*).

Đó là 4 bậc thiền hữu sắc làm nền tảng để chứng đắc Tam Minh.

TAM MINH (TEVIJJA)

1- Túc mạng minh (Pubbenivāsānussatināna)

Đức Bồ Tát có đệ tứ thiền hữu sắc, định tâm trong sáng thanh tịnh, thiền tâm không lay động, làm nền tảng để Ngài hướng tâm đến chứng đắc **túc mạng minh**: *Trí tuệ nhớ rõ lại tiền kiếp, từ 1 kiếp đến hàng trăm kiếp, hàng ngàn kiếp, hàng vạn kiếp, hàng triệu kiếp, hàng triệu triệu kiếp... cho đến vô lượng kiếp không giới hạn* [4].

Túc mạng minh là trí tuệ nhớ rõ tiền kiếp thuộc loại chúng sinh nào, tên gì, thuộc dòng dõi nào, tạo thiện nghiệp, bất thiện nghiệp, ba-la-mật, thọ lạc, thọ khổ, tuổi thọ... đều ghi nhớ rõ ràng mọi chi tiết.

Túc mạng minh là minh thứ nhất mà Đức Bồ Tát đã chứng đắc vào canh đầu đêm rằm tháng tư (*âm lịch*).

2- Thiên nhãn minh (*Dibbacakkhunāna*)

Đức Bồ Tát có đệ tứ thiên hữu sắc, định tâm trong sáng thanh tịnh, thiên tâm không lay động, làm nền tảng để Ngài hướng tâm đến chứng đắc **thiên nhãn minh**: *Trí tuệ thấy rõ, biết rõ kiếp quá khứ, kiếp vị lai của tất cả chúng sinh như mắt của chư thiên, phạm thiên.*

Thiên nhãn minh có 2 loại:

- **Tử sanh minh**: *Trí tuệ thấy rõ biết rõ sự tử, sự tái sinh của tất cả chúng sinh sau khi chết, do nghiệp nào cho quả tái sinh cảnh giới nào, thọ khổ, thọ lạc như thế nào...*

- **Vị lai kiến minh**: *Trí tuệ thấy rõ những kiếp vị lai của tất cả chúng sinh.*

Chư Phật dùng *vị lai kiến minh* này để thọ ký chúng sinh trong những kiếp vị lai xa xăm, còn thời gian bao nhiêu đại kiếp trái đất này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, hoặc Đức Phật Độc Giác, hoặc bậc Thánh Thanh Văn Giác...

Thiên nhãn minh là minh thứ nhì mà Đức Bồ Tát đã chứng đắc vào lúc canh giữa đêm rằm tháng tư (*âm lịch*).

3- Lộ tận minh (*Āsavakkhayanāna*)

Đức Bồ Tát dùng đệ tứ thiên hữu sắc làm nền tảng, để **tiến hành thiền tuệ**, quán xét **Thập Nhị Duyên Sanh** (*Patīccasamuppāda*) là đối tượng thiền tuệ của chư Bồ Tát. Ngài quán xét để chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Đức Bồ Tát quán xét **Thập Nhị Duyên Sanh** theo chiều thuận như sau:

Do vô minh làm duyên, nên hành sanh.
(*Avijjāpaccayā saṅkhārā*)

Do hành làm duyên, nên thức sanh.
(*Saṅkhārapaccayā viññānam*)

*Do thức làm duyên, nên danh sắc sanh.
(Vinnānapaccayā nāmarūpam)*

*Do danh sắc làm duyên, nên lục nhập sanh.
(Nāmarūpapaccayā salāyatanam)*

*Do lục nhập làm duyên, nên lục xúc sanh.
(Salāyatanapaccayā phasso)*

*Do lục xúc làm duyên, nên lục thọ sanh.
(Phassapaccayā vedanā)*

*Do lục thọ làm duyên, nên lục ái sanh.
(Vedanāpaccayā tanhā)*

*Do lục ái làm duyên, nên tứ thủ sanh.
(Tanhāpaccayā upādānam)*

*Do tứ thủ làm duyên, nên nhị hữu sanh.
(Upādānapaccayā bhavo)*

*Do nhị hữu làm duyên, nên tái sinh sanh.
(Bhavapaccayā jāti)*

*Do tái sinh làm duyên, nên lão tử... sanh.
(Jātipaccayā jarāmaranam...)*

Đức Bồ Tát quán xét **Thập Nhị Duyên Sanh** theo chiều thuận, chiều sanh, để trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ “**sự sinh**” của mỗi pháp, trí tuệ thiền tuệ chứng ngộ chân lý **Khổ Thánh Đế** và **Nhân sanh Khổ Thánh Đế** hay **Tập Thánh Đế**.

Đức Bồ Tát quán xét **Thập Nhị Nhân Diệt** theo chiều nghịch, chiều diệt như sau:

*Do diệt tận vô minh, nên diệt hành.
(Avijjāyatveva asesavirāganirodhā sa□khāranirodho)*

*Do diệt hành, nên diệt thức.
(Sa□khāranirodhā vinnananirodho)*

*Do diệt thức, nên diệt danh sắc.
(Vinnānanirodhā nāmarūpanirodho)*

*Do diệt danh sắc, nên diệt lục nhập.
(Nāmarūpanirodhā salāyatananirodho)*

*Do diệt lục nhập, nên diệt lục xúc.
(Salāyatananirodhā phassanirodho)*

*Do diệt lục xúc, nên diệt lục thọ.
(Phassanirodhā vedanānirodho)*

*Do diệt lục thọ, nên diệt lục ái.
(Vedanānirodhā tanhānirodho)*

*Do diệt lục ái, nên diệt tứ thủ.
(Tanhānirodhā upādānanirodho)*

*Do diệt tứ thủ, nên diệt nhị hữu.
(Upādānanirodhā bhavanirodho)*

*Do diệt nhị hữu, nên diệt tái sinh.
(Bhavanirodhā jātinirodho)*

*Do diệt tái sinh, nên diệt lão tử...
(Jātinirodhā jarāmarana... nirodho)*

Đức Bồ Tát quán xét **Thập Nhị Nhân Diệt** theo chiều nghịch, chiều diệt, để trí tuệ thiên tuệ thấy rõ, biết rõ “**sự diệt**” của mỗi pháp, trí tuệ thiên tuệ chứng ngộ chân lý: **Diệt Khổ Thánh Đế** và **Pháp hành diệt Khổ Thánh Đế** hay **Đạo Thánh Đế**.

Đức Bồ Tát quán xét **Thập Nhị Duyên Sanh - Thập Nhị Nhân Diệt** theo chiều **thuận** - chiều **ngịch**, chiều **sanh** - chiều **diệt**, trí tuệ thiên tuệ thấy rõ biết rõ **sự sinh** - **sự diệt** của mỗi pháp, trí tuệ thiên tuệ thấy rõ biết rõ **trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã**, dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt 4 pháp **trầm luân (āsava)** bằng 4 Thánh Đạo Tuệ tuệ như sau:

- **Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ** diệt đoạn tuyệt được 1 pháp là **tà kiến trầm luân (ditthāsava)**, đồng thời các tà kiến khác.

- **Nhất Lai Thánh Đạo Tuệ** diệt đoạn tuyệt được 1 pháp là **tham dục trầm luân** (*kāmāsava*) trong ngũ trần loại thô (*còn loại vi tế chưa diệt được*), đồng thời các tâm tham loại thô khác.

- **Bất Lai Thánh Đạo Tuệ** diệt đoạn tuyệt được 1 pháp là **tham dục trầm luân** (*kāmāsava*) trong ngũ trần loại vi tế không còn dư sót, đồng thời các tâm tham loại vi tế khác.

- **Arahán Thánh Đạo Tuệ** diệt đoạn tuyệt được 2 pháp là **kiếp trầm luân** (*bhavāsava*) và **vô minh trầm luân** (*avijjāsava*), đồng thời diệt đoạn tuyệt được hoàn toàn mọi tham ái, phiền não, và các ác pháp không còn dư sót. Đặc biệt diệt đoạn tuyệt được tất cả mọi **tiền khiên tật** (*vāsanā*) tích lũy từ nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ.

Như vậy, Đức Bồ Tát đã tự mình chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh **Arahán cao thượng** đầu tiên trên thế gian. Do đó, Đức Thế Tôn có danh hiệu là **“Sammāsambuddha: Đức Phật Chánh Đẳng Giác”**.

Lậu tận minh là minh thứ 3 mà Đức Bồ Tát đã chứng đắc vào canh chót của đêm rằm tháng tư (âm lịch), vào lúc rạng đông. Ngài đã trở thành **Đức Phật Chánh Đẳng Giác** cao thượng trong toàn cõi thế giới chúng sinh, tại cội cây *Assattha*. Do đó, cây *Assattha* này gọi là *Bodhirukkha* [5]: **cây Bồ đề**, đối với Đức Phật *Gotama* của chúng ta.

Mười ngàn thế giới chúng sinh từ mặt đất lên đến cõi sắc giới phạm thiên tột đỉnh, chư thiên, phạm thiên vô cùng vui mừng hoan hỷ thốt lên lời:

- *Sādhu! Sādhu!*
(Lành thay! Lành thay!)

- *Buddho uppanno!*
(Đức Phật xuất hiện trên thế gian rồi!).

- *Dhammo uppanno!*
(Đức Pháp xuất hiện trên thế gian rồi!)

- *Samgho uppanno!*
(Đức Tăng cũng sẽ xuất hiện trên thế gian này!)

Tiếng tung hô vang dội khắp toàn cõi 10 ngàn thế giới chúng sinh.

Điều phi thường chưa từng có trên thế gian này là:

- Tất cả các loài hoa đều đua nhau nở để cúng dường đến Đức Phật.
- Tất cả các loại cây ăn trái đều cho quả ngon ngọt.
- Tất cả những người mù từ lúc đầu thai, khi sanh ra không thấy được gì, thì nay có đôi mắt sáng, có thể nhìn thấy mọi vật trên đời.
- Tất cả những người điếc từ lúc đầu thai, khi sinh ra không nghe được âm thanh gì, thì nay hai tai có thể nghe rõ mọi thứ âm thanh.
- Tất cả những người què, bại liệt từ lúc đầu thai, khi sanh ra không đi lại được, thì nay có thể đi lại dễ dàng.
- Đặc biệt nhất, ở địa ngục *Lokantarika* rộng lớn tối tăm, nơi giáp ranh với 3 thế giới, dành cho những chúng sinh có *tà kiến cố định (niyatamicchāditthi)* hoàn toàn không tin nghiệp - quả. Ở địa ngục rất tối tăm đó, đầu ánh sáng của 7 mặt trời mọc lên cùng một lúc, cũng không thể chiếu thấu đến tận nơi; nhưng ánh sáng hào quang của Đức Phật tỏa khắp 10 ngàn thế giới, chiếu sáng đến tận địa ngục *Lokantarika*. Cho nên, những chúng sinh ở nơi đó có thể nhìn thấy lẫn nhau.

Toàn thể mười ngàn thế giới, chư thiên, phạm thiên đem những phẩm vật cao quý và những đóa hoa xinh đẹp cúng dường đến Đức Phật và tán dương ca tụng Đức Phật bằng hàng ngàn bài kệ.

Phật Ngôn đầu tiên của Đức Phật

Khi ấy, Đức Thế Tôn tự thuyết ở trong tâm bằng 2 bài kệ rằng:

*153- “Anekajātisamsāram
Sandhāvissam anibbisam
Gahakāram gavesanto
Dukkhājāti punappunam.*

*154- Gahakāraka! Dittho’si
Puna geham na kāhasi
Sabbā te phāsukā bhaggā
Gahakūtam visa□khatam*

*Visa□khāram gatam cittam
Tanhānam khayamajjhagā” [6].*

153- *Này người thợ “tham ái” xây nhà “thân”
Như Lai cố tìm người mà chưa gặp,
Nên tử sinh luân hồi vô số kiếp
Tái sinh mãi trong tam giới là khổ,*

154- *Này “tham ái”, người thợ xây nhà “thân”!
Bây giờ Như Lai đã gặp người rồi!
Tất cả sườn nhà, “phiền não” [7] của người,
Như Lai đã hủy hoại sạch cả rồi
Đỉnh nhà “vô minh”, cũng bị tiêu diệt,
Nay người không còn xây nhà Như Lai
Tâm Như Lai đã chứng ngộ Niết Bàn
Diệt đoạn tuyệt tất cả mọi “tham ái” [8]
Như Lai đã chứng đắc Arahán.*

Hai bài kệ cảm ứng tự thuyết ở trong tâm, đó là *Phật ngôn đầu tiên của Đức Phật (pa□hamabuddhavacana)*.

-ooOoo-

Đức Phật an hưởng pháp vị giải thoát Niết Bàn

Sau khi Ngài đã chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán cao thượng đầu tiên trong 10 ngàn thế giới chúng sinh, nên Ngài có danh hiệu: “**Đức Phật Chánh Đẳng Giác**”, độc nhất vô nhị. Đức Phật an hưởng pháp vị giải thoát Niết Bàn suốt 7 tuần lễ, gồm có 49 ngày như sau:

1- Tuần lễ thứ nhất: Đức Thế Tôn ngự tại Bồ đoàn quý báu, tại cội Bồ đề, ban ngày nhập **Arahán Thánh Quả**, ban đêm quán xét **Thập Nhị Duyên Sanh** theo chiều thuận, chiều sanh; quán xét **Thập Nhị Nhân Diệt** theo chiều nghịch, chiều diệt. Và tiếp theo 6 ngày sau, Đức Thế Tôn nhập **Arahán Thánh Quả**, an hưởng pháp vị giải thoát Niết Bàn, suốt thời gian kể từ ngày 16 tháng 4 đến ngày 22 tháng 4, gọi là tuần lễ “*Palla□kasattāha*”.

2- Tuần lễ thứ nhì: Đức Thế Tôn rời khỏi Bồ đoàn quý báu, ngự về phía Đông Bắc, cách cội Bồ đề 14 sải tay, Ngài đứng nhìn về Bồ đoàn quý báu, nơi mà Ngài đã toàn thắng 5 loại *Ma (Māra)*, đã trở thành **Đức Phật Chánh**

Đẳng Giác. Đức Thế Tôn đứng nhìn Bồ đoàn quý báu không nháy mắt, suốt 7 ngày đêm, kể từ 23 tháng 4 đến ngày 29 tháng 4, gọi là tuần lễ “*Animisasattāha*”.

3- Tuần lễ thứ ba: Đức Thế Tôn đi kinh hành trên đoạn đường dài 60 hắc tay, được làm bằng 7 loại châu báu, do chư thiên hóa ra để cúng dường Ngài. Đoạn đường này ở phía Bắc gần cội Bồ đề theo chiều Đông Tây. Đức Thế Tôn hóa phép **thần thông** *Yamakapa*□*ihāriya* thành 2 dòng nước và lửa song song phát ra từ nơi kim thân của Ngài, rồi Ngài ngự đi kinh hành, quán xét về chánh pháp, suốt thời gian kể từ ngày 30 tháng 4 đến ngày 6 tháng 5, gọi là tuần lễ “*Ca*□*kamasattāha*”.

4- Tuần lễ thứ tư: Đức Thế Tôn ngự tại lâu đài bằng vàng, ở phía Tây Bắc của cội Bồ đề do chư thiên hóa ra để cúng dường Ngài. Ở đây, Ngài quán xét về *Tạng Vi Diệu Pháp (Abhidhammapitaka)* gồm có 7 bộ: Bộ *Dhammasa*□*ganī*, bộ *Vibha*□*ga*, bộ *Dhātukathā*, bộ *Puggalapannatti*, bộ *Kathāvatthu*, bộ *Yamaka* và bộ *Patthāna*. Suốt 7 ngày đêm, kể từ ngày 7 tháng 5 đến ngày 13 tháng 5, gọi là tuần lễ “*Ratanagharasattāha*”.

5- Tuần lễ thứ năm: Đức Thế Tôn ngự đến cội da ở phía Đông, cách cội Bồ đề 32 sải tay, khi thì Ngài quán xét chánh pháp, khi thì Ngài nhập Arahán Thánh Quả.

Khi ấy, có 3 cô thiên nữ: *Ta*□*hā*, *Aratī* và *Rāgā* là con gái của Ác Ma Thiên, từ cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên hiện xuống, để quyến rũ Đức Phật, với lời nói lẳng lơ và bằng điệu bộ gợi tình. Đức Thế Tôn không quan tâm đến lời nói và điệu bộ của ba nàng, Ngài vẫn an nhiên tự tại nhập Arahán Thánh Quả, an hưởng pháp vị giải thoát Niết Bàn.

Ba nàng đã dùng hết khả năng của mình, mà không thể cám dỗ được Đức Thế Tôn, đành phải bất lực, vì Đức Thế Tôn là bậc Thánh Arahán đã diệt đoạn tuyệt tất cả mọi tham ái, phiền não, nên không một ai trong tam giới này có thể làm cho tâm Ngài xao động.

Ba cô thiên nữ không quyến rũ được Đức Thế Tôn, nên hồi tâm tán dương ca tụng Ngài, rồi từ giả trở về cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên.

Đức Thế Tôn ngự tại cội da này nhập Arahán Thánh Quả suốt 7 ngày đêm, kể từ ngày 14 tháng 5 đến ngày 20 tháng 5, gọi là tuần lễ “*Ajapālasattāha*”.

6- Tuần lễ thứ sáu: Đức Thế Tôn ngự đến cội me gần hồ *Mucalinda*, cách xa cội Bồ đề 51 sải tay, ở về phía Đông Nam, Ngài ngồi nhập Arahán Thánh Quả.

Khi ấy, trời mưa lớn, rồng chúa *Mucalinda* hiện ra dùng thân mình cuộn thành vòng tròn, chồng lên 7 lớp để bao bọc xung quanh kim thân Đức Phật, và phồng mang che trên đầu Ngài, để mưa không làm ướt và lạnh. Rồng chúa tỏ lòng thành kính cúng dường Đức Phật.

Đức Thế Tôn nhập Arahán Thánh Quả suốt 7 ngày đêm, kể từ ngày 21 tháng 5 đến ngày 27 tháng 5, gọi là tuần lễ “*Mucalindasattāha*”.

7- Tuần lễ thứ bảy: Đức Thế Tôn ngự đến cội cây gọi là *Rājāyatana* cách xa cội Bồ đề 4 sải tay, ở về phía Nam. Ngài nhập Arahán Thánh Quả suốt 7 ngày đêm, kể từ ngày 28 tháng 5 đến ngày 5 tháng 6, gọi là tuần lễ “*Rājāyatanasattāha*”.

Như vậy, Đức Thế Tôn đã an hưởng pháp vị an lạc giải thoát Niết Bàn suốt 7 tuần lễ, gồm 49 ngày xung quanh cội Bồ đề [9].

Đức Phật suy tư về pháp Siêu Tam Giới

Đức Thế Tôn suy xét về 9 *pháp Siêu tam giới* (*Lokuttaradhamma*) mà Ngài đã chứng đắc:

- Tứ Thánh Đế* là pháp vô cùng vi tế, vô cùng sâu sắc, khó chứng ngộ.
- 4 Thánh Đạo* là pháp diệt đoạn tuyệt mọi tham ái, phiền não, ác pháp.
- 4 Thánh Quả* là pháp làm vắng lặng mọi tham ái, mọi phiền não, ác pháp.
- Niết Bàn* là pháp giải thoát mọi cảnh khổ.

Đó là pháp mà chỉ có bậc thiện trí, xa lánh ngũ dục, *tiến hành thiền tuệ* để chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn. Còn chúng sinh đang bị dính mắc trong ngũ dục, bị say mê trong ngũ dục, bị đắm chìm trong ngũ dục, làm tối tở của **108 loại tham ái** và làm nô lệ **1.500 loại phiền não**, thì khó mà chứng ngộ được chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

Đức Phật nghĩ rằng: “*Nếu Như Lai thuyết pháp mà chúng sinh không thấu hiểu chánh pháp, không chứng đắc chánh pháp cao thượng, thì chỉ làm cho Như Lai vất vả, mệt nhọc, hoài công vô ích mà thôi!*”.

Do vậy, lúc này Đức Phật chưa muốn thuyết pháp tế độ chúng sinh.

Theo lệ thường, Chư Phật thuyết pháp cần phải có đầy đủ 2 điều kiện:

- **Chủ thể:** Đức Phật có **tâm đại bi** (*mahākarunā*) muốn tế độ chúng sinh giải thoát khỏi mọi cảnh khổ, điều kiện này đã sẵn có nơi Ngài.

- **Khách thể:** Phải có **Đại Phạm Thiên** thỉnh cầu thuyết pháp tế độ chúng sinh, điều kiện này để làm cho phát sinh đức tin nơi Đức Phật.

Vì rằng, các Đạo sĩ, tu sĩ, Samôn, Balamôn, Vua chúa, dân chúng, kể cả chư thiên, phạm thiên, đều tôn kính Đại Phạm Thiên. Nay Đại Phạm Thiên tôn kính Đức Phật, thỉnh cầu Đức Phật thuyết pháp tế độ chúng sinh, thì tất cả phần đông chúng sinh nhân loại, chư thiên, phạm thiên,... cũng tôn kính Ngài. Từ sự tôn kính ấy, mới có đức tin trong sạch nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng. Khi có đức tin nơi Tam Bảo, Đức Phật thuyết pháp thì tất cả chúng sinh, nhân loại, chư thiên, phạm thiên... mới lắng nghe chánh pháp và thực hành theo chánh pháp của Ngài.

Đại Phạm Thiên thỉnh Đức Phật thuyết pháp

Đại Phạm Thiên *Sahampati* biết Đức Phật đang còn do dự chưa muốn thuyết pháp tế độ chúng sinh, Ngài bèn tuyên bố cho toàn cõi phạm thiên, chư thiên khắp 10 ngàn thế giới hay biết rằng:

Nassati vata Bho loko!

Vinassati vata Bho loko! [\[10\]](#)

Này chư vị, toàn thế giới chúng sinh sẽ hủy hoại!

Này chư vị, toàn thế giới chúng sinh sẽ tiêu diệt!

Bởi vì, Đức Phật đang do dự chưa muốn thuyết pháp tế độ chúng sinh. Cho nên, Đại Phạm Thiên *Sahampati* cùng chư thiên, phạm thiên khắp 10 ngàn thế giới hiện xuống, cung kính Đức Thế Tôn, đồng thành kính cung thỉnh:

Desetu Bhante Bhagavā dhammam

Desetu Sugato dhammam. 2

- Kính bạch Đức Thế Tôn,

Chúng con hết lòng thành kính, xin thỉnh Đức Thế Tôn mở tâm đại bi thuyết pháp tế độ chúng sinh.

*Kính bạch Đức Thế Tôn, Đức Thiện Ngôn,
Chúng con hết lòng thành kính, xin thỉnh Ngài mở tâm đại bi thuyết pháp tế
độ chúng sinh.*

Có số chúng sinh nào phiền não nhẹ, có khả năng chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn. Nếu số chúng sinh ấy, không có được cơ hội lắng nghe chánh pháp của Đức Thế Tôn, thì sự thiệt hại sẽ lớn lao biết dường nào!

Nghe qua lời thỉnh cầu của Đại Phạm Thiên *Sahampati*, với tâm đại bi, Đức Thế Tôn quán xét bằng *Phật nhãn (Buddhacakkhu)* thấy rõ có số chúng sinh có phiền não nhẹ, có số chúng sinh có phiền não nặng, có số chúng sinh có 5 pháp chủ (*tín pháp chủ, tấn pháp chủ, niệm pháp chủ, định pháp chủ, tuệ pháp chủ*) đủ năng lực, có số chúng sinh có 5 pháp chủ ít năng lực, có số chúng sinh dễ dạy, có số chúng sinh khó dạy...

Ví như có 4 đóa hoa sen [11]:

- Có đóa hoa sen vượt qua khỏi mặt nước, chỉ chờ tiếp xúc với ánh sáng mặt trời liền nở ngay ngày hôm đó.

- Có đóa hoa sen vươn lên, nằm ngang tâm mặt nước, sẽ chờ nở vào ngày hôm sau.

- Có đóa hoa sen còn ở dưới mặt nước, sẽ chờ thời gian 3 hoặc 4 hôm nữa mới nở được.

- Có đóa hoa sen còn non vừa mới tượng hình ở dưới nước sâu. Những mầm sen non ấy sẽ làm vật thực cho loài rùa, cá....

Bốn loại hoa sen này được so sánh như 4 hạng người ở trong đời:

- *Ugghā*□*itannu*: Hạng người có trí tuệ bậc thượng, bén nhạy. Khi được nghe **tiền đề** của chánh pháp, chưa cần khai triển, hay trong một bài kệ có 4 câu, chỉ được nghe 2 câu đầu, bậc ấy có thể chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn ngay tức khắc.

- *Vipañcitannū*: Hạng người có trí tuệ bậc trung. Khi được nghe **tiền đề** của chánh pháp và **khai triển**, hay được nghe một bài kệ đầy đủ 4 câu, bậc ấy có thể chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn.

- Neyya: Hạng người có trí tuệ bậc thường. Khi được nghe **tiền đề** của chánh pháp và **khai triển** xong, còn cần phải có thời gian thân cận gần gũi với bậc Thánh Nhân, bậc thiện trí hướng dẫn chỉ dạy thêm, bậc ấy mới có thể chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn, trong kiếp hiện tại này.

- Padaparama: Hạng người có trí tuệ kém. Dù được nghe nhiều, học nhiều đi nữa hoặc dù có thân cận với bậc thiện trí, họ cũng chưa có thể chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả ngay trong kiếp hiện tại này. Nhưng đây là một cơ hội tốt, một dịp may, để bồi bổ pháp hạnh ba-la-mật, để chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn trong kiếp vị lai.

Đức Phật quán xét tất cả chúng sinh bằng Phật nhãn thấy rõ có 4 hạng người như vậy; cho nên, sự thuyết pháp của Ngài sẽ đem lại lợi ích lớn lao cho 3 hạng người trước có thể chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả và Niết Bàn ngay trong kiếp hiện tại, và cũng đem lại lợi ích cho hạng người thứ tư (*padaparama*) ở kiếp vị lai. Do đó, Đức Phật nhận lời thỉnh cầu của Đại Phạm Thiên *Sahampati*, Ngài sẽ thuyết pháp tế độ chúng sinh.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- *Này Đại Phạm Thiên Sahampati, trước đây chưa có đủ điều kiện, nên Như Lai chưa chịu thuyết pháp tế độ chúng sinh.*

Này Đại Phạm Thiên Sahampati, bây giờ, Như Lai nhận lời thỉnh cầu của các người, Như Lai sẽ thuyết pháp tế độ cho những chúng sinh có duyên lành, để giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Vị Đại Phạm Thiên *Sahampati* cùng toàn thể chư phạm thiên, chư thiên vô cùng hoan hỷ, khi biết Đức Thế Tôn đã nhận lời thỉnh cầu của họ. Toàn thể chư phạm thiên, chư thiên thành kính đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi xin phép trở về cõi trời.

Trong đời này, chỉ có Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác kiếp chót, và chư Bồ Tát Độc Giác kiếp chót là không cần lắng nghe chánh pháp từ một vị Thầy nào, mà tự mình có thể chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt tất cả mọi phiền não, mọi tham ái, mọi ác pháp, trở thành bậc Thánh Arahán cao thượng, bởi vì chư Bồ Tát này có nhiều năng lực pháp hạnh ba-la-mật.

Ngoài Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác và chư Bồ Tát Độc Giác kiếp chót ra, còn tất cả các Đức Bồ Tát Thanh Văn Giác bậc nào, cũng cần phải lắng nghe chánh pháp của Đức Phật Chánh Đẳng Giác, mới có thể chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế y theo Đức Phật, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt mọi phiền não trầm luân, mọi tham ái, mọi ác pháp, trở thành bậc Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Phật, đó là bậc Thánh Nhập Lưu, bậc Thánh Nhất Lai, bậc Thánh Bất Lai và bậc Thánh Arahán tùy theo năng lực ba-la-mật của mỗi bậc Thánh Nhân.

Thật vậy, trong giáo pháp của Đức Phật *Gotama*, Ngài Đại đức *Sāriputta* là bậc Thánh Tối Thượng Thanh Văn Giác xuất sắc nhất về trí tuệ, trong hàng Thanh Văn đệ tử của Đức Phật, vậy mà tự Ngài cũng không thể chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, cho đến khi Ngài lắng nghe Ngài Đại đức *Assaji* thuyết dạy một bài kệ gồm 4 câu, vừa nghe 2 câu đầu, Ngài liền chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Nhập Lưu.

CHUYỂN PHÁP LUÂN

Khi suy xét nên thuyết pháp tế độ cho ai đầu tiên, Đức Phật liền nghĩ đến vị Đạo sư *Ālāra Kālāmagotta* là bậc thiện trí có trí tuệ, nếu vị Đạo sư *Ālāra Kālāmagotta* được nghe chánh pháp, thì sẽ mau lẹ chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn.

Lúc ấy chư thiên đến hầu Đức Phật và bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, Đạo sư Ālāra Kālāmagotta đã viên tịch được 7 ngày qua.

Đức Phật quán xét, thấy đúng: *Vị Đạo sư Ālāra Kālāmagotta đã viên tịch, do năng lực đệ tam thiên vô sắc cho quả tái sinh lên cõi Vô sở hữu xứ thiên thuộc vô sắc giới.*

Ngài nghĩ: *“Thật là sự bất lợi lớn lao quá!”* [\[12\]](#).

Tiếp đến, Đức Phật nghĩ đến vị Đạo sư *Udaka Rāmaputta* là bậc thiện trí có trí tuệ, nếu vị Đạo sư *Udaka Rāmaputta* được nghe chánh pháp, thì sẽ mau lẹ chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn.

Lúc ấy, chư thiên đến hầu Đức Phật và bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, vị Đạo sư Udaka Rāmaputta vừa mới viên tịch chiều hôm qua.

Đức Phật quán xét, thấy đúng: *Vị Đạo sư Udaka Rāmaputta đã viên tịch, do năng lực đệ tử thiên vô sắc cho quả tái sinh lên cõi **Phi tướng phi phi tướng xứ thiên** thuộc vô sắc giới.*

Đức Phật nghĩ rằng: “*Thật là sự bất lợi lớn lao quá!*”.

Tiếp đến, Đức Phật nghĩ đến nhóm 5 Tỷ khuru đã từng phụng sự, hộ độ cho Ngài trong thời gian còn là Bồ Tát hành khổ hạnh.

Đức Phật nghĩ: “*Vậy, đầu tiên Như Lai nên thuyết pháp tế độ nhóm 5 Tỷ khuru này*”.

Khi ấy, nhóm 5 Tỷ khuru đang ở tại khu rừng phóng sinh nai gọi là *Isipatana*, gần thành *Bārāṅasī*.

Vậy, từ khu rừng *Uruvela*, Đức Phật ngự đến kinh thành *Bārāṅasī* để thuyết pháp độ nhóm 5 Tỷ khuru: Ngài *Kondanna* trưởng nhóm, Ngài *Vappa*, Ngài *Bhaddiya*, Ngài *Mahānāma* và Ngài *Assaji*.

Đức Phật thuyết kinh Chuyển Pháp Luân

Đức Thế Tôn ngự đến khu rừng phóng sanh nai gọi là *Isipatana*, nhằm vào ngày rằm tháng 6, sau khi trở thành bậc Chánh Đẳng Giác tròn đúng hai tháng. Nhóm 5 Tỷ khuru nhìn thấy Đức Phật từ xa đi đến, họ nghĩ lầm rằng: “*Samôn Gotama đã từ bỏ sự tinh tấn hành pháp khổ hạnh, trở lại đời sống sung túc*”.

Vì nghĩ như vậy, nhóm 5 Tỷ khuru không còn đức tin và kính trọng Đức Phật như trước, họ đồng ý thỏa thuận với nhau rằng: “*Chúng ta không đứng dậy đón rước, không tiếp nhận y và bát, không đánh lễ, chỉ nên sắp đặt chỗ để cho Samôn Gotama ngồi mà thôi*”. Nhưng khi Đức Phật đến gần, do oai lực và tâm đại bi của Ngài, nhóm 5 Tỷ khuru không còn nhớ lời giao ước, mà mỗi người đều tự động đứng dậy cung kính đón rước: *Vị này nhận y bát, vị kia lấy nước rửa chân, vị thì sắp đặt trái chỗ ngồi cao quý, thỉnh Ngài đến ngự...* Nhưng cách xưng hô của họ đối với Đức Phật vẫn bằng cách gọi: “*Ávuso*” không hợp lẽ đạo, thiếu cung kính đối với Đức Thế Tôn.

Thấy vậy, Đức Phật dạy rằng:

- *Này chư Tỳ khuru, các con không nên gọi Như Lai bằng tiếng “Āvuso” [13]. Như Lai là Đức Phật Chánh Đẳng Giác, Như Lai sẽ thuyết giảng chánh pháp mà Như Lai đã chứng ngộ. Các con hãy lắng nghe rồi thực hành theo, các con cũng sẽ chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn y theo Như Lai đã chứng ngộ”.*

Nhóm 5 Tỳ khuru vẫn chưa tin theo lời dạy của Đức Phật, vì nghĩ rằng:
“Trước đây Samôn Gotama hành pháp khổ hạnh đến như thế, mà không chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác; nay trở lại đời sống sung túc như vậy, lại có thể chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác được hay sao?”.

Đức Thế Tôn thấu hiểu rõ sự hoài nghi của nhóm 5 Tỳ khuru, nên Ngài đã giảng giải rõ ràng, phá tan được sự hoài nghi của họ. Cuối cùng, nhóm 5 Tỳ khuru cảm phục Đức Phật và phát sinh đức tin trong sạch nơi Ngài.

Khi ấy mặt trời sắp lặn ở hướng Tây, mặt trăng ló dạng ở hướng Đông, Đức Thế Tôn lần đầu tiên thuyết pháp với bài kinh
“Dhammacakkappavattanasutta” [14] (kinh Chuyển Pháp Luân).

Nội dung bài kinh Chuyển Pháp Luân

Lần đầu tiên Đức Phật thuyết giảng bài kinh ***Chuyển Pháp Luân***, để tế độ 5 nhóm Tỳ khuru là Ngài Ko□□anna, Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma, Ngài Assaji.

Đức Phật dạy rằng:

- *Bậc xuất gia không nên hành hai pháp cực đoan thuộc hai biên kiến.*

Một là: *Hưởng khoái lạc trong ngũ dục [15] do tâm tham ái hợp với tà kiến, là pháp thấp hèn của hạng phàm nhân trong đời, không phải của bậc Thánh Nhân cao thượng, không đem lại sự lợi ích giải thoát khổ sinh.*

Hai là: *Tự ép xác, hành khổ mình do tâm sân và có đoan kiến, thuộc pháp hành khổ hạnh của ngoại đạo, không phải của bậc Thánh Nhân cao thượng, không đem lại sự lợi ích giải thoát khổ sinh.*

Không thiên về hai biên kiến ấy, Đức Phật đã hành theo ***pháp hành Trung Đạo*** (*Majjhimappa□ipadā*) đó chính là Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh cao thượng là:

1- Chánh kiến: Trí tuệ thiên tuệ chân chánh thấy rõ, biết rõ chân lý Tứ Thánh Đế

- Khổ Thánh Đế.
- Nhân sinh Khổ Thánh Đế (Tập Thánh Đế).
- Diệt Khổ Thánh Đế (Diệt Thánh Đế).
- Pháp hành Diệt Khổ Thánh Đế (Đạo Thánh Đế).

Đó là 1 trong 8 chánh chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn.

2- Chánh tư duy: Tư duy chân chánh

- Tư duy thoát ra khỏi ngũ dục (xuất gia).
- Tư duy không làm khổ mình, khổ người (hợp với tâm từ).
- Tư duy không làm hại mình, hại người (hợp với tâm bi).

Đó là 1 trong 8 chánh chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn.

3- Chánh ngữ: Lời nói chân chánh

- Tránh xa lời nói dối.
- Tránh xa lời nói chia rẽ.
- Tránh xa lời nói thô tục.
- Tránh xa lời nói vô ích.

Đó là 1 trong 8 chánh chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn.

4- Chánh nghiệp: Hành nghề chân chánh

- Tránh xa sự sát sanh.
- Tránh xa sự trộm cắp.
- Tránh xa sự tà dâm.

Đó là 1 trong 8 chánh chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn.

5- Chánh mạng: Nuôi mạng chân chánh

- Tránh xa thân hành ác, khẩu nói ác liên quan đến việc nuôi mạng.

Đó là 1 trong 8 chánh chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn.

6- Chánh tinh tấn: Tinh tấn chân chánh

- Tinh tấn diệt ác pháp đã sinh.
- Tinh tấn ngăn không cho ác pháp phát sinh.
- Tinh tấn làm cho thiện pháp phát sinh.
- Tinh tấn làm tăng trưởng thiện pháp đã sinh.

Đó là 1 trong 8 chánh chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn.

7- **Chánh niệm:** Niệm chân chánh

- Niệm thân: **Thân** là đối tượng của chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác.
- Niệm thọ: **Thọ** là đối tượng của chánh niệm, tỉnh giác.
- Niệm tâm: **Tâm** là đối tượng của chánh niệm, tỉnh giác.
- Niệm pháp: **Pháp** là đối tượng của chánh niệm, tỉnh giác.

Đó là 1 trong 8 chánh chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn.

8- **Chánh định:** Định chân chánh

- Định trong đệ nhất thiền Siêu tam giới, có Niết Bàn là đối tượng.
- Định trong đệ nhị thiền Siêu tam giới, có Niết Bàn là đối tượng.
- Định trong đệ tam thiền Siêu tam giới, có Niết Bàn là đối tượng.
- Định trong đệ tứ thiền Siêu tam giới, có Niết Bàn là đối tượng.
- Định trong đệ ngũ thiền Siêu tam giới, có Niết Bàn là đối tượng.

Đó là 1 trong 8 chánh chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn.

Pháp hành Trung Đạo đó là Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh này chỉ đồng sinh với 4 Thánh Đạo Tâm và 4 Thánh Quả Tâm, chắc chắn có Niết Bàn là đối tượng.

Bằng những **pháp hành Trung Đạo** này, Đức Phật đã chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế theo Tam Tuệ Luân:

- Trí tuệ học Tứ Thánh Đế.
- Trí tuệ hành Tứ Thánh Đế.
- Trí tuệ thành Tứ Thánh Đế.

Thành 12 loại trí tuệ đã phát sinh hoàn toàn trong sáng, thanh tịnh và đã chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán đầu tiên trong toàn cõi thế giới chúng sinh, cho nên Ngài có danh hiệu Đức Phật Chánh Đẳng Giác, độc nhất vô nhị.

Đức Phật truyền dạy rằng: “*Như Lai đã chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác vô thượng trong toàn thế giới chúng sinh, nhân loại, Vua chúa, Samôn, Bàlamôn, chư thiên, Ma vương và phạm thiên cả thảy*”.

Ngài Ko□□anna chứng đắc bậc Thánh Nhập Lưu.

Đức Thế Tôn thuyết giảng bài kinh Chuyển Pháp Luân này xong, nhóm 5 Tỳ khuru vô cùng hoan hỷ thực hành theo lời giáo huấn của Ngài. Trong nhóm 5 Tỳ khuru ấy, Ngài Ko□□anna đã phát sinh **Pháp Nhãn** chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Nhập Lưu đầu tiên trong giáo pháp của Đức Phật *Gotama*.

Khi ấy, Ngài Ko□□anna xin Đức Phật cho phép thọ Tỳ khuru; Đức Phật đã cho phép Ngài Ko□□anna thọ Tỳ khuru theo cách *Ehi bhikkhūpasampadā*. Thọ Tỳ khuru bằng cách Đức Phật gọi *Ehi bhikkhu* như sau:

“Ehi bhikkhū!” ti Bhavagā avoca. Svākkhāto dhammo cara brahmacariya□ sammā dukkhassa antakiriyāya...”.

Đức Thế Tôn truyền dạy rằng:

“Con hãy lại đây! Con trở thành Tỳ khuru theo ý nguyện. Chánh pháp mà Như Lai đã thuyết giảng hoàn hảo phần đầu, phần giữa, phần cuối. Con hãy nên cố gắng tinh tấn hành phạm hạnh cao thượng, để chứng đắc Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả và Niết Bàn, để chấm dứt khổ tử sinh luân hồi”.

Tam Bảo trọn vẹn xuất hiện trên thế gian

Ngay khi Đức Phật truyền dạy vừa dứt câu, Ngài Ko□□anna liền trở thành vị Tỳ khuru có đầy đủ 8 thứ vật dụng của Tỳ khuru, phát sinh do phước thiện, cũng đồng thời **Tam Bảo: Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo** hoàn toàn đầy đủ trọn vẹn trên thế gian này, vào đúng ngày rằm tháng 6 (âm lịch). Bốn vị Tỳ khuru còn lại cũng sẽ chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả và Niết Bàn trở thành bậc Thánh Nhập Lưu theo tuần tự thời gian như sau:

Ngày 16 tháng 6, Ngài *Vappa* chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả và Niết Bàn trở thành bậc Thánh Nhập lưu và được phép thọ Tỳ khuru bằng cách *Ehi bhikkhu*.

Ngày 17 tháng 6, Ngài *Bhaddiya* chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu và được Đức Phật cho phép thọ Tỳ khuru bằng cách *Ehi bhikkhu*.

Ngày 18 tháng 6, Ngài *Mahānāma* chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu và được Đức Phật cho phép thọ Tỳ khuru bằng cách *Ehi bhikkhu*.

Ngày 19 tháng 6, Ngài *Assaji* chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu và được Đức Phật cho phép thọ Tỳ khuru bằng cách *Ehi bhikkhu*.

Trong Phật giáo có 4 loại bậc Thánh Nhân:

- Bậc Thánh Nhập Lưu.
- Bậc Thánh Nhất Lai.
- Bậc Thánh Bất Lai.
- Bậc Thánh Arahán.

Nhóm 5 Tỳ khuru đã chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu, chỉ mới là bậc Thánh thứ nhất trong Phật giáo. Bậc Thánh Nhập Lưu có khả năng diệt đoạn tuyệt được hai loại phiền não là tà kiến và hoài nghi. Bậc Thánh Nhập Lưu chưa có khả năng diệt đoạn tuyệt 8 loại phiền não còn lại và các tham ái, các ác pháp, nên chưa có thể giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong tam giới được. Cho nên, Đức Phật giảng bài *Kinh Anattalakkha* □ *asutta*: *Kinh Vô Ngã Tướng* để tế độ nhóm 5 Tỳ khuru tiếp tục chứng đắc thành bậc Thánh Arahán là bậc Thánh Nhân thứ tư cao thượng trong Phật giáo.

Kinh *Anattalakkha* □ *asutta* [16]

Theo tuần tự thời gian đến ngày 20 tháng 6 (âm lịch), Đức Phật thuyết giảng bài kinh *Anattalakkha* □ *asutta*: “*Kinh Vô Ngã Tướng*”, để tế độ nhóm 5 Tỳ khuru trở thành bậc Thánh Arahán.

Nội dung bài kinh, Đức Phật thuyết giảng về ngũ uẩn: *Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn đều là pháp vô ngã, không phải ta, không phải của ta.*

Mỗi uẩn đều có sự sinh, sự diệt, nên có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.

Mỗi uẩn có 11 tính chất: *quá khứ hoặc vị lai, hoặc hiện tại; bên trong hoặc bên ngoài; thô hoặc vi tế; thấp hèn hoặc cao quý; gần hoặc xa thực tánh của*

tất cả mỗi uẩn ấy không phải của ta, không phải là ta, không phải tự ngã của ta.

Nhóm 5 Tỳ khuru có trí tuệ thiên tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ uẩn đúng theo thực tánh của ngũ uẩn như vậy, dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Nhất Lai Thánh Đạo - Nhất Lai Thánh Quả và Niết Bàn lần thứ nhì, tiếp tục chứng đắc Bất Lai Thánh Đạo - Bất Lai Thánh Quả và Niết Bàn lần thứ ba, cuối cùng là chứng đắc Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả và Niết Bàn lần thứ tư, diệt đoạn tuyệt mọi phiền não, mọi tham ái, mọi ác pháp không còn dư sót lại, trở thành bậc Thánh Arahán; trí tuệ quán xét thấy rõ, biết rõ Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả đã chứng đắc, Niết Bàn đã chứng ngộ, mọi phiền não, mọi tham ái, mọi ác pháp đã diệt đoạn tuyệt không còn dư sót. Các Ngài có trí tuệ thấy rõ, biết rõ mọi phận sự Tứ Thánh Đế đã hoàn thành; phạm hạnh cao thượng đã hành xong, kiếp này là kiếp chót, không còn tái sinh kiếp nào khác nữa.

Nhóm 5 Tỳ khuru trở thành bậc Thánh Arahán vào ngày 20 tháng 6 là những ngày đầu hạ thứ nhất của Đức Phật.

Như vậy, ngoài Đức Phật ra, còn có thêm 5 vị Thánh Arahán xuất hiện trên thế gian.

Những ngày quan trọng trong Phật giáo

Trong Phật giáo, có những ngày lễ quan trọng đáng ghi nhớ:

Ngày rằm tháng tư là ngày Đức Phật xuất hiện trên thế gian. (*ngày rằm tháng tư cũng là ngày Đức Bồ Tát Siddhattha đản sinh, và 80 năm sau, cũng là ngày Đức Phật tịch diệt Niết Bàn*)

* *Ngày rằm tháng sáu* là ngày Đức Phật thuyết bài kinh Chuyển Pháp Luân đầu tiên, để tế độ nhóm 5 Tỳ khuru, đồng thời cũng là ngày Tam Bảo: “*Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo*” đầy đủ hoàn toàn xuất hiện trên thế gian.

* *Ngày rằm tháng giêng* là ngày Đại hội chư Thánh Arahán gồm có 1.250 vị.

-ooOoo-

[1] Khi chân đạp trên mặt đất thì tiếp xúc toàn bàn chân, gót chân, giữa bàn chân, đầu ngón chân bằng phẳng cùng một lúc, không phần nào trước, không phần nào sau ; và khi giở bàn chân lên cũng thẳng bằng như vậy.

[2] Bộ *Dīghanikāya Pāthikaragga*, kinh *Añāñīyasutta*.

[3] Lắng nghe chánh pháp rồi tán dương ca tụng Saadhu! Lành thay! Sẽ có quả báu miệng có mùi thơm.

[4] Đối với Đức Phật Độc Giác, bậc Thánh Thanh Văn Giác thì Túc mạng mình có giới hạn.

[5] Dưới cội cây nào mỗi Đức Bồ Tát chứng đắc thành Bậc Chánh Đẳng Giác, cây ấy đều được gọi là Bodhirukkha: Cây Bồ đề, mỗi Đức Phật có mỗi cây Bồ đề khác nhau.

[6] *Dhammapadagāthā* số 153, 154.

[7] Phiền não có tất cả 1.500 loại.

[8] Tham ái có tất cả 108 loại.

[9] Hiện nay tại *Buddhagayā* tại xứ Ấn Độ, quanh Đại cội Bồ đề có đánh dấu kỷ niệm 7 nơi mà Đức Phật đã an hưởng pháp vị giải thoát Niết Bàn .

[10] Chú giải *Maj Mūlapannāsa*, kinh *Pāsarāsisutta*.

[11] Bộ chú giải *Majjhimanikāya, Mūlapannāsa, kinh Pāsarāsisutta*.

[12] **Sự bất lợi** ở đây có nghĩa: Chúng sinh ở cõi trời vô sắc, không có sắc uẩn, nên không có tai để nghe được chánh pháp, đã mất đi cơ hội tốt hiếm có, để chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn.

[13] “*Āvuso*” từ dùng để gọi vị nhỏ hạ. “*Bhante*” từ dùng để gọi vị cao hạ một cách tôn kính.

[14] Bộ *Samyuttanikāya, Mahāvagga, kinh Dhammacakkappavattanasutta* ý nghĩa toàn bài kinh xem trong phần Đức Pháp sau.

[15] Ngũ dục: Sắc dục, thanh dục, hương dục, vị dục, xúc dục.

[16] Bộ *Samyuttanikaya, Khandhavagga, Anattalakkhasutta*. Ý nghĩa toàn bài kinh xem trong phần Đức Pháp sau.

-ooOoo-

CHƯƠNG I (c)

45 Hạ (vassa) của Đức Phật Gotama

Theo lệ thường Chư Phật không ở một nơi nào suốt trong thời gian lâu, chỉ khi nào đến mùa an cư nhập hạ, khi ấy Chư Phật mới ở một nơi suốt ba tháng hạ theo truyền thống của Chư Phật.

Từ khi Đức Phật *Gotama* xuất hiện trên thế gian cho đến khi tịch diệt Niết Bàn, Ngài chỉ có **45 hạ (vassa)** [1] mà thôi. Theo thông lệ, Đức Phật thường du hành khắp mọi nơi, thuyết pháp tế độ cho những chúng sinh có duyên lành nên tế độ, trong khoảng thời gian mau hoặc lâu tùy duyên. Nhưng đến mùa an cư nhập hạ, Đức Phật cùng chư Tỷ khưu Tăng ở một nơi nào đó suốt 3 tháng trong mùa mưa. Khi mãn hạ, Đức Phật cùng chư Tỷ khưu Tăng du hành đến những nơi khác để thuyết pháp tế độ chúng sinh.

Theo tuần tự 45 hạ của Đức Phật

Tóm lược những điểm đặc biệt mỗi hạ của Đức Phật

1- Hạ đầu tiên: Sau khi thuyết bài kinh *Chuyển Pháp Luân (Dhammacakkappavattanasutta)* lần đầu tiên là vào ngày rằm tháng sáu để tế độ nhóm 5 Tỷ khưu có Ngài *Koṅkanna* chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Nhập Lưu đầu tiên trong giáo pháp của Đức Phật *Gotama*. Ngài *Koṅkanna* xin Đức Phật cho phép thọ Tỷ khưu. Ngay khi ấy Đức Phật Bảo, Đức Pháp Bảo, Đức Tăng Bảo, Tam Bảo trọn vẹn lần đầu tiên xuất hiện trên thế gian.

Ngày 16 tháng 6, ngày bắt đầu của mùa mưa. Đức Phật cùng nhóm 5 Tỷ khưu an cư nhập **hạ thứ nhất** tại vườn phóng sinh nai gọi là *Isipatana* gần kinh thành *Bārāsi* suốt 3 tháng, cho đến ngày 16 tháng 9 mới mãn hạ.

Vào ngày đầu an cư nhập hạ là ngày 16 tháng 6, Ngài Đại đức *Vappa* chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu

Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Nhập Lưu, rồi xin Đức Phật cho phép thọ Tỳ khuru.

Ngày 17 tháng 6, là ngày Ngài Đại đức *Bhaddiya*, chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu, rồi xin Đức Phật cho phép thọ Tỳ khuru.

Ngày 18 tháng 6, là ngày Ngài Đại đức *Mahānāma*, chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu, rồi xin Đức Phật cho phép thọ Tỳ khuru.

Ngày 19 tháng 6, là ngày Ngài Đại đức *Assaji*, chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu, rồi xin Đức Phật cho phép thọ Tỳ khuru.

Ngày 20 tháng 6, Đức Phật thuyết giảng bài kinh *Vô Ngã Tướng* (*Anattalakkhaṇasutta*) tế độ nhóm 5 Tỳ khuru, tất cả đều chứng đắc từ Nhất Lai Thánh Đạo - Nhất Lai Thánh Quả, Bất Lai Thánh Đạo - Bất Lai Thánh Quả, Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Arahán.

Đó là 5 vị thánh Arahán đầu tiên xuất hiện trên thế gian, trong những ngày đầu mùa hạ này. Sau đó, Đức Phật đã thuyết pháp tế độ cho các hàng Thanh Văn đệ tử, thêm 55 vị nữa đã chứng đắc thành bậc Thánh Arahán.

Sau khi mãn hạ, Đức Phật và 60 vị Thánh Arahán, mỗi vị đi một hướng thuyết pháp tế độ chúng sinh có duyên lành nên tế độ.

2- Hạ thứ nhì: Đức Phật cùng 20.000 chư Đại đức Tỳ khuru Tăng an cư nhập hạ tại ngôi chùa *Veluvana* gần kinh thành *Rājagaha*.

Sau khi mãn hạ, Đức Phật cùng chư Đại đức Tỳ khuru Tăng du hành khắp mọi nơi thuyết pháp tế độ chúng sinh.

3-4 Hạ thứ ba và thứ tư: Đức Phật ngự du hành khắp mọi nơi để thuyết pháp tế độ chúng sinh có duyên lành nên tế độ. Đến mùa mưa Đức Phật trở lại an cư nhập hạ thứ ba và thứ tư cùng với chư Đại đức Tỳ khuru Tăng tại ngôi chùa *Veluvana* gần kinh thành *Rājagaha*.

5- Hạ thứ năm: Đức Phật cùng chư Đại đức Tỳ khuru Tăng an cư nhập hạ tại giảng đường *Kuṅgāra*, trong khu rừng lớn gần kinh thành *Vesāli*. Khi ấy bà *Mahāpajāpatigotamī* cùng 500 người nữ dòng *Sakya* tự cạo đầu mặc y giống như bậc xuất gia, đi chân không từ kinh thành *Kapilavatthu* đến kinh thành *Vesāli*, đứng khóc trước cổng giảng đường *Kuṅgāra* vì tủi thân do

Đức Phật chưa cho phép người nữ xuất gia trở thành Tỳ khuru ni trong giáo pháp của Ngài.

Đại đức *Ānanda* gặp bà *Mahāpajāpatigotamī* mới hiểu rõ ý nguyện của bà, nên vào hầu đánh lễ Đức Thế Tôn, xin Ngài cho phép người nữ được xuất gia trở thành Tỳ khuru ni.

Đức Thế Tôn truyền dạy rằng:”*Nếu bà Mahāpajāpatigotamī chấp thuận 8 trọng pháp (garudhamma), thì đó là sự xuất gia trở thành Tỳ khuru ni của bà*”.

Đại đức *Ānanda* trở ra thưa lại cho bà rõ 8 trọng pháp ấy; bà vô cùng hoan hỷ chấp thuận 8 trọng pháp ấy và nghiêm chỉnh thực hành đầy đủ trọn vẹn cho đến suốt đời. Đó là sự xuất gia trở thành Tỳ khuru ni của bà *Mahāpajāpatigotamī*, còn 500 người nữ dòng *Sakya* xuất gia trở thành Tỳ khuru ni theo cách *ñatticatutthakammavācā*. Như vậy, Tỳ khuru ni Tăng xuất hiện trong giáo pháp của Đức Phật *Gotama* bắt đầu từ hạ thứ năm của Đức Phật.

6- Hạ thứ sáu: Đức Phật cùng chư Đại đức Tỳ khuru Tăng an cư nhập hạ tại núi *Makula* trong xứ *Magadha*. Một sự việc xảy ra, ông phú hộ *Rājagaha* có một gốc cây trầm đở rất quý giá, ông cho thợ tiện một cái bát rồi treo trên một cây cao và thông báo rằng:

- Trong đời này, nếu có vị nào là bậc Thánh Arahán, có thần thông, thì xin vị ấy bay lên lấy cái bát trầm này, tôi sẽ phát sinh đức tin nơi vị ấy.

Sáu nhóm ngoại đạo thường tự cho mình là bậc Arahán có nhiều thần thông, đều đến xin ông phú hộ dâng cái bát trầm ấy, nhưng ông phú hộ thưa rằng:

- Nếu Ngài là bậc Arahán có thần thông, thì xin Ngài bay lên lấy cái bát trầm xuống đây.

Đã 6 ngày qua không có một vị nào bay lên lấy cái bát trầm ấy được. Dân chúng trong thành *Rājagaha* thầm nghĩ rằng trong đời này không có bậc Thánh Arahán chẳng?

Đến ngày thứ 7, Ngài Đại đức *Mahāmoggallāna* và Ngài Đại đức *Pi□□obhāradvāja* đi vào khất thực trong kinh thành *Rājagaha*, khi nghe tin như vậy, Ngài Đại đức *Mahāmoggallāna* bảo Ngài Đại đức

Pi□□obhāradvāja bay lên lấy cái bát trầm, để đem lại đức tin cho mọi người.

Ngài Đại đức *Pi□□obhāradvāja* hóa phép thần thông bay lên lấy cái bát trầm ấy, rồi bay 3 vòng quanh kinh thành *Rājagaha*, rồi đáp nhẹ xuống ngôi nhà ông phú hộ. Ông phú hộ phát sinh đức tin trong sạch, thỉnh Ngài vào lầu đài, ngồi trên chỗ cao quý, rồi đánh lễ Ngài và đón nhận cái bát, cúng dường vật thực ngon lành dâng lên Ngài Đại đức.

Đại đức *Pi□□obhāradvāja* trở về chùa, có số đông dân chúng chưa được tận mắt nhìn thấy Ngài biểu diễn thần thông, nên họ kéo nhau đến tìm Ngài, xin Ngài biểu diễn thần thông cho họ xem.

Khi ấy, Đức Thế Tôn biết sự việc xảy ra, nên hội họp chư Tỳ khuru Tăng lại và Đức Thế Tôn quở trách Đại đức *Pi□□obhāradvāja* rằng:

- Nay Pi□□obhāradvāja, chỉ có cái bát trầm này, mà con biểu diễn thần thông cho người tại gia xem. Đó không phải là phận sự của Samôn, không làm phát sinh đức tin đối với người chưa có đức tin.

Đó là nguyên nhân đầu tiên, Đức Phật chế định cấm Tỳ khuru không được biểu diễn thần thông cho người tại gia xem. Tỳ khuru nào biểu diễn thần thông, Tỳ khuru ấy phạm giới *tác ác (dukka□a)*.

Sau đó, Đức Phật truyền dạy đập bể cái bát trầm ra từng mảnh nhỏ, tán mịn làm thuốc nhỏ mắt cho Tỳ khuru đau mắt.

7- Hạ thứ bảy: Đức Phật ngự lên cung trời Tam Thập Tam Thiên, để an cư nhập hạ suốt 3 tháng [2] trong mùa mưa, thuyết giảng *Abhidhammapi□aka (Tạng Vi Diệu Pháp)* gồm có 7 bộ lớn: *Bộ Dhammasa□ga□ī*, *bộ Vibha□ga*, *bộ Dhatukathā*, *bộ Puggalapaññatti*, *bộ Kathāvatthu*, *bộ Yamaka* và *bộ Pa□□hāna* để tế độ Phật Mẫu (*kiếp hiện tại là một thiên nam Santussita hóa sinh ở cõi trời Đâu Suất Đà Thiên*), chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu, cùng vô số chư thiên, phạm thiên chứng đắc thành bậc Thánh thấp hoặc cao tùy theo ba-la-mật của họ.

Vào ngày 15 tháng 9, Đức Phật từ cõi trời Tam Thập Tam Thiên trở về cõi người tại công thành xứ *Sa□kassa*, chư Đại đức Tỳ khuru Tăng, chư Tỳ khuru ni Tăng, cận sự nam, cận sự nữ đông đảo đón rước Đức Phật.

8- Hạ thứ tám: Đức Phật cùng chư Đại đức Tỳ khuru Tăng an cư nhập hạ tại ngôi chùa trong khu rừng *Bhesaka*□*avana* vùng *Bhaggajanapada* để tế độ dân chúng thành *Susumāragira*.

9- Hạ thứ chín: Đức Phật cùng chư Đại đức Tỳ khuru Tăng an cư nhập hạ tại ngôi chùa *Ghositārama* gần kinh thành *Kosambi*.

10- Hạ thứ mười: Hai nhóm Tỳ khuru xứ *Kosambi* cãi cọ nhau, Đức Phật khuyên giải nhưng họ không chịu nghe lời, nên Ngài ngự vào khu rừng *Pālileyyaka* an cư nhập hạ một mình, suốt 3 tháng mùa mưa. Khu rừng *Pālileyyaka* ở khoảng giữa kinh thành *Kosambi* và kinh thành *Sāvatti*.

11- Hạ thứ mười một: Đức Phật cùng chư Đại đức Tỳ khuru Tăng ngự đến tinh ly *Dakkhi*□*agiri*, rồi an cư nhập hạ tại ngôi chùa *Dakkhi*□*agiri*, gần xóm nhà Bàlamôn *Ekanā*□*a* để tế độ ông Bàlamôn tên *Kasibhāradvāja* xuất gia trở thành Tỳ khuru; Tỳ khuru *Kasibhāradvāja* tiến hành thiền tuệ chứng đắc thành bậc Thánh Arahán.

12- Hạ thứ mười hai: Đức Phật cùng chư Đại đức Tỳ khuru Tăng an cư nhập hạ tại xứ *Verañjā* theo lời thỉnh mời của ông Bàlamôn *Verañja*. Trong lúc ấy, xứ *Verañjā* gặp phải hạn hán mất mùa, nạn đói phát sinh, dân chúng bị chết đói rất đông, bởi vì, thiếu thốn vật thực, cho nên chư Tỳ khuru đi khát thực không được vật thực. Đoàn người lái buôn từ xứ *Uttarāpatha* cùng với 500 cỗ xe ngựa vừa đến xứ *Verañjā* gặp mùa mưa, nên đành phải trú lại. Họ nhìn thấy chư Tỳ khuru đi khát thực, nhưng không được gì, nên họ làm phước bố thí cúng dường lúa là phần vật thực để nuôi ngựa, giã thành gạo đỏ đem nấu cơm, mỗi ngày dâng cúng dường đến Đức Phật cùng chư Tỳ khuru; đặc biệt dâng cúng dường Đại đức *Ānanda* những món bơ, mật ong, đường..., để Đại đức *Ānanda* làm vật thực dâng cúng lên Đức Phật.

Trong 3 tháng an cư nhập hạ đó, Đức Phật cùng chư Đại đức Tỳ khuru Tăng phải chịu cảnh đói cơm nấu bằng gạo đỏ (*đó là một trong những quả ác nghiệp cũ của Đức Phật còn dư sót chút đỉnh, và cũng có thể làm ảnh hưởng đến chư Tỳ khuru gần gũi với Đức Phật*).

13- Hạ thứ mười ba: Đức Phật an cư nhập hạ tại một ngôi chùa trên núi *Cāliya* gần xóm nhà *Jantu*, trong xứ *Cāliya*. Từ hạ đầu tiên cho đến hạ thứ mười ba này, Đức Phật chưa có một vị Tỳ khuru nào là thị giả thường trực chăm sóc phục vụ Đức Phật, khi thì vị Tỳ khuru này, khi thì vị Tỳ khuru khác thay đổi nhau phục vụ Đức Phật. Trong mùa hạ này, vị Tỳ khuru *Meghiya* là thị giả của Đức Phật. Một hôm, vị Tỳ khuru đi khát thực trong xóm *Jantu*,

nhìn thấy ngoài vườn xoài bên bờ sông, một cảnh đẹp thiên nhiên, yên tĩnh, đáng hài lòng, Ngài muốn đến nơi đó để hành đạo.

Khi trở về, Tỳ khuru *Meghiya* vào hầu đánh lễ Đức Thế Tôn, xin Ngài cho phép đi đến nơi đó để hành đạo theo ý muốn của mình. Đức Phật quán xét thấy chưa hợp thời, nên dạy rằng:

- Này con, con nên chờ có một vị Tỳ khuru khác đến thay thế con, rồi con hãy đi.

Tuy vậy, Tỳ khuru *Meghiya* vẫn năn nỉ xin đi, Đức Phật khuyên dạy 3 lần mà Tỳ khuru *Meghiya* không chịu nghe lời, biết ngăn không được, nên Đức Phật đành phải cho phép. Tỳ khuru *Meghiya* đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ra đi, để Đức Phật ở lại một mình trên núi *Cāliya*.

Khi Tỳ khuru *Meghiya* đến vườn xoài ngồi hành đạo, thì tâm tà tư duy phát sinh, làm cho tâm nóng nảy, bực bội nên không thể tiến hành thiền định, không thể tiến hành thiền tuệ. Tỳ khuru *Meghiya* trở về hầu đánh lễ Đức Thế Tôn bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, người xuất gia với đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, khi tà tư duy, bất thiện pháp phát sinh làm trở ngại sự tiến hành thiền định, tiến hành thiền tuệ; vậy cần phải có những pháp nào để diệt trừ tà tư duy, hỗ trợ cho pháp hành thiền định, pháp hành thiền tuệ. Bạch Ngài.

Đức Phật dạy rằng:

- Này Meghiya, người chưa diệt được phiền não trầm luân thì cần phải có 5 pháp:

a) Có bạn lành, bạn tốt.

b) Là người có giới hạnh trong sạch, thu thúc trong giới luật, giữ gìn thân và khẩu trong sạch thanh tịnh, đi lại nơi an toàn cho phạm hạnh, thường thấy tai họa lớn trong lỗi nhỏ.

c) Là người biết tri túc trong 4 thứ vật dụng hằng ngày.

d) Có tâm tinh tấn không ngừng diệt ác pháp, làm cho thiện pháp phát sinh và tăng trưởng.

e) Có trí tuệ thiên tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp dẫn đến sự diệt phiền não trầm luân, giải thoát khổ.

Đó là 5 pháp diệt tà tư duy, để hỗ trợ cho pháp hành thiên định, pháp hành thiên tuệ, dẫn đến giải thoát khổ tử sinh luân hồi.

Tỳ khuru *Meghiya* vâng lời dạy của Đức Phật. Về sau không lâu, Ngài tiến hành thiên tuệ chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Arahán.

14- Hạ thứ mười bốn: Đức Phật an cư nhập hạ tại ngôi chùa *Jetavana* của phú hộ *Anāthapiṇḍika* gần kinh thành *Sāvatthi*. Trong mùa hạ này, Sadi *Rāhula* tròn đủ 20 tuổi được nâng lên bậc Tỳ khuru, do Ngài Đại đức *Sāriputta* là *Thầy tế độ (upajjhāya)* và Ngài Đại đức *Mahāmoggallāna* là *Thầy tụng Tuyên ngôn và Thành sự ngôn (ācariya)*

Đức Phật biết rõ Tỳ khuru *Rāhula* có đầy đủ pháp hạnh ba-la-mật, nên Ngài dự định thuyết pháp tế độ Tỳ khuru *Rāhula* diệt đoạn tuyệt mọi phiền não trầm luân.

Hôm ấy, sau khi ngự đi khất thực trong kinh thành *Sāvatthi* trở về, Đức Phật truyền dạy Tỳ khuru *Rāhula* đem tọa cụ (*tám vải lót ngồi*) đi vào rừng ở phía Nam kinh thành *Sāvatthi* để nghỉ trưa. Vô số chư thiên, phạm thiên cùng đi theo Tỳ khuru *Rāhula*, do biết rằng Đức Thế Tôn thuyết pháp tế độ Đại đức *Rāhula* để diệt đoạn tuyệt mọi phiền não trầm luân.

Đức Phật thuyết bài kinh *Cūṭarāhulovādasutta: Kinh dạy Tỳ khuru Rāhula trẻ*. Sau khi lắng nghe xong bài kinh, Tỳ khuru *Rāhula* chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả cho đến Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Arahán cùng với Tứ Tuệ Phân Tích, Lục thông, đồng thời có vô số chư thiên, phạm thiên cũng chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu, bậc Thánh Nhất Lai, bậc Thánh Bất Lai, bậc Thánh Arahán tùy theo ba-la-mật của họ.

15- Hạ thứ mười lăm: Đức Phật cùng chư Đại đức Tỳ khuru Tăng an cư nhập hạ tại ngôi chùa *Nigrodhārāma* gần kinh thành *Kapilavatthu*. Đức vua *Mahānāma* thuộc dòng tộc *Sakya* đã xây cất chỗ ở để dâng cúng dường đến chư Tỳ khuru Tăng có Đức Phật chủ trì. Đức Phật thuyết pháp nói về quả báu cao quý của sự bố thí chỗ ở đến chư Tỳ khuru Tăng.

16- Hạ thứ mười sáu: Sau khi Đức Phật đã tế độ được dạ xoa *Aṅgavaka* rất hung dữ hơn cả ma vương. Dạ xoa *Aṅgavaka* đã chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Nhập Lưu. Sau đó Đức Phật an cư nhập hạ tại ngôi tháp *Aggāṅgava* trong xứ *Āṅgavī*, để tế độ Đức vua *Aṅgavaka* cùng dân chúng trong xứ.

17- Hạ thứ mười bảy: Đức Phật cùng chư Đại đức Tỳ khuru Tăng an cư nhập hạ tại ngôi chùa *Veluvana* gần kinh thành *Rājagaha*.

18 -19 Hạ thứ mười tám và mười chín: Đức Phật ngự đi thuyết pháp tế độ chúng sinh có duyên lành nên tế độ khắp mọi nơi. Khi gần đến mùa mưa, Đức Phật ngự đến ngôi chùa trên núi *Cāliya* gần xóm nhà *Jantu* trong xứ *Cāliya* an cư nhập hạ suốt 3 tháng trong mùa mưa.

20- Hạ thứ hai mươi: Đức Phật cùng chư Đại đức Tỳ khuru Tăng an cư nhập hạ tại ngôi chùa *Veluvana*, gần kinh thành *Rājagaha*.

Từ hạ đầu tiên đến đầu hạ thứ hai mươi, Đức Phật chưa có một vị Tỳ khuru nào làm thị giả thường trực để lo chăm sóc phục vụ Ngài; khi thì vị Tỳ khuru này, khi thì vị Tỳ khuru khác: *Các vị Tỳ khuru như Tỳ khuru Nāgasamāla, Tỳ khuru Nāgita, Tỳ khuru Upavāṅga, Tỳ khuru Sunakkhatta, Tỳ khuru Cunda, Tỳ khuru Sāgata, Tỳ khuru Meghiya...* thay đổi nhau làm phận sự phục vụ Đức Phật; chưa có một Tỳ khuru nào gọi là thị giả thường trực ngày đêm lo chăm sóc Đức Phật; cho nên, đôi khi Đức Phật ngự đi khát thực một đường, vị Tỳ khuru ôm bát theo Đức Phật lại muốn đi con đường khác, nên để bát của Đức Phật xuống đất rồi đi theo ý của mình, hoặc đôi khi có vị Tỳ khuru đang phục vụ Đức Phật, thì xin đi hành đạo một nơi khác, chỉ còn lại một mình Đức Phật, không có vị Tỳ khuru nào lo chăm sóc phục vụ cho Ngài.

Trong mùa hạ này, một hôm, Đức Phật đang ngự tại cốc *Gandhakuṅṅi*, khi ấy chư Đại đức Tỳ khuru Tăng đến tụ hội xung quanh nơi Đức Phật, Ngài truyền dạy rằng:

- Nay chư Tỳ khuru, nay Như Lai đã lớn tuổi rồi (55 tuổi), các Tỳ khuru đến chăm sóc, phục vụ Như Lai; đôi khi Như Lai đi khát thực một đường, vị Tỳ khuru ấy mang bát theo Như Lai lại muốn đi con đường khác, nên để bát của Như Lai xuống đất rồi đi theo ý của mình....

Nay chư Tỳ khuru, các con nên chọn một vị Tỳ khuru làm thị giả thường trực ngày đêm lo chăm sóc, phục vụ Như Lai.

Khi lắng nghe Đức Phật truyền dạy như vậy, Đại đức *Sāriputta* đánh lễ Đức Thế Tôn chấp hai tay bạch rằng:

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, con xin được làm thị giả thường trực hằng ngày, hằng đêm lo chăm sóc phục vụ Đức Thế Tôn.*

Đức Thế Tôn không chấp thuận theo lời xin của Đại đức *Sāriputta*.

Tiếp đến Đại đức *Māhāmgallāna* bạch xin, Đức Thế Tôn cũng không chấp thuận. Theo tuần tự các chư Đại Thanh Văn đều xin, Đức Thế Tôn cũng không chấp thuận một vị nào cả. Duy chỉ còn Đại đức *Ānanda* đang ngồi im lặng. Chư Đại đức Tỳ khưu động viên khuyến khích Đại đức *Ānanda* bạch xin làm thị giả thường trực hằng ngày đêm lo chăm sóc phục vụ Đức Thế Tôn.

Khi ấy, Đại đức *Ānanda* đánh lễ Đức Thế Tôn chấp hai tay bạch rằng:

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, con xin Ngài tám đặc ân, nếu Ngài ban cho con đủ tám đặc ân ấy, thì con sẽ xin làm thị giả thường trực ngày đêm lo chăm sóc phục vụ Ngài.*

Bốn đặc ân khước từ

- a) *Kính xin Đức Thế Tôn không ban cho con tâm y tốt mà Ngài có.*
- b) *Kính xin Đức Thế Tôn không ban cho con vật thực ngon lành mà Ngài có.*
- c) *Kính xin Đức Thế Tôn không ban cho con ở chung với Ngài trong cốc Gandhaku□i.*
- d) *Kính xin Đức Thế Tôn không cho con đi theo Ngài đến nhà thí chủ mà họ thỉnh mời Ngài.*

Đức Phật truyền hỏi rằng:

- *Này Ānanda, con xét thấy bất lợi như thế nào, mà con xin bốn đặc ân khước từ như vậy?*

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, con muốn tránh những lời gièm pha của người khác cho rằng: Con xin làm thị giả thường trực của Đức Thế Tôn để mong*

được y tốt, vật thực ngon lành, ở chung với Đức Thế Tôn, được đi theo Đức Thế Tôn đến nhà thí chủ thỉnh mời Ngài.

Đức Thế Tôn chấp thuận theo bốn đặc ân khước từ ấy của Đại đức Ānanda.

Bốn đặc ân khấn khoản

- a) Kính xin Đức Thế Tôn ngự đến nơi, mà con đã nhận lời thỉnh mời.*
- b) Kính xin Đức Thế Tôn cho phép con dẫn các người từ các phương xa khác đến hầu Ngài.*
- c) Kính xin Đức Thế Tôn cho phép con được vào hầu Ngài, để hỏi những pháp mà con chưa hiểu biết.*
- d) Đức Thế Tôn thuyết pháp nơi nào, khi con vắng mặt, kính xin Ngài thuyết lại pháp ấy cho con được nghe.*

Đức Phật truyền hỏi rằng:

- Nay Ānanda, con xét thấy những điều lợi ích như thế nào, mà con xin bốn đặc ân khấn khoản như vậy?

- Kính bạch Đức Thế Tôn,

Đặc ân thứ nhất: Những người có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo đến hầu thỉnh Đức Thế Tôn, mà không gặp được Ngài, con có thể thay mặt nhận lời thỉnh mời của họ. Nếu Đức Thế Tôn không ngự đi đến nơi đó, thì họ sẽ nghĩ rằng: “Con là người thí giả thường trực của Đức Thế Tôn, vậy mà họ chỉ nhờ việc thỉnh mời Đức Thế Tôn cũng không giúp được”.

Đặc ân thứ nhì: Những người từ các phương xa đến hầu Đức Thế Tôn, nếu họ không có cơ hội hầu đánh lễ Đức Thế Tôn để nghe pháp, thì họ sẽ nghĩ rằng: “Chúng ta từ phương xa đến, có ý nguyện hầu Đức Thế Tôn, nghe Ngài thuyết pháp; nhưng vị Tỳ khưu thí giả của Đức Thế Tôn cũng không giúp cho chúng ta được có cơ hội ấy”. Như vậy, họ sẽ giảm đức tin nơi Tam Bảo.

Đặc ân thứ ba: Khi con nghe pháp của Đức Thế Tôn, có pháp nào chưa hiểu rõ, con xin hỏi lại pháp ấy, Đức Thế Tôn giảng giải cho con được hiểu rõ, thì con được thuận lợi cho việc tiến hành thiền tuệ của con.

Đặc ân thứ tư: Có người hỏi con rằng: “Bài kinh này, pháp này, tiền thân này... Đức Thế Tôn giảng nơi nào, có ý nghĩa như thế nào?”

Nếu con trả lời với họ “Tôi không biết”, thì họ sẽ nghĩ rằng: “Đại đức Ānanda là thị giả của Đức Thế Tôn, vậy mà bài kinh ấy, pháp ấy, tiền thân ấy... cũng không biết”. Do đó, con cần phải biết những bài kinh ấy, những pháp ấy, những tiền thân ấy... để trả lời cho họ hiểu rõ.

Sau khi nghe Đại đức Ānanda giải thích ý nghĩa của mỗi đặc ân, Đức Phật chấp thuận đủ tám đặc ân của Đại đức Ānanda. Bắt đầu từ thời gian ấy, Đại đức Ānanda chính thức là thị giả thường trực ngày đêm lo chăm sóc phục vụ Đức Thế Tôn, cho đến lúc Đức Thế Tôn tịch diệt Niết Bàn.

Sở dĩ, Đại đức Ānanda được địa vị thị giả thường trực của Đức Phật Gotama, là vì tiền kiếp của Ngài đã từng phát nguyện muốn trở thành một thị giả thường trực của Đức Phật; lời phát nguyện ấy được Đức Phật Padumuttara, trong thời quá khứ đã thọ ký và Ngài cũng đã tạo ba-la-mật suốt 100 ngàn đại kiếp trái đất.

21 - 44 Hạ thứ hai mươi một đến hạ thứ bốn mươi bốn

45 hạ của Đức Phật chia ra 2 thời kỳ:

* *Thời kỳ đầu:* Kể từ hạ đầu tiên đến hạ thứ 20, mỗi hạ Đức Phật an cư nhập hạ nơi nào, tế độ cho chúng sinh nào được ghi chép lại rõ ràng.

* *Thời kỳ cuối:* Kể từ hạ thứ 21 đến hạ thứ 44, Đức Phật an cư nhập hạ một trong hai ngôi chùa. Khi thì tại ngôi chùa *Jetavana*, khi thì tại ngôi chùa *Pubhārama* gần kinh thành *Sāvatti*.

Sau khi mãn hạ, Đức Phật thường ngự đi thuyết pháp tế độ cho những chúng sinh có duyên lành nên tế độ dù gần, dù xa trong cõi người, hoặc cõi trời dục giới, sắc giới. Khi đến gần mùa mưa, Đức Phật trở lại kinh thành *Sāvatti*, an cư nhập hạ tại ngôi chùa *Jetavana*, hoặc tại ngôi chùa *Pubhārama*. Bởi vì, Đức vua *Pasenadi Kosala* ở kinh thành *Sāvatti*, là người có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, có tâm tôn kính Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng. Đặc biệt, có hai đại thí chủ là ông phú hộ *Anāthapiṇḍika* và bà đại thí chủ *Visākhā*, trong nhà của hai thí chủ này hằng ngày luôn có sắp đặt sẵn 500 chỗ ngồi để đón rước chư Đại đức Tỳ khưu Tăng đến khát thực. Và phần đông dân chúng trong kinh thành *Sāvatti* là những người có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, hoan hỷ trong việc bố thí cúng dường bốn thứ vật dụng

đến chư Tỳ khuru Tăng. Do đó, khi Đức Phật an cư nhập hạ tại ngôi chùa *Jetavana*, hoặc tại ngôi chùa *Pubhārāma*, thì có số đông chư Đại đức Tỳ khuru Tăng cũng an cư nhập hạ tại một trong hai ngôi chùa này, và các nơi gần kinh thành *Sāvattī*, để chư Tỳ khuru có được nhiều điều thuận lợi, nhất là bốn thứ vật dụng, trong suốt mùa an cư nhập hạ. Cho nên, việc tiến hành thiền định, tiến hành thiền tuệ của chư Tỳ khuru được thuận lợi và dễ dàng phát triển.

45- Hạ thứ bốn mươi lăm: Hạ cuối cùng

Đức Phật an cư nhập hạ tại ngôi làng nhỏ *Veuvagāma*, gần kinh thành *Vesālī*, Ngài cho phép chư Đại đức Tỳ khuru nhập hạ quanh làng gần Đức Phật, để cho tiện việc đến tụ hội nghe lời giáo huấn của Ngài. Bởi vì, Ngài biết rõ rằng chỉ còn khoảng 10 tháng nữa, Ngài sẽ tịch diệt Niết Bàn.

Trong mùa an cư nhập hạ này, Đức Phật lâm bệnh trầm trọng, tưởng chừng như sắp tịch diệt Niết Bàn, nhưng Ngài suy nghĩ rằng: “*Như Lai chưa truyền dạy cho thị giả Ānanda, cùng chư Tỳ khuru Tăng biết, mà tịch diệt Niết Bàn đó là điều không nên*”. Do đó, Ngài cố nhẫn nại chịu đựng thọ khổ, rồi nhập Arahán Quả. Nhờ vậy, bệnh tình của Ngài được thuyên giảm.

Sau khi khỏi bệnh được không lâu, Đức Thế Tôn ngự ra khỏi cốc đến ngôi chỗ đã trải sẵn, Đại đức *Ānanda* đánh lễ Đức Thế Tôn và bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, nhìn thấy Ngài khỏi bệnh, con hoan hỷ quá! Kính bạch Đức Thế Tôn, khi con thấy Ngài lâm bệnh trầm trọng, con có cảm giác toàn thân nặng nề, tâm con tăm tối, mờ mịt không còn biết rõ phương hướng, pháp hành tứ niệm xứ cũng không còn hiện rõ trong tâm con, bởi vì bệnh tình trầm trọng của Đức Thế Tôn. Nhưng có một điều mà con tự an ủi rằng:

Đức Thế Tôn chưa có lời di chúc đến chư Tỳ khuru Tăng, thì có lẽ Ngài chưa tịch diệt Niết Bàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này Ānanda, chư Tỳ khuru còn hy vọng gì nơi Như Lai nữa? Chánh pháp mà Như Lai đã thuyết giảng không hề phân biệt người thân bên trong, kẻ sơ bên ngoài, Như Lai không giống như các vị thầy khác, giấu các yếu pháp để chờ đến lúc trước khi lâm chung mới truyền lại cho người học trò tin cẩn.

Này Ānanda, vị Thầy nào nghĩ rằng: “Ta là người lãnh đạo nhóm chư Tỳ khuru Tăng, và nhóm chư Tỳ khuru Tăng nương nhờ nơi ta”, thì vị Thầy ấy mới có lời di chúc đến nhóm chư Tỳ khuru Tăng ấy.

Này Ānanda, Như Lai không nghĩ rằng: “**Như Lai là người lãnh đạo nhóm chư Tỳ khuru Tăng, và nhóm chư Tỳ khuru Tăng nương nhờ nơi Như Lai**”. Như vậy, tại sao Như Lai lại có lời di chúc đến chư Tỳ khuru Tăng.

Này Ānanda, bây giờ Như Lai đã đến thời lão niên rồi, tuổi đã cao, được 80 tuổi [3] rồi! Ví như chiếc xe cũ, sử dụng được là phải nhờ sửa chữa như thế nào, thì sắc thân của Như Lai cũng như thế ấy, luôn luôn cần được sửa chữa bằng cách nhập Arahán Thánh Quả.

Này Ānanda, khi nào Như Lai nhập Arahán Thánh Quả có đối tượng vô hiện tượng Niết Bàn diệt được các pháp trong tam giới, hưởng pháp vị an lạc Niết Bàn Siêu tam giới, khi ấy Như Lai mới thật sự được an lạc. Cho nên, các con nên sống có ta [4] làm hòn đảo (trong biển khổ), có ta làm nơi nương nhờ, không nên sống nương nhờ nơi nào khác. Nghĩa là có chánh pháp làm hòn đảo, có chánh pháp làm nơi nương nhờ, không nên sống nương nhờ nơi nào khác.

Này Ānanda, vì vậy, hiện tại Như Lai còn tại thế, cũng như trong vị lai, khi Như Lai tịch diệt Niết Bàn, chư Tỳ khuru cũng là người sống có ta làm hòn đảo, có ta làm nơi nương nhờ, không nên sống nương nhờ nơi nào khác. Nghĩa là Tỳ khuru sống có chánh pháp làm hòn đảo, có chánh pháp làm nơi nương nhờ, không nên sống nương nhờ nơi nào khác. Tỳ khuru ấy tiến hành tứ niệm xứ, sẽ là người cao thượng.

Đức Thế Tôn an cư nhập hạ tại nơi đây suốt 3 tháng, đây là hạ cuối cùng của Ngài.

Những ngày tháng cuối cùng của Đức Phật

Sau khi mãn hạ, Đức Phật cùng chư Đại đức Tỳ khuru Tăng trở lại kinh thành Sāvatti, ngụ tại ngôi chùa Jetavana.

Ngài Đại đức Sāriputta tịch diệt Niết Bàn

Ngài Đại đức Sāriputta tư duy rằng:

Chư Phật với bậc Thánh Tối Thượng Thanh Văn, vị nào sẽ tịch diệt Niết Bàn trước? Ngài biết rõ rằng: *Bậc Thánh Tối Thượng Thanh Văn tịch diệt Niết Bàn trước Đức Phật. Ngài quán xét về tuổi thọ của Ngài, biết rõ tuổi thọ của Ngài chỉ còn 7 ngày nữa.*

Đại đức *Sāriputta* liền đến để đánh lễ Đức Thế Tôn lần cuối cùng, xin phép đi tịch diệt Niết Bàn.

Đức Phật bèn hỏi Đại đức *Sāriputta* rằng:

- *Này Sāriputta, con sẽ tịch diệt Niết Bàn tại nơi nào?*

Ngài Đại đức *Sāriputta* bạch với Đức Thế Tôn:

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, con sẽ tịch diệt Niết Bàn tại ngôi làng Nālākagāma xứ Magadha nơi con đã sinh trưởng, đồng thời để tế độ cho thân mẫu của con. Tuy bà có bảy người con thành bậc Thánh Arahán, song bà vẫn chưa có đức tin nơi Tam Bảo.*

Ngài Đại đức *Sāriputta* cùng 500 đệ tử đánh lễ Đức Thế Tôn, xin phép từ giả Đức Phật. Ngài trở về lại ngôi nhà, ở tại căn phòng xưa của mình. Trong đêm cuối cùng của cuộc đời, Ngài phát bệnh kiết lỵ đi ngoài, phân lẫn nhiều máu, bệnh tình rất trầm trọng. Khi ấy, bà thân mẫu của Ngài đứng nhìn qua căn phòng của Ngài, thấy Tứ Đại Thiên Vương có hào quang sáng ngời đến chiêm bái đánh lễ Ngài lần cuối cùng, rồi lui ra. Tiếp đến, Đức vua trời *Sakka* từ cõi Tam Thập Tam Thiên đến chiêm bái đánh lễ Ngài, rồi lui ra. Tuần tự các Đức vua ở cõi Dạ Ma Thiên, Đức vua cõi Đâu Suất Đà Thiên, Đức vua cõi Hóa Lạc Thiên, Đức vua cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên trong các cõi trời dục giới và tiếp đến chư Đại Phạm Thiên cõi trời sắc giới cũng đều đến chiêm bái đánh lễ Ngài lần cuối cùng.

Bà thân mẫu của Ngài nhìn thấy chư thiên, Đại Phạm Thiên có hào quang sáng ngời, vị sau hơn vị trước, bà muốn biết những vị chư thiên ấy là vị nào, mà có lòng tôn kính con của bà đến như thế! Nên bà đến phòng của Ngài, hỏi Đại đức *Cunda* (con trai của bà) rằng:

- *Này Cunda, các vị chư thiên nào mà có lòng tôn kính đến chiêm bái đánh lễ sư huynh của con như vậy?*

Đại đức *Cunda* thưa rằng:

- *Thưa thân mẫu, bốn vị chiêm bái, đánh lễ đầu tiên đó là Tứ Đại Thiên Vương.*

Bà nghĩ thầm: “*Tứ Đại Thiên Vương có lòng tôn kính chiêm bái, đánh lễ con ta; con ta cao thượng như vậy sao! Nếu vậy, thì Đức Phật là Bậc Thầy của con ta chắc chắn Ngài còn cao thượng hơn nhiều*”. Và bà hỏi tiếp:

- *Này Cunda, còn các vị chư thiên khác là vị nào vậy?*

Đại đức Cunda thưa tiếp:

- *Thưa thân mẫu, kể đến là Đức vua trời Sakka từ cõi trời Tam Thập Tam Thiên, Đức vua trời Sujāma cõi trời Dạ Ma Thiên, Đức vua trời Santussita cõi trời Đâu Suất Đà Thiên, Đức vua trời Sunimmita cõi trời Hóa Lạc Thiên, Đức vua trời Paranimmita từ cõi trời Tha Hóa Tự Tại Thiên, và tiếp đến Chư Đại Phạm Thiên từ các tầng trời sắc giới...*

Nghe vậy bà thầm nghĩ rằng: “**Đại Phạm Thiên** mà ta tôn kính, chư Đại Phạm Thiên ấy lại có lòng tôn kính, chiêm bái đánh lễ con của ta, con ta cao thượng đến như vậy sao! Nếu vậy, Đức Phật là Bậc Thầy của con ta, chắc chắn Ngài còn cao thượng biết dường nào!”

Ngĩ vậy, bà phát sinh tâm hỷ lạc chưa từng có, bà ân cần thăm hỏi bệnh tình của Ngài Sāriputta và bày tỏ ý nghĩ của mình. Ngài Đại đức Sāriputta biết đúng lúc hợp thời, nên Ngài thuyết giảng về **Ấn đức Phật** để tế độ thân mẫu của Ngài. Sau khi lắng nghe pháp xong, bà liền chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Nhập Lưu có đức tin trong sạch vững chắc nơi Tam Bảo.

Ngài Đại đức Sāriputta suy tư rằng: “*Nay ta đã đền đáp công ơn sinh thành dưỡng dục của thân mẫu*”. Khi ấy, sắp rạng đông, Ngài Đại đức Sāriputta bảo Đại đức Cunda, cho truyền gọi chư Tỳ khưu đến tụ hội đông đủ, rồi đỡ Ngài ngồi dậy và Ngài dạy rằng:

- *Này chư hiền giả, quý vị đã theo tôi suốt 44 năm, nếu tôi có làm điều gì, có nói lời nào làm phật lòng quý vị; nay xin quý vị hiền giả hãy bỏ lỗi cho tôi.*

Chư Tỳ khưu bạch rằng:

- *Kính bạch Đại đức, Ngài là vị Thầy khả kính, khả ái của chúng con; chúng con không chấp một điều gì cả; và chúng con đã theo Ngài như bóng theo*

hình, suốt 44 năm qua, nếu chúng con có làm điều gì, có nói lời nào làm phật lòng Ngài; thì nay kính xin Ngài từ bi tha thứ cho chúng con. Bạch Ngài.

Sau buổi lễ chân thành sám hối lẫn nhau, **vào ngày rằm tháng 10 (âm lịch) Ngài Đại đức Sāriputta tịch diệt Niết Bàn**, chấm dứt mọi cảnh khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài, ngay khi ấy đồng thời trái đất cũng tự nhiên rung mình chuyển động.

Sau khi lễ hỏa táng thi thể Ngài Đại đức Sāriputta xong, Đại đức Cunda thỉnh Xá lợi của Ngài Sāriputta đến dâng Đức Thế Tôn tại ngôi chùa Jetavana, Đức Thế Tôn truyền dạy xây ngôi tháp tôn thờ Xá lợi Ngài Sāriputta tại kinh thành Sāvatti.

Ngài Māhāmgallāna tịch diệt Niết Bàn

Sau khi Ngài Đại đức Sāriputta tịch diệt Niết Bàn, Đức Phật cùng chư Tỳ khưu Tăng từ kinh thành Sāvatti ngự đến kinh thành Rājagaha, ngự tại ngôi chùa Veluvana. Khi ấy, Ngài Đại đức Mahāmgallāna đang trú tại làng Kāśilā trong xứ Magadha, nhóm ngoại đạo thuê mướn nhóm cướp vây đánh Ngài, đã biết bao lần Ngài đều lần tránh được; lần cuối cùng Ngài quán xét thấy nghiệp ác cũ đến thời kỳ cho quả, nên Ngài nhẫn nại chịu đựng để nhóm cướp đánh đập Ngài tan xương nát thịt. Chúng tưởng Ngài đã chết nên ném xác Ngài vào bụi cây rồi bỏ đi. Ngài vận dụng thần thông liên kết xương thịt lại, bay đến hầu đánh lễ Đức Thế Tôn xin phép tịch diệt Niết Bàn. **Ngài Đại đức Mahāmgallāna tịch diệt Niết Bàn vào ngày 30 tháng 10 (âm lịch), tại làng Kāśilā trong xứ Magadha.**

Lễ hỏa táng xong, Đức Phật truyền dạy xây ngôi tháp tôn thờ Xá lợi Ngài Mahāmgallāna tại kinh thành Rājagaha.

Như vậy, trong tháng 10 (âm lịch) năm ấy hai vị Thánh Tối Thượng Thanh Văn đã tịch diệt Niết Bàn.

Đức Thế Tôn cùng chư Tỳ khưu Tăng từ kinh thành Rājagaha du hành đến kinh thành Vesāli. Một hôm, Đức Thế Tôn ngự vào thành Vesāli khát thực, sau khi thọ thực xong Đức Phật dạy bảo Đại đức Ānanda cùng ngự đến ngôi tháp Cāpālacetiya. Sau khi Đức Thế Tôn ngự trên chỗ ngồi đã trải sẵn, Đại đức Ānanda đánh lễ Đức Thế Tôn xong, ngồi một nơi hợp lễ. Khi ấy, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay *Ānanda*, bậc nào đã thường tiến hành 4 pháp thành tựu (*idhipāda*), đã tiến hành trở thành thuần thực, đã tiến hành trở thành nền tảng vững chắc, có căn bản, đã luyện tập thành thói quen hằng ngày, thường tinh tấn không ngừng tiến hành 4 pháp thành tựu này.

Nay *Ānanda*, bậc ấy có khả năng duy trì trọn kiếp tuổi thọ hoặc hơn kiếp tuổi thọ như ý.

Nay *Ānanda*, Như Lai đã thường tiến hành 4 pháp thành tựu, đã tiến hành trở thành thuần thực, đã tiến hành trở thành nền tảng vững chắc, có căn bản, đã luyện tập thành thói quen hằng ngày, thường tinh tấn không ngừng tiến hành 4 pháp thành tựu này.

Nay *Ānanda*, Như Lai cũng có khả năng duy trì trọn kiếp tuổi thọ (100 năm) hoặc hơn kiếp tuổi thọ (hơn 100 năm) vậy.

Đức Thế Tôn đã dạy gián tiếp như vậy, mà Đại đức *Ānanda* không hiểu, nên không thỉnh mời Đức Thế Tôn rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, kính xin Ngài duy trì suốt kiếp tuổi thọ (100 năm).

Kính xin Ngài duy trì trọn kiếp tuổi thọ, để tế độ cho phần đông chúng sinh, để đem lại sự lợi ích, sự an lạc phần đông chúng sinh, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc cho chư thiên và nhân loại.

Bởi vì, khi ấy Đại đức *Ānanda* bị Ma vương quấy nhiễu, nên không hiểu ý của Đức Thế Tôn. Dù Đức Thế Tôn dạy như vậy lần thứ hai, lần thứ ba, Đại đức *Ānanda* vẫn không hiểu được; Ngài đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi xin phép đi ra ngoài ngòai dưới gốc cây không xa nơi Đức Thế Tôn.

Ma vương thỉnh Đức Phật tịch diệt Niết Bàn

Khi Đại đức *Ānanda* vừa mới ra ngoài, Ác Ma Thiên liền đến hầu Đức Thế Tôn, rồi đứng một nơi hợp lễ và bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, kính xin Ngài tịch diệt Niết Bàn, kính xin Ngài tịch diệt Niết Bàn ngay bây giờ! Bây giờ là lúc tịch diệt Niết Bàn của Ngài.

Thật ra, Ác Ma Thiên đã nhiều lần đến thỉnh Đức Thế Tôn tịch diệt Niết Bàn, những lần trước Đức Thế Tôn đều khước từ. Nhưng lần này, Đức Thế Tôn hứa với Ác Ma Thiên rằng:

- Nay Ác Ma Thiên, ngươi hãy yên tâm, không lâu nữa, Như Lai sẽ tịch diệt Niết Bàn. Kể từ nay chỉ còn ba tháng nữa, Như Lai sẽ tịch diệt Niết Bàn.

Như vậy, Đức Thế Tôn có trí tuệ sáng suốt, xác định thời gian ba tháng nữa sẽ xả tuổi thọ, sinh mạng của Ngài, tại ngôi Tháp *Cāpālacetiya*, đó là vào ngày rằm tháng giêng (âm lịch). Ngay khi ấy, trái đất rung mình chuyển động.

Đại đức *Ānanda* thấy điều lạ thường, trái đất rung chuyển nên vào hầu Đức Thế Tôn, bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, do nguyên nhân nào làm trái đất rung chuyển, bạch Ngài.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay Ānanda, ngay hôm nay, vừa rồi, Như Lai có trí tuệ sáng suốt hứa với Ác Ma Thiên rằng: “Chỉ còn ba tháng nữa, Như Lai sẽ tịch diệt Niết Bàn”.

Nghe như vậy, Đại đức *Ānanda* kính thỉnh rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, con xin kính thỉnh Ngài duy trì tuổi thọ trọn kiếp tuổi thọ (100 năm). Con xin kính thỉnh Ngài duy trì tuổi thọ trọn kiếp tuổi thọ, để tế độ cho phần đông chúng sinh, để đem lại sự lợi ích, sự an lạc phần đông chúng sinh, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc cho chư thiên và nhân loại.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay Ānanda, con chớ nên thỉnh Như Lai nữa; bây giờ không phải lúc thỉnh cầu Như Lai nữa. Như Lai đã gián tiếp dạy con nhiều lần mà con vẫn không hiểu, con không có lời thỉnh cầu Như Lai. Nay Như Lai đã hứa với Ác Ma Thiên rồi, không thể nào khác được.

Đại đức *Ānanda* cảm thấy buồn vô hạn, hối hận về điều sơ suất của mình, nên Đức Thế Tôn an ủi Đại đức *Ānanda* rằng:

- Nay Ānanda, Như Lai đã từng dạy rằng: “Sống xa lìa nhau, chết biệt ly với những người thân yêu, các bậc kính mến ấy, đó là điều hiển nhiên. Do đó, làm sao lại có thể, có những người thân yêu, các bậc kính mến ấy theo ý muốn của mình được!”.

Những pháp nào đã sinh rồi, hiện hữu rồi, do nhân duyên cấu tạo rồi, chắc chắn có sự hủy hoại là thường, dù có mong muốn rằng: “xin pháp ấy đừng hủy hoại”, đó là điều không thể nào có được.

Này Ānanda chúng ta cùng nhau đến giảng đường Kuṅgāra trong khu rừng lớn.

Đại đức Ānanda theo sau Đức Thế Tôn đến giảng đường Kuṅgāra. Khi ấy, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này Ānanda, con nên đi mời tất cả chư Tỳ khuru trong thành Vesāli đến tụ hội tại giảng đường Upaṅhāna.

Đại đức Ānanda vâng theo lời dạy Đức Thế Tôn đi mời chư Tỳ khuru. Sau đó, Ngài Đại đức Ānanda đến hầu đánh lễ Đức Thế Tôn và bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, chư Tỳ khuru Tăng đã đến tụ hội đông đủ tại giảng đường Upaṅhāna, con xin kính thỉnh Ngài.

Chánh pháp căn bản, 37 pháp chứng đắc Thánh Đạo

Đức Thế Tôn ngự đến giảng đường, ngồi trên chỗ cao quý, truyền dạy chư Tỳ khuru Tăng rằng:

- Này chư Tỳ khuru, chánh pháp mà Như Lai đã thuyết giảng, để chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn. Chánh pháp ấy, các con nên học hỏi hiểu biết rõ, rồi nên thực hành, thường tiến hành pháp ấy, để chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn, để duy trì phạm hạnh cao thượng, để chánh pháp được trường tồn lâu dài, để đem lại sự lợi ích, sự an lạc cho phần đông chúng sinh, để tế độ đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc cho chư thiên và nhân loại.

Này chư Tỳ khuru, chánh pháp mà Như Lai đã thuyết giảng, để chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn đó là:

4 pháp niệm xứ (satipaṅhāna): Niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp.

4 pháp tinh tấn (*samappadhāna*): Tinh tấn diệt ác pháp đã phát sinh, tinh tấn ngăn không cho ác pháp phát sinh, tinh tấn làm cho thiện pháp phát sinh, tinh tấn làm tăng trưởng thiện pháp đã phát sinh.

4 pháp thành tựu (*idhipāda*): Thành tựu do hài lòng, thành tựu do tinh tấn, thành tựu do quyết tâm, thành tựu do trí tuệ.

5 pháp chủ (*indriya*): Tín pháp chủ, tấn pháp chủ, niệm pháp chủ, định pháp chủ, tuệ pháp chủ.

5 pháp lực (*bala*): Tín pháp lực, tấn pháp lực, niệm pháp lực, định pháp lực, tuệ pháp lực.

7 pháp giác chi (*bojjha*□*ga*): Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, tịnh giác chi, định giác chi, xả giác chi.

8 pháp chánh đạo (*magga*): Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

- Nay chư Tỳ khuru, chánh pháp này mà Như Lai đã thuyết giảng đến các con, để chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn.

Nay chư Tỳ khuru, bây giờ Như Lai nhắc nhở các con rằng:

“Tất cả các pháp hữu vi (danh pháp - sắc pháp) có sự hoại là thường, các con nên cố gắng tinh tấn hoàn thành mọi phận sự Tứ Thánh Đế **bằng pháp không để duôi, tiến hành Tứ Niệm Xứ**.”

Thời gian không lâu, Như Lai sẽ tịch diệt Niết Bàn, kể từ hôm nay còn 3 tháng nữa, Như Lai sẽ tịch diệt Niết Bàn”.

Tiếp theo Đức Thế Tôn dạy bài kệ:

“*Paripakko vayo mayha* □
Paritta □ *me jīvita* □
Pahāya vo gamissāmi
Kata □ *me sara* □ *amattano*
Appamattā satīmanto
Susīlā hotha bhikkhavo
Susamāhitasa □ *kappā*”

Sacittamanurakkhatha
Yo imasmi □ dhammavinaye
Appamatto vihassati
Pahāya jātisa □ sāra □
Dukkhasa □ ta □ karissati” [5].

Ý nghĩa:

Tuổi của Như Lai đã già rồi
Mạng sống của Như Lai còn ít,
Như Lai sẽ vĩnh biệt các con
Như Lai đã chứng ngộ Niết Bàn,
Nơi nương nhờ an toàn của mình.
Này chư Tỳ khuru, thật đáng thương!
Các con là người không dễ duôi
Có giới hạnh trong sạch đầy đủ
Luôn có chánh niệm và tỉnh giác,
Có định tâm, tư duy đúng đắn
Theo dõi giữ gìn tâm của mình.
Người nào sống trong pháp luật này
Không dễ duôi, luôn có chánh niệm
Thực hành pháp tận cùng khổ sinh,
Người ấy diệt tử sinh luân hồi.

Từ kinh thành *Vesāli* đến xứ *Kusinārā*

Một buổi sáng, Đức Thế Tôn ngự vào kinh thành *Vesāli* để khát thực, sau khi thọ thực xong trở về, Đức Thế Tôn đứng nhìn kinh thành *Vesāli* lần cuối cùng, rồi dạy bảo Đại đức *Ānanda* rằng:

- *Này Ānanda, chúng ta đến làng Bha □ □ agāma.*

Đức Thế Tôn cùng số đông chư Tỳ khuru Tăng ngự đến làng *Bha □ □ agāma*. Tại nơi đây Ngài thuyết pháp khuyên dạy chư Tỳ khuru một thời gian ngắn, rồi tiếp tục ngự đến làng *Ambagāma*, làng *Jambagāma*, thành *Bhoganagara*, tại mỗi nơi Đức Thế Tôn thuyết pháp khuyên dạy chư Tỳ khuru, rồi tiếp tục ngự đến thành *Pāvānagara*. Khi ấy, Đức Thế Tôn ngự tại vườn xoài (*ambavana*) của ông *Cunda Kammāraputta*.

Ông *Cunda* nghe tin Đức Thế Tôn cùng chư Đại đức Tỳ khuru Tăng đã ngự đến thành *Pāvānagara*, hiện đang trú tại vườn xoài của ông. Ông đến đánh

lễ hầu Đức Thế Tôn, rồi ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, Đức Thế Tôn thuyết pháp tế độ ông *Cunda*, ông *Cunda* phát sinh đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, tâm vô cùng hoan hỷ theo lời giáo huấn của Đức Thế Tôn, khi ấy ông kính đánh lễ Đức Thế Tôn, bèn bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, ngày mai kính thỉnh Đức Thế Tôn cùng chư Đại đức Tỳ khuru Tăng nhận thọ thực tại tư gia của chúng con. Bạch Ngài.

Đức Thế Tôn thọ nhận bằng cách im lặng.

Biết Đức Thế Tôn đã nhận lời thỉnh mời của mình, nên ông *Cunda* cung kính đánh lễ Đức Thế Tôn, xin phép trở về nhà.

Đức Thế Tôn thọ thực món *sūkuramaddava*

Ông *Cunda Kammāraputta* sai bảo gia nhân làm những món ăn ngon, trong đó có món ăn đặc biệt gọi là *sūkuramaddava*: *ekaje* □ □ *haka* *sūkurassa pavattama* □ *sa* nghĩa là món thịt heo chín mềm ngon bổ đặc biệt nhất.

Đêm đã qua, buổi sáng hôm ấy Đức Thế Tôn cùng chư Đại đức Tỳ khuru Tăng ngự đến tư thất của ông *Cunda*, ông cung kính thỉnh mời Đức Thế Tôn ngồi chỗ cao quý nhất; còn tất cả chư Đại đức Tỳ khuru Tăng ngồi chỗ đã trải sẵn. Ông cung kính đánh lễ Đức Thế Tôn, và kính dâng món ăn đặc biệt *sūkuramaddava* ấy. Đức Thế Tôn truyền dạy rằng:

- Nay Cunda, con dâng món sūkuramaddava [6] này chỉ đến một mình Như Lai mà thôi, con nên dâng những món ăn khác đến chư Tỳ khuru Tăng. Món sūkuramaddava còn lại, con nên đem đi chôn dưới đất. Bởi vì, ngoại trừ Như Lai ra, Như Lai không thấy có một người nào trong đời này, gồm cả Samôn, Bàlamôn, chư thiên, Ma vương cõi trời dục giới dùng món sūkuramaddava này rồi có thể tiêu hóa được.

Ông *Cunda* vâng theo lời của Đức Thế Tôn đem món *sūkuramaddava* còn lại chôn sâu dưới đất.

Khi Đức Thế Tôn thọ thực xong, ông *Cunda* đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, Đức Thế Tôn thuyết pháp tế độ ông *Cunda*, làm cho ông vô cùng hoan hỷ theo lời giáo huấn của Ngài.

Đức Thế Tôn cùng chư Đại đức Tỳ khuru Tăng từ giã ra đi. Sau khi thọ thực món ăn ấy xong, Đức Thế Tôn phát bệnh kiết lỵ đi ngoài ra máu, bệnh tình

rất trầm trọng; Đức Thế Tôn có chánh niệm trí tuệ tỉnh giác nhập Arahán Quả, chịu đựng được thọ khổ do bệnh kiết lỵ, rồi dạy bảo Đại đức *Ānanda* rằng:

- *Này Ānanda, bây giờ chúng ta đến xứ Kusinārā.*

Đức Thế Tôn cùng chư Đại đức Tỳ khưu Tăng lên đường đi xứ *Kusinārā*. Trên đường đi Đức Thế Tôn mệt mỏi, đến gốc cây Ngài dừng lại và truyền bảo Đại đức *Ānanda* rằng:

- *Này Ānanda con trái tằm y Sa□gha□i bốn lớp cho Như Lai ngồi nghỉ.*

Đại đức *Ānanda* vâng lời trái tằm y xong, Đức Thế Tôn ngồi nghỉ và truyền bảo Đại đức *Ānanda* rằng:

- *Này Ānanda, con hãy đi lấy nước cho Như Lai dùng, Như Lai khát nước lắm rồi!*

Đại đức *Ānanda* bạch rằng:

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, vừa rồi có 500 chiếc xe bò băng qua dòng sông, vì nước sông còn ít, nên đã làm cho nước đục ngầu; gần đây có con sông Kakudhānādī nước trong sạch, bờ sông thoải thoải, Đức Thế Tôn có thể độ nước trong sạch và tắm mát trên con sông ấy.*

Tuy vậy, Đức Thế Tôn khát nước quá không sao chịu nổi, nên Ngài truyền bảo Đại đức *Ānanda* đến lần thứ hai, lần thứ ba như trên.

Đại đức *Ānanda* đành phải vâng lời Đức Thế Tôn, Ngài vừa mang bát đến dòng sông nước còn ít ấy, nước sông đang đục ngầu liền biến thành nước trong sạch. Ngài vô cùng ngạc nhiên, lấy bát múc nước đem về bạch Đức Thế Tôn:

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, thật phi thường thay! Chưa từng có bao giờ,*

Đức Thế Tôn có nhiều oai lực quá!

Dòng nước sông còn ít và bị 500 chiếc xe bò vừa băng qua làm cho nước sông đục ngầu, khi con đến gần bỗng nhiên biến thành dòng nước trong sạch.

Kính bạch Đức Thế Tôn, kính xin Ngài độ nước.

Đức Thế Tôn độ nước xong liền cảm thấy đỡ khát, sau khi ngồi nghỉ cho đỡ mệt, Ngài cùng chư Đại đức Tỳ khuru Tăng tiếp tục lên đường đến con sông *Kakudhānādī*. Khi đến nơi, Ngài ngự xuống dòng sông ấy tắm mát, độ nước xong Ngài ngự đi lên vườn xoài và dạy bảo Đại đức *Cundaka* rằng:

- Nay Cundaka, con hãy trải tấm y Sa□ghā□i 4 lớp để cho Như Lai nằm nghỉ ngơi.

Đại đức *Cundaka* vâng lời trải tấm y xong, Đức Thế Tôn nằm nghiêng bên phải hai chân duỗi thẳng đặt so le, chân phải đầu gối hơi co một chút, có chánh niệm trí tuệ tinh giác nhập Arahán Quả. Đại đức *Cundaka* ngồi gần hầu Đức Thế Tôn.

Khi xả Arahán Quả, Đức Thế Tôn gọi Ngài Đại đức *Ānanda* dạy rằng:

- Nay Ānanda, nếu có ai trách ông Cunda Kammāraputta rằng: “Thật không có lợi cho ông, ông đã làm điều không tốt! Đức Thế Tôn độ vật thực của ông, phải tịch diệt Niết Bàn”.

Khi ấy con nên giảng giải cho ông Cunda hiểu rõ, để phát sinh tâm hoan hỷ, mà không có buồn rầu:

“Này ông Cunda, thật là có lợi lớn cho ông! Ông đã làm điều phước thiện đặc biệt. Đức Thế Tôn độ vật thực của ông lần cuối cùng rồi tịch diệt Niết Bàn. Điều này chính bản Tăng được nghe từ kim ngôn của Đức Thế Tôn rằng: Hai lần cúng dường vật thực, có quả báu lớn bằng nhau; quả báu này lớn hơn các lần dâng cúng vật thực khác đến Như Lai:

1) Vật thực của bà Sujātā được dâng cúng dường đến Đức Bồ Tát, sau khi độ vật thực xong, đêm hôm ấy Ngài chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

2) Vật thực của ông Cunda Kammāraputta được dâng cúng dường đến Như Lai, sau khi độ vật thực xong, đêm hôm ấy Ngài tịch diệt Niết Bàn.

Vật thực được dâng cúng dường đến Như Lai trong hai trường hợp này, có quả báu lớn bằng nhau; quả báu này lớn hơn các lần dâng cúng dường vật thực khác đến Như Lai”.

- *Này Ānanda, con nên giảng giải cho ông Cunda Kammāraputta hiểu rõ như vậy để ông ta phát tâm hoan hỷ, mà không có buồn.*

Thật vậy, trong Chú giải bài kinh này dạy:

* *Món ăn nấu bằng sữa bò của bà Sujātā, mà Đức Bồ Tát đã độ xong, cuối đêm ấy Ngài chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác cao thượng nhất trong toàn thế giới chúng sinh; nhờ món ăn đầy bổ dưỡng ấy, mà kim thân của Đức Thế Tôn có được sức chịu đựng duy trì suốt 49 ngày đêm, để hưởng sự an lạc tịch tịnh Niết Bàn.*

* *Món ăn sūkuramaddava của ông Cunda Kammāraputta, mà Đức Thế Tôn đã độ xong, nhờ món ăn đầy bổ dưỡng ấy, mà kim thân của Đức Thế Tôn chịu đựng được nỗi căn bệnh kiết lỵ rất trầm trọng, Đức Thế Tôn mới có thể ngự đến khu rừng Sālā xứ Kusinārā để tịch diệt Niết Bàn như đã dự định trước.*

Do đó, hai lần dâng cúng dường hai món vật thực này trong thời gian cách xa nhau 45 năm, nhưng quả báu lớn có tính chất bằng nhau, như Đức Thế Tôn đã dạy.

Sau khi nằm nghỉ ngơi một lát, Đức Thế Tôn truyền bảo Đại đức Ānanda rằng:

- *Này Ānanda, chúng ta nên đi sang bên kia bờ sông Hirañvatī.*

Đức Thế Tôn cùng chư Đại đức Tỳ khưu Tăng sang bên kia bờ sông ấy, rồi tiếp tục đến xứ Kusinārā.

Đức Thế Tôn tịch diệt Niết Bàn tại Kusinārā

Vào buổi chiều ngày rằm tháng tư, Đức Thế Tôn ngự đến khu rừng Sālā xứ Kusinārā, nơi nghỉ ngơi của hoàng tộc Malla, Ngài truyền bảo Đại đức Ānanda rằng:

- *Này Ānanda, con nên đặt chiếc giường quay đầu về hướng Bắc, giữa hai cây Sālā (song long thọ).*

Khi ấy Đức Thế Tôn nằm nghiêng bên phải, đầu quay về hướng Bắc, hai chân duỗi thẳng so le, chân phải duỗi thẳng, chân trái đầu gối hơi co, hai

chân không bằng nhau, có chánh niệm trí tuệ tỉnh giác, không định trước giờ xả.

Cúng dường Đức Thế Tôn

Hai cây *Sālā* trở hoa trái mùa, những đóa hoa rơi xuống kim thân của Đức Thế Tôn để cúng dường Ngài. Các cây hoa trong rừng đều nở rộ, những đóa hoa trời, hương trời... từ cõi trời rơi xuống như mưa để cúng dường Đức Thế Tôn. Những tiếng nhạc trời trỗi lên để cúng dường Đức Thế Tôn. Khi ấy, Đức Thế Tôn truyền dạy Đại đức *Ānanda* rằng:

- Nay Ānanda, hai cây Sālā trở hoa trái mùa, những đóa hoa rơi xuống kim thân của Như Lai để cúng dường Như Lai. Các cây hoa trong rừng đều nở rộ, những đóa hoa trời, hương trời, từ các cõi trời, rơi xuống, những tiếng nhạc trời từ các cõi trời cũng trỗi lên để cúng dường Như Lai.

*Này Ānanda, sự cúng dường đến Như Lai bằng phẩm vật như vậy **không gọi là cách cúng dường cao thượng**. Người nào là Tỳ khuru hoặc Tỳ khuru ni, hoặc cận sự nam, hoặc cận sự nữ, là người thực hành pháp hành thiền tuệ dẫn đến chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn, thực hành đúng theo pháp hành bát chánh đạo, hành theo chánh pháp, **người ấy gọi là người có lòng tôn kính, lễ bái, cúng dường Như Lai bằng cách cúng dường cao thượng**.*

Này Ānanda, vì vậy, các con luôn luôn tâm niệm rằng: “Chúng ta là hành giả tiến hành pháp hành thiền tuệ dẫn đến chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn, thực hành đúng theo pháp hành Bát Chánh Đạo, hành theo chánh pháp”.

Sở dĩ, Đức Thế Tôn đề cao sự cúng dường bằng cách **thực hành chánh pháp là cao thượng hơn sự cúng dường bằng phẩm vật**, là vì, chỉ có sự cúng dường bằng thực hành chánh pháp mới có thể giữ gìn, duy trì giáo pháp của Đức Thế Tôn trường tồn trên thế gian.

Ngài Đại đức *Ānanda* khóc

Vào lúc canh chót đêm ấy, Đức Thế Tôn sắp tịch diệt Niết Bàn, Ngài *Ānanda* đang còn là bậc Thánh Nhập Lưu, nên Ngài tủi thân, lánh ra một nơi vắng vẻ đứng khóc, than vãn rằng: “*Ta còn là bậc Thánh Nhập Lưu, cần phải tiến hành thiền tuệ, để dẫn đến chứng đắc Thánh bậc cao, nhưng Đức Thế Tôn là bậc Thầy tế độ của ta sắp tịch diệt Niết Bàn*”.

Khi ấy, Đức Thế Tôn không thấy Đại đức *Ānanda*, nên hỏi chư Tỳ khuru rằng:

- *Này chư Tỳ khuru, Ānanda, đang ở đâu?*

Chư Tỳ khuru bạch rằng:

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, Đại đức Ānanda lánh xa một nơi vắng vẻ, đứng khóc, than vãn rằng: “Ta đang còn là bậc Thánh Nhập Lưu, cần phải tiến hành thiền tuệ để dẫn đến chứng đắc Thánh bậc cao, nhưng Đức Thế Tôn là bậc Thầy tế độ của ta sắp tịch diệt Niết Bàn”.*

Đức Thế Tôn truyền bảo một vị Tỳ khuru gọi Đại đức *Ānanda* đến hầu Ngài.

Vị Tỳ khuru vâng lời, đi mời Đại đức *Ānanda* đến hầu Đức Thế Tôn.

Đại đức *Ānanda* đến hầu đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi ngồi một nơi hợp lẽ.

Đức Thế Tôn dạy Đại đức *Ānanda* rằng:

- *Này Ānanda, Như Lai đã từng dạy rằng: “Sống xa lìa nhau, chết biệt ly với những người thân yêu, các bậc kính mến ấy, đó là điều hiển nhiên. Do đó, làm sao lại có thể, có những người thân yêu, các bậc kính mến ấy theo ý muốn của mình được!”.*

Những pháp nào đã sinh rồi, hiện hữu rồi, do nhân duyên cấu tạo rồi, chắc chắn có sự hủy hoại là thường, dù có mong muốn rằng: “xin pháp ấy đừng hủy hoại”, đó là điều không thể nào có được.

Này Ānanda, con là một thị giả tận tụy chăm sóc Như Lai với tâm từ được biểu hiện bằng thân, khẩu, ý. Đó là sự lợi ích, sự tiến hóa trong mọi thiện pháp, bồi bổ đầy đủ pháp hạnh ba-la-mật rồi.

Này Ānanda, con nên cố gắng tinh tấn, chắc chắn con sẽ đoạn tuyệt mọi phiền não trầm luân, trở thành bậc Thánh Arahán một cách mau chóng.

Đức Thế Tôn khen ngợi Đại đức *Ānanda* đã tận tụy chăm sóc Ngài một cách rất chu đáo; Đại đức *Ānanda* là bậc thiện trí biết cách cư xử đối với mọi người, biết cách sắp xếp thời gian hợp lý, hướng dẫn mọi người đến hầu Đức Thế Tôn: Ngài hướng dẫn cho Tỳ khuru, Tỳ khuru ni, cận sự nam, cận sự nữ, Đức vua, các quan, nhóm ngoại đạo v.v... vào hầu Đức Thế Tôn.

Lý do Đức Thế Tôn tịch diệt Niết Bàn tại xứ *Kusinārā*

Tuy có nhiều xứ lớn, kinh thành lớn, nhưng Đức Thế Tôn không chọn làm nơi tịch diệt Niết Bàn của Ngài, mà chọn xứ *Kusinārā* bởi có 3 lý do:

1- Trong quá khứ, **xứ *Kusinārā*** là một kinh thành rộng lớn có tên là kinh thành *Kusavatī*, có Đức Chuyển Luân Thánh Vương *Mahādassana* trị vì tứ châu thiên hạ. Nếu Đức Thế Tôn tịch diệt Niết Bàn nơi khác, thì không có lý do thuyết bài kinh *Mahādassanasutta*. Do đó, Ngài chọn xứ *Kusinārā* làm nơi tịch diệt Niết Bàn, để Ngài có cơ hội thuyết bài kinh *Mahādassanasutta*, chúng sinh lắng nghe bài kinh này sẽ phát sinh đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, cố gắng tinh tấn tạo mọi thiện pháp.

2- **Đạo sĩ *Subhadda*** là người đệ tử cuối cùng của Đức Thế Tôn, hiện đang ở tại xứ *Kusinārā*. Ngoài Đức Thế Tôn ra, không có vị Thánh Thanh Văn nào có khả năng tế độ Đạo sĩ *Subhadda* được. Do đó, Đức Thế Tôn phải đến xứ *Kusinārā* để tế độ cho Đạo sĩ *Subhadda* người đệ tử cuối cùng của Ngài, Tỳ khuru *Subhadda* sẽ chứng đắc thành bậc Thánh Arahán, trước khi Đức Thế Tôn tịch diệt Niết Bàn.

3- Đức Thế Tôn biết rõ rằng, sau khi Ngài tịch diệt Niết Bàn, làm lễ hỏa táng xong, các nước lớn sẽ kéo đến tranh giành Xá lợi của Ngài, do đó có thể gây ra chiến tranh giữa các xứ với nhau. Đức Thế Tôn thấy rõ, biết rõ chỉ có **Bàlamôn *Doṅka*** là người có khả năng đứng ra làm trung gian hòa giải các Đức vua từ các nước lớn và biết cách phân chia các Xá lợi cho mỗi xứ thỉnh đem về xây Bảo tháp thờ Xá lợi. Vị Bàlamôn *Doṅka* hiện đang ở tại xứ *Kusinārā*, nên Đức Thế Tôn quyết định chọn xứ *Kusinārā* làm nơi tịch diệt Niết Bàn của Ngài.

Đó là 3 lý do chính mà Đức Thế Tôn chọn xứ *Kusi-nārā* làm nơi tịch diệt Niết Bàn của Ngài.

Đêm cuối cùng của Đức Thế Tôn

Đêm cuối cùng của Đức Thế Tôn là đêm rằm tháng tư (âm lịch).

- **Canh đầu:** Nghe tin canh chót đêm ấy, Đức Thế Tôn sẽ tịch diệt Niết Bàn tại khu rừng *Sālā*. Đức vua, Hoàng hậu, Hoàng tử, Công chúa cùng các bậc bô lão trong hoàng tộc *Malla*, cùng hoàng thân quốc thích tuân tỵ đến hầu đánh lễ Đức Thế Tôn lần cuối cùng, tiếp theo các quan trong triều, toàn thể

dân chúng xứ *Kusinārā* tuần tự đến hầu đánh lễ Đức Thế Tôn lần cuối cùng, kéo dài trọn canh đầu.

- **Canh giữa:** Đạo sĩ *Subhadda* nghe tin Đức Thế Tôn sắp tịch diệt Niết Bàn vào canh chót đêm ấy, nên nghĩ rằng: “*Ta có nhiều điều thắc mắc, đã từ lâu chưa có một vị Samôn nào có thể giải đáp, giúp làm cho ta đoạn tuyệt được thắc mắc ấy. Nay nghe tin Samôn Gotama, Đức Phật Chánh Đẳng Giác ngự đến xứ này, Ngài đang ở tại khu rừng Sālā sắp tịch diệt Niết Bàn vào canh chót đêm nay. Ta nên đến hầu Ngài, để hỏi những điều thắc mắc của ta, kính nhờ Ngài giải đáp.*”

Đạo sĩ *Subhadda* đến khu rừng *Sālā* tìm gặp Đại đức *Ānanda* xin phép vào hầu Đức Thế Tôn.

Đại đức *Ānanda* bảo rằng:

- *Này Đạo sĩ Subhadda, xin ông không nên quấy rầy, làm phiền Đức Thế Tôn trong lúc này, Đức Thế Tôn mệt quá rồi.*

Đạo sĩ *Subhadda* tha thiết khẩn khoản xin Đại đức *Ānanda* cho phép vào hầu Đức Thế Tôn.

Nghe Đại đức *Ānanda* và Đạo sĩ *Subhadda* đang nói chuyện qua lại với nhau, Đức Thế Tôn truyền dạy Đại đức *Ānanda* rằng:

- *Này Ānanda, con không nên ngăn Subhadda, để cho Subhadda đến gặp Như Lai.*

Đạo sĩ *Subhadda* có cơ hội đến hầu vấn an Đức Thế Tôn xong, ngồi một nơi hợp lẽ, Đạo sĩ *Subhadda* bạch rằng:

- *Kính bạch Samôn Gotama, các Samôn, Bàlamôn là Đạo sư, trưởng phái có tiếng tăm có oai lực đứng đầu một môn phái, mà phần đông dân chúng tán dương ca tụng, tôn sùng là bậc Thánh Thiện. Như các vị Đạo sư Puraṅga kassapa, Makkhali gosāla, Ajita Kesakambala, Pakudha kaccayana, Sañjaya Belaṅhaputta, Nigaṅhanāputta tất cả Samôn, Bàlamôn ấy đã chứng đắc như họ đã tuyên bố, hoặc tất cả không chứng đắc, hoặc có một số chứng đắc, một số không chứng đắc. Bạch Ngài.*

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- *Này Subhadda, con không nên đề cập đến vấn đề ấy, con nên lắng nghe Như Lai thuyết pháp.*

Này Subhadda, Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh không có trong pháp luật nào, thì chắc chắn không có theo tuần tự Samôn thứ nhất bậc Thánh Nhập Lưu, Samôn thứ nhì bậc Thánh Nhất Lai, Samôn thứ ba bậc Thánh Bất Lai, Samôn thứ tư bậc Thánh Arahán trong pháp luật ấy.

Này Subhadda, Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh có trong pháp luật nào, thì chắc chắn có tuần tự Samôn thứ nhất bậc Thánh Nhập Lưu, Samôn thứ nhì bậc Thánh Nhất Lai, Samôn thứ ba bậc Thánh Bất Lai, Samôn thứ tư bậc Thánh Arahán trong pháp luật ấy.

Này Subhadda, Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh chỉ có trong pháp luật của Như Lai mà thôi, cho nên, chắc chắn có tuần tự Samôn thứ nhất bậc Thánh Nhập Lưu, Samôn thứ nhì bậc Thánh Nhất Lai, Samôn thứ ba bậc Thánh Bất Lai, Samôn thứ tư bậc Thánh Arahán trong pháp luật của Như Lai. Ngoài pháp luật này của Như Lai ra, những tà giáo khác không có Samôn nào cả.

Này Subhadda, chư Tỳ khuru trong pháp luật này sống thực hành đúng theo pháp hành bát chánh đạo, và truyền dạy chỉ dẫn người khác cũng thực hành đúng theo pháp hành bát chánh đạo, thì trong đời này không vắng chư bậc Thánh Arahán.

Sau khi lắng nghe lời giáo huấn của Đức Thế Tôn, Đạo sĩ *Subhadda* vô cùng hoan hỷ, tán dương ca tụng Đức Thế Tôn. Xin quy y nương nhờ nơi Đức Phật, nơi Đức Pháp, nơi Đức Tăng, xin xuất gia trở thành Sadi, Tỳ khuru trong giáo pháp của Ngài.

Đức Thế Tôn cho phép Đạo sĩ *Subhadda* xuất gia trở thành Tỳ khuru.

Sau khi trở thành Tỳ khuru, Đại đức *Subhadda* ở một mình nơi thanh vắng, không để duôi, tiến hành thiền tuệ dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán, trước khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn.

Đại đức *Subhadda* là người đệ tử cuối cùng của Đức Thế Tôn.

- **Canh chót:** Đức Thế Tôn gọi Đại đức *Ānanda* khuyên dạy rằng:

- *Này Ānanda, trong số các con, nếu có người nào nghĩ rằng: “Đức Thế Tôn tịch diệt Niết Bàn rồi, chúng ta không còn Đức Tôn sư (natthi no satthā)”, thì các con chớ có nên nghĩ như vậy.*

Pháp và Luật là vị Tôn sư

Đức Phật dạy rằng:

“Yo vo Ānanda, mayā dhammo ca vinayo ca desito paññatto, so vo mamaccayena satthā...” [7].

“Này Ānanda, chánh pháp nào mà Như Lai đã thuyết, luật nào mà Như Lai đã chế định; khi Như Lai tịch diệt Niết Bàn rồi, chánh pháp ấy, luật ấy là vị Tôn sư của các con.”

Trong Chú giải bài kinh *Mahāparinibhānasutta* giải thích rằng:

Dhammo: Chánh pháp gồm có toàn bộ Tạng Kinh và toàn bộ Tạng Vi Diệu Pháp.

Vinayo: Luật đó là toàn bộ Tạng Luật.

Giáo pháp của Đức Phật đã thuyết giảng suốt 45 năm, kể từ khi chứng đắc thành Bậc Chánh Đẳng Giác cho đến khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn.

Tam Tạng gồm có 84.000 pháp môn phân chia như sau:

Tạng Luật gồm có 21.000 pháp môn.

Tạng Kinh gồm có 21.000 pháp môn.

Tạng Vi Diệu Pháp 42.000 pháp môn.

Đức Phật giải thích rằng:

“Iti imāni caturāsitidhammakhandhasahassāni ti□□hanti, aha□ ekova parinibbayāmi. Ahañca kho dāni ekakova ovađāmi anusāsāmi; mayi parinibbute imāni caturāsitidhammakhandhasahassāni tumhe ovađissanti anusāsissanti...”

“Như vậy, 84.000 pháp môn này tồn tại, chỉ có một mình Như Lai tịch diệt Niết Bàn. Thật ra, bây giờ chỉ có một mình Như Lai giáo huấn các con, theo

dạy dỗ các con; khi Như Lai tịch diệt Niết Bàn rồi, thì có 84.000 pháp môn ấy là “Tôn sư” sẽ giáo huấn các con, sẽ theo dạy dỗ các con”.

Qua đoạn Chú giải, chính Đức Phật giải thích cho các hàng Phật tử hiểu rằng: Đức Phật tịch diệt Niết Bàn rồi, không phải chúng ta không còn có vị Tôn sư, mà thật ra, chúng ta còn có 84.000 pháp môn là có 84.000 vị Tôn sư. Mỗi pháp môn là một vị Tôn sư có khả năng dẫn dắt, dạy bảo chúng ta đạt đến sự chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn, giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Lời giáo huấn cuối cùng của Đức Phật

Cuối cùng canh chót, Đức Thế Tôn một lần nữa nhắc nhở khuyên bảo chư Tỳ khuru lần cuối cùng rằng:

*“Handa dāni bhikkhave āmantayāmi vo,
Vayadhammā sa□khārā, appamādena sampādettha”*

“Này chư Tỳ khuru, tỳ khuru ni, cận sự nam, cận sự nữ, bây giờ Như Lai nhắc nhở, khuyên bảo các con lần cuối cùng rằng: - Các pháp hữu vi (ngũ uẩn) có sự diệt là thường, các con nên cố gắng tinh tấn hoàn thành xong mọi phận sự Tứ Thánh Đế, bằng pháp không để xuôi, tiến hành Tứ Niệm Xứ”.

Đức Thế Tôn vừa chấm dứt câu: *“Appamādena sampādettha”* từ đó không còn dạy thêm một câu nào khác nữa.

Do đó, câu *“Handa dāni bhikkhave... appamādena sampādettha”*, gọi là *Pacchimabuddhavadāna: Câu Phật ngôn cuối cùng.*

Đức Phật tịch diệt Niết Bàn

Sau khi chấm dứt lời dạy cuối cùng bằng câu: *“Appamādena sampādettha”*.

Đức Phật nhập đệ nhất thiên, rồi xả đệ nhất thiên.

Nhập đệ nhị thiên, rồi xả đệ nhị thiên.

Nhập đệ tam thiên, rồi xả đệ tam thiên.

Nhập đệ tứ thiên, rồi xả đệ tứ thiên.

Nhập không vô biên xứ thiên, rồi xả không vô biên xứ thiên.

Nhập thức vô biên xứ thiên, rồi xả thức vô biên xứ thiên.

Nhập vô sở hữu xứ thiên, rồi xả vô sở hữu xứ thiên.

Nhập phi tướng phi phi tướng xứ thiên, rồi xả phi tướng phi phi tướng

xú thiên.
Nhập diệt thọ tướng.

Khi ấy, Đại đức *Ānanda* hỏi Đại đức *Anuruddha* rằng:

- *Thưa pháp huynh Anuruddha, Đức Thế Tôn tịch diệt Niết Bàn rồi có phải không?*

- *Này pháp đệ Ānanda, Đức Thế Tôn chưa tịch diệt Niết Bàn, Ngài đang nhập diệt thọ tướng.*

Đức Thế Tôn xả diệt thọ tướng.
Nhập phi tướng phi phi tướng xú thiên, rồi xả phi tướng phi phi tướng xú thiên.
Nhập vô sở hữu xú thiên, rồi xả vô sở hữu xú thiên.
Nhập thức vô biên xú thiên, rồi xả thức vô biên xú thiên.
Nhập không vô biên xú thiên, rồi xả không vô biên xú thiên.
Nhập đệ tứ thiên, rồi xả đệ tứ thiên.
Nhập đệ tam thiên, rồi xả đệ tam thiên.
Nhập đệ nhị thiên, rồi xả đệ nhị thiên.
Nhập đệ nhất thiên, rồi xả đệ nhất thiên.
Nhập đệ nhị thiên, rồi xả đệ nhị thiên.
Nhập đệ tam thiên, rồi xả đệ tam thiên.
Nhập đệ tứ thiên, rồi xả đệ tứ thiên tiếp theo tịch diệt Niết Bàn gọi là *Khandhāpari-nibbāna: Ngũ uẩn Niết Bàn*, nghĩa là diệt ngũ uẩn rồi không còn nhân duyên nào để tái sinh ngũ uẩn khác; chấm dứt khổ tử sinh luân hồi trong tam giới. Ngay khi ấy, trái đất rung mình chuyển động.

Đó là một trong tám hiện tượng thường xảy ra đối với Chư Phật.

Đức Phật có danh hiệu Đức Phật *Gotama* là Bạc Cao Cả nhất, Bạc Vĩ Đại nhất, Bạc Tối Thượng nhất trong toàn cõi thế giới chúng sinh, đã tịch diệt Niết Bàn.

Trước khi tịch diệt Niết Bàn, Đức Phật đã khuyên bảo, nhắc nhở các hàng Thanh Văn đệ tử lần cuối cùng rằng:

*“Handa dāni bhikkhave āmantayāmi vo,
Vayadhammā sa□khārā, appamādena sampādettha”*

- *Này chư Tỳ khuru, bây giờ Như Lai khuyên bảo, nhắc nhở các con lần cuối cùng rằng:*

“Các pháp hữu vi, ngũ uẩn có sự diệt là thường, các con nên cố gắng tinh tấn hoàn thành mọi phận sự Tứ Thánh Đế, bằng pháp không để duôi, tiến hành Tứ Niệm Xứ”.

Tất cả chúng sinh hễ có sinh, thì ắt phải có tử; không ngoại trừ một ai cả. Đức Phật và chư Thánh Arahán không gọi là tử (*chết*) mà gọi là **tịch diệt Niết Bàn**, chấm dứt tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài; bởi vì, Đức Phật và chư Thánh Arahán đã diệt đoạn tuyệt mọi **tham ái** không còn dư sót, cho nên, không có **tham ái** dẫn dắt nghiệp cho quả tái sinh kiếp sau nữa. Còn các chúng sinh khác, dù là bậc Thánh Nhập Lưu, bậc Thánh Nhất Lai, bậc Thánh Bất Lai, vẫn còn tham ái là nhân sinh khổ dẫn dắt tái sinh kiếp sau, tiếp tục tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Đức Phật đã tịch diệt Niết Bàn rồi, song giáo pháp của Ngài vẫn còn tồn tại trên thế gian.

Như Đức Phật đã giảng giải trước khi Ngài tịch diệt Niết Bàn rằng:

“Iti imāni caturāsitidhamakkhandhasahassāni ti□□hanti, aha□ ekova parinibbayāmi. Ahañca kho dāni ekakova ovaḍāni, anusāsāmi; mayi parinibbute imāni caturāsitidhamakkhandhasahassāni tumhe ovaḍissanti anusāsissanti...”.

“Như vậy, 84.000 pháp môn này vẫn tồn tại, chỉ có một mình Như Lai tịch diệt Niết Bàn. Thật ra, bây giờ chỉ có một mình Như Lai giáo huấn các con, theo dạy dỗ các con; khi Như Lai tịch diệt Niết Bàn rồi, thì có 84.000 pháp môn ấy sẽ là “Tôn sư” giáo huấn các con, theo dạy dỗ các con...”.

Tuy Đức Phật đã tịch diệt Niết Bàn cách đây 2.548 năm rồi, song giáo pháp của Ngài vẫn còn được giữ gìn duy trì đầy đủ trọn vẹn 84.000 pháp môn cho đến ngày nay.

Muốn được gần gũi thân cận với Đức Phật, mỗi người chúng ta cố gắng tinh tấn học *pháp học Phật giáo* và *hành pháp hành Phật giáo*; tùy theo khả năng của mỗi người, để cho Phật giáo được duy trì ở trong tâm. Những người nào có Phật giáo ở trong tâm, thì những người ấy có được nương nhờ nơi Đức Phật, nương nhờ nơi Đức Pháp, nương nhờ nơi Đức Tăng, được nương nhờ nơi Tam Bảo cao thượng, để cho họ có thể trở nên con người cao thượng và

để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc lâu dài cho chính họ trong kiếp hiện tại lẫn những kiếp vị lai; đặc biệt còn làm duyên lành trên con đường dẫn đến sự giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài; đồng thời giữ gìn duy trì Phật giáo được trường tồn trên thế gian, đến hết tuổi thọ Phật giáo 5.000 năm, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc lâu dài đến tất cả chúng sinh nhất là chư thiên và nhân loại.

-ooOoo-

NGHIỆP TIỀN KIẾP CỦA ĐỨC PHẬT GOTAMA

Đức Phật *Gotama* là kết quả của sự tích lũy đầy đủ trọn vẹn 30 pháp hạnh ba-la-mật, trải qua vô số tiền kiếp trong quá khứ, kể từ kiếp đầu tiên có ý nguyện muốn trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác cho đến kiếp chót Đức Bồ Tát *Siddhattha* trở thành Đức Phật *Gotama*.

Đức Bồ Tát kiếp đầu tiên của Đức Phật *Gotama*

Đức Thế Tôn ngự trên tảng đá quý cùng với số đông chư Tỳ khuru, ở ven rừng có nhiều cây hoa thơm gần hồ *Anotatta*. Khi ấy Đức Thế Tôn truyền dạy thiện nghiệp của Ngài đã tạo trong tiền kiếp đầu tiên rằng:

*“Này chư Tỳ khuru, các con nên lắng nghe thiện nghiệp mà Như Lai đã tạo trong tiền kiếp. Như Lai thấy một vị Tỳ khuru hành pháp hạnh đầu đà sống trong rừng, nên phát sinh đức tin trong sạch, bèn dâng cúng dường “**một tấm vải cũ**” đến vị Tỳ khuru ấy. Ngay khi ấy, Như Lai phát sinh đại bi tâm có ý nguyện muốn trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác để tế độ, cứu vớt chúng sinh thoát khỏi biển khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài. Đó là tiền kiếp Đức Bồ Tát đầu tiên của Như Lai có ý nguyện trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác. Chính nhờ thiện nghiệp bố thí cúng dường “**tấm vải cũ**” trong tiền kiếp đầu tiên ấy, dẫn đến kiếp hiện tại đã trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác có danh hiệu *Gotama* này” [8].*

Đức Bồ Tát kiếp chót của Đức Phật *Gotama*

Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* trải qua vô số kiếp tạo các pháp hạnh ba-la-mật trong ba thời kỳ:

- Thời kỳ Đức Bồ Tát có ý nguyện muốn trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, suốt 7 a-tăng-kỳ.

- Thời kỳ Đức Bồ Tát phát nguyện bằng lời nói, để cho chúng sinh biết ý nguyện của Đức Bồ Tát, suốt 9 a-tăng-kỳ.

- Thời kỳ Đức Bồ Tát được 24 Đức Phật thọ ký xác định thời gian còn lại, Đức Bồ Tát chắc chắn sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác có danh hiệu Đức Phật *Gotama*. Bắt đầu từ Đức Phật *Dīpa-kara* đầu tiên cho đến Đức Phật *Kassapa* thứ 24 cuối cùng, trải qua suốt 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất. Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* đã tạo đầy đủ trọn vẹn 30 pháp hạnh ba-la-mật, cho đến Đức Bồ Tát kiếp chót của Ngài đó là **kiếp Thái tử *Siddhattha*** của Đức vua *Suddhodana* và chánh cung Hoàng hậu *Mahāmāyādevī*. Năm 16 tuổi, Đức Bồ Tát Thái tử *Siddhattha* lên ngôi Vua và thành hôn với Công chúa *Yasodhara*; năm 29 tuổi xuất gia; năm 35 tuổi, Đức Bồ Tát chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác có danh hiệu là Đức Phật *Gotama*; năm 80 tuổi, Đức Phật tịch diệt Niết Bàn.

Quả nghiệp thiện và bất thiện của Đức Phật *Gotama*

Đức Bồ Tát, tiền thân của Đức Phật *Gotama*, đã tạo đầy đủ trọn vẹn 30 pháp hạnh ba-la-mật thuộc nghiệp thiện cho quả chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác. Song trải qua nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ, có khi Đức Bồ Tát cũng tạo những nghiệp bất thiện (nghiệp ác); những nghiệp ác ấy có cơ hội cho quả trong kiếp chót, trước khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn.

Nghiệp ác cũ mà Ngài đã tạo trong tiền kiếp quá khứ cho quả khổ trong kiếp chót hiện tại như sau:

Nghiệp cũ của Đức Phật *Gotama*

Gọi là ***nghiệp cũ*** là để phân biệt với ***nghiệp mới***.

Đối với Đức Phật và chư Thánh Arahán, chỉ còn có nghiệp cũ mà thôi, không còn tạo thêm nghiệp mới nữa. Ngoài Đức Phật và chư Thánh Arahán ra, còn lại tất cả chúng sinh kể cả ba bậc Thánh Nhân là bậc Thánh Nhập Lưu, bậc Thánh Nhất Lai, bậc Thánh Bất Lai đều có nghiệp cũ, và vẫn còn tạo nghiệp mới. Mỗi nghiệp thiện, mỗi nghiệp bất thiện, nếu có cơ hội, thì có thể cho quả ngay trong kiếp hiện tại, kiếp thứ hai và kiếp thứ ba cho đến trước khi tịch diệt Niết Bàn.

Kiếp chót, Đức Bồ Tát *Siddhattha* đã trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác có danh hiệu là Đức Phật *Gotama*. Khi còn là Đức Bồ Tát, tiền kiếp của Đức Phật *Gotama*, trải qua nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ, đôi khi Ngài cũng

có tạo những nghiệp bất thiện, hay gọi là *nghiệp ác cũ* của Ngài; những nghiệp ác cũ này cũng đã cho quả tái sinh trong 4 cõi ác giới, chịu quả khổ lâu dài, cho đến khi mãn nghiệp. Nay kiếp hiện tại, tuy Ngài đã trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, những ác nghiệp cũ ấy vẫn còn có năng lực chút đỉnh; nếu có cơ hội, thì vẫn cho quả của chúng, không ngoại trừ Đức Phật.

Đức Phật đã thuyết giảng trong bộ *Apadāna* phần *Buddhāpadāna* [9] về những *nghiệp ác cũ* cho quả được tóm lược như sau:

Đức Bồ Tát hành khổ hạnh suốt sáu năm trường (*dukkarakiriyā*)

Trong quá khứ, Đức Bồ Tát, tiền kiếp Đức Phật *Gotama*, sinh trong dòng họ Bàlamôn cao quý, tên là *Jotipāla*, nhằm vào thời kỳ Đức Phật *Kassapa* đang xuất hiện trên thế gian.

Đức Bồ Tát *Jotipāla* có tính ngã mạn về dòng dõi, nên không có đức tin nơi Tam Bảo; (còn một nguyên nhân khác liên quan đến quả nghiệp bất thiện của Đức Phật *Kassapa*). Cho nên, khi nghe đến danh hiệu Đức Phật *Kassapa*, Đức Bồ Tát *Jotipāla* nói rằng:

“*Samôn đầu trọc ấy, đâu có dễ dàng chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác! Chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác là điều khó khăn lắm!*”.

Đức Bồ Tát *Jotipāla* có một người bạn tốt tên là *Ghaṅṅikāra*, *Ghaṅṅikāra* vốn là một cận sự nam có đức tin trong sạch nơi Đức Phật *Kassapa*, thường động viên khuyến khích Đức Bồ Tát *Jotipāla* đến hầu Đức Phật *Kassapa*, nhưng lần nào Đức Bồ Tát *Jotipāla* cũng không chịu đi. Một hôm, *Ghaṅṅikāra* bày kế mời Đức Bồ Tát *Jotipāla* đi đến tắm tại một bến nước gần chỗ ở của Đức Phật *Kassapa* và chư Tỳ khưu Tăng. Khi tắm xong, *Ghaṅṅikāra* liền mời Đức Bồ Tát *Jotipāla* đi đến hầu Đức Phật *Kassapa*, Đức Bồ Tát *Jotipāla* không chịu đi; *Ghaṅṅikāra* nghĩ rằng không đi không được, *Ghaṅṅikāra* liền nắm lấy đầu tóc của Đức Bồ Tát *Jotipāla* dắt lôi đi. Đức Bồ Tát *Jotipāla* không còn cách nào khác, đành phải đi theo đến hầu Đức Phật *Kassapa*. Khi ngồi lắng nghe chánh pháp, Đức Bồ Tát *Jotipāla* phát sinh đức tin trong sạch nơi Đức Phật *Kassapa*, kính xin Ngài cho phép xuất gia trở thành Tỳ khưu trong giáo pháp của Ngài. Về sau, Tỳ khưu *Jotipāla* được Đức Phật *Kassapa* thọ ký xác định thời gian còn lại cùng trong kiếp trái đất *Bhaddakappa* này, sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng

Giác có danh hiệu Đức Phật *Gotama*. Đức Phật *Kassapa* là Đức Phật thứ 24 cuối cùng thọ ký Đức Bồ Tát *Jotipāla* tiền kiếp của Đức Phật *Gotama*.

Đức Bồ Tát tiếp tục tạo cho đầy đủ trọn vẹn 30 pháp hạnh ba-la-mật cho đến kiếp chót là kiếp Đức Bồ Tát *Siddhattha* đi xuất gia năm 29 tuổi. Do nghiệp ác khẩu xúc phạm đến Đức Phật *Kassapa* ấy, cho nên, Đức Bồ Tát phải chịu ***hành pháp khổ hạnh suốt 6 năm trường ròng rã***, tại núi rừng gần làng *Uruvela*, bởi vì nghiệp ác khẩu ấy cho quả khổ hạnh suốt 6 năm.

Về sau, từ bỏ pháp khổ hạnh, Đức Bồ Tát hành theo pháp hành Trung Đạo dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt mọi tham ái, mọi phiền não, mọi ác pháp, đặc biệt diệt được mọi tiền khiên tật, trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác có danh hiệu Đức Phật *Gotama*.

Đức Phật dạy về nghiệp cũ của Ngài:

Trong thời quá khứ ấy, Như Lai là Balamôn Jotipāla đã xúc phạm đến Đức Phật Kassapa rằng:

“Samôn trọc đầu ấy, đâu có dễ dàng chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác. Chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác là điều khó lắm”.

Vì quả của nghiệp ác khẩu ấy, nên Như Lai phải hành pháp khổ hạnh tại núi rừng gần làng Uruvela suốt 6 năm trường ròng rã. Do bởi nghiệp ác cũ, nên đã hành pháp khổ hạnh sai lầm. Như Lai không thể chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác bằng pháp hành khổ hạnh ấy.

Sau khi từ bỏ pháp hành khổ hạnh, Như Lai hành theo pháp hành Trung Đạo dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Nay, Như Lai không còn tạo nghiệp ác và nghiệp thiện nữa, đã diệt đoạn tuyệt mọi phiền não, mọi tham ái, mọi ác pháp; không còn nóng nảy khổ tâm, không còn sầu não, thống khổ. Như Lai sẽ tịch diệt Niết Bàn.

Đức Phật bị nàng *Ciñcamā*□*avikā* vu không giữa tứ chúng (*abbhakkhāna*)

Trong quá khứ, Đức Bồ Tát, tiền kiếp của Đức Phật *Gotama*, là người đã vu khống Ngài Đại đức *Nanda*, bậc Thánh Thanh Văn của Đức Phật.

Đức Bồ Tát sau khi chết, do nghiệp ác khẩu ấy cho quả tái sinh làm chúng sinh trong cõi địa ngục, chịu quả khổ suốt thời gian lâu dài hàng ngàn năm, cho đến khi mãn nghiệp ác ấy, mới thoát khỏi cõi địa ngục. Mỗi khi được tái sinh làm người, Đức Bồ Tát thường bị vu khống những điều xấu, bởi do năng lực của nghiệp ác khẩu đã tạo trong tiền kiếp quá khứ ấy.

Kiếp hiện tại là kiếp chót, Đức Bồ Tát *Siddhattha* trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian. Danh thơm tiếng tốt của Ngài lan truyền khắp mọi nơi, các hàng đệ tử mỗi ngày thêm một đông, gồm các Đức vua, các quan, các phú hộ, dân chúng, chư thiên, phạm thiên... lắng nghe chánh pháp, rồi thực hành theo chánh pháp chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Nhân từ bậc Thánh Nhập Lưu, bậc Thánh Nhất Lai, bậc Thánh Bất Lai cho đến bậc Thánh Arahán. Những người nào chưa chứng đắc thành bậc Thánh Nhân, những người ấy có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, xin quy y nương nhờ nơi Tam Bảo, trở thành người cận sự nam hoặc cận sự nữ trong giáo pháp của Đức Phật *Gotama*. Thực ra, đại đa số những người ấy, trước kia có truyền thống theo các giáo phái ngoại đạo, Bàlamôn v.v... Nay, khi Đức Phật xuất hiện trên thế gian, họ trở thành đệ tử của Đức Phật. Đó là điều mà làm cho các nhóm tu sĩ ngoại đạo cảm thấy tổn thương rất nhiều, những tín đồ cũ không giữ lại được, tín đồ mới không thêm; cho nên, sự cúng dường, lợi lộc càng ngày càng giảm dần, đời sống của các tu sĩ ngoại đạo càng ngày càng thiếu thốn, khổ cực hơn xưa.

Các nhóm tu sĩ ngoại đạo họp bàn với nhau, bày mưu tính kế thâm độc để làm hạ uy tín của Đức Phật.

Thời ấy, trong thành *Sāvatti* có người kỹ nữ duyên dáng xinh đẹp như thiên nữ, tên là *Ciñcāmā*□*avikā*, nàng vốn là đệ tử ngoan đạo của các tu sĩ ngoại đạo.

Các tu sĩ ngoại đạo nghĩ ra diệu kế:

“*Chúng ta dùng nàng kỹ nữ Ciñcāmā*□*avikā* giả mang thai với Samôn Gotama, để gây ra sự hiểu lầm, làm mất uy tín của y”.

Một hôm, như lệ thường nàng *Ciñcāmā*□*avikā* đến tu viện ngoại đạo, làm lễ các tu sĩ xong, nàng ngồi một bên. Nàng *Ciñcāmā*□*avikā* rất ngạc nhiên không hiểu sao hôm ấy các tu sĩ ngồi im lặng không nói với nàng một câu nào. Nàng thoáng nghĩ: “*Mình có lỗi gì đây!*”.

Nàng bạch với vị Trưởng Lão rằng:

- Kính bạch Ngài, con đã lễ bái quý Ngài ba lần rồi, nhưng không biết con có lỗi gì mà quý Ngài không nói với con một lời nào?

Vị Trưởng Lão tỏ vẻ nghiêm nghị nói với nàng:

- Không! Nay con, con là một đệ tử ngoan đạo, con không có lỗi gì! Hiện nay đời sống của quý Thầy khổ cực, thiếu thốn lắm con à! Vì vậy, quý Thầy buồn bực, khổ tâm, không ai buồn nói với ai điều gì.

Nàng Ciñcāmā□avikā ngạc nhiên nóng lòng hỏi:

- Kính bạch quý Ngài, trước đây đời sống của quý Ngài được đầy đủ, sung túc lắm, sao hiện nay lại lâm vào hoàn cảnh khổ cực như vậy?

- Nay Ciñcāmā□avikā, con không biết gì hay sao? Chính Samôn Gotama đã làm khổ quý Thầy, chính Samôn Gotama đã chiếm đoạt những người đệ tử giàu có, nên quý thầy mất những lợi lộc cúng dường... Do đó, quý thầy phải sống trong cảnh thiếu thốn khổ cực như vậy.

Nàng Ciñcāmā□avikā cảm thấy rất đau lòng, chân tình thưa:

- Vậy mà con có hay biết gì đâu. Không biết con có thể làm gì, để giúp đỡ cho quý Ngài?

Các tu sĩ ngoại đạo giả vờ im lặng một lúc rồi có vị nói:

- Chỉ sợ con ngại khó, mà không giúp quý Thầy đó thôi.

Nàng Ciñcāmā□avikā mau mắn đáp:

- Không, khó khăn gì con cũng có thể làm được, miễn là làm sao cho quý Ngài được sống an lạc, thế là con mãn nguyện lắm rồi.

Vị tu sĩ ngoại đạo nghiêm chỉnh nói:

- Đây là việc rất hệ trọng, đòi hỏi con phải khôn khéo. Nếu con thật tình muốn giúp đỡ quý Thầy, thì chỉ có một phương kế duy nhất, con hãy dùng sắc đẹp duyên dáng đầy quyến rũ của con, giả làm người mang thai với Samôn Gotama. Nếu con làm được như vậy, thì sẽ làm giảm uy tín của

Samôn Gotama. Như vậy, phần đông tín đồ của Samôn Gotama sẽ trở về lại với chúng ta.

Nàng *Ciñcāmā*□*avikā* hớn hờ nói:

- Đúng vậy, kế này rất hay! Xin quý Ngài hãy tin tưởng nơi con, con sẽ cố gắng làm tròn bốn phận, để đền đáp công ơn của quý Ngài đối với con.

Từ hôm ấy, cứ vào mỗi buổi chiều dân chúng trong thành *Sāvatti*, sau khi đến nghe Đức Phật thuyết pháp tại chùa *Jetavana* xong, đánh lễ Đức Phật trở về nhà, họ thường gặp nàng *Ciñcāmā*□*avikā* ăn mặc đẹp đẽ rất quyến rũ, cầm một bó hoa trên tay, đang đi trên đường hướng đến chùa *Jetavana*, có người tò mò dừng lại hỏi:

- Chiều tối rồi, cô đi đâu mà ăn mặc đẹp vậy?

Nàng *Ciñcāmā*□*avikā* trả lời cô ý gây ra cho mọi người sự nghi ngờ:

- Tôi đi đâu là việc của tôi, quý vị biết phỏng có ích lợi gì!

Nói xong, nàng liền bước đi theo hướng đến chùa *Jetavana*, nhưng lại nghỉ qua đêm tại một tu viện ngoại đạo ở gần đó.

Rồi sáng hôm sau, khi có một số cận sự nam, cận sự nữ đem những phẩm vật đến chùa *Jetavana* để cúng dường Đức Phật và Tăng chúng, thì họ thấy nàng *Ciñcāmā*□*a-vikā* từ hướng chùa *Jetavana* trở lại thành *Sāvatti*,

Người ta lại hỏi nàng:

- Đêm hôm qua cô nghỉ ở đâu mà sáng nay lại vào thành sớm vậy?

Nàng *Ciñcāmā*□*avikā* ồm ờ đáp:

- Tôi nghỉ ở đâu có nơi có chỗ của tôi, quý vị biết phỏng có lợi ích gì!

Và từ đó, cứ vào mỗi buổi chiều và mỗi buổi sáng, từ tháng này sang tháng khác, nàng *Ciñcāmā*□*avikā* đều làm như vậy. Cho đến một hôm, có số người cận sự nam, cận sự nữ khác hỏi rằng:

- Đêm hôm qua cô nghỉ ở đâu, mà sáng nay lại vào thành sớm vậy?

Nàng *Ciñcāmā*□*avikā* thấy đã đến lúc cần phải nói, để bắt đầu gây ra sự ngờ vực.

- *Chuyện riêng tư của tôi mà quý vị muốn biết hay sao? Sớm muộn gì quý vị cũng sẽ biết thôi mà! Nếu quý vị muốn biết bây giờ tôi xin khai thật rằng: “Đêm qua tôi nghỉ ở Gandhakuti chung với Samôn Gotama, để phục vụ Ngài, đó là một niềm vinh dự lớn lao của đời tôi”.*

Nói xong, nàng tỏ vẻ đắc ý bỏ vào thành.

Khi nghe nàng *Ciñcāmā*□*avikā* nói vậy, có số cận sự nam, cận sự nữ còn phàm nhân thiếu trí nên sanh tâm bán tín bán nghi, cho đến khi trải qua 3 - 4 tháng, thì nàng *Ciñcāmā*□*avikā* lấy vải độn bụng, mặc áo lụng thụng che bên ngoài, làm như người đang mang thai. Có một số người phàm không có trí tuệ, không hiểu biết về giáo pháp của Đức Phật, ngờ vực rằng nàng *Ciñcāmā*□*avikā* có phải mang thai hay không!

Thời gian đã đến 9 tháng, màn kịch hạ uy tín Đức Thế Tôn đến hồi chung cuộc. Nhóm tu sĩ ngoại đạo gọi nàng *Ciñcāmā*□*avikā* đến, họ dùng một miếng gỗ đẽo hình dạng giống như cái thai sắp đến ngày sinh nở, có bốn đầu dây ràng, bảo nàng *Ciñcāmā*□*avikā* mang vào buộc chặt sau lưng, mặc áo phủ kín lại, nhìn giống như người mang thai thật, xong nhóm tu sĩ ngoại đạo dùng cây đánh ở sống bàn tay, bàn chân cho sưng lên, nhìn thấy như người đàn bà sắp đến thời kỳ sinh nở.

Đức Phật thẳng nàng *Ciñcāmā*□*avikā*

Vào một buổi chiều, khi Đức Phật đang ngự trên pháp toà, tại giảng đường chùa *Jetavana*, tứ chúng đệ tử đang ngồi im lặng lắng nghe pháp như thường lệ, thì nàng *Ciñcāmā*□*avikā* từ ngoài xông xộc đi vào, rồi đến trước Đức Phật, chỉ tay buông lời mắng nhiếc:

- *Này ông Đại Samôn Gotama! Ông thuyết pháp thật là hay, thật là giỏi, ông té độ biết bao nhiêu người, còn tôi sao ông không té độ? Tôi bụng mang dạ chứa là vì ông, ông nói ngon nói ngọt với tôi, bảo là sẽ giúp tôi thế này, thế nọ.... Hôm nay, sắp đến ngày sinh nở, ông lo thuyết pháp té độ người khác, chẳng đoái hoài gì đến tôi. Dầu ông bận không lo cho tôi được, thì ông bảo những người hộ độ ông như Đức vua *Pasenadi*, ông phú hộ *Anāthapindika*, bà *Visākhā*... lo cho tôi cũng được. Nhưng đấng này, ông chỉ biết thoả mãn dục vọng cá nhân, ông không hề biết đến nỗi khổ của tôi, phải chịu bụng mang dạ chứa như thế này đây!*

Nghe nàng *Cincāmānavikā* mắng nhiếc, Đức Phật ngưng thuyết pháp, vẫn ngồi an nhiên tự tại, an tịnh trên pháp toà rồi từ tốn nói:

“Bhagini, tayā kathitassa tathabhāvam vā vitathabhāvam vā ahameva ca tvanca jānāma” [10].

- *Này cô em! Cô nói lời chân thật hay giả dối, chỉ có Như Lai và cô biết rõ mà thôi?*

Nàng *Cincāmānavikā* liền đáp:

- *Đúng vậy, này ông Đại Samôn! Chỉ có ông và tôi biết rõ mà thôi!*

Ngay giây phút ấy, tại cung trời Tam Thập Tam Thiên, bảo toà của vua trời *Sakka* nóng lên, bằng thiên nhãn quan sát nguyên nhân, vua trời thấy rõ ràng nàng *Cincāmānavikā* đang mắng nhiếc Đức Phật giữa tứ chúng đệ tử, bởi những chuyện không có thật. Đây là âm mưu thâm độc của nhóm tu sĩ ngoại đạo, dùng cô kỹ nữ *Cincāmānavikā* vô liêm sỉ, cố ý làm hạ uy tín của Đức Phật giữa tứ chúng đệ tử. Vua trời *Sakka* quyết định phải làm sáng tỏ chuyện này. Vua trời cùng bốn thiên nam xuất hiện xuống giảng đường chùa *Jetavana* ngay tức khắc. Bốn vị thiên nam, theo lệnh của vua trời hoá thành bốn con chuột, cùng một lúc bò lên cần đứt bốn sợi dây cột tấm gỗ, hình dạng giống bào thai buộc chặt sau lưng nàng *Cincāmānavikā*, đồng thời vua trời hoá một luồng gió thổi cho tấm gỗ kia rơi xuống đất đụng nhằm hai bàn chân của nàng *Cincāmānavikā*, làm cho đôi chân của nàng bầm máu.

Sự việc xảy ra trong thời gian ngắn ngủi, mọi sự thật hiển nhiên được phơi bày trước mắt tứ chúng đệ tử. Nàng *Cincāmānavikā* bị mắng nhiếc không tiếc lời, có người đánh đập, nhổ nước bọt, rồi xua đuổi nàng ra khỏi khuôn viên chùa. Nàng *Cincāmānavikā* thất vọng, thất tha thất thểu bước đi ra vừa khuất tầm mắt của mọi người, *mặt đất liền nứt ra làm hai, phát lên một tia lửa thiêu cháy nàng rồi rút xác nàng xuống sâu dưới lòng đất.* Sau khi nàng *Cincāmānavikā* chết, do nghiệp ác ấy cho quả tái sinh vào đại địa ngục *Avīci*, chịu quả khổ do nghiệp ác đã tạo.

Chuyện nàng *Cincāmānavikā* vu khống Đức Phật đã lan truyền khắp mọi nơi, từ xứ này sang xứ khác. Và ai ai cũng đều biết đó là âm mưu thâm độc đê tiện của nhóm tu sĩ ngoại đạo. Một số người trước kia còn hộ độ nhóm tu sĩ ngoại đạo, nay họ nghe thấy như vậy, mất hết đức tin, nên không còn phát sinh tâm cúng dường các thứ vật dụng cho nhóm tu sĩ ngoại đạo nữa, đời

sống của nhóm tu sĩ ngoại đạo thiếu thốn khổ cực, nay lại càng tệ hại hơn nữa.

Trái lại, dân chúng khắp mọi nơi phát sanh thiện tâm trong sạch cúng dường Đức Phật và chư Tăng các thứ vật dụng sung túc; số người nào chưa có đức tin thì nay lại có đức tin nơi Tam Bảo; số người nào đã có đức tin nơi Tam Bảo rồi, đức tin lại càng thêm tăng trưởng.

Đức Phật đã thắng lời vu khống của nàng Cincāmānavikā nhờ pháp an định [11].

Như Đức Phật dạy về nghiệp ác cũ của Ngài:

Trong tiền kiếp quá khứ, Như Lai đã từng vu khống Đại đức Nanda; bậc Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Phật, sau khi chết, do nghiệp ác khẩu ấy cho quả tái sinh trong cõi địa ngục, chịu quả khổ suốt thời gian lâu dài hàng ngàn năm, cho đến khi mãn nghiệp ác ấy, mới được thoát ra khỏi cõi địa ngục.

Mỗi khi được tái sinh làm người, Như Lai thường bị vu khống những điều xấu không có thật, bởi do năng lực của nghiệp ác khẩu mà Như Lai đã tạo trong thời quá khứ ấy.

Do năng lực của nghiệp ác cũ ấy còn dư sót chút đỉnh, kiếp chót này bị nàng Cincāmānavikā vu khống Như Lai những điều không có thật, giữa tứ chúng đệ tử.

Đức Phật bị vu khống do bởi cô tu nữ ngoại đạo *Sundarī*

Trong quá khứ, Đức Bồ Tát, tiền kiếp của Đức Phật *Gotama*, sinh trong gia đình thuộc giai cấp thấp, tên là *Munā□i*, Đức Bồ Tát thường thân cận gần gũi với kẻ ác, nên sinh thói hư tật xấu. Một hôm, nhìn thấy Đức Phật Độc Giác *Surabhi*, Đức Bồ Tát *Munā□i* liền buông lời vu khống rằng:

“Samôn trọc đầu này phá giới! Hành pháp thấp hèn!”

Đức Bồ Tát sau khi chết, do nghiệp ác khẩu ấy, cho quả tái sinh làm chúng sinh trong cõi địa ngục, chịu quả khổ suốt thời gian lâu dài hàng ngàn năm, cho đến khi mãn nghiệp ấy, mới được thoát ra khỏi địa ngục. Mỗi khi được tái sinh làm người, thường bị vu khống những điều xấu, không có thật.

Kiếp hiện tại là kiếp chót, Đức Bồ Tát *Siddhattha* trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian, danh thơm tiếng tốt của Ngài lan truyền khắp mọi nơi. Các hàng đệ tử mỗi ngày một thêm đông; ngược lại đệ tử của các nhóm ngoại đạo mỗi ngày một giảm dần, cho nên đời sống của tu sĩ ngoại đạo lâm vào cảnh thiếu thốn khổ cực hơn xưa. Do đó, họ bày mưu tính kế làm mất uy tín của Đức Phật.

Thời ấy, nữ tu sĩ ngoại đạo tên *Sundarī* rất xinh đẹp, đến viếng thăm các tu sĩ ngoại đạo, đánh lễ xong rồi, thấy nhóm tu sĩ ngoại đạo ngồi im lặng không nói với cô một lời nào.

Cô bèn bạch hỏi:

- *Kính thưa quý Ngài, con có lỗi gì mà quý Ngài không nói với con lời nào?*

Một tu sĩ ngoại đạo than vãn rằng:

- *Tất cả chúng tôi bị Samôn Gotama làm khổ, mà con không quan tâm hay biết gì, đó là lỗi của con đó!*

- *Con có thể vu khống Samôn Gotama được hay không?*

- *Kính thưa quý Ngài, con có thể làm được.*

Từ hôm ấy, cứ vào mỗi buổi chiều dân chúng trong thành *Sāvatti*, sau khi nghe Đức Phật thuyết pháp tại ngôi chùa *Jetavana* xong, họ đánh lễ Đức Phật rồi xin phép trở về nhà, họ thường gặp cô tu sĩ *Sundarī* cầm một bó hoa trong tay, đang đi trên đường hướng đến ngôi chùa *Jetavana*, có người tò mò dừng lại hỏi:

- *Chiều tối rồi, cô đi đâu vậy?*

Cô tu nữ *Sundarī* trả lời để gây ra một sự nghi ngờ:

- *Tôi đi đâu là việc của tôi, quý vị biết phỏng có ích lợi gì!*

Nói xong, cô liền bước đi theo hướng đến ngôi chùa *Jetavana*, nhưng lại nghỉ qua đêm tại một tu viện ngoại đạo ở gần đó.

Rồi sáng hôm sau, khi có số cận sự nam, cận sự nữ đem phẩm vật đến chùa *Jetavana*, để cúng dường Đức Phật và chư Tỳ khuru Tăng, họ lại thấy cô tu nữ *Sundarī* từ hướng chùa *Jetavana* trở lại thành *Sāvatti*. Người ta hỏi cô:

- *Đêm hôm qua cô nghỉ ở đâu, mà sáng nay lại vào thành sớm vậy?*

Cô tu nữ *Sundarī* muốn gây ra sự ngờ vực bèn đáp rằng:

- *Chuyện riêng tư của tôi mà quý vị muốn biết hay sao? Nếu quý vị muốn biết, thì tôi sẽ nói thật: “Đời tôi rất vinh hạnh, đêm đêm được đến phục vụ Samôn Gotama tại cốc Gandhaku□i của Ngài”.*

Nhóm tu sĩ ngoại đạo chờ tin này, nay có cơ hội, họ liền truyền tin vu khống rằng:

- *Thưa tất cả mọi người, quý vị đã nghe rõ hành vi xấu xa của Samôn Gotama như vậy!*

Chính cô tu nữ *Sundarī* cũng rêu rao vu khống hành vi xấu của Đức Phật đối với cô nữa, gieo rắc hoang mang, gây ra sự ngờ vực đến mọi người.

Đối với các hàng Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Phật thì chắc chắn không bao giờ tin lời vu khống của các tu sĩ nhóm ngoại đạo và của cô tu nữ ngoại đạo *Sundarī*; còn đối với một số phàm nhân thiếu trí phát sinh tâm ngờ vực. Đó là âm mưu của các tu sĩ ngoại đạo làm giảm uy tín của Đức Phật, để mong phục hồi uy tín của mình.

Đức Phật dạy về nghiệp ác cũ của Ngài:

Trong tiền kiếp quá khứ, Như Lai là người si mê tên Munā□i đã xúc phạm đến Đức Phật Độc Giác Surabhi, sau khi chết, do nghiệp ác ấy cho quả tái sinh trong cõi địa ngục phải chịu khổ suốt thời gian lâu dài nhiều ngàn năm, cho đến khi mãn nghiệp ác ấy.

Do năng lực nghiệp ác cũ ấy còn dư sót chút đỉnh, trong kiếp hiện tại này Như Lai bị vu khống do bởi cô tu nữ ngoại đạo Sundarī.

Đức Phật và chư Tỳ khuru Tăng bị vu khống giết tu nữ *Sundarī* để giấu tội lỗi (*abbhakkhāna*)

Trong quá khứ, Đức Bồ Tát, tiền kiếp của Đức Phật *Gotama*, sinh ra trong gia đình thuộc dòng dõi Bàlamôn, Đức Bồ Tát là bậc đa văn túc trí, học nhiều hiểu rộng, tinh thông các bộ sách Bàlamôn. Ngài làm thầy dạy nhóm đệ tử 500 vị Bàlamôn tại khu rừng dưới chân núi *Himavantu*. Một hôm, vị Đạo sĩ chứng đắc bát thiên [12], ngũ thông [13] có nhiều oai lực, đến tu viện của Đức Bồ Tát. Đức Bồ Tát gặp vị Đạo sĩ này, liền phát sinh tâm ganh tỵ, nên vu khống vị Đạo sĩ này rằng:

“*Vị Đạo sĩ này lừa dối! Vị Đạo sĩ này thích hưởng dục lạc ngũ trần...*”

Đức Bồ Tát còn nói với nhóm đệ tử của mình về vị Đạo sĩ ấy là người lừa dối, thích hưởng dục lạc ngũ trần...

Nhóm đệ tử tin theo lời của Thầy, đi vào xóm làng khát thực, cũng nói xấu vị Đạo sĩ ấy như vậy.

Đức Bồ Tát sau khi chết, do nghiệp ác ấy cho quả tái sinh làm chúng sinh trong cõi địa ngục, chịu quả khổ suốt thời gian lâu dài hằng nhiều ngàn năm, cho đến khi mãn nghiệp ác ấy, mới được thoát ra khỏi địa ngục.

Kiếp hiện tại là kiếp chót, Đức Bồ Tát *Siddhattha* trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian, danh thơm tiếng tốt của Ngài lan truyền khắp mọi nơi, từ Vua chúa, các nhà phú hộ, dân chúng có đức tin nơi Đức Phật, Đức Pháp, chư Tỳ khuru Tăng, họ cúng dường bốn thứ vật dụng đầy đủ sung túc. Ngược lại, các nhóm ngoại đạo; phân đông tín đồ ngoại đạo từ bỏ các tu sĩ ngoại đạo, đến kính xin quy y nương nhờ nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng. Họ không còn hộ độ cúng dường đến các tu sĩ ngoại đạo; cho nên, đời sống các tu sĩ ngoại đạo càng ngày càng thiếu thốn khổ cực hơn trước.

Dù các tu sĩ ngoại đạo và cô *Sundarī* vu khống Đức Phật những điều xấu không có thật, vẫn không làm giảm uy tín Đức Phật được, nên nhóm tu sĩ ngoại đạo dùng đến thủ đoạn thâm độc là thuê mướn nhóm côn đồ nghiện rượu giết cô tu nữ ngoại đạo *Sundarī*, rồi giấu xác chết của cô trong đồng rác trước cổng ra vào ngôi chùa *Jetavana*. Nhóm côn đồ nghiện rượu đã hành động y theo kế của họ.

Sau đó, nhóm tu sĩ ngoại đạo xin vào trình Đức vua *Pasenadi Kosala*.

- *Tâu Đức vua, cô tu nữ Sundarī, đệ tử của chúng tôi đã mất tích.*

Đức vua truyền lệnh cho phép đi tìm kiếm cô tu nữ *Sundarī*.

Nhóm tu sĩ ngoại đạo kéo nhau giả bộ đi tìm, đến gặp xác chết cô tu nữ *Sundarī* trong đồng rác trước cổng ra vào ngôi chùa *Jetavana*, họ đặt xác chết cô tu nữ *Sundarī* trên cang đem vào trình Đức vua, rồi khiêng đi quanh thành *Sāvatti* rêu rao vu khống rằng:

“Thưa tất cả mọi người, xin quý vị hãy xem hành vi xấu xa của Samôn Gotama và nhóm đệ tử của y, đã giết chết cô tu nữ Sundarī, đệ tử ngoan đạo của chúng tôi, để che giấu tội lỗi của Samôn Gotama”.

Đức vua *Pasenadi Kosala* anh minh và sáng suốt, truyền lệnh quân lính đi điều tra tìm rõ kẻ đã giết cô tu nữ *Sundarī*.

Khi ấy, nhóm côn đồ nghiện rượu đang uống rượu say sưa rồi cãi cọ với nhau và đổ lỗi cho nhau rằng:

- *Mày giết cô tu nữ Sundarī!*

- *Không phải tao, mà chính mày!*

Lính trong triều đình nghe được câu chuyện, liền bắt nhóm côn đồ nghiện rượu đem trình lên Đức vua xét hỏi.

Đức vua truyền hỏi:

- *Các người đã giết chết cô tu nữ Sundarī có phải không?*

- *Muôn tâu Đức vua! Dạ, phải, chính bọn con giết cô tu nữ Sundarī.*

Đức vua truyền hỏi tiếp:

- *Ai thuê mướn các người giết chết cô tu nữ Sundarī.*

Nhóm côn đồ nghiện rượu liền khai:

- *Muôn tâu Đức vua! Chính nhóm tu sĩ ngoại đạo thuê mướn chúng con giết chết cô tu nữ Sundarī, rồi bảo chúng con đem giấu xác chết của cô trong đồng rác trước cổng ra vào của ngôi chùa Jetavana.*

Đức vua liền truyền lệnh cho bắt nhóm tu sĩ ngoại đạo, bắt chúng phải nhận tội; rồi phải đi quanh thành *Sāvatti* cải chính lại lời vu khống Đức Phật

Gotama và chư Tỳ khuru Tăng trước kia rằng: “Kính thưa tất cả mọi người, chính chúng tôi là người đã thuê mướn nhóm côn đồ nghiện rượu giết chết cô tu nữ Sundarī, để đổ tội cho Samôn Gotama và chư Tỳ khuru Tăng Thanh Văn đệ tử của Ngài. Sự thật, Đức Phật Gotama và nhóm Thanh Văn đệ tử hoàn toàn vô tội”.

Khi nhóm tu sĩ ngoại đạo làm như vậy, dân chúng trong thành *Sāvatti* không còn ngờ vực gì nữa. Đức vua bắt nhóm côn đồ nghiện rượu và nhóm tu sĩ ngoại đạo chủ mưu giết hại cô tu nữ *Sundarī* hành hình.

Sau đó, Đức Phật và chư Tỳ khuru Tăng được phần đông dân chúng gần xa phát sinh đức tin nơi Tam Bảo.

Sở dĩ Đức Phật và nhóm Tỳ khuru Tăng bị vu khống điều xấu, không có thật, là vì nghiệp ác cũ của Đức Bồ Tát, Ngài đã vu khống vị Đạo sĩ trong thời quá khứ, còn năng lực chút đỉnh, nên kiếp chót này có cơ hội cho quả của nghiệp ác cũ ấy.

Đức Phật dạy về nghiệp ác cũ của Ngài:

Đức Bồ Tát, tiền kiếp của Như Lai, là Bàlamôn học xong các bộ sách Bàlamôn, làm Thầy dạy nhóm 500 đệ tử trong khu rừng lớn gần núi Himavanta.

Một vị Đạo sĩ chứng đắc bát thiên và ngũ thông có nhiều oai lực đến tu viện, Như Lai nhìn thấy vị Đạo sĩ ấy phát sinh tâm ganh tỵ đã nói xấu vị Đạo sĩ ấy; Như Lai còn nói với nhóm đệ tử rằng: “Đạo sĩ này lừa dối, Đạo sĩ này thích hưởng dục lạc ngũ trần”. Khi Như Lai nói như vậy, nhóm đệ tử tin theo lời của Như Lai, chúng đi khát thực đến mọi gia đình nói với mọi người rằng: “Đạo sĩ ấy lừa dối, vị Đạo sĩ ấy là người thích hưởng dục lạc ngũ trần”, sau khi chết, do nghiệp ác khẩu ấy cho quả tái sinh trong cõi địa ngục, chịu quả khổ suốt thời gian lâu dài, cho đến khi mãn nghiệp ác ấy.

Do năng lực nghiệp ác cũ ấy còn dư sót chút đỉnh, nên kiếp hiện tại Như Lai và nhóm 500 Tỳ khuru đều bị vu khống, về cái chết của cô tu nữ Sundarī.

Đức Phật bị lửa phỏng da bàn chân

Trong quá khứ, Đức Bồ Tát, tiền kiếp của Đức Phật *Gotama*, là đứa trẻ nghịch ngợm đang chơi ở ngoài đường, nhìn thấy Đức Phật Độc Giác đang đi khát thực, Đức Bồ Tát đốt lửa vây quanh Ngài.

Đức Bồ Tát sau khi chết, do nghiệp ác ấy cho quả tái sinh trong 4 cõi ác giới, chịu quả khổ cho đến khi mãn nghiệp ác ấy, mới được thoát khỏi cõi địa ngục.

Kiếp hiện tại là kiếp chót, Đức Bồ Tát *Siddhattha* trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, do năng lực của nghiệp ác ấy còn dư sót chút đỉnh, nên Đức Phật bị lửa phỏng da bàn chân.

Tuyển chọn nhóm xạ thủ bắn Đức Phật

Trong quá khứ, Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật *Gotama*, là một tướng lĩnh giết hại nhiều kẻ thù.

Đức Bồ Tát sau khi chết, do nghiệp ác sát sanh cho quả tái sinh trong cõi địa ngục, chịu quả khổ cho đến khi mãn nghiệp ác ấy, mới được thoát ra khỏi cõi địa ngục.

Kiếp hiện tại là kiếp chót, Đức Bồ Tát *Siddhattha* trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, do năng lực của nghiệp ác cũ ấy còn dư sót chút đỉnh, khiến Tỳ khuru *Devadatta* tuyển chọn nhóm xạ thủ cung nỏ bắn tên, để giết hại Đức Phật. Nhóm xạ thủ không thể bắn mũi tên ra được, đến đánh lễ sám hối; Đức Phật thuyết pháp tế độ, họ đều trở thành bậc Thánh Nhập Lưu.

Đức Phật bị đung mảnh đá nơi ngón chân cái (*Silāvedho*)

Đức Bồ Tát, tiền kiếp của Đức Phật *Gotama*, sinh trong gia đình giàu sang, có một người em trai cùng cha khác mẹ. Khi cha mẹ qua đời, để lại một gia tài lớn. Hai anh em mỗi người có một đám gia nhân tùy tùng riêng; vì nghe lời xúi giục của đám gia nhân ấy, nên hai anh em gây gỗ, sát hại lẫn nhau, để chiếm đoạt toàn bộ tài sản của cải về mình. Đức Bồ Tát là anh có sức mạnh hơn người em, xô đẩy người em té xuống hốc đá, rồi dùng đá lăn đè chết người em trai.

Đức Bồ Tát sau khi chết, do nghiệp ác sát sanh cho quả tái sinh trong cõi địa ngục, chịu quả khổ suốt thời gian lâu dài nhiều ngàn năm, cho đến khi mãn nghiệp ác ấy, mới được thoát ra khỏi cõi địa ngục.

Kiếp hiện tại là kiếp chót, Đức Bồ Tát *Siddhattha* trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, còn Tỳ khuru *Devadatta* cùng trong dòng dõi là con trai bà cô và ông cậu, cũng là hoàng huynh của Công chúa *Yasodharā*.

Tiền kiếp của Tỳ khuru *Devadatta* và tiền kiếp của Đức Bồ Tát *Siddhattha* là hai người buôn bán nữ trang [14] được tóm lược như sau:

Thuở quá khứ, Đức Bồ Tát, tiền kiếp của Đức Phật, là người buôn bán nữ trang lương thiện, và tiền kiếp của Tỳ khuru *Devadatta* cũng là người buôn bán nữ trang, nhưng có tánh tham lam và gian ác. Một gia đình trước kia là phú hộ, nhưng bây giờ tất cả tài sản đều bị khánh kiệt, chỉ còn cái mâm bằng vàng ròng bị bụi bám đầy. Thừa kế gia đình ấy chỉ còn một bà ngoại già và đứa cháu gái, họ không hề biết gì về giá trị của chiếc mâm vàng ấy.

Một hôm, có người buôn bán nữ trang (*tiền kiếp của Tỳ khuru Devadatta*) từ xa đến, đi ngang nhà, cô cháu gái thấy, liền năn nỉ xin bà ngoại mua cho mình một món nữ trang.

Bà ngoại già âu yếm bảo với cháu gái rằng: *“Này cháu yêu quý! Ngoại không tiếc gì cho cháu cưng đâu. Hiềm một nỗi gia đình mình hiện nay nghèo quá, cơm áo không đủ dùng, thì lấy đâu có tiền bạc mà mua nữ trang cho cháu. Chỉ còn cái mâm cũ kỹ kia, để ngoại hỏi người lái buôn xem thử có đổi được món nữ trang nhỏ nào cho cháu không”*.

Bà liền gọi người lái buôn vào, đưa cái mâm cũ kỹ cho y xem. Sau khi sẫm soi kỹ, với con mắt nhà nghề, người lái buôn biết rõ là cái mâm bằng vàng ròng quý giá, mà hai bà cháu không hề biết được giá trị của nó. Tánh vốn tham lam và gian ác, y tự nghĩ: *“Ta phải chiếm đoạt cái mâm vàng này, mà chỉ cần đổi một món nữ trang nhỏ nhỏ không đáng giá”*. Nghĩ xong, y giả vờ bực dọc ném cái mâm xuống đất rồi nói:

- Cái mâm cũ kỹ này chẳng có giá trị gì cả, nó không đáng giá 12 xu rưỡi! Lấy đâu để đổi lấy một món nữ trang?

Nói xong, người lái buôn tham lam và gian ác kia liền bỏ đi nơi khác.

Ngày hôm sau, người lái buôn lương thiện (*Đức Bồ Tát tiền kiếp của Đức Phật*) đi ngang nhà, cô cháu gái khóc lóc năn nỉ đòi nữ trang cho bằng được. Vì rất thương yêu và muốn vừa lòng cháu, bà gọi người lái buôn vào nhà, lại đem cái mâm cũ kỹ kia đưa cho người lái buôn này xem. Lần này, thì bà kể lể về hoàn cảnh khốn khổ của mình cho người lái buôn nghe, với hy vọng đổi được món nữ trang nhỏ nào đó cho cháu.

Nhà lái buôn lương thiện cầm cái mâm, lau chùi lớp bụi, phát hiện ra cái mâm này không chỉ là một cái mâm bằng vàng ròng tinh chất quý giá, mà

còn chạm trổ những phù điêu, hoa văn tinh tế, công phu, thật là một nghệ thuật tuyệt vời.

Đức Bồ Tát hai tay nâng niu cái mâm và từ tốn thưa rằng:

- Thưa mẹ, cái mâm này không những bằng vàng ròng tinh chất, mà còn là một cổ vật quý giá, ít nhất khoảng trên 100 ngàn Kahāpana (đồng tiền vàng Ấn Độ thời xưa). Tất cả giá trị nữ trang và tiền bạc của con mang theo bên người chưa bằng được một phần trăm, thì con đâu dám đụng đến cổ vật vô giá ấy.

Bà ngoại già vô cùng cảm kích trước tấm lòng chân thật của người lái buôn lương thiện, chân thành nói:

- Đây con, chính tấm lòng chân thật của con quý hơn cả cổ vật này. Hôm trước có người lái buôn nữ trang như con đã chê cái mâm này. Y nói cái mâm này chưa đáng giá 12 xu rưỡi. Khi đi, y còn ném cái mâm xuống đất và thốt lên những lời hằn học nữa. Nếu quả thật, nó bằng vàng quý giá như con nói, thì đó chính là quả phước của con. Vậy, con hãy lấy đi rồi cho cháu ta một món nữ trang nào cũng được, con đừng ái ngại.

Sau nhiều lần từ chối không được, Đức Bồ Tát đành trao lại tất cả số nữ trang và trọn số tiền của mình, tổng cộng giá trị khoảng một ngàn (1.000) đồng tiền vàng cho hai bà cháu, chỉ xin lại tám đồng để chi phí dọc đường.

Đức Bồ Tát đã đem cái mâm vàng ra đi. Sau đó, thì người lái buôn tham lam gian ác trở lại tìm bà cụ, y bảo:

- Đây bà già, hãy đem cái mâm cũ kỹ kia ra đây, tôi sẽ bố thí cho cháu bà một món nữ trang nho nhỏ!

Bà cụ nhìn thấy y, con người gian xảo đáng khinh bỉ, bà bảo:

- Đây ông kia, cái mâm vàng của tôi đáng giá 100 ngàn đồng, sao trước đây ông chê, cho rằng nó chưa đáng giá 12 xu rưỡi? Tôi đã bán cho một người lái buôn nữ trang lương thiện, ông ấy đã trao cho tôi trọn số tiền 500 đồng của mình và tất cả số nữ trang còn lại. Tôi đã trao cái mâm vàng cho người ấy mang đi xa rồi.

Nghe nói vậy, người lái buôn tham lam và gian ác cảm thấy vô cùng tiếc rẻ gào lên:

- Ôi! Ta đã bị thiệt hại quá lớn rồi! Tên lái buôn kia đã cướp cái mâm bằng vàng đáng giá 100 ngàn đồng của ta rồi!

Gào thét đến khô hơi tắt tiếng, tâm uất hận đến cực độ, tên lái buôn nằm lăn xuống đất ngất xỉu. Khi tỉnh dậy, như người điên, y xả bỏ quần áo, đồ nữ trang vung vãi, với đầu bù tóc rối, y chạy đuổi theo Đức Bồ Tát. Lúc ấy, Ngài đã qua quá nửa dòng sông, vẫn nghe văng vẳng tiếng gào thét của y: “*Hãy trở lại! Hãy trở lại!*”. Ngài bảo người lái đò chèo thẳng qua bên kia sông.

Bên bờ sông này, quá thất vọng và tiếc của, quá uất hận, cơn nóng giận cực độ làm cho người lái buôn máu trào ra miệng, lăn ra chết ngay tại chỗ. Trước khi tắt thở, với tâm sân hận y thốt ra lời nguyện độc địa kết oan trái với Đức Bồ Tát: “*Ta sẽ kết oan trái với ngươi dù bất cứ ở địa vị nào*”. Đó là lần kết oan trái đầu tiên giữa tiền kiếp của Tỳ khuru *Devadatta* với tiền kiếp của Đức Phật.

Bởi vậy, trong suốt khoảng thời gian tử sinh luân hồi, hễ mỗi khi hai người gặp lại nhau, ở hoàn cảnh nào, địa vị nào, hậu kiếp của người lái buôn tham lam gian ác kia cũng tìm cách giết hại hoặc làm khổ Đức Bồ Tát; dù ở địa vị làm cha, Đức Bồ Tát làm con, thì người cha ấy cũng tìm đủ lý do để giết hại Đức Bồ Tát. Thậm chí cho đến kiếp cuối cùng; hậu kiếp của người lái buôn nữ trang lương thiện trước kia, nay là Thái tử *Siddhattha*, đã chứng đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác, và hậu kiếp của người lái buôn tánh tham lam gian ác trước kia, nay là Hoàng tử *Devadatta* dòng *Sakya* (thân quyến của Thái tử *Siddhattha*) xuất gia trở thành Tỳ khuru *Devadatta*, đệ tử của Đức Phật; Tỳ khuru *Devadatta* tìm đủ mọi mưu mô thâm độc để giết hại Đức Phật. Nhưng do oai lực của Đức Phật Chánh Đẳng Giác, cho nên không một ai trên thế gian có khả năng giết hại được Ngài.

Do năng lực nghiệp ác cũ sát sanh của Đức Phật ấy còn dư sót chút đỉnh, nên khiến Tỳ khuru *Devadatta* leo lên núi *Gijjhakūṭa* xô tảng đá lăn xuống, trên đường Đức Phật đi kinh hành, tảng đá bị ngăn lại, chỉ vỡ một mảnh đá nhỏ rơi xuống đụng phải đầu ngón chân cái của Đức Phật, làm bầm máu mà thôi. Như vậy, Tỳ khuru *Devadatta* phạm phải một trong năm trọng nghiệp vô gián.

Đức Phật dạy về nghiệp ác cũ của Ngài:

Trong tiền kiếp quá khứ, Như Lai đã giết người em trai cùng cha khác mẹ, vì nguyên nhân tranh đoạt gia tài của cha mẹ để lại, Như Lai đã xô em trai xuống hốc đá, rồi lăn đá đè chết.

Do quả của nghiệp ác cũ ấy, kiếp chót này, Như Lai bị Tỳ khưu Devadatta xô tảng đá lăn xuống, nhưng tảng đá bị ngăn lại, chỉ vỡ một mảnh đá nhỏ văng ra đung vào ngón chân cái của Như Lai.

Đức Phật bị mảnh đá đung ngón chân cái làm bầm máu (*Sakalikāvedha*)

Đức Bồ Tát, tiền kiếp của Đức Phật *Gotama*, sinh trong một gia đình bình thường; khi còn nhỏ rất tinh nghịch, cậu bé đang chơi giữa đường lớn, nhìn thấy Đức Phật Độc Giác đang đi khát thực, cậu bé nghĩ: “*Samôn trọc đầu đi đâu?*”, rồi cầm một mảnh đá ném vào sau lưng Đức Phật Độc Giác, đung phải gót chân của Ngài làm trầy da, chảy máu.

Đức Bồ Tát sau khi chết, do nghiệp ác ấy cho quả tái sinh trong cõi địa ngục, chịu quả khổ suốt thời gian lâu dài hàng ngàn năm, cho đến khi mãn nghiệp ấy, mới được thoát ra khỏi cõi địa ngục.

Kiếp hiện tại là kiếp chót, Đức Bồ Tát *Siddhattha* trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác. Khi Đức Phật đang đi kinh hành tại núi *Gijjhakūṭa*, do năng lực của nghiệp ác cũ trong quá khứ còn dư sót chút đỉnh, khiến Tỳ khưu *Devadatta* xô tảng đá lăn xuống, tuy tảng đá bị cản lại, nhưng một mảnh đá nhỏ vỡ văng ra đung vào ngón chân cái của Đức Phật, làm cho bầm máu. Đó là do quả của nghiệp ác cũ quá khứ của Ngài.

Đức Phật bị mổ vết thương bằng dao (*Satthaccheda*)

Đức Bồ Tát, tiền kiếp của Đức Phật *Gotama*, là Đức vua một nước nhỏ ngoài trung xứ, Đức vua Bồ Tát gần gũi thân cận với các vị quan cận thần ác, nên trở thành Đức vua ác. Một ngày nọ, Đức vua nổi khùng cầm gươm, đi chân trần (*không mang dày dép*) ra khỏi cung điện chạy vào thành giết chết nhiều người vô tội.

Đức Bồ Tát sau khi chết, do nghiệp ác sát sanh ấy cho quả tái sinh trong 4 cõi ác giới: *địa ngục, nga quỷ, atula, súc sinh*, chịu quả khổ cho đến khi mãn nghiệp ác ấy, mới được thoát ra khỏi 4 cõi ác giới.

Kiếp hiện tại là kiếp chót, Đức Bồ Tát *Siddhattha* trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác. Do năng lực của nghiệp ác cũ trong quá khứ còn dư sót chút

đỉnh, khiến Tỳ khru *Devadatta* xô tảng đá lăn xuống, một mảnh đá nhỏ văng đụng, làm ngón chân cái của Ngài bị bầm máu.

Về sau, thái y *Jīvaka* dùng con dao bén mổ vết thương lấy máu bầm ra với *tâm từ*; đó là nghiệp thiện, để chữa trị vết thương ở đầu ngón chân cái của Đức Phật.

Tỳ khru *Devadatta* làm bầm ngón chân Đức Phật, bằng mảnh đá với *tâm sân*, nên phạm phải trọng ác nghiệp gọi là *nghiệp vô gián* (*anantariyakamma*) chắc chắn sẽ cho quả tái sinh trong cõi địa ngục *Avecī*.

Đức Phật dạy về nghiệp cũ của Ngài:

Trong tiền kiếp quá khứ, Như Lai là Đức vua đi chân trần cầm gươm vào thành giết người vô tội. Sau khi chết, do nghiệp ác ấy cho quả tái sinh trong cõi địa ngục, chịu quả khổ bị hành hạ thiêu đốt trong địa ngục suốt thời gian lâu dài, cho đến mãn nghiệp ác ấy, mới thoát ra khỏi cõi địa ngục.

Do quả của nghiệp ác cũ còn dư sót chút đỉnh, kiếp hiện tại, kiếp chót này, Như lai bị mổ lấy máu bầm ở vết thương đầu ngón chân cái của Như Lai; bởi vì nghiệp cũ còn năng lực cho quả.

Đức Phật bị voi *Nāgiri* rượt đuổi

Đức Bồ Tát, tiền kiếp của Đức Phật *Gotama*, là người nài voi, đang cỡi voi đi, nhìn thấy Đức Phật Độc Giác đang đi trên đường, Đức Bồ Tát nài voi liền nghĩ rằng: “*Samôn đầu tọc này từ đâu đến đây?*”. Y phát sinh tâm sân làm cho con voi nổi giận rượt theo Đức Phật Độc Giác.

Đức Bồ Tát sau khi chết, do nghiệp ác ấy cho quả tái sinh trong cõi địa ngục, chịu quả khổ suốt thời gian lâu dài, cho đến khi mãn nghiệp ác ấy, mới được thoát ra khỏi cõi địa ngục.

Kiếp hiện tại là kiếp chót, Đức Bồ Tát *Siddhattha* trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác. Do năng lực của nghiệp ác cũ trong quá khứ còn dư sót chút đỉnh, khiến Tỳ khru *Devadatta* đến gặp Vua *Ajātasattu* trình tâu âm mưu dùng voi *Nāgiri* hung dữ để sát hại Đức Phật; Đức vua chấp thuận.

Tỳ khru *Devadatta* ra lệnh người quản tượng:

- Ngày mai, ngươi phải cho hung tượng Nāgiri uống 16 hũ rượu, say điên cuồng rồi thả ra theo con đường mà Samôn Gotama thường hay đi vào thành khát thực, để nó chạy thẳng đến chà chết Samôn Gotama.

Sáng hôm ấy, Đức Phật cùng chư Tỳ khuru Tăng đang ngự vào thành Rājagaha, voi Nāgiri nhìn thấy Đức Phật từ xa ngự đến, liền cuộn vòi, quạt hai lỗ tai, cong đuôi chạy thẳng đến nơi Đức Phật, ví như một quả núi đang簸 nhào về phía Ngài. Đức Phật liền niệm rải tâm từ đến voi Nāgiri, rồi gọi bằng một giọng phạm âm ngọt ngào trìu mến:

- Này Nāgiri con yêu quý! Người ta cho con uống 16 hũ rượu mạnh, làm cho con say điên cuồng, để con giết hại Như Lai.

Con hãy đến đây với Như Lai, này Nāgiri yêu quý!

Voi Nāgiri hung ác nghe giọng phạm âm ngọt ngào trìu mến của Đức Phật, liền mở mắt, ngẩng đầu nhìn thẳng thấy kim thân Đức Phật tỏa ra ánh từ bi, thì lập tức cơn say điên cuồng tan biến mất, tâm thức tỉnh. Do nhờ oai lực tâm từ của Đức Phật, voi Nāgiri hạ vòi xuống, ngoan ngoãn đi lần đến, quỳ một cách cung kính dưới đôi bàn chân của Đức Phật.

Đức Phật thuyết pháp tế độ voi Nāgiri, toàn thân tâm của voi Nāgiri phát sinh hỷ lạc chưa từng có. Nếu không phải là loài súc sanh, thì sau khi nghe pháp xong chắc chắn voi Nāgiri đã chứng đắc một trong những Thánh Đạo - Thánh Quả nào đó của các bậc Thánh; nhưng vì voi Nāgiri là loài súc sanh, nên không thể chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả được.

Từ đó về sau, voi Nāgiri [15] trở thành voi hiền lành dễ mến cho đến trọn đời của nó.

Đức Phật dạy về nghiệp cũ của Ngài:

Trong tiền kiếp quá khứ, Như Lai là người quản tượng, đang cỡi voi đi trên đường, Đức Bồ Tát quản tượng làm cho con voi nổi giận rượt đuổi Đức Phật Độc Giác đang đi khát thực, sau khi chết, do nghiệp ác ấy cho quả tái sinh trong 4 cõi ác giới chịu quả khổ cho đến khi mãn nghiệp ác ấy, mới thoát ra khỏi 4 đường ác đạo.

Do năng lực của nghiệp ác cũ còn dư sót chút đỉnh, khiến Tỳ khuru Devadatta sai người quản tượng thả voi Nāgiri chạy nhào đến trước mặt Như Lai đang đi vào kinh thành Rājagaha để khát thực.

Đức Phật bị bệnh đau đầu (*sīsadukkha*)

Đức Bồ Tát, tiền kiếp của Đức Phật *Gotama*, sinh trong gia đình ngư dân, Đức Bồ Tát cùng đám ngư dân đến chỗ bắt cá, nhìn thấy đám ngư dân bắt được cá rất nhiều gom thành đồng lớn, Đức Bồ Tát cùng tất cả đám ngư dân liền phát sinh tâm hoan hỷ về sự sát sanh ấy.

Đức Bồ Tát sau khi chết, do nghiệp ác ấy cho quả tái sinh trong cõi ác giới: *địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sanh* cho đến khi mãn nghiệp ác ấy, mới được thoát ra khỏi cõi ác giới.

Kiếp hiện tại, kiếp chót Đức Bồ Tát *Siddhattha* trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác. Do quả của nghiệp ác cũ hoan hỷ sự sát sanh, trong quá khứ ấy còn dư sót chút đỉnh, nên đôi khi Đức Phật bị bệnh đau đầu; còn tiền kiếp của đám ngư dân trong quá khứ, nay kiếp hiện tại sinh trong hoàng tộc dòng *Sakya* đều bị tiêu diệt bởi Đức vua *Viṣṇu* [\[16\]](#).

Đức Phật dạy về nghiệp cũ của Ngài:

Tiền kiếp của Như Lai sinh trong xóm ngư dân. Nhìn thấy đám ngư dân bắt được cá rất nhiều, Như Lai phát sinh tâm hoan hỷ.

Do năng lực của nghiệp ác cũ còn dư sót chút đỉnh đôi khi cho quả bệnh đau đầu phát sinh trong kiếp chót của Như Lai, còn đám ngư dân trong quá khứ, nay là dòng họ Sakya bị Đức vua Viṣṇu tàn sát tất cả.

Đức Phật độ cơm gạo đỏ (*yavakhādana*)

Đức Bồ Tát, tiền kiếp của Đức Phật *Gotama*, sinh trong gia đình thuộc giai cấp thấp, kém học thức, là kẻ si mê (*andhabāla*). Đức Bồ Tát nhìn thấy chư Tỳ khưu Thanh Văn đệ tử của Đức Phật độ vật thực ngon lành, cơm gạo *sāli*, nên Đức Bồ Tát đã xúc phạm rằng: “*Các Samôn đầu trọc này hãy dùng cơm gạo đỏ, đừng dùng cơm gạo sāli...*”.

Đức Bồ Tát sau khi chết, do nghiệp ác khẩu ấy cho quả tái sinh trong 4 cõi ác giới, chịu quả khổ suốt thời gian lâu dài, cho đến khi mãn nghiệp ác ấy, mới được thoát ra khỏi 4 cõi ác giới.

Kiếp hiện tại là kiếp chót, Đức Bồ Tát *Siddhattha* trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, Ngài cùng chư Tỳ khưu Tăng du hành khắp mọi nơi, thuyết pháp tế độ cho chúng sinh có duyên lành nên tế độ.

Một thuở nọ, Đức Phật cùng nhóm 500 Tỳ khuru Tăng ngự đến xứ *Verañjā*. Hay tin Đức Phật đã ngự đến, ông Balamôn *Verañja* đến hầu Đức Phật, đề đầu khẩu tranh tài với Đức Phật, nhưng ông Balamôn không thể thắng được Đức Phật, liền hồi tâm tinh trí phát sinh đức tin trong sạch nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, lắng nghe chánh pháp liền chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu. Ông thành kính đánh lễ Đức Phật, thỉnh cầu Đức Phật cùng chư Tỳ khuru Tăng an cư nhập hạ 3 tháng mùa mưa tại xứ *Verañjā* này.

Đức Phật im lặng nhận lời thỉnh cầu của ông Balamôn.

Từ ngày ấy, Ma vương tâm ác làm cho tâm của dân chúng xứ *Verañjā* mê muội, và đồng thời khi ấy tại xứ *Verañjā* đang gặp phải hạn hán mất mùa, nạn đói phát sinh, dân chúng bị chết đói rất đông; bởi do thiếu thốn vật thực, cho nên Đức Phật cùng nhóm 500 Tỳ khuru Tăng đi khát thực, không có một ai cúng dường để bát.

Đoàn người lái buôn từ xứ *Uttarāpatha* cùng với 500 cỗ xe ngựa vừa đến xứ *Verañjā* gặp mùa mưa, nên đành phải trú lại. Họ nhìn thấy chư Tỳ khuru đi khát thực nhưng không được gì, họ phát sinh thiện tâm làm phước thiện bố thí cúng dường phần lúa đem theo làm vật thực cho ngựa, giã ra thành gạo đỏ, nấu cơm, chư thiên bỏ thêm vào hương vị trời, rồi cúng dường để bát đến Đức Phật cùng nhóm 500 chư Tỳ khuru Tăng đệ tử của Ngài.

Như vậy, Đức Phật cùng nhóm 500 Tỳ khuru Tăng độ cơm gạo đỏ suốt 3 tháng trong mùa an cư nhập hạ năm ấy, cho đến ngày làm đại lễ *Pavāra* (lễ yếu cầu thỉnh mời chỉ lỗi của mình) trước ngày mãn hạ, Ma vương tâm ác không còn làm cho dân chúng xứ *Verañjā* mê muội nữa. Thật vậy, ông Balamôn *Verañja* nhớ lại trước đây 3 tháng, có thỉnh mời Đức Phật cùng nhóm 500 Tỳ khuru Tăng đệ tử của Ngài an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa tại xứ *Verañjā* này, mà ông đã quên hẳn, nên suốt thời gian nhập hạ ông không cúng dường bốn thứ vật dụng đến Đức Phật cùng nhóm 500 Tỳ khuru Tăng.

Ông Balamôn *Verañja* đến hầu Đức Phật, kính thỉnh Ngài cùng nhóm 500 Tỳ khuru Tăng ngày hôm sau, ông xin làm phước đại thí cúng dường đến chư Tỳ khuru Tăng có Đức Phật chủ trì, đồng thời ông kính xin Đức Phật cùng chư Tỳ khuru Tăng tha thứ tội lỗi mê muội quên hẳn bốn phận của ông.

Thật ra, đó là nghiệp ác cũ mà Đức Bồ Tát, tiền kiếp của Đức Phật *Gotama*. Nghiệp ác cũ ấy cho quả không những một mình Đức Phật phải chịu quả

khổ, mà nhóm 500 Tỳ khru Tăng đệ tử của Ngài cũng bị ảnh hưởng quả của nghiệp ác ấy.

Đức Phật bị bệnh đau lưng (*piññhidukkha*)

Đức Bồ Tát, tiền kiếp của Đức Phật *Gotama*, sinh trong gia đình giàu sang, Đức Bồ Tát có dáng vóc lùn, nhưng có sức mạnh phi thường.

Thời ấy, có một võ sĩ đô vật thân hình vạm vỡ, qua những trận đọ sức với các đối thủ từ khắp tỉnh thành cho đến thủ đô, y đều toàn thắng, y tự cho mình là người vô địch. Một hôm, võ sĩ này đến quê hương của Đức Bồ Tát, cũng như các nơi khác, không có một đối thủ nào có thể đọ sức nổi với y; cho nên, y huyênh hoang tự đắc cho mình là người vô địch, rồi hãnh diện lên đường đi đến nơi khác.

Khi ấy, Đức Bồ Tát nghĩ rằng:

“Người võ sĩ này đã thắng tất cả các võ sĩ đô vật trên quê hương của ta, rồi ra đi với vẻ tự cao ngã mạn như vậy”.

Đức Bồ Tát liền đến gặp y vỗ tay bảo rằng:

- Người hãy đến đây, đọ sức với ta rồi đi!

Võ sĩ đô vật cười khanh khách và nghĩ rằng:

- Các địch thủ to lớn, ta còn thắng một cách dễ dàng, huống gì dáng người thấp lùn này, ta chỉ cần dùng một tay là đủ.

Y vỗ tay đi đến gặp Đức Bồ Tát. Hai người bắt tay lẫn nhau trước khi đọ sức.

Đức Bồ Tát vồ đến ôm gọn thân hình vạm vỡ của y, nhấc hông chân lên, đưa lên hư không, quay vòng tròn, rồi động vai mạnh xuống mặt đất làm y sụn cột xương sống, rồi để y nằm dài trên mặt đất, không còn cựa quậy được nữa.

Dân chúng trong xứ thấy vậy vỗ tay tán dương khen thưởng Đức Bồ Tát đã thắng được một võ sĩ đô vật lừng danh, rồi họ tặng cho Đức Bồ Tát những phần thưởng vô cùng quý giá.

Đức Bồ Tát chữa trị lại phần xương vai, xương cột sống cho võ sĩ, rồi đỡ y đứng dậy và dạy bảo y, từ nay về sau không nên đo sức so tài với ai nữa.

Mỗi khi Đức Bồ Tát được tái sinh làm người, nghiệp ác làm khổ võ sĩ đô vật ấy, nếu có cơ hội cho quả, thì Đức Bồ Tát thường bị đau lưng, đau mình nhưc mỗi.

Kiếp hiện tại là kiếp chót, Đức Bồ Tát *Siddhattha* trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, hoàn toàn không còn khổ tâm do phiền não nữa; nhưng Đức Phật vẫn còn khổ thân tứ đại, thường mắc bệnh đau lưng... Cho nên, đôi khi Đức Phật đang thuyết pháp, bệnh đau lưng phát sinh, Ngài truyền dạy Đại đức *Sāriputta* hoặc Đại đức *Mahāmoggallāna* thay thế Ngài tiếp tục thuyết pháp; còn Ngài cho đệ tử trái y nằm nghỉ, để giảm bớt cơn đau lưng. Đó là quả của nghiệp cũ.

Đức Phật dạy về nghiệp ác cũ của Ngài:

Trận đô vật, Như Lai đã làm khổ võ sĩ đô vật trong thời quá khứ; nay kiếp hiện tại, do quả của nghiệp cũ ấy, nên bệnh đau lưng phát sinh đến cho Như Lai.

Đức Phật bị bệnh đại tiện ra máu (*atisāra*: bệnh kiết lỵ)

Đức Bồ Tát, tiền kiếp của Đức Phật *Gotama*, sinh trong gia đình thầy thuốc. Đức Bồ Tát trưởng thành sinh sống bằng nghề làm thầy hốt thuốc chữa bệnh cho mọi người. Khi Đức Bồ Tát chữa bệnh cho con trai một phú hộ; người con trai phú hộ trả tiền công hốt thuốc không xứng đáng. Vì không hài lòng nên Đức Bồ Tát đã hốt thuốc xổ cho con trai phú hộ uống.

Khi Đức Bồ Tát được tái sinh làm người, do nghiệp ác cho uống thuốc xổ ấy, nếu có cơ hội cho quả, thì Đức Bồ Tát bị bệnh kiết lỵ, đi đại tiện ra máu.

Kiếp hiện tại là kiếp chót, Đức Bồ Tát *Siddhattha* trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác vào năm 35 tuổi. Từ đó về sau, suốt 45 năm thuyết pháp tế độ cho chúng sinh giải thoát khỏi biển khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài. Lúc Đức Phật tròn 80 tuổi, đúng vào ngày rằm tháng tư âm lịch, ngày cuối cùng Ngài tịch diệt Niết Bàn. Sau khi Đức Phật độ món ăn đặc biệt bổ dưỡng *sūkuramaddava* của ông *Cunda kammāraputta*, và có thêm phần hương vị của chư thiên ở các cõi trời bỏ vào món ăn ấy, để bồi bổ tăng thêm sức mạnh trong cơ thể của Ngài. Trên đường đến khu rừng *Kusinārā*, Đức Phật cùng chư Tỳ khưu Tăng trên đường ngự đến khu rừng *Kusinārā*, Ngài

bị lâm bệnh kiệt lý đi đại tiện ra máu, làm cho cơ thể mệt mỏi, lại thêm khát nước, Ngài phải ngừng lại nằm nghỉ ngơi một lúc, rồi mới tiếp tục ngự đến khu rừng *Kusinārā*, Đức Phật tịch diệt Niết Bàn vào canh chót đêm rằm tháng tư (âm lịch).

Đức Phật là bậc cao thượng nhất trong tam giới, thế mà vẫn không sao tránh khỏi nghiệp ác cũ.

Đức Phật dạy về nghiệp ác cũ của Ngài:

Tiền kiếp Như Lai làm nghề thầy thuốc, làm vị thầy chữa bệnh cho con phú hộ; do không hài lòng, vị thầy đã hốt thuốc xổ cho con trai phú hộ uống. Do quả của nghiệp ác ấy cho quả, nên bệnh đại tiện ra máu phát sinh đến Như Lai.

Đức Phật khát nước

Đức Bồ Tát, tiền kiếp của Đức Phật *Gotama*, là người chăn bò, dẫn đàn bò ra đồng ăn cỏ, Đức Bồ Tát nhìn thấy con bò mẹ đang uống nước đục, nên ngăn cấm không cho nó uống theo ý muốn.

Do quả của nghiệp ác ấy, Đức Bồ Tát *Siddhattha* kiếp chót trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, trước khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn, trên đường từ thành phố *Pāvā* đến khu rừng *Kusinārā*, Đức Phật bị lâm bệnh kiệt lý đi đại tiện ra máu, mệt mỏi và khát nước. Ngài truyền dạy Đại đức *Ānanda* đi lấy nước. Ngài Đại đức *Ānanda* đi đến con sông còn ít nước, và lại vừa có 500 chiếc xe bò băng qua sông làm nước sông đục ngầu, nên Ngài Đại đức *Ānanda* không muốn lấy nước ấy. Về phần Đức Phật vì khát nước quá không chịu đựng nổi, nên Ngài truyền dạy Đại đức *Ānanda* phải lấy nước đem về độ cho qua cơn khát. Ngài Đại đức *Ānanda* bước xuống sông, thật phi thường thay!, dòng nước sông đang đục ngầu liền trở nên trong xanh sạch sẽ. Ngài lấy nước ấy đem về dâng cho Đức Phật độ.

Đó là do quả của nghiệp ác cũ ngăn cấm con bò mẹ đang uống nước, trong tiền kiếp của Ngài.

Đức Phật đã thuyết những nghiệp ác cũ đã tạo trong những tiền kiếp quá khứ của Ngài đến chư Tỳ khưu Tăng tại ven rừng gần hồ *Anotatta*.

Tất cả mọi chúng sinh nói chung, mỗi người nói riêng đều tùy thuộc vào **nghiệp** và **quả của nghiệp** của chính mình. *Trong hiện tại, con người có*

quyền chọn lựa nghiệp nào, rồi có quyền tạo nên nghiệp thiện hoặc nghiệp ác ấy; song quả của nghiệp thiện hoặc quả của nghiệp ác phát sinh do hội đủ nhân duyên, hoàn toàn không do mình chọn lựa. Hễ nghiệp thiện là cho quả tốt, quả an lạc...; ngược lại, hễ nghiệp ác là cho quả khổ...

Như vậy, muốn quả tốt, quả an lạc, thì nên tạo mọi nghiệp thiện; và không muốn quả xấu, quả khổ não, thì không nên tạo mọi nghiệp ác.

Nếu chúng sinh nào đã tạo nghiệp thiện hoặc nghiệp ác nào rồi, đến khi nghiệp nào có cơ hội cho quả của nó, thì chúng sinh ấy thọ nhận quả của nghiệp ấy, như là người thừa kế quả của nghiệp mà chính mình đã tạo.

Đức Phật dạy về nghiệp rằng:

*“Kammassako mhi kammadāyādo kammayoni kammabandhu
kammaṃ isaraṃ o yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṃ am vā pāpakaṃ vā,
tassa dāyado bhavissāmi” [17]*

“Ta có nghiệp là của riêng, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ta ra, nghiệp là bà con thân quyến, nghiệp là nơi nương nhờ của ta. Ta tạo nghiệp nào: là thiện nghiệp, hoặc ác nghiệp, ta sẽ là người thừa hưởng quả của thiện nghiệp, hoặc ác nghiệp ấy”.

Mỗi nghiệp thiện, mỗi nghiệp ác, nếu có đầy đủ nhân duyên và cơ hội, thì nó có thể cho quả ngay trong kiếp hiện tại, cho quả tái sinh trong kiếp sau, và những kiếp kế tiếp cho đến trước khi tịch diệt Niết Bàn, đối với bậc Thánh Arahán.

Vậy chúng ta nên có đức tin nơi **nghiệp** và **quả của nghiệp** của mình; còn muốn biết rõ nghiệp quá khứ nào, cho quả như thế nào, trong kiếp hiện tại, không phải là điều dễ biết, đối với tất cả mọi chúng sinh. Duy nhất chỉ có Đức *Sabbaññū* (Đức Phật Toàn Giác) mới thấy rõ, biết rõ nghiệp và quả của nghiệp trải qua vô số tiền kiếp quá khứ, kiếp hiện tại, kiếp vị lai của Ngài và của tất cả mọi chúng sinh. Và một số chư Thánh Arahán cũng có khả năng biết được nghiệp thiện, nghiệp ác của mình trong những tiền kiếp có giới hạn. Quý Ngài thuật lại được ghi vào trong bộ *Apādāna*.

Ngoài Đức Phật và một số chư bậc Thánh Arahán ra, còn lại tất cả chúng sinh khác, không một ai có khả năng biết rõ nghiệp của mình đã tạo trong những tiền kiếp quá khứ.

Thật vậy, bởi vì nghiệp và quả của nghiệp là một trong bốn điều *bất khả tư nghì (acinteyya)*; không nên tư duy suy nghĩ về nghiệp và quả của nghiệp; mà chỉ nên có **đức tin nơi nghiệp và quả của nghiệp** mà thôi. Nếu người nào tư duy suy nghĩ về nghiệp và quả của nghiệp thì người ấy có thể bị loạn trí.

Đức Phật Toàn Giác biết rõ nghiệp ác cũ trong vô số tiền kiếp của Ngài không sao kể xiết, song những nghiệp ác cũ nào mà Ngài nêu ra, là vì những nghiệp ác cũ ấy có liên quan cho quả khổ trong kiếp chót của Ngài, trước khi tịch diệt Niết Bàn.

Những người nào có đức tin nơi nghiệp và quả của nghiệp của mình. Nếu những người ấy, khi đang hưởng quả của nghiệp thiện được giàu sang phú quý, có quyền cao chức trọng v.v... họ cảm thấy hoan hỷ, đời sống được hạnh phúc an lạc; thì họ càng có đức tin nơi nghiệp và quả của nghiệp của họ; cho nên họ tìm mọi cơ hội tốt để tạo nhiều nghiệp thiện như *bố thí, giữ giới, hành thiện*,... Nhờ những nghiệp thiện này nâng đỡ kiếp sống còn của họ được cao thượng, nhất là tạo duyên lành, bồi bổ những pháp hạnh ba-la-mật để mong chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn, giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Nếu những người ấy, khi đang chịu đựng quả khổ của nghiệp ác,... thì họ không hề oán trách một ai cả; vì họ tin chắc chắn rằng đó chỉ là quả của nghiệp ác mà chính họ đã tạo trong thời quá khứ; nay đến thời kỳ cho quả, họ cam chịu quả khổ ấy. Họ phát sanh thiện tâm ghê sợ mọi nghiệp ác, tội lỗi, họ cố gắng tránh xa mọi nghiệp ác đầy tội lỗi, để cho thời vị lai họ không phải chịu cảnh khổ não như thế này nữa.

Như vậy, những người có đức tin nơi nghiệp và quả của nghiệp, dù quả của nghiệp thiện hoặc nghiệp ác phát sinh, họ vẫn có thể phát sanh thiện tâm trong sáng, làm chủ được; không bị quả của nghiệp chi phối, không để **tâm tham** hoặc **tâm sân** phát sinh.

Nghiệp và quả của nghiệp rất công minh không hề thiên vị một ai cả, dù là Đức Phật Chánh Đẳng Giác cao thượng nhất trong toàn cõi thế giới chúng sinh cũng không thoát khỏi quả khổ của nghiệp ác. Huống gì mỗi người trong chúng ta; khi chúng ta hoan hỷ thọ nhận quả của nghiệp thiện, thì chúng ta cũng nên nhẫn nại thọ nhận quả của nghiệp ác với thiện tâm trong sáng.

Người có đức tin nơi nghiệp và quả của nghiệp, tin tưởng rằng: “*Nghiệp nào cho quả cũng có thời hạn mãn nghiệp ấy*”.

Như vậy, nghiệp và quả của nghiệp hoàn toàn không phải là định mệnh, mà nghiệp và quả của nghiệp hoàn toàn tùy thuộc vào định luật ***nhân - quả*** mà thôi.

Đức Phật dạy nghiệp và quả của nghiệp bằng câu kệ rằng:

“*Yādisa□ vapate bīja□, tādisa□ harate phala□
Kalyā□ akārī kalyā□ a□, pāpakāri ca pāpaka□*” [18].

“*Người nào gieo hạt giống thế nào,
Người ấy gặt quả như thế ấy.
Người hành thiện, thì được quả thiện,
Người hành ác, thì chịu quả ác*”.

Nghiệp có cơ hội sẽ cho quả trong kiếp hiện tại, kiếp sau kế tiếp và kiếp thứ ba cho đến kiếp chứng đắc thành bậc Thánh Arahán, trước khi tịch diệt Niết Bàn.

-ooOoo-

Đức Phật với đại cội bồ đề

Tích chuyện tiền kiếp *Kali□gabodhijātaka*

Đức Thế Tôn ngự tại ngôi chùa *Jetavana* của ông Phú hộ *Anāthapi□□ika* gần kinh thành *Sāvatti*, Ngài thuyết giảng tích tiền kiếp *Kali□gabodhi* [19] trong đoạn đầu được tóm lược như sau:

Khi Đức Phật ngự tại ngôi chùa *Jetavana* cùng với chư Đại đức Tỳ khuru Tăng đông đảo, đến khi Đức Phật du hành đến nơi khác, thì chư Đại đức Tỳ khuru Tăng cùng đi theo Ngài. Lúc ấy, ngôi chùa *Jetavana* trở nên trống vắng, không còn một vị nào ở trong chùa cả. Những người cận sự nam, cận sự nữ mang những phẩm vật đến chùa, không thấy Đức Phật và cũng không thấy một Đại đức Tỳ khuru nào cả. Họ không biết dâng lễ cúng dường đến nơi nào, nên họ phải đành đem đến đặt trước cốc *Gandhaku□i* của Đức Phật, rồi họ thui thủi trở về nhà, mà không phát sinh tâm hoan hỷ.

Được biết như vậy, ông phú hộ *Anāthapi*□□*ika* chờ đợi khi Đức Phật cùng chư Đại đức Tỳ khưu Tăng ngự trở lại ngôi chùa *Jetavana*. Ông phú hộ liền đến gặp đánh lễ Ngài Đại đức *Ānanda* và bạch cho Ngài biết rằng:

- *Kính bạch Ngài, mỗi khi Đức Phật cùng chư Đại đức Tỳ khưu Tăng ngự đi du hành đến nơi khác, tại ngôi chùa này trở nên trống vắng. Các người cận sự nam, cận sự nữ đem những phẩm vật đến dâng lễ cúng dường mà không thấy vị nào cả. Họ đành phải đem những phẩm vật đặt trước cửa cốc *Gandhaku*□*i* của Đức Phật, rồi thui thui trở về nhà, mà không phát sinh tâm hoan hỷ.*

Kính bạch Ngài, con kính nhờ Ngài bạch lại với Đức Phật rằng: “Đối với các hàng Phật tử còn có nơi nào khác, để dâng lễ cúng dường nữa hay không?”.

Nhận lời thỉnh cầu của ông phú hộ, Ngài Đại đức *Ānanda* đến hầu đánh lễ Đức Thế Tôn xong, bèn bạch rằng:

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, cetiya là nơi dâng lễ cúng dường có bao nhiêu nơi? Bạch Ngài.*

- *Này Ānanda, cetiya nơi dâng lễ cúng dường có ba nơi.*

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, ba nơi ấy là những nơi nào? Bạch Ngài.*

- *Này Ānanda: Ba nơi ấy là:*

Sāriraka cetiya: Cetiya nơi tôn thờ Xá lợi của Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Paribhoga cetiya: Cetiya nơi mà Đức Phật đã sử dụng như Đại cội Bồ đề, những thứ vật dụng của Đức Phật đã dùng.

Uddissaka cetiya: Cetiya nơi mà người Phật tử tạo nên tượng Đức Phật, ngôi Bảo tháp v.v... để tôn thờ.

Ngài Đại đức *Ānanda* bạch rằng:

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, khi Đức Thế Tôn còn tại thế gian, ba nơi cetiya ấy, các hàng Phật tử có thể dâng lễ cúng dường được hay không? Bạch Ngài.*

- *Này Ānanda, Sāriraka cetiya: Cetiya nơi tôn thờ Xá lợi của Đức Phật Chánh Đẳng Giác, thì khi nào Như Lai tịch diệt Niết Bàn rồi, khi ấy, các hàng Phật tử mới có thể dâng lễ cúng dường cetiya, nơi tôn thờ Xá lợi Đức Phật.*

Này Ānanda, còn Paribhoga cetiya và Uddissaka cetiya, thì ngay khi Như Lai còn tại thế, các hàng Phật tử cũng có thể dâng lễ cúng dường đến hai nơi cetiya ấy.

Này Ānanda, Đại cội Bồ đề được gọi là Paribhoga cetiya, nơi mà Chư Phật sử dụng làm nơi ngồi ngự dưới Đại cội Bồ đề, để chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Lắng nghe Đức Phật dạy như vậy, Ngài Đại đức Ānanda bèn bạch rằng:

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, khi Đức Thế Tôn du hành ngự đến nơi khác, chư Đại đức Tỳ khuru Tăng cũng đi theo Ngài, tại ngôi chùa Jetavana này trở nên trống vắng. Các người cận sự nam, cận sự nữ mang những phẩm vật đến ngôi chùa này, họ không thấy một ai cả, nên không có nơi nào, để họ dâng lễ cúng dường.*

Kính bạch Đức Thế Tôn, như vậy, con có thể thỉnh hạt giống Bồ đề từ Đại cội Bồ đề ở khu rừng Uruvela, đem về gieo trồng tại ngôi chùa Jetavana này, để cho các hàng Phật tử làm cetiya nơi dâng lễ cúng dường, có nên hay không? Bạch Ngài.

Đức Phật hoan hỷ truyền dạy rằng:

- *Sādhū! Ānanda ropehi.*

- *Này Ānanda, tốt lắm! Con hãy nên gieo trồng cây Bồ đề tại ngôi chùa này.*

*Eva □ sante Jetavane mama **nibaddhavāso** viya bhavissati [20].*

*Như vậy, khi có cây Bồ đề trong ngôi chùa Jetavana, cũng như là sự **thường trú của Như Lai.***

Sau khi lắng nghe Đức Phật truyền dạy như vậy, Đại đức Ānanda loan báo cho ông phú hộ *Anāthapi □ - □ ika*, bà đại thí chủ *Visākhā*, Đức vua *Pasenadi Kosala*, cùng toàn thể các cận sự nam, cận sự nữ trong kinh thành *Sāvatti*

rằng sẽ trồng cây Bồ đề tại ngôi chùa *Jetavana*, xin cho người đào lỗ để trồng cây Bồ đề.

Khi ấy, Ngài Đại đức *Ānanda* đến gặp Ngài Đại đức *Mahāmoggallāna* và bạch rằng:

- *Kính bạch Đại đức, đệ muốn trồng một cây Bồ đề tại ngôi chùa Jetavana, kính thỉnh pháp huynh đến Đại cội Bồ đề tại khu rừng Uruvela, thỉnh một hạt giống Bồ đề đem về cho đệ.*

Ngài Đại đức *Mahāmoggallāna* nhận lời, liền dùng phép thần thông bay đến khu rừng *Uruvela*, bay xung quanh Đại cội Bồ đề, để tìm hạt Bồ đề nào già chín, sắp lìa khỏi cành. Ngài dùng tâm y hứng hạt giống Bồ đề, không để rơi xuống mặt đất, thỉnh đem về trao cho Ngài Đại đức *Ānanda*. Ngài Đại đức *Ānanda* đón nhận hạt giống Bồ đề bằng cái đĩa vàng một cách cung kính.

Tiếp đến, Ngài Đại đức *Ānanda* loan báo cho Đức vua *Pasenadi Kosala*, ông phú hộ *Anāthapiṇḍika*, bà đại thí chủ *Visākhā*, cùng toàn thể các cận sự nam, cận sự nữ trong kinh thành *Sāvatti* tụ hội để làm lễ trồng cây Bồ đề. Khi mọi người đã tụ hội đông đủ tại ngôi chùa *Jetavana*; đầu tiên, Đại đức *Ānanda* thỉnh cái đĩa vàng có đựng hạt giống Bồ đề trao cho Đức vua *Pasenadi Kosala*, để gieo trồng cây Bồ đề. Đức vua cung kính đón nhận từ tay của Ngài Đại đức *Ānanda* và suy nghĩ rằng: *Ta tuy là Vua, nhưng người xứng đáng để gieo trồng cây Bồ đề này phải là ông phú hộ Anāthapiṇḍika*. Nghĩ vậy, Đức vua liền trao cái đĩa đựng hạt giống Bồ đề lại cho ông phú hộ; ông phú hộ cung kính đón nhận từ tay của Đức vua. Tiếp theo, ông phú hộ rải phân bón xuống lỗ, rồi hai tay cung kính bưng cái đĩa vàng đựng hạt giống Bồ đề gieo xuống lỗ và phủ một lớp đất lên mặt.

Lúc ấy, mọi người đông đảo đều nhìn thấy, một điều thật là phi thường, chưa từng có bao giờ! Ngay khi vừa gieo xong, liền mọc lên một cây Bồ đề cao 50 hắc tay (cùi tay), có 5 nhánh, mỗi nhánh tỏa dài 50 hắc tay, trở thành một Đại cội Bồ đề to lớn, mà tất cả bốn phương, tám hướng đều nhìn thấy rõ.

Đức vua *Pasenadi Kosala* liền dâng cúng dường 18 đóa hoa sen, tưới nước trong sạch vào gốc cây, ông phú hộ *Anāthapiṇḍika*, bà đại thí chủ *Visākhā*, cùng toàn thể các cận sự nam, cận sự nữ đều vô cùng hoan hỷ, lần lượt dâng lễ cúng dường đến Đại cội Bồ đề một cách cung kính.

Xung quanh Đại cội Bồ đề được xây bốn bức thành hàng rào và cổng ra vào bằng các loại đá rất quý; phần nền gần gốc cây Bồ đề được lót bằng một loại đá quý, để làm nơi dâng lễ cúng dường của các hàng Phật tử.

Ngài Đại đức *Ānanda* vào hầu đánh lễ Đức Thế Tôn bèn bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, chúng con đã trồng Đại cội Bồ đề xong, kính thỉnh Đức Thế Tôn ngự đến sử dụng Đại cội Bồ đề. Khi Đức Thế Tôn sử dụng Đại cội Bồ đề, để cho chúng con được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc lâu dài.

Theo sự thỉnh cầu của Ngài Đại đức *Ānanda*, Đức Thế Tôn ngự đến sử dụng Đại cội Bồ đề nhập Arahán Quả suốt đêm.

Ngài Đại đức *Ānanda* loan báo cho Đức vua *Pasenadi Kosala*, ông phú hộ *Anāthapiṇḍika*, bà đại thí chủ *Visākhā*, cùng toàn thể các cận sự nam, cận sự nữ trong kinh thành *Sāvatti* tụ hội tại Đại cội Bồ đề, để làm đại lễ cúng dường đến Đại cội Bồ đề. Do đó, Đại cội Bồ đề có tên gọi là:

“*Ānanda bodhi: Đại cội Bồ đề của Ngài Đại đức Ānanda*”.

Đại cội Bồ đề của Ngài Đại đức *Ānanda* vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay, tại nền ngôi chùa cổ *Jetavana*, tỉnh *Sāvatti*, xứ **Ấn Độ**.

Đối với các hàng Phật tử là bậc xuất gia, cũng như hàng tại gia là cận sự nam, cận sự nữ phải hết lòng tôn kính cây Bồ đề, bởi vì, khi chúng ta tôn kính cây Bồ đề là như tôn kính Đức Phật vậy. Cho nên, tại mỗi Đại cội Bồ đề là một nơi tôn nghiêm, mà mỗi người Phật tử phải có bổn phận chăm sóc bảo tồn, thường xuyên quét dọn lau chùi sạch sẽ và thường đến lễ bái, dâng lễ cúng dường Đại cội Bồ đề như lễ bái dâng lễ cúng dường Đức Phật vậy.

-ooOoo-

**Tượng Đức Phật
(Buddharūpa)**

- Tượng Đức Phật có từ thời kỳ nào?

- Xuất hiện lần đầu tiên ở đâu?

Sở dĩ có câu hỏi này, là vì qua các thời kỳ kết tập Tam Tạng và Chú giải *Pāṭi* từ lần thứ nhất cho đến lần thứ tư. Trong đó, dạy người Phật tử là bậc xuất gia Tỳ khuru, Tỳ khuru ni và các hàng tại gia là cận sự nam, cận sự nữ phải nên ***tôn kính Đại cội Bồ đề như tôn kính Đức Phật***, không nên chặt cành có tính chất phá hoại cây Bồ đề. Hằng ngày, người Phật tử có phận sự chăm sóc, quét dọn sạch sẽ xung quanh Đại cội Bồ đề, là một nơi tôn nghiêm, xứng đáng là nơi dâng lễ cúng dường đối với Phật tử có đức tin nơi Tam Bảo.

Thời kỳ Đức vua *Asoka* (*Phật lịch 218*), Đức vua là một Đấng Minh Quân có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, hộ độ trong kỳ kết tập Tam Tạng và Chú giải *Pāṭi* lần thứ ba tại chùa *Asokārāma* xứ *Pāṭiliputta*.

Vào năm Phật lịch 236, Đức vua hộ độ phái đoàn gồm 5 vị Đại đức, do Ngài Đại đức *Mahinda* [21] làm trưởng đoàn, đi sang Đảo quốc *Srilankā* để truyền bá Phật giáo. Vào thời kỳ ấy, Đức vua *Devanampiyatissa* trị vì Đảo quốc *Srilankā*, là bạn thân thiết của Đức vua *Asoka*. Đức vua *Devanampiyatissa* cùng các quan trong triều, dân chúng hân hoan đón rước phái đoàn chư Đại đức Tăng rất trọng thể.

Phái đoàn chư Đại đức Tăng thuyết pháp truyền bá giáo pháp của Đức Phật, Đức vua cùng các quan trong triều và dân chúng phần đông phát sinh đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, có số xin phép xuất gia trở thành Tỳ khuru, có số xin thọ phép quy y Tam Bảo, trở thành người cận sự nam, cận sự nữ đã quy y Tam Bảo cho đến trọn đời. Ngoài ra còn có số cận sự nữ muốn xuất gia trở thành Tỳ khuru ni; do đó, Ngài Đại đức *Mahinda* cho người trở về tâu với Đức vua *Asoka* gửi phái đoàn chư Đại đức Tỳ khuru ni sang Đảo quốc *Srilankā*.

Cung nghinh cây Bồ đề sang Đảo quốc *Srilankā*

Đức vua *Asoka* chấp thuận gửi phái đoàn chư Đại đức Tỳ khuru ni, do Đại đức Tỳ khuru ni *Saṅghamittā* [22] làm trưởng đoàn, phái đoàn có cung nghinh một ***cây Bồ đề*** sang trồng trên Đảo quốc *Srilankā*.

Đức vua *Asoka* làm lễ tiễn đưa cây Bồ đề rất long trọng, Đức vua truyền lệnh sứ giả sang trước, để tâu lên Đức vua *Devanampiyatissa* cũng làm lễ đón rước cây Bồ đề cho trọng thể.

Thật vậy, Đức vua *Devanampiyatissa* cùng các quan trong triều và rất đông đảo dân chúng đứng chờ sẵn ở bến thuyền. Khi thuyền của phái đoàn chư

Đại đức Tỳ khuru ni tặng cùng với cây Bồ đề vừa cập bến, chính Đức vua *Devanampiyatissa* đến cung nghinh cây Bồ đề từ trên tay của chư Đại đức Tỳ khuru ni và cùng đón rước phái đoàn chư Đại đức Tỳ khuru ni lên Đảo quốc *Srilankā*.

Như vậy, thời ấy chỉ có **cây Bồ đề** được đưa sang trồng trên Đảo quốc *Srilankā*, mà không đề cập đến tượng của Đức Phật.

Do đó, tượng Đức Phật có từ thời kỳ nào? Thật khó mà xác định chính xác, song do căn cứ của một vài sử liệu cho rằng:

- *Tượng Đức Phật có từ thời kỳ Phật lịch thế kỷ thứ VI, do các nhà nghệ thuật người Karika có đức tin theo Phật giáo, trong xứ Gandhara □ □ ha, thuộc miền Bắc Ấn Độ thời xưa.*

Những nhà nghệ thuật này tư duy rằng:

- *Phái Bàlamôn có các tượng thần linh để họ dâng lễ cúng dường, thì Phật giáo cũng nên có tượng Đức Phật để làm nơi lễ bái, dâng lễ cúng dường. Do đó, các nhà nghệ thuật điêu khắc này học hỏi, nghiên cứu về 32 tướng tốt chính và 80 tướng tốt phụ của Đức Phật làm cơ bản, làm nền tảng để họ sáng tạo nên tượng Đức Phật đầu tiên.*

Một sử liệu khác cho rằng:

- *Tượng Đức Phật đầu tiên có vào khoảng thời gian Phật lịch 700, sau khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn; do các nhà nghệ thuật điêu khắc, tạo hình trong xứ Gandhara □ □ ha, thuộc miền Bắc Ấn Độ thời xưa.*

Tượng Đức Phật có phù hợp với Phật giáo hay không?

Tượng Đức Phật thuộc trong *Uddissaka cetiya*: *Cetiya* nơi mà người tạo nên tượng Đức Phật, ngôi Tháp Bảo v.v... để tôn thờ, lễ bái cúng dường... cho nên, *tượng Đức Phật phù hợp với Phật giáo.*

-ooOoo-

BIỂU TƯỢNG CỦA PHẬT GIÁO

* **Đại cội Bồ đề** là một biểu tượng đặc biệt nhất của Phật giáo, bởi vì Đức Bồ Tát *Siddhattha* đã chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác tại dưới

Đại cội Bồ đề. Đó là cây Đại cội Bồ đề của Đức Phật *Gotama*. Người Phật tử lễ bái, dâng lễ cúng dường đến Đại cội Bồ đề cũng như lễ bái, dâng lễ cúng dường đến Đức Phật. (như trong tích chuyện: “*Cây Bồ đề của Ngài Đại đức Ānanda*”).

* ***Bánh xe Chuyển Pháp Luân*** gồm có 12 cãm là sự luân chuyển của Tam Tuệ Luân: Trí tuệ học, trí tuệ hành, trí tuệ thành trong Tứ Thánh Đế (3 x 4 = 12) là phần cốt lõi của Phật giáo. Cho nên, bánh xe Chuyển Pháp Luân cũng là biểu tượng của Phật giáo.

Hai biểu tượng này, nếu người Phật tử nào có sự hiểu biết Phật Pháp sâu sắc, thì mới có thể nhận thức, biết được tính chất cao thượng của biểu tượng.

Tượng Đức Phật là một biểu tượng Phật giáo

Tượng Đức Phật cũng là một biểu tượng đặc biệt trong Phật giáo, tượng Đức Phật là một hình ảnh rất sống động, gần gũi với con người nhất, con người rất dễ cảm nhận, rất dễ gây những ấn tượng sâu sắc nhất. Cho nên, tượng Đức Phật là một biểu tượng, một hình ảnh dễ liên tưởng đến Đức Phật, là ngôi cao cả nhất mà các hàng Phật tử hết lòng thành kính lễ bái cúng dường

Tượng Đức Phật theo mỹ thuật của mỗi dân tộc

Đức Phật dạy: Một Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác kiếp chót, chắc chắn sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, Đức Bồ Tát ấy có đầy đủ 32 tướng tốt chính của bậc Đại nhân và 80 tướng tốt phụ. Đó là lời dạy của Đức Phật, mà hình ảnh tiêu biểu thì hoàn toàn không có; cho nên, các nhà nghệ thuật điêu khắc tạo hình theo óc tưởng tượng của mình, dựa theo nền mỹ thuật của dân tộc mình để sáng tạo tượng Đức Phật.

Trong quá khứ, tất cả các nhà nghệ thuật đầu tiên điêu khắc tượng Đức Phật, không có một ai nhìn thấy kim thân của Đức Phật bao giờ. Mỗi nhà nghệ thuật, có một quan niệm riêng về cái đẹp và khả năng thẩm mỹ đều khác nhau. Mặc dù họ đã học hỏi nghiên cứu về 32 tướng tốt chính và 80 tướng tốt phụ của Đức Phật, nhưng óc tưởng tượng của mỗi nhà nghệ thuật mang cá tính và tinh thần của dân tộc mình. Vì vậy, ***tượng Đức Phật Gotama*** được tạo ra qua mỗi thời kỳ, mỗi dân tộc, bởi mỗi nhà nghệ thuật có hình dáng hoàn toàn không giống hệt nhau. Tuy nhiên, cũng có một vài đường nét và tính chất chung, tương đối giống nhau; cho nên, khi mọi người Phật tử nhìn thấy tượng thờ, thì có thể nhận biết được đó là ***tượng Đức Phật Gotama***. Do đó họ liền liên tưởng đến Đức Phật có 9 Ân đức cao thượng,

nên phát sinh đức tin trong sạch, tỏ lòng tôn kính, lễ bái, dâng lễ cúng dường một cách cung kính.

Lễ bái cúng dường tượng Đức Phật như thế nào?

Tượng Đức Phật dù làm bằng chất liệu gì, làm bằng *xi măng cốt sắt*, hoặc *bằng đồng, bằng bạc, bằng vàng* hoặc *bằng đá quý, hoặc bằng gỗ quý; thậm chí tượng Đức Phật bằng giấy, dù nhỏ, dù lớn v.v...*, thì người Phật tử cũng không phải lễ bái cúng dường nơi tượng Đức Phật *xi măng cốt sắt, hoặc tượng Đức Phật đồng, tượng Đức Phật bạc, tượng Đức Phật vàng, hoặc tượng Đức Phật đá quý, hoặc tượng Đức Phật gỗ quý, hoặc tượng Đức Phật giấy v.v...* Thật ra, người Phật tử khi nhìn thấy, chiêm ngưỡng tượng Đức Phật ấy, cần phải *liên tưởng đến 9 Ân đức Phật, cho nên khi lễ bái là lễ bái đến 9 Ân đức Phật, khi cúng dường là cúng dường đến 9 Ân đức Phật, khi niệm Phật là niệm đến 9 Ân đức Phật v.v...*

Như vậy, tượng Đức Phật là đối tượng bên ngoài, để liên tưởng đến **9 Ân đức Phật** bên trong thiện tâm của mình. Do đó, tượng Đức Phật tạo nên bằng chất liệu gì, hình dáng, tư thế... khác nhau như thế nào, cũng chỉ là đối tượng hình thức bên ngoài mà thôi. Khi người Phật tử chiêm bái, cung kính đánh lễ, dâng lễ cúng dường... nơi tượng Đức Phật, thì phải luôn luôn tâm niệm đến 9 Ân đức Phật bên trong thiện tâm của mình.

Tuy nhiên, hình dáng, tư thế tượng Đức Phật cũng có tác động đến tư tưởng, tình cảm của người Phật tử. Cho nên, thời xưa ở *xứ Ấn Độ*, các nhà nghệ thuật điêu khắc tạo hình tượng **Đức Phật trong tư thế ngồi đang Chuyển Pháp Luân**, phía dưới Bồ đoàn, ở giữa có *bánh xe Chuyển Pháp Luân*, hai bên có *2 con nai* và *nhóm 5 Tỳ khuru*. Đó là một hình ảnh rất sống động, gọi lại cho người Phật tử một ấn tượng về quá khứ, lần đầu tiên Đức Phật thuyết bài **Kinh Chuyển Pháp Luân** tại khu rừng **phóng sinh nai** gọi là *Isipatana*; để tế độ **nhóm 5 Tỳ khuru**: Ngài *Koṅkassana*, Ngài *Vappa*, Ngài *Bhaddiya*, Ngài *Mahānāma* và Ngài *Assaji*.

Khi người Phật tử nào chiêm ngưỡng tượng Đức Phật trong tư thế Chuyển Pháp Luân, diễn tả lại bối cảnh lịch sử đầu tiên trong Phật giáo, người Phật tử ấy dễ dàng phát sinh đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, mà quên những điều ưu phiền trong đời, tâm được thanh tịnh an lạc.

Như vậy, tượng Đức Phật là đối tượng giúp cho người Phật tử phát sinh đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, chính nhờ đức tin này sẽ làm nền tảng cho mọi thiện pháp phát sinh và tăng trưởng từ dục giới thiện pháp, sắc giới thiện

pháp, vô sắc giới thiện pháp đến Siêu tam giới thiện pháp, đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc lâu dài.

-ooOoo-

[1] Đức Bồ Tát *Siddhattha* đản sinh ra đời vào ngày rằm tháng tư âm lịch; Ngài đi xuất gia vào ngày rằm tháng sáu năm 29 tuổi; Ngài chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác vào ngày rằm tháng tư năm 35 tuổi; Ngài tịch diệt Niết Bàn vào ngày rằm tháng tư, năm 80 tuổi.

[2] 3 tháng ở cõi người, thời gian ở cõi trời Tam Thập Tam Thiên khoảng 3 phút 36 giây ; bởi vì, cứ 1 ngày 1 đêm ở cõi trời này bằng 100 năm ở cõi người.

[3] 80 tuổi kể từ khi đầu thai vào lòng Phật mẫu vào ngày rằm tháng sáu (âm lịch)

[4] *Tasmātihānanda attadīpā vihartha attasara□a anaññasara□ā, dhamma-dīpā dhammasara□ā anaññasara□ā...*

Attā ở đây có nghĩa *sabhavadhammā*, đó là tam giới thiện pháp và Siêu tam giới thiện pháp.

[5] *Dīghanikaya, bộ Mahāvagga, kinh Mahāparicibhānasutta.*

[6] *Sūkuramaddava*: Món thịt heo chín mềm, ngon bổ đặc biệt nhất.

Một số bậc tiền bối có ý kiến cho rằng:

- *Sūkuramaddava*: là món cơm nấu bằng sữa bò tươi, sữa chua, bơ đặc, bơ lỏng... món ăn rất bổ dưỡng, (còn có nghĩa nắm heo).

- *Sūkuramaddava*: Là món ăn được nấu theo cách *rasāyatana-vidhi* từ bộ sách xưa *Rasāyatana-sattha*. Ông *Cunda* hy vọng rằng: Nhờ món ăn bổ dưỡng này, Đức Thế Tôn duy trì được sinh mạng, không tịch diệt Niết Bàn. Món *Sūkuramaddava* đặc biệt nay có chư thiên bỏ thêm thiên vị, cho nên chỉ có Đức Thế Tôn mới có thể tiêu hóa được mà thôi.

[7] *Dīghanikāya, Mahāvagga, kinh Mahāparinibhānasutta.*

- [8] Bộ *Apadāna*, *Buddhāpadāna pubbakammapiloti*.
- [9] Bộ *Khud. Apadāna a□□hakathā*.
- [10] Bộ Chú giải *Dhammapada□□hakathā*, chuyện *Ciñcāmā□avikāvattu*.
- [11] Chuyện nàng *Cincāmānavikā* đầy đủ trong quyển “**Sự tích 8 Phật Lực**”.
- [12] Bát thiên: Đó là 4 bậc thiên hữu sắc và 4 bậc thiên vô sắc.
- [13] Ngũ thông: Thần túc thông, nhãn thông, nhĩ thông, túc mạng thông và tha tâm thông.
- [14] Bộ Chú giải *Jātaka* câu chuyện *Serivavā□ijātaka*.
- [15] Chuyện voi *Nālāgiri* đầy đủ xin đọc thêm trong quyển “**Sự tích 8 Phật Lực**”.
- [16] Bộ Chú giải Pháp Cú, chuyện *Vi□a□ūbhavattu*.
- [17] *A□guttaranikāya*, trong kinh *Abhi□hasutta...*
- [18] Bộ *Samyuttanikāya*, phần *Sagāthavagga*.
- [19] Bộ chú giải *Jātaka*, Tích chuyện *Kali□gabodhijātaka*.
- [20] Bộ chú giải *Jātaka*, tích tiền kiếp *Kali□gabodhijātaka*.
- [21] Ngài Đại đức *Mahinda* là bậc Thánh Arahán, vốn là Thái tử của Đức vua *Asoka*.
- [22] Đại đức Tỳ khưu ni *Samghamittā* là bậc Thánh Arahán, vốn là Công chúa của Đức vua *Asoka*.

CHƯƠNG I (d)

ĐỨC PHÁP (DHAMMA)

Đức Pháp dịch từ danh từ *Pā□i Dhamma* ở đây có nghĩa là **Chánh Pháp** (*Saddhamma*) mà Đức Thế Tôn đã thuyết giảng hoàn hảo phần đầu, hoàn

hảo phần giữa, hoàn hảo phần cuối, đầy đủ ý nghĩa, văn chương trong sáng thanh tịnh.

Chánh pháp có 10 pháp là:

- **Pháp học** (*Pariyattidhamma*).

- **9 pháp Siêu tam giới** (*Navalokuttaradhamma*).

PHÁP HỌC CHÁNH PHÁP

Là lời giáo huấn của Đức Phật gồm có Tam Tạng và Chú giải bằng tiếng Pāṭi.

CHUYỂN PHÁP LUÂN ĐẦU TIÊN

Vào ngày rằm tháng tư, Đức Phật xuất hiện trên thế gian, Đức Pháp cũng xuất hiện cùng một lúc ấy. Bởi vì, trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác là do chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Chánh Pháp, đó là chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn đầu tiên trên toàn cõi thế giới chúng sinh (*Đức Tăng chưa xuất hiện*).

Lần đầu tiên Đức Phật thuyết giảng bài kinh *Chuyển Pháp Luân* (*Dhammacak-kappavattanasutta*) vào ngày rằm tháng sáu, để tế độ nhóm 5 Tỷ khuru, tại vườn phóng sinh nai tên gọi *Isipatana* gần kinh thành *Bārāṇasi*. Khi đó là lúc mặt trời sắp lặn hướng Tây, mặt trăng vừa ló dạng hướng Đông. Lần đầu tiên, Đức Thế Tôn thuyết giảng bài kinh *Chuyển Pháp Luân* này.

Bài kinh Chuyển Pháp Luân (*Dhammacakkappavattanasutta*) [1]

Phần I: Ý nghĩa Kệ khai kinh Chuyển Pháp Luân

“*Bhikkhūnaṃ pañcavaggīnam...*”
Vị Đại Phạm Thiên Sa-ham-pa-ti,
Thỉnh cầu Đức Phật, thuyết pháp độ sinh,
Đức Phật đại bi nhận lời cầu thỉnh
Thuyết pháp giảng giải pháp Tứ Thánh Đế,

*Chánh pháp cao thượng chứng ngộ Niết Bàn
Tế độ chúng sinh, nhóm năm Tỳ khuru
Tại khu rừng rậm, nơi phóng sinh nai
Tên gọi là I-si-pa-ta-na,
Mong sự lợi ích cho toàn chúng sinh,
Lắng nghe bài kinh Chuyển Pháp Luân này,
Thành tựu kết quả cõi người, cõi trời,
Niết Bàn tịch tịnh an lạc tuyệt đối
Chư thiên, phạm thiên vô cùng hoan hỷ,
Này chư thiên trí, xin hãy lắng nghe,
Chúng tôi tụng kinh Chuyển Pháp Luân ấy.*

Phần II: Ý nghĩa bài kinh Chuyển Pháp Luân

“Evam me sutam...”.

Lời Đại đức Ānanda bạch với Ngài Đại Trưởng Lão Mahākassapa:

Kính bạch Đại đức Trưởng Lão Mahākassapa khả kính:

Con là Ānanda được nghe bài kinh Chuyển Pháp Luân từ Đức Thế Tôn như vậy:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự tại khu rừng phóng sinh nai, gọi là Isipatana, trước kia Chư Phật Độc Giác thường ngự xuống. Tại đây, Đức Thế Tôn gọi nhóm 5 Tỳ khuru là Ngài Kondanna, Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma và Ngài Assaji mà dạy rằng:

Hai pháp thấp hèn (Dve antā)

- Này chư Tỳ khuru, có 2 pháp cực đoan thuộc về hai biên kiến mà người xuất gia không nên hành theo, hai pháp ấy như thế nào?

Một là việc thường thụ hưởng khoái lạc trong ngũ dục do tâm tham ái hợp với thường kiến, là pháp thấp hèn của hạng phàm nhân trong đời; không phải là pháp hành của bậc Thánh Nhân, không đem lại lợi ích an lạc nào.

Hai là việc thường tự ép xác hành khổ mình do tâm sân và có đoan kiến, thuộc pháp hành khổ hạnh của ngoại đạo; không phải là pháp hành của bậc Thánh Nhân, không đem lại lợi ích an lạc nào.

Pháp hành Trung Đạo (Majjhimāpatipadā)

- *Này chư Tỳ khuru, không thiên về hai biên kiến ấy, Như Lai đã hành theo **pháp hành Trung Đạo**, nên đã chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế bằng trí tuệ Siêu tam giới, làm cho tuệ nhân phát sinh, trí tuệ thiên tuệ Siêu tam giới phát sinh, để làm vắng lặng mọi phiền não, làm cho trí tuệ Siêu tam giới phát sinh, chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn.*

*Này chư Tỳ khuru, thế nào gọi là **pháp hành Trung Đạo** mà Như Lai đã chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế (bằng trí tuệ Siêu tam giới), làm cho tuệ nhân phát sinh, trí tuệ thiên tuệ Siêu tam giới phát sinh, để làm vắng lặng mọi phiền não, làm cho trí tuệ Siêu tam giới phát sinh chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn.*

Này chư Tỳ khuru, pháp hành Trung Đạo đó chính là Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh cao thượng là: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Này chư Tỳ khuru, nhờ pháp hành Trung Đạo là Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh cao thượng này, mà Như Lai đã chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế (bằng trí tuệ Siêu tam giới), làm cho tuệ nhân phát sinh, trí tuệ thiên tuệ Siêu tam giới phát sinh, đã làm vắng lặng mọi phiền não, làm cho trí tuệ Siêu tam giới phát sinh chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

TỨ THÁNH ĐẾ

1- Khổ Thánh Đế (Dukkha ariyasacca)

- *Này chư Tỳ khuru, Khổ Thánh Đế là chân lý mà bậc Thánh Nhân đã chứng ngộ đó là:*

Tái sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ.

Phải sống với người không thương yêu là khổ.

Phải xa lìa người thương yêu là khổ.

*Mong muốn đừng có sanh, đừng có già, đừng có bệnh, đừng có chết...
mà không thể nào được như ý là khổ.*

Tóm lại, ngũ uẩn là đối tượng của chấp thủ do tâm tham ái và tà kiến là khổ.

2- Nhân sinh Khổ Thánh Đế (*Dukkhasamudaya ariyasacca*)

- *Này chư Tỳ khuru, Nhân sinh Khổ Thánh Đế là chân lý mà bậc Thánh Nhân đã chứng ngộ đó là: Tham ái là nhân dắt dẫn tái sinh, hợp với tham muốn, hài lòng, say mê trong các đối tượng, đăm đuối trong kiếp sống, Nhân sinh Khổ Thánh Đế ấy là:*

Dục ái (kāmatanhā): Tham ái trong 6 cảnh trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp).

Hữu ái (bhavatanhā): Tham ái trong 6 cảnh trần hợp với thường kiến, hoặc tham ái trong 3 cõi (dục giới, sắc giới và vô sắc giới).

Phi hữu ái (vibhavatanhā): Tham ái trong 6 cảnh trần hợp với đoạn kiến.

3- Diệt khổ Thánh Đế (*Dukkhanirodha ariyasacca*)

- *Này chư Tỳ khuru, Diệt Khổ Thánh Đế là chân lý mà bậc Thánh Nhân đã chứng ngộ đó là: Niết Bàn là pháp diệt đoạn tuyệt mọi dục vọng do tâm tham ái ấy không còn dư sót bằng Thánh Đạo Tuệ, xả ly ngũ uẩn, từ bỏ ngũ uẩn; giải thoát khổ, không còn luyến ái dính mắc.*

4- Pháp hành diệt Khổ Thánh Đế (*Dukkhanirodhagaminīpatipadā ariyasacca*)

- *Này chư Tỳ khuru, pháp hành dẫn đến chứng ngộ Niết Bàn, diệt Khổ Thánh Đế là chân lý mà bậc Thánh Nhân đã chứng ngộ đó là: Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.*

Tam Tuệ Luân trong Tứ Thánh Đế

Tam Tuệ Luân trong Khổ Thánh Đế

1- Trí tuệ học biết Khổ Thánh Đế (*Saccanāna*)

- *Này chư Tỳ khuru, tuệ nhãn (cakkhu) thấy rõ Khổ Thánh Đế đã phát sinh, trí tuệ thiên tuệ (nāna) thấy rõ thực tánh Khổ Thánh Đế đã phát sinh, trí tuệ sáng suốt (paññā) thấy rõ khổ sanh, khổ già... đã phát sinh, tuệ minh (vijjā) thấy rõ, thấu suốt hoàn toàn Khổ Thánh Đế đã phát sinh, ánh sáng trí tuệ (āloka) diệt màn vô minh che án Khổ Thánh Đế đã phát sinh đến với Như*

Lai trong mọi pháp **Khổ Thánh Đế**, mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

Thực tánh tất cả các pháp (danh pháp, sắc pháp) trong tam giới, ngoại trừ tâm tham ái ra, đều là Khổ Thánh Đế.

2- Trí tuệ hành biết Khổ Thánh Đế (*Kiccanāna*)

- Nay chư Tỳ khuru, tuệ nhãn... đã phát sinh, trí tuệ thiên tuệ..., trí tuệ sáng suốt..., tuệ minh, ... ánh sáng trí tuệ... đã phát sinh đến với Như Lai, trong mọi pháp **Khổ Thánh Đế**, mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

Thực tánh tất cả các pháp (danh pháp, sắc pháp) Khổ Thánh Đế ấy là pháp nên biết rõ bằng Thánh Đạo Tuệ.

3- Trí tuệ thành biết Khổ Thánh Đế (*Katanāna*)

- Nay chư Tỳ khuru, tuệ nhãn... đã phát sinh, trí tuệ thiên tuệ..., trí tuệ sáng suốt..., tuệ minh, ... ánh sáng trí tuệ... đã phát sinh đến với Như Lai, trong mọi pháp **Khổ Thánh Đế**, mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

Thực tánh tất cả các pháp (danh pháp, sắc pháp) Khổ Thánh Đế ấy là pháp nên biết, thì đã được biết rõ bằng Thánh Đạo Tuệ rồi.

Tam Tuệ Luân trong Nhân sinh Khổ Thánh Đế

1- Trí tuệ học biết Nhân sinh Khổ Thánh Đế (*Saccanāna*)

- Nay chư Tỳ khuru, tuệ nhãn thấy rõ tham ái là Nhân sinh Khổ Thánh Đế đã phát sinh, trí tuệ thiên tuệ thấy rõ thực tánh ba loại tham ái là Nhân sinh Khổ Thánh Đế đã phát sinh, trí tuệ sáng suốt thấy rõ 108 loại tham ái là Nhân sinh Khổ Thánh Đế đã phát sinh, tuệ minh thấy rõ, thấu suốt Nhân sinh Khổ Thánh Đế đã phát sinh, ánh sáng trí tuệ diệt màn vô minh che án Nhân sinh Khổ Thánh Đế đã phát sinh đến với Như Lai, trong mọi pháp **Nhân sinh Khổ Thánh Đế**, mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

Thực tánh ba loại tham ái ấy là Nhân sinh Khổ Thánh Đế, hay Tập Thánh Đế.

2- Trí tuệ hành biết Nhân sinh Khổ Thánh Đế (*Kiccanāna*)

- Nay chư Tỳ khuru, tuệ nhân... đã phát sinh, trí tuệ thiên tuệ..., trí tuệ sáng suốt..., tuệ minh, ... ánh sáng trí tuệ... đã phát sinh đến với Như Lai, trong mọi pháp **Nhân sinh Khổ Thánh Đế**, mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

Thực tánh ba loại tham ái là Nhân sinh Khổ Thánh Đế ấy là pháp nên diệt đoạn tuyệt bằng Thánh Đạo Tuệ.

3- Trí tuệ thành biết Nhân sinh Khổ Thánh Đế (*Katanāna*)

- Nay chư Tỳ khuru, tuệ nhân... đã phát sinh, trí tuệ thiên tuệ..., trí tuệ sáng suốt..., tuệ minh, ... ánh sáng trí tuệ... đã phát sinh đến với Như Lai, trong mọi pháp **Nhân sinh Khổ Thánh Đế**, mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

Thực tánh ba loại tham ái là Nhân sinh Khổ Thánh Đế ấy là pháp nên diệt, thì đã được diệt đoạn tuyệt bằng Thánh Đạo Tuệ rồi.

Tam Tuệ Luân trong Diệt Khổ Thánh Đế

1- Trí tuệ học biết Diệt Khổ Thánh Đế (*Saccanāna*)

- Nay chư Tỳ khuru, tuệ nhân thấy rõ Diệt Khổ Thánh Đế đã phát sinh, trí tuệ thiên tuệ thấy rõ Diệt Khổ Thánh Đế đã phát sinh, trí tuệ sáng suốt thấy rõ thực tánh mỗi loại Niết Bàn đã phát sinh; tuệ minh thấy rõ, thấu suốt Diệt Khổ Thánh Đế đã phát sinh, ánh sáng trí tuệ diệt màn vô minh che án Diệt Khổ Thánh Đế đã phát sinh, đến với Như Lai, trong mọi pháp **Diệt Khổ Thánh Đế**, mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

Thực tánh Niết Bàn là pháp Diệt Khổ Thánh Đế, hay Diệt Thánh Đế.

2- Trí tuệ hành biết trong Diệt Khổ Thánh Đế (*Kiccanāna*)

- Nay chư Tỳ khuru, tuệ nhân... đã phát sinh, trí tuệ thiên tuệ..., trí tuệ sáng suốt..., tuệ minh, ... ánh sáng trí tuệ... đã phát sinh đến với Như Lai trong mọi pháp **Diệt Khổ Thánh Đế**, mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:

Thực tánh Niết Bàn là Diệt Khổ Thánh Đế ấy là pháp nên chứng ngộ bằng Thánh Đạo Tuệ.

3- Trí tuệ thành biết Diệt Khổ Thánh Đế (Katanāna)

*- Nay chư Tỳ khuru, tuệ nhân... đã phát sinh, trí tuệ thiên tuệ..., trí tuệ sáng suốt..., tuệ minh, ... ánh sáng trí tuệ... đã phát sinh đến với Như Lai, trong mọi pháp **Diệt Khổ Thánh Đế**, mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:*

Thực tánh Niết Bàn là Diệt Khổ Thánh Đế ấy là pháp nên chứng ngộ, thì đã được chứng ngộ bằng Thánh Đạo Tuệ rồi.

Tam Tuệ Luân trong Pháp hành diệt Khổ Thánh Đế

1- Trí tuệ học biết pháp hành diệt Khổ Thánh Đế (Saccanāna)

*- Nay chư Tỳ khuru, tuệ nhân thấy rõ Pháp hành diệt Khổ Thánh Đế đã phát sinh, trí tuệ thiên tuệ thấy rõ Pháp hành diệt Khổ Thánh Đế đã phát sinh, trí tuệ sáng suốt thấy rõ thực tánh của chánh kiến... đã phát sinh, tuệ minh thấy rõ, thấu suốt Pháp hành diệt Khổ Thánh Đế đã phát sinh, ánh sáng trí tuệ diệt màn vô minh che án Pháp hành diệt Khổ Thánh Đế đã phát sinh đến với Như Lai, trong mọi **Pháp hành diệt Khổ Thánh Đế** mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:*

Thực tánh Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh là pháp hành (dẫn đến chứng ngộ Niết Bàn), diệt Khổ Thánh Đế, hay Đạo Thánh Đế.

2- Trí tuệ hành biết Pháp hành diệt Khổ Thánh Đế (Kiccanāna)

*- Nay chư Tỳ khuru, tuệ nhân... đã phát sinh, trí tuệ thiên tuệ..., trí tuệ sáng suốt..., tuệ minh, ... ánh sáng trí tuệ... đã phát sinh đến với Như Lai, trong mọi **Pháp hành diệt Khổ Thánh Đế**, mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:*

Thực tánh Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh là pháp hành (dẫn đến chứng ngộ Niết Bàn), diệt Khổ Thánh Đế ấy là pháp nên tiến hành để chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế.

3- Trí tuệ thành biết Pháp hành diệt Khổ Thánh Đế (Katanāna)

- *Này chư Tỳ khuru, tuệ nhân... đã phát sinh, trí tuệ thiên tuệ..., trí tuệ sáng suốt..., tuệ minh, ... ánh sáng trí tuệ... đã phát sinh đến với Như Lai, trong mọi **Pháp hành diệt Khổ Thánh Đế**, mà trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được nghe, chưa từng được biết rằng:*

Thực tánh Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh là pháp hành (dẫn đến chứng ngộ Niết Bàn), diệt Khổ Thánh Đế ấy là pháp nên tiến hành, thì đã được tiến hành, chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế rồi.

Vai trò quan trọng của Tam Tuệ Luân

- *Này chư Tỳ khuru, khi nào trí tuệ thiên tuệ thấy rõ, biết rõ thực tánh của Tứ Thánh Đế theo Tam Tuệ Luân (trí tuệ học, trí tuệ hành, trí tuệ thành), thành 12 loại trí tuệ hoàn toàn trong sáng, thanh tịnh **chưa phát sinh** đến với Như Lai.*

Này chư Tỳ khuru, khi ấy Như Lai chưa dám truyền dạy rằng Như Lai chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác vô thượng trong toàn thế giới chúng sinh: nhân loại, Vua chúa, Samôn, Bàlamôn, chư thiên, Ma vương và phạm thiên cả thảy.

*Này chư Tỳ khuru, khi nào trí tuệ thiên tuệ thấy rõ biết rõ thực tánh của **Tứ Thánh Đế** theo **Tam Tuệ Luân**, thành 12 loại trí tuệ hoàn toàn trong sáng, thanh tịnh **đã phát sinh** đến với Như Lai.*

Này chư Tỳ khuru, khi ấy, Như Lai khẳng định truyền dạy rằng: Như Lai đã chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác vô thượng, trong toàn thế giới chúng sinh: Nhân loại, Vua chúa, Samôn, Bàlamôn, chư thiên, Ma vương và phạm thiên cả thảy.

Trí tuệ quán xét (paccavekkhananāna)

Trí tuệ quán xét đã phát sinh đến với Như Lai, biết rõ rằng: Arahán Thánh Quả Tuệ giải thoát của Như Lai không bao giờ bị hư hoại, kiếp này là kiếp chót, sau kiếp này, chắc chắn không còn tái sinh kiếp nào nữa.

Đại đức Kondanna chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế

Đức Thế Tôn thuyết giảng bài kinh Chuyển Pháp Luân này xong, nhóm 5 Tỳ khuru vô cùng hoan hỷ với lời giáo huấn của Ngài. Trong khi bài pháp vẫn xuôi đang được thuyết giảng, thì Đại đức Kondanna đã phát sinh pháp nhãn

chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ, tâm không còn ô nhiễm bởi phiền não, tà kiến, hoài nghi nữa; Ngài biết rõ ràng, chắc chắn rằng: **“Tất cả các pháp nào trong tam giới có trạng thái sinh, thì tất cả pháp ấy đều có trạng thái diệt”**.

Toàn thể chư thiên, phạm thiên tán dương, ca tụng

Khi Đức Thế Tôn thuyết giảng kinh Chuyển Pháp Luân vừa xong, chư thiên trên địa cầu đồng thanh tán dương ca tụng rằng:

Đức Thế Tôn Chuyển Pháp Luân vô thượng tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần thành Barānasī, chưa từng có Samôn, Bàlamôn, chư thiên, Ma vương, phạm thiên hay bất cứ một ai trong đời này có thể Chuyển Pháp Luân như vậy được.

Đồng thời, chư thiên ở cõi Tứ Đại Thiên Vương được nghe lời tán dương ca tụng của chư thiên địa cầu, cũng đồng thanh tán dương ca tụng như trên.

Cũng như vậy, chư thiên trong cõi Tam Thập Tam Thiên, cõi Dạ Ma Thiên, cõi Đẩu Suất Đà Thiên, cõi Hóa Lạc Thiên, cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên cũng đồng thanh tán dương ca tụng như trên.

Phạm thiên ở cõi trời sắc giới được nghe lời tán dương ca tụng của chư thiên trong cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên, cũng đồng thanh tán dương ca tụng rằng:

“Đức Thế Tôn Chuyển Pháp Luân vô thượng tại khu rừng phóng sanh nai gọi là Isipatana, gần thành Barānasī, chưa từng có Samôn, Bàlamôn, chư thiên, Ma vương, phạm thiên hay bất cứ một ai trong đời này có thể Chuyển Pháp Luân như vậy được”.

Ngay khi ấy, ngay lúc ấy, ngay sát-na ấy, lời tán dương ca tụng lên đến cõi sắc giới phạm thiên cao nhất là “Sắc cứu cánh thiên” (Akanitthā), mười ngàn thế giới này đều rung chuyển, rung động, rung rinh, ánh sáng hào quang của Đức Chánh Đẳng Giác tỏa rộng vô biên cùng khắp thế giới, hơn hẳn oai lực chư thiên, phạm thiên cả thảy.

Đại đức Kondanna có tên Annasikondanna

Khi Đại đức Kondanna chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Nhập Lưu, Đức Thế Tôn hoan hỷ tự thốt lên cho toàn thế giới biết rằng:

- Nay chư vị, quả thật Kondanna đã chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế rồi!

Nay chư vị, quả thật Kondanna đã chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế rồi!

Do vậy, Đại đức Kondanna được gọi là Annasikondanna (Đại đức Kondanna đã chứng ngộ).

Đại đức Annasikondanna xin thọ Tỳ khuru

Khi ấy, Đại đức Annasikondanna đã phát sinh trí tuệ chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, đã đạt đến chân lý Tứ Thánh Đế, đã biết rõ đúng theo chân lý Tứ Thánh Đế, đã thấu rõ, thông suốt chân lý Tứ Thánh Đế, nên đã diệt đoạn tuyệt hoàn toàn mọi điều hoài nghi nơi Đức Phật, Đức Pháp,... không còn hoài nghi nào nữa, với trí tuệ thiên tuệ của mình đã chứng ngộ đúng theo lời giáo huấn của Đức Thế Tôn, nên không còn tin nơi người nào khác nữa.

Đại đức Annasikondanna thành kính đánh lễ Đức Thế Tôn rồi bạch rằng:

- Kính bạch Đức Thế Tôn cao thượng, con xin nương nhờ nơi Ngài, kính xin Ngài cho phép con được thọ Sa di và Tỳ khuru.

Đức Thế Tôn từ bi đưa ngón tay trở chỉ và truyền dạy:

“Ehi bhikkhu! Svākkhāto dhammo cara brahmacariyam sammā dukkhassa antakiriya”.

“Con hãy đến với Như Lai! Con trở thành Tỳ khuru theo ý nguyện! Chánh pháp mà Như Lai đã thuyết giảng, hoàn hảo ở phần đầu, phần giữa, phần cuối. Con hãy nên cố gắng tinh tấn hành phạm hạnh cao thượng để chứng đắc Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả và Niết Bàn, để chấm dứt khổ tử sinh luân hồi”.

Đức Thế Tôn chỉ thuyết dạy như vậy, Đại đức Annasikondanna đã trở thành Tỳ khuru (Xuất gia trở thành Tỳ khuru theo cách gọi Ehi bhikkhū!).

(Xong bài kinh Chuyển Pháp Luân)

*

Trong khi lắng nghe Đức Phật thuyết giảng bài kinh Chuyển Pháp Luân, nhóm 5 Tỳ khuru chỉ có Ngài Đại đức Ko□□anna chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế y theo Đức Phật, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc **Thánh Nhập Lưu** đầu tiên trong giáo pháp của Đức Phật *Gotama*, cùng với 180 triệu chư thiên, phạm thiên cũng chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế y theo Đức Phật, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn tùy theo pháp hạnh ba-la-mật của mỗi vị.

Sau khi đã trở thành bậc Thánh Nhập Lưu, Ngài Đại đức Ko□□anna được Đức Phật cho phép thọ Sadi, Tỳ khuru.

Đức Phật cho phép thọ Tỳ khuru theo cách *Ehi-bhikkhūpasampadā*. Đức Phật đưa bàn tay phải, chỉ bằng ngón trỏ về phía Ngài Ko□□anna dạy rằng:

“Ehi Bhikkhu! Svākkhāto dhammo cara brahmacariya□ sammā dukkhassa antakiriya.”

Nghĩa: *“Con hãy đến với Như Lai! Con trở thành Tỳ khuru theo ý nguyện! Chánh pháp mà Như Lai đã thuyết giảng, hoàn hảo ở phần đầu, phần giữa, phần cuối. Con hãy nên cố gắng tinh tấn hành phạm hạnh cao thượng, để chứng đắc Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả và Niết Bàn, để chấm dứt sự khổ tử sinh luân hồi”*.

Thật kỳ diệu thay! Khi Đức Phật vừa chấm dứt câu, ngay khi ấy, hình tướng cũ Đạo sĩ của Ngài Đại đức Ko□□anna biến mất, thay vào tăng tướng mới, đạo mạo một Tỳ khuru có đầy đủ 8 thứ vật dụng của Samôn [2] thành tựu do phước thần thông của Ngài. Vị Tỳ khuru có tăng tướng trang nghiêm, lục căn thanh tịnh như một vị Tỳ khuru có 60 hạ.

TAM BẢO TRỌN VỆN XUẤT HIỆN

Đức Phật thuyết giảng bài kinh Chuyển Pháp Luân lần đầu tiên vào ngày rằm tháng sáu. Ngài Đại đức Ko□□anna chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu đầu tiên trong giáo pháp của Đức Phật *Gotama*. Đức Phật cho phép Ngài xuất gia thọ Tỳ khuru đầu tiên. Ngay khi ấy, **Tam Bảo: Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo** trọn vẹn đầu tiên xuất hiện trên thế gian.

Trong nhóm 5 Tỳ khuru, Ngài Ko□□anna trở thành bậc Thánh Nhập Lưu, còn lại 4 vị Tỳ khuru khác, Đức Phật còn phải dạy dỗ.

Sáng ngày 16 tháng 6, Đức Phật không ngủ đi khát thực, ở lại trong khu rừng để dạy dỗ Ngài *Vappa* và Ngài *Bhaddiya*, còn 3 vị Tỷ khuru: Ngài *Ko□□anna*, Ngài *Mahānāma* và Ngài *Assaji* đi khát thực, đem về dâng vật thực đến Đức Phật, phần vật thực còn lại phân chia đều cho 5 Tỷ khuru độ trong ngày. Ngày 16 tháng 6, **Ngài Vappa** trở thành bậc Thánh Nhập Lưu và được Đức Phật cho phép thọ Tỷ khuru cũng theo cách *Ehi-bhikkhūpasampadā*.

Ngày 17 tháng 6, Đức Phật dạy dỗ Ngài *Bhaddiya* và Ngài *Mahānāma*, còn Ngài *Ko□□anna*, Ngài *Vappa* và Ngài *Assaji* đi khát thực đem về dâng vật thực đến Đức Phật, phần vật thực còn lại chia đều cho 5 Tỷ khuru. Ngày 17 tháng 6, **Ngài Bhaddiya** trở thành bậc Thánh Nhập Lưu và được Đức Phật cho phép thọ Tỷ khuru theo cách *Ehi-bhikkhūpasampadā*.

Ngày 18 tháng 6, Đức Phật dạy dỗ Ngài *Mahānāma* và Ngài *Assaji*, còn Ngài *Ko□□anna*, Ngài *Vappa* và Ngài *Bhaddiya* đi khát thực đem về dâng vật thực đến Đức Phật, phần vật thực còn lại chia đều cho 5 vị Tỷ khuru.

Ngày 18 tháng 6, **Ngài Mahānāma** trở thành bậc Thánh Nhập Lưu và được Đức Phật cho phép thọ Tỷ khuru theo cách *Ehi-bhikkhūpasampadā*.

Ngày 19 tháng 6, Đức Phật dạy dỗ Ngài *Assaji*, còn 4 vị Tỷ khuru đi khát thực đem về dâng vật thực đến Đức Phật, phần còn lại chia đều đến 5 vị Tỷ khuru. Ngày 19 tháng 6, **Ngài Assaji** trở thành bậc Thánh Nhập Lưu và được Đức Phật cho phép thọ Tỷ khuru theo cách *Ehi-bhikkhūpasampadā*.

Như vậy nhóm 5 Tỷ khuru đều trở thành bậc Thánh Nhập Lưu, mới là bậc Thánh thứ nhất trong Phật giáo. Muốn nâng đỡ nhóm 5 Tỷ khuru lên bậc Thánh Arahán, ngày 20 tháng 6, Đức Phật thuyết bài kinh *Vô Ngã Tướng (Anattalakkha□asutta)*. Thật vậy, sau khi nghe Đức Phật thuyết bài kinh Vô Ngã Tướng xong, nhóm 5 Tỷ khuru đều chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc từ Nhất Lai Thánh Đạo - Nhất Lai Thánh Quả, Bất Lai Thánh Đạo - Bất Lai Thánh Quả cho đến Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả và Niết Bàn trở thành bậc Thánh Arahán cao thượng trong Phật giáo, diệt đoạn tuyệt hoàn toàn mọi phiền não, mọi tham ái, mọi ác pháp không còn dư sót.

Như vậy, Đức Phật có 5 vị Thánh Arahán đã xuất hiện trên thế gian này.

Tóm lược cốt yếu bài kinh Chuyển Pháp Luân

Tứ Thánh Đế là 4 sự thật chân lý mà bậc Thánh Nhân đã chứng ngộ đó là:

1- *Khổ Thánh Đế* đó là *danh pháp* [3], *sắc pháp* [4] trong tam giới đều là khổ, là chân lý mà bậc Thánh Nhân đã chứng ngộ.

2- *Nhân sinh Khổ Thánh Đế* đó là *tham ái* là nhân sinh Khổ Thánh Đế, là chân lý mà bậc Thánh Nhân đã chứng ngộ, hay gọi tắt là *Tập Thánh Đế*.

3- *Diệt Khổ Thánh Đế* đó là *Niết Bàn* là pháp diệt khổ Thánh Đế, là chân lý mà bậc Thánh Nhân đã chứng ngộ, hay gọi tắt là *Diệt Thánh Đế*.

4- *Pháp hành Diệt Khổ Thánh Đế* đó là *Bát Chánh Đạo* hợp đủ 8 chánh, là pháp hành dẫn đến chứng ngộ Niết Bàn diệt Khổ Thánh Đế, là chân lý mà bậc Thánh Nhân đã chứng ngộ, hay gọi tắt là *Đạo Thánh Đế*.

Tứ Thánh Đế này là nền tảng căn bản, là cốt lõi quan trọng trong giáo pháp của Chư Phật trong quá khứ, hiện tại và vị lai.

Trong bài kinh Chuyển Pháp Luân, có một đoạn mà Đức Thế Tôn khẳng định truyền dạy trong toàn cõi thế giới chúng sinh rằng:

*“Yato ca kho me bhikkhave imesu catūsu ariyasaccesu evam tiparivattam dvādasākāram yathā bhūtam nānadassanam suvisuddham ahoṣi. Athāham bhikkhave sadevake loke samārake sabrahmake sassamanabrāhmaniyā pajāya devamanussāya “**anuttaram sammāsambodhim abhisambuddho**” ti paccannāsim...”* [5].

- *Này chư Tỳ khuru, khi nào trí tuệ thiên tuệ đã thấy rõ, biết rõ đúng thực tánh của Tứ Thánh Đế theo Tam Tuệ Luân thành 12 loại trí tuệ trong sáng thanh tịnh, đã phát sinh đến với Như Lai.*

*Này chư Tỳ khuru, khi ấy Như Lai khẳng định truyền dạy rằng: Như Lai đã chứng đắc thành **Đức Phật Chánh Đẳng Giác vô thượng** trong toàn thế giới chúng sinh: Nhân loại, Vua chúa, Samôn, Bàlamôn, chư thiên, Ma Vương và phạm thiên cả thảy.*

Như vậy, Đức Thế Tôn có danh hiệu “**Sammāsambuddha**” vì chính Ngài tự chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế theo **Tam Tuệ Luân** là:

- Trí tuệ học (*saccanāna*) trong Tứ Thánh Đế.
- Trí tuệ hành (*kiccanāna*) trong Tứ Thánh Đế.
- Trí tuệ thành (*katanāna*) trong Tứ Thánh Đế.

Ba loại trí tuệ trong Tứ Thánh Đế (3 x 4) thành 12 loại trí tuệ, mà Đức Phật đã chứng đạt một cách hoàn toàn trong sáng thanh tịnh, để trở thành *Đức Phật Chánh Đẳng Giác (Sammāsambuddho)*.

Đối với hàng Phật tử là bậc xuất gia Sa di, Tỳ khưu, cũng như hàng tại gia cư sĩ là cận sự nam, cận sự nữ, cùng tất cả chư thiên, phạm thiên có nguyện vọng trở thành bậc Thánh Nhân, cũng phải hành theo con đường duy nhất mà Đức Phật đã tiến hành. Đó là: ***Pháp hành trung đạo*** để dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế theo Tam Tuệ Luân, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, pháp giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Tìm hiểu rõ ý nghĩa Tứ Thánh Đế

Trong bộ *Thanh Tịnh Đạo* giảng giải 16 ý nghĩa của Tứ Thánh Đế như sau:

1- Khổ Thánh Đế đó là ***ngũ uẩn chấp thủ***, hay ***danh pháp, sắc pháp trong tam giới*** là sự thật chân lý Khổ Thánh Đế có 4 ý nghĩa thực chất của khổ là:

- Thực chất của khổ luôn luôn hành hạ.
- Thực chất của khổ là do nhân duyên cấu tạo.
- Thực chất của khổ làm nóng nảy.
- Thực chất của khổ là do luôn luôn sinh diệt.

2- Nhân sinh khổ Thánh Đế đó là ***tâm tham ái*** là Nhân sinh Khổ Thánh Đế có 4 ý nghĩa thực chất của tham ái là:

- Thực chất của tham ái là Nhân sinh khổ.
- Thực chất của tham ái làm cho phát sinh khổ đế.
- Thực chất của tham ái ràng buộc trong khổ, không thoát ra khỏi khổ được.
- Thực chất của tham ái dính mắc ở trong khổ đế.

3- Diệt Thánh Đế đó là ***Niết Bàn*** là pháp diệt Khổ Thánh Đế, có 4 ý nghĩa thực chất của Niết Bàn là:

Thực chất của Niết Bàn giải thoát mọi cảnh Khổ Thánh Đế.
Thực chất của Niết Bàn không bị ràng buộc ở trong Khổ Thánh Đế.
Thực chất của Niết Bàn không bị nhân duyên nào cấu tạo.
Thực chất của Niết Bàn không có tử sinh luân hồi.

4- Pháp hành diệt Khổ Thánh Đế đó là **Pháp hành Bát Chánh Đạo** dẫn đến chứng ngộ Niết Bàn, có 4 ý nghĩa thực chất của pháp hành Bát Chánh Đạo là:

Thực chất của pháp hành Bát Chánh Đạo dẫn đến giải thoát khỏi tử sinh luân hồi.

Thực chất của pháp hành Bát Chánh Đạo là nhân dẫn đến chứng ngộ Niết Bàn.

Thực chất của pháp hành Bát Chánh Đạo để chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế.

Thực chất của pháp hành Bát Chánh Đạo dẫn đầu làm phận sự biết Khổ Thánh Đế, diệt Nhân sinh Khổ Thánh Đế, chứng ngộ Niết Bàn.

Tất cả 16 ý nghĩa thực chất của Tứ Thánh Đế này đồng thành tựu phận sự cùng một lúc ở trong Thánh Đạo Tâm, không trước không sau.

Tam Tuệ Luân (*Tiparivatta*)

Tam Tuệ Luân là 3 bậc trí tuệ luân chuyển theo Tứ Thánh Đế như sau:

Saccanāna: Trí tuệ học Tứ Thánh Đế.

Kiccanāna: Trí tuệ hành phận sự Tứ Thánh Đế.

Katanāna: Trí tuệ thành hoàn thành phận sự Tứ Thánh Đế.

1- Trí tuệ học biết Tứ Thánh Đế

1.1 Trí tuệ học biết Khổ Thánh Đế

Trí tuệ học hiểu biết rõ các chi pháp trong Khổ Thánh Đế.

Khổ Thánh Đế đó là **ngũ uẩn chấp thủ**, hay **danh pháp, sắc pháp trong tam giới** mà bậc Thánh Nhân đã chứng ngộ bằng Thánh Đạo Tuệ.

*** Ngũ uẩn chấp thủ là:**

Sắc uẩn chấp thủ: Sắc uẩn là đối tượng của tà kiến và tham ái chấp thủ.

Thọ uẩn chấp thủ: Thọ uẩn là đối tượng của tà kiến và tham ái chấp thủ.

Tưởng uẩn chấp thủ: Tưởng uẩn là đối tượng của tà kiến và tham ái chấp thủ.

Hành uẩn chấp thủ: Hành uẩn là đối tượng của tà kiến và tham ái chấp thủ.

Thức uẩn chấp thủ: Thức uẩn là đối tượng của tà kiến và tham ái chấp thủ.

* **Danh pháp, sắc pháp trong tam giới là:**

- **Danh pháp** đó là *tâm* và *tâm sở* trong tam giới.

Tâm tam giới, có 81 tâm (*không có 8 hay 40 tâm Siêu tam giới*, vì không phải *Khổ Thánh Đế*):

Tâm dục giới có 54 tâm.

Tâm sắc giới có 15 tâm.

Tâm vô sắc giới có 12 tâm.

Tâm sở, có 51 tâm sở (*không có tâm sở tham*, vì *tâm sở tham* thuộc *Tập Thánh Đế*).

- **Sắc pháp** chỉ có trong dục giới và sắc giới, không có trong vô sắc giới gồm có tất cả 28 sắc pháp. [6]

Như vậy, danh pháp, sắc pháp trong tam giới gồm có 81 tâm tam giới + 51 tâm sở + 28 sắc pháp là *Khổ Thánh Đế*, là pháp mà bậc Thánh Nhân đã chứng ngộ bằng Thánh Đạo Tuệ.

1.2 Trí tuệ học biết Nhân sinh khổ Thánh Đế

Trí tuệ học hiểu biết rõ chi pháp trong Nhân sinh khổ Thánh Đế.

Nhân sinh khổ Thánh Đế đó là *tâm sở tham* (*lobhacetāsika*) có tên gọi là **tham ái** (*tanhā*) là Nhân sinh Khổ Thánh Đế.

Tham ái (*tanhā*): Có 3 loại, 6 loại, 18 loại, 54 loại, 108 loại theo cách tính như sau:

* **Tham ái tính theo tính chất:** Tính chất của tham ái có 3 loại:

Kāmatanhā: Dục ái, tham ái trong 6 trần (*sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp*) không hợp với tà kiến.

Bhavatanhā: Hữu ái, tham ái trong 6 trần hợp với thường kiến (*sassataditthi*), hoặc tham ái trong cõi dục giới, cõi sắc giới, cõi vô sắc giới, trong thiên hữu sắc, thiên vô sắc.

Vibhavatanhā: Phi hữu ái, tham ái trong 6 trần hợp với đoạn kiến (*ucchedaditthi*).

* **Tham ái tính theo đối tượng có 6 loại:**

Tham ái phát sinh do nương nhờ 6 đối tượng như sau:

Sắc ái: Tham ái phát sinh do nương nhờ nơi đối tượng sắc trần.

Thanh ái: Tham ái phát sinh do nương nhờ nơi đối tượng thanh trần.

Hương ái: Tham ái phát sinh do nương nhờ nơi đối tượng hương trần.

Vị ái: Tham ái phát sinh do nương nhờ nơi đối tượng vị trần.

Xúc ái: Tham ái phát sinh do nương nhờ nơi đối tượng xúc trần.

Pháp ái: Tham ái phát sinh do nương nhờ nơi đối tượng pháp trần.

* **Tham ái có 18 loại:**

Tính theo 3 tính chất tham ái nhân với 6 đối tượng của tham ái thành 18 loại tham ái.

* **Tham ái có 54 loại:**

Tính theo tham ái phát sinh trong 3 thời như sau:

Thời quá khứ tham ái có 18 loại.

Thời hiện tại tham ái có 18 loại.

Thời vị lai tham ái có 18 loại.

* **Tham ái có 108 loại:**

Tính theo tham ái phát sinh bên trong của mình và bên ngoài mình của người khác, và vật khác (*có sinh mạng và không sinh mạng*) như sau: Bên trong mình tham ái có 54 loại; bên ngoài mình tham ái có 54 loại.

Tổng cộng tất cả bên trong và bên ngoài gồm có 108 loại tham ái. 108 loại tham ái đều là Nhân sinh Khổ Thánh Đế, là pháp mà bậc Thánh Nhân đã chứng ngộ bằng Thánh Đạo Tuệ.

Tâm tham ái không chỉ là nhân sinh khổ ở kiếp hiện tại, mà còn là nhân sinh khổ dẫn dắt tái sinh ở kiếp sau nữa. Hễ còn **tâm tham ái**, thì còn phải tái sinh kiếp sau, trong vòng tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài vô cùng, vô tận.

1.3 Trí tuệ học biết Diệt Khổ Thánh Đế

Trí tuệ học hiểu biết rõ các chi pháp trong Diệt Khổ Thánh Đế.

Diệt Khổ Thánh Đế đó là **Niết Bàn**, là pháp diệt Nhân sinh Khổ Thánh Đế, cũng là pháp diệt quả Khổ Thánh Đế.

* Niết Bàn có 2 loại theo Bậc Thánh Arahán:

Hữu Dư Niết Bàn (Sa upādisesanibbāna): Niết Bàn đối với bậc Thánh Arahán đã diệt đoạn tuyệt tất cả mọi tham ái, mọi phiền não không còn dư sót, cũng gọi là *Phiền Não Niết Bàn (Kilesaparinibbāna)*, song **ngũ uẩn** vẫn còn tồn tại cho đến hết tuổi thọ.

Vô Dư Niết Bàn (Anupādisesanibbāna): Niết Bàn đối với bậc Thánh Arahán đã diệt đoạn tuyệt được tất cả mọi tham ái, mọi phiền não không còn dư sót; đồng thời đến lúc hết tuổi thọ, **ngũ uẩn** tịch diệt Niết Bàn, cũng gọi là *Ngũ Uẩn Niết Bàn (Khandhāparinibbāna)*, chấm dứt sự tử sinh luân hồi trong tam giới.

* Niết Bàn có 3 loại theo đối tượng:

Vô Tướng Niết Bàn (Amimittanibbāna): Niết Bàn đối với hành giả tiến hành thiên tuệ. Khi *trí tuệ thiên tuệ* thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp có **trạng thái vô thường** hiện rõ hơn **trạng thái khổ** và **trạng thái vô ngã**, do **tín pháp chủ** có năng lực hơn 4 pháp chủ khác, dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn gọi là **“Vô Tướng Niết Bàn”**: Niết Bàn không có hiện tượng pháp hành hữu vi.

Vô Ái Niết Bàn (Appanīhitañibbāna): Niết Bàn đối với hành giả tiến hành thiền tuệ. Khi **trí tuệ thiền tuệ** thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp có **trạng thái khổ** hiện rõ hơn *trạng thái vô thường* và *trạng thái vô ngã*, do **định pháp chủ** có năng lực hơn 4 pháp chủ khác, dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn gọi là “**Vô Ái Niết Bàn**”: *Niết Bàn không có tham ái nương nhờ*.

Chơn Không Niết Bàn (Sunnatañibbāna): Niết Bàn đối với hành giả tiến hành thiền tuệ. Khi **trí tuệ thiền tuệ** thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp có **trạng thái vô ngã** hiện rõ hơn *trạng thái vô thường* và *trạng thái khổ*, do **tuệ pháp chủ** có năng lực hơn 4 pháp chủ khác, dẫn đến sự chứng ngộ Niết Bàn gọi là “**Chơn Không Niết Bàn**”: *Niết Bàn hoàn toàn vô ngã, không phải Ta, không phải của Ta*.

Các loại Niết Bàn đều là Diệt Khổ Thánh Đế, là pháp mà chư bậc Thánh đã chứng ngộ bằng Thánh Đạo Tuệ và Thánh Quả Tuệ.

1.4 Trí tuệ học biết Pháp hành diệt Khổ Thánh Đế

Trí tuệ học hiểu biết rõ các chi pháp trong Pháp hành diệt Khổ Thánh Đế.

Pháp hành diệt Khổ Thánh Đế: Đó là **Bát Chánh Đạo** hợp đủ 8 chánh, là pháp hành dẫn đến chứng ngộ Niết Bàn diệt Khổ Thánh Đế.

Bát Chánh Đạo:

Chánh kiến: Trí tuệ chân chính là trí tuệ thiền tuệ chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế: *Khổ Thánh Đế, Tập Thánh Đế, Diệt Thánh Đế và Đạo Thánh Đế*.

Chánh tư duy: Tư duy chân chính là tư duy thoát ra khỏi ngũ trần, tư duy không làm khổ mình khổ người, tư duy không làm hại mình hại người.

Chánh ngữ: Nói lời chân chính là không nói dối, không nói lời chia rẽ, không nói lời thô tục chửi rủa mắng nhiếc, không nói lời vô ích.

Chánh nghiệp: Hành nghiệp chân chính là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm.

Chánh mạng: Nuôi mạng chân chính là tránh xa cách sống tà mạng do thân và khẩu hành ác.

Chánh tinh tấn: Tinh tấn chân chính là

Tinh tấn diệt ác pháp đã phát sinh.
Tinh tấn ngăn không cho ác pháp phát sinh.
Tinh tấn làm cho thiện pháp phát sinh.
Tinh tấn làm tăng trưởng thiện pháp đã phát sinh.

Chánh niệm: Niệm chân chính là niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp, (ngoài ra không gọi là chánh niệm).

Chánh định: Định chân chính là định tâm trong các bậc **thiền Siêu tam giới tâm** có Niết Bàn làm đối tượng. (Ngoài ra, định tâm ở bậc thiền hữu sắc, thiền vô sắc không gọi là chánh định).

Bát Chánh Đạo hợp đủ 8 chánh, là pháp hành dẫn đến chứng ngộ Niết Bàn diệt Khổ Thánh Đế, là pháp mà chư bậc Thánh đã chứng ngộ bằng Thánh Đạo Tuệ và Thánh Quả Tuệ.

Trên đây là 4 **trí tuệ học** hiểu biết các chi pháp của **Tứ Thánh Đế**, thuộc về phần **Pháp học** (*pariyattidhamma*).

2- Trí Tuệ hành phận sự Tứ Thánh Đế

Khi 4 **trí tuệ học** đã hiểu biết rõ tất cả chi pháp trong Tứ Thánh Đế xong rồi, luân chuyển đến 4 **trí tuệ hành** theo phận sự của mỗi Thánh Đế như sau:

2.1 Trí tuệ hành phận sự Khổ Thánh Đế

Khổ Thánh Đế đó là *ngũ uẩn chấp thủ*, hay *danh pháp, sắc pháp trong tam giới*, là pháp mà **trí tuệ hành có phận sự nên biết** (*parinneyya*), hay **trí tuệ hành có phận sự nên biết danh pháp, sắc pháp là khổ đế**. (không phải có phận sự nên diệt, nên chứng ngộ, nên tiến hành).

2.2 Trí tuệ hành phận sự Tập Thánh Đế

Nhân sinh Khổ Thánh Đế đó là *tham ái*, là Nhân sinh Khổ Thánh Đế, là pháp mà **trí tuệ hành có phận sự nên diệt** (*pāhātabba*), hay **trí tuệ hành có phận sự nên diệt tham ái**. (không phải có phận sự nên biết, nên chứng ngộ, nên tiến hành).

2.3 Trí tuệ hành phận sự Diệt khổ Thánh Đế

Diệt Khổ Thánh Đế đó là **Niết Bàn** diệt Nhân sinh Khổ Thánh Đế, là pháp mà **trí tuệ hành có phạm sự nên chứng ngộ** (*sacchikātabba*), hay **trí tuệ hành có phạm sự nên chứng ngộ Niết Bàn**. (không phải có phạm sự nên biết, nên diệt, nên tiến hành).

2.4 Trí tuệ hành phạm sự Pháp hành diệt khổ Thánh Đế

Pháp hành diệt Khổ Thánh Đế đó là **Bát Chánh Đạo** là pháp hành dẫn đến chứng ngộ Niết Bàn, diệt Nhân sinh Khổ Thánh Đế, là pháp mà **trí tuệ hành có phạm sự nên tiến hành** (*bhāvetabba*), hay **trí tuệ hành có phạm sự nên tiến hành Bát Chánh Đạo**. (không phải có phạm sự nên biết, nên diệt, nên chứng ngộ).

Trên đây là 4 **trí tuệ hành** phạm sự của Tứ Thánh Đế, thuộc về phần **pháp hành** (*patipattidhamma*).

3- Trí Tuệ thành phạm sự Tứ Thánh Đế

Khi 4 **trí tuệ hành** đang tiến hành phạm sự Tứ Thánh Đế luân chuyển đến 4 **trí tuệ thành** hoàn thành xong phạm sự của mỗi Thánh Đế như sau:

3.1 Trí tuệ thành phạm sự Khổ Thánh Đế

Khổ Thánh Đế: Đó là **ngũ uẩn chấp thủ**, hay **danh pháp, sắc pháp** trong tam giới, là pháp mà **trí tuệ thành đã biết xong** (*parinnata*), đã hoàn thành xong phạm sự biết Khổ Thánh Đế, hay **trí tuệ thành Thánh Đạo Tuệ - Thánh Quả Tuệ đã biết xong danh pháp, sắc pháp là Khổ Thánh Đế**.

3.2 Trí tuệ thành phạm sự Nhân sinh Khổ Thánh Đế

Nhân sinh Khổ Thánh Đế đó là **tham ái**, là Nhân sinh Khổ Thánh Đế, là pháp mà **trí tuệ thành đã diệt xong** (*pahīna*), đã hoàn thành xong phạm sự diệt Nhân sinh Khổ Thánh Đế, hay **trí tuệ thành Thánh Đạo Tuệ - Thánh Quả Tuệ đã diệt xong tham ái**.

3.3 Trí tuệ thành phạm sự Diệt Khổ Thánh Đế

Diệt Khổ Thánh Đế đó là **Niết Bàn** diệt Nhân sinh Khổ Thánh Đế, là pháp mà **trí tuệ thành đã chứng ngộ xong** (*sacchikata*), đã hoàn thành xong phạm sự chứng ngộ Diệt Khổ Thánh Đế, hay **trí tuệ thành Thánh Đạo Tuệ - Thánh Quả Tuệ đã chứng ngộ xong Niết Bàn**.

3.4 Trí tuệ thành phận sự Pháp hành diệt Khổ Thánh Đế

Pháp hành diệt Khổ Thánh Đế đó là **Bát Chánh Đạo** hợp đủ 8 chánh, pháp hành dẫn đến chứng ngộ Niết Bàn là pháp mà **trí tuệ thành đã tiến hành xong** (*bhāvita*), **đã hoàn thành xong phận sự tiến hành Pháp hành diệt Khổ Thánh Đế**, hay **trí tuệ thành Thánh Đạo Tuệ - Thánh Quả Tuệ đã tiến hành xong Bát Chánh Đạo**.

Trên đây là 4 **trí tuệ thành** đã hoàn thành xong mọi phận sự Tứ Thánh Đế, thuộc về **pháp thành** (*pañivedhadhamma*), đó là sự chứng đắc **4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả** và **Niết Bàn**, gọi là **9 pháp Siêu tam giới** (*navalokuttaradhamma*).

Nhân Quả Liên Quan Tam Tuệ Luân

* Từ quả suy ra nhân:

4 trí tuệ thành đã hoàn thành xong 4 phận sự chứng ngộ chân lý **Tứ Thánh Đế**, chứng đắc **4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả** và **Niết Bàn**, đó là kết quả của **4 trí tuệ hành** theo 4 phận sự của Tứ Thánh Đế.

4 trí tuệ hành hành đúng theo 4 phận sự của Tứ Thánh Đế, đó là kết quả của **4 trí tuệ học** hiểu biết rõ Tứ Thánh Đế.

* Từ nhân đến quả:

4 trí tuệ học hiểu biết đúng theo các chi pháp của Tứ Thánh Đế, làm nhân duyên dẫn đến kết quả **4 trí tuệ hành** theo 4 phận sự của Tứ Thánh Đế.

4 trí tuệ hành hành đúng theo 4 phận sự của Tứ Thánh Đế làm nhân duyên dẫn đến kết quả **4 trí tuệ thành** đã hoàn thành xong 4 phận sự của Tứ Thánh Đế. Đó là, sự chứng ngộ chân lý **Tứ Thánh Đế**, chứng đắc từ Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả, Nhất Lai Thánh Đạo - Nhất Lai Thánh Quả, Bất Lai Thánh Đạo - Bất Lai Thánh Quả đến Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành **bậc Thánh Arahán**. Trí tuệ thấy rõ, biết rõ phạm hạnh đã hoàn thành xong, kiếp này là kiếp chót, không còn phải tái sinh kiếp nào khác nữa.

Như trong đoạn **kinh Chuyển Pháp Luân**, Đức Thế Tôn khẳng định:

“Nānanca pana me dassanam udapādi, akuppā me vimutti, ayamantimājāti, natthi dāni punabbhavo”.

Trí tuệ quán xét đã phát sinh đến Như Lai, biết rõ rằng: “Arahán Thánh Quả Tuệ giải thoát của Như Lai không bao giờ bị hư hoại, kiếp này là kiếp chót, sau kiếp hiện tại này, không còn phải tái sinh kiếp nào nữa.

-ooOoo-

Tam Tuệ Luân của mỗi Thánh Đế

Trong mỗi Thánh Đế có đủ Tam Tuệ Luân như sau:

1- Khổ Thánh Đế

Trí tuệ học hiểu biết rõ danh pháp, sắc pháp trong tam giới là Khổ Thánh Đế.

Trí tuệ hành đang tiến hành thiên tuệ, để thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp là pháp mà trí tuệ thiên tuệ có phận sự nên biết (parinneyya).

Trí tuệ thành đã tiến hành thiên tuệ, đã thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp là pháp mà Thánh Đạo Tuệ - Thánh Quả Tuệ có phận sự nên biết, thì đã biết rồi (parinnāta).

2- Nhân sinh khổ Thánh Đế

Trí tuệ học hiểu biết rõ tham ái là Nhân sinh Khổ Thánh Đế.

Trí tuệ hành đang tiến hành thiên tuệ, để thấy rõ, biết rõ tham ái là pháp mà trí tuệ thiên tuệ có phận sự nên diệt (pahātabba).

Trí tuệ thành đã tiến hành thiên tuệ, đã thấy rõ, biết rõ tham ái là ác pháp mà Thánh Đạo Tuệ - Thánh Quả Tuệ có phận sự nên diệt, thì đã diệt rồi (pahīna).

3- Diệt Thánh Đế

Trí tuệ học hiểu biết rõ Niết Bàn là pháp diệt Khổ Thánh Đế.

Trí tuệ hành đang tiến hành thiên tuệ, để thấy rõ, biết rõ Niết Bàn là pháp mà trí tuệ thiên tuệ có phận sự nên chứng ngộ (sacchikātabba).

Trí tuệ thành đã tiến hành thiên tuệ, đã thấy rõ, biết rõ Niết Bàn là pháp mà Thánh Đạo Tuệ - Thánh Quả Tuệ có phận sự nên chứng ngộ, thì đã chứng ngộ rồi (sacchikata).

4- Pháp hành diệt khổ Thánh Đế

Trí tuệ học hiểu biết rõ Bát Chánh Đạo là pháp hành dẫn đến chứng ngộ Niết Bàn diệt Khổ Thánh Đế.

Trí tuệ hành đang tiến hành pháp hành Bát Chánh Đạo là pháp mà trí tuệ thiên tuệ có phận sự nên tiến hành (bhāvetabba).

Trí tuệ thành đã tiến hành pháp hành Bát Chánh Đạo là pháp mà Thánh Đạo Tuệ - Thánh Quả Tuệ có phận sự nên tiến hành, thì đã tiến hành rồi (bhāvita).

Trong mỗi Thánh Đế đều có Tam Tuệ Luân chuyển; trong Tứ Thánh Đế (4x3) gồm có 12 Tuệ Luân chuyển, có thể tượng trưng như một **bánh xe Pháp Luân** (Dhammacakka) có 12 cãm luân chuyển.

BẢNG TÓM TẮT TUỆ LUÂN TRONG TỨ THÁNH ĐẾ

Tam Tuệ Luân	Tứ Thánh Đế			
	Khổ Thánh Đế	Tập Thánh Đế	Diệt Thánh Đế	Đạo Thánh Đế
Trí tuệ học	Danh - Sắc	Tham ái	Niết Bàn	Bát Chánh Đạo
Trí tuệ hành	Nên biết	Nên diệt	Nên chứng ngộ	Nên tiến hành
Trí tuệ thành	Đã biết	Đã diệt	Đã chứng ngộ	Đã tiến hành

Tứ Thánh Đế	Tam Tuệ Luân		
	Trí tuệ học	Trí tuệ hành	Trí tuệ thành
Khổ Thánh Đế	Danh - Sắc	Nên biết	Đã biết

Tập Thánh Đế	Tham ái	Nên diệt	Đã diệt
Diệt Thánh Đế	Niết Bàn	Nên chứng ngộ	Đã chứng ngộ
Đạo Thánh Đế	Bát Chánh Đạo	Nên tiến hành	Đã tiến hành

Tam Tuệ Luân của 4 Bậc Thánh Nhân

Mỗi bậc Thánh Nhân đều trải qua Tam Tuệ Luân trong Tứ Thánh Đế, mỗi tuệ luân có năng lực trí tuệ khác nhau đối với từng bậc Thánh Nhân.

Bậc Thánh Nhập Lưu trải qua Tam Tuệ Luân trong Tứ Thánh Đế lần thứ nhất, Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ đã diệt đoạn tuyệt được *tham ái trong 4 tâm tham hợp tà kiến (còn 4 tâm tham không hợp tà kiến, thì chưa diệt được)*.

Bậc Thánh Nhất Lai trải qua Tam Tuệ Luân trong Tứ Thánh Đế lần thứ nhì, Nhất Lai Thánh Đạo Tuệ đã diệt đoạn tuyệt được *tham ái ngũ trần loại thô trong 4 tâm tham không hợp tà kiến (còn ngũ trần loại vi tế, thì chưa diệt được)*.

Bậc Thánh Bất Lai trải qua Tam Tuệ Luân trong Tứ Thánh Đế lần thứ ba, Bất Lai Thánh Đạo Tuệ đã diệt đoạn tuyệt được *tham ái ngũ trần loại vi tế trong 4 tâm tham không hợp tà kiến cõi dục giới (còn tham ái trong cõi sắc giới, cõi vô sắc giới, thì chưa diệt được)*.

Bậc Thánh Arahán trải qua Tam Tuệ Luân trong Tứ Thánh Đế lần thứ tư, Arahán Thánh Đạo Tuệ đã diệt đoạn tuyệt được *tham ái trong thiên hữu sắc, thiên vô sắc, cõi trời sắc giới, cõi trời vô sắc giới phạm thiên trong 4 tâm tham không hợp tà kiến*. Như vậy, bậc Thánh Arahán diệt đoạn tuyệt được hoàn toàn tham ái không còn dư sót.

Tính chất 4 phạm sự của Tứ Thánh Đế

4 trí tuệ hành và **4 trí tuệ thành** trong 4 phạm sự của Tứ Thánh Đế có tính chất liên quan đồng thời, không phạm sự nào trước, không phạm sự nào sau:

Trong bộ Thanh Tịnh Đạo có ví dụ rằng:

Khi đốt một cây đèn dầu (hay cây đèn cầy) trong đêm tối, có 4 sự việc xảy ra đồng thời, không trước, không sau:

*Ánh sáng tỏa ra.
Bóng tối bị tan biến.
Tim đèn bị cháy mòn.
Dầu bị hao dần.*

Bốn sự việc xảy ra cùng một lúc, không việc nào trước, không việc nào sau.

Cũng giống như 4 trí tuệ hành và 4 trí tuệ thành trong 4 phạm sự của Tứ Thánh Đế có tính chất đồng thời, không trước, không sau.

Trong Kinh *Gavampati* [7] có đoạn dạy:

Đại đức *Gavampati* thưa với chư Tỳ khưu rằng:

- *Này chư Pháp hữu, tôi được nghe từ nơi Đức Thế Tôn dạy rằng:*

Vị Tỳ khưu nào chứng ngộ Khổ Thánh Đế, vị Tỳ khưu ấy cũng chứng ngộ Tập Thánh Đế, Diệt Thánh Đế, Đạo Thánh Đế.

Vị Tỳ khưu nào chứng ngộ Tập Thánh Đế, vị Tỳ khưu ấy cũng chứng ngộ Khổ Thánh Đế, Diệt Thánh Đế, Đạo Thánh Đế.

Vị Tỳ khưu nào chứng ngộ Diệt Thánh Đế, vị Tỳ khưu ấy cũng chứng ngộ Khổ Thánh Đế, Tập Thánh Đế, Đạo Thánh Đế.

Vị Tỳ khưu nào chứng ngộ Đạo Thánh Đế, vị Tỳ khưu ấy cũng chứng ngộ Khổ Thánh Đế, Tập Thánh Đế, Diệt Thánh Đế...

Như vậy, Tứ Thánh Đế có sự liên quan về phạm sự với nhau đồng thời, không trước, không sau.

Phần giải thích:

*** Bốn trí tuệ hành phạm sự trong Tứ Thánh Đế**

Trong 4 trí tuệ hành phạm sự này, **trí tuệ hành phạm sự khổ đế** là **chính**, còn 3 trí tuệ hành phạm sự kia là **phụ**. Song 4 phạm sự có tính chất đồng thời, không trước, không sau, có **đanh pháp** và **sắc pháp** làm đối tượng.

Khi trí tuệ thiên tuệ thấy rõ, biết rõ ***danh pháp*** nào, ***sắc pháp*** nào là ***khổ đế***, thì đồng thời, ***tham ái là Nhân sinh khổ đế*** không sanh trong danh pháp ấy, sắc pháp ấy; cũng đồng thời, chứng ngộ ***sự diệt của tham ái là Nhân sinh khổ đế*** ở danh pháp ấy, sắc pháp ấy.

Trong khi đang tiến hành thiên tuệ với ***chánh niệm, chánh kiến, chánh tinh tấn***, trí tuệ thiên tuệ thấy rõ, biết rõ ***khổ đế nên biết, tập đế nên diệt, diệt đế nên chứng ngộ***, thì chính ***đạo đế đang nên tiến hành***.

Như vậy, 4 trí tuệ hành phận sự của Tứ Thánh Đế đồng thời, không trước, không sau.

* **Bốn trí tuệ thành phận sự trong Tứ Thánh Đế**

4 trí tuệ thành là đã hoàn thành xong 4 phận sự của Tứ Thánh Đế là quả của 4 trí tuệ hành, cũng có tính chất đồng thời, không trước, không sau, chỉ có ***Niết Bàn*** làm đối tượng.

Khi trí tuệ thiên tuệ Siêu tam giới đó là Thánh Đạo Tuệ đã hoàn thành xong ***phận sự biết Khổ Thánh Đế*** thì:

Đồng thời Thánh Đạo Tuệ cũng đã hoàn thành xong ***phận sự diệt tham ái Nhân sinh Khổ Thánh Đế (Tập Thánh Đế)***.

Đồng thời Thánh Đạo Tuệ và Thánh Quả Tuệ đã ***chứng ngộ Niết Bàn Diệt Khổ Thánh Đế***.

Đồng thời ***Bát Chánh Đạo*** hợp đủ 8 chánh: ***Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định***, đồng sinh với ***Thánh Đạo Tâm***, đã hoàn thành xong ***phận sự tiến hành Pháp hành diệt Khổ Thánh Đế (Đạo Thánh Đế)*** là:

*Khổ Thánh Đế nên biết, thì đã biết xong
Tập Thánh Đế nên diệt, thì đã diệt xong.
Diệt Thánh Đế nên chứng ngộ, thì đã chứng ngộ xong.
Đạo Thánh Đế nên tiến hành, thì đã tiến hành xong.*

Bốn trí tuệ thành phận sự này, đã hoàn thành xong 4 phận sự Tứ Thánh Đế, đồng thời, không trước, không sau, chỉ có ***Niết Bàn*** làm đối tượng.

Vai trò 4 trí tuệ hành và 4 trí tuệ thành

Trong 4 *trí tuệ hành* phận sự của Tứ Thánh Đế, giai đoạn đầu, *trí tuệ hành phận sự biết Khổ Thánh Đế* đóng vai trò chính yếu, đó là trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ *đanh pháp, sắc pháp là khổ đế, là pháp nên biết*. Trí tuệ hành phận sự của mỗi Thánh Đế còn lại, cũng thành tựu phận sự cùng một lúc, không trước, không sau.

Trong 4 *trí tuệ thành* phận sự của Tứ Thánh Đế, giai đoạn cuối, *trí tuệ thành phận sự đã tiến hành Đạo Thánh Đế* đóng vai trò chính yếu, đó là Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh, đồng sinh với Thánh Đạo Tâm - Thánh Quả Tâm, có Niết Bàn làm đối tượng, hoàn thành xong phận sự đã tiến hành xong Bát Chánh Đạo, chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn. *Trí tuệ thành phận sự* của mỗi Thánh Đế còn lại, cũng thành tựu phận sự cùng một lúc, không trước, không sau.

Tứ Thánh Đế trong giáo pháp của Đức Phật

Tứ Thánh Đế là chân lý của chư bậc Thánh, là nền tảng căn bản, là pháp cốt lõi, trọng yếu trong giáo pháp của Chư Phật thời quá khứ, Đức Phật thời hiện tại và Chư Phật thời vị lai. Tứ Thánh Đế đó là:

1- Khổ Thánh Đế đó là *ngũ uẩn chấp thủ*, hay *đanh pháp, sắc pháp trong tam giới*. Trong giáo pháp của Đức Phật, thì tất cả mọi *đanh pháp, sắc pháp cõi dục giới, cõi sắc giới và đanh pháp cõi vô sắc giới*, đúng theo chân lý đều là *khổ đế (dukkhasacca)*, không phải lạc đế. Tuy có thọ lạc, nhưng thọ lạc cũng sinh rồi diệt, luôn luôn hành hạ, nên chỉ có khổ đế mà thôi.

Trong tam giới không có pháp nào gọi là *“lạc đế”*, mà chỉ có *“lạc đảo điên” (sukhavipallāsa)* [8], do quan niệm *tâm đảo điên (cittavipallāsa)*, *tà kiến đảo điên (ditthivipallāsa)*, *trưởng đảo điên (sannāvipallāsa)*.

Đúng theo chân lý thì chỉ có *khổ đế* mà thôi. Dầu có *thọ lạc (sukhavedanā)*, nhưng *thọ lạc cũng bị vô thường biến đổi*, nên cũng chỉ là khổ đế mà thôi.

Như Đại đức Tỳ khưu ni *Vajirā* dạy rằng:

“Chỉ có khổ đế sanh, khổ đế trụ, khổ đế diệt.
Ngoài khổ đế ra, không có gì sanh, không có gì trụ, không có gì diệt...” [9].

Do đó, *ngũ uẩn chấp thủ*, hay *đanh pháp, sắc pháp* trong tam giới đều là khổ đế.

2- Nhân sinh Khổ Thánh Đế đó là *tham ái* là Nhân sinh Khổ Thánh Đế

Tâm tham ái là Nhân sinh khổ trong kiếp hiện tại.

Nếu *tâm tham* không được thỏa mãn, thì *tâm sân* phát sinh, không vừa lòng, làm *khổ tâm*.

Nếu *tâm tham* mà được thỏa mãn, thì phát sinh tâm tham chấp thủ, cho là của ta, cũng làm nhân phát sinh *tâm sân* sâu não, lo sợ cũng làm *khổ tâm*.

Như Đức Phật dạy trong Pháp Cú kệ rằng:

“*Tanhāya jāyatī soko
Tanhāya jāyatī bhayam
Tanhāya vippamuttassa
Natthi soko kuto bhayam?*” [10]

“*Sự sâu não phát sinh do tham ái
Sự lo sợ phát sinh do tham ái
Bậc Thánh Arahán không tham ái
Không sâu não, từ đâu có lo sợ?*”.

Tâm tham ái là nhân dẫn dắt đi tái sinh khổ trong kiếp sau. Ngoại trừ *bậc Thánh Arahán* đã diệt đoạn tuyệt được tất cả mọi tham ái ra, còn lại tất cả mọi chúng sinh: Nhân loại, chư thiên, phạm thiên và gồm cả 3 bậc Thánh hữu học (*Thánh Nhập Lưu, Thánh Nhất Lai, Thánh Bất Lai*) còn tham ái, nên còn phải tái sinh khổ trong kiếp sau.

Chúng sinh có *ngũ uẩn* (*sắc, thọ, tưởng, hành và thức uẩn*) trong cõi dục giới và sắc giới, hay chúng sinh có *tứ uẩn* (*thọ, tưởng, hành và thức uẩn*) ở cõi vô sắc giới, hay chúng sinh chỉ có *nhất uẩn* (*sắc uẩn*) trong cõi sắc giới Vô Tướng Thiên, cũng đều phải chịu *khổ đế*. Chỉ khác nhau là khổ nhiều, khổ ít mà thôi.

Do đó *tâm tham ái* là Nhân sinh Khổ Đế.

3- Diệt Khổ Thánh Đế đó là *Niết Bàn* là pháp diệt đoạn tuyệt được tham ái, *Nhân sinh Khổ Thánh Đế*, cũng là pháp diệt quả Khổ Thánh Đế.

* **Niết Bàn là pháp diệt đoạn tuyệt tham ái**

Hành giả tiến hành thiền tuệ, đến khi chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo Tuệ, có *đối tượng Niết Bàn*, **Thánh Đạo Tuệ** nào có khả năng diệt đoạn tuyệt được *tâm tham ái nào rồi tâm tham ái ấy* vĩnh viễn không bao giờ phát sinh trở lại nữa, gọi là **“Phiền Não Niết Bàn”** (*Kilesaparinihbāna*). Loại phiền não nào đã bị diệt đoạn tuyệt do Thánh Đạo Tuệ rồi, loại phiền não ấy vĩnh viễn không còn sanh trở lại.

Trường hợp **Đức Phật Gotama** chứng ngộ **Phiền Não Niết Bàn** tại Đại cội Bồ đề.

* **Niết Bàn là pháp tịch diệt ngũ uẩn**

Bậc Thánh Arahán đã diệt đoạn tuyệt tất cả mọi tham ái, mọi phiền não không còn dư sót, đến khi hết tuổi thọ, tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt mọi cảnh khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài, gọi là **Ngũ uẩn Niết Bàn** (*Khandhaparinihbāna*). Ngũ uẩn của bậc Thánh Arahán khi tịch diệt Niết Bàn rồi, không còn tái sinh kiếp sau nữa, như ngọn đèn tắt.

Trường hợp **Đức Phật Gotama** tịch diệt **Ngũ uẩn Niết Bàn** tại khu rừng *Kusinārā*.

Do đó, **Niết Bàn** là pháp diệt Khổ Thánh Đế.

4- Đạo Thánh Đế đó là **Bát Chánh Đạo**, là pháp hành dẫn đến chứng ngộ Niết Bàn diệt khổ Thánh Đế.

Hành giả tiến hành thiền tuệ, đến khi chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, có đối tượng Niết Bàn. Khi ấy, **Thánh Đạo Tâm** hợp đủ 8 chánh: *chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định*, đồng sanh với Thánh Đạo Tâm đã hoàn thành xong 4 phận sự:

Khổ Thánh Đế là pháp nên biết, thì Thánh Đạo Tuệ đã biết xong.

Nhân sinh khổ Thánh Đế là pháp nên diệt, thì Thánh Đạo Tuệ đã diệt xong.

Diệt Khổ Thánh Đế là pháp nên chứng ngộ, thì Thánh Đạo Tuệ đã chứng ngộ xong.

Pháp hành diệt khổ Thánh Đế là pháp nên tiến hành, thì Bát Chánh Đạo hợp đủ 8 chánh đã tiến hành xong.

Do đó, **Bát Chánh Đạo** là pháp hành dẫn đến chứng ngộ Niết Bàn diệt khổ Thánh Đế.

Tứ Thánh Đế là nền tảng, là cốt lõi chính yếu trong giáo pháp của Chư Phật. Vì vậy, hành giả tiến hành thiền tuệ, đầu có những đối tượng thiền tuệ khác nhau như *thân, thọ, tâm, pháp, ngũ uẩn, 12 xứ, 18 giới, danh pháp, sắc pháp,...* đến giai đoạn cuối cùng đều đạt đến chứng ngộ chân lý **Tứ Thánh Đế**, mới chứng đắc **4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả** và **Niết Bàn**.

Nhân quả liên quan của Tứ Thánh Đế

Chân lý Tứ Thánh Đế có nhân quả liên quan với nhau như sau:

Khổ Thánh Đế: Đó là *Ngũ uẩn chấp thủ, hay danh pháp, sắc pháp trong tam giới (dục giới, sắc giới, vô sắc giới), là quả của Nhân sinh Khổ Thánh Đế*.

Nhân sinh khổ Thánh Đế đó là *tham* ái là Nhân sinh Khổ Thánh Đế cũng là nhân dẫn dắt tái sinh kiếp sau (*tanhā ponobbhavikā*).

Diệt khổ Thánh Đế đó là *Niết Bàn* không thuộc quả của một nhân nào. Vì *Niết Bàn* là *Pháp Vô vi (Asaṅkhatadhamma)*, là pháp hoàn toàn không do một nhân duyên nào cấu tạo.

Pháp hành diệt khổ Thánh Đế đó là *Bát Chánh Đạo*, là pháp hành dẫn đến chứng ngộ Niết Bàn diệt khổ Thánh Đế.

Như vậy, Bát Chánh Đạo là *nhân đạt đến Niết Bàn (Diệt khổ Thánh Đế)* không phải là *nhân sinh Niết Bàn (Diệt khổ Thánh Đế)*, và *Diệt khổ Thánh Đế* cũng không phải là *quả của Pháp hành diệt khổ Thánh Đế*, mà chỉ là đối tượng *Siêu tam giới* của *Pháp hành diệt khổ Thánh Đế* mà thôi.

Ví dụ: Con đường dẫn đến kinh đô.

Con đường ví như **Bát Chánh Đạo** là *Pháp hành diệt khổ Thánh Đế*.

Kinh đô ví như **Niết Bàn** là pháp *Diệt khổ Thánh Đế*.

Con đường dẫn đến kinh đô, chứ không phải là nhân sinh kinh đô.

Cũng như vậy, Pháp hành diệt khổ Thánh Đế không phải nhân sinh Niết Bàn Diệt khổ Thánh Đế, mà chỉ là nhân đạt đến Niết Bàn Diệt khổ Thánh Đế mà thôi.

Trong Phật giáo có hai pháp hành: Pháp hành thiền định và pháp hành thiền tuệ, mà mỗi pháp hành có mục đích cuối cùng hoàn toàn khác nhau.

Hành giả tiến hành thiền định, để đạt đến *định tâm* trong một đối tượng thiền định, *tâm được an lạc*, để chứng đắc các bậc thiền hữu sắc, các bậc thiền vô sắc. Hành giả nhập thiền (*jhānasamāpatti*) hưởng sự an lạc trong thiền. Sau khi chết, sắc giới thiện nghiệp, hoặc vô sắc giới thiện nghiệp cho quả tái sinh lên cõi sắc giới, hoặc cõi vô sắc giới, tùy theo bậc thiền sở đắc của mình, hưởng sự an lạc trong cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ, rồi lại tái sinh kiếp khác tùy theo nghiệp của mình.

Hành giả tiến hành thiền tuệ, để phát sinh *trí tuệ thiền tuệ* thấy rõ, biết rõ *Khổ đế* trong các danh pháp, các sắc pháp, gọi là *chánh kiến thiền tuệ* (*vipassanāsammādi* □ □ *hi*) dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán. Bậc Thánh có thể nhập Thánh Quả (*phalasangāpatti*) hưởng an lạc Niết Bàn. Đến khi hết tuổi thọ, đồng thời tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt mọi cảnh khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Như vậy, hành giả đang tiến hành thiền định, mà *tâm được an lạc* trong đối tượng thiền định là *hành đúng*; còn hành giả đang tiến hành thiền tuệ, mà *trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ Khổ đế* trong đối tượng thiền tuệ là hành đúng.

- Pháp hành thiền định có trong Phật giáo và ngoài Phật giáo.

- Pháp hành thiền tuệ chỉ có trong Phật giáo mà thôi, không có ngoài Phật giáo.

-ooOoo-

KINH VÔ NGÃ TƯƠNG (ANATTALAKKHA □ A SUTTA)

Đức Thế Tôn thuyết pháp lần đầu tiên bài kinh Chuyển Pháp Luân để tế độ nhóm 5 vị Tỳ khưu, Ngài *Ko □ □ anna* chứng đắc thành bậc Thánh Nhập

Lưu, là vị Thánh Nhân đầu tiên trong giáo pháp của Đức Phật *Gotama* vào ngày rằm tháng 6 (*âm lịch*), tiếp theo sau, mỗi ngày một vị chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu, đến ngày 19 tháng 6, nhóm 5 vị Tỳ khưu đều đã chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu.

Ngày 20 tháng 6, Đức Phật thuyết bài kinh *Vô Ngã Tướng* (*Anattalakkha*□*asutta*) để tế độ nhóm 5 vị Tỳ khưu chứng đắc thành bậc Thánh Arahán.

Phần I: Ý nghĩa kệ khai kinh Vô Ngã Tướng

Dhammacakka□*pavattetvā*...

*Khu rừng yên tịnh nơi phóng sinh nai
Tên gọi là I-si-pa-ta-na
Gần kinh thành Bà-rà-na-si ấy,
Ngày rằm tháng sáu, trăng rằm sáng tỏ
Đức Phật đã thuyết, kinh Chuyển Pháp Luân
Tỳ khưu chứng đắc bậc Thánh Nhập Lưu
Tuần tự theo mỗi ngày, thêm mỗi vị.
Nhóm năm Tỳ khưu thành Thánh Nhập Lưu,
Đến ngày mồng năm [11] tuần trăng hạ huyền
Đức Phật thuyết pháp kinh Vô Ngã Tướng
Tế độ Tỳ khưu, thành A-ra-hán.
Này chư thiện trí, xin hãy lắng nghe
Chúng tôi tụng kinh, Vô Ngã Tướng ấy.*

Phần II: Ý nghĩa của bài kinh Vô Ngã Tướng (*Anattalakkha*□*asutta*) [12]

Eva□*me suta*□...

Lời của Ngài Đại đức Ānanda bạch với Ngài Đại Trưởng Lão Mahākassapa.

- Kính bạch Ngài Đại Trưởng Lão Mahākassapa khả kính.

Con là Ānanda được nghe bài kinh Vô Ngã Tướng từ Đức Thế Tôn như vậy:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, trước kia Đức Phật Độc Giác thường ngự xuống. Tại nơi đây, Đức Thế Tôn bèn gọi nhóm 5 Tỳ khưu rằng:

- *Này chư Tỳ khuru.*

Chư Tỳ khuru đáp lời Đức Thế Tôn:

- *Đạ, kính bạch Đức Thế Tôn.*

Đức Thế Tôn thuyết giảng kinh Vô Ngã Tướng như sau:

Ngũ uẩn là vô ngã

1- Sắc uẩn là vô ngã

- *Này chư Tỳ khuru, sắc uẩn này là vô ngã (không phải ta, không chiều theo ý muốn của ai).*

Này chư Tỳ khuru, thật vậy, nếu sắc uẩn này là ta (ngã), thì sắc uẩn này không bị biến đổi, không bệnh hoạn; và các con có thể mong muốn được trong sắc uẩn này rằng:

“Sắc uẩn của tôi được khỏe mạnh, đẹp đẽ như thế này!

Sắc uẩn của tôi đừng có bệnh hoạn, xấu xí như thế kia”.

Này chư Tỳ khuru, sự thật, bởi vì sắc uẩn này là vô ngã, do đó, sắc uẩn này phải bị biến đổi, bệnh hoạn. Vì vậy, các con không thể mong muốn được trong sắc uẩn này rằng:

“Sắc uẩn của tôi được khỏe mạnh, đẹp đẽ như thế này!

Sắc uẩn của tôi đừng có bệnh hoạn, xấu xí như thế kia”.

(sắc uẩn như thế nào tùy thuộc vào nhân duyên, không tùy thuộc theo ý muốn của mình).

2- Thọ uẩn là vô ngã

- *Này chư Tỳ khuru, thọ uẩn này là vô ngã (không phải ta, không chiều theo ý muốn của ai).*

Này chư Tỳ khuru, thật vậy, nếu thọ uẩn này là ta (ngã), thì thọ uẩn này không bị biến đổi, không bệnh tâm, không bệnh thân; và các con có thể mong muốn được trong thọ uẩn này rằng:

“Thọ uẩn của tôi được an lạc như thế này!

Thọ uẩn của tôi đừng khổ đau như thế kia”.

Này chư Tỳ khuru, sự thật, bởi vì thọ uẩn này là vô ngã; do đó, thọ uẩn này phải bị biến đổi, bệnh tâm, bệnh thân. Vì vậy, các con không thể mong muốn được trong thọ uẩn này rằng:

“Thọ uẩn của tôi được an lạc như thế này!

Thọ uẩn của tôi đừng khổ đau như thế kia”.

(thọ uẩn như thế nào tùy thuộc vào nhân duyên tiếp xúc đối tượng, không tùy thuộc theo ý muốn của ai).

3- Tướng uẩn là vô ngã

- Này chư Tỳ khuru, tướng uẩn này là vô ngã (không phải ta, không chiều theo ý muốn của ai).

Này chư Tỳ khuru, thật vậy, nếu tướng uẩn này là ta (ngã), thì tướng uẩn này không bị biến đổi, không bệnh tâm, không bệnh thân; và các con có thể mong muốn được trong tướng uẩn này rằng:

“Tướng uẩn của tôi ghi nhớ điều tốt, điều thiện như thế này!

Tướng uẩn của tôi đừng ghi nhớ điều ác, điều xấu như thế kia”.

Này chư Tỳ khuru, sự thật, bởi vì tướng uẩn này là vô ngã, do đó, tướng uẩn này phải bị biến đổi, bệnh tâm, bệnh thân. Vì vậy, các con không thể mong muốn được trong tướng uẩn này rằng:

“Tướng uẩn của tôi được ghi nhớ điều tốt, điều thiện như thế này!

Tướng uẩn của tôi đừng ghi nhớ điều ác, điều xấu như thế kia”.

(tướng uẩn như thế nào tùy thuộc vào nhân duyên tiếp xúc đối tượng, không tùy thuộc theo ý muốn của ai).

4- Hành uẩn là vô ngã

- *Này chư Tỳ khuru, hành uẩn này là vô ngã (không phải ta, không chiều theo ý muốn của ai).*

Này chư Tỳ khuru, thật vậy, nếu hành uẩn này là ta (ngã), thì hành uẩn này không bị biến đổi, không bệnh tâm, không bệnh thân; và các con có thể mong muốn được trong hành uẩn này rằng:

“Hành uẩn của tôi tạo thiện nghiệp như thế này!

Hành uẩn của tôi đừng tạo ác nghiệp như thế kia”.

Này chư Tỳ khuru, sự thật bởi vì hành uẩn này là vô ngã, do đó, hành uẩn này phải bị biến đổi, bệnh tâm, bệnh thân. Vì vậy, các con không thể mong muốn được trong hành uẩn này rằng:

“Hành uẩn của tôi tạo thiện nghiệp như thế này!

Hành uẩn của tôi đừng tạo ác nghiệp như thế kia”.

(hành uẩn như thế nào tùy thuộc vào nhân duyên tiếp xúc đối tượng, không tùy thuộc theo ý muốn của ai).

5- Thức uẩn là vô ngã

- *Này chư Tỳ khuru, thức uẩn này là vô ngã (không phải ta, không chiều theo ý muốn của ai).*

Này chư Tỳ khuru, thật vậy, nếu thức uẩn này là ta (ngã), thì thức uẩn này không bị biến đổi, không bệnh tâm, không bệnh thân; và các con có thể mong muốn được trong thức uẩn này rằng:

“Thức uẩn của tôi biết điều tốt, điều thiện như thế này!

Thức uẩn của tôi đừng biết điều xấu, điều ác như thế kia”.

Này chư Tỳ khuru, sự thật, bởi vì thức uẩn này là vô ngã, do đó, thức uẩn này phải bị biến đổi, bệnh tâm, bệnh thân. Vì vậy, các con không thể mong muốn được trong thức uẩn này rằng:

“Thức uẩn của tôi biết điều tốt, điều thiện như thế này!

Thức uẩn của tôi đừng biết điều xấu, điều ác như thế kia”.

(thức uẩn hoàn toàn tùy thuộc nhân duyên danh pháp, sắc pháp, không tùy thuộc theo ý muốn của ai).

Ngũ uẩn có ba trạng thái chung

1) Sắc uẩn có 3 trạng thái chung

- Nay chư Tỳ khuru, các con nhận thức thế nào về điều này?

Sắc uẩn này là thường hay vô thường?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, sắc uẩn này sinh rồi diệt là vô thường.

- Nay chư Tỳ khuru, sắc uẩn nào là vô thường, vậy sắc uẩn ấy là khổ hay lạc?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, sắc uẩn ấy sinh rồi diệt luôn luôn hành hạ, nên sắc uẩn ấy là khổ.

- Nay chư Tỳ khuru, sắc uẩn nào vô thường, khổ, có trạng thái thường biến đổi. Vậy các con có nên theo chấp thủ bằng tâm tham ái, ngã mạn, tà kiến nơi sắc uẩn ấy rằng:

Sắc uẩn ấy là của ta (do tâm tham ái)

Sắc uẩn ấy là ta (do tâm ngã mạn)

Sắc uẩn ấy là tự ngã của ta (do tâm tà kiến) hay không?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, quả thật không nên theo chấp thủ sắc uẩn ấy như vậy.

2) Thọ uẩn có 3 trạng thái chung

- Nay chư Tỳ khuru, các con nhận thức thế nào về điều này?

Thọ uẩn này là thường hay vô thường?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, thọ uẩn này sinh rồi diệt là vô thường.

- Nay chư Tỳ khuru, thọ uẩn nào là vô thường, vậy thọ uẩn ấy là khổ hay lạc?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, thọ uẩn ấy sinh rồi diệt luôn luôn hành hạ, nên thọ uẩn ấy là khổ.

- Nay chư Tỳ khuru, thọ uẩn nào là vô thường, khổ, có trạng thái thường biến đổi. Vậy các con có nên theo chấp thủ bằng tâm tham ái, ngã mạn, tà kiến nơi thọ uẩn ấy rằng:

Thọ uẩn ấy là của ta (do tâm tham ái)

Thọ uẩn ấy là ta (do tâm ngã mạn)

Thọ uẩn ấy là tự ngã của ta (do tâm tà kiến) hay không?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, quả thật không nên theo chấp thủ thọ uẩn ấy như vậy.

3) Tướng uẩn có 3 trạng thái chung

- Nay chư Tỳ khuru, các con nhận thức thế nào về điều này?

Tướng uẩn này là thường hay vô thường?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, tướng uẩn này sinh rồi diệt là vô thường.

- Nay chư Tỳ khuru, tướng uẩn nào là vô thường, vậy tướng uẩn ấy là khổ hay lạc?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, tướng uẩn ấy sinh rồi diệt luôn luôn hành hạ, nên tướng uẩn ấy là khổ.

- Nay chư Tỳ khuru, tướng uẩn nào là vô thường, khổ, có trạng thái thường biến đổi. Vậy các con có nên theo chấp thủ bằng tâm tham ái, ngã mạn, tà kiến nơi tướng uẩn ấy rằng:

Tướng uẩn ấy là của ta (do tâm tham ái)

Tướng uẩn ấy là ta (do tâm ngã mạn)

Tướng uẩn ấy là tự ngã của ta (do tâm tà kiến) hay không?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, quả thật không nên theo chấp thủ tướng uẩn ấy như vậy.

4) Hành uẩn có 3 trạng thái chung

- Nay chư Tỳ khuru, các con nhận thức thế nào về điều này?

Hành uẩn này là thường hay vô thường?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, hành uẩn này sinh rồi diệt là vô thường.

- Nay chư Tỳ khuru, hành uẩn nào là vô thường, vậy hành uẩn ấy là khổ hay lạc?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, hành uẩn ấy sinh rồi diệt luôn luôn hành hạ, nên hành uẩn ấy là khổ.

- Nay chư Tỳ khuru, hành uẩn nào là vô thường, khổ, có trạng thái thường biến đổi. Vậy các con có nên theo chấp thủ bằng tâm tham ái, ngã mạn, tà kiến nơi hành uẩn ấy rằng:

Hành uẩn ấy là của ta (do tâm tham ái)

Hành uẩn ấy là ta (do tâm ngã mạn)

Hành uẩn ấy là tự ngã của ta (do tâm tà kiến) hay không?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, quả thật không nên theo chấp thủ hành uẩn ấy như vậy.

5) Thức uẩn có 3 trạng thái chung

- Nay chư Tỳ khuru, các con nhận thức thế nào về điều này?

Thức uẩn này là thường hay vô thường?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, thức uẩn này sinh rồi diệt là vô thường.

- Nay chư Tỳ khuru, thức uẩn nào là vô thường, vậy thức uẩn ấy là khổ hay lạc?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, thức uẩn ấy sinh rồi diệt luôn luôn hành hạ, nên thức uẩn ấy là khổ.

- Nay chư Tỳ khuru, thức uẩn nào là vô thường, khổ, có trạng thái thường biến đổi. Vậy các con có nên theo chấp thủ bằng tâm tham ái, ngã mạn, tà kiến nơi thức uẩn ấy rằng:

Thức uẩn ấy là của ta (do tâm tham ái)

Thức uẩn ấy là ta (do tâm ngã mạn)

Thức uẩn ấy là tự ngã của ta (do tâm tà kiến) hay không?

- Kính bạch Đức Thế Tôn, quả thật không nên theo chấp thủ thức uẩn ấy như vậy.

Trí tuệ thiên tuệ không chấp thủ ngũ uẩn:

1) Trí tuệ thiên tuệ không chấp thủ nơi sắc uẩn

Vì vậy, nay chư Tỳ khuru, những sắc uẩn nào đã sinh trong thời quá khứ, sẽ sinh trong thời vị lai, đang sinh trong thời hiện tại, hoặc sắc uẩn bên trong của mình, hoặc sắc uẩn bên ngoài (của người khác), hoặc sắc uẩn thô, hoặc sắc uẩn vi tế, hoặc sắc uẩn thấp hèn, hoặc sắc uẩn cao quý, hoặc sắc uẩn nào sinh ở nơi xa, hoặc sắc uẩn nào sinh ở nơi gần. Vậy các con nên biết bằng trí tuệ thiên tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật tánh của tất cả sắc uẩn ấy rằng:

Sắc uẩn ấy không phải của ta.

Sắc uẩn ấy không phải ta.

Sắc uẩn ấy không phải tự ngã của ta.

2) Trí tuệ thiên tuệ không chấp thủ nơi thọ uẩn.

Vì vậy, nay chư Tỳ khuru, những thọ uẩn nào đã sinh trong thời quá khứ, sẽ sinh trong thời vị lai, đang sinh trong thời hiện tại, hoặc thọ uẩn bên trong của mình, hoặc thọ uẩn bên ngoài (của người khác), hoặc thọ uẩn thô, hoặc thọ uẩn vi tế, hoặc thọ uẩn thấp hèn, hoặc thọ uẩn cao quý, hoặc thọ uẩn nào sinh ở nơi xa, hoặc thọ uẩn nào sinh ở nơi gần. Vậy các con nên biết bằng trí tuệ thiên tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật tánh của tất cả thọ uẩn ấy rằng:

Thọ uẩn ấy không phải của ta.

Thọ uẩn ấy không phải ta.

Thọ uẩn ấy không phải tự ngã của ta.

3) Trí tuệ thiên tuệ không chấp thủ nơi tướng uẩn.

Vì vậy, này chư Tỳ khuru, những tướng uẩn nào đã sinh trong thời quá khứ, sẽ sinh trong thời vị lai, đang sinh trong thời hiện tại, hoặc tướng uẩn bên trong của mình, hoặc tướng uẩn bên ngoài (của người khác), hoặc tướng uẩn thô, hoặc tướng uẩn vi tế, hoặc tướng uẩn thấp hèn, hoặc tướng uẩn cao quý, hoặc tướng uẩn nào sinh ở nơi xa, hoặc tướng uẩn nào sinh ở nơi gần. Vậy các con nên biết bằng trí tuệ thiên tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật tánh của tất cả tướng uẩn ấy rằng:

Tướng uẩn ấy không phải của ta.

Tướng uẩn ấy không phải ta.

Tướng uẩn ấy không phải tự ngã của ta.

4) Trí tuệ thiên tuệ không chấp thủ nơi hành uẩn.

Vì vậy, này chư Tỳ khuru, những hành uẩn nào đã sinh trong thời quá khứ, sẽ sinh trong thời vị lai, đang sinh trong thời hiện tại, hoặc hành uẩn bên trong của mình, hoặc hành uẩn bên ngoài (của người khác), hoặc hành uẩn thô, hoặc hành uẩn vi tế, hoặc hành uẩn thấp hèn, hoặc hành uẩn cao quý, hoặc hành uẩn nào sinh ở nơi xa, hoặc hành uẩn nào sinh ở nơi gần. Vậy các con nên biết bằng trí tuệ thiên tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật tánh của tất cả hành uẩn ấy rằng:

Hành uẩn ấy không phải của ta.

Hành uẩn ấy không phải ta.

Hành uẩn ấy không phải tự ngã của ta.

5) Trí tuệ thiên tuệ không chấp thủ nơi thức uẩn.

Vì vậy, này chư Tỳ khuru, những thức uẩn nào đã sinh trong thời quá khứ, sẽ sinh trong thời vị lai, đang sinh trong thời hiện tại, hoặc thức uẩn bên trong

của mình, hoặc thức uẩn bên ngoài (của người khác), hoặc thức uẩn thô, hoặc thức uẩn vi tế, hoặc thức uẩn thấp hèn, hoặc thức uẩn cao quý, hoặc thức uẩn nào sinh ở nơi xa, hoặc thức uẩn nào sinh ở nơi gần. Vậy các con nên biết bằng trí tuệ thiên tuệ thấy rõ, biết rõ đúng theo thật tánh của tất cả thức uẩn ấy rằng:

Thức uẩn ấy không phải của ta.

Thức uẩn ấy không phải ta.

Thức uẩn ấy không phải tự ngã của ta.

Trí tuệ thiên tuệ nhằm chán trong ngũ uẩn.

Này chư Tỳ khuru, thực tánh của ngũ uẩn như vậy, bậc Thánh Thanh Văn có trí tuệ thiên tuệ thấy rõ biết rõ ngũ uẩn đúng theo thật tánh, nên phát sinh trí tuệ thiên tuệ nhằm chán trong sắc uẩn, nhằm chán trong thọ uẩn, nhằm chán trong tưởng uẩn, nhằm chán trong hành uẩn, nhằm chán trong thức uẩn.

Khi trí tuệ thiên tuệ nhằm chán trong ngũ uẩn, nên tâm xả ly tham ái, do tâm xả ly tham ái nên chứng đắc Arahán Thánh Đạo, giải thoát khỏi mọi tham ái phiền não.

Trí tuệ quán xét biết rõ rằng: “Arahán Thánh Quả đã giải thoát hoàn toàn mọi phiền não trầm luân”.

Trí tuệ quán xét biết rõ rằng: “Không còn phải tiến hành pháp hành Bát Chánh Đạo nữa, mọi phận sự của Tứ Thánh Đế đã hoàn thành xong, phạm hạnh cao thượng đã hoàn thiện. Kiếp này là kiếp chót, không còn tái sinh kiếp nào nữa”.

Nhóm 5 Tỳ khuru thành bậc Thánh Arahán

Đức Thế Tôn thuyết giảng bài kinh Vô Ngã Tướng này xong, nhóm 5 Tỳ khuru vô cùng hoan hỷ với lời giáo huấn của Đức Thế Tôn.

Trong khi Đức Thế Tôn thuyết giảng bài kinh này, nhóm 5 Tỳ khuru tiến hành thiên tuệ dẫn đến chứng đắc Arahán Đạo Tuệ diệt đoạn tuyệt mọi phiền não trầm luân, không còn chấp thủ trong ngũ uẩn này nữa.

(xong bài kinh Vô Ngã Tướng).

*

Giải thích danh từ trong bài kinh Vô Ngã Tướng

* Ý nghĩa danh từ *Anattā*

Định nghĩa danh từ *anattā* như sau:

Na attā anattā, natthi attā etassa khandhapañcakassā ti và anattā.

Tất cả các pháp không phải ta, không phải của ta là pháp vô ngã, hay ngũ uẩn ấy không phải ta, không phải của ta cũng là pháp vô ngã.

Ý nghĩa *anattā*: Vô ngã ở đây là phủ định *attā*: Ngã, ngã sở (theo quan niệm tà kiến).

Trong bộ [\[13\]](#) giải thích danh từ *anattā*: Vô ngã có 4 ý nghĩa sau:

Avasavattana □ □ *ha*: Vô ngã có nghĩa là không chiều theo ý muốn của một ai.

Asāmika □ □ *ha*: Vô ngã có nghĩa là vô chủ, không có ai làm chủ.

Suññata □ □ *ha*: Vô ngã có nghĩa là không, không phải ta, không phải của ta.

Attapa □ *ikkhepa* □ □ *ha*: Vô ngã có nghĩa là phủ nhận cái ngã, cái ta, cái đại ngã.

Anattā và *attā* trong bài kinh *Anattalakkha* □ *asutta* (Vô Ngã Tướng) có ý nghĩa hoàn toàn ngược lại nhau.

Anattā: Vô ngã, ngũ uẩn này không chiều theo ý muốn của ai.

Attā: Ngã, ta muốn ngũ uẩn được như thế này, không muốn ngũ uẩn như thế khác v.v... chiều theo ý muốn của ta. Nhưng thật tánh của ngũ uẩn này là vô ngã không chiều theo ý muốn của ai.

Attā: Nghĩa là ta, ngã do *tà kién* theo chấp sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn hoặc danh pháp, sắc pháp cho là ta (ngã), tự ngã; *ngã mạn* theo chấp ta; *tham ái* theo chấp của ta.

Ngoài ra, *attā* còn có ý nghĩa khác.

*** Ý nghĩa danh từ *attā*.**

Theo trong bộ tự điển *Abhidhāna*: tự điển từ ngữ *Pāṭi* câu kệ 861 danh từ *attā* có ý nghĩa rằng:

“*Citte kāye sabhāve ca, so attā paramattani.*”

Danh từ *attā* có 4 ý nghĩa: *tâm, thân, thực tánh pháp* và *Ngã tối thượng (đại ngã)*.

Giải thích:

1- *Attā* có ý nghĩa là *citta: tâm*.

Ví dụ:

Attasammāpaṭidhi: Đặt đề tâm đúng trong thiện pháp, tâm mong muốn chân chính.

Attamicchāpaṭidhi: Đặt đề tâm sai lầm trong ác pháp, tâm mong muốn sai lầm.

“*Sabbe sattā bhavantu sukhittā*” [14].

“*Cầu mong tất cả chúng sinh tâm thường được an lạc*”.

“*Attā hi kira duddamo*” [15].

“*Thật vậy, dạy được tâm mình là khó lắm!*”

“*Attānam damayanti panditā*”.

“*Chư bậc thiện trí rèn luyện, dạy tâm*”...

Attā ở đây có ý nghĩa là *tâm*.

2- *Attā* có ý nghĩa là *kāya: Thân thể*.

Ví dụ:

Đức Phật ban hành những giới của Tỳ khuru ni, trong đó có giới như:

“*Yā pana bhikkhunī attānam vadhitvā vadhitvā rodheyya pācittiyam*” [16].
“Tỳ khuru ni nào tự đâm vào thân mình rồi khóc, Tỳ khuru ni ấy phạm *āpatti pācittiya* (lưng đối trị)”.

“*Attā hi attano natthi,
Kuto puttā kuto dhanam?*” [17].

“Chính thân này, còn không phải của ta..., thì thử hỏi con của ta, của cái của ta làm sao có được?...”

Attā ở đây có ý nghĩa là *thân thể*.

3- *Attā* có ý nghĩa là *sabhāva: Thực tánh pháp*.

Ví dụ:

“*Attā hi attano nātho,
Ko hi nātho paro siyā*”.

“Chính thiện pháp là nơi nương nhờ chân chánh của ta, ngoài thiện pháp ra, có ai là nơi nương nhờ của ta được?”

“*Attadīpā bhikkhave, viharatha attasaranā anannasaranā*” [18].

“Này chư Tỳ khuru, các con nên sống, chính thiện pháp là hòn đảo, chính thiện pháp là nơi nương nhờ, không nên có nơi nương nhờ nào khác”...

Attā: Ta ở đây có nghĩa là *thực tánh pháp*. Đó là *tam giới thiện pháp, Siêu tam giới thiện pháp*, là nơi nương nhờ chân chính của ta.

4- *Attā* có ý nghĩa là *Parama attā: Ngã Tối Thượng, Đại ngã*, theo tà kiến của ngoại đạo.

Nhóm ngoại đạo có tà kiến cho rằng: “*Tất cả vạn vật, vũ trụ này do Parama attā tạo ra, gọi là Ngã Tối Thượng, Đấng Tạo Hóa*”.

Parama attā: Ngã Tối Thượng, đại ngã theo tà kiến của nhóm ngoại đạo này, ý nghĩa nghịch với *anattā: Vô ngã* trong giáo pháp của Đức Phật.

Như vậy, trong 4 ý nghĩa của *attā*, có 3 ý nghĩa là ***tâm, thân, thực tánh pháp*** thuộc về chánh kiến, còn *Parama attā: Ngã Tối Thượng, đại ngã* theo quan niệm của nhóm ngoại đạo thuộc về tà kiến mà thôi.

Attāditthi: Tà kiến chấp ngã, hoặc *attānuditthi*: Tà kiến theo chấp ngã là tà kiến thấy sai, hiểu lầm, chấp lầm từ sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn cho là ta, hoặc tà kiến thấy sai, chấp lầm từ danh pháp cho là ta là ngã, hoặc từ sắc pháp cho là ta là ngã, cũng ở trong ý nghĩa tà kiến này.

4 ý nghĩa *attā*:

- *Attā* nghĩa là *tâm*.
- *Attā* nghĩa là *thân*.
- *Attā* nghĩa là *thực tánh pháp*.

Cả 3 ý nghĩa *attā* này thuộc trong *Chân nghĩa pháp (Paramatthadhamma)* là pháp có ý nghĩa chân thật, có chi pháp, có thức tánh rõ ràng, trí tuệ thấy đúng biết đúng thuộc về chánh kiến.

- *Attā* có nghĩa khác là ngã, ta... do tà kiến thấy sai, chấp lầm trong ngũ uẩn: *Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn* bên trong của mình cho là ta, là ngã và tà kiến thấy sai, chấp lầm ngũ uẩn bên ngoài (*của người khác*) chúng sinh khác cho là người, chúng sinh v.v...

Đó là *tà kiến chấp ngã (attādi□□hi)* hoặc *tà kiến theo chấp ngã (attānudi□□hi)* thông thường đối với hạng phàm nhân.

Tà kiến chấp ngã đặc biệt của các nhóm ngoại đạo cho là *cái ngã tối thượng, đại ngã (parama attā)* thường tồn bất diệt, chính cái ngã tối thượng này tạo thiên lập địa, tạo ra mọi chúng sinh muôn loài, muôn vật trong thế gian. Và tà kiến chấp ngã trong mỗi chúng sinh có cái *sinh mạng tự ngã (jīva attā)* có khả năng hành động nói năng, suy nghĩ, đi, đứng, ngồi nằm v.v... Đó chỉ là tà kiến thấy sai, chấp lầm, chấp ngã mà thôi.

CHÚNG SINH TRONG TAM GIỚI

Tất cả chúng sinh trong tam giới có 3 loài:

1- Chúng sinh có ngũ uẩn trong 11 cõi dục giới [19] và 15 cõi sắc giới (*trừ cõi sắc giới Vô Tướng Thiên*).

2- Chúng sinh có tứ uẩn (thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn) trong 4 cõi vô sắc giới.

3- Chúng sinh có nhất uẩn (*sắc uẩn*) trong cõi sắc giới Vô Tướng Thiên.

Chúng sinh có ngũ uẩn

Ngũ uẩn là *sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn*. Chúng sinh có ngũ uẩn như chúng sinh ở cõi địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sinh, loài người, chư thiên trong cõi dục giới và chư phạm thiên trong 15 cõi sắc giới.

- Sắc uẩn thuộc về phần **thân**.

- Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn thuộc về phần **tâm**.

Ví dụ: Khi con người sống thì *thân* với *tâm* luôn luôn nương nhờ lẫn nhau. Phần thân hay *sắc uẩn* là riêng biệt, và phần tâm gồm có 4 uẩn: *thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn* luôn luôn nương nhờ lẫn nhau và không bao giờ tách rời nhau, bởi vì mỗi tâm luôn luôn có một sở tâm sở.

Trong mỗi tâm phát sinh, thì có một sở tâm sở ít hoặc nhiều đồng sinh với tâm ấy, chính tâm ấy là *thức uẩn* và các tâm sở đồng sinh với tâm, như *tâm sở thọ* là *thọ uẩn, tâm sở tưởng* là *tưởng uẩn, tâm sở còn lại* là *hành uẩn*. Cho nên, trong mỗi tâm đều có 4 uẩn nương nhờ lẫn nhau, không tách rời nhau.

Nếu khi nào *tâm* tách rời khỏi *thân*, thì khi ấy gọi là *người chết, thân* trở thành tử thi.

Con người chưa phải là bậc Thánh Arahán, thì sau khi chết rồi, chắc chắn nghiệp cho quả tái sinh kiếp sau. Kiếp sau thuộc loài chúng sinh nào, hoàn toàn tùy thuộc vào nghiệp của người ấy cho quả tái sinh. Do đó, thân người chết là xong kiếp người, không thể tái sinh kiếp sau được, mà chỉ có nghiệp của người ấy đã tạo trong kiếp hiện tại hoặc kiếp quá khứ, chính nghiệp ấy cho quả tái sinh kiếp sau mà thôi. Tất cả mọi chúng sinh khác cũng giống như vậy.

Không nên hiểu rằng: con người chết sẽ tái sinh làm chư thiên, hoặc súc sinh..., và cũng không nên hiểu rằng: “*Chư thiên chết, rồi tái sinh làm người, hoặc một loài thú vật chết, rồi tái sinh làm người v.v...*”.

Sự thật, mỗi kiếp chúng sinh nào đến khi chết rồi, chấm dứt kiếp chúng sinh ấy; **phần thân** không liên quan đến kiếp sau, mà chỉ có **phần tâm** liên quan đến kiếp quá khứ, hiện tại và vị lai mà thôi.

Còn tái sinh kiếp sau, do năng lực của **tham ái** dẫn dắt tái sinh, và chính **ngiệp** của chúng sinh ấy trực tiếp cho quả tái sinh kiếp sau.

- Nếu nghiệp ác cho quả, thì sẽ tái sinh 1 trong 4 cõi ác giới: *Địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sinh.*

- Nếu nghiệp thiện cho quả, thì được tái sinh một trong những cõi thiện giới: *Làm người trong cõi người, làm chư thiên trong cõi trời dục giới, làm phạm thiên trong cõi trời sắc giới, vô sắc giới.*

Cho nên, tử sinh luân hồi của mỗi chúng sinh không liên quan đến phần *thân*, chỉ liên quan đến phần *tâm* mà thôi.

Pháp ngũ uẩn

Uẩn (*khandha*) có nghĩa là “**phần**” gồm những phần có trạng thái giống nhau, liên kết vào với nhau.

Ví dụ: Con người có ngũ uẩn.

*Sắc uẩn đó là 28 sắc pháp thuộc phần **thân**.*

Thọ uẩn đó là tâm sở thọ.

Tưởng uẩn đó là tâm sở tưởng.

Hành uẩn đó là 50 tâm sở nói chung (không có tâm sở thọ và tâm sở tưởng).

Thức uẩn đó là 89 hay 121 tâm nói chung, mỗi tâm là thức uẩn.

Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn thuộc về phần *tâm* hay gọi là *đanh uẩn*.

Giải thích:

1) Sắc uẩn

Sắc uẩn đó là 28 sắc pháp như sau:

Sắc tứ đại: là 4 sắc pháp lớn rõ ràng.

Địa đại: chất đất có trạng thái cứng hoặc mềm.

Thủy đại: chất nước có trạng thái lỏng hoặc đông đặc.

Hỏa đại: chất lửa có trạng thái nóng hoặc lạnh.

Phong đại: chất gió trạng thái lưu động, phòng hoặc xẹp.

Sắc tứ đại này là nơi nương nhờ của 24 sắc pháp phụ thuộc.

24 sắc pháp phụ thuộc vào sắc tứ đại:

5 sắc tịnh căn: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân.

5 - 7 sắc đối tượng: sắc, thanh, hương, vị, xúc [\[20\]](#).

2 sắc tính: sắc nam tính, sắc nữ tính.

1 sắc ý căn.

1 sắc mạng chủ.

1 sắc vật thực.

1 sắc chân không.

2 sắc cử động: sắc thân cử động, sắc khẩu cử động.

3 sắc biến chuyển: sắc nhẹ nhàng, sắc mềm mại, sắc uyển chuyển.

4 sắc trạng thái: sắc sanh, sắc liên tục, sắc già dặn, sắc vô thường.

28 sắc pháp này đều gọi là sắc uẩn.

Một người bình thường, không bị khuyết tật, thân thể có đầy đủ 27 sắc pháp.

Nếu là người nam, thì trừ sắc nữ tính.

Nếu là người nữ, thì trừ sắc nam tính.

Nếu người bị đui mù, câm điếc, thì người ấy có số lượng sắc pháp giảm xuống theo bệnh tật.

2) Thọ uẩn.

Thọ uẩn đó là *tâm sở thọ*, có trạng thái cảm thọ trong đối tượng.

Thọ có 3 loại tính theo cảm thọ trong đối tượng:

Thọ khổ có trạng thái khổ khó chịu.

Thọ lạc có trạng thái lạc dễ chịu.

Thọ xả có trạng thái không khổ, không lạc.

Thọ có 5 loại tính theo cảm thọ đối tượng do thân, tâm làm chủ:

Thọ khổ đồng sinh với thân thức tâm (thân khổ).
Thọ lạc đồng sinh với thân thức tâm (thân an lạc).
Thọ hỷ đồng sinh với ý thức tâm (tâm an lạc).
Thọ ưu đồng sinh với sân tâm (tâm khổ não).
Thọ xả đồng sinh với ý thức tâm (tâm không khổ, không lạc).

Mỗi tâm phát sinh có tâm sở thọ đồng sinh với tâm, *tâm sở thọ* ấy là *thọ uẩn*.

3) Tưởng uẩn.

Tưởng uẩn đó là *tâm sở tưởng* có trạng thái ghi nhớ trong 6 đối tượng.

Sắc tưởng ghi nhớ các hình ảnh màu sắc.
Thanh tưởng ghi nhớ các loại âm thanh, tiếng nói.
Hương tưởng ghi nhớ các thứ mùi thơm, hôi.
Vị tưởng ghi nhớ các thứ vị ngon, dở.
Xúc tưởng ghi nhớ các loại cảm xúc nóng lạnh, cứng mềm...
Pháp tưởng ghi nhớ các tâm, tâm sở, sắc pháp, các ngôn ngữ chế định, môn học và cả Niết Bàn.

Mỗi tâm phát sinh, đều có tâm sở tưởng đồng sinh với tâm, *tâm sở tưởng* ấy là *tưởng uẩn*.

4) Hành uẩn.

Hành uẩn đó là 50 tâm sở (không có tâm sở thọ và tâm sở tưởng).

Có trạng thái cấu tạo, tạo các pháp; *tâm sở tác ý (cetanā)* đồng sinh với bất thiện tâm, tạo nên bất thiện nghiệp (ác nghiệp) do thân, khẩu, ý; *tâm sở tác ý (cetanā)* đồng sinh với thiện tâm, tạo nên thiện nghiệp, do thân, khẩu, ý.

Mỗi tâm phát sinh, có các tâm sở này ít hoặc nhiều, tùy theo năng lực và phạm sự của mỗi tâm. Ngoại trừ hai *tâm sở thọ* và *tâm sở tưởng* ra, các tâm sở còn lại đều là *hành uẩn*.

5) Thức uẩn.

Thức uẩn đó là tất cả các tâm gồm có 89 hoặc 121 tâm có trạng thái biết đối tượng. Đối tượng có 6 loại, do đó tất cả tâm chia ra làm 6 loại tâm.

Nhãn thức tâm: có 2 tâm làm phận sự nhìn thấy sắc trần, các hình ảnh.
Nhĩ thức tâm: có 2 tâm làm phận sự lắng nghe thanh trần, các âm thanh.
Tỷ thức tâm: có 2 tâm làm phận sự ngửi các thứ mùi hương.
Thiệt thức tâm: có 2 tâm làm phận sự nếm các thứ vị.
Thân thức tâm: có 2 tâm làm phận sự cảm giác xúc trần nóng, lạnh, cứng, mềm...
Ý thức tâm: có 79 tâm làm nhiều phận sự biết pháp trần: tâm, tâm sở, sắc pháp, các ngôn ngữ chế định ra môn học,... và cả đối tượng Niết Bàn tùy theo năng lực của mỗi tâm.

Mỗi tâm là mỗi *thức uẩn*.

Thật ra, mỗi tâm phát sinh đều có một số tâm sở ít hoặc nhiều tùy theo năng lực và phận sự của tâm ấy. Các tâm sở này *đồng sinh với tâm, đồng diệt với tâm, đồng đối tượng với tâm, đồng nơi phát sinh với tâm*.

Cho nên, khi mỗi tâm phát sinh nghĩa là 4 danh uẩn đồng sinh; khi tâm diệt nghĩa là 4 danh uẩn đồng diệt.

Mỗi tâm phát sinh đều nương nhờ nơi *môn* đó là *sắc pháp*.

Như vậy:

Sắc pháp mà tâm ấy nương nhờ thuộc ***sắc uẩn***.
Tâm ấy làm chủ thuộc ***thức uẩn***.
Tâm sở thọ đồng sinh với tâm ấy thuộc ***thọ uẩn***.
Tâm sở tưởng đồng sinh với tâm ấy thuộc ***tưởng uẩn***.
Tâm sở còn lại (không có tâm sở thọ và tâm sở tưởng) đồng sinh với tâm ấy thuộc ***hành uẩn***

Những chúng sinh có ngũ uẩn:

*Khi mỗi tâm phát sinh là ngũ uẩn phát sinh,
Khi mỗi tâm diệt là ngũ uẩn diệt.*

Vốn trạng thái của *tâm sinh rồi diệt, diệt rồi sinh* liên tục không ngừng, bởi do nhân duyên hỗ trợ từ vô thủy cho đến nay, từ kiếp này sang kiếp khác tiếp nối nhau, trên cuộc hành trình tử sinh luân hồi của mỗi chúng sinh.

Vốn trạng thái của *thân hoặc sắc uẩn cùng sinh rồi diệt, diệt rồi sinh* liên tục không ngừng giới hạn trong mỗi kiếp, do bởi *nghiệp* và *tuổi thọ* của mỗi

chúng sinh. Khi nghiệp ấy tận cùng, tuổi thọ hết, *thân mạng chủ* (*sắc mạng chủ: Rūpajīvitindriya*) bị cắt đứt, chấm dứt một kiếp, đồng thời *tâm* tách rời khỏi thân, gọi là chết.

Sau khi chết, nếu chúng sinh ấy còn phiền não, tham ái, thì nghiệp còn cho quả tái sinh kiếp sau. Kiếp trước với kiếp sau không liên quan đến phần *thân*, mà chỉ liên quan đến phần *tâm*.

Đức Phật dạy ngũ uẩn này đều là vô ngã.

Vô ngã với nghĩa:

- *Anattā asāraka*□□*hena*: Vô ngã với ý nghĩa là vô dụng, không có cốt lõi vững chắc, không có tính chất bền vững lâu dài.

- *Avasavattana*□□*hena anattā*: Vô ngã với ý nghĩa không chiều theo ý muốn của ai.

Những ví dụ về Ngũ uẩn

Trong bài kinh *Phe*□*api*□□*asutta* [21] Đức Phật thuyết dạy những ví dụ về mỗi uẩn có ý nghĩa được tóm lược như sau:

1- Sắc uẩn ví như bọt nước (*phe*□*api*□□*ūpama*□*rūpa*□).

Nghĩa là sắc uẩn (thân), đó là 28 sắc pháp ví như bọt nước.

Trong mùa mưa lụt lớn, trên dòng sông nước chảy kết tụ những bọt nước thành đồng bọt nước lớn. Đồng bọt nước này dù nhỏ, dù lớn cũng không thể sử dụng làm vật gì, để đem lại sự lợi ích lâu dài; nếu đồng bọt nước này trôi đi chưa bị tan rã giữa đường, thì khi trôi ra đến biển chắc chắn phải bị tan rã, trở nên vô dụng. Cũng như vậy, sắc uẩn (thân) này đó là 28 sắc pháp sanh rồi diệt có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã, trạng thái bất tịnh, thường có mọi thứ bệnh hoạn ốm đau. Sắc uẩn (thân) này khi tái sinh đầu thai ban đầu nhỏ xíu, theo thời gian, to lớn dần như thân hình của con voi, con cá mập,... rồi cuối cùng cũng bị tan rã, trở thành vô dụng.

Cho nên, Đức Phật ví sắc uẩn (thân) này như bọt nước.

2- Thọ uẩn ví như bong bóng nước (*vedanāpubbu*□*ūpamā*)

Nghĩa là thọ uẩn, đó là tâm sở thọ, ví như bong bóng nước.

Trời mưa lớn, hạt mưa nặng hạt rơi xuống hồ, vũng nước... nổi lên những bong bóng nước. Những bong bóng nước này nổi lên liền vỡ ngay, không thể sử dụng làm gì để đem lại sự lợi ích, trở thành vô dụng. Cũng như vậy, thọ uẩn này đó là thọ khổ, thọ lạc, thọ xả ... sinh rồi diệt mau lẹ, không tồn tại lâu dài, chỉ có khổ mà thôi, trở thành vô dụng.

Cho nên, Đức Phật ví thọ uẩn này như bóng nước.

3- Tưởng uẩn ví như ảo ảnh (marīcikūpamā saññā).

Nghĩa là tưởng uẩn, đó là tâm sở tưởng ví như ảo ảnh.

Trong mùa hè nóng bức, khách lữ hành nóng nực và khát nước đi trên đường, nhìn về phía trước trời nắng chập chờn gợn sóng giống như đằng trước có nước sông. Khi đi đến, gợn sóng kia di chuyển đến phía trước, luôn luôn có một khoảng cách. Đó là ảo ảnh không có thật chỉ là vô dụng. Cũng như vậy, tưởng uẩn này ghi nhớ, tưởng nhớ những đối tượng không còn thật nữa. Ví như khi khát nước, tưởng nhớ đến nước, nhưng không giúp làm cho đỡ cơn khát được, trở thành vô dụng.

Cho nên, Đức Phật ví tưởng uẩn này ví như ảo ảnh.

4- Hành uẩn ví như cây chuối (saṅkhārā kadalūpamā).

Nghĩa là hành uẩn, đó là 50 tâm sở, (không có tâm sở thọ và tâm sở tưởng) ví như cây chuối.

Một người cần cây có lõi, đi vào rừng nhìn thấy cây chuối lớn tron tru, người ấy chặt cây chuối đem về nhà. Khi bóc bẹ chuối từ ngoài vào trong ruột, không tìm thấy lõi cây, chỉ là vô dụng mà thôi. Cũng như vậy, hành uẩn này tạo tác các pháp hữu vi, mà các pháp hữu vi sinh rồi diệt, có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã, không phải ta, không phải của ta, chỉ là vô dụng mà thôi.

Cho nên, Đức Phật ví hành uẩn này như cây chuối.

5- Thức uẩn ví như nhà ảo thuật (mayūpamaṅ viññāṅgaṅ).

Nghĩa là thức uẩn, đó là 89 hoặc 121 tâm, ví như nhà ảo thuật.

Các nhà ảo thuật biểu diễn các trò ảo thuật rất nhanh tay, để đánh lừa khán giả một cách tinh xảo. Cũng như vậy, đối với các hàng phàm nhân, thức uẩn biết mọi đối tượng cho là ta biết, nhưng biết sai lầm đảo điên; các pháp hữu vi là vô thường, biết cho là thường; các pháp hữu vi là khổ, biết cho là lạc; các pháp hữu vi là vô ngã, biết cho là ngã (ta); các pháp hữu vi là bất tịnh, biết cho là tịnh, xinh đẹp,... nhưng thật ra, các pháp hữu vi là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Thế mà thức uẩn của các hàng phàm nhân biết bị đánh lừa đảo điên.

Cho nên, Đức Phật ví thức uẩn này như nhà ảo thuật.

-ooOoo-

PHÁP VÔ NGÃ (ANATTĀ)

Pháp vô ngã không những có trong ngũ uẩn, mà còn gồm có trong các pháp hữu vi và pháp vô vi.

Đức Phật dạy: *Sabbe dhammā anattā*.

Tất cả các pháp hữu vi, pháp vô vi đều là pháp vô ngã.

Pháp hữu vi: Đó là ngũ uẩn, 12 xứ, 18 giới... là pháp được cấu tạo bởi 4 nhân duyên: *nghiệp, tâm, thời tiết, vật thực*. Các pháp hữu vi này đều là pháp vô ngã.

Pháp vô vi: Đó là Niết Bàn (kể cả pháp chế định) là pháp không bị cấu tạo bởi 4 nhân duyên: *nghiệp, tâm, thời tiết, vật thực*. Pháp vô vi này cũng đều là pháp vô ngã.

Pháp vô ngã này chỉ có trong Phật giáo; ngoài Phật giáo, hoàn toàn không có quan niệm về pháp vô ngã này.

Thật vậy, trong đời, người nào không biết về Phật giáo, người ấy có thể có quan niệm về *vô thường*, quan niệm về *khổ*, nhưng không bao giờ có quan niệm về *vô ngã*.

Ví dụ: Khi người ta gặp trường hợp *người* hoặc *vật* đang có hiện hữu rồi chết hoặc mất, không còn hiện hữu nữa. Người ta than rằng: *Vô thường! Vô thường! Có rồi không có!*

Khi người ta mắc bệnh hoạn hoặc ốm đau, bệnh nan y khó chữa, hoặc gặp phải tai nạn bi thương... người ta thốt lên rằng: *Khổ quá! Khổ quá! Không chịu đựng nổi!*

Trong những trường hợp ấy chẳng bao giờ nghe người ta thốt lên: *Vô ngã! Vô ngã!*

Bởi vì, những người ấy không có quan niệm về vô ngã, mà chỉ có tà kiến thấy sai, chấp lầm từ ngũ uẩn bên trong của mình và ngũ uẩn bên ngoài (*của người khác*) cho là ngã, ta, người, chúng sinh v.v... mà thôi.

Vả lại, những người ấy có quan niệm về vô thường, khổ quá thô thiển; nghĩa là mỗi khi gặp hoàn cảnh xấu, trường hợp có rồi không có, lâm bệnh, tai nạn... thì mới thốt lên: *Vô thường! Khổ quá!*

Trong cuộc sống bình thường, những người ấy có tà kiến thấy sai chấp lầm đảo điên, trong ngũ uẩn bên trong của mình và ngũ uẩn bên ngoài (*của người khác*), chúng sinh khác cho rằng: *thường, lạc, ngã, tịnh*.

Trong Phật giáo, những người nào học hỏi nghiên cứu, thực hành theo giáo pháp của Đức Phật, những người ấy có ý thức rõ ràng về ***vô thường, khổ, vô ngã*** vô cùng vi tế, sâu sắc. Thật ra: *Vô thường, khổ, vô ngã* có trong thật tánh của các pháp hữu vi, bởi vì pháp hữu vi *sinh rồi diệt* không ngừng, nên có *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*. Đặc biệt nhất đối với hành giả đang tiến hành thiền tuệ, có trí tuệ thiền tuệ phát sinh, thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn, nên trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã* của sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn bằng *chánh kiến thiền tuệ* mới diệt được *tà kiến*, thấy sai chấp lầm nơi sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn cho rằng: *thường, lạc, ngã, tịnh*.

Tự ngã có thật hay không?

Đức Phật dạy: *Tất cả các pháp hữu vi, pháp vô vi đều là pháp vô ngã*. Như vậy, theo giáo pháp của Đức Phật thì không có tự ngã, cái ta thật.

Thật vậy, người ta có quan niệm rằng *ta đi, ta đứng, ta ngồi, ta nằm, ta thấy, ta nghe, ta nghĩ, ta ném, ta cảm giác, ta suy nghĩ, ta buồn, ta vui, v.v...* và v.v... Trong vô số cái ta ấy, thử hỏi cái ta nào là cái ta thật?

Sở dĩ, có vô số cái ta ấy, là do *tà kiến* thấy sai, chấp làm từ sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn hay nói cách khác do *tà kiến* thấy sai, chấp làm từ *sắc pháp* [22] từ *danh pháp* [23] cho là ta, ngã. Khi có *tà kiến* thấy sai, chấp làm từ ngũ uẩn, hoặc sắc pháp, danh pháp bên trong của mình cho là *ta, ngã*; thì cũng thấy sai, chấp làm ngũ uẩn, danh pháp, sắc pháp bên ngoài (*của người khác*) của chúng sinh khác cho là *người, chúng sinh v.v...*

Như vậy, ***cái ta thật không có, mà chỉ có tâm tà kiến là có thật.***

Tự ngã, cái ta không có thật, thì phương pháp diệt ngã cũng không có.

Tâm tà kiến có thật, nên phương pháp diệt *tâm tà kiến* có thật

Nếu khi đã diệt được *tâm tà kiến theo chấp ngã* rồi, thì chắc chắn không còn thấy sai, chấp làm từ sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn, hoặc từ sắc pháp, từ danh pháp cho là *ta, là người, là chúng sinh v.v...* vĩnh viễn không phát sinh lại được nữa.

Phương pháp diệt *tâm tà kiến* chỉ có cách *tiến hành thiền tuệ* mà thôi. Khi trí tuệ thiền tuệ phát sinh tuần tự từ thấp đến cao qua 16 trí tuệ thiền tuệ, lần thứ nhất, đến trí tuệ thứ 14 gọi là ***Nhập Lưu Thánh Đạo Tuệ***. Chính trí tuệ thiền tuệ Siêu tam giới này có Niết Bàn làm đối tượng, mới có khả năng đặc biệt diệt đoạn tuyệt được *tâm tà kiến theo chấp ngũ uẩn (sakkāya i hi)* hoặc *tà kiến theo chấp ngã (attānu i hi)*. Cho nên, đối với bậc Thánh Nhập Lưu hoàn toàn không còn *tà kiến theo chấp ngũ uẩn*, hoặc *tà kiến theo chấp ngã*, bất cứ lúc nào trong kiếp hiện tại, hoặc kiếp vị lai (nhiều nhất 7 kiếp nữa).

Chấp ngã có 3 loại

Sự chấp ngã có 3 loại:

- Tà kiến theo chấp ngã.*
- Tham ái theo chấp ngã.*
- Ngã mạn theo chấp ngã.*

Tà kiến theo chấp ngã: Tà kiến theo chấp sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn... cho là *tự ngã của ta (eso me attā)*. Bậc Thánh Nhập Lưu có khả năng diệt đoạn tuyệt được loại **tà kiến theo chấp ngã** này không còn dư sót, còn lại *tham ái theo chấp ngã* và *ngã mạn theo chấp ngã* vẫn còn. Song bậc Thánh Nhập Lưu không bao giờ tạo ác nghiệp nặng nào có thể cho quả tái sinh trong 4 cõi ác giới: *địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sinh*; chỉ tái sinh cõi người hoặc cõi trời dục giới nhiều nhất là 7 kiếp, đến kiếp thứ 7 chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh Arahán, tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Tham ái theo chấp ngã: Tham ái theo chấp sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn cho là *của ta (etaṃ mama)*. Bậc Thánh Bất Lai có khả năng diệt đoạn tuyệt được loại **tham ái theo chấp ngã trong cõi dục giới**. Còn tham ái loại vi tế trong bậc thiên hữu sắc, bậc thiên vô sắc, trong cõi sắc giới, cõi vô sắc giới chưa diệt được và *ngã mạn theo chấp ngã* cũng chưa diệt được. Cho nên, bậc Thánh Bất Lai mãn kiếp ở cõi người, không trở lại tái sinh cõi dục giới, mà chính bậc thiên hữu sắc (*hoặc bậc thiên vô sắc*) sẽ cho quả tái sinh lên cõi trời sắc giới (*hoặc cõi trời vô sắc giới*) và chắc chắn sẽ trở thành Bậc Thánh Arahán trên cõi trời sắc giới ấy, rồi tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Ngã mạn theo chấp ngã: Ngã mạn theo chấp sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn... cho là *ta (eso hamasmi)*. Bậc Thánh Arahán có khả năng diệt đoạn tuyệt được loại *ngã mạn theo chấp ngã* này, và *tham ái theo chấp ngã* loại vi tế trong các bậc thiên và cõi trời sắc giới, cõi trời vô sắc giới. Cho nên, bậc Thánh Arahán mãn kiếp ở cõi người, đồng thời tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Chấp ngã - không chấp ngã

Tất cả chúng sinh nói chung, con người nói riêng, hễ còn là phàm nhân, chưa phải Thánh Nhân, thì còn chấp ngã do bởi phiền não, nhất là *tà kiến, tham ái, ngã mạn*.

Sở dĩ một số phàm nhân vẫn còn có chấp ngã, là vì họ không đến gần gũi thân cận với bậc thiện trí trong Phật giáo, với bậc Thánh Thanh Văn; không được lắng nghe chánh pháp, không hiểu biết chánh pháp, không hành pháp hành thiên tuệ, không chứng đắc thành bậc Thánh Nhân... Do đó, số phàm nhân ấy có phiền não nặng nề, nên còn chấp ngã, rồi tự làm khổ mình, làm khổ người, làm khổ mình lẫn người, trong kiếp hiện tại lẫn nhiều kiếp vị lai.

Còn những *hạng thiện trí phạm nhân* thường đến gần gũi thân cận với bậc thiện trí trong Phật giáo, với bậc Thánh Thanh Văn Giác; được lắng nghe chánh pháp, hiểu biết chánh pháp, tiến hành pháp hành thiền tuệ dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt được phiền não trở thành bậc Thánh Arahán. hoàn toàn không còn *tà kiến, tham ái, ngã mạn* nữa, bậc Thánh Arahán có trí tuệ sáng suốt thấy rõ, biết rõ ngũ uẩn này là:

Không phải tự ngã của ta (na me so attā).

Không phải của ta (netañ mama).

Không phải là ta (nesohamasmi).

Cho nên, bậc Thánh Nhân không còn làm khổ mình, không làm khổ người, không làm khổ mình lẫn người.

Nếu hành giả tiến hành thiền tuệ mà chưa chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả nào, thì vẫn còn là hạng thiện trí phạm nhân (*kalyāṇaputhujjana*) chưa diệt được tà kiến chấp ngã. Tuy hạng thiện trí phạm nhân còn tà kiến chấp ngã, nhưng tà kiến chấp ngã này chỉ có trở ngại cho *Siêu tam giới thiện pháp* mà thôi, chứ không làm trở ngại cho việc tạo mọi *tam giới thiện pháp* đó là *dục giới thiện pháp, sắc giới thiện pháp, vô sắc giới thiện pháp*. Cho nên, hạng thiện trí phạm nhân này sau khi chết:

- *Nếu có dục giới thiện nghiệp cho quả tái sinh, thì được tái sinh làm người, hoặc làm thiên nam hoặc làm thiên nữ ở 1 trong 6 cõi trời dục giới.*

- *Nếu có sắc giới thiện nghiệp cho quả tái sinh, thì được tái sinh làm phạm thiên ở 1 trong 16 cõi sắc giới phạm thiên.*

- *Nếu có vô sắc giới thiện nghiệp cho quả tái sinh, thì sinh làm phạm thiên ở 1 trong 4 cõi vô sắc giới phạm thiên.*

Như vậy, tà kiến chấp ngã của hạng thiện trí phạm nhân chỉ có trở ngại cho pháp Siêu tam giới, nghĩa là ngăn cản sự chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn mà thôi.

-ooOoo-

[1] Bộ Sañ, *Mahāvagga*, kinh *Dhammacakkappavattanasutta*.

[2] Tám thứ vật dụng của Samôn: Tam y, một bát, dây thắt lưng, dao cạo tóc, ống kim chỉ và đồ lọc nước.

[3] Danh pháp: Pháp thuộc về tâm và tâm sở có trạng thái sinh rồi diệt liên tục không ngừng.

[4] Sắc pháp: Pháp thuộc về sắc có trạng thái sinh rồi diệt, hủy hoại.

[5] Sa □ *Mahāvagga*, Kinh *Dhammacakkappavattanasutta*.

[6] Tâm, tâm sở, sắc pháp, Niết Bàn là 4 chân nghĩa pháp; tìm hiểu rõ trong quyển “*Abhidhammatthasa □ gaha*”.

[7] Bộ *Samyuttanikāya*, *Mahāvagga*, kinh *Gavampatisutta*.

[8] *Vipallāsa* nghĩa là đảo điên trong 3 pháp:

- *Di □ □ hivipallāsa*: Tà kiến đảo điên thấy các pháp đảo điên rằng: thường, lạc, ngã, tịnh.

- *Cittavipallāsa*: Tâm đảo điên biết các pháp đảo điên rằng: thường, lạc, ngã, tịnh.

- *Saññāvipallāsa*: Tưởng đảo điên tưởng các pháp đảo điên rằng: thường, lạc, ngã, tịnh.

Nhưng thực tánh của các pháp có trạng thái vô thường, khổ não, vô ngã, bất tịnh.

[9] Bộ *Samyuttanikāya*, *Sagathavagga*, kinh *Vajirāsutta*.

[10] Bộ *Dhammapadagāthā*.

[11] Theo Ấn Độ mỗi tháng chia ra làm hai kỳ:

- Kỳ nửa tháng trước, kể từ mùng một đến ngày rằm.

- Kỳ nửa tháng sau cũng kể từ mùng một đến cuối tháng.

- Ngày mùng năm nửa tháng sau, theo lịch nước ta là ngày 20 tháng 6 âm lịch.

[12] Bộ *Samyuttanikāya*, *khadhavagga*, kinh *Anattalakkha □ asutta*.

[13] Bộ *Sāratthadīpanī □ ikā*, kinh *Anattalakkha □ asuthava □ □ anā*.

[14] Bộ *Khuṅuttanipāta*, kinh *Mettasutta*.

[15] *Khu*. Bộ *Dhammapadagāthā*.

[16] Tạng Luật, phần *Bhikkhunīpātimokkha*.

[17] *Khu*. Bộ *Dhammapadagāthā*.

[18] Bộ *Samyuttanikāya*, phần *Khandhavagga*, kinh *Attadīpasutta*.

[19] 11 cõi dục giới là: 4 cõi ác giới + 1 cõi người + 6 cõi trời dục giới.

[20] Xúc gồm có 3 sắc pháp: đất, lửa, gió trong phần tứ đại, nên chi pháp không tính trong phần sắc pháp phụ thuộc. Vậy sắc đối tượng còn lại 4 không phải là 5-7.

[21] Bộ *Saṅ*, *Khandhavagga*, kinh *Pheṅapiṅṅasīta*.

[22] Sắc pháp đó là sắc uẩn, thuộc về thân.

[23] Danh pháp đó là 4 danh uẩn (*thọ, tướng, hành, thức*) thuộc về tâm.

-ooOoo-

CHƯƠNG I (e)

PHẬT GIÁO (BUDDHASĀSANA)

Phật giáo là lời giáo huấn của Đức Phật, từ khi chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác vào ngày rằm tháng tư (âm lịch) tại Đại cội Bồ đề, suốt 45 năm cho đến khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn, cũng vào ngày rằm tháng tư (âm lịch) tại khu rừng *Kusinārā*.

Phật giáo có 3 phần chính:

Pháp học Phật giáo (Pariyattisāsana)

Pháp hành Phật giáo (Paṅipattisāsana)

Pháp thành Phật giáo (Paṅivedhasāsana)

Pháp học Phật giáo đúng đắn làm nền tảng căn bản cho *pháp hành Phật giáo* được phát triển đúng. Khi *pháp hành Phật giáo* phát triển đúng đắn dẫn

đến kết quả là *pháp thành Phật giáo* đó là 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Pháp học Phật giáo là gì?

Trong chú giải Chi Bộ Kinh định nghĩa:

Pariyatti ti tepi□*akam Buddhavacana*□*sā*□□*hakathā Pā*□*i* [1]

Pháp học Phật giáo là Phật ngôn Tam Tạng cùng Chú giải Pā□*i*.

Tiếng Pā□*i* là ngôn ngữ chung của Chư Phật trong quá khứ, Đức Phật hiện tại và Chư Phật vị lai.

Pháp học Phật giáo gồm những lời giáo huấn, những điều răn dạy của Đức Phật trong suốt 45 năm kể từ khi chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác cho đến khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn, được ghi chép trong ***Tam Tạng***, mà trong đó gồm có lời của các hàng đệ tử, chư thiên, phạm thiên,... được Đức Phật nhắc lại hoặc xác nhận cũng xem như Phật ngôn, và ***Chú giải*** là lời giải thích của Đức Phật rải rác trong Tam Tạng gọi là *Paki*□□*akadesanā* thuyết giảng giải thích những điều thắc mắc của các hàng đệ tử, cùng với lời giải thích của chư Thánh Arahán, gọi chung là Chú giải.

Pháp học là nền tảng căn bản của Phật giáo, nếu không có *pháp học Phật giáo*, thì chắc chắn sẽ không có *pháp hành Phật giáo* và *pháp thành Phật giáo*, không thể giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong tam giới.

Nếu có ***pháp học Phật giáo đúng***, thì có ***pháp hành Phật giáo đúng***, nếu có ***pháp hành Phật giáo đúng***, thì có ***pháp thành Phật giáo*** đó là 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong tam giới.

1- PHÁP VỊ GIẢI THOÁT (VIMUTTIRASA)

Phật giáo có một vị duy nhất là *vị giải thoát khổ* như Đức Phật đã dạy:

“*Seyathāpi Pahārāda, mahāsamuddo ekaraso lo*□*araso. Evameva*□*kho Pahārāda, aya*□*dhammavinayo ekaraso vimuttiraso; Ayampi Pahārāda, aya*□*dhammavinayo ekaraso vimuttiraso...*” [2]

Này Pahārāda, như đại dương chỉ có một vị duy nhất “vị mặn”. Cũng như vậy, này Pahārāda, pháp và luật này chỉ có một vị duy nhất “vị giải thoát khổ”.

Này Pahārāda, pháp và luật này chỉ có một vị duy nhất “vị giải thoát khổ”.

Phân loại toàn giáo pháp của Đức Phật

2- PHẬT NGÔN (BUDDHAVACANA)

Toàn giáo pháp của Đức Phật, Phật ngôn chia ra làm 3 thời kỳ:

Phật ngôn đầu tiên (Paṇhama buddhavacana).

Phật ngôn thời kỳ giữa (Majjhima buddhavacana).

Phật ngôn cuối cùng (Pacchima buddhavacana).

Phật ngôn đầu tiên là gì?

Đức Bồ Tát Siddhattha chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, tại Đại cội Bồ đề vào ngày rằm tháng tư (*âm lịch*), Ngài đang an hưởng vị giải thoát suốt 7 tuần lễ gồm 49 ngày.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tự thuyết 2 bài kệ ở trong tâm rằng:

*“Anekajātisamsāram
Sandhāvissam anibbisam
Gahakāraṃ gavesanto
Dukkhajāti punappunam.*

*Gahakāraka! dittho 'si
Puna geham na kāhasi
Sabbā te phāsukā bhaggā
Gahakūtam visaṃkhatam
Visaṃkhāram gatam cittam
Tanhānam khayamajjhagā” [3].*

153- Này người thợ “tham ái” xây nhà “thân”
Như Lai cố tìm người mà chưa gặp,
Nên tử sinh luân hồi vô số kiếp
Tái sinh mãi trong tam giới là khổ,

154- *Này tham ái, người thợ xây nhà “thân”!
Bây giờ Như Lai đã gặp người rồi!
Tất cả sườn nhà, “phiên nảo” [4] của người,
Như Lai đã hủy hoại sạch cả rồi
Đỉnh nhà “vô minh”, cũng bị tiêu diệt,
Nay người không còn xây nhà Như Lai
Tâm Như Lai đã chứng ngộ Niết Bàn
Diệt đoạn tuyệt tất cả mọi tham ái, [5]
Như Lai đã chứng đắc A-ra-hán.*

Hai bài kệ này mà Đức Phật tự thuyết ở trong tâm, đó là Phật ngôn thời kỳ đầu tiên của Đức Phật.

Phật ngôn cuối cùng là gì?

Đức Phật du hành thuyết pháp tế độ cho chúng sinh có duyên lành nên tế độ, khắp mọi nơi, từ cõi người đến cõi trời dục giới, cõi trời sắc giới (*không có cõi trời vô sắc giới, bởi vì phạm thiên cõi này không có sắc uẩn (không có lỗ tai để lắng nghe Chánh Pháp)*) suốt 45 năm ròng rã ngày đêm. Đến ngày rằm tháng tư (*âm lịch*) Đức Phật ngự đến khu rừng *Kusinārā* để tịch diệt Niết Bàn. Trước giờ tịch diệt Niết Bàn, vào canh chót, Đức Phật nhắc nhở khuyên dạy các hàng đệ tử đứng đầu là Tỳ khuru rằng:

*“Handa dāni bhikkhave āmantayāmi vo
Vayadhammā sa□khārā
Appamādena sampādettha” [6]*

Này chư Tỳ khuru, bây giờ Như Lai nhắc nhở khuyên dạy các con lần cuối cùng. Tất cả các pháp hữu vi có trạng thái diệt là thường, các con hãy nên cố gắng tinh tấn hoàn thành mọi phận sự Tứ Thánh Đế, bằng pháp không để duôi, tiến hành Tứ Niệm Xứ.

Đó là Phật ngôn cuối cùng của Đức Phật.

Thật vậy, Đức Phật chấm dứt câu chót:

“Appamādena sampādettha”

Từ đó, không còn dạy một lời nào nữa. Đức Phật nhập các bậc thiền hữu sắc, các bậc thiền vô sắc và cuối cùng tịch diệt Niết Bàn, gọi là *Ngũ Uẩn Niết Bàn (khandhapariniibbāna)* diệt ngũ uẩn rồi, không có ngũ uẩn nào khác tái sinh

nữa, hoàn toàn giải thoát *khổ sinh* là giải thoát mọi cảnh khổ tử sinh luân hồi trong tam giới.

Phật ngôn thời kỳ giữa là gì?

Ngoại trừ hai câu kệ tự thuyết đầu tiên và Phật ngôn thời kỳ cuối cùng ra, còn lại tất cả những lời giáo huấn, điều răn dạy của Đức Phật trong suốt 45 năm.

Đó là Phật ngôn thời kỳ giữa của Đức Phật.

3- PHÁP VÀ LUẬT (*DHAMMA VINAYA*)

Toàn giáo pháp của Đức Phật phân ra làm hai loại:

- *Pháp (Dhamma) gồm có Tạng Kinh và Tạng Vi Diệu Pháp.*
- *Luật (Vinaya) là Tạng Luật.*

Trong kinh Đại Niết Bàn (*Mahāparinibbānasutta*), trước khi tịch diệt Niết Bàn. Đức Phật dạy Đại đức *Ānanda* rằng:

“Yo vo Ānanda, mayā dhammo ca vinayo ca desito paññato, so vo mamaccayena satthā”².

- *Này Ānanda, Pháp mà Như Lai đã thuyết, Luật mà Như Lai đã chế định, sau khi Như Lai đã tịch diệt Niết Bàn rồi, Pháp và Luật ấy là Tôn sư của các con.*

Theo Chú giải kinh Đại Niết Bàn, giải thích:

Danh từ *Dhamma*: *Pháp* có nghĩa là *Tạng Kinh* và *Tạng Vi Diệu Pháp*.

Danh từ *Vinaya*: *Luật* có nghĩa là *Tạng Luật*.

*Ti□i pi□akāni pañca nikāyā nava□gāni
caturasītidhammakhandhasahassāni.*

Tất cả Pháp và Luật phân chia thành Tam Tạng, Ngũ bộ, Cửu chi, 84.000 Pháp môn.

- *Tạng Luật*: Gồm có 21.000 Pháp môn.
- *Tạng Kinh*: Gồm có 21.000 Pháp môn.
- *Tạng Vi Diệu Pháp*: Gồm có 42.000 Pháp môn.

Đức Phật còn giảng giải rằng:

“Iti imāni caturāsitidhammakhandhasahassāni ti□□hanti, aha□ ekova parinibbāyāmi. Ahañca kho dāni ekova ovaḍāmi anusāsāmi, mayi parinibbute imāni caturāsitidhammakhandhasahassāni tumhe ovaḍissanti amusāsissanti” [7].

Như vậy, 84.000 Pháp môn này tồn tại, chỉ có một mình Như Lai tịch diệt Niết Bàn. Thật vậy, bây giờ chỉ có một mình Như Lai giáo huấn các con, theo dạy dỗ các con. Sau khi Như Lai tịch diệt Niết Bàn rồi, thì có 84.000 Pháp môn ấy là “Tôn sư” sẽ giáo huấn các con, theo dạy dỗ các con.

Trên đây là đoạn Chú giải mà Đức Phật đã giải thích, giảng dạy cho các hàng đệ tử nên hiểu biết rõ rằng:

Sau khi Đức Phật đã tịch diệt Niết Bàn rồi, không phải không còn vị Tôn sư, mà khi ấy, 84.000 pháp môn chính là Tôn sư sẽ giáo huấn, sẽ theo dạy dỗ các hàng đệ tử.

4- TAM TẶNG (TIPI□AKA)

Toàn giáo pháp của Đức Phật, nếu phân chia theo tạng thì có 3 tạng:

Tạng Luật (Vinayapi□akapā□i).

Tạng Kinh (Suttantapi□akapā□i).

Tạng Vi Diệu Pháp (Abhidhammapi□akkapā□i)

a) Tạng Luật (Vinayapi□akapā□i)

Tạng Luật gồm những lời răn dạy của Đức Phật. Đức Phật đã ban hành những điều giới Tỳ khuru, Tỳ khuru ni, những phép hành tăng sự, những điều cho phép và những điều không cho phép, những việc nên làm và những việc không nên làm v.v...

Tạng Luật có 5 bộ

* **Bộ Pārājikapā□i** gồm có những điều giới:

4 điều giới *Pārājika*
13 điều giới *Sa□ghādisesa*
2 điều giới *Aniyata*
30 điều giới *Nissaggiya pācittiya*.

* **Bộ *Pācittiyapā□i*** gồm có những điều giới:

92 điều giới *Suddha pācittiya*
4 điều giới *Pā□īdesanīya*
75 điều giới *Sekhiya*.
7 điều *Adhikara□asamatha*
Những điều giới của Tỳ khuru ni.

* **Bộ *Mahāvagga*** (Tạng Luật)

Bộ luật *Mahāvagga* này, Đức Phật thuyết giảng về chuyện chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, chuyện thuyết pháp Chuyển Pháp Luân đầu tiên tế độ nhóm 5 Tỳ khuru, Đức Phật ban hành phép xuất gia thọ Sadi, Tỳ khuru v.v...

* **Bộ *Cū□avagga***

Bộ luật *Cū□avagga* này, Đức Phật ban hành nhiều phép hành tăng sự đến chư Tỳ khuru. Trong bộ này, lần đầu tiên Đức Phật cho phép bà *Mahāpajāpatigotamī* xuất gia trở thành Tỳ khuru ni trong giáo pháp của Đức Phật, cùng với 500 cận sự nữ dòng *Sakya* cùng xuất gia thọ Tỳ khuru ni v.v...

* **Bộ *Parivāra***

Bộ luật *Parivāra* này, Đức Phật ban hành nhiều điều liên quan đến giới và nhiều vấn đề khác...

Đó là 5 bộ trong Tạng Luật mà Đức Phật là Bậc duy nhất chế định và ban hành đến chư Tỳ khuru, Tỳ khuru ni; còn các hàng Thánh Thanh Văn đệ tử không thể chế định ra điều giới và các phép hành tăng sự ...

Tạng Luật có 3 đặc tính đặc biệt:

- Đức Phật thuyết giảng bằng pháp lệnh (*a□ādesanā*).
- Đức Phật giáo huấn tùy theo lỗi (*yathāparādhasāsana*)

- Đức Phật răn dạy Tỳ khuru giữ gìn thu thúc thân và khẩu (sa□varāsa□varakāthā).

* Đức Phật thuyết giảng bằng pháp lệnh như thế nào?

Đức Phật đã chế định ra điều giới, các phép hành tăng sự, điều cho phép và không cho phép, việc nên làm và không nên làm... đến chư Tỳ khuru, chư Tỳ khuru ni. Chư Tỳ khuru, chư Tỳ khuru ni phải nghiêm chỉnh hành theo những điều mà Đức Phật đã chế định, không được thêm vào hoặc bớt ra. Nếu vị nào cố ý sai phạm, vị ấy phải chịu tội nặng hay nhẹ, tùy theo mỗi điều giới, không ngoại trừ một ai.

Đức Phật là Bậc độc nhất chế định và ban hành Tạng Luật, còn các hàng Thánh Thanh Văn đệ tử không có quyền chế định một điều nào cả.

* Đức Phật giáo huấn tùy theo lỗi như thế nào ?

Khi nào Tỳ khuru hoặc Tỳ khuru ni bị phạm lỗi lần đầu tiên, bị người đời hoặc chư thiên chê trách, làm tổn thương đến uy tín của chư Tăng. Khi ấy, Đức Phật mới chế định điều giới, ban hành đến chư Tỳ khuru, Tỳ khuru ni, để đem lại 10 điều lợi ích như sau:

1- Sa□ghasu□□hutāya: Để đem lại sự tốt lành cho Tỳ khuru Tăng, Tỳ khuru ni Tăng.

2- Sa□ghaphāsutāya: Để đem lại sự an lành cho Tỳ khuru Tăng, Tỳ khuru ni Tăng.

3- Dumma□kūna□ puggalāna□ niggahāya: Để khiển trách Tỳ khuru, Tỳ khuru ni phá giới, khó dạy không biết hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi.

4- Pesalāna□ bhikkhūna□ phāsuviharāya: Để đem lại sự an lành đến những Tỳ khuru, Tỳ khuru ni biết kính yêu giới.

5- Di□□hadhammikāna□ āsavāna□ sa□varāya: Để ngăn ngừa những tai họa xảy ra trong kiếp hiện tại.

6- Samparāyikāna□ āsavāna□ pa□ighātāya: Để diệt trừ những tai họa 4 cõi ác giới (địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sinh) trong kiếp vị lai.

7- *Appasannāna* □ *pasādāya*: Để làm cho phát sinh đức tin đến những người chưa có đức tin nơi Tam Bảo.

8- *Pasannāna* □ *bhiyyo bhavāya*: Để làm tăng trưởng thêm đức tin cho những người đã có đức tin nơi Tam Bảo.

9- *Saddhamma* □ □ *hitiyā*: Để làm cho Chánh Pháp “*pháp học, pháp hành, pháp thành*” được trường tồn lâu dài.

10- *Vinayānuggahāya*: Để giữ gìn hộ trì giới luật được nghiêm minh.

Đức Phật chế định giới điều, sau khi có Tỳ khuru hoặc Tỳ khuru ni phạm lỗi đầu tiên. Cho nên, những Tỳ khuru, Tỳ khuru ni nào phạm lỗi đầu tiên; Tỳ khuru, Tỳ khuru ni ấy không phạm giới ấy. Đức Phật chế định điều giới nặng hoặc nhẹ, tùy theo lỗi nặng hoặc nhẹ. Sau khi Đức Phật chế định giới điều nào rồi, ban hành đến Tỳ khuru, Tỳ khuru ni; nếu Tỳ khuru, Tỳ khuru ni nào cố ý phạm giới ấy, thì Tỳ khuru, Tỳ khuru ni ấy gọi là đã phạm giới ấy.

* *Đức Phật răn dạy Tỳ khuru, Tỳ khuru ni giữ gìn thu thúc thân và khẩu như thế nào?*

Đức Phật ban hành giới điều đến Tỳ khuru, Tỳ khuru ni, cốt để răn dạy Tỳ khuru, Tỳ khuru ni biết giữ gìn thu thúc thân và khẩu, tránh xa mọi hành ác do thân và khẩu. Tỳ khuru, Tỳ khuru ni giữ gìn điều giới được trong sạch, có thể diệt được phiền não loại thô (*vitikkamakilesa*), để làm nền tảng cho pháp hành thiền định, pháp hành thiền tuệ được phát triển.

Đó là những đặc tính đặc biệt của Tạng Luật.

Tỳ khuru giới

Đức Phật chế định, ban hành điều giới của Tỳ khuru trong *Bhikkhupātimokkhasīla* có 227 điều giới như sau:

- 1) Điều giới *Pārājika* có 4 điều giới bất cộng trụ.
- 2) Điều giới *Sa* □ *ghādisesa* có 13 điều giới.
- 3) Điều giới *Aniyata* có 2 điều giới bất định.

4) Điều giới *Nissaggiya pācittiya* có 30 điều giới ung xả đối trị, trước phải xả bỏ vật bị phạm giới, sau mới xin sám hối (*pācittiya āpatti*).

5) Điều giới *Suddha pācittiya* có 92 điều giới ung đối trị.

6) Điều giới *Pāṇidesamāya* có 4 điều giới sám hối riêng rẽ.

7) Điều giới *Sekhiya* có 75 điều học tập.

8) Điều *Adhikaraṇasamatha* có 7 pháp giảng hòa.

Trong giới bốn *bhikkhupātimokkhasīla* gồm có 227 điều giới, nếu tính theo Tạng Luật, thì điều giới của Tỳ khuru tổng cộng 91.805.036.000 điều giới. Như trong bộ *Visuddhimagga* dạy:

“*Navakoṇisahasāni,
Asitisatakoṇiyo.
Paññāsasatasahasāni,
Chattiṇsa ca punāpare.
Ete saṇvaravinayā,
Sambuddhena pakāsitā
Peyyālamukhena niddiṇṇhā,
Sikkhā vinayasaṇvare.*” [8]

Đức Phật đã chế định những điều giới trong Tạng Luật bằng cách hiểu rộng gồm có 91.805.036.000 điều giới, để giữ gìn thu thúc thân và khẩu tránh xa mọi hành ác.

Tỳ khuru ni giới

Đức Phật chế định ban hành điều giới của Tỳ khuru ni *Bhikkhunipātimokkhasīla* gồm có 311 điều giới như sau:

1) Điều giới *Pārājika* có 8 điều giới.

2) Điều giới *Saṅghādisesa* có 17 điều giới.

3) Điều giới *Nissaggiya pācittiya* có 30 điều giới.

4) Điều giới *Suddha pācittiya* có 166 điều giới.

5) Điều giới *Pāṇidesamāya* có 8 điều giới.

6) Điều giới *Sekhiya* có 75 điều giới.

7) Điều *Adhikara* □ *asamatha* có 7 pháp.

Tên điều giới	Tỳ khuru giới
Điều giới <i>Pārājika</i>	4 điều giới
Điều giới <i>Sa</i> □ <i>ghādisesa</i>	13 điều giới
Điều giới <i>Aniyata</i>	2 điều giới
Điều giới <i>Nissaggiya</i> <i>pācittiya</i>	30 điều giới
Điều giới <i>Suddha pācittiya</i>	92 điều giới
Điều giới <i>Pā</i> □ <i>idesamāya</i> .	4 điều giới
Điều giới <i>Sekhiya</i>	75 điều giới
Điều giới <i>Adhikara</i> □ <i>asamatha</i>	7 điều giới

227 điều giới

Tên điều giới	Tỳ khuru ni giới
Điều giới <i>Pārājika</i>	8 điều giới
Điều giới <i>Sa</i> □ <i>ghādisesa</i>	17 điều giới
Điều giới <i>Nissaggiya</i> <i>pācittiya</i>	30 điều giới
Điều giới <i>Suddha pācittiya</i>	166 điều giới
Điều giới <i>Pā</i> □ <i>idesamāya</i>	8 điều giới
Điều giới <i>Sekhiya</i>	75 điều giới
Điều giới <i>Adhikara</i> □ <i>asamatha</i>	7 điều giới

311 điều giới

Phạm giới *āpatti*

Tỳ khuru, Tỳ khuru ni phạm giới *āpatti* có 7 loại

1) *Pārājika āpatti*: Phạm giới bất cộng trụ, mất phạm hạnh Tỳ khuru, Tỳ khuru ni.

- 2) *Saṅghādisesa āpatti*: Phạm giới rồi phải xin chư Tăng hình phạt.
- 3) *Thullaccaya āpatti*: Phạm giới nặng kém thua hai giới trên.
- 4) *Pācittiya āpatti*: Phạm giới ung đối trị.
- 5) *Pāṇidesanīya āpatti*: Phạm giới xin sám hối riêng rẽ.
- 6) *Dukkaṅga āpatti*: Phạm giới tác ác.
- 7) *Dubbhāsita āpatti*: Phạm giới ác khẩu.

Phạm giới āpatti có 7 loại chia làm 2 loại chính

1- Phạm giới āpatti nặng có 2 loại

Pārājika āpatti: Tỳ khuru, Tỳ khuru ni nào phạm một trong những điều giới này; Tỳ khuru, Tỳ khuru ni ấy bị mất phạm hạnh Tỳ khuru, Tỳ khuru ni, họ phải hoàn tục trở lại người tại gia (*hoặc xuống trở thành Sadi*).

Saṅghādisesa āpatti: Tỳ khuru, Tỳ khuru ni nào phạm một trong những điều giới này; Tỳ khuru, Tỳ khuru ni ấy tuy còn phạm hạnh Tỳ khuru, Tỳ khuru ni, nhưng vì ấy phải biết xin chịu hành phạt theo luật của Đức Phật ban hành, hành *Parivāsakamma*, hành *Mānattakamma* và hành *Abbhānakamma*, để cho giới của mình được trở lại trong sạch.

2- Phạm giới āpatti nhẹ có 5 loại

Thullaccaya āpatti, *Pācittiya āpatti*, *Pāṇidesanīya āpatti*, *Dukkaṅga āpatti*, *Dubbhāsita āpatti*. Tỳ khuru, Tỳ khuru ni nào phạm một trong 5 loại này, Tỳ khuru, Tỳ khuru ni ấy có thể xin sám hối với một vị Tỳ khuru khác, để cho giới của mình được trở lại trong sạch.

Quả báu của sự giữ gìn giới

Trong Tạng Luật bộ *Parivāra*, Đức Phật thuyết dạy quả báu của sự giữ gìn giới trong sạch đem lại sự lợi ích theo nhân quả tuần tự như sau:

- 1) *Giữ gìn giới trong sạch đem lại sự lợi ích là có thu thúc lục căn thanh tịnh.*
- 2) *Có thu thúc, đem lại sự lợi ích là tâm không nóng nảy, tâm mát mẻ.*

- 3) Tâm không nóng nảy, đem lại sự lợi ích là có tâm thỏa thích an vui.
- 4) Tâm thỏa thích an vui, đem lại sự lợi ích là có tâm hoan hỷ.
- 5) Tâm hoan hỷ, đem lại sự lợi ích là tâm vắng lặng thanh tịnh.
- 6) Tâm vắng lặng thanh tịnh, đem lại sự lợi ích là tâm an lạc.
- 7) Tâm an lạc, đem lại sự lợi ích cho thiền định.
- 8) Tâm thiền định, đem lại sự lợi ích có tri kiến thấy đúng theo thực tánh của các pháp.
- 9) Tri kiến thấy đúng theo thực tánh của các pháp, đem lại sự lợi ích cho tri kiến thiên tuệ, nhằm chán ngũ uẩn.
- 10) Tri kiến thiên tuệ nhằm chán ngũ uẩn, đem lại sự lợi ích diệt đoạn tuyệt được tham ái bằng Thánh Đạo Tuệ.
- 11) Diệt đoạn tuyệt được tham ái, đem lại sự lợi ích, giải thoát khổ bằng Thánh Quả Tuệ.
- 12) Giải thoát khổ bằng Thánh Quả Tuệ rồi, đem lại sự lợi ích cho trí tuệ quán xét biết rõ rằng giải thoát khổ rồi.
- 13) Trí tuệ quán xét biết rõ giải thoát khổ rồi, đem lại sự lợi ích chứng ngộ Niết Bàn, giải thoát khổ không còn chấp thủ.

Hành giả giữ gìn giới được trong sạch và đầy đủ, làm nền tảng đem lại nhiều sự lợi ích cho mọi thiện pháp, cho pháp hành thiền định, pháp hành thiên tuệ, cho đến lợi ích cao thượng là chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn, giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong tam giới.

Quả báu của việc học Tạng Luật

Trong Tạng Luật bộ *Pavivāra*, Ngài Đại đức *Upāli* bạch hỏi Đức Thế Tôn về quả báu của việc học Tạng Luật.

Đức Phật dạy rằng:

Này *Upāli*, Tỳ khuru học Tạng Luật có được 5 quả báu là:

- 1) Chính mình biết giữ gìn giới luật được trong sạch.
- 2) Mình là nơi nương nhờ của những người khác, họ đến học hỏi để hiểu rõ giới luật.
- 3) Là người có thiện tâm dũng cảm trong các hội chúng.
- 4) Là người thắng kẻ thù bên trong là phiền não và kẻ thù bên ngoài bằng Chánh Pháp.
- 5) Là người hành theo Chánh Pháp, để duy trì Chánh Pháp được trường tồn.

Đó là 5 quả báu của việc học rành rẽ Tạng Luật.

b) Tạng Kinh (Suttantapiṭaka)

Tạng Kinh là tạng gồm có nhiều bài kinh, bài kệ do Đức Phật thuyết giảng, cũng có một số bài kinh, bài kệ do chư Thánh Arahán, chư thiên, chư phạm thiên, Đức vua, Samôn, Bàlamôn. Những bài kinh, bài kệ ấy được Đức Phật nhắc lại hoặc xác nhận thì xem như lời thiện ngôn.

Tạng Kinh gồm có 5 bộ lớn

Trường Bộ Kinh: Gồm có những bài kinh dài.

Trung Bộ Kinh: Gồm có những bài kinh trung bình.

Đồng Loại Bộ Kinh: Gồm những bài kinh có điểm đồng nhau ghép thành nhóm.

Chi Bộ Kinh: Gồm những bài kinh có chi pháp rõ ràng.

Tiểu Bộ Kinh: Gồm những bài kinh, bài kệ không có trong 4 bộ trên, được gom vào Tiểu Bộ Kinh này.

Tạng Kinh có 3 đặc tính đặc biệt

- Đức Phật thuyết pháp dùng ngôn ngữ thích hợp (*voḥāradesanā*).
- Đức Phật giáo huấn tùy theo căn duyên chúng sinh (*yathāloomasāsana*).
- Đức Phật thuyết dạy chúng sinh diệt được tà kiến (*diṭṭhivivekhanakathā*).

* Đức Phật thuyết pháp dùng ngôn ngữ thích hợp như thế nào?

Đức Phật thuyết pháp bằng cách dùng ngôn ngữ thích hợp đối với mỗi chúng sinh. Cho nên, Đức Phật thuyết pháp tế độ chúng sinh gồm có nhiều hạng khác nhau như Tỳ khưu, Tỳ khưu ni, cận sự nam, cận sự nữ, Vua chúa, Bàlamôn, dân chúng, cho đến chư thiên, chư phạm thiên v.v... Mỗi khi

chúng sinh lắng nghe Đức Phật thuyết pháp, họ đều hiểu rõ ràng các chánh pháp bởi do ngôn ngữ thích hợp theo trình độ riêng của mỗi chúng sinh. Do đó, có số chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu, có số chứng đắc thành bậc Thánh Nhất Lai, có số chứng đắc thành bậc Thánh Bất Lai, có số chứng đắc thành bậc Thánh Arahán tùy theo khả năng pháp hạnh ba-la-mật của mỗi chúng sinh đã tạo. Cũng có số tạo duyên lành, bồi bổ pháp hạnh ba-la-mật để chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả trong thời vị lai kiếp này, hoặc kiếp sau.

** Đức Phật giáo huấn tùy theo căn duyên chúng sinh như thế nào?*

Đức Phật có hai trí tuệ đặc biệt là:

- *Indriyaparopariyattañā* □ a: Trí tuệ biết rõ 5 pháp chủ già dặn hoặc non nớt của mỗi chúng sinh.

- *Āsayānusayañā* □ a: Trí tuệ biết rõ phiền não ngấm ngấm của mỗi chúng sinh.

Do đó, Đức Phật biết rõ được chúng sinh có duyên lành chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn, hoặc không chứng đắc. Cho nên, Đức Phật thuyết pháp tế độ phù hợp với căn cơ, duyên lành của chúng sinh ấy. Khi chúng sinh ấy lắng nghe chánh pháp của Đức Phật dễ dàng chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt được phiền não, tham ái. Ví như một vị thầy thuốc có tài đức, chẩn bệnh chính xác, biết rõ căn bệnh của bệnh nhân, liền cho thuốc tốt, nên bệnh nhân mau lành bệnh.

** Đức Phật thuyết dạy chúng sinh diệt tà kiến như thế nào?*

Đức Phật biết rõ mỗi chúng sinh có tà kiến khác nhau (có 62 loại tà kiến), Đức Phật thuyết dạy chúng sinh ấy phát sinh chánh kiến, nên diệt được tà kiến theo chấp ngã, các loại tà kiến khác cũng bị diệt cùng một lúc, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn một cách dễ dàng.

Đó là 3 đặc tính đặc biệt của Tạng Kinh.

c) Tạng Vi Diệu Pháp (*Abhidhamma*)

Tạng Vi Diệu Pháp gồm những **Chân nghĩa pháp** (*Paramatthadhamma*) cao siêu vi diệu, là những pháp có thực tánh như: Pháp thiện, pháp bất thiện, pháp không phải thiện, không phải bất thiện... Những pháp ấy là ngũ uẩn, 12 xứ, 18 giới... không phải ta, không phải người, không phải đàn ông, đàn bà, chúng sinh....

Tạng Vi Diệu Pháp được Đức Phật thuyết tại cung trời Tam Thập Tam Thiên vào mùa hạ thứ 7 của Đức Phật, để tế độ Phật mẫu, nay kiếp hiện tại là thiên nam *Santussita* ở cõi trời Đâu Suất Đà Thiên. Vị thiên nam *Santussita* hiện xuống cõi trời Tam Thập Tam Thiên lắng nghe Đức Phật thuyết Tạng Vi Diệu Pháp này suốt 3 tháng hạ [9]. Vị thiên nam *Santussita* chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu cùng với 80 tỷ chư thiên, chư phạm thiên cũng chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả cao thấp tùy theo năng lực ba-la-mật của mỗi vị.

Tạng Vi Diệu Pháp gồm có 7 bộ:

1- *Bộ Dhammassa*□*ganīpā*□*i*: *Bộ Pháp Tụ Hội* gồm tất cả các chân nghĩa pháp thành nhóm *Mātikā* pháp đầu đề, có tất cả 132 *mātikā* chia làm hai loại:

Tika mātikā: Pháp đầu đề có ba chi pháp gồm có 32 *mātikā*.

Duka mātikā: Pháp đầu đề có hai chi pháp gồm có 100 *mātikā*...

2- *Bộ Vibha*□*gapā*□*i*: *Bộ Pháp Phân Tích* gồm các pháp phân tích thành 18 loại, uẩn (*khandha*), xứ (*āyatana*), giới (*dhātu*) v.v...

3- *Bộ Dhātukathāpā*□*i*: *Bộ Phân Loại* gồm các pháp phân loại thành ngũ uẩn, 12 xứ, 18 giới, Tứ Đế (*sacca*).

4- *Bộ Pugalapaññattipā*□*i*: *Bộ Nhân Chế Định* phân biệt các hạng người khác nhau.

5- *Bộ Kathāvatthupā*□*i*: *Bộ Luận Đề* đặt vấn đề phá tan mọi tà thuyết, trở lại Chánh Pháp.

6- *Bộ Yamakapā*□*i*: *Bộ Song Đối* gồm các câu hỏi, câu trả lời đi đôi với nhau từng cặp.

7- *Bộ Pa*□□*hānapā*□*i*: *Bộ Duyên Hệ* giải về 24 duyên có quan hệ với nhau. Bộ Duyên Hệ này là bộ lớn và rộng nhất, sâu sắc và vi diệu nhất trong Phật giáo.

Tạng Vi Diệu Pháp có 3 đặc tính đặc biệt

- Đức Phật thuyết giảng về Chân nghĩa pháp (*Paramatthadesanā*).

- Đức Phật thuyết pháp giáo huấn chúng sinh tùy theo căn duyên để phá chấp ngã (*yathādhammasāsana*).

- *Đức Phật thuyết giảng phân tích danh pháp, sắc pháp (nāmarāpaparicchedakathā).*

* *Đức Phật thuyết giảng về chân nghĩa pháp như thế nào?*

Đức Phật tự mình chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, độc nhất vô nhị thông suốt tất cả các chân nghĩa pháp (*paramatthadhamma*) đó là *tâm (citta)*, *tâm sở (cetasika)*, *sắc pháp (rūpa)* và *Niết Bàn (Nibbāna)*. Đức Phật Chánh Đẳng Giác đặc biệt có đầy đủ 5 pháp *Ñeyyadhamma*, nên Ngài có khả năng chế định ra ngôn ngữ chân nghĩa pháp, để thuyết dạy Tạng Vi Diệu Pháp này. Ngoài ra, không có một vị nào có khả năng thuyết giảng chân nghĩa pháp này, bởi vì họ không phải là Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

* *Đức Phật thuyết pháp giáo huấn chúng sinh tùy theo căn duyên để phá chấp ngã như thế nào?*

Đức Phật biết rõ tà kiến theo chấp ngã của chúng sinh khác nhau.

- Số chúng sinh có tà kiến theo chấp *danh pháp cho là ta (ngã) nặng hơn là chấp sắc pháp cho là ta (ngã)*. Để tế độ nhóm chúng sinh ấy, Đức Phật thuyết pháp *ngũ uẩn (khandha)* là *vô ngã*. Bởi vì, trong ngũ uẩn có 4 *danh uẩn: thọ, tưởng, hành, thức* thuộc về *danh pháp* là *vô ngã*, còn một *sắc uẩn* thuộc về *sắc pháp* cũng là *vô ngã*.

- Số chúng sinh có tà kiến theo chấp *sắc pháp cho là ta (ngã) nặng hơn là chấp danh pháp cho là ta (ngã)*. Để tế độ nhóm chúng sinh này, Đức Phật thuyết pháp *12 xứ (āyatana)* là *vô ngã*. Bởi vì, trong 12 xứ, có 10 *xứ: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và sắc, thanh, hương, vị, xúc* thuộc về *sắc pháp* là *vô ngã*. Còn lại *ý xứ* thuộc về *danh pháp* và một phần *pháp xứ* thuộc về *danh pháp* và *sắc pháp* là *vô ngã*.

- Số chúng sinh có tà kiến theo chấp *danh pháp và sắc pháp tương đương cho là ta (ngã)*. Để tế độ nhóm chúng sinh ấy, Đức Phật thuyết pháp *18 giới (dhātu)* là *vô ngã*. Bởi vì, trong 18 giới, có 10 *giới: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, và sắc, thanh, hương, vị, xúc* thuộc về *sắc pháp* là *vô ngã*. Còn lại 7 giới khác: *nhãn thức giới, nhĩ thức giới, tỷ thức giới, thiệt thức giới, thân thức giới, ý giới, ý thức giới* thuộc về *danh pháp* là *vô ngã*, riêng *pháp xứ* thuộc *danh pháp* và *sắc pháp* là *vô ngã* v.v... Đức Phật thuyết pháp giáo huấn chúng sinh thấy rõ, biết rõ tất cả các pháp là *vô ngã*, không phải ta, không phải đàn ông, không phải đàn bà, không phải chúng sinh ..., để phá chấp ngã.

* Đức Phật thuyết giảng phân tích danh pháp, sắc pháp như thế nào?

Đức Phật thuyết giảng phân tích cho chúng sinh thấy rõ, biết rõ danh pháp, sắc pháp, mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp có thực tánh pháp, có trạng thái riêng, có 3 trạng thái chung: *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã*, để diệt *tâm tà kiến* thấy sai chấp lầm từ danh pháp, từ sắc pháp cho là tự ngã của ta; diệt *tâm tham ái* nơi danh pháp, sắc pháp cho là của ta, diệt *tâm ngã mạn* xem ta hơn người, bằng người, kém thua người...

Đó là đặc tính đặc biệt của Tạng Vi Diệu Pháp.

Quả báu của sự học Tam Tạng

- Người theo học và hành nghiêm chỉnh đúng đắn theo **Tạng Luật**, giữ gìn giới đức trong sạch và đầy đủ, do nhờ giới trong sạch làm nền tảng, nương nhờ giới tiến hành thiền định, tiến hành thiền tuệ, dẫn đến sự chứng đắc thành **bậc Thánh Arahán cùng với Tam Minh** [10], do năng lực quả báu của sự học Tạng Luật.

- Người học thông thuộc **Tạng Kinh** có giới thanh tịnh làm nền tảng, để tiến hành thiền định dẫn đến chứng đắc bát thiên [11], dùng bậc thiên làm nền tảng, nương nhờ bậc thiên làm đối tượng, tiến hành thiền tuệ, dẫn đến sự chứng đắc thành **bậc Thánh Arahán cùng với Lục Thông** [12], do năng lực quả báu của sự học Tạng Kinh.

- Người học thông thuộc **Tạng Vi Diệu Pháp** có giới định làm nền tảng, tiến hành thiền tuệ dẫn đến sự chứng đắc thành **bậc Thánh Arahán cùng với Tứ Tuệ Phân Tích** [13], do năng lực của sự học Tạng Vi Diệu Pháp.

NGŨ BỘ (PAÑCANIKĀYA)

Toàn giáo pháp của Đức Phật nếu phân chia theo bộ (*nikāya*), thì có 5 bộ gồm có 40 quyển căn cứ theo kỳ kết tập Tam Tạng lần thứ 6 tại động Kaba Aye, Yangon xứ Myanmar.

Trường Bộ Kinh (Dīghanikāyapāṭi)
Trung Bộ Kinh (Majjhimanikāyapāṭi)
Đông Loại Bộ Kinh (Samyuttanikāyapāṭi)
Chi Bộ Kinh (Aṅguttaranikāyapāṭi)
Tiểu Bộ Kinh (Khuddakanikāyapāṭi)

1- Trường Bộ Kinh là gì?

Trường Bộ Kinh gồm có 34 bài kinh dài chia làm 3 quyển:

Sīlakkhandhavagga□□i gồm có 13 bài kinh dài.

Mahāvagga□□i gồm có 10 bài kinh dài.

Pāthikavagga□□i gồm có 11 bài kinh dài.

2- Trung Bộ Kinh là gì?

Trung Bộ Kinh gồm có 152 bài kinh trung bình chia làm 3 quyển:

Mūlapa□□*āsapa*□□i: Có 5 chương, mỗi chương có 10 bài kinh trung bình. Gồm có 50 bài kinh trung bình.

Majjhimapa□□*āsapa*□□i: Có 5 chương, mỗi chương có 10 bài kinh trung bình. Gồm có 50 bài kinh trung bình.

Uparipa□□*āsapa*□□i: Có 5 chương, chương 1, 2, 3 và 5 mỗi chương có 10 bài kinh trung bình; còn chương 4 có 12 bài kinh trung bình. Gồm có 52 bài kinh trung bình.

3- Đồng Loại Bộ Kinh là gì?

Đồng Loại Bộ Kinh có 7.762 bài kinh dài, ngắn khác nhau. Đặc biệt bộ này những bài kinh có điểm đồng loại nhau, được ghép chung lại với nhau thành một chương riêng biệt.

Ví dụ: Những bài kinh liên quan đến chư thiên ghép chung lại với nhau thành nhóm gọi là *devatasamyutta*; những bài kinh liên quan đến Đức vua xứ *Kosala* ghép chung lại thành chương gọi là *Kosalasamyutta* v.v...

Bộ Đồng Loại Bộ Kinh này có 5 quyển:

Sagāthavaggasamyuttapā□□i gồm có 11 chương.

Nidānavaggasamyuttapā□□i gồm có 10 chương.

Khandhavaggasamyuttapā□□i gồm có 13 chương.

Sā□□*āyatanasamyuttapā*□□i gồm có 10 chương.

Mahāvaggasamyuttapā□□i gồm có 12 chương.

Như vậy, tổng cộng tất cả 56 chương gồm có 7.762 bài kinh.

4- Chi Bộ Kinh là gì?

Chi Bộ Kinh gồm có những bài kinh có chi pháp. Những bài kinh có một chi pháp, những bài kinh có hai chi pháp v.v... Cho đến những bài kinh có 11 chi pháp.

Những bài kinh có một chi pháp gọi là: *ekakanipāta*.

Những bài kinh có hai chi pháp gọi là: “*dukanipāta* v.v...”

Những bài kinh có mười một chi pháp gọi là: “*ekadassakanipāta*.”

Chi Bộ Kinh này có 3 quyển có 11 *nipāta*, gồm tất cả có 9.557 bài kinh ngắn dài khác nhau.

5- Tiểu Bộ Kinh là gì?

Tiểu Bộ Kinh, danh từ *tiểu* (*khuddaka*) không có nghĩa là nhỏ, mà tất cả những bài kinh nào, quyển nào không có trong bốn bộ kinh trên; những bài kinh ấy, những quyển ấy được gom vào trong Tiểu Bộ Kinh này. Cho nên, Tạng Luật và Tạng Vi Diệu Pháp thuộc về Tiểu Bộ Kinh này.

Như vậy, Tiểu Bộ Kinh gồm có:

Vinayapi□*akapā*□*i* (Tạng Luật).
Abhidhammapi□*akapā*□*i* (Tạng Vi Diệu Pháp).
Khuddakapā□*hapā*□*i*
Dhammapadagāthāpā□*i*
Udānapā□*i*
Itivuttakapā□*i*
Suttanipātapā□*i*
Vimānavatthupā□*i*
Petavatthupā□*i*
Theragāthāpā□*i*
Therīgāthāpā□*i*
Jātakapā□*i*
Niddesapā□*i* (*Mahāniddesa-Cūlaniddesa*)
Pa□*isambhidāmaggapā*□*i*.
Apādānapā□*i*
Buddhava□*sapā*□*i*
Cariyāpi□*akapā*□*i*
Nettipā□*i*

Petakopādesapāṭi
Milindapañhāpāṭi

Tiểu Bộ Kinh gồm có 2 tạng (*Tạng Luật* và *Tạng Vi Diệu Pháp*) và 18 quyển (*bộ nhỏ*). Bộ này rất rộng lớn.

CỬU CHI (NAVAṬGA)

Toàn giáo pháp của Đức Phật, nếu phân chia theo chi (*aṭṭha*), thì có 9 chi như sau:

- 1- *Sutta* (*kinh*): Gồm những bài kinh văn xuôi lẫn kệ, như kinh *Maṅgalasutta*, *Ratanasutta*... và *Tạng Luật* cũng được ghép vào chi *sutta* này.
- 2- *Geyya* (*kệ*): Gồm những bài kinh hoàn toàn bằng những câu kệ (*không có đoạn văn xuôi*) như những bài kệ trong phần *Sagāthavaggasamyutta*...
- 3- *Veyyākaraṇa* (*kinh*): Gồm những bài kinh hoàn toàn văn xuôi (*không có kệ xen vào*) như *Dhammacakkappavattanasutta*, *Mahāsatipaṭṭhānasutta*... và *Tạng Vi Diệu Pháp* cũng được ghép vào trong chi *Veyyākaraṇa* này.
- 4- *Gāthā* (*kệ*): Gồm những bài kệ không có tên bài kinh như *Dhammapadagāthā*, *Theragāthā*, *Therīgāthā*...
- 5- *Udāna* (*bài tự thuyết*): Gồm có 82 bài tự thuyết của Đức Phật do tâm hoan hỷ phát sinh.
- 6- *Itivuttaka*: Gồm có 110 bài kinh, thường bắt đầu có câu: *Vuttam hetaṃ bhagavatā*... Điều này đúng như lời Đức Thế Tôn dạy...
- 7- *Jātaka* (*tiền kiếp*): Những câu kệ liên quan đến 547 tích tiền kiếp của Đức Phật, bắt đầu tích *Apannakajātaka* và cuối cùng tích *Vessantarajātaka*.
- 8- *Abbhūtaḍḍhamma*: Gồm những bài kinh có pháp phi thường chưa từng có từ trước (*acchariyabhūtaḍḍhamma*), thường khởi đầu bằng câu: *Này chư Tỷ khuru, những pháp phi thường chưa từng có từ trước*... như bài kinh *Pahāradasutta*...
- 9- *Vedalla*: Gồm những bài kinh vấn đáp bằng trí tuệ hợp với hỷ như *Cūlavedallasutta*, *Mahāvedallasutta*, *Sakkapānhāsutta*...

84.000 PHÁP MÔN (DHAMMAKKHANDHA)

Toàn giáo pháp của Đức Phật, nếu phân chia thành pháp môn (*Dhammakkhanda*) thì có 84.000 pháp môn, trong bộ Tam Tạng như sau:

Tạng Luật gồm có 21.000 pháp môn.

Tạng Kinh gồm có 21.000 pháp môn.

Tạng Vi Diệu Pháp gồm có 42.000 pháp môn.

Phương pháp đếm pháp môn trong Tam Tạng

- **Trong Tạng Luật:** Mỗi chuyện làm nguyên nhân đầu tiên để Đức Phật chế định điều giới, ban hành giới đến chư Tỳ khuru, Tỳ khuru ni là một pháp môn. Mỗi nguồn gốc phát sinh, mỗi cách phạm giới, mỗi cách không phạm giới v.v... mỗi điều là một pháp môn v.v...

Như vậy, trong Tạng Luật gồm có 21.000 pháp môn.

- **Trong Tạng Kinh:** Mỗi bài kinh có ý nghĩa pháp liên tục là một pháp môn. Trong bài kinh có nhiều đoạn, mỗi đoạn có ý nghĩa pháp riêng rẽ là một pháp môn, mỗi câu hỏi, mỗi câu trả lời là một pháp môn v.v...

Như vậy, trong Tạng Kinh có 21.000 pháp môn.

- **Trong Tạng Vi Diệu Pháp:** Pháp phân chia mỗi *tika*, mỗi *duka* là một pháp môn, phân loại tâm và tâm sở đồng sinh là một pháp môn v.v...

Như vậy, trong Tạng Vi Diệu Pháp gồm có 42.000 pháp môn.

Trong 84.000 pháp môn này, Đức Phật trực tiếp thuyết dạy có 82.000 pháp môn, còn 2.000 pháp môn do chư bậc Thánh Arahán thuyết dạy.

Như Ngài Đại đức *Ānanda*, bậc Thủ kho Tàng Pháp Bảo dạy rằng:

“*Dvāsiti Buddhato gaṅhi*”

Dve sahaṣṣāni bhikkhuto

Caturāsitisahaṣṣāni

Ye me dhammā pavattino” [14].

Tôi là *Ānanda*

Đã học từ Kim ngôn Đức Phật

*Được tám mươi hai ngàn pháp môn,
Học từ chư Thánh A-ra-hán
Góp nhặt được hai ngàn pháp môn,
Tôi là Thủ kho Tàng pháp Bảo
Trọn tám mươi bốn ngàn pháp môn.*

* * *

DUY TRÌ PHÁP HỌC PHẬT GIÁO

Pháp học Phật giáo là nguồn cội, là căn bản của Phật giáo. Khi **pháp học** còn tồn tại, thì **pháp hành** mới mong phát triển. Khi **pháp hành** phát triển tốt, thì **pháp thành** mới có thể phát sinh. Nếu pháp học bị tiêu hoại, thì pháp hành và pháp thành chắc chắn sẽ không còn nữa. Như vậy, các hàng Phật tử tại gia và bậc xuất gia cần phải có bổn phận theo học pháp học Phật giáo bằng tiếng *Pāṭi*, lời giáo huấn chính thức của Đức Phật tùy theo khả năng của mình, để giữ gìn duy trì Phật giáo được trường tồn trên thế gian tròn đủ 5.000 năm. Để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc cho tất cả chúng sinh nhất là chư thiên và nhân loại.

KẾT TẬP TAM TẠNG PĀṬI

Để giữ gìn duy trì pháp học Phật giáo cho được đầy đủ, không để rời rạc, không cho thất lạc; cho nên, chư Đại Trưởng Lão kết tập Tam Tạng và Chú giải bằng tiếng *Pāṭi*.

KẾT TẬP TAM TẠNG PĀṬI LẦN THỨ NHẤT

Ngài Đại Trưởng Lão **Mahākassapa** tổ chức kỳ kết tập Tam Tạng và Chú giải *Pāṭi* lần thứ nhất, sau khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn được 3 tháng 4 ngày (*nhằm vào ngày mùng 4 tháng 7 âm lịch, trong mùa an cư nhập hạ*) tại động *Sattapaṭṭi* gần thành *Rājagaha* xứ *Māgaddha*.

Kỳ kết tập Tam Tạng và Chú giải này gồm có 500 vị Thánh Arahán có đầy đủ trí tuệ phân tích, lục thông... đặc biệt thông thuộc Tam Tạng và Chú giải *Pāṭi*, Ngài Đại Trưởng Lão **Mahākassapa** chủ trì Đại hội, chất vấn Ngài Đại đức **Upālī** về Tạng Luật và chất vấn Ngài Đại đức **Ānanda** về Tạng Kinh và Tạng Vi Diệu Pháp. Kỳ kết tập Tam Tạng và Chú giải được thực hiện suốt 7 tháng mới hoàn thành xong trọn bộ Tam Tạng và Chú giải.

Kỳ kết tập Tam Tạng và Chú giải *Pāṭi* lần này bằng cách *truyền khẩu* (*mukhapāṭha*) chưa ghi chép bằng chữ viết.

Đức vua *Ajātasattu* xứ *Māgaddha* là người hộ độ chư Thánh Arahán trong kỳ kết tập Tam Tạng và Chú giải *Pāṭi* này.

Phân chia phận sự duy trì Tam Tạng, Ngũ Bộ

Sau khi kết tập Tam Tạng và Chú giải xong, chư Thánh Arahán phân công mỗi vị có bốn phận giữ gìn duy trì Tam Tạng và Chú giải như sau:

Về **Tạng Luật** (*Vinayapiṭakapāṭi*) thuộc về phận sự của Ngài Đại đức *Upāli*. Ngài có trách nhiệm dạy Tạng Luật và Chú giải đến nhóm đệ tử, giữ gìn duy trì Tạng Luật này.

Khi Đức Phật còn tại thế, Đức Phật đã từng tuyên dương Ngài Đại đức *Upāli* là bậc Thánh Thanh Văn xuất sắc nhất về trì luật trong các hàng Thanh Văn đệ tử.

Về **Trường Bộ Kinh** (*Dīghanikāyapāṭi*) thuộc về phận sự của Ngài Đại đức *Ānanda*. Ngài có trách nhiệm dạy Trường Bộ Kinh đến nhóm đệ tử, giữ gìn duy trì Trường Bộ Kinh này.

Về **Trung Bộ Kinh** (*Majjhimanikāyapāṭi*) thuộc về phận sự của nhóm đệ tử của Ngài Đại đức *Sāriputta*, các vị này có trách nhiệm dạy Trung Bộ Kinh đến nhóm đệ tử, giữ gìn duy trì Trung Bộ Kinh này.

Về **Đồng Loại Bộ Kinh** (*Samyuttanikāyapāṭi*) thuộc về phận sự của Ngài Đại Trưởng Lão *Mahākassapa*. Ngài có trách nhiệm dạy Đồng Loại Bộ Kinh đến nhóm đệ tử, giữ gìn duy trì Đồng Loại Bộ Kinh này.

Về **Tiểu Bộ Kinh** (*Khuddakanikāyapāṭi*), thuộc về phận sự chung của 500 chư Thánh Arahán. Quý Ngài có trách nhiệm dạy Tiểu Bộ Kinh đến các nhóm đệ tử, giữ gìn duy trì Tiểu Bộ Kinh này.

Về **Tạng Vi Diệu Pháp** (*Abhidhammapiṭakapāṭi*), gồm có 7 bộ lớn thuộc phận sự chung của 500 chư Thánh Arahán. Quý Ngài có trách nhiệm dạy Tạng Vi Diệu Pháp đến các nhóm đệ tử, giữ gìn duy trì Tạng Vi Diệu Pháp này.

KẾT TẬP TAM TẶNG PĀṬI LẦN THỨ NHÌ

Giáo pháp của Đức Phật được giữ gìn duy trì đúng theo Chánh Pháp trải qua được 100 năm, thì có nhóm Tỳ khuru *Vajjīputta* xứ *Vesāli* đặt ra 10 điều không hợp với pháp luật của Đức Phật là:

1- *Kappati siṅgiloṅkappa*: Tỳ khuru cất giữ muối trong ống bằng sừng với tác ý rằng: để làm đồ gia vị thức ăn ngày hôm sau, cũng được.

2- *Kappati dvaṅgulakappa*: Tỳ khuru thọ thực quá ngọ, mặt trời ngả qua hai lòng tay, cũng được.

3- *Kappati gāmantarakappa*: Tỳ khuru đã ngăn cản vật thực rồi tự nghĩ rằng: bây giờ ta đi vào xóm để dùng vật thực nữa, mà không cần làm đúng theo Luật, cũng được.

4- *Kappati āvasakappa*: Trong cùng *Mahāsīmā*, có nhiều nhóm riêng rẽ hành *uposathakamma*, cũng được.

5- *Kappati anumatikappa*: Chư Tăng trong nhóm hành tăng sự nghĩ rằng: Sẽ cho phép Tỳ khuru đến sau, cũng được.

6- *Kappati ācinnakappa*: Tỳ khuru hành theo pháp mà Thầy Tổ của mình thường thực hành, cũng được.

7- *Kappati amathitakappa*: Tỳ khuru đã ngăn cản vật thực rồi, dùng sữa tươi đã biến chất, chưa biến thành sữa chua, cũng được.

8- *Kappati jaṅgiṅpātuṅ*: Tỳ khuru uống rượu nhẹ chưa thành chất say, cũng được.

9- *Kappati adasakaṅnisīdanaṅ*: Tỳ khuru dùng tọa cụ không có đường lai, cũng được.

10- *Kappati jātarūparajataṅ*: Tỳ khuru thọ nhận vàng bạc, cũng được.

Đó là 10 điều do nhóm Tỳ khuru *Vajjīputta* đề xướng không đúng theo Chánh Pháp của Đức Phật.

Đại Trưởng Lão *Yassa Kākaṅakaputta* (*Mahā yassa*), nghe tin nhóm Tỳ khuru *Vajji* xứ *Vesāli* đặt ra 10 điều như vậy, Ngài liền đến tận nơi hội họp chư Tỳ khuru Tăng giải thích để cho họ hiểu rõ, đó là 10 điều sai trái, không hợp với luật pháp của Đức Phật.

Đây cũng là nguyên nhân khiến Đại Trưởng Lão *Yassa Kāka*□□*akaputta* triệu tập kỳ **kết tập Tam Tạng lần thứ nhì** tại ngôi chùa *Vālikārama*, gần thành *Vesāli* khoảng 100 năm sau khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn.

Kỳ kết tập Tam Tạng lần thứ nhì này gồm có 700 bậc Thánh Arahán có đầy đủ Tứ Tuệ Phân Tích, Lục thông, thông thuộc Tam Tạng, Chú giải... do Ngài Đại Trưởng Lão *Yassa Kāka*□□*akaputta* làm chủ trì, Ngài Đại Trưởng Lão *Revata* vấn, Ngài Đại Trưởng Lão *Sabbakāmi* giải đáp... Công cuộc kết tập được thực hiện trong suốt thời gian 8 tháng mới hoàn thành xong trọn bộ Tam Tạng và Chú giải, hoàn toàn y theo bốn chánh của kỳ kết tập Tam Tạng lần thứ nhất.

Kỳ kết tập Tam Tạng lần này cũng bằng khẩu truyền (*mukhapātha*, chưa ghi chép bằng chữ viết).

Đức vua *Kālāsoka* xứ *Vesāli* hộ độ kỳ kết tập Tam Tạng và Chú giải lần này.

Giáo pháp của Đức Phật một lần nữa được giữ gìn duy trì đúng theo chánh pháp. Tất cả chư Tỳ khuru thực hành nghiêm chỉnh giới luật, làm cho những người chưa có đức tin nơi Tam Bảo, lại phát sinh đức tin, những người nào đã có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo rồi, đức tin càng tăng trưởng.

KẾT TẬP TAM TẠNG PĀLI LẦN THỨ BA

Sau kỳ kết tập Tam Tạng lần thứ nhì, Phật giáo càng ngày càng phát triển, chư Tỳ khuru, Tỳ khuru ni càng đông, cận sự nam, cận sự nữ có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo càng nhiều, họ làm phước hộ độ cúng dường 4 thứ vật dụng đến chư Tỳ khuru rất đầy đủ, nhất là vào thời kỳ **Đức vua *Dhammāsoka* (*Asoka*)**. Đức vua là Bậc Minh Quân, trị vì toàn cõi Nam Thiện Bộ Châu, có đức tin trong sạch trong Phật giáo, hộ độ cúng dường 4 thứ vật dụng đến chư Tỳ khuru rất đầy đủ, sung túc. Ngược lại, các nhóm tu sĩ ngoại đạo thì đời sống thiếu thốn khổ cực. Do đó, một số tu sĩ ngoại đạo xâm nhập vào sống chung với chư Tỳ khuru, về mặt hình thức thì giống Tỳ khuru, nhưng về mặt nội tâm vẫn giữ nguyên tà kiến cố hữu của mình không hề thay đổi.

Vì vậy, Tỳ khuru thật chánh kiến và Tỳ khuru giả tà kiến sống chung không thể hành tăng sự được, tình trạng này kéo dài suốt 7 năm. Chư Tỳ khuru trình sự việc này lên Đức vua *Dhammāsoka* (*Asoka*) và nhờ uy quyền của Đức vua để thanh lọc Tỳ khuru giả ngoại đạo tà kiến.

Đức vua *Asoka* là Đấng Minh Quân và cũng là một cận sự nam có đức tin trong sạch hộ trì Tam Bảo, Đức vua học giáo pháp của Đức Phật với **Ngài Đại Trưởng Lão Moggaliputtatissa**, nên hiểu rõ chánh kiến trong Phật giáo và các tà kiến của ngoại đạo. Đức vua thỉnh chư Tỳ khuru xét hỏi từng vị một, qua cuộc xét hỏi này đã loại bỏ ra được 60.000 Tỳ khuru giả có tà kiến ngoại đạo, Đức vua ban cho mỗi người một bộ đồ trắng, bắt buộc hoàn tục, trở thành người cư sĩ; còn lại tất cả Tỳ khuru thật có chánh kiến trong Phật giáo đoàn kết cùng nhau hành tăng sự trở lại.

Nhân dịp này, **Ngài Đại Trưởng Lão Moggaliputtatissa** đã đứng ra triệu tập kỳ **kết tập Tam Tạng Pāṭi lần thứ ba**.

Kỳ **kết tập Tam Tạng lần thứ ba** này được tổ chức tại chùa *Asokārāma* xứ *Pāṭaliputta*, khoảng thời gian 235 năm, sau khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn.

Kỳ tập Tam Tạng lần thứ ba này, gồm có 1.000 bậc Thánh Arahán đặc Tứ Tuệ Phân Tích, Lục thông, thông thuộc Tam Tạng, Chú giải... do **Ngài Đại Trưởng Lão Moggali-puttatissa** làm chủ trì, công cuộc kết tập được thực hiện trong suốt thời gian 9 tháng mới hoàn thành trọn bộ Tam Tạng và Chú giải hoàn toàn giống như bản chánh của hai kỳ kết tập trước.

Kỳ kết tập Tam Tạng lần này cũng bằng khẩu truyền (*Mukhapāṭha, chưa ghi chép bằng chữ viết*).

Đức vua *Asoka* xứ *Pāṭaliputta* hộ độ kỳ kết tập Tam Tạng và Chú giải lần này.

KẾT TẬP TAM TẶNG PĀṬI LẦN THỨ TƯ

Đức vua *Asoka* không những hộ trì Phật giáo được phát triển trong nước, mà còn gửi các phái đoàn chư Tăng sang các nước láng giềng khác, để truyền bá Phật giáo, như phái đoàn chư Tăng do **Đại đức Mahinda** dẫn đầu sang truyền bá Phật giáo ở đảo quốc *Srilankā*.

Trên đất nước *Srilankā* Phật giáo được thịnh hành và phát triển tốt, từ Đức vua cho đến quan quân và dân chúng đều có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, đã xuất gia trở thành Tỳ khuru và Tỳ khuru ni rất đông.

Một thời đất nước *Srilankā* gặp phải cuộc phiến loạn, dân chúng gặp cảnh thiếu thốn, nên đời sống của chư Tỳ khuru cũng chịu ảnh hưởng. Có số Tỳ

khuru sức khỏe yếu kém, nên phận sự ôn lại Tam Tạng và Chú giải thuộc lòng rất vất vả. Khi cuộc phiến loạn đã dẹp xong, chư Đại đức suy xét về sau này, trí nhớ và trí tuệ con người càng ngày càng kém dần. Cho nên, chư Tỳ khuru học thuộc lòng Tam Tạng và Chú giải, để giữ gìn duy trì cho được đầy đủ không phải là việc dễ dàng.

Một hôm, Đức vua *Va□□agāmanī* ngự đến chùa *Mahāvihāra*; nhân dịp ấy, chư Đại Trưởng Lão thưa với Đức vua rằng:

- Thưa Đại vương, từ xưa đến nay, chư Đại đức Tăng có phận sự học thuộc lòng Tam Tạng và Chú giải, để giữ gìn duy trì giáo pháp của Đức Phật. Trong tương lai, đàn hậu sinh là những Đại đức khó mà học thuộc lòng Tam Tạng và Chú giải một cách đầy đủ được. Như vậy, giáo pháp của Đức Thế Tôn sẽ bị mai một mau chóng theo thời gian.

Thưa Đại vương, muốn giữ gìn duy trì Tam Tạng, Chú giải được đầy đủ, vậy nên tổ chức kỳ kết tập Tam Tạng, Chú giải ghi chép bằng chữ viết trên lá buông, để lưu lại cho đời sau.

Đức vua *Va□□agāmanī* hoan hỷ với lời của chư Đại Trưởng Lão.

Kỳ **kết tập Tam Tạng lần thứ tư** này được tổ chức tại *động Ālokalena* vùng *Matula-janapada xứ Srilankā*, khoảng thời gian 450 năm sau khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn.

Kỳ kết tập Tam Tạng lần này gồm 1.000 bậc Thánh Arahán đắc Tứ Tuệ Phân Tích, do **Ngài Đại Trưởng Lão Mahādhammarakkhita** làm chủ trì, công cuộc kết tập được thực hiện suốt một năm mới hoàn tất việc ghi chép trọn bộ Tam Tạng, Chú giải bằng chữ viết trên lá buông. Sau đó, chư bậc Thánh Arahán kết tập Tam Tạng bằng cách khẩu truyền một lần nữa, hoàn toàn y theo bản chánh của ba kỳ kết tập Tam Tạng lần trước.

Kỳ kết tập Tam Tạng lần này là lần đầu tiên ghi chép bằng chữ viết trên lá buông đầy đủ bộ Tam Tạng và Chú giải, gọi là: “*Potthakaropanaśāgiti*”.

Đức vua *Va□□agāmanī Abhaya* xứ *Srilankā* hộ độ kỳ kết tập Tam Tạng và Chú giải lần này.

KẾT TẬP TAM TẠNG PĀ□I LẦN THỨ NĂM

Dưới thời vua *Asoka* có gửi phái đoàn chư Tăng do **Ngài Đại Trưởng Lão Soṅka và Ngài Đại Trưởng Uttara** sang vùng *Suvaṅṅga bhūmi* gồm các nước: *Indonesia, Myanmar, Thái Lan, Campuchia, Lào...* để truyền bá Phật giáo. Phật giáo ở các nước trong vùng này trải qua bao cuộc thăng trầm, tùy theo vận mệnh của mỗi nước.

Đất nước Myanmar vào thời đại Vua *Mindon* đóng đô tại kinh thành *Mandalay*, Đức vua là người có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, nhiệt tâm hộ trì Tam Bảo, nghĩ rằng: “*Phật giáo thường liên quan đến sự tồn vong của quốc gia, mỗi khi đất nước bị xâm lăng, kẻ thù thường đốt kinh sách Phật giáo*”.

Đức vua muốn bảo tồn giáo pháp của Đức Phật, nên Người thỉnh chư Đại Trưởng Lão tổ chức cuộc kết tập Tam Tạng, khắc chữ trên những tấm bia đá, để giữ gìn duy trì Tam Tạng Pháp Bảo được lâu dài.

Chư Đại Trưởng Lão vô cùng hoan hỷ chấp thuận theo lời thỉnh cầu của Đức vua, tổ chức **kỳ kết tập Tam Tạng lần thứ năm** tại kinh thành *Mandalay* xứ *Myanmar* Phật lịch 2.404.

Kỳ kết tập Tam Tạng lần này gồm 2.400 vị Đại đức là những bậc uyên bác Tam Tạng và Chú giải, do **Ngài Đại Trưởng Lão Bhaddanta Jāgara** làm chủ trì; ngoài ra còn có những vị Đại đức rất xuất sắc như **Ngài Bhaddanta Narindabhidhaja,...** bắt đầu khởi công khắc Tam Tạng trên bia đá vào Phật lịch năm 2.404 cho đến Phật lịch 2.415, trải qua suốt 11 năm ròng rã, mới hoàn thành xong bộ Tam Tạng trên 729 tấm bia đá:

Tạng Luật gồm có 111 tấm.

Tạng Kinh gồm có 410 tấm.

Tạng Vi Diệu Pháp gồm có 208 tấm.

Sau khi khắc bộ Tam Tạng bằng chữ trên những tấm bia đá xong, chư Đại Trưởng Lão tổ chức cuộc kết tập Tam Tạng bằng khẩu truyền suốt 6 tháng mới hoàn thành xong bộ Tam Tạng y theo bản chánh của bốn kỳ kết tập Tam Tạng trước. Gọi là: “*Selakkharāropanasaṅgīti*”.

Kỳ kết tập Tam Tạng này do Đức vua *Mindon* xứ Myanmar hộ độ.

Lần đầu tiên toàn bộ Tam Tạng được ghi khắc trên bia đá, những tấm bia đá này hiện nay vẫn còn nguyên vẹn ở kinh thành cổ *Mandalay* xứ Myanmar.

Các nhà in kinh sách Phật giáo đều y cứ vào những tấm bia đá này làm nền tảng căn bản.

Về sau có **Đạo sĩ Khanti** đứng ra tổ chức khắc toàn bộ Chú giải trên những tấm bia đá, hiện nay vẫn còn nguyên vẹn tại *Mandalay*.

KẾT TẬP TAM TẠNG PĀṬI LẦN THỨ SÁU

Phật giáo đã trải qua thời gian khá lâu, Tam Tạng, Chú giải, *Ṭikā*... đã in ra thành sách, việc sao đi chép lại, in đi in lại nhiều lần, khó mà tránh khỏi sự sai sót. Do đó, các bộ Tam Tạng, Chú giải... của mỗi nước có chỗ sai chữ dẫn đến sai nghĩa, làm cho pháp học Phật giáo không hoàn toàn giống y nguyên bản chánh.

Chính phủ Myanmar thành lập hội Phật giáo có tên "*Buddhasāsanasamiti*" vào năm Phật lịch 2.497 để lo tổ chức kỳ **kết tập Tam Tạng lần thứ sáu**, tại động nhân tạo *Lokasāma (Kaba Aye)* thủ đô *Yangon, Myanmar*. Chính phủ thỉnh tất cả mọi bộ Tam Tạng, Chú giải hiện có trên các nước Phật giáo, để làm tài liệu đối chiếu từng chữ, từng câu của mỗi bản.

Kỳ kết tập Tam Tạng lần thứ sáu này gồm 2.500 vị Đại đức thông hiểu Tam Tạng, Chú giải... rành rẽ về ngữ pháp *Pāṭi*, chia thành nhiều ban đối chiếu sửa chữa lại cho đúng. Công việc được thực hiện bắt đầu từ ngày *rằm tháng tư Phật lịch năm 2.498* cho đến ngày *rằm tháng tư Phật lịch năm 2.500*, ròng rã suốt 2 năm mới hoàn thành xong bộ Tam Tạng, Chú giải, *Ṭikā*....

Sau đó, chính phủ Myanmar thỉnh chư Đại đức kết tập Tam Tạng bằng khẩu, do **Đại Trưởng Lão Revata** chủ trì, **Đại Trưởng Lão Sobhana** vấn, **Đại Trưởng Lão Vicittasā-rābhivaṣa** thông thuộc Tam Tạng trả lời theo Tam Tạng, Chú giải.

Trong buổi lễ này Chính phủ Myanmar, đứng đầu là Thủ tướng *U Nu*, tổ chức khánh thành kết tập Tam Tạng rất long trọng, có mời nguyên thủ Quốc gia của các nước Phật giáo cùng phái đoàn chư Tăng, cận sự nam, cận sự nữ gồm có 25 nước trên thế giới đến tham dự, để đánh dấu lịch sử Phật giáo đã trải qua một nửa tuổi thọ 2.500 năm, dưới sự bảo trợ hộ độ của Chính phủ Myanmar cùng Phật tử trong nước và các nước khác trên thế giới.

Bộ Tam Tạng, Chú giải được kết tập lần thứ sáu này được xem là mẫu mực cho các nước Phật giáo hệ phái *Theravāda*.

Để Phật giáo được trường tồn lâu dài trên thế gian này chừng nào, thì chúng sinh được hưởng sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc chừng ấy. Cho nên, chư Đại Trưởng Lão tiền bối đã dày công gìn giữ và duy trì pháp học Phật giáo từ thời kỳ Đức Phật còn tại thế, và sau khi Đức Phật đã tịch diệt Niết Bàn. Tất cả quý Ngài có phận sự bảo tồn trọn vẹn pháp học Phật giáo, nên đã tổ chức qua 6 kỳ kết tập Tam Tạng và Chú giải *Pāṭi*, không để cho rời rạc, thất lạc. Chư Đại Trưởng Lão đã cố gắng gìn giữ duy trì từ trước cho đến nay.

Công việc học Tam Tạng và Chú giải *Pāṭi* để bảo tồn trọn vẹn pháp học Phật giáo là bổn phận của mọi người Phật tử, là bậc xuất gia cũng như các hàng tại gia cư sĩ. Chữ *Pāṭi* là ngôn ngữ của Chư Phật, đối với chúng ta học Tam Tạng và Chú giải *Pāṭi* cần phải hiểu rõ ý nghĩa trực tiếp hoặc gián tiếp qua ngôn ngữ riêng của mình.

Tại nước Myanmar, công việc học Tam Tạng và Chú giải *Pāṭi* được phổ cập đến chư Sadi, chư Tỳ khưu. Hằng năm, bộ Tôn giáo Myanmar có tổ chức kỳ thi đọc thuộc lòng Tam Tạng bằng tiếng *Pāṭi*, và thi viết trả lời những câu hỏi về Tam Tạng và Chú giải *Pāṭi*.

Thi thuộc lòng Tam Tạng

Phật lịch năm 2.492 (*Dương lịch năm 1948*), bộ Tôn giáo Myanmar bắt đầu tổ chức kỳ thi đọc thuộc lòng Tam Tạng *Pāṭi* lần thứ nhất. Từ đó về sau, hằng năm, có tổ chức kỳ thi đọc thuộc lòng Tam Tạng *Pāṭi*. Khi Đại đức thí sinh thi đậu phần học thuộc lòng xong, tiếp tục thi phần viết trả lời những câu hỏi về Tam Tạng và Chú giải *Pāṭi*. Đến nay, Phật lịch năm 2.547 (*Dương lịch năm 2003*) đã trải qua 55 kỳ thi.

Căn cứ theo số liệu tổng kết chư Đại đức thí sinh đã thi đậu qua 55 kỳ thi như sau:

a. Những vị Đại đức đậu đọc thuộc lòng và thi viết

Tam Tạng trọn bộ: 9 vị

Nhị Tạng rươi: 4 vị

Nhị Tạng: 5 vị

Nhất Tạng: 101 vị

Nhất Tạng và một phần Tạng Kinh: 1 vị

Nhất Tạng, Đồng Loại và Trung Bộ Kinh: 1 vị

Nhất Tạng và Trung Bộ Kinh: 2 vị

Đồng Loại Bộ Kinh và Chi Bộ Kinh: 1 vị
Chi Bộ Kinh: 3 vị
Đồng Loại Bộ Kinh: 2 vị
Trung Bộ Kinh: 3 vị
Tạng Luật phần đầu: 234 vị

b. Những vị Đại đức đậu đọc thuộc lòng

Tam Tạng trọn bộ: 3 vị
Nhị Tạng rưỡi: 8 vị
Nhị Tạng: 38 vị
Nhất Tạng: 301 vị
Nhất Tạng và Trung Bộ Kinh: 1 vị
Trung Bộ Kinh: 1 vị
Đồng Loại Bộ Kinh: 1 vị
Chi Bộ Kinh: 1 vị
Tạng Luật phần đầu: 298 vị

Chư Đại Trưởng Lão thông thuộc Tam Tạng

- **Ngài Đại Trưởng Lão Bhaddanta Vicittasārābhiva**□*sa* *Visi*□□*hapi*□*akadhara* đậu kỳ thi thứ 6, Phật lịch 2.497 (DL.1953) lúc Ngài 42 tuổi.
- **Ngài Đại Trưởng Lão Bhaddanta Neminda Visi**□□*hapi*□*akadhara* đậu kỳ thi thứ 12, Phật lịch 2.503 (DL.1959) lúc Ngài 32 tuổi.
- **Ngài Đại Trưởng Lão Bhaddanta Kosalla Tipi**□*akadhara* đậu kỳ thi thứ 16, Phật lịch 2.507 (DL.1963) lúc Ngài 36 tuổi.
- **Ngài Đại Trưởng Lão Bhaddanta Suma**□*gāla*□*kāra* *Tipi*□*akadhara* đậu kỳ thi thứ 26, Phật lịch 2.517 (DL.1973) lúc Ngài 27 tuổi.
- **Ngài Đại Trưởng Lão Bhaddanta Sirindābhiva**□*sa* *Tipi*□*akadhara* đậu kỳ thi thứ 37, Phật lịch 2.528 (DL.1984) lúc Ngài 37 tuổi.
- **Ngài Đại Trưởng Lão Bhaddanta Vāyāmindābhiva**□*sa* *Tipi*□*akadhara* đậu kỳ thi thứ 48, Phật lịch 2.539 (DL.1995) lúc Ngài 39 tuổi.
- **Ngài Đại Trưởng Lão Bhaddanta Ko**□□*añña* *Tipi*□*akadhara* đậu kỳ thi thứ 50 Phật lịch 2.541 (DL.1997) lúc Ngài 55 tuổi.

- **Ngài Đại Trưởng Lão Bhaddanta Sīlakkhandhābhiva** □ *sa Tipi* □ *akadhara* đậu kỳ thi thứ 52, Phật lịch 2.543 (DL.1999) lúc Ngài 34 tuổi.

- **Ngài Đại Trưởng Lão Bhaddanta Va** □ *sapālāla* □ *kāra Tipi* □ *akadhara* đậu kỳ thi thứ 52, Phật lịch 2.543 (DL.1999) lúc Ngài 34 tuổi.

- **Ngài Đại Trưởng Lão Bhaddanta Gandhamālāla** □ *kāra Tipi* □ *akadhara* đậu kỳ thi thứ 53 Phật lịch 2.544 (DL.2000) lúc Ngài 33 tuổi.

- **Ngài Đại Trưởng Lão Bhaddanta Sundara** *Tipi* □ *akadhara* đậu kỳ thi thứ 53 Phật lịch 2.544 (DL.2000) lúc Ngài 45 tuổi.

- **Ngài Đại Trưởng Lão Bhaddanta Indapāla** *Tipi* □ *akadhara* đậu kỳ thi thứ 53, Phật lịch 2.544 (DL. 2000) lúc Ngài 40 tuổi.

Trên đây là danh sách những vị Đại Trưởng Lão thi đậu *Tipi* □ *akadhara*: thông thuộc đầy đủ bộ Tam Tạng: “*Tạng Luật, Tạng Kinh, Tạng Vi Diệu Pháp*” gồm có 84.000 pháp môn mà Đức Phật đã thuyết giảng, chế định suốt 45 năm ròng rã, kể từ khi thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác cho đến phút cuối cùng tịch diệt Niết Bàn. Những vị Đại Trưởng Lão này không chỉ thông thuộc *Tam Tạng (Tipi* □ *akadhara)* gồm có 40 quyển, mà còn thông suốt đầy đủ các bộ *A* □ □ *hakathā (Chú giải)* gồm có 52 quyển, các bộ □ *īkapā* □ *i*, các bộ *Anu* □ *īkāpā* □ *i* gồm có 26 quyển.

Ngoài 12 vị Đại Trưởng Lão *Tipi* □ *akadhara* thông thuộc đầy đủ bộ **Tam Tạng** ra, còn có mấy chục vị Đại đức thi đậu **Nhị Tạng**, hơn mấy trăm vị Đại đức thi đậu **Nhất Tạng**, và còn rất nhiều vị Đại đức thi đậu Trường Bộ Kinh, Trung Bộ Kinh, v.v...

Như vậy, gọi là **phận sự học pháp học Chánh Pháp** để giữ gìn duy trì giáo pháp của Đức Phật được lưu truyền lâu dài trên thế gian này, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc lâu dài cho chúng sinh, nhất là nhân loại, chư thiên, phạm thiên...

Qua các thời kỳ học thuộc lòng Tam Tạng

* **Thời kỳ đầu:** Kể từ khi Đức Phật còn tại thế cho đến trước Phật lịch năm 450, trong khoảng thời gian này, trọn bộ Tam Tạng và các bộ Chú giải chưa ghi thành chữ viết; cho nên, việc học Tam Tạng bằng cách **khẩu truyền tâm thọ:** vị Thầy đọc, các học trò lập theo ghi nhớ nằm lòng. Như vậy, vị Thầy thông thuộc chừng nào, các học trò cũng thông thuộc chừng ấy; nếu vị thầy

không thuộc bộ nào, thì vị Thầy gửi các học trò của mình đến vị Đại Trưởng Lão khác xin học bộ ấy. Cho nên, việc học trọn bộ Tam Tạng và các bộ Chú giải trong thời kỳ này rất vất vả khó khăn.

* **Thời kỳ sau:** Kể từ sau thời kỳ kết tập Tam Tạng và các bộ Chú giải lần thứ tư, khoảng thời gian 450 năm, sau khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn, kỳ kết tập Tam Tạng và các bộ Chú giải này được ghi bằng chữ viết trên lá buông. Cho nên, việc học Tam Tạng trọn bộ và các bộ Chú giải tương đối ít vất vả khó khăn hơn thời kỳ trước, song có phần hạn chế, vì số bản Tam Tạng và *Pāṭi* được ghi trên lá buông không nhiều.

* **Thời hiện tại này,** hầu hết các nước Phật giáo lớn như: *nước Myanmar, nước Thái Lan, nước Srilankā, nước Lào, nước Campuchia, v.v...* đều có trọn bộ Tam Tạng và các bộ Chú giải được in ra thành sách bằng mẫu tự của xứ mình. Cho nên, việc học trọn bộ Tam Tạng và các bộ Chú giải có nhiều điều kiện thuận lợi hơn. Nhưng việc dạy Tam Tạng và việc học Tam Tạng trong mỗi số nước phổ biến chưa được rộng đến toàn thể Phật tử. Hiện nay, phần đông được biết đến xứ **Myanmar** có chư Đại Trưởng Lão dạy Tam Tạng và Chú giải, và có chư Tỷ khuru theo học Tam Tạng và Chú giải. Hằng năm, Chính phủ **Myanmar**, bộ Tôn giáo tổ chức kỳ thi Tam Tạng, kết quả đã có 12 vị Đại Trưởng Lão thi đậu trọn bộ Tam Tạng và thông suốt Chú giải; ngoài ra, còn có những vị Đại đức khác thi đậu **Nhị Tạng, Nhất Tạng**, một *Nikāya*, hai *Nikāya*, v.v... giúp giữ gìn duy trì pháp học Phật giáo được trường tồn. Đó là điều đáng cho tất cả mọi người Phật tử vô cùng hoan hỷ.

Thời kỳ Đức Phật còn tại thế, việc thông thuộc Tam Tạng không những chỉ có chư vị Đại Trưởng Lão, Đại đức, mà còn có nhiều vị cận sự nam, cận sự nữ nữa. Bởi vì, việc bảo tồn Phật giáo là phận sự chung của các hàng Phật tử, gồm cả bậc xuất gia lẫn các hàng tại gia cư sĩ.

Để bảo tồn Phật giáo, chỉ có một phương pháp duy nhất là mỗi người Phật tử: *Bậc xuất gia Tỷ khuru, Sadi, cận sự nam, cận sự nữ* cần phải học thuộc lòng Tam Tạng *Pāṭi*, Chú giải *Pāṭi*, *ṭīkānuṭṭikāpāṭi*, theo khả năng của mình, nên hiểu rõ ý nghĩa đúng theo lời giáo huấn của Đức Phật. Khi đã thông thuộc pháp học Phật giáo, thì hành giả mới có thể thực hành đúng theo Chánh pháp được. Hoặc khi giảng dạy đến người khác đúng theo Chánh pháp. Cho nên, học pháp học Phật giáo sẽ đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc cho mình và cho người khác. Đặc biệt còn giữ gìn và duy trì pháp học Phật giáo được trường tồn trên thế gian, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc lâu dài cho tất cả chúng sinh.

TIPI*□*AKA* - *A*□□*HAKATHĀ* - □*ĪKĀ* - *ANU*□*ĪKĀ

Pháp học Phật giáo gồm có *Tipi*□*aka* (Tam Tạng), *A*□□*hakathā* (Chú giải), □*īkā* (Phụ Chú giải), *Anu*□*īkā* (Phụ theo Chú giải).

Căn cứ theo kỳ kết tập Tam tạng lần thứ sáu Phật lịch 2.500 năm tại động *Kaba Aye*, thủ đô Yangon, nước Myanmar như sau:

- *Tipi*□*akapā*□*i* gồm có 40 quyển.
- *A*□□*hakathāpā*□*i* gồm có 51 quyển.
- □*īkā*-*Anu*□*īkāpā*□*i* gồm có 26 quyển.

***TIPI*□*AKAPĀ*□*I* (TAM TẶNG)**

Tipi□*akapā*□*i* (Tam Tạng) gồm có 40 quyển được phân quyển theo mỗi Tạng như sau:

1. *Vinayapi*□*akapā*□*i* (Tạng Luật) gồm có 5 quyển:

- *Pārājikapā*□*i* do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Pācittiyapā*□*i* do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Mahāvaggapā*□*i* do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Cū*□*avaggapā*□*i* do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Parivārapā*□*i* do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.

2. *Suttantapi*□*akapā*□*i* (Tạng Kinh) gồm có 23 quyển phân chia theo 5 *Nikāya* (Bộ) như sau:

*** *Dīghanikāya* (Trường Bộ Kinh) có 3 quyển:**

- *Sīlakkhandhavaggapā*□*i* do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Mahāvaggapā*□*i* do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Pāthikavaggapā*□*i* do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.

*** *Majjhimanikāya* (Trung Bộ Kinh) có 3 quyển:**

- *Mūlapaṭṭhāsapāṭi* do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Majjhimapaṭṭhāsapāṭi* do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Uparipaṭṭhāsapāṭi* do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.

* **Saṅguttanikāya** (Đông Loại Bộ Kinh) có 5 phần gom vào 3 quyển:

- *Sagāthāvagga* và *Nidānavaggasaṅguttapāṭi* do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Khandhavagga* và *Saṅgāyanavaggasaṅguttapāṭi* do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Mahāvaggasaṅguttapāṭi* do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.

* **Aṅguttaranikāya** (Chi Bộ Kinh) có 11 chi gom vào 3 quyển:

- *Ekaka-duka-tika-catukkanipātapāṭi* do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Pañcaka-chakka-sattakanipāta* do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Aṅgahaka-navaka-dasaka-ekādasakanipāta* do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.

* **Khuddakanikāya** (Tiểu Bộ Kinh) gồm có 19 bộ gom vào 11 quyển:

- *Khuddkapāṭha-dhammapada-udāna-itivuttka-suttanipātatapāṭi* do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Vimānavatthu-petavatthu-theragāthā-therīgāthāpāṭi* do Đức Phật và chư Thánh Arahán, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Apadānapāṭi (paṭhama)*.
- *Apadānapāṭi (dutiya)* và *Buddhavaṇsa, Cariyāpiṭakapāṭi* do Đức Phật và chư Thánh Arahán, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Jātakapāṭi (paṭhama)* do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Jātakapāṭi (dutiya)* do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Mahāniddesapāṭi* do Ngài Đại đức *Sāriputta*, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Cūḍiniddesapāṭi* do Ngài Đại đức *Sāriputta*, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Paṭisambhidāmaggapāṭi* do Ngài Đại đức *Sāriputta*, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Netti-peṭakopadesapāṭi* do Ngài Đại đức *Mahākaccayana*, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Milindapañhāpāṭi* do Ngài Đại đức *Nāgasena*, Phật lịch 500.

3. Abhidhammapiṭaka (Tạng Vi Diệu Pháp) có 7 bộ lớn phân chia thành 12 quyển:

- *Dhammasaṅganipāṭi* do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Vibhaṅgapāṭi* do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Dhātukathà* và *Puggalapaññattipāṭi* do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Kathāvatthupāṭi* do Đức Phật (sau có Ngài Đại đức *Moggaputtatissa*, Phật lịch 235).
- *Yamakaṭṭhāpāṭi* (*pathama*) do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Yamakaṭṭhāpāṭi* (*dutiya*) do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Yamakaṭṭhāpāṭi* (*tatiya*) do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Paṭṭhāpāṭi* (*paṭṭhama*) do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Paṭṭhāpāṭi* (*dutiya*) do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Paṭṭhāpāṭi* (*tatiya*) do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Paṭṭhāpāṭi* (*catuttha*) do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.
- *Paṭṭhāpāṭi* (*pañcama*) do Đức Phật, trong thời kỳ Đức Phật.

Tam Tạng gồm có 40 quyển được phân chia theo mỗi tạng như sau:

- Tạng Luật (*Vinayapiṭakapāṭi*) có 5 quyển.
- Tạng Kinh (*Suttantapiṭakapāṭi*) có 23 quyển.
- Tạng Vi Diệu Pháp (*Abhidhammapiṭaka*) có 12 quyển.

AṅṅHAKATHĀPĀṭI (CHÚ GIẢI)

Chú giải (*Aṅṅhakathāpāṭi*) gồm có 51 quyển, Chú giải này được phân chia thành mỗi Tạng như sau:

1- Chú giải Tạng Luật: Gồm có 6 quyển

- *Pārājikakaṭṭha aṅṅhakathāpāṭi* (*pathama-dutiya* 2 quyển) gọi *Samantapāsādikā aṅṅhakathā*, do Ngài Đại đức *Mahābuddhaghosa*, Phật lịch 976.
- *Pācīyādi aṅṅhakathāpāṭi* gọi *Samantapāsādikā aṅṅhakathā*, do Ngài Đại đức *Mahābuddhaghosa*, Phật lịch 976.
- *Cūḍavaggādi aṅṅhakathāpāṭi* gọi *Samantapāsādikā aṅṅhakathā*, do Ngài Đại đức *Mahābuddhaghosa*, Phật lịch 976.
- *Vinayasaṅgaha aṅṅhakathāpāṭi*, do Ngài Đại đức *Sāriputta*, Phật lịch 976.

- *Kaṅkhāvitaraṅgī aṅgahakathāpāṇi*, do Ngài Đại đức *Mahābuddhaghosa*, Phật lịch 976 - 1.000.

2- Chú giải Tạng Kinh: Gồm có 42 quyển được phân chia theo mỗi bộ (*nikāya*) như sau:

* **Chú giải Trường Bộ Kinh:** Gồm có 3 quyển

- *Sīlakkhandhavagga aṅgahakathāpāṇi*, gọi *Sumaṅgalavilāsinī aṅgahakathāpāṇi*, do Ngài Đại đức *Mahābuddhaghosa*, Phật lịch 977 - 1.000.

- *Mahāvagga aṅgahakathāpāṇi*, gọi *Sumaṅgalavilāsinī aṅgahakathāpāṇi*, do Ngài Đại đức *Mahābuddhaghosa*, Phật lịch 977 - 1.000.

- *Pāthikavagga aṅgahakathāpāṇi*, gọi *Sumaṅgalavilāsinī aṅgahakathāpāṇi*, do Ngài Đại đức *Mahābuddhaghosa*, Phật lịch 977 - 1.000.

* **Chú giải Trung Bộ Kinh:** Gồm có 4 quyển:

- *Mūlapaṅkāsa aṅgahakathāpāṇi* (*pathamadutiya* 2 quyển), gọi *Papañcasūdanī aṅgahakathāpāṇi*, do Ngài Đại đức *Mahābuddhaghosa*, Phật lịch 977 - 1.000.

- *Majjhimapaṅkāsa aṅgahakathāpāṇi* gọi *Papañcasūdanī aṅgahakathāpāṇi*, do Ngài Đại đức *Mahābuddhaghosa*, Phật lịch 977 - 1.000.

- *Uparipaṅkāsa aṅgahakathāpāṇi* gọi *Papañcasūdanī aṅgahakathāpāṇi*, do Ngài Đại đức *Mahābuddhaghosa*, Phật lịch 977 - 1.000.

* **Chú giải Đồng Loại Bộ Kinh:** Gồm có 3 quyển

- *Sagāthavaggasamyutta aṅgahakathāpāṇi* gọi *Sāratthapakāsanī aṅgahakathāpāṇi*, do Ngài Đại đức *Mahābuddhaghosa*, Phật lịch 976.

- *Nidānavagga* và *Khandhavaggasamyutta a□□hakathāpā□i* gọi *Sāratthapakāsanī a□□hakathāpā□i*, do Ngài Đại đức *Mahābuddhaghosa*, Phật lịch 977 - 1.000.

- *Sā□āyatanavagga-Mahāvaggasamyutta a□□hakathāpā□i* gọi *Sāratthapakāsanī a□□hakathāpā□i*, do Ngài Đại đức *Mahābuddhaghosa*, Phật lịch 977 - 1.000.

* **Chú giải Chi Bộ Kinh:** Gồm có 3 quyển:

- *A□guttara a□□hakathāpā□i* (*pathama-dutiya-tatiya* 3 quyển) gọi *Manorathapūra□ī a□□hakathāpā□i*, do Ngài Đại đức *Mahābuddhaghosa*, Phật lịch 977 - 1.000.

* **Chú giải Tiểu Bộ Kinh:** Gồm có 29 quyển

- *Visuddhimagga a□□hakathāpā□i* (*pa□hama-dutiya* 2 quyển), do Ngài Đại đức *Mahābuddhaghosa*, Phật lịch 972.

- *Khuddakapā□ha a□□hakathāpā□i* gọi *Paramatthajotikā a□□hakathāpā□i*, do Ngài Đại đức *Mahābuddhaghosa*, Phật lịch 977 - 1.000.

- *Dhammapada a□□hakathāpā□i* (*pa□hama-dutiya* 2 quyển), do Ngài Đại đức *Mahābuddhaghosa*, Phật lịch 977 - 1.000.

- *Suttanīpāta a□□hakathāpā□i* (*pa□hama-dutiya* 2 quyển) gọi *Paramatthajotikā a□□hakathāpā□i*, do Ngài Đại đức *Mahābuddhaghosa*, Phật lịch 977 - 1.000.

- *Jātaka a□□hakathāpā□i* (*pa□hama-dutiya-tatiya-catuttha-pañcama-cha□□ha-sattama* 7 quyển), do Ngài Đại đức *Mahābuddhaghosa*, Phật lịch 977 - 1.000.

- *Udāna a□□hakathāpā□i* gọi *Paramatthadīpanī a□□hakathāpā□i*, do Ngài Đại đức *Dhammapāla*, Phật lịch 1.100 - 1.200.

- *Itivuttaka a□□hakathāpā□i* gọi *Paramatthadīpanī a□□hakathāpā□i*, do Ngài Đại đức *Dhammapāla*.

- *Vimānavatthu a□□hakathāpā□i* gọi *Paramatthadīpanī*
a□□hakathāpā□i, do Ngài Đại đức *Dhammapāla*, Phật lịch 1.100 - 1.200.
- *Petavatthu a□□hakathāpā□i* gọi *Paramatthadīpanī*
a□□hakathāpā□i, do Ngài Đại đức *Dhammapāla*, Phật lịch 1.100 - 1.200.
- *Theregāthā a□□hakathāpā□i* (*pa□hama-dutiya* 2 quyển) gọi
Paramatthadīpanī a□□hakathāpā□i, do Ngài Đại đức *Dhammapāla*,
Phật lịch 1.100 - 1.200.
- *Therīgathā a□□hakathāpā□i* gọi *Paramatthadīpanī*
a□□hakathāpā□i, do Ngài Đại đức *Dhammapāla*, Phật lịch 1.100 - 1.200.
- *Cariyāpi□aka a□□hakathāpā□i* gọi *Paratthadīpanī*
a□□hakathāpā□i, do Ngài Đại đức *Dhammapāla*, Phật lịch 1.100 - 1.200.
- *Cū□aniddesa-netti a□□hakathāpā□i* gọi *Saddhammajotikā*
a□□hakathāpā□i, do Ngài Đại đức *Upasena*.
- *Mahāniddesa-netti a□□hakathāpā□i* gọi *Sad-dhammajotikā*
a□□hakathāpā□i, do Ngài Đại đức *Upasena*.
- *Buddhava□sa a□□hakathāpā□i* gọi *Madhurattha-vilāsinī*
a□□hakathāpā□i, do Ngài Đại đức *Buddhadatta*, Phật lịch hơn 900.
- *Pa□isambhidāmagga a□□hakathāpā□i* (*pa□hama-dutiya* 2 quyển)
gọi *Saddham-mapakāsanī a□□hakathāpā□i*, do Ngài Đại đức
Mahānāma, Phật lịch 1.061.
- *Apadāna a□□hakathāpā□i* (*pa□hama-dutiya* 2 quyển) gọi
Visuddhajanavilāsinī, do Ngài Đại đức *Pora□ācariya*.

3. Chú giải Tạng Vi Diệu Pháp: Gồm có 3 quyển

- *Dhammasa□ganī a□□hakathāpā□i* gọi *A□□hasālinī*
a□□hakathāpā□i, do Ngài Đại đức *Mahābuddha-ghosa*, Phật lịch 977 - 1.000.

- *Vibhaṅga aṅgaṅhakathāpāṇi* gọi *Sammohavinodanī aṅgaṅhakathāpāṇi* do Ngài Đại đức *Mahābuddhaghosa*, Phật lịch 977 - 1.000.

- *Pañcapakaraṅga aṅgaṅhakathāpāṇi* do Ngài Đại đức *Mahābuddhaghosa*, Phật lịch 977 - 1.000.

Chú giải gồm có 51 quyển được phân chia thành Chú giải mỗi Tạng:

- Chú giải Tạng Luật có 6 quyển.
- Chú giải Tạng Kinh có 42 quyển.
- Chú giải Tạng Vi Diệu Pháp có 3 quyển.

ṅĀKĀPĀṅI - ANUṅĀKĀPĀṅI (PHỤ CHÚ GIẢI - PHỤ THEO CHÚ GIẢI)

Phụ chú giải (*ṅkapāṅi*) và Phụ theo Chú giải (*Anuṅkapāṅi*) gồm có 26 quyển được phân chia Phụ chú giải theo mỗi Tạng như sau:

1- Phụ chú giải Tạng Luật: Gồm có 7 quyển

- *Sāratthadīpanīṅkā* (*paṅhama-dutiya-tatiya* 3 quyển), do Ngài Đại đức *Sāriputta*, Phật lịch 1.707 - 1.725.

- *Vimativinodanīṅkā* (*paṅhama-dutiya* 2 quyển), do Ngài Đại đức *Coṅiyakassapa*.

- *Vāḷirabuddhiṅkā*, do Ngài Đại đức *Vajirabuddhi*.

- *Kaṅkhāvitaraṅṅpuraṅābhinavaṅkā* gọi *Vinayatthamañjūsāṅkā*, do Ngài Đại đức *Buddhanāga*.

Ngoài ra, còn các Phụ chú giải về Tạng Luật như:

- *Vinayālaṅkāraṅkā* (*paṅhama-dutiya* 2 quyển).

- *Vinayavinicchayaṅkā* (*paṅhama-dutiya* 2 quyển) gọi *Vinayatthasārasandīpanī*.

- *Khuddasikkhā*, *Mūlasikkhāṅkā* v.v...

2- Phụ chú giải Tạng Kinh: Gồm có 16 quyển phân chia theo mỗi bộ (*nikāya*) như sau

*** Phụ chú giải Trường Bộ Kinh:** Gồm có 5 quyển

- *Sīlakkhandhavagga*□*īkā* gọi *Līnatthapakāsanā*□*īkā*, do Ngài Đại đức *Dhammapāla*, Phật lịch 1.100 - 1.200.

- *Sīlakkhandhavaggābhinava*□*īkā* (*pa*□*hama-dutiya* 2 quyển) gọi *Sādhujana-vilāsini*□*īkā*, do Ngài Đại đức *Ñā*□*ābhiva*□*sadhammasenāpati*.

- *Mahāvagga*□*īkā* gọi *Līnatthapakāsanā*□*īkā*, do Ngài Đại đức *Dhammapāla*, Phật lịch 1.100 - 1.200.

- *Pāthikavagga*□*īkā* gọi *Līnatthapakāsanā*□*īkā*, do Ngài Đại đức *Dhammapāla*, Phật lịch 1.100 - 1.200.

*** Phụ chú giải Trung Bộ Kinh:** Gồm có 3 quyển

- *Mūlapa*□□*āsa*□*īkā* gọi (*pa*□*hama-dutiya* 2 quyển) *Līnatthapakāsanā*□*īkā*, do Ngài Đại đức *Dhammapāla*, Phật lịch 1.100 - 1.200.

- *Majjhima-Uparipa*□□*āsa*□*īkā* gọi *Līnatthapakāsanā*□*īkā*, do Ngài Đại đức *Dhammapāla*, Phật lịch 1.100 - 1.200.

*** Phụ chú giải Đông Lợi Bộ Kinh:** Gồm có 2 quyển

- *Sa*□*yutta*□*īkā* gọi (*pa*□*hama-dutiya* 2 quyển) *Līnatthapakāsanā*□*īkā*, do Ngài Đại đức *Dhammapāla*, Phật lịch 1.100 - 1.200.

*** Phụ chú giải Chi Bộ Kinh:** Gồm có 3 quyển

2.11- *Anguttara*□*īkā* (*pa*□*hama-dutiya-tatiya* 3 quyển) gọi *Sāratthamañjūsā*□*īkā* do Ngài Đại đức *Sāriputta*, Phật lịch 1.707 - 1.725.

*** Phụ chú giải Tiểu Bộ Kinh:** Gồm có 3 quyển

- *Visuddhimaggamahā*□*īkā* (*pathama-dutiya* 2 quyển) gọi *Paramatthamañjūsā*□*īkā*, do Ngài Đại đức *Dhammapāla*, Phật lịch 1.100 - 1.200.

- *Netti*□*īkā* và *Nettivibhāvinī*□*īkā*, do Ngài Đại đức *Saddhammapāla*, Phật lịch 1986.

3- Phụ chú giải - Phụ theo chú giải về Tạng Vi Diệu Pháp: Gồm có 3 quyển

- *Dhammasa*□*ga*□*īmūla*□*īkā* do Ngài Đại đức *Ānanda* và phần *Anu*□*īkāpā*□*i* do Ngài Đại đức *Dhammapāla*.

- *Vibha*□*gamūla*□*īkā* do Ngài Đại đức *Ānanda* và phần *Anu*□*īkā* do Ngài Đại đức *Dhammapāla*.

- *Pañcapakara*□*amūla*□*īkā* do Ngài Đại đức *Ānanda* và phần *Anu*□*īkāpā*□*i* do Ngài Đại đức *Dhammapāla*.

Ngoài ra, còn các Phụ chú giải về Tạng Vi Diệu Pháp như:

- *Abhidhammavatāra*□*īkā* (2 quyển).

- *Ma*□*isārāmañjūsā*□*īkā* (2 quyển).

- *Abhidhammavibhāvanī*□*īkā*.

- *Abhidhammatthasa*□*gaha* v.v...

Ví dụ như quyển *Abhidhammattha Sa*□*gaha* tuy là một quyển sách nhỏ, song nó có một tầm quan trọng rất lớn, đối với các hàng Phật tử, quyển sách này được xem như một “**chiếc chìa khóa vạn năng**” để khám phá kho tàng Tam Tạng Pháp Bảo v.v...

Phụ chú giải (□*īkāpā*□*i*) và Phụ theo chú giải (*Anu*□*īkāpā*□*i*) trực tiếp riêng theo mỗi Tạng gồm có 26 quyển được phân chia như sau:

- Tạng Luật có 7 quyển.

- Tạng Kinh có 16 quyển.

- Tạng Vi Diệu Pháp có 3 quyển.

Pháp học Phật giáo (*Pariyattisāsana*)

Pháp học Phật giáo đó là Tam Tạng và Chú giải, đã có từ thời kỳ Đức Phật. Sau khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn, trải qua thời gian lâu, các hàng hậu sinh theo học Tam Tạng và các Chú giải, không phải vị nào cũng có khả năng

hiểu rõ đúng đắn theo chánh pháp. Do đó, quý Ngài Đại Trưởng Lão thông thuộc Tam Tạng, thông hiểu các Chú giải, biên soạn những bộ Phụ chú giải (*Āṅkāpāṇi*) và bộ Phụ theo chú giải (*Anuāṅkāpāṇi*) để giải thích những điều khó hiểu trong Tam Tạng và Chú giải.

Tam Tạng (Tipiṅka) là gì?

Tam Tạng đó là Tạng Luật, Tạng Kinh, Tạng Vi Diệu Pháp mà Đức Phật đã chế định, đã thuyết giảng kể từ khi chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, cho đến trước khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn.

Trong Tam Tạng này, tuy có những lời dạy của chư Thánh Arahán, chư thiên, phạm thiên, cận sự nam, cận sự nữ v.v... Nhưng những lời này được Đức Phật nhắc lại, hoặc xác nhận, nên cũng được xem như lời dạy của Đức Phật.

Chú giải (Aṅkāhikā) là gì?

Chú giải đó là những lời giải thích, giảng giải những điều nào khó hiểu từ trong Tam Tạng, để giúp hiểu rõ đúng đắn theo chánh pháp. Có khi chính Đức Phật giải thích, giảng giải những điều ấy gọi là *Pakāṅkadesanā* (thuyết giảng rải rác); có khi chư Thánh Arahán giải thích, giảng giải.

Qua các thời kỳ kết tập Tam Tạng đều có các Chú giải, các Chú giải này được gom lại thành các bộ Đại Chú giải.

Vào thời kỳ Phật lịch khoảng 972 năm (sau khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn), Ngài Đại đức *Mahābuddhaghosa* là Bậc có trí tuệ sáng suốt, thông thuộc Tam Tạng và thông suốt các Chú giải, Ngài từ xứ Ấn Độ đi sang đảo quốc Srilankā.

Lần đầu tiên Ngài biên soạn bộ *Visuddhimagga (Thanh Tịnh Đạo)*, Phật lịch 972.

Sau đó, Ngài xin chư Đại Trưởng Lão cho phép Ngài dịch toàn bộ *Aṅkāhikāṇi* (Chú giải) bằng tiếng *Sihali* (tiếng Srilankā) ra tiếng *Pāṇi*. Ngài có trí tuệ sáng suốt, có khả năng đặc biệt phân loại các Chú giải thành từng mỗi Tạng riêng biệt. Trong Chú giải của mỗi Tạng, Ngài phân chia ra thành mỗi phần, mỗi đoạn, mỗi điều giới, mỗi bài kinh, bài kệ, đặc biệt mỗi chữ khó hiểu trong mỗi đoạn, mỗi câu v.v...

Tất cả là một công trình vĩ đại, để lại cho các đàn hậu sinh được dễ dàng thuận lợi để theo học pháp học Phật giáo và hành pháp hành Phật giáo.

Phụ chú giải (□īkāpā□i) và Phụ theo chú giải (Anu□īkāpā□i) là gì?

Những bộ Phụ chú giải (□īkapā□i) và Phụ theo chú giải (Anu□īkāpā□i) là những lời giải thích, giảng giải những điều khó hiểu từ trong Chú giải. Những bộ sách này được biên soạn sau khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn trải qua nhiều năm sau.

Trí tuệ của các thế hệ hậu sinh mỗi ngày một kém dần; cho nên, việc theo học Tam Tạng và Chú giải để hiểu biết đúng đắn theo chánh pháp không phải là việc dễ dàng. Do đó, quý Ngài Đại Trưởng Lão dày công biên soạn những bộ *Phụ chú giải* (□īkapā□i), bộ *Phụ theo chú giải* (Anu□īkāpā□i) thêm để giúp cho thế hệ hậu sinh theo học pháp học Phật giáo được thuận lợi, giúp cho hiểu rõ đúng đắn chánh pháp.

Pháp học Phật giáo là nền tảng căn bản của pháp hành Phật giáo. Cho nên, hành giả cần phải học và hiểu rõ đúng đắn theo pháp học, đó là điều tối ưu quan trọng; bởi vì, khi hiểu đúng *pháp học Phật giáo*, rồi mới có thể hành đúng theo pháp hành Phật giáo. Khi hành đúng theo *pháp hành Phật giáo*, thì mới dẫn đến kết quả chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, đó là *pháp thành Phật giáo*, pháp giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Nếu hành giả học hiểu sai về pháp học Phật giáo, thì chắc chắn hành sai pháp hành Phật giáo. Nếu hành sai pháp hành Phật giáo, thì chắc chắn không thể dẫn đến chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn, vẫn tiếp tục khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Vì vậy, người nào muốn hiểu biết đúng đắn theo Tam Tạng (Tīpi□akapā□i) lời giáo huấn của Đức Phật, thì người ấy cần phải học hỏi, tra cứu thêm Chú giải (A□□hakathā-pā□i) để giúp cho hiểu rõ đúng đắn. Nếu chưa hiểu rõ về pháp ấy, thì người ấy cần phải học hỏi, tra cứu thêm Phụ chú giải (□īkāpā□i), Phụ theo chú giải (Anu□īkāpā□i) để giúp cho hiểu rõ đúng đắn về pháp ấy.

Đối với các hàng Phật tử là Tỳ khưu, Tỳ khưu ni, cận sự nam, cận sự nữ theo học pháp học Phật giáo là một phận sự quan trọng, giữ gìn và duy trì chánh pháp, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc cho chính mình và truyền dạy đến những người khác, để cùng nhau bảo tồn Phật giáo được

trường tồn trên thế gian đúng 5.000 năm, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc cho tất cả chúng sinh, nhất là chư thiên và nhân loại.

Học thuộc lòng Tam tạng, Chú giải theo khả năng trí nhớ, trí tuệ của mình, đó là cách ưu việt nhất, để bảo tồn pháp học Phật giáo được nguyên vẹn.

Pháp hành Phật giáo (*Paṭipattīsāna*)

Pháp hành Phật giáo là pháp tiếp theo sau **pháp học Phật giáo**. Giai đoạn đầu, hành giả cần phải học pháp học Phật giáo cho hiểu rõ kỹ càng lời giáo huấn của Đức Phật, rồi bước sang giai đoạn giữa *hành pháp hành Phật giáo*.

Pháp hành Phật giáo là gì?

Pháp hành Phật giáo có nhiều pháp, song có 3 pháp chính là:

- *Pháp hành giới.*
- *Pháp hành định.*
- *Pháp hành tuệ.*

*** *Pháp hành giới là gì?***

Pháp hành giới đó là *tác ý thiện tâm, giữ gìn thân và khẩu tránh xa mọi ác nghiệp tội lỗi*. Giữ gìn giới của mình được trong sạch thanh tịnh, để làm nền tảng cho pháp hành thiền định, pháp hành thiền tuệ.

Mỗi hạng người có giới khác nhau:

- Đối với hạng tại gia cư sĩ là cận sự nam, cận sự nữ có *ngũ giới* là thường giới, còn có *bát giới, cửu giới, thập giới...* tùy theo khả năng.

- Đối với bậc xuất gia là Sadi, Tỳ khuru:

* Sadi có 10 Sadi giới, 10 giới hoại phẩm hạnh Sadi, 10 giới hành phạt, 75 điều giới hành...

* Vị Tỳ khuru có tứ thanh tịnh giới. Trong *bhikkhupātimokkasīla* có 227 điều giới, nếu tính đầy đủ trong Tạng Luật, thì có 91.805.036.000 điều giới.

Muốn giữ gìn giới được trong sạch, thanh tịnh điều trước tiên cần phải học, hiểu rõ kỹ càng tất cả mọi điều giới của mình, rồi mới có thể hành giới được đầy đủ trọn vẹn và trong sạch thanh tịnh. Giới có thể *diệt được phiền não*

loại thô ở thân và khẩu (*vitikkamakilesa*), để làm nền tảng cho pháp hành thiền định, pháp hành thiền tuệ được phát triển.

* **Pháp hành định là gì?**

Pháp hành định đó là **pháp hành thiền định**. Hành giả muốn tiến hành thiền định, điều trước tiên, cần phải học cho hiểu rõ kỹ càng 40 đề mục thiền định; rồi chọn một đề mục thiền hữu sắc nào thích hợp với bản tánh riêng của mình. Hành giả học hỏi kỹ càng phương pháp tiến hành của đề mục thiền định ấy. Khi hành giả tiến hành thiền định, sử dụng đề mục thiền định ấy làm đối tượng tiến hành thiền định. Hành giả chỉ có định tâm an trú duy nhất trong đề mục thiền định ấy mà thôi; cho đến khi chứng đắc 5 hoặc 4 bậc thiền hữu sắc. Sau khi đã chứng đắc các bậc thiền hữu sắc xong, nếu hành giả tiếp tục tiến hành thiền định để chứng đắc các bậc thiền vô sắc, thì hành giả cần phải thay đổi đối tượng thiền vô sắc. Đối tượng thiền vô sắc có 4 đối tượng theo tuần tự từ bậc thiền thấp đến bậc thiền cao. Mỗi đối tượng thiền vô sắc có khả năng dẫn dắt chứng đắc một bậc thiền vô sắc, có 4 bậc thiền vô sắc. Các bậc thiền có thể đè nén *ché ngự được phiền não loại trung* (*pariyu□□hānakilasa*) không phát sinh ở trong tâm. Hành giả có thể an hưởng sự an lạc của các bậc thiền, và có thể luyện pháp thần thông.

Các bậc thiền hữu sắc cho quả tái sinh cõi trời sắc giới phạm thiên. Các bậc thiền vô sắc cho quả tái sinh cõi trời vô sắc giới. Các bậc thiền còn có thể làm nền tảng, làm đối tượng cho pháp hành thiền tuệ.

* **Pháp hành tuệ là gì?**

Pháp hành tuệ đó là **pháp hành thiền tuệ**. Hành giả muốn tiến hành thiền tuệ, điều đầu tiên, cần phải học hiểu rõ kỹ càng tất cả các đối tượng thiền tuệ là *thân, thọ, tâm, pháp* hay *danh pháp, sắc pháp*. Khi hành giả tiến hành thiền tuệ có đối tượng thiền tuệ, để phát sinh *trí tuệ thiền tuệ* thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của danh pháp, sắc pháp; *trí tuệ thiền tuệ* thấy rõ, biết rõ *trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã* của danh pháp, sắc pháp, dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 *Thánh Đạo - 4 Thánh Quả* và *Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt mọi phiền não loại vi tế* (*anusayakilesa*), *mọi tham ái*, trở thành bậc Thánh Arahán, sẽ tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Pháp thành Phật giáo (Pa□ivedhasāsana)

Pháp thành Phật giáo là gì?

Pháp thành Phật giáo là kết quả của **pháp hành Phật giáo** trực tiếp là pháp hành thiền tuệ. Pháp thành Phật giáo đó là 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn là 9 pháp Siêu tam giới.

4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả liên quan nhân quả tương xứng với nhau, Thánh Đạo nào sinh liền cho quả Thánh Quả ấy từng đôi, từng cặp như sau:

4 Thánh Đạo	→	4 Thánh Quả
- <i>Nhập Lưu Thánh Đạo</i>	→	<i>Nhập Lưu Thánh Quả</i>
- <i>Nhất Lai Thánh Đạo</i>	→	<i>Nhất Lai Thánh Quả</i>
- <i>Bất Lai Thánh Đạo</i>	→	<i>Bất Lai Thánh Quả</i>
- <i>Arahán Thánh Đạo</i>	→	<i>Arahán Thánh Quả</i>

Niết Bàn chỉ là đối tượng của 4 Thánh Đạo Tâm và 4 Thánh Quả Tâm mà thôi.

4 Thánh Đạo Tâm - 4 Thánh Quả Tâm và Niết Bàn là 9 pháp Siêu tam giới.

Sự liên quan giữa pháp học, pháp hành, pháp thành

Pháp học là nhân - Pháp hành là quả.
Pháp hành là nhân - Pháp thành là quả.

Sự liên quan giữa pháp học Phật giáo, pháp hành Phật giáo, pháp thành Phật giáo là sự liên quan theo định luật nhân - quả. Cho nên, khi pháp này tăng trưởng, thì pháp kia cũng tăng trưởng, hoặc do pháp kia tăng trưởng, nên pháp này cũng tăng trưởng. Ngược lại, khi pháp này suy đồi, khiến pháp kia cũng suy đồi, hoặc do pháp kia suy đồi, nên pháp này cũng suy đồi.

-ooOoo-

PHẬT GIÁO SUY ĐÒI (SĀSANA ANTARADHĀNA)

Phật giáo đó là lời giáo huấn của Đức Phật vô cùng cao siêu, vô cùng vi tế. Cho nên, các hàng Phật tử là bậc xuất gia cũng như hàng tại gia cư sĩ giữ gìn, duy trì cho được trọn vẹn không phải là điều dễ dàng. Bởi vì, Phật giáo được giữ gìn duy trì bằng trí tuệ ba-la-mật, không phải bằng cách nào khác; mà **trí tuệ ba-la-mật** càng ngày càng bị giảm dần, giảm dần theo thời gian.

Do đó, Phật giáo cũng bị mai một, bị giảm dần, giảm dần theo thời gian theo tuổi thọ 5.000 năm của Phật giáo.

Phật giáo phát triển theo thời gian, rồi lại bị mai một cũng theo thời gian; bởi vì, các hàng Phật tử không đủ khả năng trí tuệ ba-la-mật, để giữ gìn duy trì Phật giáo vô cùng cao siêu, vô cùng vi tế. Đó là nguyên nhân chính làm cho Phật giáo bị mai một dần theo thời gian.

Trong Chú giải Chi Bộ Kinh phần *ekakanipāta*, giải thích về Phật giáo suy đồi như sau:

- *Pháp thành Phật giáo suy đồi (Adhigama antaradhāna).*
- *Pháp hành Phật giáo suy đồi (Paṭipatti antaradhāna).*
- *Pháp học Phật giáo suy đồi (Pariyatti antaradhāna).*

Pháp thành Phật giáo, pháp hành Phật giáo, pháp học Phật giáo cả 3 loại Phật giáo này thuộc về *danh pháp*, không phải *sắc pháp*; nên Phật giáo suy đồi không phải do lửa thiêu hủy, cũng không phải nước lũ cuốn trôi, cũng không phải do bão tàn phá, mà Phật giáo suy đồi do bởi các hàng Phật tử là các bậc xuất gia, các hàng tại gia càng ngày càng kém pháp hạnh ba-la-mật, nhất là trí tuệ ba-la-mật, nên ngày càng kém đức tin, kém trí nhớ, kém trí tuệ. Đó là nguyên nhân làm cho *pháp thành Phật giáo* ngày càng suy đồi, *pháp hành Phật giáo* ngày càng suy đồi, *pháp học Phật giáo* ngày càng suy đồi. Cả ba loại Phật giáo này có sự liên quan trực tiếp định luật nhân-quả với nhau.

Sở dĩ *pháp thành Phật giáo* càng ngày càng suy đồi, là do *pháp hành Phật giáo* càng ngày càng suy đồi. *Pháp hành Phật giáo* càng ngày càng suy đồi, là do *pháp học Phật giáo* càng ngày càng suy đồi.

Phật giáo dần dần bị suy đồi theo thời gian tuổi thọ 5.000 năm của Phật giáo.

Pháp thành Phật giáo suy đồi như thế nào?

Theo Chú giải Chi Bộ Kinh phần *ekakanipāta* trình bày ***Pháp thành Phật giáo*** bị suy đồi tuần tự theo thời gian 5.000 năm như sau:

- *Một ngàn năm thứ nhất: Hành giả tiến hành thiền tuệ có khả năng chứng đắc đến bậc Thánh Arahán cùng với Tứ Tuệ Phân Tích (Catupaṭisambhidā).*

- Một ngàn năm thứ nhì: Hành giả tiến hành thiền tuệ có khả năng chứng đắc đến bậc Thánh Arahán cùng với Lục thông (Cha[□]ābhiññā).
- Một ngàn năm thứ ba: Hành giả tiến hành thiền tuệ có khả năng chứng đắc đến bậc Thánh Arahán cùng với Tam Minh (Tevijja).
- Một ngàn năm thứ tư: Hành giả tiến hành thiền tuệ có khả năng chứng đắc đến bậc Thánh Arahán chỉ diệt đoạn tuyệt mọi phiền não (sukkhavipassaka) mà thôi.
- Một ngàn năm thứ năm: Hành giả tiến hành thiền tuệ có khả năng chứng đắc đến bậc Thánh Bất Lai, bậc Thánh Nhất Lai, bậc Thánh Nhập Lưu và cuối cùng không còn ai có khả năng chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu trên cõi người này nữa. Tuy vậy, những bậc Thánh Nhân còn có sinh mạng trong cõi người này, thì pháp thành Phật giáo vẫn chưa hoàn toàn bị tiêu hoại. Cho đến khi nào những bậc Thánh Nhân mãn kiếp, hết tuổi thọ, do thiện nghiệp cho quả tái sinh làm chư thiên trong cõi trời. Khi ấy, trong cõi người hoàn toàn không còn bậc Thánh Nhân nào.

Đó là lúc pháp thành Phật giáo suy đồi hoàn toàn không còn trong cõi người này nữa.

Trong Chú giải bài kinh *Gotamīsuttava^{□□}anā* [15] có đoạn giải thích **pháp thành Phật giáo suy đồi** tuần tự theo thời gian 5.000 năm như sau:

- Một ngàn năm thứ nhất: Hành giả tiến hành thiền tuệ có khả năng chứng đắc đến bậc Thánh Arahán cùng với Tứ Tuệ Phân Tích, Lục thông, Tam Minh.
- Một ngàn năm thứ nhì: Hành giả tiến hành thiền tuệ có khả năng chứng đắc đến bậc Thánh Arahán chỉ diệt đoạn tuyệt được mọi phiền não mà thôi.
- Một ngàn năm thứ ba: Hành giả tiến hành thiền tuệ có khả năng chứng đắc đến bậc Thánh Bất Lai.
- Một ngàn năm thứ tư: Hành giả tiến hành thiền tuệ có khả năng chứng đắc đến bậc Thánh Nhất Lai.
- Một ngàn năm thứ năm: Hành giả tiến hành thiền tuệ có khả năng chứng đắc đến bậc Thánh Nhập Lưu, và cuối cùng không còn bậc Thánh Nhân nào trong cõi người này nữa.

Đó là lúc pháp thành Phật giáo bị suy đồi hoàn toàn.

Pháp hành Phật giáo suy đồi như thế nào?

* **Pháp hành thiên tuệ suy đồi:** Thời gian đầu Phật giáo, hành giả tiến hành thiên tuệ có khả năng chứng đắc các bậc Thánh, càng ngày càng tăng trưởng. Sau khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn, hành giả tiến hành thiên tuệ còn có khả năng chứng đắc đến bậc *Thánh Arahán*. Về sau trải qua thời gian theo tuần tự, hành giả tiến hành thiên tuệ có khả năng chứng đắc các bậc Thánh bậc thấp dần, theo tuần tự thời gian từ bậc Thánh Bất Lai, bậc Thánh Nhất Lai, bậc Thánh Nhập Lưu; đến thời kỳ gần mãn tuổi thọ của Phật giáo, hành giả tiến hành thiên tuệ không đúng theo **pháp hành Trung Đạo** và cuối cùng không còn hành giả **tiến hành thiên tuệ** nữa.

Đó là thời kỳ pháp hành thiên tuệ bị suy đồi trong cõi người.

* **Pháp hành thiên định suy đồi:** Cũng như pháp hành thiên tuệ, thời kỳ đầu Phật giáo, hành giả tiến hành thiên định có khả năng chứng đắc các bậc thiên hữu sắc, bậc thiên vô sắc, ngày càng tăng trưởng. Sau khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn, hành giả tiến hành thiên định có khả năng chứng đắc giảm dần từ các bậc thiên vô sắc đến các bậc thiên hữu sắc. Về sau, trải qua thời gian theo tuần tự, hành giả tiến hành thiên định có khả năng chứng đắc các bậc thiên bị giảm xuống theo tuần tự từ bậc thiên cao xuống dần bậc thiên thấp, cho đến thời kỳ hành giả tiến hành thiên định không đúng theo phương pháp và cuối cùng không còn hành giả tiến hành thiên định nữa.

Đó là thời kỳ pháp hành thiên định bị suy đồi trong cõi người.

* **Pháp hành giới suy đồi:** Cũng như pháp hành thiên tuệ và pháp hành thiên định, thời kỳ đầu Phật giáo, hành giả giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn hoàn toàn. Sau khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn, chư Tỳ khuru có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, nên hết lòng tôn kính tất cả mọi điều giới mà Đức Phật đã chế định, ban hành cho Tỳ khuru, Tỳ khuru ni. Chư Tỳ khuru, Tỳ khuru ni nghiêm chỉnh giữ gìn mọi điều giới của mình được trong sạch trọn vẹn, để làm nền tảng cho pháp hành thiên định, pháp hành thiên tuệ. Về sau, trải qua thời gian theo tuần tự, chư Tỳ khuru, Tỳ khuru ni càng ngày càng giảm dần đức tin, xem thường những điều giới nhẹ, nên phạm giới *dubbhāsita āpati* (ác khẩu), *phạm giới dukkaṃ āpati* (tác ác), và dần dần tiếp theo *phạm giới pācittiya āpati* (ung đối trị), *phạm giới thullaccaya āpati* (giới trọng) các loại giới này còn thuộc về loại giới nhẹ. Từ đó về sau, thời gian theo tuần tự Tỳ khuru, Tỳ khuru ni phạm giới nặng, như phạm giới *Saṃghādisesa āpati*

(*Tăng tàn*) song vẫn còn giữ phạm hạnh Tỳ khuru, Tỳ khuru ni; cho đến khi Tỳ khuru, Tỳ khuru ni nào phạm giới *pārājika āpati* (*bất cộng trụ*). Khi ấy, Tỳ khuru, Tỳ khuru ni ấy không còn phạm hạnh Tỳ khuru, Tỳ khuru ni nữa.

Thời gian khoảng 500 năm sau khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn, Tỳ khuru ni không còn nữa, chỉ còn có Tỳ khuru, theo tuần tự thời gian đến khi gần mãn tuổi thọ Phật giáo 5.000 năm; Tỳ khuru càng ngày càng kém đức tin, nên giữ gìn giới hạnh của mình không còn trong sạch, cho đến khi không còn hành giới nữa.

Đó là thời kỳ pháp hành giới bị suy đồi và cũng là thời kỳ pháp hành Phật giáo bị suy đồi trong cõi người.

Pháp học Phật giáo suy đồi như thế nào?

Pháp học Phật giáo đó là học thuộc lòng Tam Tạng và Chú giải *Pāṭi*, lời giáo huấn của Đức Phật.

Pháp học Phật giáo là nhân, pháp hành Phật giáo là quả, nhân và quả đi đôi với nhau. Sở dĩ, pháp hành Phật giáo bị suy đồi tuần tự theo thời gian 5.000 năm tuổi thọ của Phật giáo, là vì pháp học Phật giáo bị mai một, bị suy đồi theo thời gian ấy.

Ban đầu, chư Đại Trưởng Lão giữ gìn duy trì Tam Tạng và Chú giải *Pāṭi*, pháp học Phật giáo đầy đủ y theo bốn chánh qua các kỳ kết tập Tam Tạng và Chú giải *Pāṭi*. Về sau, tuần tự theo thời gian chư Đại đức càng ngày càng kém đức tin, kém pháp hạnh ba-la-mật, kém trí nhớ, trí tuệ, nên không đủ khả năng thông thuộc Tam Tạng và Chú giải *Pāṭi*. Đó là nguyên nhân làm cho pháp học Phật giáo bị mai một, bị suy đồi tuần tự theo thời gian như sau:

Trước tiên, ***Tạng Vi Diệu Pháp*** (*Abhidhammapīṭakapāṭi*) bị mai một, bị suy đồi.

Tạng Vi Diệu Pháp gồm có 7 bộ lớn:

- *Dhammasaṅganīpāṭi* (*bộ Pháp Tụ Hội*)
- *Vibhaṅgapāṭi* (*bộ Pháp Phân Tích*)
- *Dhātukathāpāṭi* (*bộ Pháp Phân Loại*)
- *Puggalapaññattipāṭi* (*bộ Nhân Chế Định*)
- *Kathāvatthupāṭi* (*bộ Pháp Luận Đề*)

- *Yamakaṭṭhi* (bộ Pháp Song Đối)
- *Paṭṭhānaṭṭhi* (bộ Pháp Duyên Hệ)

Trong 7 bộ này, đầu tiên bộ *Paṭṭhānaṭṭhi* (bộ Pháp Duyên Hệ), là bộ lớn nhất, vì tế sâu sắc nhất bị mai một trước, tiếp theo bộ *Yamakaṭṭhi* (bộ Pháp Song Đối), tuần tự bộ *Kathāvatthupāṭṭhi* (bộ Pháp Luận Đề), bộ *Puggalapaññattipāṭṭhi* (bộ Nhân Chế Định), bộ *Dhātukathāpāṭṭhi* (bộ Pháp Phân Loại), bộ *Vibhaṅgaṭṭhi* (bộ Pháp Phân Tích), cuối cùng bộ *Dhammasaṅgāṭṭhi* (bộ Pháp Tụ Hội).

Tạng Vi Diệu Pháp bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn còn Tạng Kinh và Tạng Luật là pháp học Phật giáo vẫn còn tồn tại.

Tiếp theo **Tạng Kinh** (*Suttantapiṭakaṭṭhi*) bị mai một, bị suy đồi.

Tạng Kinh có 5 bộ lớn:

- *Dīghanikāyapāṭṭhi* (Trường Bộ Kinh)
- *Majjhimanikāyapāṭṭhi* (Trung Bộ Kinh)
- *Samyuttanikāyapāṭṭhi* (Đồng Loại Bộ Kinh)
- *Aṅguttaranikāyapāṭṭhi* (Chi Bộ Kinh)
- *Khuddakanikāyapāṭṭhi* (Tiểu Bộ Kinh)

Trong 5 bộ này, đầu tiên *Aṅguttaranikāyapāṭṭhi* (Chi Bộ Kinh) bị mai một trước. Chi Bộ Kinh gồm có 11 phần, gồm những bài kinh (bài pháp) 1 chi, 2 chi v.v... cho đến những bài kinh có 11 chi. Đầu tiên, những bài kinh có 11 chi bị mai một trước, tiếp theo những bài kinh có 10 chi và tuần tự những bài kinh có 9 chi, có 8 chi, có 7 chi, có 6 chi, có 5 chi, có 4 chi, có 3 chi, có 2 chi, cuối cùng những bài pháp 1 chi bị mai một hoàn toàn.

Chi Bộ Kinh bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn.

Tiếp theo *Samyuttanikāyapāṭṭhi* (Đồng Loại Bộ Kinh) bị mai một, bị suy đồi.

Đồng loại Bộ Kinh có 5 phần:

- *Sagāthavaggasamyuttapāṭṭhi*
- *Nidānavaggasamyuttapāṭṭhi*
- *Khaṇḍhavaggasamyuttapāṭṭhi*
- *Sāṅgāyatanasamyuttapāṭṭhi*
- *Mahāvaggasamyuttapāṭṭhi*

Trong 5 phần này, đầu tiên *phần Mahāvaggasamyuttapāṭi* bị mai một trước, tiếp theo *phần Sāṅgāyatanasamyuttapāṭi*, tuần tự *phần Khaṅghavaggasamyuttapāṭi*, *phần Nidānavaggasamyuttapāṭi*, và cuối cùng *phần Sagāthavaggasamyuttapāṭi*, bị mai một hoàn toàn.

Đồng Loại Bộ Kinh bị suy đồi, bị mai một hoàn toàn.

Tiếp theo *Majjhimanikāyapāṭi* (*Trung Bộ Kinh*) bị mai một, bị suy đồi.

Trung Bộ Kinh có 3 phần:

- *Mūlapaṭṭāsapāṭi*
- *Majjhimapāṭṭāsapāṭi*
- *Uparipaṭṭāsapāṭi*

Trong 3 phần này, đầu tiên *phần Uparipaṭṭāsapāṭi* bị mai một trước, tiếp theo *phần Majjhimapāṭṭāsapāṭi* và cuối cùng *phần Mūlapaṭṭāsapāṭi* bị mai một hoàn toàn.

Trung Bộ Kinh bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn.

Tiếp theo *Dīghanikāyapāṭi* (*Trường Bộ Kinh*) bị mai một, bị suy đồi.

Trường Bộ Kinh có 3 phần:

- *Sīlakkhandhavaggaṭṭāṭi*
- *Mahāvaggaṭṭāṭi*
- *Pāthikavaggaṭṭāṭi*

Trong 3 phần này, đầu tiên *phần Pāthikavaggaṭṭāṭi* bị mai một, bị suy đồi, tiếp đến *phần Mahāvaggaṭṭāṭi* và cuối cùng *phần Sīlakkhandhavaggaṭṭāṭi* bị mai một hoàn toàn.

Trường Bộ Kinh bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn.

Tiếp theo *Khuddakanikāyapāṭi* (*Tiểu Bộ Kinh*) bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn.

Cuối cùng Tạng Kinh bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn, còn Tạng Luật là pháp học Phật giáo vẫn tồn tại.

Tạng Luật (*Vinayapitākapāṭi*) bị mai một, bị suy đồi.

Tạng Luật có 5 bộ:

- Bộ *Pārājikapāṭi*
- Bộ *Pācittiyapāṭi*
- Bộ *Mahāvaggapāṭi*
- Bộ *Cūḍavaggapāṭi*
- Bộ *Parivārapāṭi*

Trong Tạng Luật có 5 bộ, đầu tiên bộ *Parivārapāṭi* bị mai một trước, tiếp theo bộ *Cūḍavaggapāṭi* tuân tự đến bộ *Mahāvaggapāṭi*, bộ *Pācittiyapāṭi* và cuối cùng bộ *Pārājikapāṭi* bị mai một, song chỉ còn *Uposathakkhandhaka* là pháp học Phật giáo vẫn chưa bị mai một. Về sau, *Uposathakkhandhaka* bị mai một, cuối cùng không còn một ai thuộc lòng được bài kệ gồm có 4 câu. Khi ấy, **pháp học Phật giáo** bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn.

Tóm lại, *pháp học Phật giáo*, *pháp hành Phật giáo*, *pháp thành Phật giáo* trong 3 loại Phật giáo này, *pháp học Phật giáo* là nguồn gốc, là nền tảng căn bản của *pháp hành* và *pháp thành Phật giáo*.

Thật vậy, nếu học *pháp học* hiểu biết đúng đắn, kỹ càng, thì khi hành *pháp hành* mới đúng đắn được; nếu hành *pháp hành* đúng, thì *pháp thành* mới phát sinh, dẫn đến sự giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài. Ngược lại, nếu học *pháp học* mà hiểu sai, thì khi hành *pháp hành* sai, nếu hành *pháp hành* sai, thì *pháp thành* không phát sinh, không thể giải thoát khổ sinh, mà vẫn tiếp tục chịu khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Pháp học Phật giáo gồm có Tam Tạng và Chú giải *Pāṭi* lời giáo huấn của Đức Phật. Tam Tạng: *Tạng Luật*, *Tạng Kinh*, *Tạng Vi Diệu Pháp*; trong 3 tạng ấy *Tạng Luật* là nền tảng căn bản của Phật giáo, cũng là tuổi thọ của Phật giáo.

Thật vậy, dù *Tạng Vi Diệu Pháp* và *Tạng Kinh* bị mai một hoàn toàn, chỉ còn có *Tạng Luật*, Phật giáo vẫn còn tồn tại. Trong *Tạng Luật* phần *Uposathakkhandhaka* liên quan đến hành Tăng sự, *Uposatha* tụng đọc, *Bhikkhupāṭimokkha* tụng điều giới của Tỳ khuru... là quan trọng. Chư Tỳ khuru còn hành tăng sự, còn tụng đọc *Bhikkhupāṭimokkhisīla* hằng tháng vào ngày rằm và ngày cuối tháng, là Phật giáo vẫn còn tồn tại trên cõi người này.

Trong kỳ kết tập Tam Tạng và Chú giải *Pāṭi* lần thứ nhất, phần đầu *Nidāna* dạy rằng:

*Vinayo nāma Buddhasāsanassa āyu
Vinaye ṅhite, sāsanaṅ ṅhitaṅ hotu [16].*

*Tạng Luật là tuổi thọ Phật giáo
Khi Tạng Luật còn được trường tồn
Thì Phật giáo còn được trường tồn.*

-ooOoo-

[1] Chú giải *Aṅguttaranikāya*, phần *Ekaka nipātaṅṅhakathāvaṅṅanā*.

[2] *Aṅguttaranikāya*, *aṅṅhanipāta*, kinh *Pahāradasutta*.

[3] *Dhammapadagāthā* số 153, 154.

[4] Phiền não có tất cả 1.500 loại.

[5] Tham ái có tất cả 108 loại.

[6] *Dīghanikāyā*, *Mahāvagga*, kinh *Mahāparinibhānasutta*.

[7] Bộ *Mahāvaggaṅṅhakathā*, kinh *Mahāparinibbānasuttavaṅṅnā*.

[8] Bộ *Visuddhimagga*, phần *Silaniddesa*.

[9] Thời gian 3 tháng hạ ở cõi người so với ở cõi trời Tam Thập Tam Thiên khoảng 3 phút 36 giây, bởi vì một ngày một đêm cõi trời Tam Thập Tam Thiên bằng 100 năm ở cõi người.

[10] Tam minh: Túc mạng minh, Thiên nhãn minh, Lộ tận minh.

[11] Bát thiên: 4 bậc thiên hữu sắc, và 4 bậc thiên vô sắc.

[12] Lục thông: Thần túc thông, nhãn thông, nhĩ thông, túc mạng thông, tha tâm thông, lộ tận thông.

[13] Tứ Tuệ Phân Tích: Nghĩa phân tích, Pháp phân tích, Ngôn ngữ phân tích, Tuệ ứng đối phân tích.

[14] Bộ *Theragāthā*.

[15] Chú giải Chi Bộ Kinh, phần *Aṅgahakanipāta*, kinh *Gotamīsuttavaṅganā*.

[16] Bộ *Pārājikakaṅḍa aṅgahakāhā*, *Bāhiraṇidānakathā*

-ooOoo-

ĐỨC TĂNG (SAṅGHA)

Danh từ “**Tăng**” là dịch âm từ tiếng Pāṇi “*Saṅgha*”.

Saṅgha: **Chư Tăng** nghĩa là **đoàn thể**.

Trong câu: *Bhagavato sāvakaṅgho*: Chư Tăng là bậc Thanh Văn đệ tử của Đức Thế Tôn.

Hoặc danh từ ghép: *Bhikkhusaṅgha*: Chư Tỳ khuru Tăng...

SAṅGHA: CHƯ TĂNG

Chư Tăng có 2 hạng:

- **Chư Thánh Tăng**: *Ariyasaṅgha*

- **Chư phàm Tăng**: *Puthujjanasaṅgha*

Thế nào gọi là chư Thánh Tăng?

Chư Tỳ khuru Tăng là bậc Thanh Văn đệ tử của Đức Phật, quý Ngài đã lắng nghe chánh pháp của Đức Phật, rồi hành theo pháp hành thiền tuệ dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Nhân. Do đó, gọi là *chư Thánh Tăng* (*Ariyasaṅgha*).

Chư Thánh Tăng có 4 đôi, thành 8 bậc tính theo tâm Siêu tam giới.

Bậc Thánh Tăng có 4 đôi

Thánh Đạo → **Thánh Quả** tương xứng:

Nhập Lưu Thánh Đạo → *Nhập Lưu Thánh Quả*

Nhất Lai Thánh Đạo → *Nhất Lai Thánh Quả*

Bất Lai Thánh Đạo → *Bất Lai Thánh Quả*

Arahán Thánh Đạo → *Arahán Thánh Quả*

8 bậc Thánh Tăng

4 Thánh Đạo và 4 Thánh Quả:

Bậc Nhập Lưu Thánh Đạo

Bậc Nhất Lai Thánh Đạo

Bậc Bất Lai Thánh Đạo

Bậc Arahán Thánh Đạo

Bậc Nhập Lưu Thánh Quả

Bậc Nhất Lai Thánh Quả

Bậc Bất Lai Thánh Quả

Bậc Arahán Thánh Quả

Bốn bậc Thánh Nhân

Trong Phật giáo, chư Thánh Tăng tính theo nhân vật có 4 bậc Thánh Nhân:

Bậc Thánh Nhập Lưu

Bậc Thánh Nhất Lai

Bậc Thánh Bất Lai

Bậc Thánh Arahán

Được trở thành bậc Thánh Thanh Văn trong Phật giáo, hành giả cần phải có đầy đủ hai điều kiện:

- Những tiền kiếp trong quá khứ, hành giả đã từng tạo 10 pháp hạnh ba-la-mật đầy đủ hoàn toàn.

- Kiếp hiện tại, hành giả có duyên lành đến hầu gặp được Đức Phật Chánh Đẳng Giác, hoặc gặp được bậc Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Phật, có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, lắng nghe chánh pháp của Đức Phật, rồi tiến hành pháp hành thiền tuệ, dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt được phiền não, tham ái, ác pháp... mới trở thành bậc Thánh Thanh Văn, theo tuần tự từ bậc Thánh Nhập Lưu, bậc Thánh Nhất Lai, bậc Thánh Bất Lai đến bậc Thánh Arahán cao thượng nhất như sau:

Hàng thiện trí phàm nhân tiến hành thiền tuệ, trí tuệ thiền tuệ phát sinh thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp; trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp, dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt được phiền não tà kiến và hoài nghi, trở thành bậc **Thánh Nhập Lưu**, mới là bậc Thánh thứ nhất trong Phật giáo.

Bậc Thánh Nhập Lưu tiếp tục tiến hành thiền tuệ, trí tuệ thiền tuệ phát sinh thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp; trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp, dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Nhất Lai Thánh Đạo - Nhất Lai Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt được phiền não sân loại thô, trở thành bậc **Thánh Nhất Lai**, là bậc Thánh thứ nhì trong Phật giáo.

Bậc Thánh Nhất Lai tiếp tục tiến hành thiền tuệ, trí tuệ thiền tuệ phát sinh thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp; trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp, dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Bất Lai Thánh Đạo - Bất Lai Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt được phiền não sân loại vi tế, trở thành bậc **Thánh Bất Lai**, là bậc Thánh thứ ba trong Phật giáo.

Bậc Thánh Bất Lai tiếp tục tiến hành thiền tuệ, trí tuệ thiền tuệ phát sinh thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của danh pháp, sắc pháp; trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp, sắc pháp, dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt được tất cả mọi phiền não còn lại là tham, si, ngã mạn, phóng tâm, buồn ngủ, không biết hổ thẹn tội lỗi, không biết ghê sợ tội lỗi; mọi tham ái, mọi ác pháp không

còn dư sót, trở thành bậc **Thánh Arahán**, là bậc Thánh thứ tư cao thượng trong Phật giáo.

Quả báu của bậc Thánh Nhân

Theo lẽ tự nhiên tất cả mọi chúng sinh là những phàm nhân còn phiền não, tham ái là còn tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài từ vô thủy đến vô chung. Song chư bậc Thánh Nhân đã diệt đoạn tuyệt được phiền não, tham ái rồi, thì sự tử sinh luân hồi trong tam giới được hạn chế lại tùy theo mỗi bậc Thánh Nhân.

1. Quả báu của bậc Thánh Nhập Lưu

Bậc Thánh Nhập Lưu là bậc Thánh đã diệt đoạn tuyệt được 4 tâm tham hợp tà kiến và tâm si hợp hoài nghi, kể từ kiếp hiện tại cho đến kiếp vị lai, 4 tâm tham hợp tà kiến và tâm si hợp hoài nghi vĩnh viễn không còn có trong tâm của bậc Thánh Nhập Lưu nữa. Bậc Thánh Nhập Lưu hoàn toàn giải thoát khỏi khổ **tà kiến** và **hoài nghi** ở kiếp hiện tại và kiếp vị lai và hoàn toàn giải thoát cảnh khổ tái sinh trong 4 cõi ác giới: *địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sanh*.

* Bậc Thánh Nhập Lưu có 3 hạng

- *Sattakkhattuparamasotāpanna*: **Bậc Thánh Nhập Lưu** có 5 pháp chủ năng lực yếu, còn phải tái sinh làm người hoặc làm chư thiên cõi trời dục giới nhiều nhất 7 kiếp nữa. Đến kiếp thứ 7, thì chắc chắn sẽ chứng đắc Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán, rồi tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt sự tử sinh luân hồi trong tam giới.

- *Kola□kolasotāpanna*: **Bậc Thánh Nhập Lưu** có 5 pháp chủ năng lực trung bình, nên còn phải tái sinh làm người hoặc làm chư thiên từ 2-3-5 kiếp nữa, mới có thể chứng đắc Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán rồi tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt sự tử sinh luân hồi trong tam giới.

- *Ekabījīsotāpanna*: **Bậc Thánh Nhập Lưu** có 5 pháp chủ năng lực mạnh, nên chỉ còn tái sinh làm người hoặc làm chư thiên 1 kiếp nữa. Ngay trong kiếp ấy, sẽ chứng đắc Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán rồi tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt sự tử sinh luân hồi trong tam giới.

* **Bậc Thánh Nhập Lưu tái sinh hơn 7 kiếp** [2]

Trường hợp ngoại lệ, có 7 vị Thánh Nhập Lưu tái sinh hơn 7 kiếp như sau:

Phụ hộ Anāthapi□□ika
Bà Visākhā mahā upāsikā
Chư thiên Cullaratha
Chư thiên Mahāratha
Chư thiên Anekava□□a
Chư thiên Nāgadatta
Đức vua trời Sakka

Bảy vị Thánh Nhập Lưu này có phát nguyện, muốn hưởng sự an lạc trong các cõi trời từ dục giới đến các cõi trời sắc giới phạm thiên tột đỉnh: **Sắc cứu cánh thiên** (*Akani□□ha*), mới chứng đắc Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán, rồi tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt sự khổ tử sinh luân hồi ngay trong cõi sắc giới phạm thiên tột đỉnh ấy.

2. **Quả báu của bậc Thánh Nhất Lai**

Bậc Thánh Nhất Lai là bậc Thánh đã diệt đoạn tuyệt được *tâm sân loại thô*. Trong kiếp hiện tại, bậc Thánh Nhất Lai không còn khổ do bởi tâm sân loại thô nữa. Bậc Thánh Nhất Lai chỉ còn tái sinh làm người hoặc làm chư thiên 1 kiếp nữa. Ngay trong kiếp ấy sẽ chứng đắc Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán, rồi tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt sự tử sinh luân hồi trong tam giới.

3. **Quả báu của bậc Thánh Bất Lai**

Bậc Thánh Bất Lai là bậc Thánh đã diệt đoạn tuyệt được *tâm tham không hợp tà kiến cõi dục giới* và *tâm sân loại vi tế*. Trong kiếp hiện tại, bậc Thánh Bất Lai không còn khổ do bởi tâm tham trong cõi dục giới và tâm sân nữa. Bậc Thánh Bất Lai không còn tái sinh trở lại cõi dục giới, chỉ tái sinh lên cõi sắc giới. Nếu chứng đắc đệ tứ thiên sắc giới, thì sẽ tái sinh lên tầng trời sắc giới Tịnh Cư Thiên.

* **Bậc Thánh Bất Lai có 5 hạng**

- *Antarāparinibbāyī*: **Bậc Thánh Bất Lai** chưa đến một nửa tuổi thọ của cõi sắc giới phạm thiên ấy, sẽ chứng đắc Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh

Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán, rồi tịch diệt Niết Bàn tại cõi sắc giới ấy, chấm dứt tử sinh luân hồi trong tam giới.

- *Upahaccaparinibbāyī*: **Bậc Thánh Bất Lai** quá một nửa tuổi thọ của cõi sắc giới phạm thiên ấy, sẽ chứng đắc Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán, rồi tịch diệt Niết Bàn tại cõi sắc giới ấy, chấm dứt tử sinh luân hồi trong tam giới.

- *Asaṅkhāraparinibbāyī*: **Bậc Thánh Bất Lai** không cần phải tinh tấn nhiều, cũng chứng đắc Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán, rồi tịch diệt Niết Bàn, tại cõi sắc giới ấy, chấm dứt tử sinh luân hồi trong tam giới.

- *Saṅkhāraparinibbāyī*: **Bậc Thánh Bất Lai** cần phải tinh tấn nhiều, mới chứng đắc Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán, rồi tịch diệt Niết Bàn, tại cõi sắc giới ấy, chấm dứt tử sinh luân hồi trong tam giới.

- *Uddhaṅsoto akaniṅṅahagāmī*: **Bậc Thánh Bất Lai** khi hết tuổi thọ trong cõi trời sắc giới tầng thấp, tuần tự tái sinh từng trời sắc giới tầng cao, cho đến tầng trời sắc giới *Akaniṅṅaha* tột đỉnh, sẽ chứng đắc Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán, rồi tịch diệt Niết Bàn, tại cõi trời sắc giới *Akaniṅṅaha* ấy, chấm dứt tử sinh luân hồi trong tam giới.

4. Quả báu của bậc Thánh Arahán

Bậc Thánh Arahán là bậc Thánh đã diệt đoạn tuyệt được hoàn toàn tất cả *mọi tham ái, mọi phiền não, mọi ác pháp* không còn dư sót. Trong kiếp hiện tại bậc Thánh Arahán hoàn toàn không còn khổ tâm do bởi phiền não, chỉ còn khổ thân do quả của nghiệp mà thôi. Ngay kiếp hiện tại, bậc Thánh Arahán đến khi hết tuổi thọ, sẽ tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt tử sinh luân hồi trong tam giới.

* **Bậc Thánh Arahán có nhiều hạng:**

- **Bậc Thánh Arahán Tevijja**: Bậc Thánh Arahán có Tam Minh: *Túc mạng minh, Thiên nhãn minh, và Lưu tận minh.*

- **Bậc Thánh Arahán Cha** □ *abhiñña*: Bậc Thánh Arahán có Lục thông: *Thần túc thông, nhãn thông, nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông và lậu tận thông*.

- **Bậc Thánh Arahán Catupa** □ *isambhidappabheda*: Bậc Thánh Arahán có Tứ Tuệ Phân Tích: *Nghĩa (nhân) phân tích, pháp (quả) phân tích, ngôn ngữ phân tích và ứng đối phân tích*.

- **Bậc Thánh Arahán Ubhatobhāgavimutta**: Bậc Thánh Arahán giải thoát bằng 2 pháp hành: *Thiền định chứng đắc 4 bậc thiền vô sắc giới và thiền tuệ chứng đắc Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả*.

- **Bậc Thánh Arahán Paññāvimutta**: Bậc Thánh Arahán giải thoát bằng pháp hành thiền tuệ chứng đắc Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả...

Các bậc Thánh Arahán có sự khác biệt nhau về trí tuệ, thần thông trong kiếp hiện tại; song đến khi hết tuổi thọ, tịch diệt Niết Bàn rồi, đều chấm dứt mọi cảnh khổ tử sinh luân hồi trong tam giới, thì hoàn toàn không có sự khác biệt nhau nữa.

108 BẬC THÁNH

Trong bài kinh *Ratanasutta*, có bài kệ bắt đầu bằng câu:

“*Ye puggalā a□□hasata□ pasatthā...*”.

(*108 bậc Thánh Nhân mà chư bậc thiện trí đều tán dương ca tụng...*).

Cách tính 108 bậc Thánh Nhân:

1- Thánh Đạo có 4 bậc, mỗi Thánh Đạo nhân với 2 phận sự [3] thành 8 bậc Thánh Đạo.

2- Thánh Quả có 4 bậc, mỗi bậc Thánh Quả nhân với 4 pháp hành (*pa□ipadā*) [4], nhân với 2 phận sự (*dhura*) như sau:

Bậc Nhập Lưu Thánh Quả: Có 3 hạng nhân với 4 pháp hành, nhân với 2 phận sự thành 24 bậc Nhập Lưu Thánh Quả. ($3 \times 4 \times 2 = 24$)

Bậc Nhất Lai Thánh Quả: Có 3 hạng nhân với 4 pháp hành, nhân với 2 phận sự thành 24 bậc Nhất Lai Thánh Quả. ($3 \times 4 \times 2 = 24$)

Bậc Bất Lai Thánh Quả: Có 5 hạng nhân với 4 cõi Tịnh Cư Thiên bậc thấp rồi cộng với 4 bậc Bất Lai Thánh Quả cõi sắc cứu cánh thiên rồi nhân với 2 phận sự thành 48 bậc Bất Lai Thánh Quả. $(5 \times 4 + 4) \times 2 = 48$

Bậc Arahán Thánh Quả: Có 2 hạng nhân với 2 phận sự thành 4 bậc Thánh Arahán Thánh Quả. $(2 \times 2 = 4)$

Tổng cộng 4 bậc Thánh Đạo và 4 bậc Thánh Quả theo cách tính trên gồm có: $8 + 24 + 24 + 48 + 4 = 108$ bậc Thánh Nhân.

THỨ BẬC THÁNH NAM THANH VĂN GIÁC

Trong Phật giáo, bậc Thánh nam Thanh Văn Giác có 3 thứ bậc:

Bậc Thánh Thanh Văn Giác hạng thường (Pakatisāvaka).

Bậc Thánh Đại Thanh Văn Giác (Mahāsāvaka).

Bậc Thánh Tối Thượng Thanh Văn Giác (Aggasāvaka).

1- Bậc Thánh Thanh Văn Giác hạng thường như thế nào?

Muốn trở thành bậc Thánh Thanh Văn Giác hạng thường, vị Bồ Tát Thanh Văn Giác hạng thường ấy cần phải tạo đầy đủ *10 pháp hạnh ba-la-mật* [5] trong suốt khoảng thời gian *dưới 100 ngàn đại kiếp trái đất*. Vị Bồ Tát ấy có duyên lành đến hầu Đức Phật Chánh Đẳng Giác, hoặc bậc Thánh Thanh Văn Giác đệ tử của Đức Phật; vị Bồ Tát ấy có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, lắng nghe chánh pháp rồi tiến hành thiền tuệ dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả trở thành bậc Thánh Nhập Lưu; chứng đắc Nhất Lai Thánh Đạo - Nhất Lai Thánh Quả trở thành bậc Thánh Nhất Lai; chứng đắc Bất Lai Thánh Đạo - Bất Lai Thánh Quả trở thành bậc Thánh Bất Lai; chứng đắc Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả trở thành bậc Thánh Arahán. Mỗi bậc Thánh Nhân đã chứng đắc được Thánh Đạo - Thánh Quả nào hoàn toàn tùy thuộc vào năng lực ba-la-mật của vị ấy đã tạo trong những tiền kiếp.

Đức Phật *Gotama* có vô số bậc Thánh Thanh Văn Giác hạng thường.

2- Bậc Thánh Đại Thanh Văn Giác như thế nào?

Muốn trở thành bậc Thánh Đại Thanh Văn Giác, vị Bồ Tát Đại Thanh Văn Giác ấy cần phải tạo đầy đủ *10 pháp hạnh ba-la-mật* trong suốt khoảng thời gian *100 ngàn đại kiếp trái đất*. Vị Bồ Tát ấy chắc chắn có duyên lành đến

hầu Đức Phật Chánh Đẳng Giác, lắng nghe chánh pháp của Đức Phật, tiến hành thiền tuệ dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn trở thành bậc Thánh Arahán cùng với Tứ Tuệ Phân Tích, Lục thông... và đặc biệt có đức hạnh nào xuất sắc nhất trong hàng Thanh Văn Giác đệ tử của Đức Phật. Đó gọi là bậc Thánh Đại Thanh Văn Giác.

Trong dịp Đức Phật chủ trì tại hội chúng chư Thanh Văn Giác, Đức Phật tuyên dương vị Thánh Đại Thanh Văn Giác ấy về đức hạnh nào xuất sắc nhất trong các hàng Thanh Văn Giác đệ tử, đúng theo sở nguyện của vị Thánh Đại Thanh Văn Giác ấy, đã phát nguyện và đã được Đức Phật Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ thọ ký.

Đức Phật *Gotama* có 80 vị Thánh Đại Thanh Văn Giác.

3- Bậc Thánh Tối Thượng Thanh Văn Giác như thế nào?

Muốn trở thành bậc Thánh Tối Thượng Thanh Văn Giác, vị Bồ Tát Tối Thượng Thanh Văn Giác ấy cần phải tạo đầy đủ *10 pháp hạnh ba-la-mật* trong suốt khoảng thời gian *1 a-tăng-kỳ* và *100 ngàn đại kiếp trái đất*. Vị Bồ Tát ấy chắc chắn có duyên lành đến hầu Đức Phật Chánh Đẳng Giác, lắng nghe chánh pháp của Đức Phật, tiến hành thiền tuệ dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn trở thành bậc Thánh Arahán cùng với Tứ Tuệ Phân Tích, Lục thông... và đặc biệt có đức hạnh, *trí tuệ* hoặc *thần thông* xuất sắc nhất trong các hàng Thanh Văn Giác đệ tử.

Trong dịp Đức Phật chủ trì cuộc Đại hội Thánh Tăng, Ngài tuyên dương vị Thánh Tối Thượng Thanh Văn Giác ấy giữa chư Thánh Thanh Văn Giác đệ tử của Đức Phật, đúng theo sở nguyện của vị Thánh Tối Thượng Thanh Văn Giác ấy, đã phát nguyện và đã được Đức Phật Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ thọ ký.

Đức Phật *Gotama* có 2 vị Thánh Tối Thượng Thanh Văn Giác là:

- Ngài Đại đức *Sāriputta* có trí tuệ xuất sắc nhất trong hàng Thánh Thanh Văn Giác.

- Ngài Đại đức *Māhāmagallāna* có thần thông xuất sắc nhất trong hàng Thánh Thanh Văn Giác.

THỨ BẬC THÁNH NỮ THANH VĂN GIÁC

Trong Phật giáo, bậc Thánh nữ Thanh Văn Giác có ba bậc:

Bậc Thánh nữ Thanh Văn Giác hạng thường (Pakatisāvikā).

Bậc Thánh nữ Đại Thanh Văn Giác (Mahāsāvikā).

Bậc Thánh nữ Tối Thượng Thanh Văn Giác (Aggasāvikā).

Người cận sự nữ phát nguyện trở thành một trong ba bậc Thánh nữ Thanh Văn Giác này, cách tạo 10 pháp hạnh ba-la-mật và sự phát nguyện cũng giống như những bậc Thánh nam Thanh Văn Giác.

Đức Phật *Gotama* có vô số vị Thánh nữ Thanh Văn Giác hạng thường.

Đức Phật *Gotama* có số vị Thánh nữ Đại Thanh Văn Giác không rõ, nhưng điều chắc chắn có 13 Thánh nữ Arahán, mỗi vị có đức hạnh đặc biệt xuất sắc nhất trong hàng Thánh nữ Thanh Văn Giác đệ tử của Đức Phật.

Đức Phật *Gotama* có 2 vị Thánh nữ Tối Thượng Thanh Văn Giác là:

- Ngài Đại đức *Tỳ khưu ni Khemā* là vị Thánh nữ Arahán Tối Thượng Thanh Văn Giác có trí tuệ đặc biệt xuất sắc nhất trong hàng Thánh nữ Thanh Văn.

- Ngài Đại đức *Tỳ khưu ni Uppalava□□ā* là vị Thánh nữ Arahán Tối Thượng Thanh Văn Giác có thần thông đặc biệt xuất sắc bậc nhất trong hàng Thánh nữ Thanh Văn Giác.

Vị Thánh nữ Tối Thượng Thanh Văn Giác bậc nào cũng đều do phát nguyện và đã được Đức Phật Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ thọ ký.

Thế nào gọi là chur phàm Tăng?

Chur Tăng là bậc Thanh Văn đệ tử của Đức Phật, quý Ngài đã lắng nghe chánh pháp của Đức Phật, rồi đang hành theo pháp hành giới-định-tuệ, mà chưa chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chưa chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả nào, vẫn còn là phàm nhân, do đó, gọi là *chur phàm Tăng* (*Puthujjanasa□gha*).

Chur Tăng có hai hạng

- *Paramatthasaṅgha*: Chư Tăng là bậc Thánh Nhân cao thượng.
- *Sammutisaṅgha*: Chư Tăng do chế định.

Chư Tăng là bậc Thánh Nhân cao thượng như thế nào?

Chư Tăng là bậc Thánh Nhân cao thượng, nghĩa là đã trở thành Thánh Nhân bậc cao, thì không bao giờ trở xuống Thánh Nhân bậc thấp, hoặc Thánh Nhân bậc thấp không bao giờ bị thoái hóa trở xuống thành hạng phàm nhân. Thật ra, chỉ có Thánh Nhân bậc thấp tiến hóa, chứng đắc thành Thánh Nhân bậc cao là bậc Arahán mà thôi.

Do đó, chư Thánh Tăng là bậc Thánh Nhân cao thượng.

Chư Tăng do chế định như thế nào?

Chư Tỳ khuru này được thành tựu do chư Tăng làm lễ ***hành tăng sự*** nâng đỡ lên thành Tỳ khuru. Vị Tỳ khuru này vẫn còn là hạng phàm nhân, chưa phải Thánh Nhân. Chư Tỳ khuru này hành giới giống như bậc Thánh Tăng và cũng hành tăng sự chung với bậc Thánh Tăng.

Nhóm Tỳ khuru thuộc phạm Tăng này có thể tiến hóa trong pháp học Phật giáo, pháp hành Phật giáo, tiến hành thiền tuệ để chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn trở thành bậc Thánh Nhân cao thượng. Và ngược lại, nhóm Tỳ khuru phàm nhân này cũng có thể thoái hóa trong Phật giáo, hoàn tục trở lại đời sống người tại gia cư sĩ. Do đó, chư phạm Tăng do chế định khác với chư Thánh Tăng là bậc Thánh Nhân cao thượng.

CÁCH THỨC THỌ TỖ KHURU

Trong Phật giáo, Đức Phật đã chế định ra 8 cách thức thọ Tỳ khuru *Upasampadā*.

*** Đối với Tỳ khuru có 5 cách như sau:**

- *Ehi Bhikkhūpasampadā*: Thọ Tỳ khuru bằng cách Đức Phật gọi “*Ehi Bhikkhu*”.
- *Saraṅgamanūpasampadā*: Thọ Tỳ khuru bằng cách thọ phép quy y Tam Bảo.

- *Ovādapaṅgigahaṅūpasampadā*: Thọ Tỳ khuru bằng cách thọ nhận lời giáo huấn của Đức Phật.

- *Pañhābyākaraṅūpasampadā*: Thọ Tỳ khuru bằng cách trả lời đúng câu hỏi của Đức Phật.

- *Ñatticatutthakammūpasampadā*: Thọ Tỳ khuru bằng cách tụng 1 lần *Ñatti* (Tuyên ngôn) và tiếp theo tụng 3 lần *Kammavācā* (Thành sự ngôn).

*** Đối với Tỳ khuru ni có 3 cách như sau:**

- *Garudhammapaṅgigahaṅūpasampadā*: Thọ Tỳ khuru ni bằng cách thọ nhận 8 trọng pháp.

- *Dūtenūpasampadā*: Thọ Tỳ khuru ni bằng cách nhờ qua người đại diện.

- *Aṅgahavācikūpasampadā*: Thọ Tỳ khuru ni bằng cách hành tăng sự giữa chư Tăng phái: Tỳ khuru ni Tăng trước, Tỳ khuru Tăng sau, mỗi phái tụng một lần *Ñatti* và 3 lần *Kammavācā*, trở thành 8 lần tụng (*aṅgahavācika*).

Giải Thích:

*** THỌ TỖ KHUU (*BHIKKHU UPASAMPADĀ*):**

Đức Phật chế định ban hành phép xuất gia trở thành Tỳ khuru có 5 cách:

1- Ehi Bhikkhūpasampadā như thế nào?

Người cận sự nam (hoặc đạo sĩ, tu sĩ ngoại đạo) sau khi nghe Đức Phật thuyết pháp, phát sinh đức tin trong sạch nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, muốn thọ Tỳ khuru; người cận sự nam ấy đến hầu Đức Phật, đánh lễ xin Đức Phật cho phép thọ Tỳ khuru. Đức Phật dùng Phật nhãn quán xét đến tiền kiếp người cận sự nam ấy, và thấy rõ rằng: “Người cận sự nam ấy là người có ba-la-mật đầy đủ, nhất là hạnh bố thí ba-la-mật, đã từng bố thí 8 thứ vật dụng của Sa môn (tam y, quả bát, dây thắt lưng, dao cạo tóc, ống kim chỉ và đồ lọc nước), và đã phát nguyện trở thành Ehi Bhikkhu”.

Do đó, khi Đức Phật đưa bàn tay phải, chỉ bằng ngón trỏ truyền dạy rằng:

“*Ehi Bhikkhu! Svākkhāto dhammo cara brahmacariyaṅ sammā dukkhassa antakiriya*”.

“Con hãy đến với Như Lai! Con trở thành Tỳ khuru theo ý nguyện! Chánh pháp mà Như Lai đã thuyết giảng hoàn hảo ở phần đầu, phần giữa, phần cuối; con hãy nên cố gắng tinh tấn thực hành phạm hạnh cao thượng để chứng đắc Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả, để chấm dứt sự khổ tử sinh luân hồi”.

Khi Đức Phật truyền dạy vừa dứt lời, ngay tức thì, người cận sự nam ấy (hoặc đạo sĩ, tu sĩ ngoại đạo) trở thành Tỳ khuru, có đầy đủ 8 thứ vật dụng của Sa môn, được thành tựu là do quả của phước thiện (thần thông) của mình, vị Tỳ khuru có tăng tướng trang nghiêm, ngũ căn thanh tịnh, như một vị Tỳ khuru 60 hạ.

Như vậy gọi là thọ Tỳ khuru bằng cách gọi: *Ehi Bhikkhūpasampadā*.

Đại Đức *Aññasi Koñña* là vị đầu tiên thọ Tỳ khuru bằng cách gọi “*Ehi Bhikkhu*”, cũng là vị Tỳ khuru đầu tiên trong giáo pháp của Đức Phật *Gotama*, và tiếp theo tuần tự các Ngài *Vappa*, Ngài *Bhaddiya*, Ngài *Mahānāma*, và Ngài *Assaji* cũng đều thọ Tỳ khuru bằng cách gọi: “*Ehi Bhikkhu*”.

Chỉ có **Đức Phật** mới có khả năng cho phép giới tử thọ Tỳ khuru bằng cách gọi “*Ehi Bhikkhu*” mà thôi. Ngoài ra, chư bậc Thánh Thanh Văn không có oai lực cho thọ Tỳ khuru theo cách ấy.

Đức Phật *Gotama* cho phép giới tử thọ Tỳ khuru bằng cách gọi “*Ehi Bhikkhu*” tất cả gồm có 28.647 vị Tỳ khuru.

- **Trong Luật Tạng** có 1.344 vị như sau:

Nhóm *Pañcavaggī*: 5 vị

Đại Đức *Yasa* và bạn hữu: 56 vị

Nhóm *Bhaddavaggī* anh em và bạn hữu: 1.030 vị

Nhị vị *Aggasāvaka* và nhóm đệ tử: 252 vị

Đại Đức *Añgulimāla*: 1 vị

- **Trong Kinh Tạng** có 27.303 vị như sau:

Bàlamôn *Sela* và nhóm đệ tử: 301 vị

Đức vua *Mahākappina* và các quan cận thần: 1.001 vị

Dân thành *Kapilavatthu*: 10.000 vị

Bàlamôn *Pārāyanika* và nhóm đệ tử: 16.001 vị

Gồm có tất cả 28.647 vị Tỳ khuru *Ehi Bhikkhu*.

2- *Sara*□*agamanūpasampadā* **như thế nào?**

Chư bậc Thánh Tăng(mỗi vị một con đường) đi khắp nơi thuyết pháp để tế độ chúng sinh, nếu có người cận sự nam nào có đức tin trong sạch nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, có ý nguyện muốn thọ Tỳ khuru, thì Đức Phật cho phép chư bậc Thánh Tăng rằng:

“Anujānāmi bhikkhave, imehi tīhi sara□*agamanehi pabbajja*□*upasampada*□” [6].

“Này chư Tỳ khuru, Như Lai cho phép thọ Sadi, Tỳ khuru bằng cách cho thọ phép quy y Tam Bảo”.

Giới tử thọ Sadi, Tỳ khuru trước tiên phải cạo tóc, râu, mặc y cà sa màu lõi mít, để chừa vai bên phải, ngồi chồm hổm, chắp 2 tay để trên trán xin thọ phép quy y Tam Bảo: **“Quy y Phật Bảo, Quy y Pháp Bảo, Quy y Tăng Bảo”**, bằng tiếng *Pā*□*i*, đọc theo vị Thầy tế độ như sau:

Buddha□*sara*□*a*□*gacchāmi*.
Dhamma□*sara*□*a*□*gacchāmi*.
Sa□*gha*□*sara*□*a*□*gacchāmi*.

Dutiyampi, Buddha□*sara*□*a*□*gacchāmi*.
Dutiyampi, Dhamma□*sara*□*a*□*gacchāmi*.
Dutiyampi, Sa□*gha*□*sara*□*a*□*gacchāmi*.

Tatīyampi, Buddha□*sara*□*a*□*gacchāmi*.
Tatīyampi, Dhamma□*sara*□*a*□*gacchāmi*.
Tatīyampi, Sa□*gha*□*sara*□*a*□*gacchāmi*.

Khi người giới tử nào thọ phép quy y Tam Bảo xong, người giới tử ấy trở thành Tỳ khuru.

Đó gọi là thọ Tỳ khuru bằng cách thọ phép quy y Tam Bảo.

3- *Ovādapa*□*iggaha*□*ūpasampadā* **như thế nào?**

Đức Phật giáo huấn Đại Đức Mahākassapa 3 điều rằng:

- “Trong Phật giáo này, này Kassapa, con nên thực hành rằng: trước tiên con nên có tâm hổ thẹn tội lỗi và ghê sợ tội lỗi đối với vị cao hạ, vị bằng hạ, vị nhỏ hạ.

- Trong Phật giáo này, này Kassapa, con nên thực hành rằng: con nên lắng nghe chánh pháp, nên cung kính mọi chánh pháp ấy, ghi nhớ đầy đủ mọi chánh pháp ấy.

- Trong Phật giáo này, này Kassapa, con nên thực hành rằng: con nên tiến hành đề mục niệm thân”.

Khi Đại Đức Mahākassapa thọ nhận 3 điều giáo huấn của Đức Phật, chính là sự thành tựu thọ Tỳ khuru của Ngài.

Đó gọi là trường hợp thọ Tỳ khuru bằng cách thọ nhận lời giáo huấn của Đức Phật.

Đây là trường hợp đặc biệt chỉ riêng cho Ngài Đại Đức Mahākassapa mà thôi.

4- Pañhābyākara □ ūpasampadā như thế nào?

Tại chùa *Pubbārāma*, Đức Phật đang ngự đi kinh hành, khi ấy Sadi tên là *Sopāka* đến hầu Đức Phật. Đức Phật bèn hỏi Sadi *Sopāka* câu hỏi liên quan đến đề mục *asubha* “bất tịnh” rằng:

“*Uddhamātakasaññā ’ti vā Sopāka, rūpasaññā ’ti vā ime dhammā nānatthā nānā byañjanā, udahu ekatthā byañjanameva nānā...*”

“Này *Sopāka*, niệm tưởng tử thi 2-3 ngày sinh lên hoặc niệm tưởng sắc pháp, hai pháp này nghĩa khác nhau, danh từ gọi khác nhau? Hay nghĩa giống nhau, danh từ gọi khác nhau?”.

Vị Sadi *Sopāka* mới lên 7 tuổi, bạch với Đức Phật rằng:

“*Uddhamātakasaññā ’ti vā Bhagavā rūpasaññā ’ti vā ime dhammā ekatthā byañjanameva nānā....*”

“Kính bạch Đức Thế Tôn, niệm tưởng tử thi 2-3 ngày sinh lên hoặc niệm tưởng sắc pháp, nghĩa giống nhau, chỉ có danh từ gọi khác nhau. Bạch Ngài”.

Đức Phật hài lòng câu trả lời của Sadi *Sopāka*, nên Ngài cho phép Sadi *Sopāka* trở thành Tỳ khuru.

Đó gọi là thọ Tỳ khuru bằng cách trả lời đúng câu hỏi của Đức Phật.

Đây là trường hợp đặc biệt chỉ riêng cho vị *Sopāka* mà thôi.

5- *Ñatticatutthakammūpasampadā* như thế nào?

Giáo pháp của Đức Phật càng ngày càng phát triển, Tỳ khuru càng ngày càng đông. Cho nên, Đức Phật bỏ cách thọ Tỳ khuru bằng cách thọ phép quy y Tam Bảo rằng:

“*Yā sā bhikkhave, mayā tīhi saraṃ agamanehi upasampadā anuññatā, taṃ ajjatagge paṃ ikkhipāmi. Anujānāmi bhikkhave, ñatticatutthena kammaena upasampādetuṃ*” [7].

“*Này chư Tỳ khuru, Như Lai đã cho phép thọ Tỳ khuru bằng cách thọ Tam quy, kể từ nay về sau, Như Lai bỏ cách thọ Tỳ khuru ấy.*”

Này chư Tỳ khuru, Như Lai cho phép thọ Tỳ Khuru bằng cách tụng một lần Ñatti (Tuyên ngôn) và tiếp theo tụng 3 lần Kammavācā (Thành sự ngôn), gọi là ñatticatuttha- kammavācā”.

Cách thọ Tỳ khuru này bắt đầu từ **Đại đức Rādha** và được lưu truyền mãi cho đến ngày nay.

Hiện nay, trong các nước Phật giáo theo truyền thống *Theravāda*, như các nước Tích Lan (*Srilankā*), nước Miến Điện (*Myanmar*), nước Thái Lan, nước Campuchia, nước Lào Phật giáo Nguyên Thủy *Theravāda Việt Nam*... mặc dầu mỗi nước có ngôn ngữ khác nhau, song tất cả đều căn cứ theo *Tạng Luật Pāṃi* làm cơ bản. Cho nên các nước Phật giáo Theravāda vẫn cố gắng giữ gìn, duy trì y nguyên theo truyền thống *thọ Sadi theo cách thọ phép quy y Tam Bảo bằng tiếng Pāṃi*, vị Thầy tế độ hướng dẫn thọ phép quy y Tam Bảo, giới tử thọ phép quy y Tam Bảo, cả hai bên đều phải phát âm từng chữ, từng câu, đúng theo văn phạm *Pāṃi* gọi là “*Ubhato suddhi*”.

Và nghi thức **thọ Tỳ khuru**, chư Tỳ khuru Tăng từ 5 vị trở lên hội họp tại nơi *Sīmā*. Có 2 hoặc 3 vị Tỳ khuru luật sư tụng *ñatticatutthakammavācā*: Tụng một lần *Ñatti (Tuyên ngôn)* và tiếp theo tụng 3 lần *Kammavācā (Thành sự ngôn)*, phải phát âm từng chữ, từng câu đúng theo văn phạm *Pāṃi*.

Đó gọi là thọ Tỳ khuru bằng cách tụng *ñatticatutthakammavācā*.

Ngoài cách thọ Tỳ khuru này ra, còn lại tất cả mọi cách **hành Tăng sự** (*Saṅghakamma*) khác, chư Tỳ khuru Tăng hội họp tại *Sīmā* cũng tụng *ñattikammavācā* bằng tiếng *Pāṭi*, hầu như giống hệt nhau, kể cả tụng những bài kinh *Parittapāṭi* nữa.

Đây là đặc tính của các nước Phật giáo theo truyền thống *Theravāda*, bởi vì các nước này đều căn cứ y theo Tam Tạng *Pāṭi* làm nền tảng cơ bản chính.

THỌ TỖ KHUU NI (*BHIKKHUNĪ UPASAMPADĀ*)

Đức Phật chế định ban hành phép thọ Tỳ khuru ni có 3 cách:

1- *Garudhammapaṭiggahaṭūpasampadā* như thế nào?

Thời kỳ Đức Phật ngự tại tịnh xá trong khu rừng lớn thuộc xứ *Vesālī*, bà *Mahāpajāpatigotamī* cùng nhóm 500 cận sự nữ dòng *Sakya* đứng trước cổng Tịnh xá buồn tủi khóc than, vì Đức Phật không cho phép phái nữ thọ Tỳ khuru ni.

Đại Đức *Ānanda* nhìn thấy tình cảnh thật đáng thương như vậy, nên Ngài vào xin với Đức Phật cho phép phái nữ được thọ Tỳ khuru ni. Đức Phật truyền dạy: “*Nếu dì mẫu Mahāpajāpatigotamī chấp thuận thọ nhận 8 trọng pháp (garudhamma), thì đó là sự thọ Tỳ khuru ni, của dì mẫu*”.

Bà *Mahāpajāpatigotamī* cung kính chấp thuận, thọ nhận 8 trọng pháp mà Đức Phật đã chế định ban hành.

Đó là thọ Tỳ khuru ni bằng cách thọ nhận 8 trọng pháp.

Đây là trường hợp đặc biệt chỉ riêng cho **bà Mahāpajāpatigotamī** mà thôi. Đại Đức Tỳ khuru ni *Mahāpajāpatigotamī* là vị Tỳ khuru ni đầu tiên trong giáo pháp của Đức Phật *Gotama*.

2- *Dūtenūpasampadā* như thế nào?

Trường hợp cô *Aṅṅhakāsī*, trước khi thọ Tỳ khuru ni, cô là một kỹ nữ nổi tiếng. Nay nữ giới tử *Aṅṅhakāsī* đã thọ Tỳ khuru ni giữa Tỳ khuru ni Tăng rồi, nữ giới tử *Aṅṅhakāsī* chuẩn bị lên đường đi đến kinh thành *Sāvatti* để hầu Đức Phật và xin thọ phép thọ Tỳ khuru ni giữa Tỳ khuru Tăng. Cô hay tin

có một nhóm trai trẻ ăn chơi sẽ đón đường bắt cô. Do đó, cô không dám đi đến hầu Đức Phật, cô nhờ một người đại diện đến bạch với Đức Phật về sự khó khăn, trở ngại của cô trong việc đến xin phép thọ Tỳ khuru ni giữa Tỳ khuru Tăng. Đức Phật biết như vậy, nên đặc biệt cho phép cô rằng:

“*Anujānāmi bhikkhave, dūtena pi upasampadetu*□”.

“*Này chư Tỳ khuru, Như Lai cho phép nữ giới tử A□□hakāsī thọ Tỳ khuru ni bằng cách nhờ qua người đại diện*”.

Đó gọi là thọ Tỳ khuru ni bằng cách nhờ qua người đại diện.

Đây là trường hợp đặc biệt chỉ riêng cho **nữ giới tử A□□hakāsī** mà thôi.

3- *A□□havācīkūpasampadā* như thế nào?

Trước khi thọ Tỳ khuru ni, giới tử là *Sikkhāmānā* được tu tập giữ gìn 6 giới hoàn toàn trong sạch và tròn đủ suốt 2 năm (*nếu phạm giới nào, phải bắt đầu trở lại*). Khi giới tử *Sikkhāmānā* đủ 2 năm rồi, được phép thọ giới Tỳ khuru ni, gồm 2 giai đoạn:

Giai đoạn thứ nhất: Chư Tỳ khuru ni Tăng hội họp tại nơi *Sīmā* (*ranh giới Sīmā*), vị Tỳ khuru ni luật sư tụng một lần *Ñatti* (*Tuyên ngôn*) và tiếp theo tụng 3 lần *Kammavācā* (*Thành sự ngôn*), gọi là *ñatticatutthakammavācā*.

Giai đoạn thứ hai: Giới tử Tỳ khuru ni ấy đến trình chư Tỳ khuru Tăng hội họp tại nơi *Sīmā*, vị Tỳ khuru luật sư tụng 1 lần *Ñatti* (*Tuyên ngôn*) và tiếp theo tụng 3 lần *Kammavācā* (*Thành sự ngôn*), gọi là *ñatticatutthakammavācā*.

Như vậy, sự thọ Tỳ khuru ni phải hành Tăng sự giữa chư Tăng 2 phái: *Chư Tỳ khuru ni Tăng* và *chư Tỳ khuru Tăng*, mỗi phái đều tụng *ñatticatutthakammavācā*, gồm đủ 8 lần, gọi là *A□□havācīkūpasampadā*.

Cách thọ Tỳ khuru ni này áp dụng chung cho tất cả Tỳ khuru ni.

Trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế, bà *Mahāpajāpatigotamī* cùng nhóm 500 cận sự nữ dòng *Sakya* đến xin Đức Phật thọ Tỳ khuru ni. Đặc biệt bà *Mahāpajāpatigotamī* cung kính chấp thuận thọ nhận 8 trọng pháp của Đức Phật đã ban hành, đó là sự thọ Tỳ khuru ni của bà *Mahāpajāpatigotamī*. Còn nhóm 500 cận sự nữ dòng *Sakya*, Đức Phật cho phép thọ Tỳ khuru ni chỉ có

chư Tỳ khuru Tăng tụng 1 lần *Ñatti* (Tuyên ngôn) và tiếp theo tụng 3 lần *Kammavācā* (Thành sự ngôn), gọi là *ñatticatutthakammavācā*, bởi vì, khi ấy chưa có Tỳ khuru ni Tăng. Tất cả nhóm 500 cận sự nữ dòng *Sakya* trở thành Tỳ khuru ni.

Kể từ đó về sau, nghi thức thọ Tỳ khuru ni giữa chư Tăng 2 phái: Chư Tỳ khuru ni Tăng và chư Tỳ khuru Tăng, mỗi phái tụng *ñatticatutthakammavācā*, gồm đủ 8 lần.

Do đó, gọi là *A□□havācīkūpasampadā*.

Tám trọng pháp là:

1) Dầu Tỳ khuru ni có 100 hạ, cũng phải đứng dậy đón tiếp, chấp tay cung kính đảnh lễ Tỳ khuru vừa mới thọ Tỳ khuru trong ngày hôm ấy.

Đó là điều mà Tỳ khuru ni phải tôn trọng, cung kính thực hành theo cho đến trọn đời.

2) Tỳ khuru ni không nên an cư nhập hạ nơi chùa không có Tỳ khuru Tăng.

Đó là điều mà Tỳ khuru ni phải tôn trọng, cung kính thực hành theo cho đến trọn đời.

3) Tỳ khuru ni luôn luôn quan tâm 2 điều:

- Hồi ngày *Uposatha*: ngày lễ tụng giới bốn.

- Nghe lời giáo huấn của Tỳ khuru Tăng hằng nửa tháng một lần.

Đó là điều mà Tỳ khuru ni phải tôn trọng, cung kính thực hành theo cho đến trọn đời.

4) Tỳ khuru ni sau khi an cư nhập hạ xong, phải làm lễ *Pavāra□ā*: thỉnh mời giữa chư Tăng 2 phái “Tỳ khuru ni Tăng và Tỳ khuru Tăng”.

Đó là điều mà Tỳ khuru ni phải tôn trọng, cung kính thực hành theo cho đến trọn đời.

5) Tỳ khuru ni phạm tội nặng (*saṅghādisesa*), phải bị hành phạt *mānatta* suốt 15 ngày giữa chư Tăng 2 phái “Tỳ khuru ni Tăng và Tỳ khuru Tăng”.

Đó là điều mà Tỳ khuru ni phải tôn trọng, cung kính thực hành theo cho đến trọn đời.

6) Giới tử là *Sikkhāmānā* [8] đã thực tập 6 giới trong sạch và đầy đủ suốt 2 năm, rồi mới được làm lễ thọ Tỳ khuru ni giữa chư Tăng 2 phái “Tỳ khuru ni Tăng trước và Tỳ khuru Tăng sau”.

Đó là điều mà Tỳ khuru ni phải tôn trọng, cung kính thực hành theo cho đến trọn đời.

7) Tỳ khuru ni không được chửi rửa máng nhức Tỳ khuru Tăng trong bất cứ trường hợp nào.

Đó là điều mà Tỳ khuru ni phải tôn trọng, cung kính thực hành theo cho đến trọn đời.

8) Sau khi thọ Tỳ khuru ni rồi, cấm dạy Tỳ khuru Tăng, chỉ có Tỳ khuru dạy Tỳ khuru ni mà thôi.

Đó là điều mà Tỳ khuru ni phải tôn trọng, cung kính thực hành theo cho đến trọn đời.

Tỳ khuru đầu tiên và cuối cùng của Đức Phật

Đức Phật *Gotama* xuất hiện trên thế gian, Ngài thuyết pháp tế độ chúng sinh có duyên lành nên tế độ suốt 45 hạ (*năm: vassa*).

Vào ngày rằm tháng sáu (*âm lịch*), Đức Phật thuyết pháp bài kinh Chuyển Pháp Luân đầu tiên, tế độ nhóm 5 Tỳ khuru có Ngài *Koṭṭhanna* trưởng nhóm. Sau khi lắng nghe bài kinh này xong, chỉ có Ngài *Koṭṭhanna* là vị đầu tiên chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả và Niết Bàn trở thành bậc *Thánh Nhập Lưu (Sotapanna)* đầu tiên trong giáo pháp của Đức Phật *Gotama*. Ngài *Koṭṭhanna* xin Đức Phật cho phép thọ Sadi-Tỳ khuru.

Đức Phật cho phép Ngài Đại đức *Koṭṭhanna* thọ Tỳ khuru theo cách thức gọi “*Ehi Bhikkhu!*... khi Đức Phật vừa dứt lời, Ngài Đại đức *Koṭṭhanna* trở

thành Tỳ khuru có đầy đủ 8 thứ vật dụng của Tỳ khuru, có tăng tướng trang nghiêm, ngũ căn thanh tịnh như một vị Tỳ khuru có 60 hạ.

Như vậy, **Ngài Đại đức Koṅkaṇa** là vị Tỳ khuru Thánh Tăng đầu tiên trong giáo pháp của Đức Phật *Gotama*; đồng thời Tam Bảo: *Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo* đầy đủ trọn vẹn xuất hiện trên thế gian.

Từ đó, Đức Phật thuyết pháp tế độ chúng sinh suốt 45 năm, đến ngày rằm tháng tư (*âm lịch*), tại khu rừng *Kusinārā*, trước khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn, có vị Đạo sĩ ngoại đạo *Subhadda* đến hầu Đức Phật, xin phép hỏi những điều thắc mắc mà chưa tìm gặp một vị Đạo sư nào có thể giải đáp làm cho ông thỏa mãn được.

Đức Phật biết rõ vị Đạo sĩ *Subhadda* này có duyên lành với Ngài, chỉ có Ngài mới tế độ Đạo sĩ *Subhadda* được, nên Ngài đến khu rừng *Kusinārā* này để tịch diệt Niết Bàn, chờ tế độ Đạo sĩ *Subhadda* người đệ tử cuối cùng của Ngài.

Vị Đạo sĩ *Subhadda* bạch hỏi những điều hoài nghi, nhưng Đức Phật không trực tiếp giải đáp câu hỏi, mà Ngài thuyết giảng trong giáo pháp của Ngài, có pháp hành bát chánh đạo hợp đủ 8 chánh, nên mới có bậc Thánh thứ nhất mới là bậc Thánh Nhập Lưu, bậc Thánh thứ nhì là bậc Thánh Nhất Lai, bậc Thánh thứ ba là bậc Thánh Bất Lai và bậc Thánh thứ tư là bậc Thánh Arahán cao thượng nhất. Đạo sĩ *Subhadda* lắng nghe phát sinh đức tin trong sạch trong giáo pháp của Đức Phật, xin Đức Phật cho phép thọ Sadi - Tỳ khuru trong giáo pháp của Đức Phật.

Sau khi trở thành Tỳ khuru không lâu, vị Tỳ khuru *Subhadda* tiến hành thiền tuệ liền chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán trước khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn.

Như vậy, **Ngài Đại đức Subhadda** là vị Tỳ khuru cũng là bậc Thánh Arahán cuối cùng của Đức Phật *Gotama*.

*

Đức Tăng có hai hạng hiện hữu

- **Thánh Tăng** (*Ariyasaṅgha*)
- **Phàm Tăng** (*Puthujjanasaṅgha*)

1- Thánh Tăng là thế nào?

Thánh Tăng (Ariyasaṅgha) gồm có nhiều Tỳ khuru *Thánh Nhân (Ariyabhikkhu)*, đã diệt đoạn tuyệt được phiền não, tham ái, ác pháp... tùy theo khả năng Thánh Đạo Tuệ của mỗi bậc Thánh Nhân.

Tỳ khuru Thánh Nhân có 4 bậc

Tỳ khuru Thánh Nhập Lưu mới là bậc Thánh thứ nhất đã diệt đoạn tuyệt được hai loại phiền não: *tà kiến, hoài nghi*, và các pháp khác liên quan đến tà kiến và hoài nghi.

Tỳ khuru Thánh Nhất Lai là bậc Thánh thứ nhì đã diệt đoạn tuyệt được một loại phiền não *sân loại thô* và các ác pháp khác liên quan đến tâm sân loại thô.

Tỳ khuru Thánh Bất Lai là bậc Thánh thứ ba đã diệt đoạn tuyệt được một loại phiền não *sân loại vi tế* và các ác pháp khác liên quan đến tâm sân loại vi tế.

Tỳ khuru Thánh Arahán là bậc Thánh thứ tư đã diệt đoạn tuyệt được tất cả mọi phiền não còn lại là *tham, si, ngã mạn, phóng tâm, buồn ngủ, không biết hổ thẹn tội lỗi, không biết ghê sợ tội lỗi*; tất cả mọi tham ái và tất cả mọi ác pháp không còn dư sót.

2- Phàm Tăng là thế nào?

Phàm Tăng (Puthujjanasaṅgha) gồm có nhiều Tỳ khuru *phàm nhân (puthujjana)* từ 4 - 5 vị trở lên, chưa diệt đoạn tuyệt được phiền não, tham ái, ác pháp nào.

Phàm nhân có hai hạng:

Andhaputhujjana: Phàm nhân tối trí là người không có trí tuệ, không học hỏi nghiên cứu các pháp học như Tứ Niệm Xứ, Tứ Thánh Đế, ngũ uẩn, 12 xứ, 18 giới v.v...

Kalyāṅaputhujjana: Phàm nhân sáng trí, là người có trí tuệ sáng suốt học hỏi nghiên cứu các pháp học như Tứ Niệm Xứ, Tứ Thánh Đế, ngũ uẩn, 12 xứ, 18 giới v.v...

Khả năng bậc Thánh Nhân

Chư bậc Thánh Nhân đã chứng đắc bậc Thánh bằng nhau, có khả năng biết lẫn nhau, qua cuộc đàm đạo với nhau, hoặc bằng tha tâm thông của bậc Thánh Nhân.

Chư Thánh bậc thấp không có khả năng biết chư Thánh bậc cao, mà chỉ có chư Thánh bậc cao có khả năng biết chư Thánh bậc thấp mà thôi.

Tất cả mọi hạng phàm nhân hoàn toàn không có khả năng biết đến chư Thánh Nhân; bởi vì, muốn biết chư Thánh Nhân phải biết bằng *tuệ nhãn* (*paññācakkhu*), không phải thấy bằng *mắt thường* (*maññāsacakkhu*) hoặc trí tuệ của hạng phàm nhân.

-ooOoo-

ĐỨC TĂNG SUY ĐÒI

Sau khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn, trải qua thời gian lâu dài về sau, pháp thành Phật giáo dần bị mai một, bị suy đồi; pháp hành Phật giáo cũng dần dần bị mai một, bị suy đồi; pháp học Phật giáo cũng dần dần bị mai một, bị suy đồi. Cho nên, trải qua thời gian lâu dài về sau, Đức Tăng cũng dần dần bị mai một, bị suy đồi.

Theo lịch sử Phật giáo *Theravāda*, kỳ kết tập Tam Tạng và Chú giải *Pāṭi* lần thứ tư tại đảo quốc *Srilankā*, Phật lịch 450 năm sau khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn, chư Tỳ khưu Tăng và chư Tỳ khưu ni Tăng vẫn còn rất đông. Đến khoảng Phật lịch 500 năm, Tỳ khưu ni không còn nữa; còn chư Tỳ khưu Tăng phần đông trên các nước Myanmar, nước Thái Lan, nước *Srilankā*, nước Lào, nước Campuchia, Phật giáo Nguyên thủy *Theravāda* tại Việt Nam v.v...

Theo thời gian lâu dài về sau, chư Tỳ khưu càng ngày càng kém đức tin nơi Tam Bảo, kém trí tuệ hiểu biết trong Phật giáo; đó là nguyên nhân làm cho pháp thành Phật giáo bị mai một, bị suy đồi; pháp hành Phật giáo bị mai một, bị suy đồi; và pháp học Phật giáo bị mai một, bị suy đồi dần dần. Mặc dù Tạng Vi Diệu Pháp và Tạng Kinh bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn, chỉ còn Tạng Luật, thì Phật giáo vẫn chưa bị mai một, chưa bị suy đồi. Đến khi Tạng Luật bắt đầu bị mai một, bị suy đồi dần dần, mà chư Tỳ khưu Tăng vẫn

còn hành tăng sự (*Saṅghakamma*) trong những ngày giới *uposathakamma* hằng tháng, và hành tăng sự lễ thọ Tỳ khuru v.v... thì **Đức Tăng vẫn chưa bị mai một, chưa bị suy đồi**.

Theo quá trình diễn tiến của thời gian, chư Tỳ khuru càng ngày càng giảm dần đức tin nơi Tam Bảo, cho nên có số Tỳ khuru không tôn trọng tất cả mọi điều giới luật mà Đức Phật đã chế định và ban hành đến chư Tỳ khuru; số Tỳ khuru ấy không nghiêm chỉnh giữ gìn đầy đủ mọi điều giới của Tỳ khuru, bởi coi thường các giới nhẹ (*lahuka āpatti*). Số Tỳ khuru ấy, phạm giới ác khẩu (*dubbhāsita āpatti*), phạm giới tác ác (*dukkaṅka āpatti*) rồi dần dần phạm giới *pācittiya* (*pācittiya āpatti*), cho đến phạm giới trọng (*thullaccaya āpatti*). Những giới điều này thuộc về giới nhẹ, bởi vì khi vị Tỳ khuru nào đã phạm giới này, vị Tỳ khuru ấy có thể sám hối với một vị Tỳ khuru khác được. Sau khi đã sám hối xong, vị Tỳ khuru ấy có giới trong sạch trở lại.

Theo tuần tự thời gian lâu dài về sau, Tỳ khuru phạm giới nặng (*garuka āpatti*). Giới nặng có hai giới: Giới *Saṅghādisesa* (giới Tăng tàn) và giới *Pārājika* (giới bất cộng trụ).

- Nếu vị Tỳ khuru nào đã phạm giới *Saṅghādisesa* (*Saṅghādisesa āpatti*), thì vị Tỳ khuru ấy tuy vẫn còn phạm hạnh Tỳ khuru, nhưng vị Tỳ khuru ấy đã phạm giới mà không thể sám hối được. Bởi vì giới *Saṅghādisesa* này thuộc về giới nặng, nên vị Tỳ khuru ấy phải chịu hành phạt theo luật mà Đức Phật đã chế định và ban hành đến chư Tỳ khuru.

- Nếu vị Tỳ khuru nào phạm giới *pārājika* (*Pārājika āpatti*), thì vị Tỳ khuru ấy mất phạm hạnh Tỳ khuru, phải hoàn tục trở lại người cận sự nam tại gia, hoặc có thể trở xuống bậc thấp, thành vị Sadi suốt đời, không bao giờ thọ Tỳ khuru được nữa.

Về sau, Tăng Luật bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn, chư Tỳ khuru phàm nhân không còn hiểu biết về giới luật, về cách hành tăng sự... Chư Tỳ khuru ấy có những hành vi cử chỉ, nói năng biểu hiện ra nơi thân và khẩu không làm cho người khác phát sinh đức tin. Chư Tỳ khuru ấy không hiểu biết về thiện pháp, không hành thiện pháp, mà hành ác pháp do bởi phiền não, tham ái; tạo nên nghiệp ác do thân, khẩu ý; tự làm khổ mình, làm khổ người khác, làm khổ chúng sinh khác.

Trong thời vị lai, chư Tỳ khuru chỉ còn là cái tên gọi “**Bhikkhu: Tỳ khuru**”, mà không có giới của Tỳ khuru, mặc y nhuộm không đúng màu, theo Đức Phật đã chế định. Trải qua thời gian sau nữa, may y vai trái mặc choàng

phần trên thân, y nội mặc che phần dưới thân từ lỗ rún trở xuống, không còn cắt ra thành 5 hoặc 7 điều như luật Đức Phật đã chế định, chỉ may tấm vải dính lại để mặc.

Khi chư Tỳ khuru đi khát thực, không ôm bát đàng hoàng, mà chỉ cầm cái bát bằng bàn tay, giống như nhóm ngoại đạo hành khát xin ăn.

Tiếp theo thời gian sau nữa, chư Tỳ khuru ấy nghĩ rằng: “*Lợi ích gì chúng ta mặc tấm vải y lớn này, ta chỉ cần cắt một mảnh y nhỏ quấn vào cổ, hoặc cột vào cổ tay, hoặc quấn trên đầu để thuận tiện làm công việc nuôi sống gia đình*”.

Tuy vậy, Đức Phật dạy Đại đức *Ānanda* rằng:

- *Này Ānanda, trong thời vị lai sẽ có hạng người được gọi là Tỳ khuru “Bhikkhu” còn mảnh y nhỏ quấn cổ, hoặc cột ở cổ tay là người phạm giới, hành ác pháp; nhưng thí chủ có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, có tác ý thiện tâm làm phước thiện bố thí cúng dường đến chư Tỳ khuru Tăng, dầu trong số Tỳ khuru không có giới ấy.*

Này Ānanda, sự làm phước thiện bố thí sự cúng dường đến chư Tỳ khuru Tăng trong thời vị lai ấy. Như Lai dạy rằng:

“Phước thiện bố thí ấy vẫn có quả báu vô lượng không sao kể xiết được”.

Như Lai không hề dạy trực tiếp hoặc gián tiếp rằng:

“Thí chủ làm phước thiện bố thí đến cá nhân thọ thí, được quả báu nhiều hơn làm phước bố thí đến chư Tỳ khuru Tăng thọ thí” [9].

Qua đoạn kinh trên Đức Phật dạy những thí chủ làm phước bố thí cúng dường, với tác ý thiện tâm nghĩ đến Tăng Bảo, đó là chư Thánh Tăng phước điền cao thượng của chúng sinh, không đâu sánh được. Bởi vì, chư Thánh Tăng là bậc cao thượng, có giới đức trong sạch thanh tịnh. Thật ra, chỉ có cá nhân Tỳ khuru phạm giới (*bhikkhu dussīla*) mà thôi.

Tiếp theo thời gian về sau nữa, chư Tỳ khuru ấy nghĩ rằng: “*Lợi ích gì mảnh y nhỏ quấn vào cổ, hoặc cột vào cổ tay này*”. Chư Tỳ khuru ấy cởi vạt bỏ mảnh y nhỏ kia, mặc bộ đồ màu trắng “*setavattha*□” của người tại gia.

Khi ấy, hình tướng của Tỳ khuru hoàn toàn bị suy đồi (*li□ga antanadhāna*).

Phật giáo cả nội dung lẫn hình thức hoàn toàn không còn trên cõi người này nữa, do không có Tỳ khưu Thanh Văn giữ gìn duy trì Phật giáo.

-ooOoo-

XÁ LỢI PHẬT NIẾT BÀN (DHĀTUPARINIBBĀNA)

Đức Phật *Gotama* có ba loại Niết Bàn:

Kilesaparinibbāna: Phiền não Niết Bàn.
Khandhaparinibbāna: Ngũ uẩn Niết Bàn.
Dhātuparinibbāna: Xá lợi Phật Niết Bàn.

Parinibbāna: Có nghĩa là “**tịch diệt**” khi tịch diệt rồi không còn duyên (*paccaya*) phát sinh gọi là *parinibbāna*, cũng gọi là ***Nibbāna***.

Theo thông thường pháp hữu vi này do 4 nhân duyên: nghiệp, tâm, thời tiết và vật thực cấu tạo, cho nên khi diệt rồi còn có duyên (*paccaya*) phát sinh pháp hữu vi khác liên tục không ngừng, từ đời này sang đời khác. Song Niết Bàn thuộc về pháp vô vi, không do bởi một nhân duyên nào cấu tạo, cho nên khi diệt rồi không còn duyên nào để phát sinh nữa.

Đức Bồ Tát *Siddhattha* đạt đến ***Phiền não Niết Bàn*** tại Đại cội Bồ đề trong khu rừng *Uruvela* (nay gọi là *Buddhagayā*) vào canh chót đêm rằm tháng tư (*âm lịch*) trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, lúc ấy Ngài tròn đúng 35 tuổi.

Trải qua 45 năm sau, khi Đức Phật tịch diệt ***Ngũ uẩn Niết Bàn*** tại khu rừng *Kusinārā* vào canh chót đêm rằm tháng tư (*âm lịch*), lúc ấy Ngài tròn đúng 80 tuổi.

Trong thời vị lai, khi Phật giáo bị mai một, bị suy đồi hoàn toàn trên cõi người này. Khi ấy, sẽ có ***Xá lợi Phật Niết Bàn***.

Xá lợi Phật Niết Bàn như thế nào?

Xá lợi Đức Phật Niết Bàn nghĩa là tất cả mọi xá lợi cỡ lớn - nhỏ của Đức Phật *Gotama* tịch diệt Niết Bàn, không còn dư sót lại trong toàn cõi thế giới chúng sinh.

Chư Phật Chánh Đẳng Giác mới có Xá lợi Phật Niết Bàn, còn chư Phật Độc Giác, chư Thánh Thanh Văn Giác có Phiền não Niết Bàn và Ngũ uẩn Niết Bàn, mà không có Xá lợi Phật Niết Bàn.

Do năng lực phát nguyện của Đức Phật *Gotama*, đến khi Phật giáo bị mai một, bị suy đồi, hoàn toàn biến mất trên cõi người này, loài người không còn biết lễ bái cúng dường Xá lợi của Đức Phật nữa. Lúc đó, tất cả Xá lợi của Đức Phật *Gotama* hiện có trên toàn cõi người, cõi Long vương, cõi trời dục giới, cõi trời sắc giới phạm thiên; Xá lợi của Đức Phật dù lớn, dù nhỏ như hạt cải cũng đều tụ hội lại một chỗ tại Đại cội Bồ đề xưa, nay gọi là *Buddhagayā*, tại nước Ấn Độ, nơi Ngài chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác. Tất cả Xá lợi Phật kết dính lại thành pho tượng kim thân Đức Phật, tư thế ngồi kiết già có đầy đủ 32 tướng tốt chính và 80 tướng tốt phụ ngồi ngự tại Đại cội Bồ đề, phát ra hào quang sáu màu, có phép thần thông, giống như hồi Đức Phật hóa phép thần thông *yamakapa* □ *ihāriya*. Thời kỳ ấy, loài người không có đến chiêm bái cúng dường, bởi vì loài người không còn ai hiểu biết đến Đức Phật, mà chỉ có chư thiên, chư phạm thiên trong mười ngàn thế giới tụ hội chiêm bái cúng dường, than vãn rằng:

“Ajja satthā parinibbāti, ajja sāsana □ *osakkati, pacchimadassana* □ *dāni ida* □ *amhāka* □ ” [10].

“Hôm nay Đức Thế Tôn tịch diệt Niết Bàn, hôm nay Phật giáo bị tiêu hủy hoàn toàn. Bây giờ, đây là sự chiêm bái cúng dường Xá lợi Đức Phật lần cuối cùng của chúng ta”.

Sau đó, hỏa đại (chất lửa) phát xuất từ pho tượng kim thân Đức Phật, thật phi thường chưa từng có, ngọn lửa phát ra từ pho tượng kim thân Đức Phật phóng lên tận cõi trời phạm thiên. Khi viên Xá lợi nhỏ bằng hạt cải

còn, thì ngọn lửa vẫn còn. Cho đến khi tất cả mọi Xá lợi của Đức Phật đều bị thiêu hủy, biến mất không còn dư sót lại nữa, thì ngọn lửa mới tắt hẳn.

Đó gọi là **Xá lợi của Đức Phật *Gotama* tịch diệt Niết Bàn** cuối cùng trên thế gian này, đồng thời Phật giáo của Đức Phật *Gotama* cũng bị tiêu hủy hoàn toàn biến mất ở cõi người; bởi vì, các hàng Thanh Văn không còn trong cõi người này nữa. Song các hàng Thanh Văn là chư thiên, chư phạm

thiên gồm cả bậc Thánh lẫn hạng phàm vẫn còn trong các cõi trời dục giới, cõi trời sắc giới, cõi trời vô sắc giới cho đến mãn kiếp của họ.

Chư thiên, phạm thiên vô cùng *động tâm* (*sañvega*), thành kính cúng dường những đóa hoa trời, vật thơm trời, cúng dường Xá lợi của Đức Phật. Còn chư thiên, phạm thiên còn phàm (*chura phāi Thánh*) phát nguyện rằng:

“*Anāgate uppajjanakañ Buddhañ passituñ labhissāma Bhagavā*” [11].

“*Kính bạch Đức Thế Tôn, do phước thiện lễ bái cúng dường Xá lợi Phật này, cầu mong tất cả chúng con sẽ được đến hầu Đức Phật xuất hiện trong thời vị lai*”.

Phát nguyện xong chư thiên, phạm thiên trở về cõi trời của mình.

Từ đó, cõi người mất hẳn ánh sáng của chánh pháp, ác pháp càng ngày càng tăng trưởng, ngược lại thiện pháp càng ngày càng suy thoái, nỗi khổ thân, khổ tâm càng ngày càng tăng; tuổi thọ con người càng ngày càng giảm. Khi mọi ác pháp càng tăng trưởng, thì tuổi thọ con người lại càng giảm dần, giảm dần cho đến khi tuổi thọ con người còn khoảng 10 năm.

Vào thời kỳ ấy, nạn chém giết lẫn nhau sẽ xảy ra vô cùng tàn khốc, khủng khiếp, không còn biết phân biệt bà con thân bằng quyến thuộc, bạn bè, anh em, thậm chí không còn biết đến cha mẹ con cái nữa. Có một số người hoảng sợ sẽ chạy vào rừng trốn thoát thân. Khi biết nạn chém giết không còn nữa, số người ấy gặp lại sẽ cam kết với nhau sẽ không giết hại lẫn nhau nữa. Con người bắt đầu biết giữ giới, thiện pháp bắt đầu tăng trưởng, còn ác pháp bắt đầu suy thoái. Nhờ vậy, tuổi thọ con người càng ngày càng tăng. Khi mọi thiện pháp càng tăng trưởng, thì tuổi thọ con người lại tăng dần, tăng dần cho đến tột đỉnh a-tăng-kỳ năm [12]. Thời kỳ đó, con người sẽ có tuổi thọ sống lâu, nên sinh tâm dễ dãi, ác pháp lại bắt đầu phát sinh... Do nguyên nhân ấy làm cho tuổi thọ con người giảm dần, giảm dần cho đến thời kỳ con người có tuổi thọ khoảng 80.000 năm. Trong thời kỳ ấy, **Đức Phật Metteyya** sẽ xuất hiện trên thế gian, cùng trong kiếp trái đất mà chúng ta đang sống. Bởi vì, kiếp trái đất *Bhaddakappa* có nhiều diễm phúc hơn các kiếp trái đất khác, vì có được 5 Đức Phật Chánh Đẳng Giác xuất hiện cùng trên trái đất này tuần tự như sau:

Trong thời quá khứ đã có 3 Đức Phật là: *Đức Phật Kakusandha*, *Đức Phật Konāgamana* và *Đức Phật Kassapa*.

Trong thời hiện tại có Đức Phật Gotama của chúng ta.

Trong thời vị lai, còn có Đức Phật Metteyya sẽ xuất hiện trên thế gian cùng trong kiếp trái đất này.

*** (Chương I - Ba Ngôi Cao Cả đã trình bày xong) ***

-ooOoo-

[1] 5 pháp chủ: Tín pháp chủ, tấn pháp chủ, niệm pháp chủ, định pháp chủ, tuệ pháp chủ.

[2] Bộ Chú giải *Samyuttanikāya*, *Mahāvagga*, kinh *Ekābhīṅṅasutta*.

[3] 2 phận sự (*dhura*): 1- *Saddhadhura*: phận sự của đức tin; 2- *Paññādhura*: phận sự của trí tuệ.

[4] 4 pháp hành: 1- Hành dễ, chứng đắc mau. 2- Hành dễ, chứng đắc chậm. 3- Hành khó, chứng đắc mau. 4- Hành khó, chứng đắc chậm.

[5] 10 pháp hạnh ba-la-mật: *Bố thí, giữ giới, xuất gia, trí tuệ, tinh tấn, nhẫn nại, chân thật, chí nguyện, tâm từ, tâm xả*.

[6] *Vinayapiṅka*, Bộ *Mahāvagga*, phần *Pabbajjūpasampadākathā*.

[7] *Vinayapiṅka*, Bộ *Mahāvagga*, phần *Paṅāmitakathā*.

[8] *Sikkhāmānā* thực tập 6 giới: ngũ giới + giới không ăn phi thời (quá giờ Ngọ: 12 giờ) trong sạch suốt 2 năm. Trong thời gian thực tập, nếu phạm một giới nào vị *Sikkhāmānā* phải bắt đầu lại từ đầu.

[9] *M. Uparipaṅka* kinh *Dakkhiṅāvibhaṅgasutta*.

[10] Chú giải *Aṅguttaranikāya*, phần *Ekakanipāta*...

[11] Chú giải *Aṅguttaranikāya*, phần *Ekakanipāta*...

[12] A-tăng-kỳ năm tính theo số lượng, số 1 đứng đầu theo sau 140 số không (0); viết tắt là 10^{140} .

-ooOoo-

CHƯƠNG II

TAM BẢO (RATANATTAYA)

Chương I Ba Ngôi Cao Cả đã trình bày xong, tiếp theo chương II *Tam Bảo* như sau:

RATANA: BẢO LÀ GÌ?

Bảo hay *báu* (*ratana*) nghĩa là những gì quý báu đáng hài lòng, đáng hoan hỷ nhất.

Chú giải bài kinh *Dhātuviḥa* [\[1\]](#) *gasutta* trình bày những *châu báu* (*ratana*) được tóm lược như sau:

Chọn món quà vô giá

Đức vua *Bimbisāra* ngự tại kinh thành *Rājagaha* trị vì quốc độ *Magadha* (*Trung xứ*), Đức vua muốn chọn một món quà quý báu nhất, để gởi biếu Đức vua *Pukkusāti*, người bạn thân thiết ngự tại kinh thành *Takkasila* ở xứ biên địa. Đức vua *Bimbisāra* suy xét rằng:

Trong đời này châu báu có hai loại:

- *Vật báu*: Vàng, bạc, ngọc ngà, kim cương,...
- *Sinh mạng báu*: Những chúng sinh cao quý...

Trong hai loại báu này, *sinh mạng báu* là cao quý hơn cả.

Sinh mạng báu có hai loại:

- *Gia súc báu*: Ngựa báu, voi báu...
- *Nhân loại báu*: Bậc thiện trí có tài, có đức...

Trong hai loại báu này, *nhân loại báu* là cao quý hơn cả.

Nhân loại báu có hai hạng:

- *Nữ báu*: Chánh cung Hoàng hậu của Đức Chuyển Luân Thánh Vương.

- *Nam báu*: Đức Chuyển Luân Thánh Vương.

Trong hai loại báu này, nam báu quý hơn nữ báu, bởi vì người nữ quý trọng người nam.

Nam báu có hai hạng:

- *Người tại gia báu*: Đức vua, Đức Chuyển Luân Thánh Vương...

- *Bậc xuất gia báu*: Vị Sadi, vị Tỳ khưu...

Trong hai hạng người báu này, dù là Đức vua hay Đức Chuyển Luân Thánh Vương cũng cung kính đánh lễ vị Sadi, vị Tỳ khưu. Do đó, bậc xuất gia báu là cao quý hơn cả.

Bậc xuất gia báu có hai bậc:

- *Bậc hữu học báu*: Đó là hạng thiện trí phạm nhân và 3 bậc Thánh Nhân: “*bậc Thánh Nhập Lưu, bậc Thánh Nhất Lai, bậc Thánh Bất Lai*” còn phải học và hành giới-định-tuệ.

- *Bậc vô học báu*: Đó là bậc Thánh Arahán đã học và hành giới-định-tuệ đầy đủ xong rồi.

Ân đức của 100 ngàn vị Thánh hữu học cũng không bằng Ân đức của một vị Thánh vô học. Do đó trong hai bậc Thánh này, bậc Thánh vô học là cao quý hơn cả.

Bậc Thánh vô học báu có hai bậc:

- *Bậc Thánh Thanh Văn vô học báu*: Đó là bậc Thánh Arahán Thanh Văn đệ tử của Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

- *Đức Phật Bảo*: Đó là Bậc tự mình chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả trở thành Đức Phật cao thượng mà không có thầy chỉ giáo.

Ân đức của 100 ngàn vị Thánh Thanh Văn vô học báu, cũng không bằng Ân đức của một Đức Phật Bảo. Do đó, trong hai bậc này, Đức Phật Bảo là cao thượng hơn cả.

Đức Phật Bảo có hai bậc:

- *Đức Phật Độc Giác*: Là Bậc tự mình chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả trở thành Đức Phật Độc Giác. Đức Phật Độc Giác có nhiều vị, song quý Ngài không giáo huấn chúng sinh cũng chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn y theo Ngài được.

- *Đức Phật Chánh Đẳng Giác*: Là Bậc tự mình chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, độc nhất vô nhị. Đức Phật Chánh Đẳng Giác có khả năng thuyết pháp giáo huấn chúng sinh có duyên lành cũng chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn y theo Ngài.

Ân đức của 100 ngàn vị Đức Phật Độc Giác cũng không bằng Ân đức của Đức Phật Chánh Đẳng Giác. Do đó, trong hai Đức Phật Bảo này, Đức Phật Chánh Đẳng Giác cao thượng hơn cả.

Sau khi suy xét, Đức vua *Bimbisāra* truyền hỏi nhóm sứ giả của Đức vua *Pukkusāti* rằng:

- *Này các khanh, Đức vua Pukkusāti ngự tại kinh thành Takkasila có biết Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng đã xuất hiện trên thế gian này hay không?*

Đoàn sứ giả tâu với Đức vua *Bimbisāra* rằng:

- *Muôn tâu Đại vương, trong kinh thành Takkasila chưa từng nghe đến danh hiệu của Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, thì Đức vua của hạ thần làm sao biết được Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng đã xuất hiện trên thế gian.*

Đức vua *Bimbisāra* suy xét rằng:

“*Đức vua Pukkusāti người bạn thân thiết chưa hề hay biết Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng đã xuất hiện trên thế gian. Vậy ta nên chọn: Ân đức Phật, Ân đức Pháp, Ân đức Tăng làm món quà pháp vô giá biểu Đức vua Pukkusāti*”.

Món quà Pháp Bảo

Đức vua *Bimbisāra* lấy một tấm vàng ròng không mỏng, không dày, chiều dài bốn hắc tay (*cūi*), chiều rộng một gang tay, nự lên tầng lầu cao nguyện thọ trì 8 giới (*uposathasīla*), để thân và khẩu được trong sạch.

Đầu tiên Đức vua khắc 9 Ân đức Phật.

***Buddhagu*□*a*: Ân đức Phật**

“Itipi so Bhagavā Araha□, Sammāsambuddho, Vijjācara□asampanno, Sugato, Lokavidū, Anuttaro Purisadammasārathi, Satthādevamanussāna□, Buddho, Bhagavā” [2]

Ý nghĩa 9 Ân đức Phật:

- 1) *Araha□*: Đức Arahán là Bậc cao thượng có thân khẩu ý hoàn toàn trong sạch và thanh tịnh, xứng đáng thọ nhận sự lễ bái cúng dường của chư thiên, phạm thiên và nhân loại.
- 2) *Sammāsambuddho*: Đức Chánh Đẳng Giác là Bậc tự mình chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt mọi phiền não, mọi tham ái, mọi ác pháp không còn dư sót, đầu tiên trong toàn cõi thế giới chúng sinh; đặc biệt diệt được mọi tiền khiên tật, trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, độc nhất vô nhị.
- 3) *Vijjācara□asampanno*: Đức Minh Hạnh Túc là Bậc có đầy đủ Tam Minh, Bát Minh và 15 Đức Hạnh cao thượng.
- 4) *Sugato*: Đức Thiện Ngôn là Bậc thuyết pháp chân lý đem lại lợi ích thật sự cho chúng sinh.
- 5) *Lokavidū*: Đức Thông Suốt Tam Giới là Bậc thấy rõ, biết rõ chúng sinh thế giới, cõi thế giới, pháp hành thế giới.
- 6) *Anuttaro purisadammasārathi*: Đức Vô Thượng giáo hóa chúng sinh là Bậc giáo huấn chúng sinh cải tà quy chánh, cải ác làm thiện, từ hạng phàm nhân lên bậc Thánh Nhân.
- 7) *Satthādevamanussānam*: Đức Thiên Nhân Sư là Bậc Thầy của chư thiên, chư phạm thiên, nhân loại...

8) *Buddho*: Đức Phật là Bậc tự mình chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn đầu tiên trong toàn cõi thế giới chúng sinh, trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác độc nhất vô nhị, rồi Ngài thuyết pháp giáo huấn chúng sinh có duyên lành cũng chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế y theo Ngài; cũng chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn tùy theo năng lực ba-la-mật và hạnh nguyện của mỗi chúng sinh.

9) *Bhagavā*: Đức Thế Tôn là Bậc có 6 Ân đức đặc biệt do đầy đủ trọn vẹn 30 pháp hạnh ba-la-mật của Ngài.

Đó là ý nghĩa tóm tắt 9 Ân đức Phật [3].

Đức vua khắc câu kệ tán dương Ân đức Phật.

Ya □ *kiñci vitta* □ *vā hura* □ *vā*
Saggesu vā ya □ *ratana* □ *pañīta* □
Na no sama □ *atthi Tathāgatena*
Idampi Buddhē ratana □ *pañīta* □
Etena saccena suvatthi hotu [4].

Tất cả mọi châu báu trong cõi người
Trong cõi Long vương, cùng các cõi trời,
Cũng không thể sánh bằng Đức Phật Bảo,
Đức Phật này là châu báu vô thượng.
Do năng lực của lời chân thật này
Mong hết thảy chúng sinh được an lành.

Tiếp theo Đức vua khắc 6 Ân đức Pháp:

***Dhammagu* □ *a*: Ân đức Pháp**

“Svākkhāto Bhagavatā Dhammo, Sandi □ □ *hiko, Akāliko, Ehipassiko*
Opaneyyiko, Paccatta □ *veditabbo viññūhi”*.

Ý nghĩa 6 Ân đức Pháp:

1- *Svākkhāto dhammo*: Pháp gồm có 10 chánh pháp mà Đức Phật đã thuyết giảng hoàn hảo phần đầu, phần giữa, phần cuối, có ý nghĩa đầy đủ, văn chương trong sáng, rõ ràng và thanh tịnh.

10 chánh pháp là:

- *Pháp học chánh pháp.*

- 9 pháp Siêu tam giới (4 Thánh Đạo + 4 Thánh Quả + 1 Niết Bàn).

2- *Sandi□□hiko dhammo*: Chánh pháp gồm 9 pháp Siêu tam giới mà chư Thánh Nhân đã chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn nào, rồi tự thấy, tự biết bằng trí tuệ của mình.

3- *Akālika dhammo*: Chánh pháp đó là 4 Thánh Đạo cho quả tương xứng 4 Thánh Quả không có thời gian ngăn cách, nghĩa là sau khi chứng đắc Thánh Đạo nào liền cho Thánh Quả ấy sau một sát-na tâm diệt rồi sinh.

4- *Ehipassiko dhammo*: Chánh pháp đó là 9 pháp Siêu tam giới thuộc Chân nghĩa pháp rất trong sạch và thanh tịnh, nên dám mời đến để chứng kiến, để thực chứng, thực đắc.

5- *Opaneyyiko dhammo*: Chánh pháp đó là 9 pháp Siêu tam giới là pháp nên hướng tâm chứng đắc trước tiên, để mong giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

6- *Paccatta□veditabbo viññūhi dhammo*: Chánh pháp đó là 9 pháp Siêu tam giới mà chư bậc thiện trí Thánh Nhân đã chứng đắc rồi, tự mình biết rõ, tự mình nhập Thánh Quả hưởng an lạc Niết Bàn tịch tịnh.

Đó là ý nghĩa tóm tắt 6 Ân đức Pháp [5].

Đức vua khắc câu kệ tán dương Ân đức Pháp:

“*Ya□Buddhase□□ho pariva□□ayī suci□
Samādhi mānantarikaññamāhu
Samādhinā tena samo na vijjati
Idampi Dhamme ratana□pa□īta□
Etena saccena suvatthi hotu* [6].

*Đức Phật cao thượng nhất thường tán dương
Chánh định thanh tịnh trong Thánh Đạo nào
Cho liền Thánh Quả ấy không ngăn cách
Mà các bậc thiện định trong tam giới
Không sánh bằng chánh định Siêu tam giới,*

*Đức Pháp này là châu báu vô thượng
Do năng lực của lời chân thật này,*

Mong hết thảy chúng sinh được an lành.

Tiếp theo Đức vua khắc 9 Ân đức Tăng:

Sa□ghagu□a: Ân đức Tăng

“Suppa□ipanno Bhagavato sāvakasa□gho, Ujuppa□ipanno Bhagavato sāvakasa□gho, Nāyappa□ipanno Bhagavato sāvakasa□gho, Sāmīcippa□ipanno Bhagavato sāvakasa□gho, Yadida□ cattāri purisayugāni a□□hapurisapuggalā, esa Bhagavato sāvakasa□gho, Āhuneyyo, Pāhuneyyo, Dakkhi□eyyo, Añjalikara□īyo, Anuttara□ puññakkhetta□ lokassa”.

Ý nghĩa 9 Ân đức Tăng:

1- Suppa□ipanno: Chư Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Thế Tôn là những bậc đã hành nghiêm chỉnh đúng theo lời giáo huấn của Đức Phật.

2- Ujuppa□ipanno: Chư Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Thế Tôn là những bậc đã hành trung thực đúng theo pháp hành Trung Đạo, không quanh co làm lạc.

3- Nāyappa□ipanno: Chư Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Thế Tôn là những bậc đã hành theo pháp hành Bát Chánh Đạo chứng ngộ Niết Bàn, giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

4- Sāmīcippa□ipanno: Chư Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Thế Tôn là những bậc đã hành giới-định-tuệ đúng đắn xứng đáng để chúng sinh tôn kính lễ bái cúng dường.

Cattāri purisayugāni atthapurisapuggalā: Chư Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Thế Tôn có 4 đôi thành 8 bậc Thánh (tính theo tâm Siêu tam giới).

Chư Thánh Thanh Văn có 4 đôi:

Nhập Lưu Thánh Đạo → Nhập Lưu Thánh Quả
Nhất Lai Thánh Đạo → Nhất Lai Thánh Quả
Bất Lai Thánh Đạo → Bất Lai Thánh Quả
Arahán Thánh Đạo → Arahán Thánh Quả

Chư Thánh Thanh Văn có 8 bậc Thánh:

4 Thánh Đạo + 4 Thánh Quả: Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhất Lai Thánh Đạo, Bất Lai Thánh Đạo, Arahán Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả, Nhất Lai Thánh Quả, Bất Lai Thánh Quả, Arahán Thánh Quả.

5- *Āhuneyyo*: Chư Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Thế Tôn là những bậc xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng mà thí chủ từ phương xa đem đến cúng dường quý Ngài, để mong được quả báu lớn.

6- *Pāhuneyyo*: Chư Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Thế Tôn là những bậc xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng mà thí chủ dành cho những vị khách quý như quý Ngài.

7- *Dakkhiṇeyyo*: Chư Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Thế Tôn là những bậc xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng mà thí chủ có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, đem dâng cúng đến quý Ngài, để mong được quả báu tốt lành cho mình và những người thân quyến.

8- *Añjalikaraṇīyo*: Chư Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Thế Tôn là những bậc xứng đáng cho chúng sinh chấp tay cung kính lễ bái cúng dường.

9- *Anuttaraṇ puññakkhettaṇ lokassa*: Chư Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Thế Tôn là phước điền cao thượng của chúng sinh không đâu sánh được.

Đó là ý nghĩa tóm tắt của 9 Ân đức Tăng [7].

Đức vua khắc câu kệ tán dương Ân đức Tăng.

“*Ye puggalā attha sataṇ pasatthā
Cattāri etāni yugāni honti
Te dakkhiṇeyyā Sugatassa sāvakā
Etesu dinnāni mahapphalāni
Idampi Saṇghe rataṇ paṇītaṇ
Etena saccena suvatthi hotu*” [8].

*Chư bậc Thánh thiện trí thường tán dương
Tám bậc Thánh là bốn đôi tương xứng
Chư Thánh Tăng ấy xứng đáng thọ nhận
Những phẩm vật cúng dường của thí chủ.
Quả báu lớn sẽ phát sinh đến họ,
Đức Tăng này là châu báu vô thượng
Do năng lực của lời chân thật này,
Mong hết thảy chúng sinh được an lành.*

Pháp hành thiền định

Sau khi khắc Ân đức Tam Bảo xong, Đức vua khắc pháp hành thiền định, **đề mục niệm hơi thở ra - hơi thở vô**. Giảng giải tỉ mỉ phương pháp bắt đầu tiên hành đề mục niệm hơi thở ra - hơi thở vô cho đến khi chứng đắc tuần tự 4 bậc thiền hữu sắc [\[9\]](#).

Đức vua nhân mạnh đặc biệt rằng: “*Giáo pháp của Đức Phật dẫn dắt chúng sinh giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài. Nếu bạn có thể xuất gia được, thì thật là một điều cao quý nhất*”.

Sau khi khắc xong món quà Pháp Bảo, Đức vua truyền lệnh đoàn sứ giả mang lá thư đến trình lên Đức vua *Pukkusāti*, yêu cầu Đức vua chuẩn bị làm lễ đón rước món quà Pháp Bảo cho thật long trọng. Trong thư Đức vua *Bimbisāra* ghi rõ rằng: “*Khi cung kính tiếp nhận món quà Pháp Bảo này xong, bạn cung thỉnh lên lâu đài, chỉ một mình bạn mở ra cung kính đọc mà thôi*”.

Đức vua *Pukkusāti* tiếp đoàn sứ giả, nhận được thư của Đức vua *Bimbisāra*. Đọc xong lá thư Đức vua liền truyền lệnh các quan trang hoàng cung điện thật long lẫy, sửa sang trang hoàng con đường từ kinh thành *Takkasila* đến biên giới, để làm lễ đón rước món quà Pháp Bảo của Đức vua *Bimbisāra*.

Tôn kính món quà Pháp Bảo

Với tâm tôn kính Pháp Bảo, Đức vua tự tay mình sắp đặt món quà Pháp Bảo từ đầu đến cuối. Trước tiên trải một tấm vải mịn dệt bằng lông thú trên tấm vàng ấy, rồi cuốn tròn lại đặt vào trong cái hộp nhỏ quý giá, tiếp theo đặt cái hộp nhỏ này vào trong cái hộp bằng vàng, đặt cái hộp bằng vàng này vào trong cái hộp bằng bạc, đặt cái hộp bằng bạc này vào trong cái hộp ngọc *mañī*, đặt cái hộp bằng ngọc *mañī* này vào trong cái hộp xích châu, đặt hộp xích châu này vào trong cái hộp hồng ngọc, đặt hộp hồng ngọc này vào

trong cái hộp bích ngọc, đặt hộp bích ngọc vào trong cái hộp thạch anh, đặt hộp thạch anh vào trong cái hộp ngà, đặt hộp ngà vào trong cái hộp đá quý, đặt hộp đá quý vào trong các cái tháp và đặt tuần tự từ tháp nhỏ đến tháp lớn; cho đến cái tháp chắc chắn và đẹp nhất, xung quanh cái tháp này được quấn vải rồi đóng dấu ấn của Đức vua.

Đức vua *Bimbisāra* truyền lệnh rằng:

Này các Khanh, các Khanh hãy truyền lệnh của Trẫm đến các quan, quân và thân dân thiên hạ sửa sang, trang hoàng con đường từ kinh thành đến biên giới, để làm lễ cung nghinh tiễn đưa món quà Pháp Bảo đến kinh thành Takkasila [10].

Lễ cung nghinh Pháp Bảo

Được biết Đức vua *Pukkusāti* đã chuẩn bị sẵn sàng làm lễ đón rước món quà Pháp Bảo. Đức vua *Bimbisāra* tổ chức cuộc đại lễ tiễn đưa rất trọng thể. Đức vua *Bimbisāra* mặc đại lễ phục, làm lễ cung thỉnh ngôi Tháp Bảo đặt lên cái ngai quý báu trên lưng con voi báu của triều đình, bên trên có chiếc lọng màu trắng, có cờ hiệu của Đức vua; làm lễ cúng dường Pháp Bảo xong, cung kính tiễn đưa món quà Pháp Bảo đến kinh thành *Takkasila*. Đức vua ngự theo sau con voi báu cho đến biên giới mới ngừng lại; một lần nữa, Đức vua lễ bái cúng dường Pháp Bảo xong, mới truyền lệnh tiếp tục lên đường cung nghinh Pháp Bảo sang biên giới xứ khác. Đức vua đứng nhìn theo và nghĩ rằng: “*Con đem hết lòng tôn kính Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo, nay con tiễn đưa Pháp Bảo đến kinh thành Takkasila, con thành kính như đang tiễn đưa Đức Phật*”. Đến khi đoàn tùy tùng cung nghinh Pháp Bảo đi xa dần, không còn nhìn thấy nữa, Đức vua mới chịu hồi cung.

Lễ đón rước món quà Pháp Bảo

Đức vua *Pukkusāti* tổ chức lễ đón rước món quà Pháp Bảo tại biên giới rất long trọng, rồi cung nghinh về đến kinh thành *Takkasila* nhằm vào ngày rằm (ngày giới). Đức vua làm lễ tiếp nhận tại cung điện xong, làm y theo lời dặn trong thư của Đức vua *Bimbisāra*; Đức vua cung thỉnh lên lầu đài, không cho phép một ai theo hầu. Đặt món quà Pháp Bảo trên bàn, Đức vua quỳ gối, cung kính mở lớp vải có dấu ấn của Đức vua *Bimbisāra*, tuần tự mở từ cái tháp lớn đến các tháp nhỏ, đến lượt mở các hộp ngọc cũng tuần tự từ ngoài vào trong. Cuối cùng nhìn thấy một cuộn tấm vàng ròng, Đức vua hai tay nâng lên, dỡ ra đặt trên bàn và từ từ mở cuộn tấm vàng ròng ấy. Thấy mặt

trên có lớp vải mịn quý giá, Đức vua nghĩ rằng: “*Chắc hẳn hôm nay ta được đọc điều ta chưa từng đọc, được biết điều ta chưa từng biết*”.

Hai tay cung kính đỡ lớp vải mịn, nhìn thấy các dòng chữ đều đặn, Đức vua phát sinh đức tin trong sạch, bắt đầu chăm chú đọc từng chữ, từng câu **9 Ân đức Phật**, liền phát sinh hỷ lạc chưa từng có bao giờ. Đức vua ngồi nhắm mắt hưởng sự an lạc một lát, rồi chăm chú đọc tiếp từng chữ, từng câu **6 Ân đức Pháp**. Cũng như lần trước, phát sinh hỷ lạc chưa từng có, Đức vua cũng ngồi nhắm mắt hưởng sự an lạc. Tiếp theo chăm chú đọc từng chữ từng câu **9 Ân đức Tăng**, cũng như hai lần trước phát sinh tâm hỷ lạc chưa từng có, rồi ngồi hưởng sự an lạc. Một lát sau, Đức vua đọc pháp hành thiên định, đề mục **niệm hơi thở ra - hơi thở vô**. Đức vua tiến hành thực hành niệm hơi thở ra - hơi thở vô theo sự hướng dẫn của Đức vua *Bimbisāra*, tuần tự chứng đắc từ đệ nhất thiền hữu sắc, đệ nhị thiền hữu sắc, đệ tam thiền hữu sắc cho đến đệ tứ thiền hữu sắc bậc thiền cao nhất của thiền sắc giới. Đức vua an hưởng sự an lạc thanh tịnh của thiền, kéo dài suốt nửa tháng, không quan tâm đến công việc triều chính. Thấy vậy, các quan trong triều, thần dân tụ hội thỉnh cầu Đức vua lâm triều trông coi triều đình, trị vì đất nước.

Nghe các quan yêu cầu như vậy, Đức vua suy xét: “*Ta nên tiếp tục làm vua trị vì đất nước này, hay ta nên xuất gia theo giáo pháp của Đức Phật*”. Quyết định xuất gia, nên Đức vua lấy thanh gươm cắt tóc, mở cánh cửa sổ ném tóc xuống và truyền bảo rằng: “*Các người hãy chọn người trị vì đất nước này*”.

Tiếp theo, Đức vua truyền gọi vị quan cận thân thân tín đi tìm y bát đất, rồi tự mình mặc y với tác ý thiện tâm xuất gia theo giáo pháp của Đức Phật.

Sau đó, Đức vua trong hình tướng là một bậc xuất gia mặc y mang bát bước xuống lầu đài, đi ra khỏi thành *Takkasila* hướng đến kinh thành *Rājagaha* khoảng cách 192 do tuần. Khi đến kinh thành *Rājagaha*, Đức vua *Pukkusāti* không ngự vào cung điện yết kiến Đức vua *Bimbisāra*, mà nghỉ nhờ đêm tại lò gốm. Trong đêm ấy, Đức Thế Tôn từ kinh thành *Sāvatthi* ngự đến lò gốm cũng xin nghỉ nhờ qua đêm, để có cơ hội thuyết pháp tế độ Đức vua *Pukkusāti*, nhưng Đức Thế Tôn dùng thần thông che dấu kim thân của Ngài; mọi người chỉ thấy Ngài như một vị Tỳ khưu bình thường mà thôi. Vì vậy, Đức vua *Pukkasāti* ở chung với Đức Phật từ đầu hôm, mà không nhận biết được Đức Phật.

Nhận thấy Đức vua *Pukkusāti* đang mệt mỏi, vì đi đường xa, nên Đức Phật đợi Đức vua *Pukkusāti* nghỉ ngơi cho lại sức. Khi ấy Đức Phật mới thuyết pháp tế độ Đức vua *Pukkusāti*. Khi nghe pháp xong, Đức vua *Pukkusāti* liền chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc từ Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả, Nhất Lai Thánh Đạo - Nhất Lai Thánh Quả cho đến Bất Lai Thánh Đạo - Bất Lai Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Bất Lai, đồng thời nhận biết được Đức Thế Tôn.

Đức vua *Pukkusāti* đành lễ Đức Thế Tôn, xin sám hối điều lỗi lầm của mình và kính xin Đức Thế Tôn cho phép xuất gia Sadi - Tỳ khuru nơi Đức Thế Tôn. Nhưng rất tiếc vì chưa đủ tam y, nên Đức Phật chưa cho phép xuất gia trở thành Sadi - Tỳ khuru. Trong khi Đức vua *Pukkusāti* đang tìm vải nơi đồng rác, để may y, một con bò chạy đến húc vào Đức vua làm cho Đức vua chết ngay tại nơi ấy. Đức vua vốn là bậc Thánh Bất Lai, nên sau khi chết, do đệ tứ thiên sắc giới thiện nghiệp cho quả tái sinh cõi trời sắc giới *Tịnh Cư Thiên (Suddhavāsa)* cõi thứ nhất gọi là *Vô Phiền Thiên (Avihā)* sẽ chứng đắc Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Arahán sẽ tịch diệt Niết Bàn tại cõi trời ấy, chấm dứt tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Quả báu của món quà Pháp Bảo

Đức vua *Pukkusāti* đã chứng đắc các bậc thiên hữu sắc, có quyết định quan trọng từ bỏ ngôi vua, xuất gia gặp được Đức Phật. Và sau khi nghe Đức Phật thuyết pháp, Đức vua đã chứng đắc thành bậc Thánh Bất Lai, bậc Thánh bậc thứ ba trong Phật giáo, được tái sinh lên cõi trời sắc giới Phạm thiên Tịnh Cư Thiên, chắc chắn trở thành bậc Arahán và nhập Niết Bàn tại cõi trời sắc giới ấy, chấm dứt tử sinh luân hồi trong tam giới.

Đức vua *Pukkusāti* có được những quả báu tốt lành ấy là nhờ ***món quà Pháp Bảo*** của Đức vua *Bimbisāra* đã gửi biếu. Cho nên ***món quà Pháp ấy thật là vô giá.***

Trong đời có những món quà quý giá đáng hài lòng; nếu món quà ấy là của một nhân vật quan trọng đáng tôn kính, thì nó trở thành một vật kỷ niệm, một của gia bảo trong gia đình. Như vậy, món quà ấy có giá trị về cả vật chất lẫn tinh thần, nhưng đem so sánh với ***món quà pháp*** mà người đã biết sử dụng để nâng đỡ cuộc đời của người ấy trở nên cao thượng, trở thành bậc thiện trí phạm nhân hoặc bậc Thánh Nhân, thì món quà pháp ấy thật là vô giá biết dường nào.

Cho nên, Đức Phật dạy:

“*Sabbadāna* □ *dhammadāna* □ *jināti...*”

Pháp thí thắng tất cả mọi sự thí...

Như vậy, biết sử dụng chánh pháp làm món quà biếu đến những người thân yêu của mình, không những gây được một thiện cảm khó quên, mà còn đem lại cho họ sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc lâu dài, trong kiếp hiện tại lẫn nhiều kiếp vị lai.

Tiền kiếp Đức vua *Pukkusāti*.

Trong tích Ngài Đại đức *Bāhiyadārucīriya* [11] có đoạn đề cập đến tiền kiếp của Đức vua *Pukkusāti*. Đức vua đã từng là một vị Tỳ khuru trong giáo pháp của Đức Phật *Kassapa* thời quá khứ. Vào thời ấy, giáo pháp của Đức Phật *Kassapa* sắp bị mai một. Một nhóm bảy vị Tỳ khuru phát sinh động tâm, đồng tâm nhất trí với nhau, quyết tâm cố gắng tiến hành thiền tuệ, trước khi Phật giáo chưa bị mai một. Bảy vị Tỳ khuru đánh lễ ngôi Tháp Bảo, dẫn nhau vào rừng làm một cái thang bắc lên núi. Bảy vị Đại đức leo lên núi xong, xô đẩy cái thang ngã xuống. Bảy vị Đại đức quyết tâm tiến hành thiền tuệ. Ngay đêm thứ nhất, một vị Đại đức chứng đắc thành bậc Thánh Arahán cùng với Lục thông. Ngài sử dụng thần thông bay đi khát thực đem về chia cho 6 vị Tỳ khuru còn lại. Nhưng 6 vị Tỳ khuru ấy không chịu nhận vật thực, chỉ có quyết tâm tiến hành thiền tuệ mà thôi. Đến ngày thứ hai một vị Đại đức chứng đắc thành bậc Thánh Bất Lai có thần thông. Ngài sử dụng thần thông bay đi khát thực đem về chia cho 5 vị Tỳ khuru còn lại, nhưng 5 vị Tỳ khuru ấy cũng không chịu nhận vật thực, chỉ có quyết tâm tiến hành thiền tuệ mà không chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả nào, vẫn còn là vị Tỳ khuru phàm nhân. Đến ngày thứ bảy, thì cả 5 vị Đại đức đều viên tịch, do nhờ nghiệp thiện cho quả tái sinh lên cõi trời dục giới, hưởng mọi sự an lạc trong cõi trời ấy.

Vào thời kỳ Đức Phật *Gotama* xuất hiện trên thế gian, 5 vị thiên nam chết từ cõi trời, do thiện nghiệp tái sinh làm người. Một vị là Đức vua *Pukkusāti*, các vị còn lại là *Kumārakassapa*, *Dārucīriya*, *Dabba Mallaputta* và *Satiya Paribbājaka*.

Do phước thiện ba-la-mật đã tích lũy từ nhiều kiếp trong quá khứ, cho nên khi Đức vua *Pukkusāti* tiếp nhận được món quà Pháp Bảo của Đức vua *Bimbisāra*, có được cơ hội tốt làm nhân duyên phát sinh mọi thiện pháp đến với Đức vua *Pukkusāti*. Còn các vị khác đều có duyên lành đến hầu Đức

Phật, được lắng nghe Đức Phật thuyết pháp tế độ, họ đều chứng đắc thành bậc Thánh Arahán.

-ooOoo-

TAM BẢO (RATANATTAYA)

Tam Bảo là ba ngôi báu:

- **Phật Bảo** (*Buddharatana*)
- **Pháp Bảo** (*Dhammaratana*)
- **Tăng Bảo** (*Saṅgharatana*)

Ý nghĩa Ratana: Bảo trong ba ngôi Tam Bảo có 5 đặc tính.

Cittikata: Làm cho phát sinh tâm tôn kính.

Mahaggha: Vô giá.

Atula: Không sánh được, vô thượng.

Dullabhadassana: Khó được nghe, được thấy.

Anomasattaparibhoga: Hạng chúng sinh cao quý có duyên lành được hưởng.

Đó là 5 đặc tính của Bảo trong ba ngôi Tam Bảo.

1- Buddha: Đức Phật Bảo.

Đức Phật Bảo có 5 đặc tính.

a) Đức Phật Bảo xứng đáng được tôn kính

Đức Phật có đầy đủ 32 tướng tốt chính của bậc Đại nhân và 80 tướng tốt phụ. Ngài đã diệt đoạn tuyệt mọi phiền não, tham ái, ác pháp cùng mọi tiền khiên tật. Vì vậy, tất cả chúng sinh như Đức vua, dân chúng, chư thiên, phạm thiên v.v.. khi đến hầu Đức Phật đều tỏ lòng tôn kính, đánh lễ xong ngồi một nơi hợp lẽ, chiêm ngưỡng Đức Phật, Ngài có đầy đủ 32 tướng tốt chính và 80 tướng tốt phụ, có hào quang tỏa ra sáng ngời, mát mẻ làm tâm họ vô cùng hoan hỷ. Khi nghe Đức Phật thuyết pháp, họ ngồi chấp hai tay lắng nghe, rồi phát sinh đức tin trong sạch nơi Ngài. Mỗi lần như vậy đều có

số chúng sinh chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu, có số chứng đắc thành bậc Thánh Nhất Lai, có số chứng đắc thành bậc Thánh Bất Lai, có số chứng đắc thành bậc Thánh Arahán; có số xin phép xuất gia trở thành Sadi, Tỳ khuru trong giáo pháp của Ngài; có số xin quy y Tam Bảo nương nhờ nơi Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo cho đến trọn đời... Và cứ mỗi lần được đến hầu Đức Phật, lại càng tăng thêm đức tin và lòng tôn kính Đức Phật.

Bởi vì Đức Phật là Phật Bảo xứng đáng được tôn kính.

b) Đức Phật Bảo là vô giá

Những châu báu trong đời dù quý giá đến mức nào cũng có thể định giá trị của bảo vật ấy được. Còn Đức Phật Bảo có 9 Ân đức Phật cao thượng nhất mà không thể định giá nào cho xứng đáng, nên Đức Phật Bảo là vô giá.

Thật vậy, khi Đức Phật còn tại thế, ông phú hộ *Jotika* có tòa lầu đài bằng các thứ ngọc quý, do chư thiên hóa ra; ông phú hộ *Jaññila* có hòn núi bằng vàng ròng... Những phú hộ ấy đến hầu Đức Phật, phát sinh đức tin trong sạch nơi Đức Phật, họ từ bỏ gia đình, lầu đài bằng ngọc quý, hòn núi vàng, xin Đức Phật cho phép xuất gia trở thành Tỳ khuru trong giáo pháp của Ngài.

Sau khi họ trở thành Tỳ khuru, tiến hành thiền tuệ dẫn đến chứng chứng đắc thành bậc Arahán cùng với Tứ Tuệ Phân Tích, Lục thông...

Bởi vì, Đức Phật là Phật Bảo vô giá trong toàn cõi chúng sinh.

c) Đức Phật là Phật Bảo Tối Thượng

Trong muôn ngàn cõi thế giới chúng sinh, chư thiên, phạm thiên, Samôn, Bàlamôn..., không một ai có *giới đức* hoàn toàn trong sạch như Đức Phật. Tương tự như vậy, không một ai có *định đức, tuệ đức, giải thoát đức, giải thoát tri kiến đức* hoàn toàn trong sạch đầy đủ như Đức Phật. Chỉ có Đức Phật mới có đủ 5 đức cao thượng hoàn toàn đầy đủ.

Bởi vì, Đức Phật là Phật Bảo Tối Thượng, không có một ai trong toàn cõi thế giới chúng sinh sánh được với Đức Phật.

Thật vậy, trong Chi Bộ Kinh, Đức Phật dạy:

“Này chư Tỳ khuru, một bậc độc nhất vô nhị đang xuất hiện trong thế gian (mười ngàn cõi thế giới chúng sinh), không có vị thứ hai như Ngài, không có

bậc đồng đẳng, không có người tương đồng, không có người sánh bằng, không có người cạnh tranh, bậc không giống như tất cả chúng sinh, mà giống như chư Phật trong quá khứ, là bậc Tối Thượng trong tất cả chúng sinh có hai chân (chư thiên, phạm thiên và nhân loại).

Bậc độc nhất vô nhị ấy là ai?

Bậc độc nhất vô nhị ấy là Như Lai, Đức Arahán, Đức Phật Chánh Đẳng Giác.

Này chư Tỳ khưu, bậc độc nhất vô nhị này đang xuất hiện trong thế gian, thì không có vị thứ hai như Ngài... Đức Phật là Bậc Tối Thượng trong tất cả chúng sinh.” [12]

d) Đức Phật Bảo khó được nghe, được chiêm ngưỡng

Trong đời, những thứ châu báu quý hiếm, thường khó được thấy, khó có được dễ dàng. Cũng vậy, chúng sinh trong vòng tử sinh luân hồi thật khó được nghe danh hiệu Đức Phật, được chiêm ngưỡng Đức Phật lại càng khó hơn nữa.

Thật vậy, không phải kiếp trái đất nào cũng có Đức Phật xuất hiện. Theo lịch sử của Đức Phật *Gotama*, từ Đức Phật *Dīpa-kara* đến Đức Phật *Ko-kāñña*, thời gian khoảng cách trải qua 1 a-tăng-kỳ kiếp trái đất thành-trụ-hoại-không vô số kể, mà không có một Đức Phật Chánh Đẳng Giác nào xuất hiện trên thế gian, gọi là *suññakappa*: *kiếp trái đất không có Đức Phật xuất hiện*. Tương tự như vậy, từ Đức Phật *Ko-kāñña* đến Đức Phật *Ma-gala*, từ Đức Phật *Sobhita* đến Đức Phật *Anomadassī*, và từ Đức Phật *Nārada* đến Đức Phật *Padumuttara*, thời gian khoảng cách trải qua một a-tăng-kỳ kiếp trái đất thành-trụ-hoại-không vô số kể, mà không có một Đức Phật Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian. Cho nên, mỗi khi Đức Phật xuất hiện trên thế gian này thật là một điều hy hữu, hiếm có vô cùng. Bởi vì, để trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, Đức Bồ Tát phải trải qua vô số kiếp trong khoảng thời gian lâu dài để tạo cho đầy đủ 30 pháp hạnh ba-la-mật.

Ví dụ: Đức Phật *Gotama* đã xuất hiện trong thời đại của chúng ta. Ngài thuộc hạng Đức Bồ Tát *có trí tuệ ưu việt (paññādhika)*, nghĩa là thời gian tạo 30 pháp hạnh ba-la-mật để cho đầy đủ trọn vẹn chỉ cần bằng nửa thời gian tạo 30 pháp hạnh ba-la-mật của Đức Bồ Tát *có đức tin ưu việt (saddhādhika)*, và chỉ bằng một phần tư thời gian tạo 30 pháp hạnh ba-la-

mật của Đức Bồ Tát *có tinh tấn ưu việt (vīriyādhika)*. Thế mà, tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* là Đức Bồ Tát đã từng tạo 30 pháp hạnh ba-la-mật trong thời kỳ phát nguyện ở trong tâm suốt 7 a-tăng-kỳ, trong thời kỳ phát nguyện bằng lời nói suốt 9 a-tăng-kỳ, và trong thời kỳ được Đức Phật *Dīpa-kara* thọ ký xác định thời gian còn 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất nữa mới trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác có danh hiệu Đức Phật *Gotama*.

Cho nên, Đức Phật Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian là một điều thật hy hữu, vô cùng hiếm có. Vì vậy hằng ngày, Đức Phật thường nhắc nhở khuyên dạy chư Tỳ khưu rằng:

“Các con cố gắng tinh tấn hoàn thành mọi phận sự Tứ Thánh Đế bằng pháp không để duôi, tiên hành Tứ Niệm Xứ...”. Bởi vì:

Buddhuppādo dullabho lokasmi...

Đức Phật xuất hiện trên thế gian này là một điều khó được...

Do đó, Đức Phật Bảo khó được nghe, khó được chiêm ngưỡng, khó được đến quy y nương nhờ.

e) Đức Phật Bảo là nơi nương nhờ của hạng chúng sinh cao quý

Trong đời, những thứ châu báu như kim cương, hột xoàn, ngọc *manī*... là những đồ trang sức của hạng người giàu sang phú quý. Còn những người nghèo khổ thiếu thốn, nhìn thấy được những thứ quý giá ấy, đã là một điều khó, huống gì được sử dụng chúng làm đồ trang sức cho mình.

Những thứ châu báu trong cõi người, cõi Long vương, cõi chư thiên, phạm thiên không thể nào sánh với Đức Phật Bảo.

Đức Phật Bảo là vô giá, là cao thượng, những người đến quy y nương nhờ nơi Đức Phật Bảo phải là những hạng người có phước duyên, đã từng tạo nhiều phước thiện ba-la-mật, và được tích lũy từ nhiều đời nhiều kiếp trong thời kỳ chư Phật quá khứ hoặc chư Thanh Văn đệ tử của Ngài. Cho nên, kiếp hiện tại này, những người ấy mới có phước duyên đến xin quy y nương nhờ nơi Đức Phật.

Do đó, Đức Phật Bảo là nơi nương nhờ của hạng chúng sinh cao quý.

Đó là 5 đặc tính của Đức Phật Bảo.

2- Dhamma: Pháp, đó là 10 chánh pháp: *1 pháp học* và *9 pháp Siêu tam giới* (4 Thánh Đạo + 4 Thánh Quả + Niết Bàn) là lời giáo huấn của Đức Phật.

Chánh pháp này gọi là Đức Pháp Bảo vì có 5 đặc tính:

a) Đức Pháp Bảo xứng đáng được tôn kính

Pháp Bảo có 3 phần chính:

Pháp học chánh pháp đó là Tam Tạng và Chú giải *Pāṭi*, lời giáo huấn của Đức Phật.

Pháp hành chánh pháp đó là hành giới, hành định, hành tuệ.

Pháp thành chánh pháp đó là 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn.

- **Pháp học chánh pháp** là nền tảng căn bản cho pháp hành chánh pháp. Cho nên, các hàng Thanh Văn có bốn phận học pháp học chánh pháp này cho hiểu rõ, để hành pháp hành chánh pháp cho đúng; để giữ gìn duy trì pháp học chánh pháp được trường tồn lâu dài trên thế gian. Pháp học chánh pháp này không chỉ đối với các hàng Thanh Văn phàm nhân và bậc Thánh hữu học, mà còn đối với các bậc Thánh vô học Arahán nữa. Bậc Thánh Arahán tuy không còn phải hành pháp hành chánh pháp để chứng đắc pháp thành chánh pháp, song quý Ngài còn có bốn phận học pháp học chánh pháp cốt để duy trì pháp học chánh pháp được trường tồn trên thế gian này.

Do đó, các hàng Thanh Văn, hết lòng tôn kính pháp học chánh pháp, bảo tồn pháp học chánh pháp.

- **Pháp hành chánh pháp** đó là pháp hành giới, pháp hành định, pháp hành tuệ.

Pháp hành giới đó là *tác ý thiện tâm* giữ gìn thân và khẩu tránh xa mọi ác nghiệp, giữ gìn giới cho được trong sạch và trọn vẹn. Các hàng Thanh Văn tôn trọng giới, tôn kính giới, dù phải hy sinh tính mạng, chứ không chịu phạm giới, dứt giới; nhờ giới làm nền tảng cho pháp hành thiên định, pháp hành thiên tuệ.

Pháp hành định đó là *pháp hành thiên định* dẫn đến chứng đắc các bậc thiên hữu sắc, các bậc thiên vô sắc, để làm nền tảng cho pháp hành thiên tuệ.

Pháp hành tuệ đó là *pháp hành thiền tuệ* dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn diệt đoạn tuyệt mọi phiền não, mọi tham ái, mọi ác pháp không còn dư sót.

- ***Pháp thành chánh pháp*** đó là 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, là kết quả của pháp hành chánh pháp. Nhờ pháp thành chánh pháp, hành giả mới trở thành bậc Thánh Nhập Lưu, bậc Thánh Nhất Lai, bậc Thánh Bất Lai, bậc Thánh Arahán sẽ tịch diệt Niết Bàn, giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Cho nên, Đức Pháp Bảo xứng đáng được tôn kính không những đối với các hàng Thanh Văn đệ tử của Đức Phật, mà còn đối với chư Phật trong quá khứ, Đức Phật hiện tại và chư Phật trong vị lai nữa, cũng đều tôn kính Đức Pháp Bảo.

b) Pháp Bảo là vô giá

Những thứ châu báu trong đời, dù quý giá đến mức nào cũng chỉ làm cho chủ nhân hoan hỷ, đem lại cho chủ nhân sự lợi ích trong kiếp hiện tại mà thôi, không đem lợi ích trong những kiếp vị lai.

Đức Pháp Bảo có 6 Ân đức Pháp đem lại cho các hàng Thanh Văn đệ tử sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc lâu dài cả trong kiếp hiện tại lẫn nhiều kiếp vị lai, và đặc biệt được giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Do đó, Đức Pháp Bảo thật là vô giá.

c) Pháp Bảo là cao thượng

Pháp học chánh pháp gồm những lời giáo huấn của Đức Phật, chỉ dẫn chúng sinh con đường giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong tam giới.

Vậy pháp học chánh pháp là cao thượng.

Pháp hành chánh pháp đó là pháp hành giới, pháp hành định, pháp hành tuệ là pháp hành chánh pháp cao thượng.

Pháp thành chánh pháp đó là kết quả của pháp hành chánh pháp:

Chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả trở thành bậc Thánh Nhập Lưu.

Chứng đắc Nhất Lai Thánh Đạo - Nhất Lai Thánh Quả trở thành bậc Thánh Nhất Lai.

Chứng đắc Bất Lai Thánh Đạo - Bất Lai Thánh Quả trở thành bậc Thánh Bất Lai.

Chứng đắc Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả trở thành bậc Thánh Arahán.

Đó là 4 bậc Thánh Nhân cao thượng.

Do đó, Đức Pháp Bảo là cao thượng.

d) Đức Pháp Bảo khó được nghe thấy

Đức Pháp xuất hiện trên thế gian, khi có Đức Phật xuất hiện trên thế gian, mà Đức Phật xuất hiện trên thế gian là một điều khó. Do đó, Đức Pháp Bảo cũng khó được nghe thấy.

Đức Phật *Gotama* đã xuất hiện trên thế gian, đồng thời Đức Pháp cũng xuất hiện trên thế gian. Tuy Đức Phật tịch diệt Niết Bàn cách đây 2.548 năm rồi, song Đức Pháp Bảo vẫn còn tồn tại trên thế gian cho đến 5.000 năm tuổi thọ Phật giáo. Sau 5.000 năm rồi, trong cõi người sẽ không còn nghe thấy Đức Pháp Bảo nữa.

Như vậy, Đức Pháp Bảo khó được nghe thấy.

e) Đức Pháp Bảo là nơi nương nhờ của hạng chúng sinh cao quý

Những chúng sinh có đầy đủ phước duyên đến xin quy y nương nhờ nơi Phật Bảo, thì những người ấy cũng được quy y nương nhờ nơi Pháp Bảo.

Quy y nương nhờ nơi Pháp Bảo có hai hạng người:

- Chư bậc Thánh Thanh Văn quy y nương nhờ nơi *pháp học, pháp hành (giới-định-tuệ)* và đặc biệt đã chứng đắc *pháp thành*, Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn.

- Hạng phàm nhân quy y nương nhờ nơi *pháp học* và *pháp hành* (giới-định-tuệ), nhưng chưa chứng đắc pháp thành Phật giáo.

Những hàng Thanh Văn là hạng phàm nhân hoặc bậc Thánh Nhân đều chắc chắn là những người đã trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ đã tạo nhiều phước thiện ba-la-mật, đã gieo duyên lành từ chư Phật trong quá khứ hoặc chư Thanh Văn đệ tử của Ngài, cho nên kiếp hiện tại này mới có được phước duyên đến quy y nương nhờ nơi Pháp Bảo như vậy.

Do đó, Đức Pháp Bảo là nơi nương nhờ của hạng chúng sinh cao quý .

Đó là 5 đặc tính của Đức Pháp Bảo.

3- Sa[□]gha: Đức Tăng, đó là *Ariyasa[□]gha* (chư Thánh Tăng), là bậc Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Phật Chánh Đẳng Giác có 4 đôi thành 8 bậc Thánh.

Bốn đôi Thánh Đạo → Thánh Quả tương xứng

- *Nhập Lưu Thánh Đạo* → *Nhập Lưu Thánh Quả*

- *Nhất Lai Thánh Đạo* → *Nhất Lai Thánh Quả*

- *Bất Lai Thánh Đạo* → *Bất Lai Thánh Quả*

- *Arahán Thánh Đạo* → *Arahán Thánh Quả*

Tám bậc Thánh: 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả

Bậc Nhập Lưu Thánh Đạo (Sotāpattimagga)

Bậc Nhất Lai Thánh Đạo (Sakadāgāṃimagga)

Bậc Bất Lai Thánh Đạo (Anāgāṃimagga)

Bậc Arahán Thánh Đạo (Arahattamagga)

Bậc Nhập Lưu Thánh Quả (Sotāpattiphala)

Bậc Nhất Lai Thánh Quả (Sakadāgāṃiphala)

Bậc Bất Lai Thánh Quả (Anāgāṃiphala)

Bậc Arahán Thánh Quả (Arahattaphala)

Đức Tăng gọi là Tăng Bảo vì có 5 đặc tính như sau:

a) Tăng Bảo xứng đáng được tôn kính

Đức Tăng Bảo là chư Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Phật, quý Ngài đã hành đúng theo chánh pháp, có giới đức trong sạch và thanh tịnh, có định

đức vững vàng, có tuệ đức diệt đoạn tuyệt phiền não, có giải thoát đức vắng lặng, có giải thoát tri kiến đức quán xét các pháp. Quý Ngài là chư Thánh Tăng đã thừa hưởng chánh pháp, và giữ gìn duy trì phát huy chánh pháp của Đức Phật từ thế hệ này sang thế hệ khác, giữ gìn duy trì chánh pháp được trường tồn cho đến ngày nay.

Do đó, Đức Tăng Bảo thật xứng đáng được tôn kính.

b) Đức Tăng Bảo là vô giá

Đức Tăng Bảo là chư Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Phật, có 9 Ân đức Tăng, quý Ngài là phước điền cao thượng của chúng sinh không có nơi nào sánh bằng. Những người có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, họ tôn kính, lễ bái, dâng lễ cúng dường đến chư Thánh Tăng, dù ít dù nhiều, chắc chắn có phước thiện vô lượng, và có quả của phước thiện vô cùng phong phú, vô lượng, ngay cả trong kiếp hiện tại, lẫn vô lượng kiếp vị lai. Họ được thành tựu quả báu trong cõi người, quả báu trong cõi trời và đặc biệt cuối cùng thành tựu Niết Bàn, chấm dứt khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Do đó, Đức Tăng Bảo là vô giá.

c) Đức Tăng Bảo là cao thượng

Đức Tăng Bảo là chư Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Phật, quý Ngài đã hành đúng theo chánh pháp, đã chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu, bậc Thánh Nhất Lai, bậc Thánh Bất Lai và bậc Thánh Arahán cao thượng nhất.

Do đó, Đức Tăng Bảo là cao thượng.

d) Tăng Bảo khó được nghe thấy

Đức Tăng Bảo xuất hiện trên thế gian, khi có Đức Phật Bảo và Đức Pháp Bảo xuất hiện trên thế gian, mà Đức Phật Bảo và Đức Pháp Bảo xuất hiện trên thế gian là một điều khó có được. Do đó, Đức Tăng Bảo cũng khó được nghe thấy.

Tuy Đức Phật *Gotama* đã tịch diệt Niết Bàn cách đây 2.548 năm rồi, nhưng Đức Pháp Bảo và Đức Tăng Bảo vẫn còn tồn tại trên thế gian cho đến 5.000 năm mãn tuổi thọ Phật giáo. Sau 5.000 năm rồi, trong cõi người không còn ai nghe thấy Đức Tăng Bảo gồm cả chư Thánh Tăng và chư phàm Tăng nữa

Như vậy, Tăng Bảo rất khó được nghe thấy.

e) Đức Tăng Bảo là nơi nương nhờ của hạng chúng sinh cao quý

Người nào có phước duyên đến quy y nương nhờ Phật Bảo, quy y nương nhờ Pháp Bảo, thì người ấy cũng quy y nương nhờ Tăng Bảo. Những người đến quy y nương nhờ Tăng Bảo chắc chắn phải là những người đã trải qua nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ, đã từng tạo phước hạnh ba-la-mật, có duyên lành nơi chư Phật trong thời quá khứ, hoặc chư Thanh Văn đệ tử của Ngài trong thời quá khứ. Do nhờ phước duyên đã tích lũy nhiều đời trong quá khứ, nên kiếp hiện tại này mới có được cơ hội có duyên lành đến quy y nương nhờ nơi Tăng Bảo.

Do đó, Đức Tăng Bảo là nơi nương nhờ của hạng chúng sinh cao thượng.

Đó là 5 đặc tính của Đức Tăng Bảo.

DUYÊN LÀNH NƠI TAM BẢO

Phàm mỗi chúng sinh trong vòng tử sinh luân hồi trong tam giới, từ vô thủy trải qua vô số - vô số kiếp không sao kể xiết. *Trong khoảng thời gian lâu dài ấy, đã có hàng triệu Đức Phật tuần tự xuất hiện trên thế gian, chẳng lẽ chúng sinh ấy không từng gieo duyên lành nơi Đức Phật nào hoặc chư Thánh Thanh Văn đệ tử của Ngài trong quá khứ ấy hay sao? Đó là điều khó biết được!*

Trong kiếp hiện tại, có một số người chưa đến với Tam Bảo được, vì do một hay nhiều nguyên nhân nào đó, không hẳn là không có duyên lành.

Ví dụ: Trong thời kỳ Đức Phật *Kassapa* xuất hiện trên thế gian, Đức Bồ Tát *Jotipāla* tiền kiếp của Đức Phật *Gotama*, sinh trưởng trong một gia đình quyền quý thuộc dòng dõi Balamôn, nên sinh tính ngã mạn, không chịu đến hầu Đức Phật *Kassapa*. Công tử *Jotipāla* có một người bạn tốt là *Ghaṅṅikāra* thuộc dòng dõi thấp hèn, cậu *Ghaṅṅikāra* là cận sự nam đã quy y nương nhờ nơi Tam Bảo, thường hay đến hầu Đức Phật *Kassapa*. Cậu đã nhiều lần động viên khuyến khích công tử *Jotipāla* cùng với mình đến hầu Đức Phật *Kassapa*; nhưng do tính ngã mạn về dòng dõi, nên lần nào công tử *Jotipāla* cũng khước từ. Không nản lòng, *Ghaṅṅikāra* quyết tâm cố thuyết phục cho bằng được. Một hôm cậu *Ghaṅṅikāra* mời công tử *Jotipāla* cùng đến tắm ở một bên sông gần nơi Đức Phật *Kassapa* đang ngự. Tắm xong, cậu *Ghaṅṅikāra* động viên công tử *Jotipāla* rằng:

- *Này bạn thân mến! Đức Phật Kassapa mà tôi tôn kính nhất hiện đang ngự gần đây, mời bạn cùng tôi đến hầu Đức Phật Kassapa.*”

Công tử *Jotipāla* khước từ lời mời của cậu *Ghaṭikāra* hai lần, đến lần thứ ba, không còn cách nào khác cậu *Ghaṭikāra* bèn nắm đầu tóc của công tử *Jotipāla* dẫn đi.

Công tử *Jotipāla* vô cùng ngạc nhiên, bảo rằng:

- *Này Ghaṭikāra, người thuộc dòng dõi thấp hèn hơn ta, tại sao lại dám nắm đầu tóc ta dẫn đi như vậy?*

Tuy vậy, không thể làm gì khác được, nên công tử *Jotipāla* đành phải theo cậu *Ghaṭikāra* đến hầu Đức Phật *Kassapa*.

Đức Bồ Tát *Jotipāla* ngồi lắng nghe Đức Phật *Kassapa* thuyết pháp, liền phát sinh đức tin trong sạch nơi Tam Bảo và kính xin Đức Phật cho phép xuất gia trở thành Tỳ khưu trong giáo pháp của Ngài.

Sau khi trở thành Tỳ khưu không lâu, Tỳ khưu *Jotipāla* đã thông thuộc Tam Tạng, chứng đắc các bậc thiên hữu sắc, thiên vô sắc, chứng đắc ngũ thông và đặc biệt được Đức Phật *Kassapa* thọ ký rằng:

“*Trong thời vị lai, cùng trong kiếp trái đất gọi là Bhaddakappa này, Tỳ khưu Jotipāla này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức Phật Gotama*”.

Qua tích chuyện Đức Bồ Tát *Jotipāla* tiền kiếp của của Đức Phật *Gotama*, khiến chúng ta nên suy nghĩ rằng:

Đức Bồ Tát *Jotipāla* tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* là quả của một quá trình diễn biến từ vô lượng-vô lượng kiếp trong quá khứ; từ thời kỳ phát nguyện trong tâm có ý nguyện muốn trở thành một Đức Phật Chánh Đẳng Giác, đã tạo những pháp hạnh ba-la-mật suốt 7 a-tăng-kỳ; tiếp đến thời kỳ phát nguyện bằng lời nói, để cho tất cả chúng sinh nghe, hiểu biết ý nguyện muốn trở thành một Đức Phật Chánh Đẳng Giác của mình, tiếp tục tạo ba-la-mật suốt 9 a-tăng-kỳ, cho đến kiếp đạo sĩ *Sumedha* tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* được Đức Phật *Dīpaṅkara* thọ ký rằng: “*Trong thời vị lai, còn 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất nữa, đạo sĩ Sumedha này sẽ trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, có danh hiệu là Đức Phật Gotama*”.

Đức Bồ Tát *Sumedha* tiếp tục tạo và bồi bổ cho đầy đủ 30 pháp hạnh ba-la-mật suốt 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất, đã được 23 Đức Phật tuần tự thọ ký, đến thời kỳ Đức Phật *Kassapa* xuất hiện trên thế gian lúc ấy, Đức Bồ Tát *Jotipāla* tiền kiếp của Đức Phật *Gotama* được sinh trưởng trong dòng dõi Bàlamôn. Do tính ngã mạn bởi dòng dõi, nên Đức Bồ Tát *Jotipāla* không chịu đến hầu Đức Phật *Kassapa*, đến nỗi người bạn *Ghaṅṅikāra* phải nắm lấy đầu tóc dẫn đi, mới đành chịu đến hầu Đức Phật *Kassapa*.

Bậc thiện trí có thiện tâm trong sáng, luôn luôn mong muốn sự lợi ích, sự tiến hóa trong mọi thiện pháp, sự an lạc lâu dài đến cho mọi người. Cho nên, đối với số người nào chưa có đức tin nơi Tam Bảo, bậc thiện trí ấy tìm cách giảng dạy giáo pháp của Đức Phật, để cho người ấy phát sinh đức tin nơi Tam Bảo, dẫn dắt số người ấy đến xin thọ phép quy y Tam Bảo, khuyến khích họ xuất gia trở thành Sadi - Tỳ khưu trong giáo pháp của Đức Phật.

Ví như một người có hạt giống tốt lành, khi chưa đủ nhân duyên, thì hạt giống ấy chưa có thể nảy mầm được. Nếu có người giúp đỡ, hỗ trợ nhân duyên, thì hạt giống tốt lành ấy có thể nảy mầm, sinh trưởng, phát triển thành cây, trở hoa, cho quả ngon lành.

Như tích Hoàng tử *Nanda* [13] xuất gia thọ Tỳ khưu được tóm lược như sau:

Hay tin Thái tử *Siddhattha* đã chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, Đức vua *Sudhodana* truyền lệnh cho các quan cận thần đi kính thỉnh Đức Phật ngự trở về kinh thành *Kapilavatthu* vào ngày 16 tháng 4, sau khi đã trở thành Đức Phật được 1 năm lẻ 1 ngày, gần 7 năm xa cách, kể từ khi xuất gia rời bỏ kinh thành *Kapilavatthu*.

Đức Thế Tôn cùng 20.000 chư Đại đức Tăng Arahán ngự trở về kinh thành *Kapilavatthu* ngày đầu tiên.

Ngày thứ hai, Đức Phật thuyết pháp tế độ Đức vua *Sudhodana*. Sau khi lắng nghe chánh pháp, Đức vua chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả trở thành bậc Thánh Nhập Lưu, và tiếp theo chứng đắc Nhất Lai Thánh Đạo - Nhất Lai Thánh Quả trở thành bậc Thánh Nhất Lai; và chánh cung Hoàng hậu *Mahāpajāpatigotamī* cũng chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả trở thành bậc Thánh Nhập Lưu.

Ngày thứ ba, Đức Phật cùng chư Thánh Arahán đến cung điện Đức vua *Suṅghodana*, hôm ấy, nhằm ngày cử hành lễ đăng quang lên ngôi báu và hôn

lễ của Hoàng tử *Nanda* cùng Công chúa *Janapadakalyāñī* [14]. Sau khi thọ thực xong, Đức Phật trao cái bát cho Hoàng tử *Nanda*, rồi Ngài ngự về ngôi chùa *Nigrodhā*. Hoàng tử *Nanda* ôm bát đi theo sau, nghe văng vẳng tiếng Công chúa *Janapadakalyāñī* căn dặn:

“*Hoàng huynh hãy mau trở về*”.

Khi đến ngôi chùa *Nigrodhā*, Đức Phật truyền dạy rằng:

- *Này Nanda, con muốn xuất gia thọ Tỳ khuru hay không?*

Hoàng tử *Nanda*, vì quá tôn kính Đức Phật, nên không dám từ chối, bèn bạch với Đức Phật rằng:

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, dạ vâng, con muốn xuất gia thọ Tỳ khuru. Bạch Ngài*

Đức Phật truyền dạy chư Tỳ khuru Tăng làm lễ thọ Tỳ khuru cho Hoàng tử *Nanda*. Sau khi trở thành Tỳ khuru, Tỳ khuru *Nanda* không muốn hành phạm hạnh cao thượng, mà muốn hoàn tục trở về cung; bởi vì, nhớ lời căn dặn của hoàng muội *Janapadakalyāñī* xinh đẹp tuyệt trần.

Đức Phật biết rõ tâm trạng chán nản hành phạm hạnh của Tỳ khuru *Nanda*, nên cho gọi đến và truyền dạy rằng:

- *Này Nanda, con chán nản hành phạm hạnh cao thượng, mà muốn hoàn tục trở về cung có phải hay không?*

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, dạ phải như vậy. Bạch Ngài.*

- *Này Nanda, do nguyên nhân nào mà con chán nản hành phạm hạnh cao thượng, muốn hoàn tục trở về cung?*

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, sở dĩ con chán nản hành phạm hạnh cao thượng, mà con muốn hoàn tục trở về cung, là vì con nhớ lời căn dặn của hoàng muội *Janapadakalyāñī* xinh đẹp tuyệt trần. Bạch Ngài.*

Khi ấy, Đức Thế Tôn nắm tay Tỳ khuru *Nanda*, bằng phép thần thông du hành bay lên cõi trời Tam Thập Tam Thiên, trên đường đi, Đức Phật chỉ cho Tỳ khuru *Nanda* thấy một con khỉ già ngồi ủ rũ trên cây khô, rồi tiếp tục ngự đến cung trời Tam Thập Tam Thiên. Tỳ khuru *Nanda* nhìn thấy 500 thiên nữ

xinh đẹp hầu hạ Đức vua trời *Sakka*, Đức Thế Tôn bèn hỏi Tỳ khuru *Nanda* rằng:

- *Này Nanda con nghĩ thế nào, 500 thiên nữ này so với Công chúa Janapadakalyāṅgī ai xinh đẹp hơn?*

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, Công chúa Janapadakalyāṅgī như con khi già ngồi ủ rũ trên cây khô, mà đã gặp trên đường đi, còn 500 thiên nữ này xinh đẹp tuyệt trần.*

- *Này Nanda, con có thích 500 thiên nữ này không?*

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, con thích 500 thiên nữ này lắm. Bạch Ngài.*

- *Này Nanda, nếu con thích 500 thiên nữ này, thì con phải hoan hỷ hành phạm hạnh cao thượng, rồi Như Lai sẽ bảo đảm cho.*

Nghe Đức Thế Tôn truyền dạy như vậy, Tỳ khuru *Nanda* vô cùng hoan hỷ hành phạm hạnh cao thượng.

Đức Thế Tôn cùng Tỳ khuru *Nanda* hiện xuống trở lại ngôi chùa *Jetavana*. Không còn nhớ tưởng đến Công chúa *Janapadakalyāṅgī* nữa, Tỳ khuru *Nanda* cố gắng tinh tấn không ngừng hành phạm hạnh cao thượng, tiến hành thiền tuệ dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt tất cả mọi phiền não, mọi tham ái, mọi ác pháp không còn dư sót, trở thành bậc Thánh Arahán cao thượng.

Sau khi chứng đắc thành bậc Thánh Arahán, Ngài Đại đức *Nanda* đến hầu đánh lễ Đức Thế Tôn, và xin từ bỏ ý muốn được 500 thiên nữ ở cõi trời.

Qua câu chuyện Ngài Đại đức *Nanda*, nếu không có Đức Phật tạo nhân duyên tế độ, thì Hoàng tử *Nanda* không có cơ hội xuất gia trở thành Tỳ khuru và cũng không chứng đắc thành bậc Thánh Arahán cao thượng.

Sở dĩ Hoàng tử *Nanda* trở thành Tỳ khuru và chứng đắc thành bậc Thánh Arahán cao thượng, là do nhờ Đức Phật có tâm đại bi tế độ Hoàng tử. Nhưng không phải bất cứ chúng sinh nào Đức Phật cũng có thể tế độ, để họ chứng đắc thành bậc Thánh Arahán cả thầy đâu?

Thật ra, Đức Phật thấy rõ biết rõ vốn tiền kiếp của Hoàng tử *Nanda* đã từng đến hầu Đức Phật *Padumuttara*, đã phát nguyện muốn trở thành bậc Arahán

có đức hạnh đặc biệt xuất sắc về thu thúc lục căn thanh tịnh; và cũng được Đức Phật *Padumuttara* thọ ký xác định rằng: *Trong thời vị lai, ý nguyện ấy sẽ được thành tựu trong giáo pháp của Đức Phật Gotama.*

Những tiền kiếp của Hoàng tử *Nanda* đã tạo 10 pháp hạnh ba-la-mật trải qua nhiều đời nhiều kiếp, từ thời kỳ Đức Phật *Padumuttara* cho đến thời kỳ Đức Phật *Gotama*, khoảng cách thời gian đúng 100 ngàn đại kiếp trải đất.

Kiếp hiện tại Hoàng tử *Nanda* đã có đầy đủ 10 pháp hạnh ba-la-mật, chắc chắn sẽ chứng đắc thành bậc Thánh Arahán, trở thành bậc Thánh Đại Thanh Văn đệ tử có đức hạnh đặc biệt xuất sắc về thu thúc lục căn thanh tịnh, trong giáo pháp của Đức Phật *Gotama*. Nhưng vì Hoàng tử bị vướng mắc vào sắc đẹp tuyệt trần của hoàng muội *Janapadakalyāṅkī*, nên không muốn xuất gia trở thành Tỳ khuru; vì lòng tôn kính Đức Phật, nên phải xuất gia. Sau khi trở thành Tỳ khuru rồi, Tỳ khuru *Nanda* chán nản hành phạm hạnh cao thượng, muốn hoàn tục trở về cung. Đức Thế Tôn là Đức Vô Thượng Giáo Hóa chúng sinh, Ngài đã khéo sử dụng đến kế sắc đẹp tuyệt vời của thiên nữ, để gỡ vướng mắc về sắc đẹp tầm thường của con người. Nhờ vậy, nên Tỳ khuru *Nanda* không còn màng đến sắc đẹp của hoàng muội *Janapadakalyāṅkī* nữa, mà cố gắng tinh tấn hành phạm hạnh cao thượng, tiến hành thiền tuệ dẫn đến chứng đắc thành bậc Thánh Arahán cao thượng.

Như vậy, Tỳ khuru *Nanda* đã có sẵn hạt giống lành, còn Đức Phật trợ duyên để cho hạt giống ấy được có cơ hội nảy mầm, tăng trưởng trở hoa cho quả.

Ngài Đại đức *Sāriputta* thuyết pháp tế độ thân mẫu

Ngài Đại đức *Sāriputta* đã xuất gia trở thành Tỳ khuru là bậc Thánh Arahán được 44 năm. Quán xét thấy rõ còn 7 ngày nữa sẽ tịch diệt Niết Bàn, Ngài đến hầu đánh lễ Đức Thế Tôn xin phép tịch diệt Niết Bàn.

Đức Thế Tôn truyền hỏi:

- *Này Sāriputta, con sẽ tịch diệt Niết Bàn tại nơi nào?*

Ngài Đại đức *Sāriputta* bạch rằng:

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, con sẽ tịch diệt Niết Bàn tại ngôi nhà nơi con sinh trưởng, làng Nālākāgāma xứ Magadha, đồng thời con sẽ tế độ thân mẫu của con. Tuy bà có 7 người con đã trở thành bậc Thánh Arahán, song bà vẫn chưa có đức tin nơi Tam Bảo.*

Ngài Đại đức *Sāriputta* cùng 500 vị đệ tử đành lễ xin phép từ già Đức Thế Tôn. Ngài trở về lại ngôi nhà xưa, trong căn phòng nơi Ngài đã sinh trưởng.

Trong đêm cuối cùng của Ngài Đại đức *Sāriputta* có các vị Vua trời từ cõi Tứ Đại Thiên Vương, cõi Tam Thập Tam Thiên, cõi Dạ Ma Thiên, cõi Đâu Suất Đà Thiên, cõi Hóa Lạc Thiên, cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên trong 6 cõi trời dục giới; tiếp đến chư Đại phạm thiên các cõi trời sắc giới đều tuần tự đến chiêm bái đánh lễ Ngài *Sāriputta* lần cuối cùng.

Bà thân mẫu của Ngài nhìn thấy chư thiên, Đại phạm thiên có hào quang sáng ngời, vị sau hơn vị trước, bà muốn biết những vị chư thiên, chư Đại phạm thiên ấy là vị nào mà có lòng tôn kính con của bà đến như thế, nên bà đến phòng của Ngài, hỏi Đại đức *Cunda* (người con trai của bà) rằng:

- *Này Cunda, các vị chư thiên nào mà có lòng tôn kính, đến chiêm bái đánh lễ sư huynh của con như vậy?*

Đại đức *Cunda* thưa rằng:

- *Thưa thân mẫu, bốn vị đầu tiên đó là Tứ Đại Thiên Vương.*

Bà nghĩ thầm: “*Tứ Đại Thiên Vương có lòng tôn kính chiêm bái, đánh lễ con ta; con ta cao thượng như vậy sao! Đức Phật là Bạc Thầy của con ta chắc chắn cao thượng hơn nhiều*”. Và bà hỏi tiếp:

- *Này Cunda, còn các vị chư thiên khác là vị nào vậy?*

Đại đức *Cunda* thưa tiếp:

- *Thưa thân mẫu, Đức vua trời Sakka từ cõi trời Tam Thập Tam Thiên, kể đến Đức vua trời Sujāma cõi trời Dạ Ma Thiên, Đức vua trời Santussita cõi trời Đâu Suất Đà Thiên, Đức vua trời Sunimmita cõi trời Hóa Lạc Thiên, Đức vua trời Paranimmita từ cõi trời Tha Hóa Tự Tại Thiên, và tiếp đến chư Đại phạm thiên từ các tầng trời sắc giới...*

Nghe vậy bà lại nghĩ rằng: “*Đại phạm thiên mà ta tôn kính, chư Đại phạm thiên ấy lại có lòng tôn kính, chiêm bái đánh lễ con của ta, con ta cao thượng đến như vậy sao! Đức Phật là Bạc Thầy của con ta, vậy Đức Phật còn cao thượng biết dường nào!*”

Nghĩ vậy, bà phát sinh tâm hỷ lạc chưa từng có, bà ân cần thăm hỏi bệnh tình của Ngài *Sāriputta* và bày tỏ ý nghĩ của mình. Ngài Đại đức *Sāriputta* biết đúng lúc hợp thời, nên Ngài thuyết giảng về **Ân đức Phật** để tế độ thân mẫu của Ngài. Sau khi lắng nghe pháp xong, bà liền chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Nhập Lưu có đức tin trong sạch vững chắc nơi Tam Bảo.

Ngài Đại đức *Sāriputta* suy tư rằng: “*Nay ta đã đền đáp công ơn sinh thành dưỡng dục của thân mẫu*”. Rạng đông đêm ấy, Ngài *Sāriputta* tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt cảnh khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Qua tích chuyện về thân mẫu của Ngài Đại đức *Sāriputta*, bà chưa có đức tin nơi Tam Bảo, vì bà tin nơi vị Đại phạm thiên là cao thượng; và bà cũng đã từng bực mình vì bảy đứa con của bà đều bỏ nhà xuất gia trở thành Tỳ khưu trong giáo pháp của Đức Phật *Gotama* v.v... đó là những nguyên nhân cản trở làm cho bà chưa có đức tin nơi Tam Bảo, chứ không phải bà không có duyên lành nơi Tam Bảo. Khi bà nhìn thấy vị Đại phạm thiên mà bà tôn kính, chư Đại phạm thiên ấy lại có lòng tôn kính, đến chiêm bái đánh lễ con của bà, thì con của bà còn cao thượng hơn chư Đại phạm thiên ấy. Bà suy nghĩ tiếp: *Đức Phật là Bậc Thầy của con bà, vậy Đức Phật chắc chắn còn cao thượng biết dường nào!*

Do đó, bà liền phát sinh đức tin nơi Tam Bảo, phát sinh tâm hoan hỷ với việc bảy người con bỏ nhà đi xuất gia trở thành Tỳ khưu là việc làm chính đáng và cao thượng.

Như vậy, nhờ Ngài Đại đức *Sāriputta*, Bậc đại trí tuệ thấy rõ biết rõ, hợp thời, đúng lúc, nên chuyển hóa thân mẫu của Ngài từ tà kiến sang chánh kiến, từ phàm nhân sang bậc Thánh Nhân, để đền đáp với công ơn sinh thành dưỡng dục của thân mẫu. Thật là một tấm gương sáng cho người đời nên noi theo.

Biết Đức Phật, kính Đức Phật

Trong thời Đức Phật còn tại thế, có số người chỉ nghe đến danh hiệu “*Buddho: Đức Phật*” liền phát sinh đức tin trong sạch nơi Đức Phật, như trường hợp của ông phú hộ *Anathapiṅḍika*, Đức vua *Mahākappinna* v.v...

Cũng có số người nghe đến Đức Phật không hài lòng, tìm đến gặp Đức Phật mắng nhiếc, chửi rủa, hăm dọa Đức Phật, như trường hợp ông **Bàlamôn Akkosaka** [15] được tóm lược như sau:

* Một thuở nọ, Đức Thế Tôn đang ngụ tại ngôi chùa *Veluvana* gần kinh thành *Rājagaha*. Khi hay tin người anh là *Bhāradvāja* đã xuất gia trở thành Tỳ khưu nơi Đức Thế Tôn, ông Bàlamôn *Akkosaka* nổi giận, tìm đến gặp Đức Phật chửi rủa, mắng nhiếc, hăm dọa Đức Phật. Đức Phật vẫn an nhiên tự tại, hoàn toàn không nhận lời mắng chửi của ông Bàlamôn *Akkosaka*.

Khi ấy Đức Phật truyền dạy rằng:

- *Này ông Bàlamôn, ông chửi rủa, mắng nhiếc, hăm dọa Như Lai, mà Như Lai không chửi rủa, mắng nhiếc, hăm dọa trả lại ông; ông giận Như Lai, mà Như Lai không hề giận trả lại ông; ông cố tâm chọc tức Như Lai, mà Như Lai không chọc tức trả lại ông. Như Lai hoàn toàn không nhận điều gì của ông cả.*

Này ông Bàlamôn, người nào chửi mắng trả lại người đã chửi mắng mình; người nào nổi giận trả lại người đã nổi giận mình; người nào cố tâm chọc tức trả lại người đã chọc tức mình,... Như Lai gọi người ấy là người cùng chung hưởng lẫn nhau. Còn Như Lai không cùng chung hưởng với ông, không cùng ăn thua với ông.

Này ông Bàlamôn, như vậy, những lời chửi mắng... chỉ thuộc về một mình ông mà thôi.

Đức Thế Tôn thuyết dạy bài kệ rằng:

Này ông Bàlamôn!

*Người nào diệt tâm sân, không còn nóng giận nữa,
Sống an nhiên tự tại, giải thoát khỏi khổ tâm,
Vì chứng ngộ chân lý, dập tắt mọi phiền não,
Tâm sân hận từ đâu, mà phát sinh lên được?
Người nào hay nổi giận, trả thù kẻ giận mình,
Người ấy thấp hèn hơn, kẻ giận mình gấp bội.
Người không giận trả đũa, với kẻ đã giận mình,
Gọi là người chiến thắng [16], mà người thường khó thắng.
Người nào biết ai giận, có chánh niệm giữ mình,
Dập tắt mọi phiền não, người ấy gọi là người,
Thực hành pháp nhân nại, giữ gìn sự lợi ích,
Cho mình và cho người, cả hai đều cùng lợi.
Người giữ gìn lợi ích, cả cho mình lẫn người.
Những người không trí tuệ, không biết rõ thiện pháp.*

Hiểu lầm người ấy rằng: “Một hạng người khờ dại”.

Khi Đức Thế Tôn thuyết dạy xong, thì ông Balamôn *Akkosaka* thành kính bạch rằng:

- *Kính bạch Đức Gotama, lời dạy của Ngài rõ ràng quá.
Kính bạch Đức Gotama, lời dạy của Ngài rõ ràng quá.*

Sau khi tán dương, ca tụng Đức Thế Tôn xong, ông Balamôn *Akkosaka* phát sinh đức tin trong sạch, rồi xin quy y nương nhờ nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, và kính xin Đức Thế Tôn cho phép ông được xuất gia thọ Sa di, thọ Tỳ khuru nơi Ngài.

Đức Thế Tôn cho phép Balamôn *Akkosaka* xuất gia trở thành Tỳ khuru, theo như ý nguyện. Sau khi trở thành Tỳ khuru không lâu, Tỳ khuru *Akkosaka* hoan hỷ sống một mình nơi thanh vắng, không dễ duôi, tiến hành thiền tuệ dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả, trở thành bậc Thánh Arahán cao thượng, trong giáo pháp của Đức Phật *Gotama*.

* Trường hợp *Añgulimāla*, là kẻ cướp sát nhân, nhìn thấy Đức Phật, *Añgulimāla* đã cầm gươm đuổi theo định giết Ngài. Đức Phật vừa đi, vừa thuyết pháp cải hóa y, *Añgulimāla* tỉnh ngộ và kính xin Đức Phật cho phép xuất gia trở thành Tỳ khuru trong giáo pháp của Ngài. Đức Phật cho phép *Añgulimāla* thọ Tỳ khuru. Về sau, không lâu Tỳ khuru *Añgulimāla* tiến hành thiền tuệ dẫn đến sự chứng đắc thành bậc Thánh Arahán.

* Trường hợp dạ xoa *Āvaka*, y dùng đủ các phép mầu nguy hiểm để xua đuổi Đức Phật ra khỏi lâu đài của y, nhưng không có khả năng thực hiện được. Cuối cùng, dạ xoa *Āvaka* đặt các câu hỏi để bắt bí Đức Phật, nếu Ngài không trả lời được, thì phải ra khỏi lâu đài. Đức Phật đã trả lời thông suốt, giúp cho dạ xoa *Āvaka* chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu v.v...

Đức Phật thấy rõ, biết rõ những chúng sinh đã từng gieo duyên lành nơi chư Phật trong quá khứ, đã từng tạo nhiều pháp hạnh ba-la-mật, có thể chứng đắc thành bậc Thánh Nhân. Trong kiếp hiện tại, nguyên nhân gây ra sự bức mình, oán ghét Đức Phật, thì chỉ là tạm bợ nhất thời; một khi người ấy đã tỉnh ngộ rồi, thì sẽ không còn một chướng ngại nào để người ấy có thể dễ dàng chứng đắc thành bậc Thánh Nhân.

Giúp cơ hội đến người khác

Đức vua *Asoka*, một Đấng Minh Quân, là một cận sự nam có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo và hết lòng hộ trì Phật giáo. Đức vua có ý định truyền ngôi báu lại cho Thái tử *Mahinda*. Nhưng sau khi suy xét giữa việc truyền ngôi báu và việc cho phép Thái tử xuất gia; Đức vua đã sáng suốt lựa chọn việc xuất gia trở thành Tỳ khuru, là việc cao thượng hơn nhiều. Nếu Thái tử *Mahinda* nghe theo lời vua cha chịu xuất gia trở thành Tỳ khuru, thì đương nhiên Đức vua sẽ trở thành người thân quyến kế thừa của Phật giáo (*Dāyado sāsana*).

Đức vua truyền dạy Hoàng tử *Mahinda* rằng:

- *Này Hoàng nhi yêu quý! Con có muốn xuất gia trở thành Tỳ khuru hay không?*

Hoàng tử *Mahinda* vốn là người có đầy đủ pháp hạnh ba-la-mật, kiếp này là kiếp chót; nên khi nghe Đức vua hỏi, như hạt giống tốt hội đủ duyên lành, liền tâm rằng:

- *Tâu Phụ hoàng, con muốn xuất gia trở thành Tỳ khuru. Kính xin Phụ hoàng cho phép con được xuất gia trở thành Tỳ khuru trong Phật giáo.*

Khi ấy, Công chúa *Saṅghamittā* cũng đang đứng gần ở đó, Đức vua liền quay sang và cũng truyền dạy Công chúa rằng:

- *Này Saṅghamittā, con yêu quý! Con có muốn xuất gia trở thành Tỳ khuru ni hay không?*

Cũng như Thái tử *Mahinda*, Công chúa *Saṅghamittā* là người đã từng tạo ba-la-mật nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ, kiếp này là kiếp chót của Công chúa; nên khi nghe Đức vua hỏi như vậy, Công chúa *Saṅghamittā* vô cùng hoan hỷ tâm rằng:

- *Tâu Phụ hoàng, con muốn xuất gia trở thành Tỳ khuru ni. Kính xin Phụ hoàng cho phép con được xuất gia trở thành Tỳ khuru ni trong Phật giáo.*

Thái tử *Mahinda* tròn 20 tuổi, chư Đại đức Tăng cho phép làm lễ thọ Tỳ khuru, Công chúa *Saṅghamittā* mới lên 18 tuổi nên xuất gia *Sikkhamānā*.

Một thời gian sau, Ngài Đại đức *Mahinda* đã chứng đắc thành bậc Thánh Arahán. Về sau, Ngài đã dẫn một phái đoàn chư Thánh Tăng sang đảo quốc *Sirilankā* truyền bá Phật giáo.

Tiếp theo, Tỳ khuru ni *Saṅghamittā* cũng chứng đắc thành bậc Thánh Arahán, về sau, cũng dẫn một phái đoàn Tỳ khuru ni sang đảo quốc *Sirilankā* để làm lễ xuất gia thọ Tỳ khuru ni cho các Công chúa, công nương và những người nữ khác trên đảo quốc *Sirilankā*.

Trong đời này, có những hạng người có khả năng tự giác, không cần đến sự động viên khuyến khích giúp đỡ của người khác, mà họ cũng có thể thành tựu được ý nguyện của mình.

Và cũng có những hạng người không thể tự giác, không thể tự mình hiểu biết, nên cần phải có sự động viên khuyến khích giúp đỡ của người khác, thậm chí còn phải được dẫn dắt dạy dỗ, thì họ mới có thể thành tựu. Đối với những hạng người này việc giúp đỡ tạo cho họ một cơ hội tốt, một trợ duyên tốt là điều kiện rất cần thiết, để những hạt giống tốt ấy có cơ hội nảy mầm và phát triển.

CÚNG DƯỜNG PHÁP BẢO

Trong thời Đức Phật còn tại thế, có một vị Bàlamôn đến hầu đánh lễ Đức Thế Tôn, bèn bạch rằng:

- Kính bạch đức Thế Tôn, cúng dường Phật Bảo, cúng dường Tăng Bảo thì có người thọ nhận rõ ràng; còn cúng dường đến Pháp Bảo, thì con phải cúng dường bằng cách nào?

Đức Phật truyền dạy rằng:

“Sacepi Brahmaṅga Dhammaratanaṅ pūjetukāmo ekaṅ bahussutaṅ pūjehi” [17].

- Nay Bàlamôn, nếu muốn cúng dường đến Pháp Bảo, thì con nên cúng dường đến vị đa văn túc trí (bahussuta).

Ông Bàlamôn đánh lễ Đức Phật xong, xin phép lui ra và đi hỏi chư Đại đức để biết vị nào là đa văn túc trí.

Chư Đại đức chỉ dẫn, giới thiệu Ngài Đại đức *Ānanda* là bậc Đa Văn Túc Trí, bậc giữ kho tàng *Pháp Bảo*. Ông Bàlamôn tìm đến đánh lễ Ngài Đại đức *Ānanda*, rồi kính dâng đến Ngài bộ tam y giá 1.000 đồng (*tiền Ấn Độ ngày xưa*).

Ngài Đại đức *Ānanda* thọ nhận, sau đó, Ngài kính dâng lại bộ tam y đó đến Ngài Đại đức *Sāriputta* là *bậc Thống Lĩnh Pháp (Dhammasenāpati)*.

Hiện nay, Phật giáo tại *Myanmar* còn có những bậc Đại Trưởng Lão thông thuộc Tam Tạng và Chú giải *Pāṭi*, nếu thí chủ có tác ý thiện tâm hướng tâm đến cúng dường Pháp Bảo, thì nên cúng dường đến những vị Đại Trưởng Lão ấy, hoặc thí chủ có tác ý thiện tâm hướng tâm đến cúng dường Pháp Bảo, thì kính dâng đến vị Pháp sư thuyết giảng chánh pháp, hay cúng dường bốn thứ vật dụng đến chư Đại đức giảng dạy chánh pháp, và đến chư Tỷ khuru hay Sadi ngày đêm đang học hành chánh pháp, đang giữ gìn duy trì chánh pháp v.v., cũng được gọi là cúng dường Pháp Bảo.

*** (Chương II Tam Bảo đã trình bày xong) ***

-ooOoo-

ĐOẠN KẾT

Trong kinh Tam Bảo (*Ratanasutta*), Đức Phật dạy câu kệ rằng:

“*Yaṃ kiñci vittaṃ idha vā huraṃ vā
Saggesu vā yaṃ ratanaṃ paṭītaṃ
Na no samaṃ atthi Tathāgatena
Idampi Buddhē ratamaṃ paṭītaṃ
Etena saccena suvatthi hotu*”.

*Châu báu vô giá nào trong cõi người,
Cõi Long vương, cõi dục giới, sắc giới
Tất cả mọi châu báu vô giá ấy,
Không thể sánh bằng Đức Phật cao thượng,
Phật Bảo này là châu báu vô thượng
Do năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong toàn chúng sinh được an lạc.*

Trong bài kinh *Pubbaṃhasutta*, có 3 câu kệ: Câu thứ nhất giống câu trên, còn câu nhì và câu ba là:

Câu thứ nhì:

*“Ya□ kiñci vitta□ idha vā hura□ vā
Saggesu vā ya□ ratana□ pa□īta□
Na no sama□ atthi Tathāgatena
Idampi Dhamme ratama□ pa□īta□
Etena saccena suvatthi hotu”.*

*Châu báu vô giá nào trong cõi người,
Cõi Long vương, cõi dục giới, sắc giới
Tất cả mọi châu báu vô giá ấy,
Không thể sánh bằng Đức Pháp cao thượng,
Pháp Bảo này là châu báu vô thượng
Do năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong toàn chúng sinh được an lạc.*

Câu thứ ba:

*“Ya□ kiñci vitta□ idha vā hura□ vā
Saggesu vā ya□ ratana□ pa□īta□
Na no sama□ atthi Tathāgatena
Idampi Sa□ghe ratama□ pa□īta□
Etena saccena suvatthi hotu”.*

*Châu báu vô giá nào trong cõi người,
Cõi Long vương, cõi dục giới, sắc giới
Tất cả mọi châu báu vô giá ấy,
Không thể sánh bằng Đức Tăng cao thượng,
Tăng Bảo này là châu báu vô thượng.
Do năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong toàn chúng sinh được an lạc.*

Trong ba câu kệ trên danh từ “*Tathāgatena*” ý nghĩa theo từng mỗi câu kệ.

Câu kệ thứ nhất: *Tathāgatena* có ý nghĩa là Đức Phật Bảo cao thượng hơn tất cả các loại châu báu vô giá trong cõi người, cõi Long vương, cõi trời dục giới và cõi trời sắc giới.

Câu kệ thứ nhì: *Tathāgatena* có ý nghĩa là Đức Pháp Bảo đó là pháp học và 9 pháp Siêu tam giới cao thượng hơn tất cả các loại châu báu vô giá trong cõi người, cõi Long vương, cõi trời dục giới và cõi trời sắc giới.

Câu kệ thứ ba: *Tathāgatena* có ý nghĩa là Đức Tăng Bảo đó là chư Thánh Tăng và phàm Tăng cao thượng hơn tất cả các loại châu báu vô giá trong cõi người, cõi Long vương, cõi trời dục giới và cõi trời sắc giới.

Như vậy, người nào có duyên lành, có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, có trí tuệ sáng suốt đến thọ phép quy y Tam Bảo, nương nhờ nơi Tam Bảo, thì người ấy sẽ trở thành người cận sự nam, hoặc cận sự nữ được gần gũi thân cận với Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, Tam Bảo cao thượng, được sự lợi ích cao thượng, sự tiến hóa trong mọi thiện pháp từ dục giới thiện pháp, sắc giới thiện pháp, vô sắc giới thiện pháp, cho đến Siêu tam giới thiện pháp cao thượng, sự an lạc cao thượng cả trong kiếp hiện tại lẫn vô lượng kiếp vị lai, cho đến kiếp cuối cùng chứng đắc 4 Thánh Đạo, thành tựu được phép quy y Tam Bảo theo pháp Siêu tam giới, diệt đoạn tuyệt mọi phiền não trầm luân, chứng đắc 4 Thánh Quả và Niết Bàn trở thành bậc Thánh Arahán cao thượng, hết tuổi thọ sẽ tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt mọi cảnh khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

-ooOoo-

Patthanā

*Iminā puññakammena
Sukhī bhavāma sabbadā
Cira□ ti□□hatu saddhammo
Loke sattā suma□galā
Vietnam ra□□hikā sabbe
Janā pappontu sāsane
Vu□□hi□ viru□hivepulla□
Patthayāmi nirantara□.*

*Do nhờ phước thiện thanh cao này
Cho chúng con thường được an lạc
Cầu mong chánh pháp được trường tồn
Tất cả chúng sinh được hạnh phúc.
Dân tộc Việt Nam được phát triển
Tiến hóa hưng thịnh trong Phật giáo,
Bản sư cầu nguyện với tâm thành
Ngày đêm, đêm ngày không ngừng nghỉ.*

*Cira□ ti□□hatu saddhammo lokasmi□
Cira□ ti□□hatu saddhammo VietNamra□□hasmi□.*

*Nguyện cầu chánh pháp được trường tồn trên thế gian,
Nguyện cầu chánh pháp được trường tồn trên Tổ quốc Việt nam thân yêu.*

Tỳ khuru Hộ Pháp
Mùa an cư nhập hạ PL: 2548/2004
Thiền viện Viên Không
Xã Tóc Tiên, Huyện Tân Thành
Bà Rịa-Vũng Tàu

-ooOoo-

-
- [1] *Majjhimanikāya, Uparipannāsa, Kinh Dhātuvibhaṅgasutta*
- [2] *Samyuttanikāya, kinh Dhajaggasutta.*
- [3] Xem ý nghĩa rộng trong phần Ân đức Phật Bảo - quyển II **Quy y Tam Bảo**.
- [4] *Khuddakānikāya, Suttanipāta, kinh Ratanasutta.*
- [5] Xem ý nghĩa rộng trong phần Ân đức Pháp Bảo- quyển II **Quy y Tam Bảo**.
- [6] *Khuddakanikāya, Suttanipāta, kinh Ratanasutta.*
- [7] Xem ý nghĩa rộng trong phần Ân đức Tăng Bảo- quyển II **Quy y Tam Bảo**.
- [8] *Khuddakanikāya, Suttanipāta, kinh Ratanasutta.*
- [9] Theo phương pháp 4 bậc thiền sắc giới đối với hành giả có trí tuệ sắc bén (không phải 5 bậc thiền hữu sắc).
- [10] Kinh thành *Rājagaha* đến kinh thành *Takkasila* khoảng cách 192 do tuần (mỗi do tuần khoảng 20 km).
- [11] *Bộ Dhammapadaṅṅhakathā, tích Bāhiyadārucīriyattheravatthu.*
- [12] *Aṅguttaranikāya, Ekakanipāta, Ekapuggalavagga*
- [13] Hoàng tử *Nanda* là Hoàng đệ cùng Phụ vương khác Mẫu hậu với Thái tử *Siddhattha* (Đức Phật). Trong bộ Chú giải Chi Bộ Kinh tích chuyện Ngài Đại đức *Nandatthera*.

[14] Công chúa *Janapadakalyāṅī* chính là Công chúa *Rūpanandā* hoàng muội của Hoàng tử *Nanda*

[15] *Samyuttanikāya, Sagāthavagga, kinh Akkosakasutta*

[16] Chiến thắng được phiền não của mình.

[17] Bộ chú giải *Pāthikavagga* □ □ *hakathā*, phần *Dhammaratanapūjā* (91)